

VĂN KIẾN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ
CHÍNH TRỊ BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG
SẢN VIỆT NAM, SỐ 25-QĐ/TW,
NGÀY 3 THÁNG 2 NĂM 1997.

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

PHẠM THẾ DUYỆT	Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
PHAN DIỄN	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN PHÚ TRỌNG	"
NGUYỄN HỮU THỌ	"
NGUYỄN DUY QUÝ	"
HÀ ĐĂNG	"
ĐẶNG XUÂN KỲ	"
LÊ HAI	"
NGÔ VĂN DỤ	"
LÊ QUANG THƯỜNG	"
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM	"
VŨ HỮU NGOẠN	"
NGUYỄN VĂN LANH	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

HÀ ĐĂNG	Trưởng ban
VŨ HỮU NGOẠN	Thường trực
NGÔ VĂN DỤ	Thành viên
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH NHU	"
NGUYỄN PHÚC KHÁNH	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 12

TRẦN VĂN HÙNG (Chủ biên)
NGUYỄN THẾ NHỊ
PHẠM VĂN KHÁNH
NGUYỄN THỊ KỲ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIẾN ĐẢNG

TOÀN TẬP

TẬP 12

1951

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2001

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 12

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 12 tập hợp những văn kiện phản ánh sự lãnh đạo của Đảng năm 1951.

Năm 1951, tình hình nước ta đã có những chuyển biến quan trọng trên các lĩnh vực quân sự, chính trị, ngoại giao,... Sau thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của chiến dịch Biên giới năm 1950, cục diện chiến tranh giữa ta và thực dân Pháp đã thay đổi có lợi cho ta. Từ đó, quân ta giành quyền chủ động, liên tiếp mở những chiến dịch tiến công thắng lợi trên khắp chiến trường Bắc Bộ (chiến dịch Trần Hưng Đạo, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung), buộc địch ngày càng lún sâu vào thế phòng ngự bị động. Căn cứ địa Việt Bắc được củng cố và mở rộng, nối liền với các chiến trường khác trong nước.

Sau 15 năm kể từ Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng (tháng 3-1935), một sự kiện đặc biệt quan trọng trong lịch sử Đảng ta là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng. Đại hội họp từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951 tại xã Vinh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, chiến khu Việt Bắc. Sau *Diễn văn khai mạc* của đồng chí Tôn Đức Thắng, *Báo cáo chính trị* của đồng chí Hồ Chí Minh và các báo cáo khác, Đại hội đã thảo luận và thông qua các quyết định quan trọng: Đảng ra công khai và lấy tên là Đảng lao động Việt Nam; định ra đường lối cách mạng Việt Nam; thông qua *Chính cương, Điều lệ Đảng, Tuyên ngôn* của Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, bầu đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng, đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

Sau Đại hội, Trung ương đã họp hai Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành, lần thứ nhất vào tháng 3-1951 và lần thứ hai vào tháng 9,10-1951, đề ra những nhiệm vụ cụ thể về quân sự, chính trị, kinh tế và công tác vùng sau lưng địch, nhằm đẩy mạnh công cuộc kháng chiến tới thắng lợi.

Phần văn kiện chính bao gồm toàn bộ văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, các văn kiện Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ nhất và lần thứ hai, các nghị quyết, chỉ thị, thông tri của Trung ương Đảng và *Lời kêu gọi* của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân kỷ niệm 5 năm ngày Toàn quốc kháng chiến. Phần *Phụ lục* gồm một số văn kiện của Xứ ủy Nam bộ, Trung ương Cục miền Nam, Liên khu ủy Việt Bắc, các Liên khu ủy III, IV và V; các bài phát biểu và điện mừng của các Đảng Cộng sản Trung Quốc, Xiêm gửi Đại hội II của Đảng ta.

Phần lớn văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng đã được công bố trong tập *Văn kiện Đảng (1945-1954)* do Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản năm 1980. Các văn kiện công bố lần này đều được đối chiếu, xác minh, tuy vậy vẫn khó tránh khỏi những thiếu sót. Mong bạn đọc góp ý kiến phê bình.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 5 năm 2001

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

THƯ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH GỬI ĐẠI HỘI TRÙ BỊ*

Thân ái gửi các đại biểu,

Tôi muốn đến cùng các đồng chí thảo luận những báo cáo sẽ trình trước Đại hội. Nhưng chưa đến được, tiếc quá. Sau đây là vài ý kiến riêng để giúp các đồng chí trong việc thảo luận:

Đã lâu lắm ta mới có một cuộc Đại hội, vì vậy chắc rằng ai có ý kiến gì, kinh nghiệm gì, vấn đề gì cũng muốn đưa ra giải quyết thấu suốt.

Nhưng hoàn cảnh kháng chiến (thời giờ, địa điểm, v.v.) không cho phép chúng ta làm như vậy. Trong lúc chúng ta ngồi thảo luận ở đây, thì các chiến sĩ đang xung phong giết giặc trước mặt trận, việc tiếp tế bổ sung, v.v. đang chờ chúng ta. Vì vậy Đại hội ta cũng phải quân sự hoá.

Ta nên nghiên cứu thật sâu, thảo luận thật kỹ những vấn đề chính thì các vấn đề phụ sẽ giải quyết dễ dàng.

- Không nên "tầm chương trích cú" như lối ông đồ nho. Nên tìm hiểu rõ nội dung, sự phát triển và sự quan hệ giữa vấn đề này với vấn đề khác.

- Nên đưa các vấn đề vào hiện tại và tương lai hơn quá khứ.

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

- Chỉ nên bàn kỹ, xét kỹ tư tưởng, chính sách, phương châm và tổ chức chính. Những điểm chính này đều ở trong báo cáo luận cương (của đồng chí Trường Chinh). Thảo luận kỹ báo cáo này thì các báo cáo kia đều hiểu rõ hết.

Đại hội ta là Đại hội kháng chiến. Nhiệm vụ chính của Đại hội ta là đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam. Vậy việc thảo luận cần đặt trọng tâm vào hai việc đó.

Chào thân ái và quyết thắng

Tháng 1-1951

HỒ CHÍ MINH

Hồ Chí Minh: *Toàn tập*,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội,
1995, t.6, tr.149-150.

DIỄN VĂN KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ II CỦA ĐẢNG*

*Thưa đồng chí đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc,
và đồng chí đại biểu Đảng Cộng sản Xiêm,*

Thưa Hồ Chủ tịch và các anh chị em đại biểu,

Đây là Đại hội lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Về dự Đại hội có đông đủ đại biểu của các Đảng bộ toàn Đảng; trong đó, có đủ các lớp đồng chí từ ngày Đảng mới thành lập đến nay: già có, trẻ có, trai có, gái có. Đây là sự phản ánh rõ rệt nhất của trang lịch sử vẻ vang và của tinh thần đoàn kết nhất trí của Đảng.

Đây là một điểm thắng lợi của Đảng và của nhân dân trong cuộc kháng chiến khó khăn, gian khổ này.

Đại hội lại được hân hạnh đón tiếp các đồng chí đại biểu của Đảng Cộng sản Trung Quốc, một đảng đàn anh đã giúp đỡ nhiều cho Đảng ta và hiện nay là trụ cột của cách mạng ở châu Á.

Và đồng chí đại biểu của Đảng Cộng sản Xiêm, một đảng anh em hiện đang chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc và bọn

* Do đồng chí Tôn Đức Thắng đọc, ngày 11-2-1951 (B.T).

tay sai của chúng, giành tự do độc lập cho nhân dân Xiêm và chống âm mưu của bọn đế quốc muốn biến nước Xiêm làm một căn cứ để tấn công Lào, Miên, Việt Nam và Trung Quốc của chúng.

Sự có mặt đại biểu của hai Đảng bạn làm cho Đại hội phần khởi thêm; và tỏ rõ chúng ta đã liên lạc chặt chẽ để phá tan mọi kế hoạch xâm lược của đế quốc ở Đông Nam Á.

Tôi đề nghị với Đại hội hoan hô đại biểu của hai Đảng bạn và gửi lời chào mừng các Đảng anh em.

Các đoàn đại biểu đảng bộ địa phương tiêu biểu cho cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân và của toàn Đảng. Nói chung, tất cả đều cố gắng và có thành tích.

Đoàn đại biểu Miên, Lào, đại diện cho hai Đảng bộ Miên, Lào đã có công trong việc xây dựng lực lượng vũ trang, phát triển các chiến khu và xây dựng nền tảng cho chính quyền độc lập của hai dân tộc Miên, Lào.

Đoàn đại biểu của Nam Bộ anh dũng, đã lãnh đạo nhân dân kháng chiến trước nhất, đã theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, đẩy mạnh cuộc kháng chiến tiến tới.

Đoàn đại biểu của các đảng bộ trong quân đội nhân dân đại diện những binh đoàn đã lập được những chiến công oanh liệt trong các chiến dịch. Một số trong những chiến sĩ thi đua cũng được mời đến dự hội nghị. Tôi đề nghị hoan hô các chiến sĩ ấy.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Đại hội lần thứ II này của Đảng, cách Đại hội lần thứ I họp ở Ma Cao, tháng 5-1935¹⁾ mười lăm năm tám tháng.

1) Đúng ra là tháng 3-1935 (B.T).

Trong hơn mười lăm năm ấy, tình hình thế giới và Đông-Dương có nhiều thay đổi căn bản:

Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai đã kết liễu với sự thất bại hoàn toàn của ba đế quốc Đức - Ý - Nhật, với sự thắng lợi của nhân dân và Hồng quân Liên Xô. Nó kết thúc với sự đổ vỡ quá nửa lâu đài của chủ nghĩa đế quốc, làm cho những phần còn lại của cái lâu đài ấy bị rung rinh đến tận nền móng. Trong ba đế quốc hiện còn lại, Pháp - Anh đã trở thành gần như chư hầu của Mỹ, Mỹ là kẻ gây chiến tranh, là tên trùm phản động thế giới.

Chủ nghĩa xã hội đã tỏ ra thắng hẳn chủ nghĩa đế quốc, về mọi mặt. Sau thắng lợi vĩ đại của nhân dân Liên Xô, hơn 10 nước dân chủ nhân dân xuất hiện. Phong trào đấu tranh của thợ thuyền và nhân dân các nước tư bản phát triển mạnh mẽ. Phong trào giải phóng ở thuộc địa và nửa thuộc địa lên cao: năm 1949, nước Cộng hòa nhân dân Trung Quốc ra đời, đã thay đổi hẳn tương quan lực lượng giữa phe dân chủ và phe đế quốc, lợi cho phe dân chủ. Cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân Việt Nam, Miên, Lào, những cuộc đấu tranh gay go quyết liệt của nhân dân các nước Đông Nam Á như Phi Luật Tân, Nam Dương, Mã Lai, Diến Điện¹⁾ và cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân Triều Tiên đều là những lát búa nặng, bổ vào nền tảng đế quốc.

Trong mười lăm năm ấy, lực lượng cộng sản thế giới đã mạnh lên gấp bao lần, đã được thử thách trong cuộc chiến tranh chống phát xít và đấu tranh giải phóng dân tộc. Các Đảng Cộng sản đã tỏ ra là người lãnh tụ chân chính của giai

1) Phi Luật Tân, Nam Dương, Mã Lai, Diến Điện: Philíppin, Indônêxia, Malaixia, Mianma (B.T).

cấp công nhân và nhân dân lao động, của các dân tộc. Phong trào công nhân, phong trào giải phóng dân tộc, hòa bình và dân chủ thế giới mật thiết hòa hợp với nhau, đồng thời phát triển mạnh mẽ, có tổ chức thống nhất, dưới sự lãnh đạo của các Đảng Cộng sản và Công nhân, có Đảng Bôn-sơ-vích Liên Xô và nhà lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới: đồng chí Xtalin.

Lực lượng hòa bình dân chủ thế giới ngày nay đã mạnh hơn hẳn lực lượng của bọn đế quốc gây chiến. Hệ thống xã hội chủ nghĩa lớn ra và vững thêm; hệ thống tư bản chủ nghĩa yếu xuống. Trước cơn tổng khủng hoảng cực kỳ trầm trọng, bọn đế quốc do bọn tài phiệt phát xít Mỹ cầm đầu, đang ra sức sửa soạn một cuộc chiến tranh thứ ba, mong thực hiện cái mộng làm bá chủ hoàn cầu. Chúng đang ráo riết tăng binh bị, chế bom nguyên tử, trực tiếp can thiệp vào nội tình nhiều nước, để biến các nước đó thành căn cứ quân sự và tiếp tục thực hiện những cuộc chiến tranh xâm lược, đàn áp phong trào hòa bình, dân chủ và phong trào giải phóng dân tộc, tăng cường những tổ chức gián điệp, khuyến khích và nâng đỡ các tổ chức phát xít, v.v.. Bọn đế quốc muốn thoát khỏi nạn khủng hoảng bằng chiến tranh như trước đây chúng đã làm.

Nhưng lịch sử đã chứng minh rằng: con đường ấy chính là con đường tự sát của chúng. Tuy nhiên, trước khi giã chết, chúng sẽ càng thâm độc, hung ác hơn, và sẽ không từ một thủ đoạn hung ác nào để tàn sát nhân loại. Chính vì thế, nhiệm vụ của các Đảng Cộng sản thế giới hiện nay là phải hết sức tỉnh táo đề phòng mọi mưu mô xâm lược của phe Mỹ.

Song, tương quan lực lượng giữa những kẻ muốn gây chiến và những người kiên quyết bảo vệ hòa bình, hiện nay,

không giống những năm 1913-1914, 1938-1939. Lực lượng hòa bình dân chủ thế giới không những cản được bàn tay dẫm máu của chúng, mà *nhất định sẽ san phẳng lâu đài của chủ nghĩa đế quốc*, nếu đại chiến thứ ba nổ ra.

Trên đây, là những biến chuyển lớn của tình hình thế giới sau mười lăm năm. Tình hình các dân tộc trên bán đảo Đông Dương cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp của tình hình đó.

Đại hội Ma Cao họp, trong khi ách thống trị của đế quốc Pháp, đang còn đè nặng trên vai nhân dân của ba dân tộc Việt - Miên - Lào; những tổ chức quần chúng cách mạng, là cơ sở của Đảng, còn yếu ớt. Đến nay, tình thế đã khác hẳn: nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám: đánh đổ phát xít Nhật, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhân dân Cao Miên, Ai Lao đã khởi nghĩa, lập chính quyền, tổ chức quân đội.

Nhưng, giặc Pháp tham tàn quay trở lại. Sáu năm nay, nhân dân Việt, Miên, Lào đã chung lưng đấu cật kháng chiến trường kỳ để tiêu diệt thực dân xâm lược Pháp, chống bọn can thiệp Mỹ, thực hiện độc lập, thống nhất, tự do, dân chủ, phú cường.

Cuộc kháng chiến của ba dân tộc đến nay đã tiến được những bước khá dài: địa vị của nước Việt Nam đã được nâng cao trên trường quốc tế: Liên Xô, Trung Hoa và các nước dân chủ nhân dân đã lập ngoại giao với Việt Nam. Phong trào giải phóng Miên, Lào cũng được chú ý. Mới đây, ta lại giành được những thắng lợi quân sự quan trọng làm một đà mới đẩy mạnh cuộc chuẩn bị chuyển sang tổng phản công.

Đông Dương hiện nay là tiền đồn của phe dân chủ, và cũng là một vị trí chiến lược quan trọng của đế quốc chủ nghĩa ở Đông Nam châu Á. Cho nên, đi đôi với cuộc chiến

tranh xâm lược Triều Tiên và chiếm cứ Đài Loan, Mỹ đã can thiệp mạnh hơn vào Đông Dương. Tình thế ấy, đã gây cho ta những khó khăn mới; và do đó, chúng ta phải nắm vững tư tưởng trường kỳ kháng chiến, kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn.

Tóm lại, mười lăm năm qua, đã mang lại cho giai cấp công nhân và nhân dân Việt, Miên, Lào: một nước Cộng hòa dân chủ Việt Nam, một nước Miên giải phóng với hai phần ba đất đai, một nước Lào với những chiến khu rộng rãi ở Thượng Lào, Trung Lào, Hạ Lào.

Nhân dân Việt Nam từ chỗ trong tay không có một khẩu súng, đã gây dựng được những đội du kích nhỏ, dần dần thành một quân đội nhân dân anh dũng gồm mấy chục vạn người và những đội quân địa phương, quân du kích mạnh mẽ khắp trong nước. Nhân dân Cao Miên, Ai Lao củng cố những lực lượng vũ trang khá mạnh.

Nhưng, một cửa quý nhất mà chúng ta nắm được là, đã xây dựng được một đảng tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, gần một triệu người đã được rèn luyện trong hơn hai mươi năm đấu tranh vô cùng gian khổ, người trước ngã, người sau lên, một người hy sinh, trăm ngàn người khác thay thế. Các đồng chí chúng ta, kể từ ngày thành lập và kể từ đồng chí Trần Phú trở đi, đã oanh liệt hy sinh hàng vạn, để xây dựng sự nghiệp cách mạng ngày nay. Thừa kế những gương hy sinh của các đồng chí tiên bối, trong sáu năm kháng chiến này, các đồng chí ta lại càng hy sinh oanh liệt bội phần, hy sinh trong lúc xung phong giết giặc, trong những công tác nguy hiểm, trong những vùng tạm bị chiếm đóng.

Để tưởng nhớ tới những đồng chí chúng ta đã vui vẻ nhận

lấy cái chết của mình để bảo vệ sống còn của dân tộc, của giai cấp và của Đảng Cộng sản Đông Dương, và đặc biệt để tưởng nhớ tới những đồng chí lãnh tụ thân yêu: Trần Phú, Ngô Gia Tự, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai, Phan Đăng Lưu, Hoàng Văn Thụ, và các đồng chí khác, tôi đề nghị Đại hội đứng dậy im lặng một phút.

Thư các đồng chí,

Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân dựng nên sự nghiệp lớn như tôi đã nói, và có những đồng chí hy sinh anh dũng cho Đảng và dân tộc như vậy, là nhờ ở một người lãnh tụ vĩ đại của Đảng, của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam: Hồ Chủ tịch, người cộng sản Đông Dương đầu tiên và là sáng lập viên của Đảng. Người đã đem thân thể và tài năng của mình hoàn toàn cống hiến cho Đảng và cho công cuộc giải phóng của giai cấp công nhân và dân tộc. Người đã cùng một số đồng chí khác thành lập và thống nhất Đảng, và chính Người đã đào tạo cho Đảng những cán bộ lãnh đạo, kể từ Trần Phú, Lê Hồng Phong trở đi; tất cả các lãnh tụ của Đảng đều trực tiếp hưởng thụ sự giáo dục của Người, rồi đem kết quả của sự giáo dục đó, truyền lại cho toàn thể đảng viên của Đảng. Đường lối chính trị, nền nếp làm việc và đạo đức cách mạng của Đảng ta hiện nay là đường lối, tác phong và đạo đức Hồ Chủ tịch; đường lối chính trị, tác phong và đạo đức cách mạng của Mác - Ăngghen - Lênin - Xtalin ở Việt Nam. Toàn Đảng hãy ra sức học tập đường lối chính trị, tác phong và đạo đức cách mạng của Hồ Chủ tịch; sự học tập ấy, là điều kiện tiên quyết làm cho Đảng mạnh và làm cho cách mạng đi mau đến thắng lợi hoàn toàn.

Mười lăm năm nay Đại hội mới họp được. Nhưng trong

khoảng thời gian đó, nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Hồ Chủ tịch, Đảng đã vượt qua những khó khăn, khúc khuỷu của phong trào cách mạng và đưa cách mạng tiến lên. Tuy nhiên, Đại hội lần thứ II chậm họp cũng là một thiệt thòi lớn cho Đảng và dân tộc.

Do sự cố gắng của toàn Đảng và của Trung ương, Đại hội lần thứ II của Đảng đã được triệu tập. Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở nước ngoài, số đại biểu chỉ có hơn 10 người, đại diện cho một số đảng bộ mới gây dựng lại được, sau một thời kỳ dài khủng bố, Đại hội lần thứ II này họp ở trung tâm khu tự do rộng lớn, với hơn 200 đại biểu, đại diện cho hơn 75 vạn đảng viên.

Cuộc Đại hội này có một ý nghĩa lịch sử trọng đại. Nó quyết định những công việc chính sau đây:

Xét tình hình thế giới và trong nước, định rõ chính cương, sách lược của Đảng trong cuộc cách mạng dân chủ nhân dân. Công việc này rất quan trọng. Chúng ta cần căn cứ vào tình hình cụ thể của Việt Nam, Miên, Lào đồng thời tham khảo những kinh nghiệm của các Đảng anh em, căn cứ vào những lời huấn thị của Mác - Ăngghen - Lênin - Xtalin - Mao Trạch Đông vạch ra một đường lối cụ thể cho cách mạng Việt Nam, Miên, Lào.

Tình hình cách mạng Đông Dương có những thay đổi căn bản, nhất là sau Cách mạng Tháng Tám, Việt Nam không còn là một thuộc địa của Pháp; Miên, Lào cũng đã có Chính phủ kháng chiến, có Mặt trận dân tộc, có khu căn cứ. Hoàn cảnh lại cho phép Đảng ra công khai, nên Đại hội cần bàn việc Đảng ra công khai và xây dựng một Đảng mới và mạnh, sửa đổi lại Điều lệ cho thích hợp.

Công việc cách mạng và công việc Đảng ngày càng nhiều, nhiệm vụ Đảng ngày càng nặng nề, nhiệm kỳ của Trung ương đã quá kéo dài, Trung ương đề nghị: Đại hội cử ra một Ban Chấp hành Trung ương với một số người đông hơn hiện nay, để sau khi Đại hội bế mạc, thay mặt Đại hội, chỉ đạo công việc của toàn Đảng.

Thưa các đồng chí,

Sau Đại hội Ma Cao, thế giới đã bước vào một thời đại mới, Đảng ta cũng bước vào một giai đoạn mới của lịch sử.

Cuộc kháng chiến trường kỳ còn gặp nhiều khó khăn, nhưng do đường lối, chủ trương sáng suốt của Đại hội, chúng ta sẽ giành được nhiều thắng lợi mới và mau chóng hoàn thành chuẩn bị tổng phản công.

Như Hồ Chủ tịch đã nói, trong bức thư gửi các đại biểu mới đây, chúng ta hãy tập trung nghị lực bàn những công việc giết giặc, giải phóng dân tộc. Chúng ta hãy bắt tay vào công việc với tinh thần phấn khởi cách mạng và thi đua ái quốc. Các đại biểu về họp tại đây nhận lấy trách nhiệm của mình trước toàn Đảng, làm cho Đại hội hoàn thành nhiệm vụ một cách vẻ vang.

Thay mặt Trung ương, tôi trình trọng tuyên bố Đại hội khai mạc và chúc Đại hội thành công.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ II CỦA ĐẢNG*

1. Tình hình thế giới trong 50 năm qua

Tháng đầu năm 1951 là lúc khoá sổ nửa trước và mở màn nửa sau của thế kỷ XX. Nó là lúc rất quan trọng trong lịch sử loài người.

Năm mươi năm vừa qua có những biến đổi mau chóng hơn và quan trọng hơn nhiều thế kỷ trước cộng lại.

Trong 50 năm đó, đã có những phát minh như chiếu bóng, vô tuyến điện, vô tuyến truyền hình (television) cho đến sức nguyên tử. Nghĩa là loài người đã tiến một bước dài trong việc điều khiển sức thiên nhiên. Cũng trong thời kỳ ấy, chủ nghĩa tư bản từ chỗ tự do cạnh tranh, đã đổi ra độc quyền lũng đoạn, đã tiến lên chủ nghĩa đế quốc.

Trong 50 năm đó, đã có hai cuộc *chiến tranh thế giới* khủng khiếp nhất trong lịch sử do bọn đế quốc gây ra. Đồng thời cũng do những chiến tranh đó mà bọn đế quốc Nga, Đức, Ý, Nhật bị tiêu diệt; đế quốc Anh, Pháp bị suy đồi; tư bản Mỹ thì nhảy lên làm trùm đế quốc, trùm phản động.

* Do đồng chí Hồ Chí Minh đọc (B.T).

Quan trọng nhất là *Cách mạng Tháng Mười Nga thành công*, Liên Xô, nước xã hội chủ nghĩa thành lập, rộng một phần sáu thế giới, và gần một nửa loài người đã tiến vào con đường *dân chủ mới*, những dân tộc bị áp bức lần lượt nổi dậy chống chủ nghĩa đế quốc, đòi độc lập, tự do. Cách mạng Trung Quốc đã thắng lợi. Phong trào công nhân ở các nước đế quốc ngày càng lên cao.

Riêng về nước Việt Nam ta, thì trong thời kỳ ấy, *Đảng* ta ra đời, đến nay nó đã 21 tuổi. Nước ta đã độc lập, đến nay là năm thứ 7. *Cuộc trường kỳ kháng chiến* của ta đã tiến mạnh, đến nay là năm thứ 5.

Nói tóm lại, nửa trước thế kỷ XX này có nhiều việc rất quan trọng, song chúng ta có thể đoán rằng: với sự cố gắng của những người cách mạng, thì nửa thế kỷ sau này sẽ có những biến đổi to lớn hơn, vẻ vang hơn nữa.

2. Đảng ta ra đời

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), để bù đắp lại những sự thua thiệt nặng nề của chúng, thực dân Pháp đưa thêm nhiều tư bản sang nước ta đặt kinh doanh thêm và vơ vét thêm tài sản nước ta, bóc lột thêm sức lao động của nhân dân ta. Đồng thời cách mạng Nga thành công, cách mạng Trung Quốc sôi nổi, đã có ảnh hưởng rất sâu rộng. Do đó mà *giai cấp công nhân Việt Nam* trưởng thành, đã bắt đầu giác ngộ, bắt đầu đấu tranh và cần có một đội tiên phong, một bộ tham mưu để lãnh đạo.

Ngày 6-1-1930¹⁾, *Đảng ta ra đời*.

Sau ngày Cách mạng Tháng Mười (Nga) thành công,

1) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã ra Nghị quyết xác định ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là 3-2-1930 (B.T).

Lênin lãnh đạo việc xây dựng *Quốc tế cộng sản*. Từ đó, vô sản thế giới, cách mạng thế giới thành một đại gia đình, mà Đảng ta là một trong những con út của đại gia đình ấy.

Đảng ta ra đời trong một hoàn cảnh rất khó khăn, vì chính sách khủng bố dã man của thực dân Pháp. Tuy vậy, vừa ra đời Đảng ta đã lãnh đạo ngay cuộc đấu tranh kịch liệt chống thực dân Pháp. Cuộc đấu tranh đó cao đến tột bậc trong những ngày Xôviết Nghệ An.

Đó là lần đầu tiên nhân dân ta nắm chính quyền ở địa phương và bắt đầu thi hành những chính sách dân chủ, tuy mới làm được trong một phạm vi nhỏ hẹp.

Xôviết Nghệ An bị thất bại, nhưng đã có ảnh hưởng lớn. Tinh thần anh dũng của nó luôn luôn nồng nàn trong tâm hồn quần chúng, và nó đã mở đường cho thắng lợi về sau.

Từ 1931 đến 1945, phong trào cách mạng ở Việt Nam luôn luôn do Đảng ta lãnh đạo, khi lên khi xuống, xuống rồi lại lên, 15 năm ấy có thể chia làm 3 thời kỳ:

- 1- Thời kỳ 1931 - 1935
- 2- Thời kỳ 1936 - 1939
- 3- Thời kỳ 1939 - 1945.

3. Thời kỳ 1931 - 1935

Từ 1931 đến 1933, thực dân Pháp khủng bố tợn. Cán bộ và quần chúng bị bắt và hy sinh rất nhiều. Các tổ chức của Đảng và của quần chúng tan rã hầu hết. Vì vậy mà phong trào cách mạng tạm sụt xuống.

Nhờ lòng trung thành và sự tận tụy của những đồng chí còn lại, nhờ sự kiên quyết của Trung ương, nhờ sự giúp đỡ của các đảng bạn, từ 1933, phong trào cách mạng lại lên dần.

Hồi đó, một mặt Đảng ta lo củng cố lại những tổ chức bí

mật, một mặt lo phối hợp công tác bí mật với hoạt động công khai, với việc tuyên truyền, cổ động trên các báo chí và trong các Hội đồng thành phố, Hội đồng quản hạt, v.v..

Năm 1935, Đảng họp *Đại hội lần thứ I ở Ma Cao. Đại hội đã nhận định tình hình trong nước và tình hình thế giới, kiểm thảo lại công tác đã qua và ấn định cho công tác sắp tới.*

Nhưng chính sách Đại hội Ma Cao vạch ra không sát với phong trào cách mạng thế giới và trong nước lúc bấy giờ (như định chia ruộng đất cho công nhân nông nghiệp, chưa nhận rõ nhiệm vụ chống phát xít và nguy cơ chiến tranh phát xít, v.v.).

4. Thời kỳ 1936 - 1939

Năm 1936, trong cuộc *Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất* của Đảng, đồng chí Lê Hồng Phong và Hà Huy Tập sửa chữa những sai lầm ấy và định lại chính sách mới, dựa theo những nghị quyết của Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII (lập Mặt trận Dân chủ, Đảng hoạt động nửa bí mật, nửa công khai...).

Hồi đó, Mặt trận Bình dân ở Pháp cầm chính quyền, Đảng bèn mở cuộc vận động dân chủ và lập *Mặt trận Dân chủ Đông Dương*.

Phong trào Mặt trận Dân chủ lúc đó khá mạnh mẽ, rộng khắp; nhân dân đấu tranh công khai. Đó là ưu điểm. Nhưng khuyết điểm là: Đảng lãnh đạo không thật sát, cho nên nhiều nơi cán bộ phạm phải bệnh hẹp hòi, bệnh công khai, say sưa vì thắng lợi bộ phận mà xao lãng việc củng cố tổ chức bí mật của Đảng. Đảng không giải thích rõ lập trường của mình về vấn đề độc lập dân tộc. Một số đồng chí hợp tác vô nguyên tắc với bọn tởrốtkit. Đến khi Mặt trận Bình dân bên Pháp thất bại, chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu, thì phong trào Mặt

trận Dân chủ ở nước ta cũng bị thực dân đàn áp, và Đảng cũng bối rối một hồi.

Song phong trào đó cũng để lại cho Đảng ta và Mặt trận dân tộc ngày nay những kinh nghiệm quý báu. Nó dạy cho chúng ta rằng: việc gì đúng với nguyện vọng nhân dân thì được quần chúng nhân dân ủng hộ và hăng hái đấu tranh, và như vậy mới thật là một phong trào quần chúng. Nó cũng dạy chúng ta rằng: phải hết sức tránh những bệnh chủ quan, hẹp hòi, v.v..

5. Thời kỳ 1939 - 1945

Những việc biến đổi to lớn trong nước và trên thế giới trong thời kỳ này chỉ cách đây mười năm. Nhiều người biết, nhiều người còn nhớ. Ở đây tôi chỉ nhắc qua mấy việc chính.

Trên thế giới:

Năm 1939, *cuộc chiến tranh thế giới thứ hai* nổ bùng.

Đầu tiên, nó là một cuộc chiến tranh đế quốc: bọn đế quốc phát xít Đức - Ý - Nhật đánh nhau với bọn đế quốc Anh - Pháp - Mỹ.

Đến tháng 6-1941, phát xít Đức tấn công thành trì cách mạng thế giới là Liên Xô, Liên Xô bất đắc dĩ phải đánh lại, và liên minh với Anh - Mỹ để chống phe phát xít. Từ đó, cuộc chiến tranh trở nên chiến tranh giữa phe dân chủ và phe phát xít.

Nhờ lực lượng to lớn của Hồng quân và nhân dân Liên Xô, cùng chiến lược rất đúng của đồng chí Xtalin, tháng 5-1945, Đức thất bại, tháng 8-1945, Nhật đầu hàng. *Phe dân chủ hoàn toàn thắng lợi.*

Trong thắng lợi đó, Liên Xô thắng to nhất, về quân sự cũng như về chính trị và tinh thần.

Nhờ Liên Xô thắng lợi mà các nước Đông Âu - trước đây là căn cứ của Đức phát xít hoặc là một bộ phận của Đức phát xít - đã trở nên những nước *dân chủ mới*.

Nhờ Liên Xô thắng lợi mà những nước nửa thuộc địa - như Trung Quốc và những nước thuộc địa như Triều Tiên, Việt Nam, đã đánh đuổi hoặc đang đánh đuổi bọn đế quốc xâm lăng, tranh lại tự do, độc lập.

Nhờ Liên Xô thắng lợi mà phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa khác đang lên cao.

Mỹ thì thắng lợi về tiền tài. Trong khi các nước đang dốc hết lực lượng vào chiến tranh và bị chiến tranh tàn phá, thì Mỹ được dịp phát tài to.

Sau chiến tranh, phát xít Đức - Ý - Nhật bị tiêu diệt. Các đế quốc Anh - Pháp bị sa sút. Liên Xô khôi phục và phát triển công việc xây dựng chủ nghĩa xã hội rất mau chóng. Còn Mỹ, theo vết chân Đức - Ý - Nhật, trở nên trù phú quốc phát xít hiện nay.

Ở nước ta:

Sau khi chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, Trung ương họp Hội nghị tháng 11-1939, quyết định chính sách của Đảng là: lập *Mặt trận dân tộc thống nhất* chống thực dân Pháp và chống chiến tranh đế quốc, chuẩn bị khởi nghĩa. Không đề ra khẩu hiệu “tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày”, để kéo tầng lớp địa chủ vào Mặt trận dân tộc.

Pháp đầu hàng phát xít Đức, thì Nhật đến lấn Pháp ở Đông Dương và dùng thực dân Pháp làm tay sai để đàn áp cách mạng nước ta.

Trong thời kỳ đó, dân ta có ba cuộc khởi nghĩa: Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương.

Tháng 5-1941, Trung ương họp *Hội nghị lần thứ Tám*. Vấn đề chính là nhận định cuộc cách mạng trước mắt của Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc; lập *Mặt trận Việt Minh*. Khẩu hiệu chính là: đoàn kết toàn dân, chống Nhật, chống Pháp, tranh lại độc lập; hoãn cách mạng ruộng đất.

Cái tên *Việt Nam độc lập đồng minh* rất rõ rệt, thiết thực và hợp với nguyện vọng toàn dân. Thêm vào đó, chương trình giản đơn, thiết thực mà đầy đủ của Mặt trận gồm có 10 điểm như bài ca tuyên truyền đã kể:

Có mười chính sách bày ra,

Một là ích quốc, hai là lợi dân.

Mười điểm ấy, gồm những điểm chung cho toàn thể dân tộc và những điểm đấu tranh cho quyền lợi của công nhân, nông dân và cho mọi tầng lớp nhân dân.

Vì thế mà Việt Minh được nhân dân nhiệt liệt hoan nghênh và cũng do cán bộ rất cố gắng đi sát với dân, cho nên Việt Minh phát triển rất mau và rất mạnh. Vì Mặt trận phát triển mạnh, mà Đảng phát triển cũng khá. Đảng lại giúp những anh em trí thức tiến bộ thành lập Đảng Dân chủ Việt Nam để thu hút những thanh niên trí thức và công chức Việt Nam, và làm mau tan rã hàng ngũ bọn Đại Việt thân Nhật.

Ở ngoài thì Liên Xô và Đồng minh liên tiếp thắng trận. Trong nước thì Nhật và Pháp xung đột nhau. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Việt Minh đã khá mạnh. Nhân tình hình ấy, tháng 3-1945, Thường vụ Trung ương họp cuộc *hội nghị mở rộng*. *Nghị quyết chính là: Đẩy mạnh phong trào chống Nhật và chuẩn bị tổng khởi nghĩa*. Lúc đó, chính quyền của thực dân Pháp đã bị phát xít Nhật cướp giật.

Tháng 5-1945, Đức đầu hàng. Tháng 8, Nhật đầu hàng. Liên Xô và Đồng minh hoàn toàn thắng lợi.

Đầu tháng 8, Đảng họp *Hội nghị toàn quốc lần thứ hai* ở Tân Trào để quyết định chương trình hành động và tham gia *Quốc dân đại hội* do Việt Minh triệu tập, đại hội này cũng họp ở Tân Trào trong tháng đó.

Quốc dân đại hội thông qua chương trình của Việt Minh, thông qua Lệnh Tổng khởi nghĩa và bầu ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Trung ương, ban này về sau trở nên Chính phủ lâm thời của nước ta.

Vì chính sách của Đảng đúng, và thi hành chính sách ấy kịp thời và linh động, cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám đã thành công.

6. Từ Cách mạng Tháng Tám đến nay

Do sự lãnh đạo sáng suốt và kiên quyết của Đảng, do sức đoàn kết và hăng hái của toàn dân trong và ngoài Mặt trận Việt Minh, cuộc Cách mạng Tháng Tám đã thắng lợi.

Các đồng chí,

Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc.

Về phần chúng ta, chúng ta phải nhớ rằng được như thế là nhờ sự thắng lợi vĩ đại của Hồng quân Liên Xô đã đánh bại phát xít Nhật, nhờ sự thân ái nâng đỡ của tinh thần quốc tế, nhờ sự đoàn kết chặt chẽ của toàn dân, nhờ sự dũng cảm hy sinh của các tiên liệt cách mạng.

Các đồng chí ta như đồng chí Trần Phú, đồng chí Ngô Gia Tự, đồng chí Lê Hồng Phong, đồng chí Nguyễn Thị Minh

Khai, đồng chí Hà Huy Tập, đồng chí Nguyễn Văn Cừ, đồng chí Hoàng Văn Thụ và trăm nghìn đồng chí khác đã đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc lên trên hết, lên trước hết. Các đồng chí đó đã tin tưởng sâu sắc, chắc chắn vào lực lượng vĩ đại và tương lai vẻ vang của giai cấp và của dân tộc. Các đồng chí ấy đã vui vẻ hy sinh hết thảy, hy sinh cả tính mệnh mình cho Đảng, cho giai cấp, cho dân tộc. Các đồng chí ấy đã đem xương máu mình vun tưới cho cây cách mạng, cho nên cây cách mạng đã khai hoa, kết quả tốt đẹp như ngày nay.

Tất cả chúng ta phải noi theo các gương anh dũng, gương chí công vô tư ấy, mới xứng đáng là người cách mạng.

Cách mạng Tháng Tám đã lật đổ nền quân chủ mấy mươi thế kỷ, đã đánh tan xiềng xích thực dân gần 100 năm, đã đưa chính quyền lại cho nhân dân, đã xây nền tảng cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, độc lập, tự do, hạnh phúc.

Đó là một cuộc thay đổi cực kỳ to lớn trong lịch sử của nước ta.

Cách mạng Tháng Tám thắng lợi đã làm cho chúng ta trở nên một bộ phận trong đại gia đình dân chủ thế giới.

Cách mạng Tháng Tám có ảnh hưởng trực tiếp và rất to đến hai dân tộc bạn là Miên và Lào. Cách mạng Tháng Tám thành công, nhân dân hai nước Miên - Lào cùng nổi lên chống đế quốc và đòi độc lập.

Ngày 2-9-1945, *Chính phủ dân chủ cộng hoà Việt Nam thành lập*, đã tuyên bố trước thế giới quyền độc lập của Việt Nam, và thực hiện những quyền tự do dân chủ ở trong nước. Ở đây, nên nêu ngay một điểm là: khi tổ chức Chính phủ lâm thời, có những đồng chí trong Ủy ban Trung ương do Quốc dân đại hội bầu ra, đáng lẽ tham dự Chính phủ, song các

đồng chí ấy đã tự động xin lui, để nhường chỗ cho những nhân sĩ yêu nước nhưng còn ở ngoài Việt Minh. Đó là một cử chỉ vô tư, tốt đẹp, không ham chuộng địa vị, đặt lợi ích của dân tộc, của đoàn kết toàn dân lên trên lợi ích cá nhân. Đó là một cử chỉ đáng khen, đáng kính mà chúng ta phải học.

7. Những khó khăn của Đảng và Chính phủ

Chính quyền nhân dân ra đời thì liền gặp những việc hết sức khó khăn.

Chính sách của Nhật và Pháp vơ vét nhân dân ta tận xương, tận tủy, chỉ trong vòng hơn nửa năm (cuối năm 1944 đầu năm 1945), hơn hai triệu đồng bào miền Bắc đã chết đói.

Nước ta độc lập chưa đầy một tháng, thì phía Nam quân đội đế quốc Anh kéo đến. Chúng mượn tiếng là lột vũ trang của quân Nhật, nhưng sự thật chúng là đội viễn chinh giúp thực dân Pháp mưu cướp lại nước ta.

Phía Bắc thì quân đội Quốc dân Đảng Trung Hoa kéo sang. Chúng cũng mượn tiếng là lột vũ trang quân Nhật, nhưng kỳ thật chúng có ba mục đích hung ác:

- Tiêu diệt Đảng ta,
- Phá tan Việt Minh,
- Giúp bọn phản động Việt Nam đánh đổ chính quyền nhân dân, để lập một chính phủ phản động làm tay sai cho chúng.

Đứng trước tình hình gay go và cấp bách ấy, Đảng phải dùng mọi cách để sống còn, hoạt động và phát triển, để lãnh đạo kín đáo và có hiệu quả hơn, và để có thời giờ củng cố dần dần lực lượng của chính quyền nhân dân, củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất.

Lúc đó, Đảng không thể do dự. Do dự là hỏng hết. Đảng phải quyết đoán mau chóng, phải dùng những phương pháp - dù là những phương pháp đau đớn - để cứu vãn tình thế.

Hồi đó, một việc đã làm cho nhiều người thắc mắc nhất là việc Đảng tuyên bố *tự giải tán*, sự thật là Đảng rút vào bí mật.

Và dù là bí mật, Đảng vẫn lãnh đạo chính quyền và nhân dân.

Chúng ta nhận rằng việc Đảng tuyên bố giải tán (sự thật là vào bí mật) là đúng.

Mặc dầu nhiều khó khăn to lớn, Đảng và Chính phủ đã lãnh đạo nhân dân đưa nước ta qua những thác ghềnh nguy hiểm và đã thực hiện nhiều điểm của chương trình Mặt trận Việt Minh:

- Tổ chức Tổng tuyển cử, bầu ra Quốc hội và lập Hiến pháp;
- Xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân;
- Tiêu diệt bọn phản động Việt Nam;
- Xây dựng và củng cố quân đội nhân dân, vũ trang nhân dân;
- Đặt Luật lao động;
- Giảm tô, giảm tức;
- Xây dựng văn hóa nhân dân;
- Mở rộng và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất (lập Liên - Việt).

Ở đây cũng cần nhắc lại *Hiệp định 6-3-1946*, và *Tạm ước 14-9-1946* vì việc này cũng làm cho nhiều người thắc mắc và cho đó là chính sách *quá hữu*. Nhưng các đồng chí và đồng bào Nam Bộ thì lại cho là đúng; mà đúng thật. Vì đồng bào và đồng chí ở Nam đã khéo lợi dụng dịp đó để xây dựng và phát triển lực lượng của mình.

Lênin có nói rằng: *Nếu có lợi cho cách mạng*, thì dù phải thỏa hiệp với bọn kẻ cướp, chúng ta cũng thỏa hiệp¹⁾.

1) Xem V.I.Lênin: *Toàn tập*, tiếng Việt, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1977, t.41, tr.24 (B.T).

Chúng ta cần hoà bình để xây dựng nước nhà, cho nên chúng ta đã ép lòng mà nhân nhượng để giữ hoà bình. Dù thực dân Pháp đã bội ước, đã gây chiến tranh, nhưng gần một năm tạm hoà bình đã cho chúng ta thời giờ để xây dựng lực lượng căn bản.

Khi Pháp đã cố ý gây chiến tranh, chúng ta không thể nhịn nữa, thì cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu.

8. Cuộc trường kỳ kháng chiến

Địch âm mưu đánh *chớp nhoáng*. Chúng muốn đánh mau, thắng mau, giải quyết mau, thì Đảng và Chính phủ ta nêu lên khẩu hiệu: *trường kỳ kháng chiến*.

Địch âm mưu *chia rẽ*, thì ta nêu lên khẩu hiệu: *đoàn kết toàn dân*.

Thế là ngay từ lúc đầu, *chiến lược* ta đã thắng *chiến lược địch*.

Kháng chiến trường kỳ, thì quân đội phải đủ súng đạn, quân và dân phải đủ ăn, đủ mặc. Nước ta nghèo, kỹ thuật ta kém, những thành phố có chút công nghệ đều bị giặc chiếm. Chúng ta phải dùng tinh thần hăng hái của toàn dân để tìm cách giải quyết sự thiếu kém vật chất. Đảng và Chính phủ bèn nêu ra khẩu hiệu *Thi đua ái quốc*. Thi đua mọi mặt, nhưng nhằm ba điểm chính: diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm.

Về thi đua, công nhân ta đã thi đua chế tạo vũ khí cho bộ đội. Bộ đội ta đã hăng hái luyện quân lập công và đã có kết quả tốt. Những cuộc thắng trận vừa qua đã chứng rõ điều đó. Nhân dân ta đã hăng hái thi đua và đã có kết quả khá: kinh tế nước ta lạc hậu, ta kháng chiến đã 4, 5 năm trường, nhưng vẫn chịu đựng được, không đến nỗi quá đói rách; đó là một

chúng có. Đại đa số đồng bào thoát nạn mù chữ; đó là một kết quả vẻ vang mà thế giới đều khen ngợi. Tôi đề nghị Đại hội ta gửi lời thân ái cảm ơn và khen ngợi bộ đội và đồng bào ta.

Nhưng việc tổ chức, theo dõi, trao đổi và tổng kết kinh nghiệm thì còn kém. Đó là khuyết điểm của chúng ta. Từ nay, chúng ta phải cố gắng sửa chữa những khuyết điểm ấy, thì *thi đua* chắc sẽ có kết quả nhiều hơn, tốt đẹp hơn nữa.

Quân sự là việc chủ chốt trong kháng chiến.

Lúc bắt đầu kháng chiến, *quân đội* ta là quân đội thơ ấu. Tinh thần dũng cảm có thừa, nhưng thiếu vũ khí, thiếu kinh nghiệm, thiếu cán bộ, thiếu mọi mặt.

Quân đội địch là một quân đội nổi tiếng trong thế giới. Chúng có hải quân, lục quân, không quân. Chúng lại có đế quốc Anh - Mỹ giúp, nhất là Mỹ.

Lực lượng ta và địch so le nhiều như thế, cho nên lúc đó có người cho rằng: cuộc kháng chiến của ta là “châu chấu đấu voi”.

Chỉ nhìn về vật chất, chỉ nhìn ở hiện trạng, chỉ lấy con mắt hẹp hòi mà xem, thì như thế thật. Vì để chống máy bay và đại bác của địch, lúc đó ta phải dùng gậy tầm vông. Nhưng Đảng ta theo chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng ta không những nhìn vào hiện tại, mà lại nhìn vào tương lai, chúng ta tin chắc vào tinh thần và lực lượng của quần chúng, của dân tộc. Cho nên chúng ta quả quyết trả lời những người lừng chừng và bi quan kia rằng:

Nay tuy châu chấu đấu voi,

Nhưng mai voi sẽ bị lời ruột ra.

Sự thật đã chứng tỏ rằng “voi” thực dân đã bắt đầu lời ruột, mà bộ đội ta đã trưởng thành như con hổ oai hùng.

Dù lúc đầu sức địch mạnh như vậy, sức ta yếu như vậy, mà ta vẫn gan góc kháng chiến, vẫn tranh được nhiều thắng lợi, và tin chắc ta sẽ tranh được thắng lợi cuối cùng. Đó là vì ta có chính nghĩa, vì quân ta dũng cảm, dân ta đoàn kết và quật cường, vì ta được nhân dân Pháp và phe dân chủ thế giới ủng hộ. Mà cũng chính vì *chiến lược ta đúng*.

Đảng và Chính phủ ta đã nhận cuộc kháng chiến có ba giai đoạn:

- *Giai đoạn thứ nhất*, thì ta cốt giữ vững và phát triển chủ lực. Giai đoạn này từ 23-9-1945 đến hết chiến dịch Việt Bắc, thu đông 1947.

- *Giai đoạn thứ hai*, thì ta tích cực cầm cự và chuẩn bị tổng phản công. Giai đoạn này từ sau chiến dịch Việt Bắc 1947 đến nay.

- *Giai đoạn thứ ba*, là tổng phản công.

Về điểm này, vì không hiểu rõ chính sách của Đảng và Chính phủ, cho nên một số đồng chí có quan niệm sai lầm. Có người cho rằng khẩu hiệu chuẩn bị tổng phản công nêu ra sớm quá. Có người lại muốn biết ngày nào, giờ nào tổng phản công. Có người thì tưởng rằng năm 1950 nhất định tổng phản công, v.v..

Những quan niệm sai lầm ấy rất có hại cho công tác. Trước hết, chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng: *kháng chiến là trường kỳ và gian khổ, nhưng nhất định thắng lợi*.

Kháng chiến phải trường kỳ, vì đất ta hẹp, dân ta ít, nước ta nghèo, ta phải chuẩn bị lâu dài và phải có sự chuẩn bị về toàn diện của toàn dân. Chúng ta cũng phải luôn luôn nhớ rằng: giặc Pháp, so với ta, là một kẻ địch khá mạnh, chúng lại có Mỹ và Anh giúp.

Giặc Pháp là “vô quýt dây”, ta phải có thời gian để mà mài “móng tay nhọn”, rồi mới xé toang xác chúng ra.

Chúng ta phải hiểu rằng: giai đoạn này có dính líu với giai đoạn khác, nó kế tiếp giai đoạn trước và nó gây những mầm mống cho giai đoạn sau.

Có nhiều sự biến đổi mới sinh ra từ một giai đoạn này đến một giai đoạn khác. Trong một giai đoạn cũng có những sự biến đổi của nó.

Có thể xét tình hình chung mà định ra từng giai đoạn lớn, nhưng không thể tách hẳn từng giai đoạn một cách dứt khoát như người ta cắt cái bánh. Một giai đoạn dài hay ngắn phải tùy theo tình hình trong nước và thế giới, tùy theo sự biến đổi trong lực lượng địch và lực lượng ta.

Chúng ta phải hiểu rằng: trường kỳ kháng chiến có liên hệ mật thiết đến việc chuẩn bị tổng phản công. Kháng chiến trường kỳ nên chuẩn bị tổng phản công cũng phải trường kỳ. Một mặt tùy theo sự biến đổi của lực lượng địch và lực lượng ta, một mặt cũng tùy theo sự biến đổi của tình hình quốc tế, mà tổng phản công có thể đến mau hay chậm.

Vô luận thế nào, chuẩn bị càng cẩn thận, càng đầy đủ, thì tổng phản công càng chắc chắn, càng thuận lợi.

Khẩu hiệu: *chuẩn bị để chuyển mạnh sang tổng phản công* đề ra đầu năm 1950.

Trong một năm đó, chúng ta có chuẩn bị hay không?

Chúng ta có *chuẩn bị*. Chính phủ đã ra lệnh tổng động viên, đã cổ động thi đua ái quốc. Quân đội và nhân dân đang ra sức chuẩn bị và đã có kết quả tốt, như mọi người đều biết.

Trong năm 1950, ta có *chuyển* hay không?

Có. Ta có *chuyển* và ta đang chuyển. Cuộc thắng lợi to về ngoại giao đầu năm và cuộc thắng lợi to về quân sự cuối năm 1950, là chúng có rõ rệt.

Đã *tổng phản công* chưa?

Chúng ta *vẫn đang chuẩn bị chuyển mạnh* sang tổng phản công, chứ chưa phải đã thực hiện tổng phản công. Phải hiểu rõ chữ chuẩn bị *chuyển mạnh sang*...

Khi nào chuẩn bị *thật đầy đủ* thì sẽ tổng phản công. Chuẩn bị càng đầy đủ, thật đầy đủ, thì thời giờ tổng phản công càng mau chóng, tổng phản công càng thuận lợi.

Chúng ta không nên hấp tấp, vội vàng, không nên nóng nảy, sốt ruột.

Quân đội, nhân dân, cán bộ, tất cả mọi người, tất cả mọi ngành đều phải ra sức *thi đua chuẩn bị cho đầy đủ*. Bao giờ *chuẩn bị đầy đủ* thì chúng ta sẽ tổng phản công và lúc đó tổng phản công nhất định sẽ thắng lợi.

9. Sửa chữa những khuyết điểm sai lầm

Đảng ta thành tích khá nhiều, *nhưng khuyết điểm cũng không ít*. Chúng ta cần phải thật thà tự phê bình để sửa chữa. Phải cố sửa chữa để tiến bộ.

Trước khi nêu những khuyết điểm, chúng ta phải hiểu rằng Đảng ta có những cán bộ - nhất là cán bộ trong vùng bị tạm chiếm - rất dũng cảm, tận tụy, bất kỳ gian nan nguy hiểm thế nào, vẫn cứ đi sát với dân, vẫn cứ bám lấy công việc, không nhút nhát, không than phiền, hy sinh cả tính mệnh cũng không tiếc.

Đó là những chiến sĩ kiểu mẫu của dân tộc, những người con xứng đáng của Đảng.

Điểm lại từ ngày thành lập đến nay, *nói chung chính sách của Đảng ta đúng*. Không đúng sao lập được những thành tích lớn lao như ngày nay? Nhưng có mấy khuyết điểm và nhược điểm lớn dưới đây:

Vì việc học tập chủ nghĩa còn kém, cho nên tư tưởng của nhiều cán bộ và đảng viên chưa thuần thực, trình độ lý luận còn non nớt. Do đó, trong khi thi hành chính sách của Đảng và của Chính phủ, đã xảy ra những khuynh hướng sai lầm hoặc “tả” hoặc “hữu” (như trong chính sách ruộng đất, Mặt trận, dân tộc thiểu số, tôn giáo, chính quyền, v.v.).

Công tác tổ chức cũng còn kém, cho nên nhiều khi không đảm bảo được việc thi hành đúng chính sách của Đảng và của Chính phủ.

Vì vậy, *học tập chủ nghĩa, dồi mài tư tưởng, nâng cao lý luận, chỉnh đốn tổ chức* - là những việc cần kíp của Đảng.

Ngoài ra, ở các cơ quan lãnh đạo các cấp, về lề lối làm việc, về chủ trương và cách lãnh đạo còn có những khuyết điểm khá phổ thông và nghiêm trọng. Ấy là những bệnh *chủ quan, quan liêu, mệnh lệnh, hẹp hòi và bệnh công thần*.

Bệnh *chủ quan* tỏ ra ở tư tưởng cho rằng trường kỳ kháng chiến có thể trở thành đoản kỳ kháng chiến.

Bệnh *quan liêu* tỏ ra ở chỗ thích giấy tờ, xa quần chúng, không điều tra nghiên cứu, không kiểm tra theo dõi việc thi hành, không học tập kinh nghiệm của quần chúng.

Bệnh *mệnh lệnh* tỏ ra ở chỗ hay dựa vào chính quyền mà bắt dân làm, ít tuyên truyền giải thích cho dân tự giác, tự động.

Bệnh *hẹp hòi* tỏ ra ở chỗ đối với người ngoài Đảng nhiều khi quá khắt khe, hoặc phớt người ta đi, không chịu bàn bạc hỏi han ý kiến.

Còn bệnh *công thần* thì tỏ ra như thế này:

- Cậy mình có một ít thành tích, thì tự kiêu tự đại, cho mình là “cứu tinh” của dân, “công thần” của Đảng. Rồi đòi địa vị, đòi danh vọng. Việc to không làm được, việc nhỏ

không muốn làm. Bệnh công thần rất có hại cho đoàn kết ở trong Đảng cũng như ngoài Đảng.

- Cây thế mình là người của Đảng, phớt cả kỷ luật và cả cấp trên trong các đoàn thể nhân dân hoặc cơ quan Chính phủ.

Những đồng chí mắc bệnh ấy không hiểu rằng: mỗi đảng viên cần phải làm kiểu mẫu phục tùng kỷ luật, chẳng những kỷ luật của Đảng, mà cả kỷ luật của các đoàn thể nhân dân và của cơ quan chính quyền cách mạng.

Trong Đảng có những bệnh ấy và bệnh khác, Trung ương cũng phải chịu một phần trách nhiệm. Vì Trung ương chưa chú trọng việc *kiểm tra*. Sự *huấn luyện* về chủ nghĩa tuy có, nhưng chưa được khắp, chưa được đủ. *Dân chủ* trong Đảng chưa được thực hiện rộng rãi. *Phê bình* và *tự phê bình* chưa thành nền nếp thường xuyên.

Tuy nhiên, những việc đó đang được chấn chỉnh phần nào. Những cuộc kiểm thảo và phong trào phê bình và tự phê bình gần đây đã mang lại kết quả tốt, mặc dầu còn có chỗ lệch lạc.

Đồng chí Xtalin có nói: đảng cách mạng cần phê bình và tự phê bình cũng như người ta cần không khí. Và: kiểm tra chặt chẽ thì có thể tránh được nhiều khuyết điểm nặng nề.

Từ nay, Đảng phải tìm cách giáo dục chủ nghĩa cho phổ biến, để nâng cao tư tưởng chính trị của đảng viên. Phải phát triển *lối làm việc tập thể*. Phải củng cố mối *liên hệ giữa Đảng và quần chúng*. Phải đề cao tinh thần *kỷ luật*, tinh thần *nguyên tắc*, tinh thần *Đảng* của mỗi đảng viên. Phải mở rộng phong trào phê bình và tự phê bình ở trong Đảng, ở các cơ quan, các đoàn thể, trên các báo chí cho đến nhân dân. Phê bình và tự phê bình phải thường xuyên, thiết thực, dân chủ,

từ trên xuống và từ dưới lên. Sau hết là Đảng phải có sự kiểm tra chặt chẽ.

Làm được như thế thì khuyết điểm sẽ bớt, và tiến bộ sẽ mau.

10. Tình hình mới và nhiệm vụ mới

A. Tình hình mới:

Mỗi người đều biết rằng ngày nay thế giới chia thành hai phe rõ rệt:

- *Phe dân chủ* do Liên Xô lãnh đạo, gồm nước xã hội chủ nghĩa, các nước dân chủ mới ở châu Âu và ở châu Á. Nó gồm cả các nước dân tộc bị áp bức đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc xâm lược, và các đoàn thể dân chủ cùng những nhân sĩ dân chủ ở các nước tư bản.

Phe dân chủ là một lực lượng rất mạnh và ngày càng mạnh thêm. Vài điểm dưới đây đủ chứng tỏ điều đó:

Thử xem địa đồ thế giới: nước Liên Xô xã hội chủ nghĩa và các nước dân chủ mới từ Đông Âu sang Đông Á liền thành một khối rộng lớn, gồm 800 triệu nhân dân; trong khối ấy các dân tộc đoàn kết, cùng chung một mục đích, không có chút gì mâu thuẫn. Nó đại biểu cho sự tiến bộ, cho tương lai tươi sáng của loài người. Đó là một lực lượng vô cùng mạnh mẽ.

Trong Đại hội lần thứ hai của mặt trận hoà bình họp ở Thủ đô nước Ba Lan hồi tháng 11-1950, các đại biểu của 500 triệu chiến sĩ hòa bình ở 81 nước đã thể kiên quyết giữ gìn hòa bình thế giới và chống đế quốc chiến tranh. Đó là *mặt trận thống nhất* của thế giới hòa bình và dân chủ. Đó là một lực lượng rất mạnh và ngày càng thêm mạnh.

- *Phe phản dân chủ* do Mỹ cầm đầu. Ngay lúc chiến tranh thế giới thứ hai vừa kết thúc, Mỹ đã trở nên trù ố

quốc, trùm phản động thế giới. Anh với Pháp là tay phải tay trái của Mỹ, các chính phủ phản động ở phương Đông và phương Tây là lâu la của Mỹ.

Với tham vọng làm chúa thế giới, Mỹ một tay thì cầm đồng đôla để lợi dụ thiên hạ, một tay thì cầm bom nguyên tử để uy hiếp thế giới. Nào chính sách Toruman, nào kế hoạch Mácsan, nào hiệp ước Đại Tây Dương, nào chương trình Đông Nam Á. Tất cả những thủ đoạn ấy của Mỹ đều nhằm vào mục đích chuẩn bị chiến tranh thế giới lần thứ ba.

Những tham vọng của Mỹ gặp phải một sức ngăn trở to lớn: sức ấy tức là lực lượng vĩ đại của Liên Xô, phong trào dân chủ, hòa bình và phong trào dân tộc giải phóng đang sôi nổi khắp thế giới.

Chính sách Mỹ hiện nay là: Ở châu Á thì giúp bọn phản động như Tưởng Giới Thạch, Lý Thừa Vãn, Bảo Đại, v.v.; giúp đế quốc Anh chống kháng chiến của Mã Lai, giúp thực dân Pháp chống kháng chiến của Việt Nam. Mỹ thì tự ra tay chiến tranh xâm lược ở Triều Tiên và chiếm Đài Loan để hòng phá cách mạng Trung Quốc.

Ở châu Âu thì Mỹ do kế hoạch Mácsan và hiệp ước Đại Tây Dương mà nắm quyền quân sự, chính trị, kinh tế của các nước ở Tây Âu, đồng thời ra sức vũ trang cho các nước ấy, bắt buộc các nước ấy phải cung cấp lính để làm bia đỡ đạn cho Mỹ, như kế hoạch lập ra 70 sư đoàn ở Tây Âu do một người Mỹ làm tổng tư lệnh.

Nhưng phe Mỹ có rất nhiều chỗ yếu:

Ngoài sức mạnh của phe dân chủ, phe Mỹ còn bị một lực lượng khác đe dọa - ấy là kinh tế khủng hoảng.

Nội bộ phe Mỹ có nhiều mâu thuẫn. Vài ví dụ: Mỹ muốn Tây Đức lập một quân đội gồm 10 sư đoàn, bị nhân dân Pháp

phản đối. Anh thì ngấm ngầm chống Mỹ vì tranh nhau các mỏ dầu ở Cận Đông và tranh nhau ảnh hưởng ở Viễn Đông.

Nhân dân, nhất là các tầng lớp lao động các nước bị Mỹ “giúp”, đều oán ghét Mỹ, vì Mỹ lấn quyền kinh tế của họ, đụng chạm đến quyền độc lập của nước họ.

Mỹ tham quá, muốn lập căn cứ địa khắp hoàn cầu; nhóm phản động nào, chính phủ phản động nào, Mỹ cũng giúp. Mặt trận của Mỹ quá dài, quá rộng, thành thử lực lượng của Mỹ ắt phải mỏng manh. Chứng cứ rõ rệt là Mỹ cùng 40 nước chư hầu của Mỹ đánh với một nước Triều Tiên mà cũng đang thất bại. Mỹ giúp phe phản động Trung Quốc là Quốc dân Đảng do Tưởng Giới Thạch làm trùm, nhưng họ Tưởng vẫn thất bại. Mỹ giúp thực dân Pháp ở Việt Nam, mà kháng chiến Việt Nam vẫn thắng.

Nói tóm lại: chúng ta có thể đoán chắc rằng phe đế quốc phản động nhất định sẽ thua, phe hòa bình và dân chủ nhất định sẽ thắng.

Việt Nam ta là một bộ phận của phe dân chủ thế giới. Hiện nay lại là một đồn lũy chống đế quốc, chống phe phản dân chủ do Mỹ cầm đầu.

Từ ngày bắt đầu kháng chiến, Anh và Mỹ đã giúp thực dân Pháp. Nhưng từ 1950, Mỹ đã công khai can thiệp vào nước ta.

Cuối năm 1950, Anh cùng Pháp chuẩn bị lập một mặt trận “thống nhất” để cùng nhau hợp sức chống kháng chiến Mã Lai và kháng chiến Việt Nam.

Thế là tình hình thế giới dính dáng mật thiết với nước ta. Thắng lợi của phe dân chủ cũng là thắng lợi của ta, mà ta thắng lợi cũng là phe dân chủ thắng lợi. Vì vậy khẩu hiệu chính của ta ngày nay là: *tiêu diệt thực dân Pháp và đánh*

bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới.

B. Nhiệm vụ mới:

Các đồng chí Trung ương sẽ báo cáo rõ về những vấn đề quan trọng, như chính cương, điều lệ, quân sự, chính quyền, Mặt trận dân tộc thống nhất, kinh tế, v.v.. Báo cáo này chỉ nêu ra mấy nhiệm vụ *chính* trong những nhiệm vụ mới của chúng ta là:

1- *Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.*

2- *Tổ chức Đảng Lao động Việt Nam.*

1. Chúng ta phải ra sức phát triển lực lượng của quân đội và của nhân dân để đánh thắng nữa, đánh thắng mãi, để tiến tới tổng phản công.

Nhiệm vụ này nhằm vào mấy điều chính:

- Trong công việc *xây dựng và phát triển quân đội*, chúng ta phải ra sức đẩy mạnh việc xây dựng và củng cố công tác *chính trị và quân sự* trong bộ đội ta. Phải nâng cao giác ngộ chính trị, nâng cao chiến thuật và kỹ thuật, nâng cao *kỷ luật tự giác* của bộ đội ta. Phải làm cho quân đội ta thành một quân đội chân chính của *nhân dân*.

Đồng thời phải phát triển và củng cố *dân quân du kích* về mặt: tổ chức, huấn luyện, chỉ đạo và sức chiến đấu. Phải làm cho lực lượng của dân quân du kích thành những *tấm lưới sắt* rộng rãi và chắc chắn, chằng khắp mọi nơi, địch mò đến đâu là mắc lưới đến đó.

- *Phát triển tinh thần yêu nước*. Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to

lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.

Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, v.v. chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.

Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu

nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

Tinh thần yêu nước chân chính khác hẳn với tinh thần “vị quốc” của bọn đế quốc phản động. Nó là một bộ phận của tinh thần quốc tế. Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân Liên Xô đã đánh tan bọn phát xít Đức - Nhật và giữ vững Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, và do đó mà giúp đỡ giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Chính vì do tinh thần yêu nước mà quân Giải phóng và nhân dân Trung Quốc đã đánh tan bọn bán nước là Tưởng Giới Thạch và đuổi được bọn đế quốc Mỹ. Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân Triều Tiên cùng quân tình nguyện Trung Quốc đang đánh cho bọn đế quốc Mỹ và phe lũ chạy dài. Chính do tinh thần yêu nước mà quân đội và nhân dân ta đã mấy năm trường chịu đựng trăm đắng nghìn cay, kiên quyết đánh cho tan bọn thực dân cướp nước và bọn Việt gian phản quốc, kiên quyết xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường, một nước Việt Nam dân chủ mới.

- Đẩy mạnh *thi đua ái quốc*. Trước hết là bộ đội thi đua diệt giặc lập công; hai là nhân dân thi đua *tăng gia sản xuất*. Chúng ta phải đưa tất cả tinh thần và năng lực mà đẩy mạnh hai việc đó.

- Trong công việc to tát kháng chiến kiến quốc, *Mặt trận Liên Việt - Việt Minh*, Công đoàn, Nông hội và các đoàn thể quần chúng có một tác dụng rất to lớn. Chúng ta phải giúp cho các đoàn thể ấy phát triển, củng cố và hoạt động thực sự.

- Về *chính sách ruộng đất*, ở những vùng tự do, phải triệt để thi hành giảm tô, giảm tức, tịch thu ruộng đất của thực

dân Pháp và Việt gian tạm cấp cho dân cày nghèo và gia đình các chiến sĩ, để cải thiện đời sống cho dân cày và nâng cao tinh thần cùng lực lượng kháng chiến của họ.

- Về *kinh tế tài chính*, phải bảo vệ và phát triển nền tảng kinh tế của ta, đấu tranh kinh tế với địch. Thuế khoá phải công bằng, hợp lý. Việc thu và chi của tài chính phải tiến đến thăng bằng, để đảm bảo sự cung cấp cho bộ đội và nhân dân.

- Xúc tiến công tác *văn hóa* để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc. Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng.

Chúng ta thắng trận, thì những vùng *bị tạm chiếm* sẽ được lần lượt giải phóng. Vì vậy, chúng ta phải ra sức chuẩn bị sẵn sàng để củng cố những vùng mới được giải phóng về mọi mặt.

- Tính mệnh và tài sản của *kiều dân* nước ngoài tuân theo pháp luật Việt Nam, phải được bảo hộ. Đối với *Hoa kiều*, thì nên khuyến khích họ tham gia kháng chiến Việt Nam. Nếu họ tình nguyện, thì sẽ được hưởng mọi quyền lợi và làm mọi nghĩa vụ như công dân Việt Nam.

Chúng ta kháng chiến, dân tộc bạn Miên, Lào cũng kháng chiến. Bọn thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ là kẻ thù của ta và của dân tộc Miên, Lào. Vì vậy, ta phải ra sức giúp đỡ anh em Miên, Lào, giúp đỡ kháng chiến Miên, Lào. Và tiến đến thành lập Mặt trận thống nhất các dân tộc Việt - Miên - Lào.

- Chúng ta kháng chiến thắng lợi, một phần là nhờ sự đồng

tình của *các nước bạn* và nhân dân thế giới. Vì vậy, chúng ta phải củng cố tình thân thiện giữa nước ta và các nước bạn, giữa nhân dân ta và nhân dân các nước trên thế giới.

2. Để thực hiện những điểm ấy, chúng ta phải có một đảng công khai, tổ chức hợp với tình hình thế giới và tình hình trong nước, để lãnh đạo toàn dân đấu tranh cho đến thắng lợi, Đảng đó lấy tên *Đảng Lao động Việt Nam*.

Về thành phần, Đảng Lao động Việt Nam sẽ kết nạp những công nhân, nông dân, lao động trí óc, thật hăng hái, thật giác ngộ cách mạng.

Về lý luận, Đảng Lao động Việt Nam theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

Về tổ chức, Đảng Lao động Việt Nam theo chế độ dân chủ tập trung.

Về kỷ luật, Đảng Lao động Việt Nam phải có kỷ luật sắt, đồng thời là kỷ luật tự giác.

Về luật phát triển, Đảng Lao động Việt Nam dùng lối phê bình và tự phê bình để giáo dục đảng viên, giáo dục quần chúng.

Về mục đích trước mắt, Đảng Lao động Việt Nam đoàn kết và lãnh đạo toàn dân kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn, tranh lại thống nhất và độc lập hoàn toàn; lãnh đạo toàn dân thực hiện dân chủ mới, xây dựng điều kiện để tiến đến chủ nghĩa xã hội.

Đảng Lao động Việt Nam phải là một Đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để.

Đảng Lao động Việt Nam phải là người lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, trung thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của nhân dân Việt Nam, để đoàn kết và lãnh đạo dân tộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, để thực hiện dân chủ mới.

Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam.

Nhiệm vụ thứ nhất, nhiệm vụ cấp bách nhất của Đảng ta ngày nay là phải đưa *kháng chiến đến thắng lợi*. Các nhiệm vụ khác đều phải phụ thuộc vào đó.

Công việc của chúng ta rất to lớn. Tiền đồ của chúng ta rất vẻ vang. Song chúng ta còn phải kinh qua nhiều khó khăn. Kháng chiến có những khó khăn của kháng chiến. Thắng lợi cũng có những khó khăn của thắng lợi. Thí dụ:

- Tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa đủ thành thực để đối phó với mọi cuộc biến đổi mới trong nước và ngoài thế giới.

- Đế quốc Mỹ có thể giúp giặc Pháp nhiều hơn nữa, do đó mà giặc Pháp có thể ngông cuồng hơn nữa.

- Công việc ngày càng nhiều, mà ta còn thiếu cán bộ, cán bộ còn thiếu năng lực và kinh nghiệm.

- Giải quyết vấn đề kinh tế và tài chính thế nào cho hợp lý, cho lợi dân, v.v..

Chúng ta không sợ khó khăn. Nhưng chúng ta phải trông thấy trước và trông thấy rõ, phải chuẩn bị sẵn sàng để giải quyết những khó khăn ấy.

Với sự đoàn kết nhất trí và lòng kiên quyết quật cường của Đảng, của Chính phủ và của toàn dân, chúng ta nhất định khắc phục được mọi khó khăn để đi đến hoàn toàn thắng lợi.

Cách mạng Tháng Mười thành công. Cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô thành công. Cách mạng Trung Quốc thành công. Những thành công vĩ đại ấy đã mở đường cho sự thành công của cách mạng nước ta và nhiều nước khác trên thế giới.

Ta có một Đảng to lớn, mạnh mẽ. To lớn, mạnh mẽ là vì có chủ nghĩa Mác - Lênin, vì sự cố gắng không ngừng của toàn thể đảng viên, vì được toàn quân và toàn dân thương yêu, tin cậy, ủng hộ.

Vì vậy, tôi chắc rằng: chúng ta sẽ làm tròn nhiệm vụ nặng nề mà vẻ vang là:

- Xây dựng một Đảng Lao động Việt Nam rất mạnh mẽ,
- Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn,
- Xây dựng Việt Nam dân chủ mới,
- Góp sức vào việc giữ gìn dân chủ thế giới và hòa bình

lâu dài.

Hồ Chí Minh Toàn tập,
Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội,
1995, t.6, tr.153-176.

HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, PHÁT TRIỂN DÂN CHỦ NHÂN DÂN, TIẾN TỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI*

Các đồng chí,

Trình độ nước Việt Nam khác trình độ Cao Miên, Ai Lao về mọi mặt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa. Từ cách mạng Tháng Tám, nước Việt Nam cộng hòa dân chủ ra đời, chế độ dân chủ nhân dân Việt Nam thành lập. Từ đó, nhiều thay đổi lớn đã làm cho tình hình và điều kiện cách mạng ở Việt Nam khác tình hình và điều kiện cách mạng ở Cao Miên và Ai Lao khá xa. Cho nên, tuy ba quốc gia Việt, Miên, Lào cùng ở trên bán đảo Đông Dương, cùng đấu tranh chống một kẻ thù chung là thực dân Pháp xâm lược và bọn can thiệp Mỹ, tuy cách mạng của ba nước cùng phát triển trong chu kỳ chiến tranh và cách mạng mới của thế giới, nhưng đã đến lúc vấn đề cách mạng Việt Nam phải đặt khác cách mạng Cao Miên và cách mạng Ai Lao.

Những người cộng sản Việt Nam không coi nhẹ nhiệm vụ quốc tế của mình, đặc biệt là nhiệm vụ giúp đỡ cách mạng

* *Luận cương cách mạng Việt Nam* do đồng chí Trường Chinh đọc tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng (B.T).

Miền, Lào. Nhưng đứng về quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, chúng ta phải căn cứ vào những điều kiện thực tế và đặc điểm của quốc gia Việt Nam mà đặt vấn đề cách mạng Việt Nam và định đường lối chính sách riêng cho cách mạng đó; đồng thời lập một đảng cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam đảng lãnh đạo cuộc cách mạng đó cho đến toàn thắng.

Thay mặt Trung ương, chúng tôi trình Đại hội bản Luận cương về cách mạng Việt Nam như sau. Cách mạng Cao Miên và Ai Lao sẽ đề ra trong một bản Luận cương khác.

PHẦN THỨ NHẤT

THẾ GIỚI VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

I- THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH THỨ HAI VÀ CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ HÒA BÌNH

Sau chiến tranh thứ hai, trên thế giới có nhiều thay đổi lớn. Ba đế quốc phát xít Đức - Ý - Nhật sụp đổ. *Liên Xô* toàn thắng, thanh thế thêm cao. Nhờ thắng lợi vĩ đại của *Liên Xô*, nhiều dân tộc đấu tranh chống phát xít xâm lược ở Đông Âu (Tiệp Khắc, Ba Lan, Hung, Bảo, Lỗ¹⁾, Anbani, Đông Đức) và ở Viễn Đông (Trung Quốc, Triều Tiên, Việt Nam) đã giành được độc lập và thành lập chế độ dân chủ nhân dân. Phong trào giải phóng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa sôi nổi, lôi cuốn hàng trăm triệu người, làm lay chuyển cả hệ thống tư bản chủ nghĩa.

1) Hung, Bảo, Lỗ: Hunggari, Bungari, Rumani (B.T).

Đế quốc Mỹ đầu cơ chiến tranh, thành tên trùm phản động thế giới. Anh, Pháp rơi xuống địa vị phụ thuộc vào Mỹ.

Thế giới chia làm hai phe đối lập, đấu tranh với nhau : phe dân chủ chống đế quốc, do *Liên Xô* lãnh đạo, và phe đế quốc phản dân chủ, do Mỹ cầm đầu.

Thắng lợi lịch sử của 475 triệu nhân dân Trung Quốc làm cho hệ thống tư bản thế giới lại thủng thêm một miếng lớn. Thắng lợi đó làm rung chuyển cả thế giới tư bản, đẩy mạnh phong trào bảo vệ hòa bình và làm phấn khởi các dân tộc bị áp bức và nhân dân toàn thế giới. Nó đã thay đổi tương quan lực lượng giữa phe dân chủ và phe đế quốc, có lợi cho phe dân chủ.

Nước Cộng hòa Đức thành lập "đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử châu Âu"¹⁾.

Hệ thống xã hội chủ nghĩa to ra và vững thêm; hệ thống tư bản chủ nghĩa bé đi và yếu đi.

Đó là tóm tắt những thay đổi lớn của thế giới từ chiến tranh thứ hai kết thúc đến nay.

Phe dân chủ mỗi ngày một mạnh, phe đế quốc mỗi ngày một suy. Với kế hoạch 5 năm lần thứ tư hoàn thành, *Liên Xô* chẳng những hàn gắn được mau chóng những vết thương của chiến tranh mà còn phát triển mạnh mẽ và đang tiến tới chế độ cộng sản. Những tiến bộ mới của khoa học Xôviết làm cho mức sống của nhân dân *Liên Xô* lên cao và sức phòng thủ của *Liên Xô* thêm mạnh.

Chế độ dân chủ nhân dân đã mang lại cho nhiều dân tộc độc lập, tự do và hạnh phúc thật sự. Được *Liên Xô* tích cực

1) Xtalin: *Công điện gửi mừng nước Cộng hoà dân chủ Đức thành lập* (10-1949).

giúp đỡ, nhiều nước dân chủ nhân dân đang xây dựng nền móng chủ nghĩa xã hội và tiến lên bằng những bước khổng lồ.

Trái lại, *các nước tư bản* đã lâm vào cuộc khủng hoảng mới. Mỹ là đế quốc giàu nhất, nên khủng hoảng trước nhất và nặng nhất. Đó là một cuộc khủng hoảng chu kỳ của tư bản gây ra bởi nguyên nhân chính sau đây: trong chiến tranh, kỹ thuật sản xuất được cải tiến nhiều, mức sản xuất của tư bản tăng gia, trái lại thị trường thế giới của tư bản sau chiến tranh thứ nhất đã co hẹp mất một phần sáu, nay lại co hẹp hơn nữa, nhất là sau khi Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Quốc thành lập. Nhân dân các nước đế quốc và thuộc địa bản cùng hóa đi nhiều, sức mua hàng của họ giảm sút. Trên thị trường tư bản, hàng hóa ứ đọng lại. Trong các nước tư bản, nạn thất nghiệp trở nên trầm trọng.

Sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản ngày thêm rõ rệt, đòi hỏi một cách giải quyết nhằm dựng lại thế quân bình...

Muốn thoát khỏi nạn khủng hoảng, bọn đế quốc tích cực chuẩn bị chiến tranh thứ ba, hòng đánh phá Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân, chia lại thị trường thế giới. Chúng cố duy trì và mở rộng các cuộc chiến tranh xâm lược để tiêu thụ những kho súng đạn còn lại, đồng thời để cho bọn tư bản đúc súng tiếp tục sản xuất làm giàu.

Đế quốc Mỹ khủng hoảng vì thừa, cố tiêu thụ một số hàng hóa của mình sang các nước Tây Âu khủng hoảng vì thiếu. Lợi dụng sự thiếu thốn của các nước Tây Âu, Mỹ thi hành kế hoạch Mác-sa-n, "giúp đỡ" các nước đó, kỳ thật Mỹ bắt chẹt và nô dịch họ, chiếm dần thị trường của họ, định trút nạn khủng hoảng lên đầu họ. Chính sách của đế quốc Mỹ là chính sách bá chủ thế giới, vô cùng quỷ quyệt và tàn nhẫn.

Đế quốc Anh và bọn tư bản các nước mác-sa-n hóa không phải không xung đột quyền lợi với Mỹ. Nhưng đứng trước phong trào dân chủ và xã hội chủ nghĩa ngày một bành trướng, đứng trước nạn khủng hoảng trầm trọng và nguy cơ diệt vong, chúng đành chịu Mỹ sai khiến, tuy vẫn hực hặc với Mỹ. Chúng làm theo kế hoạch chuẩn bị chiến tranh do Mỹ đề xướng, để cho bọn tài phiệt vô tổ quốc chia lời với tư bản Mỹ và hy vọng cùng Mỹ chia lại thị trường thế giới.

Năm năm sau chiến tranh, nguy cơ chiến tranh mới lại bày ra trước mắt các dân tộc. Bọn gây chiến đứng đầu là Mỹ, biết một ngày hòa bình là một ngày chủ nghĩa xã hội củng cố và tiến bước, còn chúng thì dịch gần đến miệng lỗ, nên chúng định liều lĩnh gây ra thảm họa chiến tranh nguyên tử cho loài người. Chúng kéo bè kéo cánh, lập khối Đại Tây Dương, khối Tây Âu, khối Địa Trung Hải, khối Thái Bình Dương. Chúng gây ra việc chạy thi về binh bị và bắt nhân dân các nước chúng chịu tất cả gánh nặng chuẩn bị chiến tranh để riêng mình bọn chúng hưởng lợi.

Kế hoạch giúp đỡ về quân sự, hiệp ước Bắc Đại Tây Dương, tiếp đến việc đội lốt Liên hợp quốc, tiến công Triều Tiên, xâm phạm không phận Liên Xô và Trung Quốc, v.v. tỏ ra bọn đế quốc khiêu khích chiến tranh ra mặt. Đế quốc Mỹ lại võ trang cho những thế lực phản động ở Nhật, chuẩn bị lập lại quân đội Tây Đức, định dùng Nhật và Đức làm ngòi nổ ra chiến tranh thứ ba.

Để chuẩn bị chiến tranh, chúng ra sức củng cố hậu phương, thi hành chính sách vô cùng tàn khốc đối với nhân dân chính quốc và thuộc địa. Một mặt, chúng đàn áp và khiêu khích phong trào cộng sản và công nhân, phong trào

dân chủ và hòa bình trong nước chúng, thi hành những đạo luật cực kỳ phản động, phát xít hóa chính trị trong nước. Mặt khác, chúng tiến hành chiến tranh xâm lược (Việt Nam, Triều Tiên), đàn áp phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức (Phi Luật Tân, Mã Lai, Nam Dương, Điện Biên, v.v.). Đồng thời, chúng dùng bọn xã hội hữu khuynh chia rẽ hàng ngũ giai cấp công nhân thế giới, dùng bọn gián điệp và bọn giáo sĩ phản động khiêu khích và tình báo ở nhiều nước, phá rối bên trong các nước dân chủ nhân dân; tìm hết cách phản tuyên truyền và khiêu khích Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân.

Phải ngăn ngừa những vụ xâm lược diễn lại ở nơi khác như đã diễn ra ở Triều Tiên. Phải đề phòng đế quốc Mỹ tiếp tục thủ đoạn đội lốt Liên hợp quốc trực tiếp can thiệp bằng quân sự, giết chết tự do của các dân tộc. Chiến tranh chính nghĩa của nhân dân Triều Tiên có giá trị rất trọng đại. Cùng với dân tộc Việt Nam, dân tộc Triều Tiên xung phong đánh bọn gây chiến, và chính vì thế cả thế giới đang hoan hô, cổ vũ nhân dân anh dũng Triều Tiên.

Lúc này, *đấu tranh để bảo vệ hòa bình chống bọn gây chiến là nhiệm vụ chủ yếu của giai cấp công nhân và nhân dân toàn thế giới. Cuộc đấu tranh đó gắn liền với đấu tranh giành quyền lợi hàng ngày cho quần chúng, giành độc lập quốc gia và dân chủ nhân dân.*

Để làm tròn nhiệm vụ trên đây, phải thống nhất giai cấp công nhân và tập hợp mọi lực lượng dân tộc và dân chủ trong mỗi nước và trên toàn thế giới.

Dưới sự lãnh đạo của Liên Xô, đứng đầu là đồng chí Xtalin, hàng trăm triệu nhân dân các nước trên thế giới, kể

cả nhân dân Anh - Mỹ, đang đứng dậy lập thành một bức tường thép ngăn cản bọn gây chiến, trước hết là đế quốc Mỹ. Phe dân chủ chống đế quốc đang mở rộng thành *mặt trận thế giới của các chiến sĩ bảo vệ hòa bình*. Mặt trận đó bao gồm những tổ chức quốc tế lớn mạnh của công nhân, thanh niên, phụ nữ, trí thức và những thân sĩ yêu chuộng hòa bình, không phân biệt dân tộc, tín ngưỡng và khuynh hướng chính trị.

Hình thức đấu tranh cho hòa bình vô cùng phong phú : từ trưng cầu dân ý (lấy chữ ký) đến đấu tranh vũ trang. Những Hội nghị hòa bình thế giới và trong từng nước là những cuộc động viên tinh thần hàng ức triệu nhân dân chống đế quốc gây chiến. Với những Ủy ban bảo vệ hòa bình ở thành thị và thôn quê, phong trào hòa bình ở nhiều nước đang ăn sâu xuống quần chúng nhân dân. Một đặc điểm của phong trào hòa bình thế giới hiện nay là bao quát, phong phú, tích cực và có tính chất quần chúng đông đảo, chưa từng thấy trong lịch sử. Ý chí hòa bình của hàng trăm triệu người đã đi sâu vào tổ chức và diễn ra bằng hành động. Nhân dân Pháp, do Đảng Cộng sản Pháp lãnh đạo, đang nêu gương sáng trong cuộc vận động chống lập lại quân đội Tây Đức và xâm lược Việt Nam.

Nguy cơ chiến tranh hiện thời rất lớn. Nhưng hòa bình thế giới vẫn có thể cứu vãn được. Vì phong trào đấu tranh cho hòa bình dựa trên cơ sở rất vững chắc: số rất đông nhân dân các nước trên thế giới yêu chuộng hòa bình, họ chưa quên những thảm họa ghê tởm của chiến tranh thứ hai; lực lượng tiềm tàng của hòa bình, dân chủ rất lớn; phe hòa bình dân chủ và xã hội chủ nghĩa đã mạnh hơn phe đế quốc gây

chiến; hai hệ thống tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa vẫn có thể cùng tồn tại được... Nhưng nếu tưởng rằng chiến tranh có thể giải quyết được nạn khủng hoảng trầm trọng, bọn đế quốc điên rồ và mù quáng, liều lĩnh gây ra chiến tranh thứ ba *thì nhất định cả hệ thống đế quốc thế giới sẽ bị nhân dân các nước đập đổ*. Hòa bình vĩnh viễn sẽ được củng cố trên một thế giới dân chủ và xã hội chủ nghĩa thắng lợi.

Cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ là một bộ phận trong phong trào đấu tranh cho hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới. Dân tộc Việt Nam vừa chiến đấu để giành tự do và dân chủ cho mình, vừa đấu tranh cho hòa bình thế giới. Mỗi thắng lợi của kháng chiến Việt Nam là một viên gạch góp vào việc xây dựng lâu dài hòa bình. Nước Việt Nam đã thành một trong những tiền đồn của mặt trận hòa bình, dân chủ chống đế quốc, nhưng cũng bị bọn đế quốc coi như một vị trí chiến lược trên phòng tuyến đế quốc chống dân chủ. Lịch sử đã giao phó cho giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam nhiệm vụ giữ vững tiền đồn đó. Giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam quyết không phụ lòng tin cậy của nhân dân thế giới.

Cách mạng Việt Nam đang tiến hành trong những điều kiện thuận lợi của thế giới. Thắng lợi của nhân dân Trung Quốc và việc Liên Xô cùng các nước dân chủ nhân dân công nhận Việt Nam không mang lại những điều kiện mới có lợi cho kháng chiến Việt Nam đó sao? Mỗi thắng lợi của phong trào hòa bình thế giới là một thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Tiền đồ của thế giới và tiền đồ của Việt Nam là một. Lực lượng vĩ đại và đang lên của phe hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa nhất định sẽ thắng phe đế quốc. Dân tộc Việt Nam nhất định sẽ hoàn toàn đánh bại bọn xâm lược.

II- PHONG TRÀO DÂN CHỦ NHÂN DÂN TRÊN THẾ GIỚI

Trong chiến tranh và sau chiến tranh vừa rồi, một điều đáng chú ý là phong trào dân chủ nhân dân lan rộng và đã thành công ở nhiều nước. Hiện thời, trên thế giới có hai hiện tượng lịch sử lớn ảnh hưởng và quyết định vận mệnh các dân tộc và các cuộc cách mạng.

Một là, trong chiến tranh thứ hai, Liên Xô đã thắng lợi và cứu nhân loại khỏi họa phát xít, giúp cho nhân dân nhiều nước Đông Âu thoát khỏi ách Hítler, lập chế độ dân chủ nhân dân và đang bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở Viễn Đông, Liên Xô cũng giúp cho nhân dân nhiều nước thoát khỏi họa phát xít quân phiệt Nhật Bản, và đi vào con đường dân chủ nhân dân.

Trước chiến tranh thứ hai, chủ nghĩa xã hội đã thực hiện trên một phần sáu thế giới và đã mang lại hạnh phúc cho hàng trăm triệu người. Qua cơn thử thách ghê gớm của chiến tranh thứ hai, chế độ xã hội chủ nghĩa lại tỏ ra hơn chế độ tư bản về mọi mặt. Ngày nay, chủ nghĩa xã hội đang lan dần ra các nước dân chủ nhân dân chung quanh Liên Xô. Khối dân chủ và chủ nghĩa xã hội gồm hơn 800 triệu người, ăn liền một vệt từ Đông Đức đến tận Việt Nam, thành một thế rất vững và một lực lượng rất mạnh. Sự tồn tại của khối đó đủ kêu gọi, động viên, giúp đỡ nhân dân các nước đấu tranh giải phóng khỏi ách đế quốc.

Hai là, chiến tranh thứ hai đã kết thúc bằng sự thất bại của phát xít Đức - Ý - Nhật. Nhưng trong các nước đế quốc, cơ sở kinh tế của chủ nghĩa phát xít (tư bản tài chính độc quyền) và nguyên nhân phát sinh ra chiến tranh xâm lược

(chủ nghĩa tư bản phát triển không đều, kinh tế tư bản khủng hoảng trầm trọng, v.v.), vẫn còn. Cho nên, chủ nghĩa phát xít chưa mất hẳn. Lực lượng phát xít đang tập hợp lại và chủ nghĩa đế quốc Mỹ đã thay thế vai trò của chủ nghĩa Hítler. Hiện đế quốc Mỹ đã giày xéo lên những hiến chương và hiệp ước quốc tế ký với Liên Xô trong và sau chiến tranh thứ hai. Chúng đã xâm phạm đến quyền độc lập của những nước mácsan hóa. Bọn tay sai của chúng ở các nước đó đang ra sức rút hẹp và phá bỏ lần lần những quyền tự do dân chủ (dù chỉ là dân chủ tư sản). Tên trùm phát xít mới là đế quốc Mỹ và phe lũ đang thi hành chính sách quân phiệt, chuẩn bị chiến tranh tàn khốc, định tiêu diệt nhân dân các nước, hòng cứu vãn quyền lợi ích kỷ của tư bản độc quyền.

Hiện tượng thứ nhất thuộc về chủ nghĩa dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Hiện tượng thứ hai thuộc về chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa phát xít. Đó là hai nhân tố lịch sử quan trọng của thời đại này. Nhân tố thứ nhất tiêu biểu cho sức sống của xã hội mới đang lên. Nhân tố thứ hai tiêu biểu cho sức tàn của chủ nghĩa tư bản đang xuống. Hai cái đấu tranh với nhau quyết liệt. Phong trào cách mạng các nước trên thế giới hiện nay đang phát triển dưới ảnh hưởng sâu sắc của hai nhân tố chủ yếu đó.

Trong và sau chiến tranh, trực tiếp chịu ảnh hưởng của cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa phát xít, nhiều nước Đông Âu và Viễn Đông đã làm cách mạng đánh đổ quyền thống trị của bọn phát xít xâm lược và thành lập chế độ dân chủ nhân dân, trong khi chủ nghĩa xã hội thắng chủ nghĩa phát xít.

Những cuộc cách mạng đó *đều có tính chất dân tộc và dân chủ*. Một mặt nó trừ bỏ áp bức dân tộc của phát xít bên

ngoài, trừng trị bọn phản quốc, làm cho quốc gia hoàn toàn độc lập. Một mặt nó không thành lập hoặc dựng lại chế độ dân chủ đại nghị của tư sản, mà dựng nên chế độ dân chủ mới, dân chủ nhân dân. Những cuộc cách mạng như thế thắng lợi *đều do nhân dân làm động lực, giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản và Công nhân lãnh đạo*.

Hiện nay, vì trình độ phát triển kinh tế khác nhau, nên các nước dân chủ nhân dân trên thế giới chia ra làm hai hạng:

a) Hạng nước dân chủ nhân dân đã đủ điều kiện *thực hiện vô sản chuyên chính*, như các nước dân chủ nhân dân Đông Âu.

b) Hạng nước dân chủ nhân dân mới *thực hiện nhân dân dân chủ chuyên chính*, như Trung Quốc, Việt Nam, v.v..

Hai hạng nước đó giống nhau về hình thức của chế độ, vì hình thức đó đều là cộng hòa dân chủ nhân dân. Nhưng khác nhau về nội dung vì nội dung đó, một bên là vô sản chuyên chính, một bên là nhân dân dân chủ chuyên chính. Vô sản chuyên chính cao hơn nhân dân dân chủ chuyên chính một bậc.

Những nước dân chủ nhân dân Đông Âu, đại thể giống Liên Xô về nội dung, vì đều là vô sản chuyên chính, nhưng khác về hình thức, vì Liên Xô theo chế độ Xôviết, còn các nước đó theo chế độ dân chủ nhân dân. Xôviết là hình thức cao của vô sản chuyên chính, dân chủ nhân dân Đông Âu là hình thức thấp. Vô sản chuyên chính Liên Xô khác vô sản chuyên chính Đông Âu về trình độ: Liên Xô đang tiến lên chủ nghĩa cộng sản; các nước Đông Âu mới bắt đầu thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Dân chủ nhân dân Trung Quốc và dân chủ nhân dân Việt Nam giống nhau cả về hình thức lẫn nội dung. Vì hình

thức đó đều là dân chủ nhân dân và nội dung đó đều là nhân dân dân chủ chuyên chính. Song dân chủ nhân dân Trung Quốc cao hơn dân chủ nhân dân Việt Nam về trình độ: Trung Quốc căn bản đã làm xong nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đang thực hiện người cày có ruộng và ra sức kiến thiết quốc gia; còn Việt Nam thì tập trung lực lượng kháng chiến đang hoàn thành nhiệm vụ phản đế.

Dân chủ nhân dân là thời kỳ quá độ tiến tới chủ nghĩa xã hội. Bước tiến tới chủ nghĩa xã hội nhanh hay chậm tùy theo điều kiện của mỗi nước dân chủ nhân dân. Kinh tế phát triển và vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và của đảng công nhân là những điều kiện chính quyết định tốc độ tiến lên chủ nghĩa xã hội của mỗi nước đó. Ngoài ra, sự giúp đỡ của Liên Xô và sự can thiệp của đế quốc bên ngoài cũng ảnh hưởng đến tốc độ đó không ít: Liên Xô giúp đỡ tích cực sẽ làm cho một nước dân chủ nhân dân chóng thực hiện được chủ nghĩa xã hội; đế quốc can thiệp có thể làm chậm việc thực hiện đó một phần nào.

Phong trào dân chủ nhân dân càng ngày càng có tính chất phổ biến. Nó không phải riêng cho các nước Đông Âu hoặc cho các nước kỹ nghệ ở châu Âu, mà chung cho cả các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Quốc thành lập và nước Việt Nam dân chủ nhân dân đang trưởng thành trong kháng chiến, đó không phải là những chứng cứ cụ thể sao?

Trong điều kiện lịch sử hiện tại, cuộc đấu tranh giành độc lập của các thuộc địa và nửa thuộc địa không thể không chuyển thành đấu tranh giành dân chủ nhân dân.

Cách mạng Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của điều kiện lịch sử thế giới trong chiến tranh và sau chiến tranh thứ

hai. Liên Xô đánh bại phát xít Nhật và do đó, đã giúp cho Cách mạng Tháng Tám dễ thắng lợi.

Cách mạng Tháng Tám chống phát xít và bọn bù nhìn tay sai của chúng, lập chính quyền nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, là một cuộc cách mạng *dân tộc và dân chủ* thắng lợi đầu tiên ở một nước thuộc địa tại Đông Nam Á. Chính vì thế nên bọn đế quốc thế giới lo sợ và tích cực can thiệp, nguyện làm cho nó thất bại.

Chính quyền nhân dân Việt Nam vừa thành lập, chưa được củng cố, thì bọn đế quốc và tay sai của chúng bên ngoài can thiệp vào, thực dân Pháp trở lại xâm lược và bọn phản động trong nước ngóc đầu dậy. Cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, trừ nội phản diễn ra. Dân tộc Việt Nam vừa kháng chiến vừa kiến quốc, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam hiện nay là một cuộc chiến tranh cách mạng có tính chất dân tộc và dân chủ. Nó củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân và mở đường cho Việt Nam dần dần tiến tới chủ nghĩa xã hội.

III- PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG THUỘC ĐỊA VÀ NỬA THUỘC ĐỊA

Một đặc điểm nữa của thời kỳ sau chiến tranh thứ hai này là phong trào giải phóng thuộc địa và nửa thuộc địa sôi nổi và rộng lớn, lay chuyển hệ thống đế quốc chủ nghĩa đến tận nền tảng. Những thuộc địa và nửa thuộc địa từ địa vị là lực lượng dự trữ của chủ nghĩa đế quốc, đã chuyển thành lực lượng dự trữ của chủ nghĩa xã hội.

Sau chiến tranh thứ nhất, các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa cũng đấu tranh giành độc lập nhưng hãy còn rời rạc, lẻ tẻ. Vì khi đó, tuy thế giới tư bản đã bị rút hẹp một phần sáu, nhưng lực lượng tư bản hãy còn mạnh, phong trào công nhân ở các nước đế quốc và phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức chưa tổ chức rộng rãi, chưa mật thiết liên hệ với nhau và chưa có những đảng cộng sản lớn mạnh lãnh đạo. Sau chiến tranh vừa qua, tình hình thuộc địa và nửa thuộc địa đã khác hẳn.

Chiến tranh thứ hai đã kích thích các dân tộc bị áp bức đấu tranh chống lại bọn phát xít xâm lược. Sau chiến tranh, ba đế quốc phát xít Đức - Ý - Nhật đổ, là một dịp cho các dân tộc bị áp bức nổi dậy giành độc lập, tự do. Thắng lợi của quân đội Xôviết trong chiến tranh vừa rồi làm yếu thêm chủ nghĩa đế quốc và đã giải phóng cho nhiều dân tộc, đưa họ vào con đường dân chủ nhân dân. Những nước nguyên là thuộc địa, nửa thuộc địa như Việt Nam, Triều Tiên, Trung Quốc, v.v. đã thành những nước cộng hòa độc lập. Phong trào giải phóng lan rộng đến tận các nước lạc hậu châu Phi. Nó có tính chất phổ biến, mãnh liệt, dẻo dai mà đế quốc không thể nào đàn áp được: bị dập tắt chỗ này, nó bùng lên chỗ khác, có lúc tạm thời thất bại nhưng hồi phục rất mau. Nói chung, trình độ giác ngộ, tổ chức và đấu tranh của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa cao hơn trước. Có nhiều dân tộc đang đấu tranh vũ trang chống đế quốc và bọn bù nhìn tay sai của chúng, như: Mã Lai, Diến Điện, Nam Dương, Phi Luật Tân, Triều Tiên, Việt Nam, Cao Miên, Ai Lao, v.v..

Đấu tranh vũ trang đã thành hình thức đấu tranh chủ yếu của các dân tộc khao khát tự do, độc lập. Giai cấp công nhân và các Đảng Cộng sản và Công nhân ở các thuộc địa,

nửa thuộc địa phần nhiều đã trưởng thành và nắm vững quyền lãnh đạo cách mạng. Bọn đế quốc Anh, Pháp, Hà, v.v., vì chiến tranh mà suy yếu và mất hết uy thế đối với các dân tộc thuộc địa. Đế quốc Mỹ đã giơ bộ mặt đều căng của chúng ra. Chính sách "chia để trị" của bọn đế quốc đã thất bại đau đớn. Lúc này, như Gianóp¹⁾ đã nói:

"Dân tộc thuộc địa không muốn sống như trước nữa. Giai cấp thống trị ở chính quốc cũng không thể cai trị thuộc địa như trước được nữa" ²⁾.

Giờ giải phóng của các dân tộc đã đến. Hệ thống thuộc địa của đế quốc đang bị đả kích dữ dội.

Sự cường thịnh của *Liên Xô* và các nước dân chủ nhân dân khuyến khích và giúp đỡ các dân tộc bị áp bức đang chiến đấu tự giải phóng. Ngày nay, đánh bại bọn đế quốc Mỹ và bè lũ chó săn của chúng, giải phóng cho một phần tư nhân loại khỏi ách đế quốc, nhân dân *Trung Quốc* lại vừa giáng cho chủ nghĩa đế quốc thế giới một chùy rất nặng. Thắng lợi vĩ đại đó đang thúc giục các dân tộc bị áp bức và nhân dân toàn thế giới nổi dậy chống đế quốc. Thắng lợi của nhân dân *Trung Quốc* thật có tính chất quyết định.

Noi gương nhân dân *Trung Quốc*, hàng trăm triệu nhân dân thuộc địa và các nước phụ thuộc đấu tranh ngày một mạnh. Phong trào đấu tranh của các dân tộc đó đã thành một bộ phận khăng khít của phong trào hòa bình, dân chủ thế giới chống bọn đế quốc gây chiến.

1) Gianóp, tức Giordanóp A.A. (1896-1948): Từ 1935 Ủy viên Ban Chấp hành, sau đó Ủy viên Chủ tịch Đoàn Quốc tế Cộng sản; Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô (B.T).

2) Báo cáo Hội nghị chín Đảng Cộng sản và Công nhân châu Âu (9-1947).

Để đối phó với phong trào giải phóng thuộc địa, *đế quốc Anh* thi hành một chính sách hai mặt. Một mặt chúng tuyên bố thừa nhận quyền "độc lập" của các dân tộc, nhưng đó chỉ là độc lập giả hiệu, cốt để ngụy trang cho chế độ thuộc địa và yểm hộ cho chính sách áp bức bóc lột của chúng. Mặt khác, chúng giúp vũ khí, tiền tài cho bọn phong kiến và tư sản phản động bản xứ, dùng bọn này làm tay sai đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân.

Đế quốc Pháp trái lại, vẫn duy trì chính sách cổ truyền, ôm khư khư lấy thuộc địa và đàn áp thẳng cánh, thí dụ như ở Mã Đảo¹⁾. Riêng ở Đông Dương, bị các dân tộc Việt, Miên, Lào võ trang chống lại kịch liệt, chúng cũng muốn theo chính sách hai mặt của đế quốc Anh, công nhận độc lập giả hiệu của Việt Nam, Cao Miên, Ai Lao và ra sức tổ chức ngụy quyền, tuyển mộ ngụy quân, đặt dưới quyền chỉ huy của chúng, để khi nào chúng "bình định" xong thì thay thế cho "quân đội viễn chinh". Những cuộc kháng chiến của các dân tộc Việt, Miên, Lào ngày thêm quyết liệt. Quân đội viễn chinh của Pháp bị sa lầy ở Đông Dương. Đế quốc Pháp - Mỹ bắt quân đội đó phải tiếp tục đánh các dân tộc Đông Dương, hòng biến Đông Dương thành căn cứ quân sự để chuẩn bị chiến tranh cho Mỹ. Cho nên đế quốc Pháp không thể bỏ lối chiếm đóng về quân sự và trực tiếp đàn áp bằng võ lực. Thành ra việc chúng công nhận độc lập giả hiệu của Việt Nam, Ai Lao, Cao Miên cũng như không.

Còn *đế quốc Mỹ* thì sao? Chúng can thiệp vào thuộc địa của các đế quốc khác, thi hành "điểm bốn" của kế hoạch Tờuman, tìm hết cách đầu tư vào thị trường các nước, lôi

1) Mã Đảo: Madagatxca (B.T).

kéo bọn bù nhìn ở thuộc địa, giúp tiền và vũ khí cho các đế quốc Anh, Pháp, Hà và bù nhìn, dùng những bọn đó đàn áp phong trào dân tộc giải phóng. Do đó đế quốc Mỹ lấn dần quyền lợi thuộc địa của Anh, Pháp, Hà và biến thuộc địa của người thành thị trường và căn cứ quân sự của mình, dặng vơ vét làm giàu thêm và chuẩn bị chiến tranh thứ ba. Đế quốc Mỹ hiện là kẻ thù nguy hiểm nhất của các dân tộc bị áp bức.

Nhưng bất cứ dùng cách gì, bọn đế quốc cũng không thể phá được phong trào giải phóng của các dân tộc bị áp bức. Thời kỳ "oanh liệt" của chúng đã qua rồi. Càng đấu tranh, các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa càng nhận rõ chỉ có một con đường cứu sống. Con đường đó là:

1- Đoàn kết dân tộc, lập thành mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, gồm tất cả mọi lực lượng chống đế quốc và bọn phản quốc, không phân biệt chủng tộc, giai cấp, tôn giáo, khuynh hướng chính trị. Mặt trận đó phải dựa trên nền tảng công nông liên minh.

2- Mật thiết liên hệ với phong trào công nhân thế giới, đặc biệt là phong trào công nhân chính quốc; lập mặt trận với giai cấp vô sản và nhân dân lao động chính quốc, chống kẻ thù chung là bọn đế quốc. Mật thiết liên hệ với phong trào hòa bình, dân chủ thế giới; đứng hẳn vào phe dân chủ chống đế quốc, do Liên Xô lãnh đạo.

3- Chiến đấu trường kỳ chống bọn đế quốc xâm lược; phối hợp đấu tranh chính trị và kinh tế với đấu tranh vũ trang, coi đấu tranh vũ trang là hình thức đấu tranh chủ yếu để giải phóng dân tộc.

4- Phong trào cách mạng nói chung và đặc biệt là mặt trận dân tộc, quân đội giải phóng và chính quyền nhân dân, đều phải đặt dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, giai cấp quyết tâm nhất và trung thành nhất với sự nghiệp giải

phóng dân tộc, và đặt dưới quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Công nhân, đội tiên phong của giai cấp tư sản hay tiểu tư sản và chính đảng của họ, vì các giai cấp đó dễ thỏa hiệp với đế quốc và đưa dân tộc đến chỗ thất bại. (Những nước lạc hậu chưa có đảng cộng sản và công nhân thì phải mật thiết liên lạc và chịu sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân).

Đó là con đường giải phóng duy nhất của các dân tộc bị áp bức để đi đến độc lập thật sự. Nhân dân Trung Quốc và nhân dân Việt Nam thắng lợi chính vì đã và đang đi con đường đó. Cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam hiện nay chống đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ cùng phe lũ bù nhìn, chó săn của chúng, là một hình thức đấu tranh quyết liệt để giành độc lập, dân chủ và bảo vệ hòa bình. Đứng trong hàng ngũ các dân tộc ở Đông Nam Á, dân tộc Việt Nam có nhiệm vụ giúp đỡ các dân tộc đó. Hơn nữa, trong khi làm chiến tranh tự vệ, dân tộc Việt Nam thực tế giúp đỡ nhân dân Pháp và các dân tộc thuộc địa của Pháp đấu tranh chống đế quốc Pháp. Đồng thời, phong trào bảo vệ hòa bình và cuộc vận động phản chiến của nhân dân Pháp và phong trào chống thực dân ở các thuộc địa của Pháp, là những lực lượng viện trợ đối với cuộc kháng chiến của Việt Nam.

*
* *

Tóm lại, xét tình hình thế giới sau chiến tranh thứ hai, ta thấy gì?

1- Thế giới đang bị lay chuyển dữ dội bởi những mâu thuẫn dưới đây:

- a) Mâu thuẫn giữa tư bản độc quyền với nhân dân lao động;
- b) Mâu thuẫn giữa đế quốc áp bức với nhân dân thuộc địa, nửa thuộc địa;
- c) Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với nước xã hội chủ nghĩa và các nước dân chủ nhân dân;
- d) Mâu thuẫn giữa đế quốc với đế quốc.

Những mâu thuẫn đó ngày thêm sâu sắc, biểu lộ một cuộc tổng khủng hoảng của thế giới tư bản đang giãy chết.

2- Hòa bình thế giới đang bị bọn đế quốc gây chiến uy hiếp dữ dội; nhưng lực lượng hòa bình, dân chủ do Liên Xô lãnh đạo, đã mạnh hơn lực lượng đế quốc chủ nghĩa. Mặt trận hòa bình thế giới đã thành lập, thống nhất mọi lực lượng hòa bình, chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng. Bọn đế quốc do Mỹ cầm đầu gây ra chiến tranh thứ ba, tức là tự sát.

3- Phong trào dân chủ nhân dân đang được củng cố và phát triển. Các nước dân chủ nhân dân Đông Âu đang xây dựng cơ sở của chủ nghĩa xã hội. Công cuộc kiến thiết của Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Quốc rất tiến bộ. Những việc đó đang khuyến khích các dân tộc mạnh dạn đi vào con đường dân chủ nhân dân.

4- Phong trào giải phóng ở thuộc địa và nửa thuộc địa ngày càng sôi nổi và quyết liệt. Nhiều dân tộc bị áp bức đang đứng dậy đấu tranh vũ trang, đánh vào cơ sở rộng lớn của địch, làm rung chuyển cả hệ thống đế quốc và làm cho phe dân chủ và xã hội chủ nghĩa thêm mạnh.

5- Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa thế giới. Cuộc kháng chiến của Việt Nam được nhân dân thế giới ủng hộ nhiệt liệt và dân tộc Việt Nam có nhiệm vụ rất lớn đối với thế giới:

trong khi bảo vệ tự do, độc lập của mình, dân tộc Việt Nam bảo vệ hòa bình thế giới và phát triển chế độ dân chủ nhân dân ở Đông Nam Á. Thuận chiều tiến của trào lưu thế giới và phát triển trong những điều kiện thuận lợi của thế giới, kháng chiến Việt Nam tuy còn gian khổ, nhưng nhất định sẽ thành công.

PHẦN THỨ HAI

TÍNH CHẤT XÃ HỘI VIỆT NAM VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

I- TÍNH CHẤT XÃ HỘI VIỆT NAM

Đất nước Việt Nam

Việt Nam ta là một nước có hơn hai nghìn năm lịch sử, thuộc bán đảo Đông Dương. Từ năm 1884 đến 1945, nước ta là một thuộc địa. Năm 1945, dân tộc ta đã khởi nghĩa giành chính quyền, lập được chế độ dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á nhưng bị đế quốc xâm lược lại, nên đang kháng chiến, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn.

Nước ta có 21 triệu người, tập trung nhất ở đồng bằng. Trong 21 triệu người đó, người Việt tiến bộ nhất, chiếm gần 19 triệu. Ngoài ra, có hơn 2 triệu người thiểu số (Ra Đê, Nùng, Thái, Thổ, Mường, Mán, Mèo, v.v.). Dân tộc Việt Nam là một dân tộc đã từng tự lập, tự cường, vốn cần cù chăm chỉ, yêu chuộng văn hóa và tự do.

Việt Nam có hai đồng bằng phì nhiêu khá rộng ở Nam Bộ và Bắc Bộ, bồi đắp bởi đất phù sa của hai con sông lớn Cửu Long và Hồng Hà, rất lợi cho việc cày cấy. Rừng núi chiếm

một phần lớn diện tích, có nhiều lâm sản, khoáng sản, thuận tiện cho việc mở mang kinh tế.

Địa thế nước ta dài, bề ngang Trung Bộ hẹp, kẹp giữa dãy núi Trường Sơn và biển Thái Bình Dương. Người ta thường ví nước ta như một cái đòn, gánh hai thúng thóc.

Về vị trí, nước ta đông và nam giáp biển; bắc giáp Trung Quốc, một trong những nước lớn nhất thế giới, có một nền văn minh lâu đời, đã thành lập chế độ dân chủ nhân dân; tây giáp Ai Lao, Cao Miên là hai nước thuộc địa của Pháp. Quá về phía tây nữa là Ấn Độ, một nước lớn phụ thuộc vào Anh, có một nền văn minh rất cổ. Ngoài ra, nước ta không xa những căn cứ khác của đế quốc, không xa những thuộc địa đang đấu tranh giành độc lập, như Cao Miên, Ai Lao, Diên Điện, Mã Lai, Nam Dương, Phi Luật Tân; nhưng lại ở xa nước Pháp. Thắng lợi của nhân dân Trung Quốc đã nối liền nước ta với khối các nước dân chủ và xã hội chủ nghĩa, chạy dài một vệt từ Trung Âu đến Đông Nam Á.

Vị trí trên đây làm cho nước ta từ lâu đã chịu ảnh hưởng văn hóa Trung, Ấn, đặc biệt là ảnh hưởng chính trị của Trung Quốc, và hiện nay, nước ta đã thành một trong những vị trí tiên phong của phe dân chủ chống đế quốc và một "căn cứ chiến lược" ở Đông Nam Á, mà phe đế quốc muốn chiếm giữ để chống lại phe dân chủ.

Nước Việt Nam cũ

Qua thời đại cộng sản nguyên thủy, xã hội Việt Nam sống dưới chế độ nô lệ trong một thời gian tương đối ngắn. Chịu ảnh hưởng của chế độ phong kiến Trung Quốc, chế độ phong kiến Việt Nam thành lập khá sớm.

Nền tảng xã hội phong kiến Việt Nam là kinh tế nông

ngiệp, mà một phần lớn là kinh tế tự nhiên, có tính cách tự cấp tự túc. Ruộng đất là của nhà vua. Vua có quyền cất đất cho các công thần. Những thái điền, thái ấp, thác đao điền, những chức bá hộ, thiên hộ do vua phong, v.v. là những chứng cứ xác thực.

Nông dân chiếm số rất đông trong nhân dân. Hàng nghìn năm, họ bị quý tộc, phong kiến, địa chủ trong nước áp bức và trước sau có đến hơn một nghìn năm, dưới ách đô hộ của vua chúa Trung Quốc, họ bị hai tầng quý tộc phong kiến trong nước và ngoài nước hà hiếp, bóc lột. Khi nào khổ cực quá, họ khởi nghĩa, lúc đó có ba trường hợp xảy ra:

Hoặc bọn quý tộc phong kiến này lợi dụng sức chiến đấu của họ, đánh ngã bọn quý tộc phong kiến kia đăng cầm quyền, dùng lưng họ làm bậc thang nhảy lên đài thống trị, rồi quay lại áp bức bóc lột họ.

Hoặc bọn phong kiến dân tộc dựa vào tinh thần ái quốc của họ, đánh đuổi bọn thống trị phong kiến nước ngoài, độc chiếm quyền áp bức bóc lột họ.

Hoặc họ tự động khởi nghĩa chống thù trong giặc ngoài. Nhưng khi thành công, bọn người lãnh đạo xuất thân từ nhân dân, thường có liên hệ kinh tế với phong kiến nên dễ phong kiến hóa, nhập cục với tầng lớp phong kiến cũ mà đặc quyền đặc lợi chưa bị xóa bỏ - đăng áp bức bóc lột họ.

Những lần họ đấu tranh rộng rãi và mãnh liệt đều đưa đến một cuộc thay đổi triều đại trong nước, hoặc một cuộc giải phóng dân tộc rất vẻ vang. Mỗi lần chống ngoại xâm là một lần mặt trận dân tộc thống nhất thực hiện và nông dân là nền tảng của mặt trận. Trong xã hội phong kiến Việt Nam trước kia, nông dân đấu tranh thật là động lực của lịch sử dân tộc, và lịch sử xã hội phong kiến Việt Nam căn bản là

lịch sử nông dân đấu tranh. Những lần đấu tranh quyết liệt kết quả tuy có làm cho đời sống của nông dân được cải thiện đôi chút, nhưng chung quy họ vẫn bị trị và điều kiện xã hội của họ căn bản vẫn như cũ. Chế độ phong kiến có tính chất châu Á đã cản trở kinh tế Việt Nam phát triển và làm cho xã hội Việt Nam đình trệ trong một thời gian rất lâu.

Trong thế kỷ thứ XVII, dưới đời Lê mạt, hai bọn phong kiến miền Bắc và miền Nam (Trịnh, Nguyễn) đánh nhau, nông dân Việt Nam bị hy sinh nhiều. Đến thế kỷ thứ XVIII, nhiều cuộc nông dân khởi nghĩa¹⁾ đã nổ ra và sau cùng là Tây Sơn (1771-1802), một cuộc vận động cách mạng của nông dân rộng khắp toàn quốc và có tính chất chống phong kiến trong nước (Lê, Trịnh, Nguyễn) và ngoài nước (Mãn Thanh). Kết quả của phong trào Tây Sơn là đánh đổ được bọn phong kiến nước ngoài xâm lược và bọn phong kiến trong nước phản quốc, giải phóng dân tộc, cải cách ruộng đất cho nông dân một phần nào. Nhưng vì điều kiện khách quan và chủ quan đều thiếu thốn, nhất là không có một giai cấp tiên tiến và chính đảng của nó lãnh đạo, cuộc cải cách của Tây Sơn đã bị bỏ dở.

Đầu thế kỷ thứ XIX, bọn phong kiến nhà Nguyễn lên cầm quyền, đàn áp phong trào Tây Sơn một cách vô cùng tàn khốc, nhưng không dám xóa bỏ hết những cải cách ruộng đất mà Tây Sơn đã bắt đầu. Cho nên, ta có thể nói: cùng với phong trào khẩn hoang ở miền Nam, việc khai mở của người Trung Quốc ở Bắc Bộ và việc mở mang thương nghiệp của người Trung Quốc, người Nhật và người Âu ở một vài thị trấn

1) Như những phong trào Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Nguyễn Hữu Cầu, Nguyễn Danh Phương, Hoàng Công Chất.

nước ta trong thế kỷ thứ XVII và thế kỷ thứ XVIII¹⁾, những cải cách của Tây Sơn đã góp một phần vào việc phát triển thành phần tiền tư bản trong kinh tế Việt Nam. Nhưng cho đến khi bị thực dân Pháp xâm chiếm, xã hội Việt Nam *vẫn là xã hội phong kiến, đặt dưới chế độ phong kiến tập quyền*.

Dưới thời thuộc Pháp

Từ 1862 đến 1884, bị thực dân Pháp đánh chiếm, nước Việt Nam trở thành một thuộc địa của Pháp.

Đầu tiên thực dân Pháp chở hàng vào Việt Nam để bán, sau đem tư bản vào kinh doanh. Trong thời kỳ đầu, chúng coi Đông Dương căn bản là một thị trường tiêu thụ hàng hóa của chính quốc, một nơi cho vay lấy lãi và một căn cứ đóng quân. Ngân hàng Đông Dương thực tế nắm quyền thống trị. Việc phát hành giấy bạc và cho vay là chính, việc khai mỏ, lập đồn điền và mở nhà máy rất phụ thuộc. Tuy nhiên kinh tế Việt Nam đã có thêm thủ đoạn sản xuất mới và tính chất tự cấp tự túc của nó đã bị lay chuyển. Công nhân kỹ nghệ đã xuất hiện trong xã hội Việt Nam, tuy chưa thành một giai cấp hẳn hoi.

Trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất, vì điều kiện giao thông vận tải giữa Đông Dương và nước Pháp có khó khăn, thực dân Pháp đã phải mở thêm kỹ nghệ ở Việt Nam. Sau chiến tranh lần thứ nhất, chúng thi hành chính sách "đặc biệt khai thác thuộc địa" để vơ vét của cải nước ta, bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra. Từ đó, ở Việt Nam kỹ nghệ bắt đầu phát triển, nhưng chỉ phát triển trong phạm vi kỹ nghệ khai mỏ và kỹ nghệ nhẹ. Ngoài ra, một số đồn

1) Phố Hiến (Hưng Yên), Hội An, Đà Nẵng (Quảng Nam).

diên trồng cây kỹ nghệ, đặc biệt là đồn điền cao su, được mở mang thêm.

Với sự phát triển của tư bản Pháp, hai giai cấp mới của xã hội Việt Nam thành hình: giai cấp công nhân, rồi đến giai cấp tư sản. Nông dân và tiểu tư sản thành thị bị bóc lột nặng nề, nên một số khá đông bán cùng hóa và phá sản nhanh chóng. Số người vô sản hóa vào nhà máy, hầm mỏ, di phu đồn điền, ngày một đông. Đồng thời, một số địa chủ, phú nông và tiểu tư sản thành thị cất hàng của Pháp, thầu khoán và "tiếp liệu" cho Pháp, chia lợi với thực dân Pháp, trở nên giàu có (tư sản mại bản). Một số bỏ vốn kinh doanh lập xưởng, nhưng không đương đầu nổi với sự cạnh tranh của tư bản Pháp (tư sản dân tộc). Vì thực dân Pháp kìm hãm việc mở mang công, thương nghiệp của người Việt Nam, nên một số địa chủ Việt Nam tuy bỏ vốn kinh doanh công, thương nghiệp, nhưng vẫn không lìa bỏ việc bóc lột bằng ruộng đất và một số tư sản thành thị quay ra tậu ruộng, lập đồn điền. Chủ nghĩa tư bản Việt Nam thật là một đứa con đẻ muộn, gầy ốm, bị hắt hủi của thế giới tư bản đã già cỗi.

Phải kể thêm tư bản Hoa kiều và Ấn kiều. Bọn này lẫn cả tư bản Việt Nam về buôn bán và cho vay. Họ vừa bị thực dân Pháp kìm hãm, vừa làm mại bản cho tư bản Pháp.

Song cả tư bản Pháp, tư bản Việt Nam và tư bản Hoa Kiều, Ấn kiều cũng chỉ chiếm một phần nhỏ trong kinh tế Việt Nam và hầu hết là ở thành thị. Những hình thức bóc lột phong kiến và nửa phong kiến ở Việt Nam vẫn còn nhiều, nhất là trong nông thôn.

Chế độ nông nô ở các miền dân tộc thiểu số, dưới nhiều hình thức khác nhau như chế độ phìa, tạo (Sơn La, Lai Châu), chế độ lang đạo (Hòa Bình, Thanh Hóa, v.v.) và chế

độ thổ ty ở nhiều miền rừng núi khác. Chế độ tá điền với địa tô chính và địa tô phụ, phổ thông ở các miền trung châu và đồng bằng. Phu sai tạp dịch của thực dân và phong kiến, giao kèo nô lệ ở các đồn điền của Pháp; thói đánh đập, chửi mắng người làm công; chế độ nô bộc (đi ở không công) trong gia đình; chế độ đa thê, một hình thức của chế độ nô bộc trá hình; tiền công chết đói và giờ làm không có hạn, chế độ ăn công làm khoán, cho vay cắt họng và thuế khóa nặng nề, nhất là thuế thân của thực dân Pháp, v.v..

Đó là những di tích phong kiến và nửa phong kiến mà đế quốc Pháp cố duy trì và lợi dụng để bóc lột nhân dân lao động Việt Nam. Tuy nhiên, chế độ thuộc địa và sự phát sinh của chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam đã làm cho chế độ phong kiến Việt Nam bị thu hẹp lại, pha trộn đi, hóa đi một phần nào.

Chế độ thuộc địa của Pháp ở Việt Nam có những đặc điểm gì?

Nước Pháp là một nước tư bản kỹ nghệ không phát triển mấy, lại ở xa Việt Nam, là một nước giàu nguyên liệu, sẵn nhân công. Nên chính sách thuộc địa của Pháp ở Việt Nam là một chính sách hẹp hòi, bảo thủ, bao gồm hai mặt: một mặt muốn khai thác để bóc lột làm giàu và do đó đã kích thích chủ nghĩa tư bản Việt Nam thành lập, nhưng một mặt lại sợ tư bản Việt Nam cạnh tranh, cho nên kìm hãm sự phát triển của nó; lấn át chế độ phong kiến cũ của Việt Nam, đồng thời duy trì cơ sở của chế độ đó và lợi dụng để áp bức, bóc lột.

Chính sách thuộc địa của đế quốc Pháp thi hành ở Việt Nam có thể tóm tắt như dưới đây:

a- Khai thác nguyên liệu cung cấp cho kỹ nghệ chính quốc, và chỉ mở kỹ nghệ nhẹ ở Việt Nam để sản xuất tại chỗ những thứ gì không cạnh tranh được với kỹ nghệ bên Pháp.

Còn kỹ nghệ nặng thì giữ độc quyền cho chính quốc. Do đó, kinh tế Việt Nam luôn luôn phụ thuộc vào kinh tế Pháp và tư sản dân tộc, tiểu thương, tiểu chủ Việt Nam không ngóc đầu lên được.

Dùng chính sách chiếm đất lập đồn điền. Chính sách đó cộng với những thủ đoạn áp bức, bóc lột tàn nhẫn khác của thực dân Pháp và của địa chủ phong kiến Việt Nam, làm cho ruộng đất ở Việt Nam ngày một tập trung thêm. Nông dân càng ngày càng thiếu đất ¹⁾.

Duy trì những hình thức bóc lột phong kiến cũ, đặt bóc lột nhân công rẻ mạt, nên không cần cải tiến kỹ thuật mấy vẫn kiếm được nhiều lợi. Kinh tế Việt Nam bị hãm trong vòng lạc hậu một phần cũng vì đó. Dùng chính sách làm cho dân đói để dễ tuyển nhân công. Nhân công càng rẻ mạt, công nhân càng bị bạc đãi: công nhân khác nào như nửa nô lệ và bần, cố nông khác nào nửa nông nô.

Nắm hết quyền thu thuế quan và đặt hàng rào thuế quan chung quanh Đông Dương để biến Việt Nam, cũng như Cao Miên, Ai Lao thành thị trường riêng của tư bản Pháp, rồi chở hàng sang hoặc chế tại chỗ với giá vốn tương đối hạ (vì sẵn nguyên liệu và nhân công), đặt bán đắt cho nhân

1) Theo thống kê của Pháp đăng trong "Bulletin économique" tháng 10-1945 và trong "Annuaire statistique 1943-1946", thì trên 58% tổng số gia đình nước ta không có đất; những gia đình có từ 5 mẫu tây trở xuống chiếm 39 % tổng số gia đình và 28,48% ruộng đất; những gia đình có từ 5 đến 50 mẫu tây chiếm trên 2% tổng số gia đình và 28,14% ruộng đất; những gia đình có trên 50 mẫu tây chiếm 0,16% tổng số gia đình và 31,52% ruộng đất. Công điền chiếm 14,86%. Trong tổng số đất đai trên đây, riêng bọn địa chủ chiếm gần 20%. Các hội truyền giáo ngoại quốc, các nhà thờ đạo, các thánh thất Cao đài cũng chiếm một phần không nhỏ.

dân Việt Nam, nhân đó kiếm được siêu lợi nhuận thuộc địa cao. Đặt một chế độ thuế khóa vô cùng hà khắc: thuế thân, thuế ruộng, thuế môn bài và hàng trăm thứ thuế khác. Đế quốc Pháp là một đế quốc vơ vét tàn nhẫn.

Chiếm độc quyền phát hành giấy bạc, thiết lập một hệ thống ngân hàng đồ sộ để cho vay lấy lãi. Tư bản tài chính Pháp khào một con bạch tuộc già thò vòi sang Đông Dương hút máu, hút mỡ nhân dân Việt Nam và Việt Nam thật ra là thuộc địa của Ngân hàng Đông Dương.

b- Để thi hành chính sách bóc lột kinh tế trên đây, thực dân Pháp đặt một bộ máy đàn áp có tính chất cảnh sát và quan liêu cực kỳ dã man và hủ bại, lập chính quyền bù nhìn của bọn vua quan và cường hào, dùng làm khí cụ giúp chúng áp bức, bóc lột nhân dân. Thi hành chính sách khủng bố, thẳng tay đàn áp mọi cuộc vận động dân tộc và dân chủ.

Gây thù hằn giữa các dân tộc Việt - Miên - Lào, giữa các dân tộc đa số và thiểu số, lôi kéo một số phong kiến địa chủ, tư sản và trí thức Việt Nam. Chia Việt Nam thành ba kỳ, với ba chế độ cai trị khác nhau (Nam Kỳ là thuộc địa, Trung Kỳ là bảo hộ, Bắc Kỳ là nửa thuộc địa, nửa bảo hộ). Mục đích của đế quốc Pháp là chia để trị.

Đầu độc nhân dân bằng thuốc phiện, rượu cồn, hạn chế nhân dân học tiếng mẹ đẻ. Dùng bọn giáo sĩ phản động nô dịch tinh thần quần chúng. Ra sách báo phản động, thần bí và trụy lạc, phát triển văn hóa ngu dân. Đế quốc Pháp vẫn có tiếng là khéo lừa phỉnh, dối trá.

Kết quả chính sách thuộc địa của Pháp trên đây là: *dưới chế độ thực dân,*

- 1- Chủ nghĩa tư bản xuất hiện ở Việt Nam;
- 2- Chế độ phong kiến của Việt Nam đã bị thu hẹp và xã

hội phong kiến Việt Nam đã mất tính chất thuần túy phong kiến;

3- Nước Việt Nam mất hẳn quyền độc lập, bị phụ thuộc vào nước Pháp về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa và không thể thống nhất;

4- Những hình thức áp bức, bóc lột của thực dân và phong kiến, nửa phong kiến kết hợp lại, đè lên các tầng lớp nhân dân Việt Nam, đặc biệt là công nông, một cách hết sức nặng nề;

5- Lực lượng kinh tế tiềm tàng của Việt Nam không thể phát triển, nước Việt Nam không thể trở nên giàu mạnh.

Lịch sử Việt Nam trong gần một thế kỷ nay là lịch sử của dân tộc Việt Nam chống lại chính sách thuộc địa tàn khốc của thực dân Pháp, và lịch sử cách mạng Việt Nam trong một phần năm thế kỷ thứ XX này là lịch sử đấu tranh giành độc lập và dân chủ của nhân dân Việt Nam do giai cấp công nhân và chính đảng của nó, Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo.

Trong chiến tranh thế giới vừa rồi, phát xít Nhật xâm lấn Việt Nam. Bọn phản động Pháp ở thuộc địa cũng như một phần tư bản bên Pháp đã phát xít hóa. Hai ách phát xít Nhật - Pháp lại làm cho chính sách thuộc địa trên đây khắc nghiệt gấp bội và nhân dân Việt Nam thống khổ thêm. Một mặt, phát xít Nhật đánh nhau với Đồng minh, vơ vét lúa gạo Việt Nam tiếp tế cho quân đội Nhật và bắt nông dân Việt Nam trồng cây kỹ nghệ cần thiết cho chiến tranh. Mặt khác, thực dân Pháp đầu hàng Nhật, vừa tích trữ thóc gạo để cung cấp cho quân đội Nhật, vừa vơ vét tài sản chuyên chở ra ngoài. Vì thế, hơn hai triệu đồng bào ta chết đói trong vòng

chín tháng, hàng chục vạn dân cày phá sản, ruộng đất lại tập trung thêm.

Từ 1940 đến 1944, bốn cuộc khởi nghĩa bùng nổ: Bắc Sơn (1940), Nam Kỳ (1940), Đô Lương (1941), Đình Cả (1944). Trong quá trình đấu tranh quyết liệt đó, Quân Giải phóng Việt Nam và căn cứ địa du kích thành lập. Sau khi Nhật đảo chính (9-3-1945), Việt Minh khởi nghĩa ở nhiều nơi. Chính quyền nhân dân thành lập ở Khu Giải phóng gồm sáu tỉnh Việt Bắc. Một phần nhỏ ruộng đất của Pháp và Việt gian được chia cho nông dân (Bắc Ninh, Bắc Giang, v.v.). Chế độ dân chủ mới đã chớm nở.

Tóm lại, từ khi bị đế quốc Pháp thống trị đến Cách mạng Tháng Tám, xã hội Việt Nam là một xã hội thuộc địa và nửa phong kiến.

Từ Cách mạng Tháng Tám

Tháng 8-1945, bị Hồng quân Liên Xô đánh bại, phát xít Nhật đầu hàng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, Mặt trận Việt Minh cùng toàn thể nhân dân Việt Nam Tổng khởi nghĩa, lật đổ ách thống trị của phát xít Nhật, thiết lập chính quyền nhân dân trong toàn quốc. Ngày 2-9-1945, Hồ Chủ tịch tuyên bố trước quốc dân và thế giới: *nước Cộng hòa dân chủ Việt Nam ra đời*.

Từ ngày thành lập, chính quyền nhân dân đã thực hiện được những cải cách dân chủ gì?

Về kinh tế, tài chính, tịch thu một phần tài sản và xí nghiệp của thực dân và bọn phản quốc giao cho chính quyền nhân dân quản lý, thành lập những xí nghiệp của Nhà nước, tạm cấp ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cho dân cày nghèo, giảm tô, giảm tức; gây dựng hợp tác xã, dân chủ hóa thuế khóa, cải cách chế độ lương bổng, phát hành giấy bạc, v.v..

Về chính trị và quân sự, thủ tiêu chế độ cai trị của bọn đế quốc và chế độ vua quan, cường hào, lập Chính phủ cộng hòa dân chủ, thảo Hiến pháp, mở Tổng tuyển cử, bầu Quốc hội và các Hội đồng nhân dân, lập hệ thống Ủy ban nhân dân (hiện nay là Ủy ban kháng chiến hành chính), ban hành các quyền tự do dân chủ, lập Liên-Việt để mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất; củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng; tổ chức quân đội và công an nhân dân, trừng trị bọn phản quốc, tiến hành chiến tranh tự vệ, phát động thi đua ái quốc và tổng động viên nhân lực, vật lực, tài lực để kháng chiến; giao hảo với Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân.

Về xã hội và văn hóa, đặt Luật lao động, vận động đời sống mới, phát triển bình dân học vụ, phát triển văn hóa giáo dục dân tộc và dân chủ.

Những cải cách quan trọng trên đây đã làm cho chế độ dân chủ Việt Nam có tính chất *dân chủ nhân dân*. Song vì bọn đế quốc xâm lược và đặt lại chế độ thuộc địa và quan liêu trên một phần nước ta, vì ta phải tập trung lực lượng đánh đuổi đế quốc, chưa cải cách ruộng đất được mạnh, vì trình độ kinh tế của ta còn thấp kém, kỹ nghệ nặng chưa có, kinh tế Nhà nước và kinh tế hợp tác xã chưa phát triển, v.v., nên chế độ dân chủ nhân dân của ta đang ở trình độ thấp và ngay dưới chế độ đó, những di tích phong kiến mới bị thu hẹp, chưa được thủ tiêu. Trong chế độ dân chủ nhân dân Việt Nam, *chính trị phát triển hơn kinh tế*. Sự chênh lệch đó chính là một nhược điểm của chế độ mới mà chỉ có đánh đuổi đế quốc, thủ tiêu những di tích phong kiến, mới xóa bỏ được.

Ngày 23-9-1945, thực dân Pháp khởi hấn ở Nam Bộ, toan giật lại quyền cũ. Cuộc kháng chiến bắt đầu ở miền Nam. Mặc dầu Chính phủ nhân dân Việt Nam đã nhiều lần biểu lộ

ý chí hòa bình của mình, ngày 19-12-1946, sau nhiều vụ khiêu khích của thực dân Pháp, chiến tranh lan ra toàn quốc. Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch, *toàn dân Việt Nam nổi dậy kháng chiến toàn diện và trường kỳ, quyết giành cho được độc lập và thống nhất thật sự*, quyết bảo vệ và phát triển những thành tích của Cách mạng Tháng Tám.

Đến nay, tổn bao nhiêu người và của, thực dân Pháp chỉ chiếm lại được một số thành thị và đường giao thông, kiểm soát được một phần nhỏ đất nước ta. Ở những nơi đó, chúng đang lập lại chế độ thuộc địa và duy trì những hình thức bóc lột phong kiến cũ kỹ.

Trong vùng bị tạm chiếm, chúng tập hợp một số tay sai cũ (đại địa chủ phong kiến, quan lại cũ, cường hào, tư sản mại bản, phần tử tôn giáo phản động, lưu manh), lập nguy quyền và nguy quân; ra sức càn quét, cướp phá, bắn giết, hãm hiếp, bóc lột. Tóm lại, chúng thi hành chính sách dùng người Việt hại người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, thi hành chính sách cướp sạch, đốt sạch, phá sạch, tàn nhẫn không kém bọn phát xít Đức và Nhật trước kia. Chế độ thực dân Pháp lập lại trong vùng bị tạm chiếm hiện nay là *một chế độ thuộc địa có tính chất phát xít*.

Song nhiều nơi trong vùng địch kiểm soát, chính quyền nhân dân được nhân dân ủng hộ nên vẫn đồng thời tồn tại với chính quyền thực dân và chính quyền bù nhìn.

Xã hội Việt Nam hiện nay là một xã hội phức tạp và phát triển không đều. Tính chất phức tạp và phát triển không đều đó, không phải tại Việt Nam đất rộng, hoặc dưới quyền thống trị của nhiều đế quốc (như Trung Quốc trước đây), mà chính tại Việt Nam là một thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc Pháp trong một thời gian khá lâu và đã làm cách mạng dân tộc và dân chủ, nhưng lại bị thực dân Pháp xâm lược một lần nữa.

Xã hội Việt Nam hiện bao gồm những tính chất dưới đây:

- 1- Tính chất dân chủ nhân dân (ở vùng tự do);
- 2- Tính chất một phần thuộc địa (ở vùng bị tạm chiếm);
- 3- Tính chất nửa phong kiến (ở cả vùng bị tạm chiếm và vùng tự do).

Tính chất thứ nhất tiêu biểu cho sức tiến bộ đang lên. Tính chất thứ hai tiêu biểu cho sức phản động đang muốn kéo xã hội Việt Nam thụt lùi trở lại. Tính chất thứ ba tiêu biểu cho sức đình trệ của xã hội Việt Nam cũ.

Ba tính chất đó đang đấu tranh nhau, xen lẫn nhau, có khi lồng lên nhau và tùy theo tình hình cụ thể của cuộc kháng chiến và bước tiến triển của cách mạng mà chuyển dịch. Tính chất dân chủ nhân dân mâu thuẫn với những tính chất một phần thuộc địa và nửa phong kiến, nhưng mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa tính chất dân chủ nhân dân và tính chất một phần thuộc địa. Mâu thuẫn này đang gay go quyết liệt. Đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với bọn đế quốc xâm lược. Mâu thuẫn giữa tính chất dân chủ nhân dân với tính chất nửa phong kiến là mâu thuẫn của số đông nhân dân với số ít là địa chủ phong kiến. Mâu thuẫn này đang được điều giải hợp lý để tập trung lực lượng giải quyết mâu thuẫn chính. Ngoài ra, còn mâu thuẫn giữa công nhân và tư sản trong nước, nhưng hiện rất phụ thuộc.

Ngày nay, *đế quốc Mỹ can thiệp* vào Việt Nam. Chúng đầu tư và đem hàng vào thị trường nước ta, chở thẳng súng đạn vào giúp thực dân Pháp và bù nhìn giết hại đồng bào ta. Chúng lợi dụng quân đội Pháp làm chiến tranh cho chúng, bố trí căn cứ quân sự cho chúng, đặt chuẩn bị chiến tranh thứ ba. Đồng thời chúng lôi kéo bọn bù nhìn, cám dỗ một số đại địa chủ, tư sản và giáo sĩ phản động, biến dân nước ta thành

thuộc địa của chúng và chuẩn bị hất cẳng thực dân Pháp. Thấy thực dân Pháp mỗi ngày một đuối, đế quốc Mỹ đang trù tính diễn lại tấn tuồng Triều Tiên kéo cờ Liên hợp quốc, đem quân vào đánh ta.

Chính sách can thiệp của đế quốc Mỹ chỉ đem thêm xiềng xích lại cho dân tộc Việt Nam và làm cho tính chất thuộc địa phát xít còn lại trong xã hội Việt Nam phát triển thêm. Kẻ nào mơ ước lối sống của Mỹ và trông chờ ở kỹ thuật Mỹ là ăn phải bả của đế quốc Mỹ.

Tóm lại

Việt Nam căn bản là một nước nông nghiệp, kỹ nghệ không phát triển, không có kỹ nghệ nặng, còn nhiều di tích phong kiến và nửa phong kiến, chế độ thuộc địa vẫn còn trên một phần đất nước, chế độ dân chủ nhân dân đã thành lập, nhưng trình độ còn thấp và chưa được phổ biến khắp nước vì đang bị đế quốc xâm lược.

Xã hội Việt Nam hiện nay là một xã hội phức tạp và phát triển không đều, *có tính chất dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến*, hiện chứa chất nhiều mâu thuẫn: mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và bọn đế quốc xâm lược, mâu thuẫn giữa số đông nhân dân với địa chủ phong kiến, mâu thuẫn giữa lao động và tư bản. *Mâu thuẫn giữa đế quốc xâm lược và dân tộc Việt Nam là chính*. Nó đang diễn ra dưới hình thức quyết liệt là chiến tranh.

II- CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam

Phân tích tính chất của xã hội Việt Nam như trên, ta

thấy gì? Thấy bật ra một vấn đề lớn mà tình hình khách quan của xã hội Việt Nam đề ra: *cần san phẳng tất cả những cái gì ngăn cản bước tiến của xã hội Việt Nam, giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân Việt Nam và những lực lượng phản động, khiến cho chế độ ấy phát triển mạnh mẽ và thuận chiều tiến lên chủ nghĩa xã hội*.

Cách mạng Việt Nam phải giải quyết vấn đề đó.

Những thế lực ngăn cản sự phát triển của xã hội Việt Nam là chế độ thuộc địa trong vùng bị tạm chiếm của bọn đế quốc. Chúng kìm hãm không cho kinh tế Việt Nam phát triển đến mức độ cần thiết, duy trì những di tích phong kiến, nửa phong kiến, đặng bóc lột áp bức nhân dân Việt Nam nặng nề thêm định thủ tiêu chế độ dân chủ nhân dân Việt Nam và kéo xã hội Việt Nam trở lại chế độ thuộc địa. Đó là trở lực chính. Ngoài ra là những di tích phong kiến và nửa phong kiến nó làm cho xã hội Việt Nam đình trệ.

Cho nên, *đối tượng* của cách mạng Việt Nam là:

- 1- Chủ nghĩa đế quốc;
- 2- Thế lực phong kiến.

Kẻ thù chính của cách mạng Việt Nam là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, vì đó là lực lượng chính đang đẩy xã hội Việt Nam lùi lại. Kẻ thù cụ thể trước mắt của cách mạng Việt Nam *lúc này là đế quốc Pháp*, vì chúng đang trực tiếp xâm lược Việt Nam hòng đặt lại ách xưa. Kẻ thù nguy hiểm của cách mạng Việt Nam *lúc này là đế quốc Mỹ*, vì đế quốc Mỹ thúc đẩy và giúp đỡ thực dân Pháp đánh Việt Nam, lại đang ra sức lừa phỉnh cam dỗ nhân dân Việt Nam, chuẩn bị nhảy thẳng vào Việt Nam.

Kẻ thù phụ của cách mạng Việt Nam nói chung là thế lực phong kiến, lúc này là phong kiến phản động và cụ thể là các hạng bù nhìn làm chó săn cho đế quốc.

Những quan điểm cho rằng lúc này phong kiến không phải là đối tượng của cách mạng Việt Nam, hoặc đặt phong kiến ngang hàng với đế quốc, đều sai.

Vậy *nhiệm vụ cơ bản* của cách mạng Việt Nam là gì? là:

a) Đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, làm cho Việt Nam hoàn toàn thống nhất và độc lập (phản đế);

b) Xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân (phản phong kiến);

c) Gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

Nhiệm vụ thứ nhất là nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Hai nhiệm vụ sau là nhiệm vụ dân chủ.

Đánh đổ đế quốc xâm lược thì đồng thời phải đánh đổ thế lực phong kiến phản động và nói chung các hạng bù nhìn, tay sai của đế quốc, vì đó là chỗ vịn của đế quốc. Trái lại, muốn xóa bỏ thế lực phong kiến phản động và các hạng bù nhìn, phải đánh đổ đế quốc xâm lược, vì đế quốc cố duy trì những thế lực đó để bám lấy Việt Nam. Hơn nữa, có đánh đổ đế quốc và thế lực phong kiến phản động và các hạng bù nhìn, mới có thể tiến lên xóa bỏ di tích phong kiến và nửa phong kiến, phát triển mạnh mẽ được chế độ dân chủ nhân dân, do con đường dân chủ nhân dân tiến tới chủ nghĩa xã hội. Và phát triển chế độ dân chủ nhân dân lại thêm điều kiện, thêm sức mạnh đánh đổ đế quốc và xóa bỏ di tích phong kiến, nửa phong kiến.

Nhiệm vụ dân tộc và dân chủ khăng khít với nhau. Song lúc này, phải tập trung mọi lực lượng để kháng chiến, đặt hoàn thành nhiệm vụ *giải phóng dân tộc*. Đó là trọng tâm của cách mạng trong giai đoạn hiện tại. Nhiệm vụ dân chủ cũng phải làm, nhưng *chỉ có thể làm trong phạm vi không có hại mà lại có lợi cho việc tập trung lực lượng, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc*.

Tóm lại, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, trừ diệt bọn phản quốc, xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, kiến thiết một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường, phát triển chế độ dân chủ, nhân dân Việt Nam do con đường dân chủ nhân dân tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Ai làm cách mạng, ai lãnh đạo cách mạng?

Đối với nhiệm vụ cách mạng trên đây, thái độ các giai cấp trong nước ta thế nào?

Hiện thời xã hội Việt Nam có những tầng lớp và giai cấp như sau: địa chủ, tư sản, tiểu tư sản, nông dân, công nhân.

Địa chủ Việt Nam nói chung bóc lột địa tô theo lối phong kiến. Đó là *địa chủ cũ*. Song một phần rất nhỏ vừa có ruộng cho lĩnh canh thu địa tô, vừa có xưởng thợ, tiệm buôn hoặc đồn điền, bóc lột nhân công theo lối tư bản. Đó là *địa chủ mới*. Từ khi các cuộc vận động chống đế quốc của phong kiến thất bại cho đến chiến tranh thế giới lần thứ hai, thái độ địa chủ nói chung là bảo thủ, phản động, hợp tác với đế quốc, chống cách mạng. Trong thời gian ấy, cũng có mấy lần địa chủ Việt Nam phản đối tư bản cá mập Pháp, nhưng chẳng qua chỉ vì quyền lợi riêng của họ, vả lại cuộc phản đối của họ

rất yếu ớt và chỉ có tính chất nhất thời¹⁾. Nhưng trong chiến tranh thế giới vừa rồi, địa chủ Việt Nam cũng bị hai bọn thống trị Nhật - Pháp bóp nặn quyền lợi, và đế quốc Pháp bại trận đã mất uy tín đối với họ, nên một số khá đông tiểu địa chủ và trung địa chủ tán thành hoặc ủng hộ phong trào phản đế; còn một phần thì tiêu cực.

Hiện nay địa chủ Việt Nam có thể chia làm ba hạng: đại địa chủ phần lớn là phản cách mạng, ôm chân đế quốc; trung địa chủ lừng chừng, tiêu cực; còn tiểu địa chủ, vì điều kiện kinh tế không hơn phú nông mấy, nên ủng hộ hoặc tham gia chống đế quốc. Bọn đế quốc muốn biến cả địa chủ Việt Nam thành lực lượng hậu bị của chúng. Một ưu điểm của ta là đã làm cho một số khá đông địa chủ Việt Nam ủng hộ cách mạng giải phóng dân tộc, ủng hộ kháng chiến hoặc đứng trung lập có thiện cảm đối với kháng chiến.

Tư sản Việt Nam sinh ra giữa lúc chủ nghĩa tư bản thế giới đã bước vào thời kỳ suy sụp và nước xã hội chủ nghĩa đã ra đời, nên nói chung họ sẵn có khuynh hướng cải lương. Tư sản Việt Nam chia làm hai hạng:

Tư sản mại bản vì quyền lợi dính liền với đế quốc, nên có tính chất phản động. Nhưng tư sản mại bản Việt Nam bé, không thể làm tay sai đắc lực cho đế quốc.

Tư sản dân tộc, bị đế quốc kìm hãm, áp chế và di tích phong kiến cản trở, nên có khuynh hướng dân tộc và dân

1) Năm 1935, địa chủ Nam Bộ phản đối Ngân hàng Đông Dương, vì trong thời kỳ tổng khủng hoảng, họ vay nợ Ngân hàng không trả được, bị tịch biên ruộng đất. Sau đó, họ lại dùng tư sản dân tộc phản đối đế quốc Pháp đem đồng bạc Đông Dương gắn vào đồng phorăng, định độc quyền thương khẩu Sài Gòn và độc quyền xuất cảng lúa gạo.

chủ. Song vì chính họ cũng chưa hoàn toàn cắt đứt được liên hệ kinh tế với địa chủ và đế quốc, quyền lợi của họ lại ở chỗ bóc lột công nhân, nên thái độ của họ thường lừng chừng, nước đôi: đi với công nhân chống đế quốc, nhưng vẫn sợ công nhân; muốn lợi dụng đế quốc để mưu thêm quyền lợi, nhưng lại bị đế quốc chèn ép. Thất bại của đế quốc Pháp, Nhật trong chiến tranh thứ hai vừa rồi, đã làm cho họ tỉnh ngủ thêm. Cho nên, sau Cách mạng Tháng Tám, họ ủng hộ chính quyền nhân dân. Trong kháng chiến, một phần lớn tham gia hoặc ủng hộ kháng chiến; một phần nhỏ đầu cơ, tiêu cực. Giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam số lượng rất bé, địa vị kinh tế thấp kém, thiếu quyết tâm cách mạng, nên không thể lãnh đạo cách mạng. Tuy nhiên, trong cách mạng phản đế và phản phong kiến, họ là bạn đồng minh đáng nâng đỡ của giai cấp công nhân. Họ có thể và phải đóng một vai trò đáng kể trong công cuộc kháng chiến và kiến quốc.

Tiểu tư sản ngoài nông dân ra, có thợ thủ công, tiểu thương, tiểu chủ, tiểu tư sản trí thức. Trước kia, những tầng lớp này bị đế quốc, phong kiến và tư sản trong nước áp bức, bóc lột. Cách mạng Tháng Tám đã mang lại cho họ ít nhiều quyền lợi. Từ ngày kháng chiến, một số đông làm ăn khó khăn, một số khác bị phá sản. Trong vùng bị tạm chiếm, họ bị đế quốc và bù nhìn áp bức bóc lột nặng, đời sống của họ bấp bênh. Cho nên, nói chung, họ có tinh thần cách mạng và là bạn đồng minh có thể tin cậy của giai cấp công nhân. Nhưng họ không thể lãnh đạo cách mạng, vì do địa vị xã hội của họ, họ có thái độ không được dứt khoát: tiểu tư sản giàu nghiêng về tư sản, tiểu tư sản nghèo nghiêng về vô sản. *Tiểu tư sản trí thức*, nhất là tiểu tư sản trí thức phá sản, chóng giặc ngộ, song không có lập trường chính trị độc lập. Quan

niệm cho rằng tiểu tư sản trí thức Việt Nam lãnh đạo hoặc tham gia lãnh đạo cách mạng là sai.

Nông dân chiếm số rất đông trong nhân dân (hơn 90% dân số) và bị hai tầng áp bức bóc lột của đế quốc và phong kiến địa chủ. Trong chiến tranh thứ hai, chính sách tàn bạo của phát xít Nhật, Pháp làm cho nông dân Việt Nam đã nghèo khổ lại nghèo khổ thêm. Sau Cách mạng Tháng Tám, đời sống nông dân dễ chịu hơn trước. Song hiện nay, chính sách cướp đoạt, phá hoại của đế quốc và bù nhìn làm cho số đông nông dân vùng bị tạm chiếm bần cùng hóa mau chóng. Cho nên nông dân nói chung hăng hái kháng chiến, kiến quốc. Cách mạng Việt Nam không có nông dân tham gia thì nhất định sẽ thất bại.

Trong nông dân, có một bộ phận nhỏ vừa làm vừa bóc lột nhân công (phú nông) và một bộ phận lớn có làm mà không bóc lột hoặc chính mình bị bóc lột, đó là nông dân lao động (trung, bần, cố nông). Thái độ *phú nông* căn bản giống thái độ tư sản dân tộc nói trên. Họ là những phần tử tư sản ở thôn quê. *Trung nông* là tiểu tư sản chính thức ở thôn quê. Họ hăng hái cách mạng và là bạn đồng minh đáng tin cậy của giai cấp công nhân. *Bần nông* là nửa vô sản và *cố nông* là vô sản ở thôn quê. Hai tầng lớp này rất hăng hái cách mạng. Cố, bần nông là đồng minh đáng tin cậy nhất của giai cấp công nhân.

Trong lịch sử cách mạng Việt Nam, nông dân đã đóng một vai trò trọng yếu. Nhưng nông dân không thể lãnh đạo được cách mạng dân tộc và dân chủ, vì nông dân là một giai cấp không được thuần nhất, lại gắn bó với chế độ của riêng. Hơn nữa, hoàn cảnh sinh hoạt và lao động làm cho trình độ tổ chức và chính trị, tinh thần kiên định của nông dân không bằng giai cấp công nhân. Từ sau khởi nghĩa Yên Bái trở đi,

nông dân đã thành bạn đồng minh mạnh mẽ của giai cấp công nhân, vì nông dân hiểu rằng chỉ đi với giai cấp công nhân và chịu sự lãnh đạo của công nhân, họ mới được hoàn toàn giải phóng.

Công nhân Việt Nam tuy tuổi còn trẻ, song ra đời trước giai cấp tư sản. Số lượng còn ít (gần 5% trong dân số); nhất là từ khi kháng chiến toàn quốc, một số phân tán và một số ít đổi nghề. Nhưng sau đó một phần đã tập hợp lại trong vùng bị tạm chiếm và số lượng công nhân vùng tự do cũng tăng lên. Còn nhiều quan hệ với nông dân, giai cấp công nhân Việt Nam chưa được thuần túy lắm, trình độ văn hóa tương đối thấp, nhưng đủ sức lãnh đạo cách mạng đến thắng lợi. Từ Cách mạng Tháng Tám, nhất là từ khi kháng chiến toàn quốc, công nhân Việt Nam giác ngộ chính trị mau chóng và phát huy được khả năng của mình. Trong giai cấp công nhân, công nhân kỹ nghệ giác ngộ nhất và giàu năng lực tổ chức nhất. Công nhân thủ công và công nhân nông nghiệp trình độ thấp hơn.

Song nói chung, công nhân Việt Nam là giai cấp tiên phong của cách mạng, vì: *Một là* chân chính vô sản, không có công cụ sản xuất, phải bán sức lao động để sống cho nên có thái độ cách mạng triệt để nhất và trung thành nhất đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân và tiến tới chủ nghĩa xã hội. *Hai là* bị ba tầng áp bức bóc lột tàn nhẫn của đế quốc, phong kiến và tư bản trong nước, nên có tinh thần quyết tâm cách mạng nhất. *Ba là* tương đối thuần nhất hơn cả, nên dễ thống nhất ý chí và hành động hơn cả. *Bốn là* có chính đảng duy nhất và mạnh nhất, có kinh nghiệm và được vũ trang bằng một lý luận khoa học, lý luận Mác - Lênin; có một lãnh tụ đồng thời là lãnh tụ của quốc gia và dân tộc, uy tín rất lớn. *Năm là* được giai cấp công nhân

thế giới, trước hết là giai cấp công nhân Liên Xô và Trung Quốc dìu dắt, giúp đỡ.

Hơn hai mươi năm nay, giai cấp công nhân Việt Nam đã nắm vững được quyền lãnh đạo cách mạng và đã tỏ ra rất xứng đáng với sứ mạng lịch sử của mình. Chỉ có dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và đảng cách mạng của công nhân, cách mạng Việt Nam mới có thể thành công. Lịch sử cách mạng trong một phần năm thế kỷ nay đã chứng tỏ điều đó.

Xem trên đây, ta thấy rõ những tầng lớp và giai cấp nào làm cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này? Đó là công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức, thứ đến tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những tầng lớp, giai cấp và phần tử đó hợp thành nhân dân mà công nông là nền tảng. *Động lực của cách mạng Việt Nam là nhân dân. Kẻ lãnh đạo cách mạng Việt Nam là giai cấp công nhân.* Nông dân, đặc biệt nông dân lao động, là bạn đồng minh lớn mạnh và chắc chắn của giai cấp công nhân. Tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức là bạn đồng minh có thể tin cậy. Giai cấp tư sản dân tộc là bạn đồng minh đáng nâng đỡ. Ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ.

Còn những phần tử đại địa chủ phong kiến phản cách mạng và tư sản mại bản làm tay sai cho đế quốc, cũng như những tên Việt gian khác, không kể thuộc giai cấp nào, đều là kẻ thù của cách mạng.

Sự sắp xếp lực lượng cách mạng trên đây, đương nhiên không phải là cố định. Cách mạng tiến lên thì hàng ngũ kẻ thù và bạn đồng minh của cách mạng nhất định sẽ biến hóa. Lúc đó phải sắp xếp lại.

Cách mạng Việt Nam là cách mạng gì?

Đến đây, ta có thể trả lời câu hỏi: cách mạng Việt Nam có tính chất gì và gọi là cách mạng gì?

Giải quyết những nhiệm vụ cơ bản trên kia, do nhân dân làm động lực và giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mạng Việt Nam là *một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân*.

Cách mạng đó có phải là cách mạng dân chủ tư sản lỗi cũ không? Không. Vì tuy nó giải quyết nhiệm vụ phản đế và phản phong kiến như một cuộc cách mạng dân chủ tư sản, nhưng nó không phải do giai cấp tư sản lãnh đạo mà do giai cấp công nhân lãnh đạo, nó chống đế quốc đến cùng và không thành lập quyền thống trị của tư bản mà thành lập quyền thống trị của nhân dân.

Cách mạng đó có phải là cách mạng xã hội chủ nghĩa không? Cũng không. Vì nhiệm vụ chính hiện thời của nó chưa phải là thành lập vô sản chuyên chính, cải tạo xã hội, xóa bỏ tư bản, thủ tiêu chế độ người bóc lột người. Song là một bộ phận khăng khít của cuộc vận động cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản thế giới, nó có nhiệm vụ đánh vào hậu phương của tư bản thế giới, làm cho chủ nghĩa xã hội thế giới mau thắng lợi.

Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, cách mạng đó giải quyết những nhiệm vụ phản đế và phản phong kiến hết như một cuộc cách mạng dân chủ tư sản. Nhưng trong khi giải quyết nhiệm vụ phản đế và phản phong kiến, nó không những làm cho chế độ dân chủ phát triển mà còn tạo điều kiện để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cho nên nó là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. *Đặc điểm của cách mạng này là làm tròn nhiệm vụ dân chủ tư sản và tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa, không cần phải qua một cuộc nổ bùng cách mạng, một cuộc nội chiến, và thiết lập*

nhân dân dân chủ chuyên chính dưới hình thức cộng hòa dân chủ nhân dân, chứ không thiết lập công nông chuyên chính dưới hình thức xôviết công nông binh. Đó là một thứ cách mạng điển hình ở một nước nông nghiệp trong điều kiện lịch sử của chiến tranh thế giới lần thứ hai và sau chiến tranh thứ hai.

Cách mạng Việt Nam có thể như thế và nhất định phải như thế, là vì ở Việt Nam, quyền lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân vững chắc, vì công nông liên minh chặt chẽ, nông dân và các tầng lớp khác trong nhân dân đã thực tế chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân; chính quyền dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo đã thành lập và ngày thêm củng cố; giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam yếu; bọn phong kiến đại địa chủ và tư sản mại bản đã mất hết tín nhiệm với nhân dân. Vì cách mạng Việt Nam tiến hành trong những điều kiện lịch sử mới của thế giới: chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi ở Liên Xô và đang được xây dựng ở các nước dân chủ nhân dân Đông Âu; chế độ dân chủ nhân dân đã thành lập ở một nước rất lớn là Trung Quốc; khủng hoảng của đế quốc ngày thêm trầm trọng và thế lực của chúng đang suy sụp mau chóng; chủ nghĩa xã hội đã đề ra trước mắt các dân tộc. Hơn nữa, vì cách mạng Việt Nam chính là một bộ phận của phong trào hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa thế giới do Liên Xô lãnh đạo.

Bước đường đã qua của cách mạng Việt Nam

Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam hiện thời là kết quả quá trình phát triển của cuộc vận động cách mạng Việt Nam trong ngót một trăm năm nay.

Từ khi Việt Nam thành thuộc địa của đế quốc Pháp, dân tộc Việt Nam luôn luôn phấn đấu. Cuộc vận động cách mạng

của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp đã qua ba thời kỳ:

Thoạt tiên, vì quyền lợi và địa vị trực tiếp bị đế quốc Pháp xâm phạm, giai cấp phong kiến Việt Nam lãnh đạo cách mạng chống đế quốc Pháp. Phong trào Cần vương, Văn thân của phong kiến quan liêu (1884-1895) thất bại thì các phong trào Đông du, Đông kinh nghĩa thực, mưu bạo động của Duy tân, "Việt Nam quang phục hội", có tính chất phong kiến duy tân (1905-1917) tiếp theo. Đồng thời chiến tranh du kích của nông dân ở Yên Thế (1893-1913), phong trào kháng thuế của nông dân Trung Kỳ (1907) và khởi nghĩa Thái Nguyên (1917) nổ ra. Song vì không lập được mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp, không tổ chức được quần chúng rộng rãi, không có cương lĩnh và chính đảng cách mạng của giai cấp tiên tiến lãnh đạo, chỉ hô hào cổ động "đánh Tây" mà không chú ý cải thiện dân sinh, không phát triển chiến tranh du kích, không xây dựng và mở mang căn cứ địa cách mạng, v.v., nên những cuộc vận động trên đây đều thất bại.

Sau chiến tranh thứ nhất, với chính sách khai thác thuộc địa của đế quốc Pháp, giai cấp công nhân và giai cấp tư sản Việt Nam thành hình. Một thời kỳ vận động cách mạng mới bắt đầu.

Bị tư bản Pháp kìm hãm, cạnh tranh và di tích phong kiến cản trở, tư sản và tiểu tư sản Việt Nam hoạt động chống đế quốc và phong kiến. Giai cấp công nhân Việt Nam cũng bắt đầu đấu tranh giành quyền lợi và tham gia các cuộc vận động dân tộc và dân chủ. "Việt Nam quốc dân Đảng", "Tân Việt", "Thanh niên cách mạng đồng chí Hội", "Thanh niên cao vọng Đảng" thành lập. Nhiều cuộc vận động tẩy chay ngoại hóa, bãi khóa truy điệu cụ Phan Chu Trinh, đòi thả cụ

Phan Bội Châu, chống sưu cao thuế nặng, bãi công, đã có tính chất dân tộc và dân chủ tư sản rõ rệt. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái bị chìm trong máu (1930) đã kết thúc thời kỳ cách mạng do tư sản dân tộc và tiểu tư sản lãnh đạo.

Các cuộc vận động cách mạng của thời kỳ này thất bại là vì không lập được mặt trận dân tộc thống nhất lấy công nông làm nền tảng, chống đế quốc và bọn phong kiến phản động, các đảng phái cách mạng không ăn sâu bám chắc trong quần chúng, kỷ luật không nghiêm, đường lối chính trị không được thiết thực rõ ràng, đấu tranh quân sự có tính chất hẹp, manh động, v.v..

Nhưng cách mạng Việt Nam vẫn tiến.

Từ năm 1919 trở đi, giai cấp công nhân Việt Nam ngày một tập trung. Nó bị ba tầng áp bức, bóc lột của đế quốc, tư bản và phong kiến. Được phong trào công nhân và phong trào phản đế trên thế giới, đặc biệt là Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) và cách mạng Trung Quốc (1925-1927) kích thích mãnh liệt, cuộc đấu tranh của họ trở nên mạnh mẽ và có tính chất độc lập. Năm 1929 những tổ chức cộng sản đầu tiên ra đời. Ngày 6-1-1930, những tổ chức đó thống nhất lại thành Việt Nam Cộng sản Đảng, sau đổi ra Đảng Cộng sản Đông Dương. Yên Bái bị đàn áp, Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo quần chúng công nông đấu tranh chống khủng bố và đòi tăng tiền lương, bớt giờ làm, chống sưu cao thuế nặng, v.v.. Phong trào bãi công, biểu tình rầm rộ khắp nước. Cuối năm 1930, Xôviết Nghệ An thành lập. Giai cấp công nhân và đảng của nó, Đảng Cộng sản Đông Dương, phát cao ngọn cờ cách mạng, lãnh đạo các tầng lớp nhân dân chống đế quốc và phong kiến, giành độc lập và dân chủ. Giữa cao trào đấu tranh năm 1930, bản *Luận cương chính trị về*

cách mạng tư sản dân quyền của Trung ương Đảng đã vạch đường lối cho cách mạng Đông Dương. Song vì lúc đó, tổ chức chưa khoa học, chính trị chưa vững chắc, bị đế quốc khủng bố dữ dội, nên từ năm 1931 đến năm 1933 phong trào bị sút kém. Nhưng một mặt do tinh thần công nhân kiên quyết cách mạng và tổ chức của Đảng Cộng sản Đông Dương vẫn còn lại ít nhiều trong quần chúng công nông, mặt khác do Quốc tế Cộng sản lãnh đạo và các đảng anh em giúp đỡ, nên từ năm 1933, phong trào hồi phục mau chóng. Tiếp đến cuộc vận động dân chủ chống phát xít trong thời kỳ Mặt trận Nhân dân cầm quyền ở Pháp (1936-1939), phong trào cứu quốc sâu rộng của Mặt trận Việt Minh chống phát xít Nhật - Pháp trong chiến tranh thứ hai (1940-1945), Cách mạng Tháng Tám (1945), kháng chiến, kiến quốc. Đảng của công nhân lập được thành tích như ngày nay là vì dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch. Đảng nắm đúng mục đích cách mạng dân tộc và dân chủ (phản đế và phản phong kiến), nắm vững chủ trương vận động cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa: củng cố quyền lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân, lập mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, đấu tranh vũ trang đúng và mật thiết liên lạc với phong trào công nhân thế giới.

Tóm lại, trong thời kỳ phong kiến lãnh đạo, cách mạng Việt Nam chỉ có tính chất phản đế. Song thời kỳ tư sản dân tộc và tiểu tư sản lãnh đạo, cách mạng Việt Nam đã có tính chất dân chủ tư sản (phản đế và phản phong kiến), nhưng chỉ là dân chủ tư sản lối cũ. Đến thời kỳ giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mạng Việt Nam có tính chất dân chủ tư sản mới, và từ chiến tranh thứ hai trở đi, dưới những điều kiện lịch sử mới của cuộc chiến đấu chống phát xít xâm lược, nó có tính chất cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Con đường tiến lên của cách mạng Việt Nam

Bây giờ xét đến con đường tiến lên của cách mạng Việt Nam.

Cách mạng Việt Nam sẽ đi đến đâu? Đi con đường tất yếu của nó tiến tới chủ nghĩa xã hội, quyết không thể có một con đường nào khác.

Vì giai cấp công nhân liên minh chặt chẽ với nông dân lao động và lãnh đạo cuộc cách mạng đó, nên cách mạng đó không thể đi con đường nào khác, ngoài con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Vì Liên Xô, nước xã hội chủ nghĩa và các nước dân chủ nhân dân khác, nhất là Trung Quốc, giúp đỡ cách mạng Việt Nam, nên bước đường tiến tới chủ nghĩa xã hội của cách mạng Việt Nam càng chắc chắn.

Quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam là quá trình từ xã hội có tính chất thuộc địa, nửa phong kiến qua dân chủ nhân dân, đến xã hội xã hội chủ nghĩa. Cách mạng Tháng Tám đã mở đầu cho quá trình đó. Cuộc kháng chiến này đẩy mạnh quá trình đó.

Song, như Lênin đã nói,

"... không qua nhiều bước quá độ, nhiều trình độ quá độ khác nhau, thì không thể biến cách mạng ấy (tức cách mạng dân chủ tư sản - chúng tôi chú thích) ở một nước lạc hậu, thành cách mạng xã hội chủ nghĩa được"¹⁾.

Ở nước ta, quá trình chuyển biến từ nay đến chủ nghĩa xã hội chiếm một thời gian dài. Thời gian đó, tùy theo những biến hóa trong hàng ngũ kẻ thù và bạn đồng minh của cách mạng mà chia ra nhiều giai đoạn. Hàng ngũ đó biến hóa là vì sau khi giải quyết xong nhiệm vụ cơ bản nọ, cách mạng phải

1) *Cách mạng vô sản và tên phản bội Caoxítký* (1918).

tiến lên giải quyết nhiệm vụ cơ bản kia. Muốn tiến tới chủ nghĩa xã hội, nước Việt Nam phải qua ba giai đoạn:

a) Giai đoạn tiêu diệt đế quốc xâm lược, giải phóng dân tộc, củng cố Nhà nước dân chủ nhân dân.

b) Giai đoạn xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, triệt để thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng", hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân.

c) Giai đoạn làm xong nhiệm vụ dân chủ nhân dân, gây đầy đủ điều kiện để tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong *giai đoạn thứ nhất*, phải tập trung mọi lực lượng để kháng chiến, đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược. Muốn thế, Đảng tập hợp mọi lực lượng dân tộc, lập thành Mặt trận dân tộc thống nhất, đặt trên cơ sở của công nông liên minh và dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, đặt tiêu diệt bọn đế quốc xâm lược và trừng trị các hạng chó săn, bù nhìn của chúng. Quốc hữu hóa tài sản của bọn cướp nước và bọn phản quốc. Tăng gia sản xuất, cải thiện dân sinh, mở rộng dân chủ. Thực hiện dân chủ nhân dân thật sự. Trong giai đoạn này, chẳng những tư sản dân tộc tham gia kháng chiến, mà cả một phần địa chủ cũng ủng hộ hoặc tham gia kháng chiến. Hiện nay, chúng ta đang tiến mạnh trên giai đoạn thứ nhất.

Sang *giai đoạn thứ hai*, nhiệm vụ giải phóng dân tộc căn bản đã làm xong, trung tâm của cách mạng chuyển sang cải cách ruộng đất. Đảng phải tập hợp mọi lực lượng phản phong kiến dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân chống lại tất cả những thế lực phong kiến và nửa phong kiến, tiến hành cải cách ruộng đất triệt để thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng", phát triển hợp tác xã nông nghiệp, tiến hành việc kỹ nghệ hóa, phát triển bộ phận kinh tế Nhà nước và nâng cao địa vị lãnh đạo của nó trong nền kinh tế, kế hoạch hóa

kinh tế quốc dân. Trong giai đoạn này, trừ những thân sĩ tiến bộ theo kịp phong trào ra, những phần tử bóc lột lối phong kiến không còn khả năng tham gia cách mạng nữa. Trái lại, tư sản dân tộc nói chung vẫn tham gia cách mạng.

Đến *giai đoạn thứ ba*, nhiệm vụ trung tâm của Đảng là đẩy mạnh việc kỹ nghệ hóa, phát triển kỹ nghệ nặng, phát triển thật rộng bộ phận kinh tế Nhà nước, tập thể hóa nông nghiệp dần dần, thực hiện những kế hoạch dài hạn để gây thêm và củng cố cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, đặt tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội. Những bước cụ thể của giai đoạn này phải tùy theo điều kiện cụ thể của tình hình trong nước và ngoài nước khi đó mà quyết định. Song một điều chắc chắn là chừng nào ta chưa chuẩn bị cơ sở kinh tế đầy đủ và chưa làm cho số đông quần chúng nhân dân nhận rõ chủ nghĩa xã hội là cần thiết, thì chủ nghĩa đó chưa thể thực hiện được. Ở nước ta, thời gian chuẩn bị đó, so với các nước dân chủ nhân dân khác, nhất định sẽ lâu hơn, vì ta phải kiến quốc trên cơ sở một nước nông nghiệp lâu năm bị đế quốc thống trị, tàn phá...

Thật ra, không có bức vạn lý trường thành nào ngăn cách ba giai đoạn trên đây. Trái lại, ba giai đoạn đó kế tục một cách mật thiết. Nhiệm vụ của giai đoạn thứ hai đã phải làm *một phần nào* ngay trong giai đoạn thứ nhất. Thí dụ: giảm tô, giảm tức, tạm cấp ruộng đất của Pháp và Việt gian cho dân cày nghèo, v.v.. Và nhiệm vụ của giai đoạn thứ ba cũng có thể làm *một phần nhỏ* trong giai đoạn thứ nhất hay giai đoạn thứ hai, thí dụ: tiết chế tư bản, cấm tư bản tư nhân độc quyền, phát triển bộ phận kinh tế Nhà nước (tức kinh tế có tính chất xã hội chủ nghĩa), và kinh tế hợp tác xã (tức kinh tế có tính chất nửa xã hội chủ nghĩa), kế hoạch hóa bộ phận, v.v..

Cũng có khi sang giai đoạn sau mới có thể hoàn thành một nhiệm vụ nào đó mà giai đoạn trước còn bỏ dở.

Nhưng không nên quên rằng, mỗi giai đoạn có trọng tâm của nó. Không thể đem nhiệm vụ trung tâm, trước mắt của giai đoạn nọ làm nhiệm vụ trung tâm, trước mắt của giai đoạn kia. Cũng không thể đem nhiệm vụ trung tâm, trước mắt của giai đoạn sau đặt ngang hàng với nhiệm vụ trung tâm, trước mắt của giai đoạn trước. Một điều cần chú ý là: nhiệm vụ của giai đoạn sau đem thực hiện *một phần nào* ở giai đoạn trước, nghĩa là chỉ có thể thực hiện *trong phạm vi không những không có hại mà còn có lợi* cho việc làm tròn nhiệm vụ của giai đoạn trước. Cho nên chúng ta phải đổi khuynh hướng "vượt bỏ giai đoạn", thí dụ: muốn chia ruộng đất quá sớm, trong khi phải tập trung lực lượng toàn dân và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất để hoàn thành nhiệm vụ phản đế. Song chúng ta cũng phải đổi khuynh hướng "từ từ từng bước", cho rằng phải làm tất cả mọi nhiệm vụ của giai đoạn trước xong xuôi rồi mới có thể bắt đầu thực hiện nhiệm vụ của giai đoạn sau.

Tại sao phải chia con đường từ nay đến chủ nghĩa xã hội làm ba giai đoạn? Vì nước ta bị xâm lược, chưa thoát hẳn được ách đế quốc. Muốn tiến tới thực hiện chủ nghĩa xã hội, lúc này phải gạt bỏ những nhiệm vụ nào chưa cần thiết, đề ra chưa có lợi, đặt hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

Nước ta lại là một nước nông nghiệp, kỹ nghệ không phát triển. Muốn mau phát triển kỹ nghệ, xóa bỏ di tích phong kiến và nửa phong kiến, thế tất phải khuyến khích tư sản dân tộc kinh doanh và giúp đỡ tư bản tư nhân phát triển trong một thời gian khá lâu. Đồng thời kiểm soát và tiết chế họ, đưa họ vào con đường phát triển theo lối tư bản nhà nước.

Không thể nói đến cải tạo xã hội, xóa bỏ mọi hình thức bóc lột ngay.

Đó là nguyên nhân chính khiến ta phải qua ba giai đoạn mới đạt tới chủ nghĩa xã hội được. Thuyết một giai đoạn hoàn toàn không cần cứ, lại nguy hiểm nữa!

Con đường từ nay đến chủ nghĩa xã hội là một con đường khó khăn và dài. Không thể giạng chân ra mà bước một bước khổng lồ để đến ngay chủ nghĩa xã hội. Phải bước nhiều bước, chia thành nhiều độ mà đi.

Giải phóng dân tộc, người cày có ruộng, xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, ba nhiệm vụ đó không thể cùng làm một lúc. Vì không đủ sức, không đủ điều kiện. Phải làm từng việc một, xem việc vào cần thiết thì làm trước, tập trung mọi năng lực vào đó mà làm. Không nên và không thể phân tán lực lượng. Việc nặng, muốn làm được phải rủ nhiều người cùng làm, phải kiếm bạn đồng minh. Có lập kẻ thù chính, kéo thêm nhiều bạn đồng minh, dù là bạn đồng minh bấp bênh, nhất thời, tập trung lực lượng giải quyết nhiệm vụ trung tâm, trước mắt, đó là sách lược của chúng ta.

Có đồng chí tưởng rằng ta chỉ cần qua hai giai đoạn cũng đạt tới chủ nghĩa xã hội được: giai đoạn thứ nhất tức là giai đoạn cách mạng dân chủ tư sản, trong đó ta vừa hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, vừa thực hiện khẩu hiệu "người cày có ruộng"; giai đoạn thứ hai là giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đó ta thực hiện chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện cách mạng của nước ta, quan điểm đó có đúng không? Không đúng.

Nếu cho nhiệm vụ giải phóng dân tộc và nhiệm vụ thực hiện người cày có ruộng vào một giai đoạn, thì sẽ dễ có khuynh hướng coi hai nhiệm vụ đó ngang nhau, không nhận

rõ rằng: lúc này phải tập trung mọi lực lượng hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc trước, và chỉ có thể bài trừ một phần nhỏ những di tích phong kiến (giảm tô, giảm tức, v.v.). Quyết không thể thực hiện hãn hoi khẩu hiệu "người cày có ruộng" cùng với nhiệm vụ đánh đuổi đế quốc xâm lược. Vì làm như thế khác nào "đánh cả hai tay", rất không lợi.

Trong điều kiện cách mạng của nước ta, đánh đổ đế quốc xâm lược là một chiến lược, nằm trong một giai đoạn chiến lược. Thủ tiêu mọi di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện người cày có ruộng lại là một chiến lược khác, nằm trong một giai đoạn chiến lược khác. Vì trong hai giai đoạn đó, kẻ thù cố nhiên khác nhau, nhưng hàng ngũ các bạn đồng minh cũng có chỗ không giống nhau.

Xây dựng cơ sở chủ nghĩa xã hội, chuẩn bị điều kiện để tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội, lại là một chiến lược khác, nằm trong một giai đoạn khác. Trong giai đoạn đó, ta làm trọn nhiệm vụ dân chủ nhân dân, đồng thời xúc tiến việc xây dựng và phát triển cơ sở chủ nghĩa xã hội. Giai đoạn thứ ba là giai đoạn chuyển tiếp giữa kinh tế dân chủ nhân dân và kinh tế xã hội chủ nghĩa. Trong hai giai đoạn đầu, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam căn bản chưa vượt quá khuôn khổ dân chủ tư sản. Trong giai đoạn thứ ba, nó biến chuyển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Song giai đoạn thứ ba không phải hoàn toàn là giai đoạn của cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà chính là một quá trình trong đó cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam hoàn thành và biến chuyển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thật ra, ba giai đoạn là ba quá trình cải biến cách mạng.

Quá trình thứ nhất hiện nay là một cuộc bùng nổ, một cuộc đấu tranh lưu huyết, bằng bạo lực (kháng chiến). Quá

trình thứ hai và thứ ba là hai quá trình cải cách, không có hiện tượng nổ bùng, không có nội chiến để thủ tiêu chính quyền đã có của nhân dân và sáng lập nên một chính quyền nào mới. Sau khi đánh tan bọn đế quốc xâm lược, chính quyền nhân dân sẽ thi hành một loạt cải cách, hay nói cho đúng hơn, một loạt cải biến cách mạng, dựa trên sự ủng hộ nhiệt liệt của quần chúng nhân dân lao động. Dưới chính quyền nhân dân, do giai cấp công nhân lãnh đạo, nhiều cuộc cải biến tiếp tục và lần lần cộng lại cũng dẫn đến một kết quả ngang như một cuộc cách mạng. Kết quả đó tức như cuộc xã hội hóa nông nghiệp ở Liên Xô trong thời kỳ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và kế hoạch 5 năm lần thứ hai mà đồng chí Xtalin đã nói:

"Người ta có thể làm được như thế, bởi vì đó là một cuộc cách mạng từ trên xuống, bởi vì sự cải biến triệt để đã tiến hành do sáng kiến của chính quyền đã có, dựa vào sự ủng hộ của quần chúng cơ bản trong nông dân"¹⁾.

Nói đến vấn đề tiến lên chủ nghĩa xã hội, thì phải nói đến sự biến chuyển của chế độ dân chủ nhân dân về nội dung và hình thức qua các giai đoạn.

Hình thức của Nhà nước Việt Nam là cộng hòa dân chủ nhân dân. Nội dung của nó *trong hai giai đoạn đầu* là nhân dân dân chủ chuyên chính. Nhân dân dân chủ chuyên chính, *thực chất* là công nông chuyên chính, vì nó làm nhiệm vụ lịch sử của công nông chuyên chính: thủ tiêu quyền thống trị của bọn đế quốc xâm lược, thành lập và củng cố chế độ cộng hòa dân chủ, cải cách ruộng đất, phát triển kinh tế, cải thiện dân

1) Nói về chủ nghĩa Mác trong ngôn ngữ học (1950).

sinh, thủ tiêu những di tích bóc lột phong kiến và "chưa đụng chạm đến nền tảng của chủ nghĩa tư bản"¹⁾ trong nước.

Song nhân dân dân chủ chuyên chính *thực chất* là công nông chuyên chính, chứ *không hẳn là* công nông chuyên chính. Vì thành phần giai cấp của nhân dân dân chủ chuyên chính gồm công, nông, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, v.v., rộng hơn thành phần công nông chuyên chính. Hình thức của nhân dân dân chủ chuyên chính không phải là xôviết mà là dân chủ nhân dân.

Trong *giai đoạn thứ ba*, nhân dân dân chủ chuyên chính sẽ biến chuyển thành vô sản chuyên chính. Lúc đó nhiệm vụ của chính quyền chuyên chính đã thay đổi, nên thực chất của nó cũng thay đổi.

Hình thức nhà nước cộng hòa dân chủ nhân dân vẫn có thể tồn tại khi nội dung của nó đã đổi thành vô sản chuyên chính. Nhưng nội dung phát triển và hoàn thiện tới một mực nào đó thì chế độ dân chủ nhân dân sẽ trở thành chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta chống lại quan điểm cho rằng nhân dân dân chủ chuyên chính *giống hệt như* công nông chuyên chính hay *tức là* vô sản chuyên chính. Quan điểm đó lúc này là tả khuynh và sau này là hữu khuynh. Vì lúc này nó làm cho ta có những chủ trương, hành động thái quá và sau này nó làm cho ta có những chủ trương, hành động bất cập.

Chúng ta cũng chống lại quan điểm cho rằng xã hội Việt Nam chỉ cần qua nhân dân dân chủ chuyên chính, chứ không cần qua vô sản chuyên chính, cũng thực hiện chủ nghĩa xã

1) Lênin: Hai sách lược (1905).

hội được. Nhớ rằng: vô sản chuyên chính là nguyên lý bắt buộc cho tất cả các nước muốn thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Lênin nói:

"Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản đến chủ nghĩa cộng sản, đương nhiên không thể không có vô số hình thức chính trị khác nhau; nhưng thực chất của những hình thức đó nhất định phải là một: vô sản chuyên chính"¹⁾.

Con đường dân chủ nhân dân tiến tới chủ nghĩa xã hội là một con đường đấu tranh: đấu tranh chống giặc ngoài, địch trong, đấu tranh về chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, đấu tranh khi đỏ máu lúc không đỏ máu, khi bạo lực lúc hòa bình. Nhưng cuộc đấu tranh cách mạng trong giai đoạn nào phải nhằm đúng trọng tâm của giai đoạn đó, không thể đấu tranh lung tung.

Hiện nay nước ta đang bị đế quốc xâm lược, lợi ích mỗi giai cấp phải phục tùng lợi ích dân tộc đấu tranh chống bọn đế quốc bên ngoài. Lúc này, quyền lợi giai cấp công nhân và quyền lợi dân tộc là nhất trí. Dân tộc đấu tranh do giai cấp công nhân lãnh đạo chính là một hình thức giai cấp đấu tranh: giai cấp công nhân lãnh đạo dân tộc chống tư bản nước ngoài đến bóc lột áp bức mình và dân tộc mình. Tập trung lực lượng làm cho dân tộc đấu tranh thắng lợi tức là làm cho giai cấp công nhân thắng lợi.

Chúng ta chống lại quan điểm phân rẽ dân tộc đấu tranh với giai cấp đấu tranh, chú trọng một cách máy móc lợi ích giai cấp đấu tranh trong nước mà coi nhẹ lợi ích dân tộc đấu tranh chống bọn đế quốc xâm lược, làm hại chính sách mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc xâm lược. Ta cũng

1) Lênin: *Nhà nước và cách mạng* (1917).

chống quan điểm hiểu lầm lợi ích dân tộc giải phóng mà hy sinh quyền lợi giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động, tức số đông trong dân tộc, chỉ bắt những tầng lớp lao động thất lưng buộc bụng mà chiến đấu.

Muốn tiến tới chủ nghĩa xã hội, cần luôn luôn bồi đắp những điều kiện chính trị cơ bản dưới đây:

- 1- Tăng cường vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân và của đảng công nhân;
- 2- Củng cố liên minh công nông, đặc biệt là liên minh giữa công nhân và nông dân lao động;
- 3- Tăng cường mối liên hệ giữa Việt Nam với Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác.

Bồi đắp những điều kiện cơ bản đó, đồng thời tùy tình thế tiến hành việc quốc hữu hóa tài sản của địch, cải cách ruộng đất, kỹ nghệ hóa, tập thể hóa và kế hoạch hóa có hệ thống, thì nhất định con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội sẽ được bảo đảm.

Kết luận

Tóm lại, phân tích trên đây về xã hội Việt Nam và cách mạng Việt Nam đưa ta đến kết luận như dưới:

1. Cách mạng Việt Nam là một cuộc cách mạng *dân tộc dân chủ nhân dân*, tính chất là dân tộc và dân chủ, động cơ là nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo. Cuộc cách mạng đó không phải là cách mạng dân chủ tư sản lỗi cũ, cũng không phải là cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà là một *loại* cách mạng dân chủ tư sản lỗi mới, tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cho nên không phải cách mạng đó thành công rồi, nước ta phải qua một thời kỳ hòa bình phát triển tư bản chủ nghĩa rồi mới tiến lên cách mạng xã hội chủ

nghĩa, mà dưới chính quyền dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, nhiều cuộc cải biến cách mạng sẽ làm cho chế độ dân chủ nhân dân tiến triển thành chế độ xã hội chủ nghĩa.

2. Mục đích cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam là tiến tới chủ nghĩa xã hội. Từ nay đến lúc thực hiện chủ nghĩa đó là cả một quá trình lịch sử gồm nhiều cuộc cải biến cách mạng. Muốn đạt tới chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải qua ba giai đoạn, chứ không phải một hay hai giai đoạn. Trong mỗi giai đoạn đó, hàng ngũ quân thù và bạn đồng minh của cách mạng có thay đổi, chiến lược cũng thay đổi. Ba giai đoạn đó không đứt mạch mà dính líu mật thiết với nhau. Quan niệm giản đơn và "vượt bỏ giai đoạn" cũng như khuynh hướng "từ từ từng bước" đều sai.

3. Cũng như các xã hội khác, xã hội Việt Nam phải qua vô sản chuyên chính mới tiến lên chế độ cộng sản được. Con đường của cách mạng Việt Nam chính là con đường của chủ nghĩa Mác - Ăngghen - Lênin - Xtalin. Đó là con đường của Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân Đông Âu và Trung Quốc. Cần chống lại quan niệm cho rằng nước Cộng hòa dân chủ Việt Nam và các nước dân chủ nhân dân khác theo một con đường riêng biệt khác hẳn con đường của Liên Xô, con đường "độc lập", "mới mẻ", êm đềm phát triển tới chủ nghĩa xã hội, không cần phải qua vô sản chuyên chính. Song cũng cần chống lại quan điểm máy móc cho rằng: quá trình tiến tới chủ nghĩa xã hội của Việt Nam hoàn toàn giống Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân khác, không nhìn thấy đặc điểm của cách mạng Việt Nam.

4. Muốn cho cách mạng tiến lên, muốn thực hiện một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú

cường, trước hết phải tập trung lực lượng tiêu diệt bọn đế quốc xâm lược. Muốn tiêu diệt bọn đế quốc võ trang xâm lược, dân tộc Việt Nam phải kháng chiến. Vì ta là nước nông nghiệp đánh nhau với địch là nước kỹ nghệ, vì đế quốc Mỹ can thiệp vào Đông Dương, nên cuộc kháng chiến đó không thể không trường kỳ. Tưởng rằng chiến tranh giải phóng của Việt Nam có thể rút ngắn là sai. Việt Nam là một nước nông nghiệp nên cuộc chiến tranh giải phóng căn bản có tính chất du kích của nông dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, tiến triển thành chính quy chiến.

5. Muốn kháng chiến thắng lợi, phải lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc cho thật rộng rãi, bao gồm tất cả các tầng lớp nhân dân, các phần tử yêu nước, không phân biệt chủng tộc, giai cấp, tôn giáo và đảng phái chính trị. Mặt trận đó nhất định phải dựa trên nền tảng công nông liên minh mới được vững chắc. Hiểu lệch "lập trường giai cấp" mà coi nhẹ mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc, hoặc đại đoàn kết mà không chú trọng củng cố công nông liên minh, đều không đúng.

6. Mặt trận dân tộc thống nhất đó phải do giai cấp công nhân và đảng tiên phong của công nhân lãnh đạo chặt chẽ. Quyền lãnh đạo đó không thể phân chia với bất cứ một giai cấp nào và mỗi ngày phải được củng cố thêm. Không chú trọng quyền lợi của công nhân và nông dân lao động, không nắm vững lập trường giai cấp, lập trường của Đảng trong khi đi đôi với các đảng phái trong Mặt trận, càng sai.

7. Cách mạng Việt Nam có bốn phạm vi giúp đỡ cách mạng Miên, Lào. Dân tộc Việt Nam phải đoàn kết nhất trí với các dân tộc đó để tiêu diệt bọn đế quốc xâm lược. Mặt trận dân tộc thống nhất Việt - Miên - Lào rất cần thiết. Mặt trận đó

phải hoàn toàn đặt trên cơ sở bình đẳng, tương trợ và tự nguyện. Tách hẳn vấn đề Cao Miên và Ai Lao ra khỏi vấn đề Việt Nam là không đúng; nhưng giải quyết vấn đề Cao Miên và Ai Lao một cách cưỡng ép và một chiều, chỉ căn cứ vào lợi ích của Việt Nam, cố nhiên là sai.

8. Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào hòa bình dân chủ và xã hội chủ nghĩa thế giới do Liên Xô lãnh đạo. Dân tộc Việt Nam phải gia cường đoàn kết với nhân dân yêu chuộng hòa bình và dân chủ các nước trên thế giới, giành lấy sự đồng tình và giúp đỡ của họ, đồng thời làm tròn nhiệm vụ bảo vệ hòa bình thế giới, đặc biệt là phải thống nhất hành động với nhân dân Pháp trong việc chống kẻ thù chung là đế quốc Pháp - Mỹ. Cần đề cao tinh thần quốc tế vô sản kết hợp với tinh thần ái quốc chân chính, củng cố và phát triển lòng yêu mến Liên Xô chống lại khuynh hướng tự mãn chủ nghĩa quốc gia tư sản, đồng thời chống lại chủ nghĩa thế giới của bọn đế quốc.

9. Hiện thời, dân tộc Việt Nam là một trong những dân tộc đi tiên phong trong phong trào giải phóng ở Đông Nam Á. Dân tộc Việt Nam có nhiệm vụ ủng hộ cuộc vận động cách mạng của các dân tộc đó, đồng thời học hỏi kinh nghiệm của họ để tự bồi bổ cho mình. Phải phản đối khuynh hướng coi thường trách nhiệm đối với các nước Đông Nam Á cũng như khuynh hướng tự mãn, tự cao.

10. Cách mạng Việt Nam chịu ảnh hưởng của cách mạng Trung Quốc rất mạnh. Dân tộc Việt Nam phải đoàn kết đặc biệt chặt chẽ với nhân dân Trung Quốc, học hỏi kinh nghiệm quý báu của cách mạng Trung Quốc và tư tưởng *Mao Trạch Đông* để soi sáng đường lối cách mạng của mình. Cần phát triển tinh thần hữu nghị đối với Trung Quốc,

gột bỏ những tàn tích của mọi thành kiến dân tộc, song đồng thời cần chống lại khuynh hướng ỷ lại vào Trung Quốc và khuynh hướng giáo điều.

PHẦN THỨ BA CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG

Căn cứ vào tình hình chung của thế giới và Việt Nam, nhiệm vụ và tính chất của cách mạng Việt Nam, chúng ta đề ra chính sách của Đảng.

Chính sách đó có hai phần:

1. Cương lĩnh bao quát;
2. Cương lĩnh cụ thể.

Cương lĩnh bao quát là những chính sách lớn của Đảng, chung cho cả cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cương lĩnh cụ thể là những chính sách của Đảng trong giai đoạn hiện tại: giai đoạn kháng chiến và ngay sau kháng chiến thắng lợi.

I- CƯƠNG LĨNH BAO QUÁT

Trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân này, chúng ta đề xướng và lãnh đạo nhân dân thực hiện những chủ trương dưới đây:

1. Tiêu diệt đế quốc xâm lược và trừng trị bù nhìn phản quốc, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn thống nhất, độc lập và bảo vệ hòa bình thế giới

Kẻ thù chính, kẻ thù trước mắt của dân tộc Việt Nam lúc

này là *đế quốc Pháp*. Song kẻ thù nguy hiểm của dân tộc Việt Nam hiện nay là *bọn can thiệp Mỹ*.

Đế quốc Mỹ đã trực tiếp can thiệp vào Đông Dương. Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ tuy có mâu thuẫn với nhau về quyền lợi, nhưng nhất trí về chủ trương nô dịch Việt Nam. Thực dân Pháp đã biến thành tay sai của đế quốc Mỹ và đánh thuê cho Mỹ. Mỹ giúp tiền và vũ khí cho thực dân Pháp đánh Việt Nam, đồng thời lấn dần quyền lợi của Pháp và gây thế lực ở Việt Nam bằng cách một mặt cho vốn vào kinh doanh, cho hàng vào bán, một mặt lôi kéo bù nhìn, võ trang cho ngụy quân, đặt cố vấn, tổ chức gián điệp, tuyên truyền về chính trị và văn hóa để lừa phỉnh nhân dân Việt Nam, v.v.. Dụng tâm của đế quốc Mỹ là nếu thực dân Pháp thắng thì chúng ngồi không hưởng lợi. Nếu thực dân Pháp bại thì chúng nắm thắng lấy ngụy quyền và ngụy quân, nhảy vào Đông Dương tiếp tục đánh chiếm Việt Nam. Hiện nay, đế quốc Mỹ đang trù tính nếu quân đội Pháp phải rút, thì quân đội Mỹ nhảy vào thay chân quân đội Pháp; hoặc kéo cờ Liên hợp quốc vào đánh hôi để cứu vãn tình thế. Bọn đế quốc Mỹ - Pháp lại chia rẽ Việt - Miên - Lào. Chúng câu kết với phản động Xiêm để bao vây các nước Việt - Miên - Lào ở phía tây. Đế quốc Mỹ đang củng cố thế lực ở Xiêm và định khi nào cần thiết thì dùng Xiêm làm bàn đạp đánh Việt - Miên - Lào.

Cho nên hiện nay, ta đánh Pháp tức là đánh Mỹ. Đánh thực dân Pháp tức là phá kế hoạch của đế quốc Mỹ đang biến nước ta thành thị trường và căn cứ quân sự của chúng, đặt chuẩn bị chiến tranh thứ ba chuẩn bị tiến công Trung Quốc và Liên Xô. Khẩu hiệu của chúng ta lúc này là: *tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược, đánh đổ bọn can thiệp Mỹ, đấu tranh cho độc lập, thống nhất, dân chủ và hòa bình*.

Muốn tiêu diệt ý chí xâm lược của bọn đế quốc Pháp - Mỹ, phải *kháng chiến đến cùng*. Phải đánh đổ tư tưởng thất bại đầu hàng của bọn thân Pháp và tư tưởng "thay thầy đổi chủ" của bọn thân Mỹ, tư tưởng sợ Mỹ, nhờ Mỹ của bọn hèn nhát, cầu an. Phải làm cho mọi người Việt Nam hiểu rõ kháng chiến là con đường cứu sống duy nhất. Kháng chiến thành công rồi, còn phải luôn luôn củng cố quốc phòng, sẵn sàng tiêu diệt bọn đế quốc xâm lược bất cứ chúng từ đâu lại, luôn luôn đề cao tinh thần *cảnh giác cách mạng*, ngăn ngừa sự phá hoại của bọn gián điệp, tay sai của đế quốc.

2. Xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho nước Việt Nam để tiến trên con đường dân chủ nhân dân

Chế độ nông nô ở một vài miền dân tộc thiểu số, chế độ tá điền có tính chất nửa nông nô ở nhiều nơi, chế độ cho vay cắt hòng, phu sai tạp dịch và sưu cao thuế nặng của bọn đế quốc và bù nhìn, chế độ quan lại, cường hào trong vùng bị tạm chiếm, v.v., đó là những hình thức bóc lột, áp bức phong kiến và nửa phong kiến còn lại, cần xóa bỏ, để giải phóng cho lực lượng sản xuất, làm cho kinh tế quốc dân, đặc biệt là nông nghiệp, phát triển, cải thiện đời sống cho nhân dân lao động, khiến cho xã hội Việt Nam tiến mạnh trên con đường dân chủ nhân dân.

Bọn đế quốc cố duy trì những di tích phong kiến và nửa phong kiến đó để lợi dụng bóc lột, áp bức dân ta nặng nề thêm. Những di tích đó cũng dựa vào đế quốc đặt kéo dài đời sống trong vùng bị tạm chiếm. Cho nên việc xóa bỏ những di tích đó là cần thiết. Nếu chế độ dân chủ nhân dân không thể đồng thời sống chung với chế độ thuộc địa thì nó cũng

không thể phát triển mạnh chừng nào di tích phong kiến và nửa phong kiến vẫn còn.

Muốn xóa bỏ những di tích đó, phải tiến hành cải cách ruộng đất và nhiều cuộc cải cách dân chủ khác mà Cách mạng Tháng Tám đã bắt đầu. Những cải cách đó có thể và cần phải tiến hành một phần nào với cuộc kháng chiến, *nhưng không thể làm trọn một lượt ngay trong thời kỳ kháng chiến*. Trái lại, vì phải tập trung mọi lực lượng vào nhiệm vụ chính là kháng chiến, nên những cuộc cải cách đó phải làm dần dần, có trật tự, có kế hoạch, tùy theo lợi ích kháng chiến và điều kiện chính trị trong nước và ngoài nước của *mỗi lúc*, tùy theo trình độ tổ chức, ý thức giác ngộ của quần chúng và năng lực lãnh đạo của Đảng ở *từng nơi*.

3. củng cố và phát triển chế độ cộng hòa dân chủ nhân dân Việt Nam, hoàn thành dân chủ nhân dân để tiến tới chủ nghĩa xã hội

Muốn thế, phải thực hiện chính trị, kinh tế, văn hóa dân chủ nhân dân như dưới đây:

a. Chính trị dân chủ nhân dân

Điều cốt yếu của cách mạng và của chính trị nói chung là giành chính quyền và củng cố chính quyền. Điều cốt yếu của chính trị dân chủ nhân dân nước ta hiện nay là củng cố Nhà nước nhân dân, củng cố cơ sở chính trị của chính quyền là *Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế*. Chính quyền nhân dân rất quan trọng. Đảng nắm vững và củng cố được chính quyền đó thì đảm bảo được kháng chiến thắng lợi và đưa nhân dân tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Hiện nay, *nội dung* của chính quyền nhân dân nước ta là *nhân dân dân chủ chuyên chính*. Nhân dân tức là công,

nông, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những tầng lớp đó hiện nay chuyên chính đối với giặc ngoài là thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ và địch trong là bọn phản quốc.

Mao Chủ tịch nói:

"Dân chủ đối với nhân dân và chuyên chính đối với những bọn phản động, đó là hai trạng thái của nhân dân dân chủ chuyên chính"¹⁾.

Hình thức chính quyền là cơ quan liên hợp của mọi tầng lớp nhân dân, mọi lực lượng dân tộc và dân chủ trong nước, không phân biệt chủng tộc, giai cấp, nam nữ, tôn giáo và đảng phái chính trị. Song nền tảng của nó phải là công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Trong nước, nhiệm vụ của chính quyền nhân dân là: thống nhất dân tộc để kiên quyết kháng chiến, kiên quyết đánh bại bọn xâm lược, phá tan chính quyền thực dân và chính quyền bù nhìn trong vùng bị tạm chiếm, trừng trị bọn phản quốc, hoàn thành sự nghiệp giải phóng Tổ quốc, mang lại quyền lợi cho nhân dân.

Đối ngoại, đứng vào hàng ngũ các lực lượng hòa bình dân chủ và xã hội chủ nghĩa thế giới do Liên Xô lãnh đạo, chống bọn đế quốc gây chiến; đoàn kết với tất cả các dân tộc yêu chuộng hòa bình, dân chủ, nhất là mật thiết liên lạc với Liên Xô và Trung Quốc, phối hợp đấu tranh với nhân dân Pháp và ủng hộ các dân tộc bị áp bức giành độc lập.

Muốn thi hành quyền chuyên chính, Nhà nước cộng hòa dân chủ Việt Nam phải *củng cố quân đội nhân dân và công an nhân dân*, vì đó là lực lượng cần thiết để tiến hành chiến

1) *Nhân dân dân chủ chuyên chính* (1949).

tranh chống xâm lược, trừ diệt bọn cướp nước và bọn phản quốc, gìn giữ trật tự cách mạng, bảo vệ chính quyền nhân dân, bảo vệ quyền lợi của dân và bảo đảm việc công dân làm trọn nghĩa vụ đối với Tổ quốc. *Quyền lợi* đó là: được hưởng nhân quyền, dân quyền và tài quyền¹⁾. *Nghĩa vụ* đó là: bảo vệ đất nước, ủng hộ chính quyền nhân dân, đóng góp cho công quỹ, gìn giữ và phát triển tài sản chung của quốc gia.

Chính quyền nhân dân phải luôn luôn dựa vào Mặt trận thống nhất để động viên và tổ chức nhân dân bảo vệ quyền lợi và làm trọn nghĩa vụ.

Chính quyền dân chủ nhân dân tổ chức và làm việc theo *nguyên tắc dân chủ tập trung*, nghĩa là các cơ quan chính quyền (Quốc hội và Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy

1) Nhân quyền là:

- Tự do thân thể, đi lại và cư trú,
- Tự do học tập, tư tưởng, tín ngưỡng, phát minh, sáng chế, v.v..

Dân quyền là:

- Bầu cử, ứng cử, bãi miễn,
- Tự do ngôn luận, báo chí,
- Tự do tổ chức, hội họp, biểu tình,
- Tham gia các cơ quan chính quyền,
- Tham gia quản trị xí nghiệp nhà nước,
- Được bảo hiểm xã hội, hưởng thụ các công cuộc xã hội và công ích,
- Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật,
- Mọi công dân đều có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau,
- Nam nữ bình đẳng,
- Dân tộc bình đẳng,
- Trách nhiệm ngang nhau, quyền lợi ngang nhau, v.v..

Tài quyền là:

- Sở hữu tài sản,
- Thừa kế, cho và nhận,
- Người cày có ruộng,
- Việc làm ngang nhau, tiền lương ngang nhau, v.v..

ban địa phương) đều do dân cử ra và chịu trách nhiệm trước mặt dân, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phục tùng trung ương, số ít phục tùng số nhiều, chuyên môn phục tùng chính trị. Tóm lại, tập trung trên nền tảng dân chủ và dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung.

Phương châm của chính quyền dân chủ nhân dân là: phối hợp phương pháp dùng quyền lực của Nhà nước với phương pháp thuyết phục giải thích, làm cho nhân dân tự giác, tự nguyện tuân theo, nhưng *cốt yếu là thuyết phục, giải thích*; phối hợp và thống nhất phương pháp hành chính ra lệnh, tức đấu tranh từ trên xuống, với phương pháp quần chúng đòi hỏi, đấu tranh từ dưới lên; chú trọng học sáng kiến và hiểu nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

b. *Kinh tế dân chủ nhân dân*

Kinh tế dân chủ nhân dân là kinh tế của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Kinh tế dân chủ nhân dân Việt Nam gồm có những bộ phận như sau: bộ phận kinh tế nhà nước gồm những xí nghiệp do Nhà nước kinh doanh; bộ phận hợp tác xã gồm những tổ chức kinh tế do hợp tác xã kinh doanh; bộ phận kinh tế nhỏ tức kinh tế của nông dân, tiểu thương, tiểu chủ; bộ phận kinh tế tư bản tư nhân gồm những xí nghiệp của tư sản dân tộc. Ngoài ra, còn bộ phận tư bản nhà nước gồm những xí nghiệp do tư bản tư nhân cùng chung vốn với Nhà nước kinh doanh, hoặc các xí nghiệp và tài nguyên của Nhà nước nhượng cho tư nhân kinh doanh có điều kiện.

Kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác xã hợp thành bộ phận xã hội hóa và phải đóng một vai trò quyết định trong nền kinh tế quốc gia.

Xây dựng kinh tế dân chủ nhân dân Việt Nam, tức là

trước hết phát triển kinh tế kháng chiến để thắng quân địch, làm cho nước Việt Nam từ trình độ một nước nông nghiệp trở thành một nước kỹ nghệ và tạo điều kiện để xây dựng nền móng cho chủ nghĩa xã hội sau này.

Những phương sách kinh tế dân chủ nhân dân lớn của ta, đại khái như sau:

Tịch thu tài sản của bọn đế quốc xâm lược và của bọn phản quốc, thủ tiêu đặc quyền, đặc lợi của chúng để phá bỏ những xiềng xích kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất của quốc gia.

Cải cách ruộng đất từng bước một, bắt đầu từ bước giảm tô, giảm tức, tạm cấp ruộng đất của thực dân Pháp và của Việt gian cho dân cày nghèo, và xóa bỏ lần lần di tích bóc lột cũ và thực hiện khẩu hiệu "Người cày có ruộng", đẩy mạnh sức sản xuất nông nghiệp và tạo thêm điều kiện kỹ nghệ hóa nước nhà.

Kỹ nghệ hóa đi từ phát triển tiểu công nghệ tiến lên xây dựng kỹ nghệ nặng, cải tiến kỹ thuật theo những phát minh mới của khoa học.

Phát triển kinh tế nhà nước và kinh tế hợp tác xã để xây dựng bộ phận kinh tế xã hội hóa lớn mạnh, làm cho kinh tế nhà nước đóng vai trò lãnh đạo các bộ phận kinh tế khác và kinh tế hợp tác xã hóa dần những bộ phận kinh tế riêng lẻ của tư nhân một cách có lợi chung cho Nhà nước, cho nhân dân và cho cả tư nhân.

Tiến tới kế hoạch hóa kinh tế quốc gia; bắt đầu đặt kế hoạch sản xuất cho bộ phận kinh tế nhà nước và hướng dẫn bộ phận kinh tế hợp tác xã và kinh tế tư nhân. Khi nào đủ điều kiện kế hoạch hóa thì, trước hết đặt kế hoạch ngắn hạn

để phục hưng và phát triển kinh tế, sau sẽ tiến lên đặt kế hoạch dài hạn để xây dựng cơ sở chủ nghĩa xã hội.

Tổ chức thi đua để tăng gia sản xuất mạnh. Cải thiện sinh hoạt cho quần chúng lao động và cải tiến kỹ thuật để đẩy tới phong trào thi đua.

Bảo vệ và phát triển sức lao động, giáo dục lao động (thi hành luật ngày làm 8 giờ, luật bảo hiểm xã hội, luật nghỉ hàng năm, cải cách chế độ lương bổng, tổ chức việc dạy nghề, v.v.).

Gia nhập tập đoàn kinh tế dân chủ; phát triển liên hệ kinh tế giữa ta và các nước bạn.

Trong những việc trên đây, có nhiều việc phải bắt đầu làm ngay trong giai đoạn kháng chiến, nhưng chỉ làm được một phần. Sau kháng chiến, còn phải một thời gian lâu dài nữa mới làm trọn được. Trong kháng chiến cần đặc biệt chú trọng: tăng gia sản xuất nông nghiệp, xây dựng kỹ nghệ quốc phòng, thực hành tiết kiệm, cải thiện dân sinh, phá hoại kinh tế địch.

Vì trình độ phát triển kinh tế nước ta còn thấp, nên thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội không thể ngắn. Kinh tế tư nhân nước ta còn tồn tại và phát triển trong một thời gian lâu dài.

Ta cần có chính sách đúng mực đối với bộ phận sản xuất nhỏ và bộ phận kinh tế tư bản tư nhân, v.v.. Đối với kinh tế của nông dân lao động và của tiểu thương, tiểu chủ, *phải đặc biệt giúp đỡ và hướng dẫn vào con đường hợp tác xã*. Đối với tư sản dân tộc, *cũng phải giúp đỡ, khuyến khích họ bỏ vốn kinh doanh các ngành có ích cho kinh tế quốc dân*. Đồng thời, tiết chế tư bản, cấm tư nhân độc quyền và *hướng tư bản tư nhân vào con đường kinh doanh theo lối tư bản nhà nước*.

Nói chung, chúng ta bảo đảm quyền lợi kinh tế cho các tầng lớp nhân dân, bảo đảm quyền hưởng thụ chính đáng của dân. Đồng thời, định chế độ đóng góp của công dân, đặt chế độ thuế khóa dân chủ, giảm nhẹ gánh nặng của quần chúng.

Về tài chính, chúng ta thực hiện việc chi thu thẳng bằng, giữ vững và nâng cao giá trị tiền tệ, *làm cho nền tài chính quốc gia được củng cố*.

Phương châm của kinh tế dân chủ nhân dân là: phân công và phối hợp giữa các bộ phận kinh tế, dưới sự lãnh đạo của bộ phận kinh tế nhà nước; phân công và phối hợp giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, dưới sự điều chỉnh của kinh tế trung ương; phân công và phối hợp giữa thành thị và thôn quê, phát triển mật dịch giữa tỉnh và quê trên nguyên tắc giúp đỡ lẫn nhau; phân công và phối hợp giữa Chính phủ và tư nhân, dưới sự lãnh đạo của Chính phủ. Nâng cao quyền lợi lao động, đồng thời chú ý đến quyền lợi tư bản, nhưng chủ yếu là nâng cao quyền lợi lao động. Giao dịch với kinh tế nước ngoài trên nền tảng có lợi cho cả hai bên. *Tự lực cánh sinh là chính*, giúp đỡ của kinh tế các nước bạn là phụ.

c. Văn hóa dân chủ nhân dân

Văn hóa dân chủ nhân dân của ta có ba tính chất: dân tộc, khoa học và đại chúng. Nghĩa là một nền văn hóa:

- 1- Chống lại văn hóa đế quốc, nô dịch, lừa bịp và ngu dân; phát triển truyền thống văn hóa tốt của dân tộc; bảo vệ và phát triển văn hóa của các dân tộc thiểu số; phụng sự Tổ quốc;
- 2- Chống văn hóa phong kiến, lạc hậu; học hỏi văn hóa tiến bộ của thế giới; phổ biến và phát triển khoa học;
- 3- Gần gũi quần chúng, hòa với quần chúng; học hỏi quần chúng, nhưng dạy dỗ quần chúng; phục vụ lao động.

Chính sách văn hóa, giáo dục chung của ta trong cuộc cách mạng này là: tổ chức, động viên mọi lực lượng văn hóa, phát triển văn học, khoa học, nghệ thuật, *diệt nạn mù chữ*, nâng cao trình độ văn hóa của dân; cổ động nhân dân thực hành *đời sống mới*, theo khẩu hiệu: cần, kiệm, liêm, chính của *Hồ Chủ tịch*; cổ động và phát triển *đạo đức dân chủ mới* gồm những điểm chính dưới đây: hiểu nghĩa vụ và quyền lợi làm dân, phục vụ nhân dân và phụ trách trước mặt dân, tin tưởng ở quần chúng, biết yêu ghét cho đúng (căm thù đế quốc và bọn phản quốc, ghét ăn bám và bóc lột, ngu dân và phỉnh dân; yêu nhân loại, yêu Tổ quốc và nhân dân, yêu lao động và khoa học).

Phương châm của văn hóa dân chủ nhân dân là: *phối hợp lý luận với thực hành*; phối hợp sáng kiến, kinh nghiệm và khả năng của quần chúng với kiến thức và kỹ thuật của nhà chuyên môn; hợp với trình độ quần chúng nhưng nâng cao trình độ quần chúng; giáo dục quần chúng và cốt yếu là làm cho đời sống vật chất của quần chúng đầy đủ, đặng quần chúng có điều kiện hưởng thụ và tham gia hoạt động văn hóa.

Tóm lại, thi hành cương lĩnh bao quát trên đây, tức là thực hiện *một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường* và tiến tới chủ nghĩa xã hội.

II- CƯƠNG LĨNH CỤ THỂ

Bây giờ đến những chính sách cụ thể mà Đảng thi hành trong giai đoạn kháng chiến và ngay sau kháng chiến thắng lợi.

Cương lĩnh cụ thể gồm có mười bốn chính sách dưới đây:

1. Đẩy mạnh kháng chiến đến toàn thắng.

2. Củng cố chính quyền nhân dân.
3. Củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất.
4. Phát triển quân đội nhân dân.
5. Mở mang kinh tế.
6. Cải cách ruộng đất.
7. Phát triển văn hóa, giáo dục.
8. Giải quyết vấn đề dân tộc.
9. Đối với vùng bị tạm chiếm.
10. Ngoại giao.
11. Đối với Cao Miên và Ai Lao.
12. Đối với ngoại kiều.
13. Đấu tranh cho hòa bình thế giới.
14. Thi đua ái quốc.

1. **Đẩy mạnh kháng chiến đến toàn thắng**

Nước ta đang bị đế quốc Pháp xâm lược và đế quốc Mỹ can thiệp. Bọn đế quốc Pháp - Mỹ, một mặt dùng quân đội đánh cướp nước ta, một mặt bày trò độc lập, thống nhất giả hiệu, định lừa gạt dân ta. Nguyên vọng tha thiết của dân tộc ta lúc này là *độc lập và thống nhất thật sự và hoàn toàn*. Độc lập và thống nhất không thể xin mà được, cũng không thể nhờ ai giành hộ. Phải tự mình đấu tranh mà giành lấy. Vì thế dân tộc ta đã kháng chiến và phải kháng chiến đến cùng, kỳ cho tiêu diệt hết quân xâm lược.

Chủ trương kháng chiến của ta là *toàn dân, toàn diện và trường kỳ*.

Kháng chiến của ta là chiến tranh tự vệ của một dân tộc sống về nông nghiệp, chống bọn đế quốc xâm lược có kỹ nghệ hiện đại.

Chỉ trong quá trình kháng chiến lâu dài của toàn thể dân

tộc về mọi mặt, mới có thể khắc phục khó khăn, sửa chữa khuyết điểm và phát triển ưu điểm; mới có thể làm hao hụt lực lượng địch, bồi dưỡng lực lượng ta, làm cho ta từ chỗ thua kém địch, tiến đến cân sức với địch và mạnh hơn địch, có thể đánh bại địch. Vì vậy, cuộc kháng chiến phải qua ba giai đoạn: phòng ngự, cầm cự và tổng phản công giành thắng lợi cuối cùng.

Muốn cho toàn dân kháng chiến lâu dài về mọi mặt, chúng ta đoàn kết toàn dân, tổng động viên nhân lực, vật lực, tài lực; kháng chiến hóa bộ máy chính quyền, xây dựng quân đội nhân dân và mở rộng võ trang nhân dân, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, phát triển văn hóa kháng chiến của nhân dân.

Đối ngoại, chúng ta luôn luôn tìm cách bớt thù thêm bạn, tranh thủ sự đồng tình của nhân dân thế giới và viện trợ của các nước.

Hiện nay, ta đã qua giai đoạn phòng ngự, đang ở giai đoạn cầm cự và chuẩn bị chuyển sang giai đoạn tổng phản công. Nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng Việt Nam lúc này là *đẩy mạnh kháng chiến đến toàn thắng*. Nhiệm vụ kháng chiến của dân tộc ta từ đây đến thắng lợi cuối cùng là *hoàn thành việc chuẩn bị tổng phản công và tổng phản công thắng lợi*.

Muốn làm tròn nhiệm vụ nặng nề đó, phải nắm vững phương châm chỉ đạo chiến tranh nhân dân. Mọi hoạt động, mọi ngành, đều hướng vào nhiệm vụ đẩy mạnh kháng chiến. Bởi vậy phải:

Phối hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh kinh tế và chính trị của quần chúng.

Phối hợp đấu tranh trước mặt địch với đấu tranh sau lưng địch, đấu tranh vùng tự do với vùng bị tạm chiếm.

Phối hợp cuộc kháng chiến của ta với phong trào hòa bình thế giới và đặc biệt với cuộc vận động hòa bình và phản chiến của nhân dân Pháp.

Phối hợp mọi tác động của quân, dân, chính dưới sự lãnh đạo tập trung và thống nhất của Đảng.

Đó là chiến lược quân chúng, chiến lược chiến tranh nhân dân của ta.

Chiến lược đó nhận rằng: không nên coi thường vũ khí, song rốt cuộc điều kiện cơ bản quyết định thắng bại vẫn là *người*, tức là nhân dân và quân đội. Vì thế, đối với quân đội, phải coi trọng việc *động viên chính trị thường xuyên*, tiến hành công tác chính trị có theo dõi, có hệ thống; chú trọng việc cấp dưỡng, săn sóc thương binh, giúp đỡ gia đình tử sĩ. Đối với nhân dân, bảo vệ sinh mệnh tài sản của dân, cải thiện dân sinh; động viên có kế hoạch, có chừng mực và thực hành tiết kiệm, làm cho nhân dân kháng chiến dẻo dai, càng đánh càng khỏe, tuyệt đối không làm kiệt sức của dân.

Địch biết rõ ưu điểm của ta là dân, là người. Vì thế, một mặt chúng ra sức tàn sát thanh niên trong các cuộc càn quét và vây ráp. Mặt khác, chúng mở những trận giặc lúa, chúng phá hoại kho tàng, làng mạc, công xưởng, cản trở tiếp tế, cố làm cho dân và quân ta vì đói mà đuối sức, chán nản.

Để chống lại, chúng ta phải ra sức tăng gia sản xuất, chống càn quét, *cướp lấy của địch bổ sung trang bị cho ta*. Nhược điểm lớn của địch là người. Vì thế, phải *tiêu diệt sinh lực địch*, tổ chức nhân dân vùng bị tạm chiếm, ráo riết *địch vận, nguy vận*.

Cuộc kháng chiến của ta còn gian khổ, còn kéo dài. Ta phải đề phòng đế quốc Mỹ trực tiếp can thiệp bằng quân sự; đề phòng chiến tranh thứ ba xảy ra, nước ta sẽ thành một điểm xung yếu trong cuộc xung đột quốc tế.

Bởi vậy, phải chú trọng xây dựng và bồi dưỡng *lực lượng quân sự, kinh tế*, thiết thực xây dựng và củng cố *căn cứ địa*.

Hiện nay, trong hàng ngũ cán bộ và nhân dân ta, vẫn còn những nhận định sai lầm về kháng chiến:

Nhiều đồng chí chúng ta chưa quan niệm đúng chiến tranh nhân dân, không hiểu kháng chiến của ta là chiến tranh nhân dân; không hiểu phương châm căn bản của chiến tranh nhân dân là phát động quần chúng nhân dân đấu tranh về quân sự cũng như về chính trị, kinh tế v.v., để giành quyền sống.

Nhiều đồng chí khác coi nhẹ việc lãnh đạo chiến tranh nhân dân, không hiểu rằng: muốn kháng chiến thắng lợi, cần phải nắm vững việc lãnh đạo chiến tranh. *Lãnh đạo chiến tranh là khâu chính trong mọi chính sách của Đảng lúc này*. Từ trước đến giờ, việc lãnh đạo chiến tranh của Đảng đã có thành tích. Nhưng chưa đủ. Đảng phải dùng lực lượng lớn hơn để nắm vững quân sự. Nhiệm vụ quân sự mỗi ngày một nặng. Tất cả các đồng chí trong các cấp ủy của Đảng phải học quân sự để lãnh đạo chiến tranh nhân dân cho đến toàn thắng.

Ngoài ra, có nhiều khuynh hướng sai lầm khác của cán bộ và nhân dân:

Hoặc đánh giá quá cao lực lượng của mình, không ước lượng đến nơi những khó khăn của bản thân mình, đánh giá quá thấp khả năng của địch, không nhận rõ những khả năng cố gắng của chúng, nên sinh ra *chủ quan, khinh địch*, hy vọng đánh mau, thắng mau, kết thúc mau chiến tranh.

Hoặc đánh giá quá cao lực lượng của địch, đánh giá quá thấp lực lượng của mình, nên sinh ra bi quan, sợ sệt, cầu an, thất bại chủ nghĩa.

Gần đây, việc Mỹ đem quân tiến công Triều Tiên làm cho

khuyh hướng bị quan, sợ Mỹ nẩy nổ trong nhân dân, nhất là ở vùng bị tạm chiếm, khuyh hướng quá lạc quan nẩy nổ trong cán bộ, nhất là cán bộ vùng tự do. Đồng thời vấn đề chuẩn bị tổng phản công đặt ra và những thắng lợi vang dội của chiến dịch thu đông này cũng làm cho khuyh hướng chủ quan, khinh địch phát triển. Biên giới Bắc Bộ giải phóng là một dịp cho tinh thần ỷ lại vào các nước bạn và tinh thần lạc quan tếu tăng thêm.

Phải khắc phục những khuyh hướng sai lầm trên đây, mới có thể đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến toàn thắng. Muốn kháng chiến thắng lợi, phải đánh bại quân xâm lược, nhưng đồng thời cũng phải đánh bại những tư tưởng sai lầm trong bản thân ta, trong hàng ngũ dân tộc ta.

Muốn kháng chiến thắng lợi, phải tự lực cánh sinh, đồng thời tranh thủ ngoại viện, nhưng tự lực cánh sinh là chính, ngoại viện là phụ.

Nhớ rằng trường kỳ kháng chiến không phải là đoản kỳ kháng chiến. Ta còn phải đánh lâu mới thắng được địch. Song một dân tộc đoàn kết chiến đấu không hề biết sợ! Thực dân Pháp, đế quốc Mỹ hay bất cứ đế quốc nào xâm lược nước ta, ta cũng đánh!

2. Củng cố chính quyền nhân dân

Chính quyền của ta là chính quyền nhân dân.

Hiện nay, chính quyền đó đang điều khiển cuộc kháng chiến của toàn dân chống quân xâm lược, đồng thời củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân. Muốn làm tròn nhiệm vụ đó, nó phải luôn luôn được củng cố.

Muốn củng cố chính quyền nhân dân, phải phát triển những ưu điểm và sửa chữa những khuyết điểm của nó.

Sức mạnh của chính quyền ta ở đâu?

Ở chỗ chính quyền của ta để ra trong phong trào đấu tranh của nhân dân chống bọn phát xít và các hạng bù nhìn đầy tớ của chúng. Ngày nay nó trưởng thành trong kháng chiến gian khổ chống đế quốc xâm lược.

Ở chỗ nó dựa trên nền tảng Mặt trận dân tộc thống nhất lấy công nông làm nòng cốt; nó liên hệ mật thiết với quần chúng, phụng sự nhân dân và được nhân dân ủng hộ.

Ở chỗ chính quyền của ta do giai cấp công nhân và đảng của công nhân lãnh đạo, đảng đó có một đường lối chính sách đúng, một lý luận đúng.

Ở chỗ chính quyền của ta được Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác công nhận, các dân tộc yêu chuộng hòa bình và chính nghĩa trên khắp thế giới ủng hộ, giúp đỡ.

Cho nên, muốn củng cố chính quyền nhân dân của ta, cốt yếu phải làm những việc dưới đây:

a) *Củng cố không ngừng mối liên hệ giữa chính quyền và quần chúng nhân dân đông đảo*, đặc biệt với công nông và trí thức tiến bộ. Làm cho các Hội đồng nhân dân hoạt động tích cực theo đúng nhiệm vụ của nó. Làm cho chính quyền mật thiết liên hệ với tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất trong việc động viên nhân dân thi hành chính sách của Chính phủ. Thực hiện đúng mục việc nhân dân phê bình, kiểm soát chính quyền, giúp đỡ ý kiến cho các cơ quan chính quyền. Thực hiện việc phối hợp kiểm tra của Chính phủ từ trên xuống với việc kiểm tra của nhân dân từ dưới lên. Đào tạo, cất nhắc cán bộ công nông trong ngạch hành chính và chuyên môn các cấp, cải tạo tư tưởng cho các cán bộ trí thức trong chính quyền.

b) *Thực hiện đúng chế độ dân chủ tập trung* trong chính quyền các cấp. Hội đồng nhân dân cấp nào phải báo cáo công việc và chịu trách nhiệm trước quần chúng nhân dân cấp ấy; Ủy ban kháng chiến hành chính cấp nào phải báo cáo công tác và chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân cấp ấy.

c) *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong các cơ quan chính quyền*: kiện toàn Đảng đoàn chính quyền các cấp, đặt những cán bộ trung thực và có năng lực vào những bộ phận chủ yếu của Nhà nước dân chủ nhân dân. Đảng phải lãnh đạo chặt chẽ chính quyền, chính quyền phải thi hành đúng chính sách của Đảng. Chủ trương của Đảng và chính sách của chính quyền phải ăn khớp với nhau.

d) *Củng cố ngoại giao với Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác*, tăng cường việc ngoại giao giữa các đoàn thể nhân dân nước ta và các đoàn thể nhân dân thế giới.

Hiện nay, trong cán bộ chính quyền có nhiều tư tưởng và khuynh hướng sai lầm cần sửa chữa như dưới đây:

1- Quan niệm sai về nhân dân dân chủ chuyên chính, cho nhân dân dân chủ chuyên chính tức là vô sản chuyên chính hay giống như công nông chuyên chính, nên có nhiều chủ trương, hành động tả, phạm phải khuynh hướng công nhân chủ nghĩa hoặc công nông chủ nghĩa.

2- Không nắm vững quan điểm quần chúng, nên mỗi khi có một pháp lệnh gì ban ra, thường hay dùng mệnh lệnh chính quyền bắt dân theo hơn là giải thích, thuyết phục; xa quần chúng, ít chịu lắng tai nghe ý kiến của dân và học hỏi sáng kiến của dân.

3- Không nhận rõ chính sách của Đảng và của Chính phủ, nên nhiều khi làm ẩu, làm bừa, không những không

“hành chính hóa” chính sách của Đảng mà nhiều khi còn làm sai chính sách đó. Không triệt để dùng chính quyền mà thi hành chính sách của Đảng, lại tiêu cực, bị động hoặc phỉnh dân.

4- Lê lối làm việc quan liêu, bàn giấy, hình thức, còn phỏng theo lối của thực dân nhiều hoặc thủ công nghiệp, sự vụ chủ nghĩa, hẹp hòi; ít điều tra nghiên cứu, thiếu kiểm tra, đôn đốc.

Phải sửa chữa những tư tưởng và khuynh hướng sai lầm trên đây của cán bộ chính quyền, mới có thể củng cố chính quyền nhân dân, làm cho chính quyền đó đưa dân tộc đến toàn thắng.

3. Củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất

Thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ cố sức chia rẽ dân tộc ta, hòng làm yếu lực lượng kháng chiến của ta để cướp nước ta. Chúng thi hành chính sách thâm độc “dùng người Việt hại người Việt”, “chia để trị” là chính sách cổ truyền của chúng. Song do kinh nghiệm hơn 80 năm thuộc Pháp và 5 năm kháng chiến, dân tộc ta đã thấy rõ thủ đoạn chia rẽ của đế quốc, sức mạnh của đoàn kết và càng ngày càng sát cánh chống kẻ thù chung. Kinh nghiệm đó cũng tỏ cho các tầng lớp nhân dân nước ta thấy rằng giai cấp công nhân và nhân dân lao động yêu nước nhất, kiên quyết nhất, và giai cấp công nhân có đủ năng lực đoàn kết và lãnh đạo mọi lực lượng dân tộc làm cách mạng đến cùng.

Chính sách “đại đoàn kết” của Hồ Chủ tịch càng ngày càng được chứng tỏ là sáng suốt và đúng đắn. Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, Người sáng lập ra Việt Minh. Sau Cách mạng Tháng Tám, Người lại mở rộng khối đại đoàn kết,

thành lập Liên Việt, bao gồm Việt Minh và những người yêu nước ngoài Việt Minh.

Việt Minh cũng như Liên Việt đều là những tổ chức mặt trận dân tộc thống nhất ra đời trong quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam chống đế quốc xâm lược. Giai cấp công nhân Việt Nam đoàn kết chặt chẽ với nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản, tư sản dân tộc và những người địa chủ yêu nước, lập thành Mặt trận dân tộc thống nhất, đặt trên cơ sở công nông liên minh và dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và của Đảng. Trong Mặt trận đó, Đảng ta cùng các đảng phái, các đoàn thể và thân sĩ liên hiệp hành động, đẩy mạnh kháng chiến, kiến quốc. Vì thế, Mặt trận dân tộc thống nhất của nước ta rộng rãi và chặt chẽ. Nó là một trong những trụ cột của Nhà nước dân chủ nhân dân Việt Nam.

Nhiệm vụ chủ yếu của Mặt trận dân tộc thống nhất lúc này là củng cố và phát triển khối đại đoàn kết và động viên toàn dân đánh đuổi đế quốc xâm lược, hoàn toàn giải phóng dân tộc.

Sau này, đuổi xong thực dân Pháp, đối tượng cách mạng đổi khác, thì Mặt trận dân tộc cũng sẽ có chỗ thay đổi. Lúc đó Mặt trận sẽ tiến lên một bước mới.

Hiện nay, nội dung vấn đề củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất của ta là chấn chỉnh Mặt trận về ba mặt tư tưởng, tổ chức và công tác.

Về *tư tưởng*, chống lại khuynh hướng sai lầm của cán bộ các ngành về vấn đề mặt trận: coi thường Mặt trận, không thấy rõ sự quan trọng của vấn đề bản đồng minh của giai cấp công nhân, tưởng rằng chỉ cần củng cố khối liên minh công nông cũng đủ làm cho cách mạng thắng lợi. Dùng lối mệnh

lệnh chủ nghĩa đối với các đoàn thể, các đảng phái trong Mặt trận; hoặc đối phó cho qua chuyện; hoặc phớt đi, không bàn bạc, không hỏi han. Có khi đoàn kết một chiều, không đấu tranh trong Mặt trận. Ít chú ý thành thật phê bình, đù dặt các thân sĩ, các lãnh tụ của các đảng phái trong Mặt trận. Coi nhẹ việc tuyên truyền chủ nghĩa, sợ hại đến đại đoàn kết, Đảng bao biện công việc của Mặt trận, v.v..

Về *tổ chức*, thống nhất Việt Minh - Liên Việt trong toàn quốc, xóa bỏ hẳn tình trạng hai hình thức mặt trận lồng vào nhau. Chấn chỉnh các tổ chức trong Mặt trận, các cơ quan chấp hành Mặt trận các cấp. Chấn chỉnh Đảng đoàn trong các cơ quan đó; tăng thêm cán bộ có năng lực vào Đảng đoàn Mặt trận các cấp. Giúp đỡ các dân tộc Miên, Lào xây dựng và phát triển Mặt trận dân tộc thống nhất của họ. Tiến tới tổ chức Mặt trận thống nhất Việt - Miên - Lào chống đế quốc xâm lược. Đồng thời củng cố mối liên hệ giữa Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam với Mặt trận các chiến sĩ bảo vệ hoà bình thế giới.

Phải đề cao Mặt trận về mặt chính trị và tổ chức. Do đó, cần thiết thực chấn chỉnh tổ chức Mặt trận. Tuỳ theo nhiệm vụ hiện thời của Mặt trận mà định lại chương trình và điều lệ cho Mặt trận, khiến cho mai đây nó sẽ thành tổ chức chính trị và xã hội chung và thống nhất của mọi tầng lớp trong dân tộc.

Về *công tác*, gần đây công tác mặt trận gặp nhiều chỗ lúng túng. Cán bộ Mặt trận tự cảm thấy kém hứng thú. Xét cho cùng, không phải tại các đồng chí đó không tích cực. Nhưng tại tình hình đã biến đổi, mà phương châm công tác và phương pháp vận động của Mặt trận trong điều kiện mới, chưa được sửa đổi kịp thời.

Tình hình biến đổi đại khái như thế nào? Nhiều tầng lớp trong nhân dân, trước kháng chiến chưa tham gia chính trị, nay hoạt động chống đế quốc, tham gia kháng chiến, tăng gia sản xuất, ủng hộ chính quyền nhân dân, v.v.. Hoặc họ gia nhập các tổ chức của Việt Minh, Liên Việt; hoặc không gia nhập tổ chức nào cả, nhưng vẫn hoạt động không khác người của Mặt trận mấy. Thành ra, một mặt tổ chức Mặt trận phát triển rộng rãi, một mặt ranh giới giữa quần chúng không có tổ chức và quần chúng trong tổ chức Mặt trận dần dần mờ đi, ở những nơi cán bộ không biết làm cho Mặt trận có một lối sinh hoạt và công tác đặc biệt. Hơn nữa, có nhiều việc chính quyền ra lệnh, quần chúng có tổ chức hay không tổ chức đều làm. Mặt trận cơ hồ bị giảm mất tác dụng một phần nào.

Quan hệ giữa Đảng và Mặt trận cũng có chỗ khác trước. Đảng phát triển mạnh, thu hút một phần lớn những người trong tổ chức Việt Minh. Quyết nghị của Đảng đưa ra, đảng viên trực tiếp lãnh đạo chính quyền và quần chúng thi hành. Chỉ thị của Mặt trận gần như không cần thiết lắm. Tình trạng đó đã làm cho Đảng dễ bao biện công tác của Mặt trận và công tác này nhiều khi chỉ thu hẹp trong công việc "hiếu hỷ", đại diện, hoặc chỉ có hình thức.

Trước tình hình ấy, cần phải định rõ nhiệm vụ và phương châm công tác của Mặt trận.

Nhiệm vụ hiện thời của Mặt trận là: củng cố sự đoàn kết giữa giai cấp công nhân với các bạn đồng minh hiện có, tìm thêm bạn đồng minh mới, nhất là ở các vùng tạm bị chiếm, các vùng mới giải phóng, các vùng tôn giáo và thiểu số; củng cố công nông liên minh, củng cố sự đoàn kết và thống nhất giữa các tầng lớp nhân dân lao động để làm cơ sở vững chắc cho Mặt trận dân tộc, cô lập thực dân Pháp và bọn can thiệp

Mỹ, lột mặt nạ bọn Việt gian bù nhìn; động viên mọi tầng lớp, mọi giai cấp trong dân tộc, kể cả hạng trung lập lừng chừng, làm cho họ tham gia hoặc ủng hộ kháng chiến, đánh bại quân xâm lược, thi hành chính sách của Chính phủ, ủng hộ chính quyền nhân dân.

Phương châm công tác của Mặt trận lúc này là giải thích chính sách của Mặt trận và của chính quyền cho thấu suốt đến tận người dân, thực hiện thống nhất hành động giữa các tổ chức, các tầng lớp nhân dân trong việc thi hành chính sách đó; phân công và phối hợp giữa các tổ chức của Mặt trận tùy theo đặc tính và tác dụng của mỗi tổ chức đó.

Việc *Đảng lãnh đạo Mặt trận* cũng cần chấn chỉnh. Những chính sách có tính chất chung của Đảng, trước khi quyết định, cần đề ra trong Mặt trận để trưng cầu ý kiến, và trước khi đem thi hành trong nhân dân, cần được đem thảo luận trong Mặt trận. Có như thế mới biến chính sách của Đảng thành chính sách chung của Mặt trận. Có như thế mới bảo đảm được việc tham khảo ý kiến của các bạn đồng minh trong khi định chính sách chung và lúc đem thực hiện mới bảo đảm được việc phối hợp chính quyền ra lệnh với Mặt trận động viên và giải thích cho nhân dân tự nguyện thi hành.

Sau hết, muốn lãnh đạo Mặt trận đúng mực, Đảng phải nắm vững những nguyên tắc của chính sách Mặt trận thống nhất của Đảng như sau:

a) Đảng liên minh với các đoàn thể trong Mặt trận; nhưng Đảng có tổ chức riêng, chương trình riêng (chương trình tối đa).

b) Trong khi liên minh, Đảng nhân nhượng với các đảng phái bạn, nhưng không ngừng một phút việc tuyên truyền chủ nghĩa của Đảng.

c) Đoàn kết với các đảng phái bạn, nhưng phải phê bình họ, phải đấu tranh chống những sai lầm của họ, theo tinh thần hữu ái.

d) Các đảng phái cần liên hiệp ở việc làm, không phải chỉ liên hiệp ở lời nói mà thôi. Cần lấy sự thống nhất hành động giữa các đoàn thể Mặt trận làm cốt.

đ) Đại đoàn kết tức là liên minh cả trên (liên minh giữa các lãnh tụ) và dưới (liên minh giữa quần chúng).

4. Xây dựng và phát triển quân đội nhân dân

Muốn cho kháng chiến thắng lợi, chính quyền đứng vững, cách mạng thành công, phải có quân đội.

Quân đội ta là quân đội cách mạng của nhân dân, là lực lượng vũ trang của nhân dân và của Nhà nước dân chủ nhân dân Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo.

Đối ngoài, quân đội ấy có nhiệm vụ tiêu diệt quân xâm lược để bảo vệ độc lập quốc gia, bảo vệ Tổ quốc. Đối trong, nó có nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi của dân, bảo vệ chính quyền nhân dân.

Quân đội ta từ phong trào chống phát xít Nhật - Pháp mà đẻ ra, nên nó luôn luôn vì nước, vì dân mà chiến đấu. Nó cùng với nhân dân kết thành một khối, sống trong nhân dân và nhờ cậy dân. Thành phần của quân đội ta phản ánh đại khái thành phần của nhân dân trong nước. Quân đội ta lại trưởng thành và chiến đấu trong thời đại mới. Nên nó phải có ba đặc điểm lớn: *dân tộc, dân chủ và hiện đại*.

Ba đặc điểm đó cũng là ba nguyên tắc lớn trong việc xây dựng và phát triển quân đội nước ta.

Muốn xây dựng và phát triển quân đội nhân dân đúng nguyên tắc nói trên, phải chú trọng những điểm dưới đây:

Về việc *tuyển mộ* đội viên, trước hết theo chế độ tình nguyện rồi mới tùy theo trình độ giác ngộ và ý thức tông quân của nhân dân mà thi hành nghĩa vụ quân sự. Tuy nhiên, dù tình nguyện hay bắt buộc, đều phải làm cho mỗi công dân hiểu rõ vì sao mình có bổn phận thiêng liêng tham gia đánh giặc, cứu nước, giải phóng và bảo vệ Tổ quốc.

Về *trang bị và cấp dưỡng*, một phần vũ khí quân nhu do ta chế tạo ra, song nguồn trang bị cấp dưỡng chính của quân đội ta hiện nay là ở tiền tuyến. Cần bảo đảm cho quân đội ăn no, mặc ấm, để đánh khỏe. Nơi nào và lúc nào có điều kiện thì quân đội phải tăng gia sản xuất để tự nâng cao đời sống vật chất và giảm bớt đóng góp cho nhân dân. Phải hết sức tránh phung phí đạn dược, nghiêm trị những thói hà lạm và lãng phí của công.

Kỷ luật phải rất nghiêm, song cần làm cho bộ đội có ý thức tự giác tuân theo. Cán bộ và đội viên bình đẳng về nhân cách, chỉ khác nhau về nhiệm vụ, cho nên cán bộ phải biết thương yêu đội viên, đối đãi với họ một cách tử tế. Phải đề cao kỷ luật dân chủ, trên dưới đều tôn trọng, đề cao phê bình và tự phê bình.

Về *huấn luyện*, chú trọng giáo dục về ba mặt: chính trị, thể phách và kỹ thuật. Thi hành phương pháp giáo dục theo đường lối quần chúng: đội viên học tập cán bộ, cán bộ học tập đội viên. Cán bộ trí thức và cán bộ công nông đoàn kết, dìu dắt và sửa chữa lẫn cho nhau. Ngoài ra, cán bộ và đội viên đều phải cố gắng học tập kinh nghiệm chiến tranh nhân dân trong nước và học tập kinh nghiệm quân sự của nước ngoài. Những kinh nghiệm mới nhất ở chiến trường phải được rút tỉa để dạy trong các trường quân sự.

Công tác chính trị trong quân đội phải bảo đảm được

đoàn kết nội bộ, đoàn kết giữa quân và dân; bảo đảm việc đào luyện tinh thần chiến đấu gan góc, tinh thần anh dũng tập thể, tinh thần chịu đựng bền bỉ trong những bước khó khăn nhất. Hơn nữa, phải cải tạo tư tưởng cho toàn quân, bài trừ những khuynh hướng quan liêu, hủ hóa, hình thức, quân phiệt, cá nhân anh hùng chủ nghĩa, những bệnh của quân đội đế quốc lây truyền sang quân đội ta.

Đặc biệt đối với quân dịch, công tác chính trị phải đạt cho được mục đích làm tan rã tinh thần binh sĩ dịch, làm cho những binh sĩ đó từ chỗ chán nản tiến đến phản chiến, chạy sang hàng ngũ ta, nhất là đối với ngụy quân.

Về việc *bổ sung quân số*, cần xây dựng và phát triển quân đội địa phương và dân quân du kích xã để đưa dần lên quân đội chính quy. Quân đội địa phương và dân quân xã là dự trữ dồi dào, hùng hậu của quân đội chủ lực. Ba lực lượng vũ trang này liên hệ và phối hợp mật thiết với nhau trong việc xây dựng cũng như trong khi tác chiến. Có thể lựa lọc một số ngụy quân mà ta thuyết phục được hoặc bắt được, đem giáo luyện để bổ sung quân đội ta.

Hiện nay, ta tập trung quân chủ lực đánh chính quy, nên ta phải ra sức phát triển và củng cố những lực lượng vũ trang địa phương để phát triển du kích chiến, phối hợp với chính quy chiến, và để lúc nào cũng có một lực lượng dự bị sẵn sàng, đầy đủ.

Lúc này, nhiệm vụ chuẩn bị tổng phản công rất nặng, thời cuộc biến chuyển mau lẹ, nhu cầu của kháng chiến rất cao. Đảng phải phát triển quân đội, làm cho nó thành một đội quân chính quy hùng mạnh, có thể kịp thời làm tròn nhiệm vụ mà Chính phủ và Đảng giao cho nó. Cho nên, phải chú trọng kiện toàn công binh, pháo binh v.v. và khi nào có

điều kiện thì xây dựng những binh chủng khác, dần dần đưa quân đội ta đến mức hiện đại hóa thật sự.

Xây dựng lực lượng lớn mạnh thì vấn đề nuôi quân, trang bị và vấn đề cán bộ đề ra cấp thiết. Phải giải quyết những vấn đề đó một cách thỏa đáng, kịp thời.

Hiện nay, ở nhiều nơi, việc xây dựng và phát triển quân đội của ta có những khuynh hướng sai lầm như sau:

Chỉ lo tác chiến, lơ là việc xây dựng để rồi cuộc ảnh hưởng không tốt đến tác chiến.

Xây dựng quá vội vàng, không căn cứ vào điều kiện cấp dưỡng, trang bị và cán bộ.

Tập trung quá sớm bộ đội địa phương và dân quân du kích, hoặc rút đại đội độc lập trong lúc bộ đội địa phương và dân quân còn non, làm giảm sức chiến đấu của du kích địa phương.

Muốn được yên ổn để xây dựng quân đội, không hiểu rằng chỉ xây dựng trong chiến đấu gian khổ, quân đội nhân dân mới được mạnh mẽ.

Tổ chức các cơ quan đoàn bộ kênh cang, trong lúc ở các đơn vị chiến đấu thiếu cán bộ, thiếu chiến đấu viên. Thi hành sai khẩu hiệu "chính quy hóa" để phát triển những bệnh quan liêu, hình thức và quân phiệt.

Phải trừ bỏ những khuynh hướng sai lầm đó, thì việc xây dựng và phát triển quân đội mới có thể tiến hành chu đáo và đúng mục.

Đồng thời phải kiện toàn cơ quan quân sự tối cao của Đảng, chỉnh đốn chế độ Đảng ủy, thêm cán bộ Đảng cho quân đội, đảm bảo đảm việc Đảng nắm vững quân đội, nắm vững việc lãnh đạo chiến tranh.

Trên đây là phương châm công tác và nhiệm vụ phải làm

để phát triển Quân đội nhân dân Việt Nam thành một quân đội chính quy lớn mạnh, đang tiếp tục trường kỳ kháng chiến, chuyển mạnh sang tổng phản công, tiêu diệt quân xâm lược, bảo vệ dân chủ nhân dân Việt Nam và hoà bình thế giới.

5. Mở mang kinh tế

Muốn thắng địch về quân sự, chính trị, phải có một cơ sở kinh tế vững chắc, phải phát triển kinh tế kháng chiến nhằm mục đích làm cho quân và dân ta đủ ăn, đủ mặc, có súng, có đạn để đánh lâu.

Chủ trương *kinh tế kháng chiến* của ta là lấy thôn quê bao vây những thành thị tạm bị chiếm. Vận dụng mọi khả năng của nhân dân vào việc sản xuất theo nguyên tắc vừa thỏa mãn nhu cầu kháng chiến, vừa cải thiện dân sinh, công và tư đều có lợi. Tăng gia sản xuất đi đôi với vận động *tiết kiệm*. Hợp lý hóa việc tổng động viên nhân lực, vật lực, tài lực để cung cấp cho tiền tuyến, nhưng không làm thiệt đến tăng gia sản xuất ở hậu phương. Mở mang kinh tế để bảo đảm việc cung cấp cho quân đội tác chiến. Tác chiến để bảo vệ và mở mang kinh tế của ta, phá kinh tế của địch, làm cho địch thất bại trong việc lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

Nhiệm vụ trọng tâm về kinh tế của ta lúc này là đẩy mạnh tăng gia sản xuất *nông nghiệp*. Động viên toàn dân thi đua canh tác; cải cách ruộng đất dần dần để bồi dưỡng lực lượng cho nông dân lao động; giúp thêm phương tiện cho họ. Đồng thời, khuyến khích phú nông mở mang nông nghiệp. Phát triển các hội đổi công, hợp công và hợp tác xã để hợp lý hóa việc sử dụng nhân công, nâng cao mức sản xuất. Mở mang công tác thủy nông và bảo vệ đê điều để phòng hạn, phòng lụt. Tích cực bảo vệ mùa màng chống địch phá hoại.

Đó là những việc mà Đảng phải lãnh đạo nhân dân thi hành. Coi nhẹ việc tăng gia sản xuất, làm sai chủ trương của Đảng trong việc cải cách ruộng đất, làm hại đến tăng gia sản xuất, là những khuyết điểm lớn cần sửa chữa ngay.

Việc phát triển *công nghiệp* cần được chú ý, đặc biệt là tiểu công nghệ và thủ công nghiệp. Khuyến khích và giúp đỡ các nhà sản xuất nhỏ mở mang kinh doanh, và hướng họ đi vào con đường hợp tác xã. Giúp cho công nghiệp tư nhân phát triển đóng góp phần vào công cuộc mở mang kinh tế và cải tiến kỹ thuật. Ngoài ra, cần chú trọng phát triển các xí nghiệp nhà nước, nhất là về kỹ nghệ quốc phòng để thỏa mãn nhu cầu kháng chiến và gây cơ sở cho bộ phận kinh tế nhà nước.

Thái độ của chúng ta đối với tư sản dân tộc thế nào, cũng cần nói rõ. Nhiều nơi, các đồng chí ta tỏ vẻ hẹp hòi đối với họ, làm cho họ chán nản, không muốn kinh doanh. Không nên quên rằng trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, vai trò của tư sản dân tộc là cần thiết. Tư sản dân tộc còn tồn tại và phát triển trong kháng chiến và sau kháng chiến trong một thời gian khá lâu. Đảng và Chính phủ chủ trương khuyến khích các nhà tư sản dân tộc bỏ vốn kinh doanh vào những ngành có lợi cho kháng chiến, cho dân sinh, hướng sự kinh doanh của họ vào con đường tư bản nhà nước. Cần bảo hộ tài sản và quyền kinh doanh hợp pháp của tư sản dân tộc, giúp họ giải quyết những khó khăn về nguyên liệu, kỹ thuật và về việc tiêu thụ hàng hóa. Chúng ta luôn luôn chú trọng bênh vực quyền lợi của lao động, cải thiện đời sống cho công nhân, nhưng cần điều giải hợp lý quyền lợi của lao động và tư bản. Ta khuyến khích tư sản dân tộc kinh doanh, song đồng thời ta chủ trương tiết chế tư bản.

Tiết chế là thế nào? Là tư nhân không được độc quyền, không được lũng đoạn những ngành kinh tế then chốt của quốc gia (như kỹ nghệ quốc phòng, phát hành giấy bạc, v.v.), phải chịu sự kiểm soát và hướng dẫn của Nhà nước, không được bóc lột nhân công một cách quá đáng, không được đầu cơ tích trữ làm hại đến kinh tế chung. Chỉ có thế thôi. Ngoài ra, tư nhân được hoàn toàn tự do kinh doanh.

Đi đôi với việc phát triển nông nghiệp và công nghiệp, giải quyết vấn đề *giao thông vận tải* là một việc quan trọng vào bậc nhất cho kháng chiến và dân sinh. Dịch chiếm đóng nhiều đường giao thông thủy, bộ quan trọng, đã gây cho ta nhiều khó khăn trong việc vận tải, tiếp tế. Ta đang ở vào tình trạng vật phẩm nơi thừa ứ, nơi thiếu hụt, nhất là về nông sản. Từ khu này qua khu khác, giá cả chênh lệch nhiều. Tình trạng đó ảnh hưởng không nhỏ đến việc tăng gia sản xuất và tiếp tế cho bộ đội và nhân dân. Cần củng cố và mở thêm những đường giao thông thuận lợi ở những nơi cần thiết, có lợi cho ta mà địch không lợi dụng được.

Về *thương nghiệp*, cần củng cố những cơ quan nội thương của Chính phủ để thu thập và phân phối sản phẩm và nguyên liệu. Tiến tới thành lập những cơ quan thương mại của Nhà nước ở những nơi cần thiết và có thể; xây dựng và phát triển hợp tác xã tiêu thụ, để giải quyết một phần nào vấn đề tiếp tế, chống đầu cơ tích trữ, điều hòa giá cả ở thị trường.

Cần xét lại vấn đề *bao vây kinh tế địch*. Từ trước đến nay, ta chủ trương bao vây kinh tế địch để ngăn không cho địch tung hàng của chúng sang vùng tự do, lũng đoạn kinh tế, tài chính của ta. Nhưng kết quả của việc bao vây mấy năm nay thế nào? Bao vây lợi hay hại? Phải nhận rằng do hình thái chiến tranh càn rằng lược, do ta chưa có kỹ nghệ

nặng, lại chưa sản xuất được nhiều hóa phẩm, nên không thể bao vây kinh tế địch triệt để, hàng địch vẫn lọt được sang vùng ta. Như thế càng bao vây, buôn lậu càng phát triển, giá ngoại hóa càng cao, kéo giá nội hóa cao theo, ảnh hưởng nhiều đến đời sống của nhân dân và đến việc cung cấp cho nhu cầu kháng chiến. Vì vậy, ta cần sửa đổi lại chính sách bao vây kinh tế địch. Cần tùy nơi, tùy lúc mà bao vây cho đúng, cốt sao có lợi cho tác chiến và bảo vệ được nội hóa.

Về vấn đề *tài chính*, muốn phát triển kinh tế, phải có một nền tài chính ổn định, một chính sách ngân hàng, thuế khóa, chi thu và tín dụng đúng mực. Cần có những phương sách tích cực bảo vệ bạc Việt Nam. Ngoài việc tăng gia sản xuất, thu thuế ruộng và công lương bằng thóc, cần phát hành công trái để động viên thêm tài lực của nhân dân. Chấn chỉnh quốc gia ngân hàng.

Thuế khóa phải được *dân chủ hóa đúng mực hơn*, dựa trên nguyên tắc người giàu nộp nhiều, người nghèo nộp ít, sát với khả năng đóng góp của nhân dân và khuyến khích tăng gia sản xuất. Ta đã bắt đầu đánh thuế lũy tiến về ruộng đất. Cần rút kinh nghiệm thi hành ở các nơi, định lại biểu thuế cho hợp lý, vừa thỏa mãn nhu cầu kháng chiến, vừa khuyến khích việc sản xuất. Tiến tới đánh thuế lợi tức lũy tiến.

Trên đây là những việc chính phải làm để xây dựng và phát triển kinh tế kháng chiến.

Ngoài ra, phải tiến hành việc điều tra, thống kê những tài nguyên và tài sản của quốc gia và những khả năng kinh tế của ta, đặt kế hoạch sản xuất cho từng xí nghiệp nhà nước. Tiến tới đặt kế hoạch sản xuất chung cho toàn bộ kinh tế nhà nước.

Việc đặt quan hệ kinh tế với các nước bạn, đầu tiên với Trung Quốc, cần xúc tiến để mở đường cho kinh tế dân chủ nhân dân Việt Nam tham gia tập đoàn kinh tế dân chủ thế giới.

6. Cải cách ruộng đất

Cải cách ruộng đất là một phương sách tích cực phản phong kiến, giải phóng dân cày, phát triển kinh tế. Cải cách ruộng đất phải đạt mục đích làm cho đời sống nông dân lao động được cải thiện, nông nghiệp được phát triển, thực hiện người cày có ruộng, khiến cho nông dân vượt khỏi trình độ kỹ thuật lạc hậu, làm cho kỹ nghệ có thêm thị trường, và do đó, đẩy tới việc kỹ nghệ hóa quốc gia; có thêm điều kiện phát triển hợp tác xã nông nghiệp và đưa nông thôn dần dần tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong thời kỳ kháng chiến, *nhiệm vụ phản đế là chính*. Chính sách ruộng đất của Đảng hiện nay đại khái gồm những điểm dưới đây: giảm tô, giảm tức, tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian, tạm cấp cho dân cày nghèo và gia đình thương binh tử sĩ, chia lại ruộng công cho hợp lý, thu hẹp và xóa bỏ dần dần tàn tích của chế độ nông nô, v.v.. *Khâu chính của chính sách ruộng đất lúc này là giảm tô, giảm tức*. Mục đích trước mắt của chính sách đó là làm cho nông dân lao động phấn khởi tăng gia sản xuất, hăng hái tham gia giết giặc.

Đến khi kháng chiến thành công, *hoàn thành nhiệm vụ phản phong kiến* lại là việc chính. Trọng tâm của cách mạng sẽ chuyển từ nhiệm vụ giải phóng dân tộc sang nhiệm vụ xóa bỏ di tích phong kiến và nửa phong kiến. Khẩu hiệu "*Thực hiện người cày có ruộng*" trong phạm vi toàn quốc sẽ được đề ra.

Một số đồng chí cho rằng lúc này chưa nên nói đến cải cách ruộng đất, sợ phạm đến đại đoàn kết. Họ đã tách rời hẳn hai nhiệm vụ phản đế và phản phong kiến, không nhận thấy cần phải cải cách ruộng đất một phần nào ngay trong kháng chiến để củng cố khối liên minh công nông, để làm cho nông dân lao động phấn khởi tăng gia sản xuất và hăng hái kháng chiến. Nhớ rằng giảm tô, giảm tức, tạm cấp ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cũng là bắt đầu cải cách ruộng đất một phần nào rồi.

Một số đồng chí khác, trái lại, muốn tịch thu ngay ruộng đất của địa chủ, chia cho dân cày. Chủ trương đó quá tả. Nó coi thường chính sách đại đoàn kết kháng chiến của Đảng và của Chính phủ, muốn vượt bỏ giai đoạn, đặt hai nhiệm vụ phản đế và phản phong kiến ngang nhau.

Không nên quên rằng chính sách ruộng đất của Đảng phải căn cứ vào chiến lược cách mạng chung, và sách lược của Đảng đối với mỗi tầng lớp ở nông thôn trong mỗi giai đoạn.

Chính sách đó đứng về số đông nông dân lao động mà giải quyết những xung đột quyền lợi giữa các tầng lớp ở nông thôn. Song hiện nay, nó phải là một bộ phận của chính sách đoàn kết dân tộc để kháng chiến thắng lợi.

Đối tượng của cách mạng dân chủ nhân dân và đặc biệt của chính sách cải cách ruộng đất là *địa chủ*. Nhưng lúc này, để tập trung lực lượng của toàn dân đánh bại kẻ thù chung là thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ, và do chỗ nhận định *trong từng lớp địa chủ nước ta còn khả năng phản đế một phần nào*, Đảng chủ trương *kéo một phần lớn địa chủ* (tiểu và trung địa chủ) *về phe kháng chiến* hay ít nhất làm cho họ trung lập có thiện cảm đối với kháng chiến, đồng thời đánh đổ bọn đại địa chủ phong kiến phản động. Cho nên hiện thời,

Đảng chủ trương thừa nhận cho những địa chủ không phản quốc có quyền công dân, quyền có của, không đụng đến quyền sở hữu ruộng đất của họ, và vẫn thừa nhận *quyền hưởng công điền* của họ. Ta có hạn chế sự bóc lột của họ bằng cách thực hiện giảm tô, giảm tức. Song, khi thi hành, cần phối hợp việc hành chính ra lệnh, quần chúng đòi hỏi, với việc thuyết phục, giải thích, nhưng chủ yếu là thuyết phục, giải thích cho địa chủ hiểu rằng họ giảm tô, giảm tức là làm một phần nghĩa vụ của họ đối với kháng chiến. Khi họ đã giảm, ta bảo đảm cho họ quyền thu địa tô đúng luật. Chính sách của ta hiện nay là: địa chủ phải giảm tô đúng luật, tá điền phải nộp tô đúng giao kèo. Mặt khác, ta vận động họ hiến ruộng cho Nhà nước, mở một con đường tiến bộ cho những địa chủ sáng suốt muốn tự cải tạo. Đồng thời ta khuyến khích họ bỏ vốn vào việc kinh doanh công thương nghiệp.

Còn đối với *phú nông* là một bộ phận trong nông dân và cũng là "những phần tử tư sản ở thôn quê", chúng ta chủ trương liên hiệp để kháng chiến, kiến quốc, đặc biệt là mở mang nông nghiệp. Vì vậy, đối với những phú nông có bóc lột địa tô, nợ lãi, ta cũng không coi họ ngang như địa chủ. Cho nên ta dùng Hội Nông dân Cứu quốc đứng ra thuyết phục, dàn xếp để phú nông hiểu nghĩa vụ đối với việc cải thiện dân sinh và tăng gia sản xuất để kháng chiến mà vui lòng nhân nhượng với bản, cố nông, và chỉ chủ trương dùng cách bắt buộc trong những trường hợp bất đắc dĩ, đối với những phần tử phú nông ngoan cố.

Lúc này quan niệm coi phú nông ngang địa chủ, chủ trương đấu tranh quyết liệt với địa chủ và phú nông trong việc giảm tô, giảm tức, gạt phú nông ra khỏi Hội Nông dân Cứu quốc và các hội hợp công, hợp tác xã, tước quyền hưởng

công điền của địa chủ, phú nông, đều không đúng. Vì như thế là làm yếu khối đại đoàn kết và tổn hại đến việc tăng gia sản xuất để kháng chiến ở nông thôn.

Hạng người được hưởng thụ kết quả của chính sách ruộng đất là *nông dân lao động*, tức là trung, bản, cố nông. Ta đặc biệt chú trọng cải thiện đời sống của bản, cố nông là từng lớp cách mạng kiên quyết nhất ở nông thôn. Đồng thời, không quên đem quyền lợi thực tế lại cho trung nông, bản đồng minh đáng tin cậy của giai cấp công nhân.

Muốn cho việc cải cách ruộng đất đạt được kết quả mong muốn, điều cốt yếu là đoàn kết chặt chẽ trung, bản, cố nông, làm cho họ tự giác về quyền lợi chính đáng của họ. Phải giải thích cho họ hiểu rõ chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ, để dưới sự lãnh đạo của Đảng, dựa vào lực lượng đoàn kết của Hội Nông dân Cứu quốc, họ có ý thức thi hành đúng chính sách đó, không quá trớn, không thụt lùi. Cần làm cho họ giữ một thái độ đúng với địa chủ - mềm mỏng mà kiên quyết - để vừa giành được quyền lợi, vừa giữ được đoàn kết trong nông thôn để kháng chiến.

Cần nhân việc cải cách ruộng đất mà củng cố và phát triển Hội Nông dân Cứu quốc. Hội này có nhiệm vụ nâng cao tinh thần đoàn kết và trình độ giác ngộ của nông dân, động viên, tổ chức nông dân kháng chiến, tăng gia sản xuất, và thi hành đúng chính sách cải cách ruộng đất của Đảng và của Chính phủ trong giai đoạn này.

Cần làm cho Ủy ban kháng chiến hành chính và các đoàn thể nhân dân, nhất là Hội Nông dân Cứu quốc, đóng vai trò đúng mực trong việc giải quyết những cuộc xung đột quyền lợi giữa nông dân và địa chủ, giải quyết có lợi cho số đông

nông dân lao động, đồng thời bảo đảm quyền lợi hợp pháp của địa chủ.

Phải kiên quyết phê bình lối làm việc quan liêu, mệnh lệnh chủ nghĩa của nhiều cán bộ. Họ thường coi nhẹ việc giác ngộ, giáo dục nông dân và thuyết phục vận động địa chủ, thiên về việc dùng áp lực của chính quyền, có quan niệm ban ơn cho dân, và đấu tranh thay cho quần chúng nông dân. Cần bài trừ khuynh hướng đại đoàn kết một chiều, đầu hàng địa chủ ngoan cố, nhượng bộ địa chủ tôn giáo, địa chủ có chân trong các Ủy ban kháng chiến hành chính, trong các Hội đồng nhân dân. Cũng cần tẩy bỏ khuynh hướng theo đuôi và nịnh dân, chỉ nhìn đến quyền lợi trước mắt của nông dân lao động, không đếm xỉa đến quyền lợi tối cao của dân tộc, không lãnh đạo quần chúng đi đúng đường, trái lại hòa theo những hành động quá tả của một số quần chúng, chủ trương đấu tranh vô nguyên tắc, làm hại đến việc đoàn kết kháng chiến.

Dựa vào cố, bản, trung nông, liên hiệp với phú nông, kéo một phần lớn địa chủ về phe kháng chiến, đặng đánh bại bọn đế quốc xâm lược, thực hiện cải cách ruộng đất từng bước một, phát triển nông nghiệp, xây dựng hợp tác xã và do đó đẩy cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của ta tiến tới. Đó là tóm tắt chính sách căn bản của Đảng ở nông thôn trong giai đoạn này.

7. Phát triển văn hóa, giáo dục

Văn hóa, giáo dục của ta còn nhiều di tích thực dân và phong kiến. Hiện nay thực dân Pháp đang ra sức phá hoại cơ sở văn hóa dân tộc kháng chiến của ta. Chúng tiếp tục gieo rắc văn hóa ngu dân trong vùng tạm bị chiếm. Đế quốc Mỹ

lại đưa vào nước ta những học thuyết phản động, những sách, báo, tranh, ảnh, phim để truyền bá những thói xấu của tư bản Mỹ.

Để kháng chiến thắng lợi và kiến quốc thành công, chúng ta phải chú trọng lãnh đạo nhân dân đấu tranh về văn hóa, đẩy mạnh văn hóa tiến kịp và giúp đỡ các mặt đấu tranh quân sự, chính trị và kinh tế, dùng văn hóa làm lợi khí đấu tranh tư tưởng, giáo dục chủ nghĩa *Mác - Lênin*, động viên tinh thần. Phải xây dựng một nền văn hóa giáo dục dân chủ nhân dân chống đế quốc và bài trừ phong kiến, nhưng lúc này chủ yếu là chống đế quốc, giành độc lập, thống nhất thật sự và bảo vệ hòa bình thế giới.

Phải bài trừ văn hóa giáo dục nô dịch của thực dân Pháp; chống ảnh hưởng văn hóa trụy lạc của đế quốc Mỹ. Bài trừ những tư tưởng nô lệ, giáo điều, thần bí và những lễ thói hủ bại, bảo thủ. Chống quan niệm "nghệ thuật thuần túy", "nghệ thuật vị nghệ thuật". Chống khuynh hướng "khoa học độc tôn", "khoa học vị khoa học", tách rời lý luận với thực hành, tách rời hoạt động văn hóa với lao động và đấu tranh.

Phải dân tộc hóa, khoa học hóa và đại chúng hóa nền văn hóa giáo dục Việt Nam hiện có, để cho nó xứng đáng là một nền văn hóa giáo dục dân chủ nhân dân đang kháng chiến.

Trong 5 năm nay, văn hóa giáo dục kháng chiến của ta đã tiến bộ. Nhưng so với nhu cầu của kháng chiến, so với đòi hỏi và tiến bộ của nhân dân, thì kết quả của văn hóa giáo dục còn quá ít ỏi.

Vì sao thế? Ngoài những nguyên nhân khách quan như trình độ văn hóa dân tộc của ta nói chung còn thấp, phương tiện thiếu thốn, liên lạc quốc tế hạn chế, v.v., phải nhận rằng chúng ta còn phạm nhiều khuyết điểm sai lầm:

Cán bộ văn hóa chuyên nghiệp của ta đã ít lại mang nặng những nếp sống và nếp nghĩ của xã hội cũ. Họ chưa nắm được lập trường của giai cấp công nhân và nhân dân, chưa nắm được học thuyết duy vật biện chứng, chưa thấm nhuần chính sách của Đảng, của Chính phủ, nên tuy có cố gắng đi vào thực tế, họ vẫn loay hoay "nhận đường". Việc dùng văn nghệ *phát triển tinh thần yêu nước và chí căm thù* của nhân dân vô cùng cần thiết, nhưng lại rất thiếu sót. Những nhà văn nghệ của ta vẫn thích "xây dựng" to tát, nên thường sao lãng những việc "nhỏ", "tầm thường" bổ ích ngay cho nhân dân, cho kháng chiến. Họ chưa biết quý những di sản tốt đẹp của văn hóa dân tộc và phát triển thêm những cái đó, còn thiên về kỹ thuật Âu hóa, cầu kỳ. Cũng chưa biết chọn lọc, giới thiệu và áp dụng những cái hay của văn hóa nước ngoài vào hoàn cảnh nước ta cho đúng mực. Việc giáo dục ở nước ta nói chung chưa thật kết hợp chặt chẽ với nhu cầu kháng chiến và thực tế xã hội.

Cán bộ trẻ của văn hóa giáo dục kháng chiến ngày càng nẩy nở. Những phần tử trẻ có khiếu văn nghệ, xuất thân từ phong trào đấu tranh quần chúng, đã đi đúng hướng và có đà tiến nhanh. Nhưng trình độ lý luận và kỹ thuật văn hóa còn kém. Họ chưa được những cán bộ văn hóa chuyên nghiệp chú ý dìu dắt, nâng đỡ.

Sự lãnh đạo của Đảng về văn hóa, giáo dục chưa được chặt chẽ. Các cấp bộ Đảng chưa thật nhận rõ tầm quan trọng của văn hóa, giáo dục, chưa thật coi nó là một lợi khí đấu tranh. Các cán bộ chính trị, chưa để ý học tập quan điểm văn hóa mácxít, chính sách văn hóa của Đảng, nên sự lãnh đạo nhiều nơi chưa đúng mực, chưa chú ý đào tạo cán bộ văn hóa giáo dục của Đảng, thậm chí khoán trắng việc lãnh đạo văn

hóa, giáo dục cho một số đồng chí còn non kém. Nhiều đồng chí phụ trách văn hóa, giáo dục, về tư tưởng, tác phong, vẫn xa Đảng, xa quần chúng, làm việc theo ý thích cá nhân, sống cái điệu tự do chủ nghĩa, chưa thật hòa đoàn kết với những người ngoài Đảng, hoặc đoàn kết mà không phê bình, giúp đỡ họ cùng tiến.

Những khuyết điểm, sai lầm trên đây rất có hại đến công tác vận động văn hóa, giáo dục của Đảng.

Muốn phát triển văn hóa, giáo dục, chúng ta phải làm gì?

1- Đoàn kết hết thảy mọi đoàn thể và cá nhân hoạt động văn hóa có khuynh hướng dân tộc và dân chủ, củng cố mặt trận văn hóa kháng chiến Việt Nam.

2- Giúp đỡ các nhà văn hóa cũ (văn nghệ, khoa học, giáo dục, v.v.) bằng cách cải tạo tư tưởng, bổ túc chính trị cho họ, và đưa họ vào những công tác thiết thực phục vụ sự kháng chiến, gần gũi và phục vụ nhân dân.

3- Đặc biệt chú trọng đào tạo cán bộ công nông về văn nghệ, giáo dục và các ngành chuyên môn, nâng cao trình độ lý luận, bổ túc văn hóa cho họ, mạnh bạo đưa họ vào các cấp, các ngành để họ vừa làm vừa học.

4- Giữ gìn và phát triển những di sản có tính cách tiến bộ của nền văn hóa dân tộc và tiếp thụ đúng mực những cái hay của văn hóa tiến bộ thế giới, đặc biệt học tập văn hóa xã hội chủ nghĩa của Liên Xô và văn hóa mới của các nước dân chủ nhân dân.

5- Tăng gia những phương tiện hoạt động văn hóa, nhất là việc chọn lọc và xuất bản những tác phẩm văn nghệ, những sách giáo khoa để phổ biến trong nhân dân, và thỏa mãn *nhu cầu học hỏi rất lớn hiện nay của nhân dân*.

6- Tiếp tục trừ nạn mù chữ, phát triển giáo dục bình dân; phát triển phong trào đời sống mới.

7- Chú ý gây dựng và phát triển văn hóa dân tộc thiểu số.

8- củng cố vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và của Đảng trong mặt trận văn hóa. Làm cho các nhà văn hóa Việt Nam hoàn toàn thừa nhận và thực hành quan điểm dưới đây: Về *lập trường*, lấy nhân dân và trước hết là công, nông, binh làm gốc. Về *thái độ*, lấy chủ nghĩa ái quốc chân chính kết hợp với chủ nghĩa quốc tế làm gốc. Về *chủ nghĩa chính trị*, lấy chủ nghĩa dân chủ nhân dân Việt Nam và chủ nghĩa xã hội khoa học làm gốc. Về *tư tưởng*, lấy học thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử làm gốc. Về *đạo đức*, lấy đạo đức dân chủ nhân dân và trước hết lấy cần kiệm liêm chính, chí công vô tư làm gốc. Về *tác phong*, lấy tập thể lao động và phê bình, tự phê bình làm gốc.

8. Giải quyết vấn đề dân tộc

Việt Nam gồm nhiều dân tộc. Bên cạnh người Việt, là những dân tộc thiểu số. Có những chủng tộc, nhân số ít và ở rải rác, linh tinh, như đồng bào Mèo, Trại, Lô Lô v.v.. Có những dân tộc tương đối đông người và sống quây quần thành từng vùng khá rộng, như đồng bào Mường ở Tây-Nam Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, Thái ở Tây-Bắc Bắc Bộ, Ra Đê ở Cao nguyên Tây-Nam Trung Bộ.

Trong ngót một thế kỷ, tất cả các dân tộc đó sống cực khổ dưới ách áp bức, bóc lột của thực dân Pháp. Chúng ra sức lừa bịp và chia rẽ các dân tộc đó, đem các dân tộc đó đối chọi lẫn nhau. Hiện nay, trong vùng tạm bị chiếm, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cũng đang tiếp tục chính sách chia rẽ và lừa bịp ấy. Chủ trương của chúng là lập "nước Mường", "nước Nùng", "nước Thái", "nước Tây Kỳ" đã chứng tỏ điều đó.

Nguyện vọng của các dân tộc sống chung trong nước Việt Nam hiện nay là đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau, chung sức chống bọn thực dân xâm lược, quyết không trở lại đời nô lệ cũ. Cho nên chính sách của Đảng và Chính phủ ta lúc này là làm cho các dân tộc đó đoàn kết chặt chẽ, đặng kháng chiến, đánh bại quân xâm lược và cùng nhau xây dựng một quốc gia Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, tự do, phú cường, trong đó mọi dân tộc đều bình đẳng và giúp đỡ nhau cùng tiến.

Chính sách đó dựa trên những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc: dân tộc tự quyết, dân tộc bình đẳng và tương trợ.

Mục đích cuộc kháng chiến của ta hiện nay là thực hiện quyền dân tộc tự quyết của dân tộc Việt Nam: dân tộc Việt Nam tự quyết định lấy số phận của mình, tự mình định lấy chế độ mà mình ưa thích. Dân tộc Việt Nam, đa số và thiểu số, *tự giác và tự nguyện đoàn kết chặt chẽ thành một quốc gia* để bảo vệ quyền đó. Không thể đặt vấn đề các dân tộc thiểu số ở Việt Nam tách rời khỏi nước Cộng hòa dân chủ Việt Nam.

.....

Song ngay lúc này, đối với các chủng tộc sống chung trên đất Việt Nam, dù nhỏ, chúng ta cũng thi hành chính sách bình đẳng và tương trợ. Dân tộc đa số phải tích cực giúp đỡ các dân tộc thiểu số xây dựng kinh tế và văn hóa riêng để tiến kịp dân tộc đa số.

Muốn thực hiện chính sách dân tộc trên đây, chúng ta phải làm những nhiệm vụ sau này:

1- Giúp đỡ các dân tộc thiểu số tham gia chính quyền nhân dân các cấp, tổ chức và vũ trang nhân dân thiểu số đánh đổ đế quốc xâm lược.

2- Mở mang kinh tế các vùng thiểu số, cải thiện đời sống

cho họ, chú trọng tiếp tế những thứ cần thiết cho đời sống hàng ngày của họ.

3- Phát triển bình dân học vụ và phát triển văn nghệ dân tộc ở các vùng thiểu số, phổ biến việc La tinh hóa tiếng nói của các dân tộc chưa có chữ và bảo đảm việc dạy học bằng các thứ tiếng đó trong các trường của dân tộc thiểu số (nhất là ở các lớp dưới).

4- Xóa bỏ những thành kiến dân tộc, giải quyết mọi xung đột dân tộc theo tinh thần đoàn kết thân ái và bình đẳng, trừng trị mọi hành động khiêu khích, chia rẽ các dân tộc, tăng cường mọi liên hệ hữu ái giữa các dân tộc đa số và thiểu số.

5- Trừng trị bọn thổ phỉ và thổ ty phản động, tay sai của địch.

Muốn làm trọn những nhiệm vụ trên đây, phải thiết thực điều tra, nghiên cứu tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa và trình độ thực tại của các dân tộc thiểu số, để thi hành chính sách của Đảng và Chính phủ cho thích hợp. Đối với các vùng dân tộc thiểu số, phải hết sức thận trọng; tuyệt đối không nên đại khái và chủ quan. Phải sửa chữa tư tưởng tả khuynh, muốn cải cách vội vàng ở các vùng dân tộc thiểu số, và chủ trương máy móc, muốn cho các vùng dân tộc thiểu số rập theo khuôn khổ các vùng dân tộc đa số.

Đồng thời phải đề phòng khuynh hướng muốn đồng hoá dân tộc thiểu số và thái độ tự cao tự đại của một số quốc dân đa số đối với quốc dân thiểu số. Cần phá những thành kiến dân tộc do thực dân gây ra giữa các dân tộc thiểu số với nhau và giữa các dân tộc thiểu số với “người Kinh”.

9. Đối với vùng tạm bị chiếm

Vùng tạm bị chiếm là nơi địch khủng bố, giết hại đồng bào ta một cách cực kỳ dã man, vơ vét của cải một cách vô

cùng tàn nhẫn, lập ngục quyền, ngục quân, đào tạo cán bộ tay sai. Địch muốn biến vùng đó thành hậu phương an toàn của chúng.

Chủ trương của ta đối với vùng tạm bị chiếm là giải phóng cho đồng bào trong đó, thu hồi toàn bộ lãnh thổ và tài nguyên của quốc gia. Động viên đồng bào trong đó tham gia và ủng hộ kháng chiến; thiết thực và có kế hoạch quấy rối địch, không cho địch yên. *Làm cho vùng tạm bị chiếm đấu tranh phối hợp với cuộc kháng chiến chung của toàn quốc.* Khi nào quân chủ lực từ vùng tự do tiến công vào, thì tùy theo khả năng của từng nơi mà nổi dậy, *phối hợp chiến đấu.*

Chính sách của Đảng đối với đồng bào trong vùng tạm bị chiếm là đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp, mọi phần tử chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ trong các tổ chức kháng chiến hay cảm tình kháng chiến. Lợi dụng mọi khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp để tổ chức quần chúng và lãnh đạo quần chúng đấu tranh; phối hợp những hình thức hoàn toàn bí mật với những hình thức công khai hay nửa công khai, phối hợp những hình thức tổ chức và đấu tranh có tính chất kinh tế, văn hóa, xã hội với những hình thức tổ chức và đấu tranh có tính chất chính trị, quân sự v.v.. Mục đích là đoàn kết quần chúng, lãnh đạo quần chúng chống chính sách áp bức, bóc lột của địch giành quyền lợi hàng ngày, và thực hiện thống nhất hành động với vùng tự do.

Trong việc lãnh đạo đấu tranh, cần nắm vững hai phương châm. *Một là* có lý, có lợi, có chừng mực, nghĩa là đấu tranh phải có lý do xác đáng để vận động làm cho đa số quần chúng hưởng ứng, nghe theo; phải nắm chắc thắng lợi, và biết đến chừng mực nào đó thì ngừng lại, để củng cố hàng ngũ quần chúng, không đấu tranh quá trớn. *Hai là* bảo toàn

cán bộ, phát triển cơ sở, làm cho miền tạm bị chiếm có đủ điều kiện phối hợp chặt chẽ với vùng tự do, nhất là trong những giờ quyết liệt.

Phải sửa bỏ kịp thời những khuynh hướng quá tả, chủ quan, khinh địch, hình thức, cá nhân anh hùng, hiện còn nặng trong việc lãnh đạo đấu tranh ở vùng tạm bị chiếm. Nhưng đồng thời cũng phải chống thái độ rút rè, sợ sệt, không dám tuyên truyền, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh, không biết kịp thời chuyển hướng, tiến lên những hình thức tổ chức và đấu tranh cao, khi tình thế đã cho phép. Phải đánh đổ thái độ coi thường công tác vùng tạm bị chiếm, nhất là công tác thành thị, và không chú trọng phát triển du kích chiến tranh sau lưng địch.

Đối với các tổ chức ngụy quyền, nơi nào ta có cơ sở chính trị vững chắc, lực lượng ta trội hơn địch thì cần kiên quyết phá hẳn. Nơi nào chưa đủ những điều kiện trên thì trong một thời gian nào đó, trong một chừng mực nào đó, ta lợi dụng tổ chức ngụy quyền, đồng thời gây dựng lại chính quyền nhân dân, để tiến lên phá hẳn ngụy quyền.

Đối với các hạng tay sai của địch, nói chung, phải cảnh cáo nghiêm khắc. Song cần phân biệt bọn cố ý phản quốc và kẻ bị lừa phỉnh hay bắt buộc; trừng trị bọn đầu sỏ, kêu gọi những người lầm đường, mau hối cải và trở về với Tổ quốc.

Đối với nhân viên các cơ quan chính quyền bù nhìn, cần phân biệt bọn cao cấp mà quyền lợi và tinh thần dính chặt với địch và những viên chức thường, vì thiếu thốn phải đi làm để sống. Với cả hai hạng đó, đều phải tuyên truyền, cảm hóa. Song đối với hạng trên, có khi phải cảnh cáo và nếu cần phải nghiêm trị; đối với hạng dưới, phải thường xuyên giải thích cho họ giác ngộ.

Đặc biệt đối với các hạng *ngụy quân*, nói chung, phải ra sức tuyên truyền, giác ngộ họ quay súng bắn lại quân địch, vác súng chạy sang hàng ngũ ta, hoặc đào ngũ. Song cần phân biệt bọn bị địch bắt buộc và bọn lưu manh, thổ phỉ. Đối với bọn trên, nặng về kêu gọi, tuyên truyền; đối với bọn dưới nặng về trừng trị.

Đối với các tổ chức quần chúng do địch lập ra, tìm hết cách len lỏi vào để vận động, cảm hóa, chinh phục quần chúng bên dưới, đồng thời cô lập bọn lãnh tụ và trừ diệt bọn đó khi nào có đủ điều kiện và xét thấy cần.

Về việc phá hoại kho tàng, công xưởng của địch, v.v., luôn luôn phải tự hỏi: phá hoại cái này hại cho địch nhiều hay hại cho ta nhiều, quần chúng trong vùng tạm bị chiếm có hoan nghênh ta không, v.v.. Không nên phá hoại lung tung, thiếu cân nhắc, thiếu kế hoạch.

Cần chuẩn bị kế hoạch tiếp thu những *vùng mới giải phóng*, nhất là những thành phố lớn, nhằm mục đích đoàn kết, an dân, khôi phục kinh tế, trừ gian phòng gian, đề phòng địch ném bom hoặc trở lại chiếm đóng.

Trước khi địch rút lui khỏi một vùng hay một thị xã nào, chúng thường hay tàn sát, phá hoại. Ta cần kịp thời thi hành mọi phương pháp bảo vệ sinh mệnh, tài sản của dân, bảo vệ xí nghiệp, cơ quan, kho tàng, vật liệu, phương tiện giao thông vận tải, bảo vệ cán bộ chuyên môn và thợ lành nghề, v.v., để dùng vào công cuộc xây dựng sau khi ta thắng lợi.

Để thực hiện chủ trương, chính sách trên đây, cần theo đúng phương châm công tác vùng địch gồm những điểm như dưới:

1- Đề cao công tác vùng địch ngang với công tác vùng tự do; phải thêm cán bộ đã được thử thách và có năng lực, có

kinh nghiệm công tác bí mật, phụ trách các vùng tạm bị chiếm, kể cả các thành phố.

2- Tập trung cán bộ vào những trung tâm điểm chính trị, kinh tế, quân sự và dọc theo các đường giao thông lớn, gây cơ sở vững chắc ở đó.

3- Phối hợp chặt chẽ và thống nhất quân, dân, chính dưới sự lãnh đạo của Đảng trong mọi hoạt động ở vùng tạm bị chiếm, theo chương trình, kế hoạch và phân công rành mạch để tránh mọi sự lúng túng, dẫm chân lên nhau.

4- Phối hợp chặt chẽ việc lãnh đạo quần chúng đấu tranh và việc xây dựng cơ sở tổ chức về mọi mặt, nhưng nói chung xây dựng cơ sở là chính. Việc vận động quần chúng đấu tranh phải đi đôi với việc *bảo toàn cơ sở và cán bộ*.

5- Những hình thức tuyên truyền, tổ chức và đấu tranh trong vùng địch cần thay đổi tùy theo hoàn cảnh và điều kiện mỗi lúc và mỗi nơi. Nghệ thuật vận động trong vùng tạm bị chiếm là tùy theo điều kiện của mỗi lúc và mỗi nơi mà khéo phối hợp các hình thức công khai và bí mật, quân sự và không quân sự, phối hợp phong trào địa phương với phong trào chung toàn quốc.

6- Tiến hành việc tổng kết kinh nghiệm vùng tạm bị chiếm cho đều kỳ và trao đổi, phổ biến những kinh nghiệm đó, v.v..

10. Ngoại giao

Chính sách ngoại giao của ta là chính sách ngoại giao có tính chất dân tộc và dân chủ. Nguyên tắc cơ bản của chính sách đó là: bảo vệ toàn vẹn độc lập, dân chủ, chủ quyền lãnh thổ và thống nhất quốc gia; ủng hộ phong trào giải phóng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa; bảo vệ hòa bình dân

chủ thế giới, chống bọn gây chiến, đoàn kết chặt chẽ với Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác, hợp tác thân thiện, tự do và bình đẳng với Chính phủ và nhân dân các nước.

Căn cứ vào đường lối cơ bản đó, chúng ta chủ trương:

Tiến hành đến cùng cuộc kháng chiến để tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược và đánh đổ bọn can thiệp Mỹ, thắt chặt đoàn kết với nhân dân lao động Pháp và Mỹ trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Pháp - Mỹ. Tích cực giúp đỡ cuộc chiến tranh giải phóng của các dân tộc Ai Lao, Cao Miên.

Củng cố quan hệ hữu nghị với Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác. Sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao chính thức với các nước, nhất là những nước láng giềng ở Đông Nam Á, trên nền tảng bình đẳng, thân thiện và tôn trọng chủ quyền của nhau.

Phát triển ngoại giao nhân dân rộng rãi.

Bảo hộ kiều bào ở nước ngoài, bảo hộ kiều dân ngoại quốc ở Việt Nam, nhất là những người vì đấu tranh cho độc lập dân chủ và hòa bình mà bị các chính phủ phản động truy nã, buộc phải tạm lánh ở nước ta.

Kiểm thảo công việc đã làm trong mấy năm nay về mặt ngoại giao, chúng ta thấy rằng: nhờ sự cố gắng của toàn dân, nhờ chính sách khôn khéo của **Hồ Chủ tịch** và của Chính phủ, và nhờ sự giúp đỡ tích cực của các đảng anh em, dân tộc ta đã thu được nhiều thành tích tốt đẹp. Việc Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác công nhận Việt Nam, là thành tích ngoại giao lớn nhất của ta.

Nhưng bên cạnh những thành tích đó, ta còn nhiều thiếu sót. Do thiếu cán bộ, ta chưa củng cố được những cơ quan ngoại giao đã có và phát triển công tác ngoại giao đến mực

cần thiết. Do nhận thức chưa đầy đủ về tác dụng của ngoại giao nhân dân, ta chưa có kế hoạch tích cực, kiên quyết vượt qua mọi trở lực, để xúc tiến ngoại giao nhân dân. Coi nhẹ ảnh hưởng công tác ngoại giao của bọn bù nhìn, đang được thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giúp sức, ta chưa theo dõi, đối phó kịp thời với những mưu mô, hành động ngoại giao của chúng. Việc đào tạo cán bộ ngoại giao, tuy đã bắt đầu làm, nhưng phạm vi còn nhỏ hẹp và nội dung chưa được thiết thực. Một số cán bộ ngoại giao của ta vì thiếu kinh nghiệm, nên chưa biết ứng phó một cách thỏa đáng với tình thế phức tạp, khó khăn.

Để đẩy mạnh công tác ngoại giao hợp với nhu cầu của tình thế hiện nay và sắp tới, ta cần ra sức bổ cứu những thiếu sót trên, đặc biệt chú trọng:

- 1- Xúc tiến việc đặt cơ quan ngoại giao và củng cố quan hệ ngoại giao với các nước bạn.
- 2- Tích cực giúp đỡ cuộc kháng chiến của các dân tộc Ai Lao, Cao Miên.
- 3- Có kế hoạch theo dõi và đả phá kịp thời những mưu mô và hành động ngoại giao của bọn bù nhìn Việt gian ở những nước Đông Nam Á.
- 4- Củng cố mối liên hệ với nhân dân Pháp để tiến tới những hình thức phối hợp đấu tranh chống đế quốc Pháp - Mỹ, quyết liệt và phong phú hơn.
- 5- Phát triển ngoại giao nhân dân, đặc biệt chú trọng tham gia các cuộc vận động lớn trên thế giới, và thắt chặt liên hệ tổ chức và hoạt động giữa những đoàn thể của nhân dân Việt Nam với các đoàn thể nhân dân thế giới.
- 6- Đào tạo và bổ túc cán bộ ngoại giao. Lựa chọn những cán bộ đáng tin cậy về chính trị, giáo dục chu đáo về tư

tưởng, chính sách và đạo đức cách mạng, huấn luyện họ thành những cán bộ ngoại giao mới. Đề phòng khuynh hướng ngoại giao hình thức theo lối tư sản.

11. Đối với Cao Miên và Ai Lao

Cách mạng Việt Nam quan hệ mật thiết với cách mạng Miên và cách mạng Lào.

Từ năm 1930, trong hoàn cảnh Đông Dương thuộc địa, ba dân tộc Việt-Miên-Lào sát cánh nhau chống thực dân Pháp, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và chính đảng của nó. Ngày nay, do phong trào cách mạng Việt - Miên - Lào phát triển, ba dân tộc đã lớn lên thành ba quốc gia riêng biệt. Nhiệm vụ cách mạng của ba dân tộc vẫn là chống đế quốc, song cũng có điểm khác nhau...

Ba dân tộc đang gắn bó với nhau một cách mật thiết, đồng chống kẻ thù chung là thực dân Pháp xâm lược và bọn can thiệp Mỹ.

Đấu tranh trường kỳ, ba dân tộc phải hợp tác trường kỳ. Hợp tác ngày nay để kháng chiến giành độc lập và thống nhất thật sự, hợp tác lâu dài sau kháng chiến để cùng tiến trên con đường dân chủ nhân dân.

Việt Nam có nhiệm vụ tích cực giúp đỡ các dân tộc Miên, Lào đẩy mạnh kháng chiến, đồng phối hợp chặt chẽ với cuộc kháng chiến của Việt Nam.

Giúp đỡ cách mạng Miên và Lào về vật chất và tinh thần, đặc biệt giúp đỡ đào tạo cán bộ và kinh nghiệm tổ chức và đấu tranh.

Giúp đỡ dân tộc Cao Miên củng cố và phát triển Hội Ítxarác, và dân tộc Ai Lao củng cố và phát triển Hội Ítxara.

Giúp đỡ hai nước xây dựng căn cứ địa, phát triển lực

lượng vũ trang, thành lập Quân đội nhân dân; xây dựng, củng cố và phát triển chính quyền dân tộc chống đế quốc.

Cùng các dân tộc Miên, Lào lập Mặt trận thống nhất Việt - Miên - Lào chống xâm lược.

Muốn làm tròn những nhiệm vụ trên, phải sửa chữa và ngăn ngừa những tư tưởng sai lầm làm hại đến sự đoàn kết của ba dân tộc anh em.

Đánh đổ tư tưởng bản vị của một số cán bộ Việt Nam định dùng cách mạng Miên và Lào để phụng sự cách mạng Việt Nam hoặc chỉ lo cho cách mạng Việt Nam mà không chú trọng giúp đỡ cách mạng Miên và Lào. Làm cho một số người Miên và người Lào tránh ỷ lại vào sự giúp đỡ của Việt Nam hoặc ngờ vực sự thành thật giúp đỡ của dân tộc Việt Nam.

Chống lại thành kiến dân tộc hẹp hòi, chống lại mưu mô chia rẽ dân tộc của thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ, vượt lên trên mọi khó khăn trở ngại, ba dân tộc Việt - Miên - Lào nhất định sẽ toàn thắng trong cuộc kháng chiến này.

12. Đối với ngoại kiều

Hiện nay, ở nước ta, một bộ phận ngoại kiều sống trong các đô thị bị tạm chiếm. Một bộ phận nữa làm ăn buôn bán ở miền tự do. Trong số ngoại kiều đó, có những người thuộc quốc tịch Trung Quốc dân chủ nhân dân, cũng có những người thuộc quốc tịch các nước khác.

Do đó, chính sách đối với ngoại kiều của ta không thể giản đơn, mà phải bao gồm nhiều khía. Nó thích hợp với ngoại kiều miền tự do, nhưng cũng phải thích hợp với ngoại kiều miền bị tạm chiếm. Nó rộng rãi đối với ngoại kiều thuộc quốc tịch nước dân chủ nhân dân, đồng thời nó cũng phải đúng mực đối với ngoại kiều thuộc quốc tịch các nước khác.

Nó liên hệ mật thiết với nhiệm vụ hiện nay của dân tộc ta là kháng chiến chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ và luôn luôn dựa vào quan điểm *Mác - Lê-nin* về vấn đề dân tộc, quan điểm của chủ nghĩa quốc tế chân chính.

Chính vì chưa thấy rõ nội dung phức tạp của chính sách ngoại kiều ở nước ta, nhất là chưa nhận thức đúng mối liên hệ của chính sách đó với nhiệm vụ kháng chiến và chưa biết căn cứ vào mấy quan điểm nền tảng nói trên để xem xét vấn đề, nên một số đồng chí và Đảng bộ địa phương đã sai lầm trong việc đối đãi với ngoại kiều, đặc biệt đối với Hoa kiều. Có đồng chí chủ trương lập "khu hành chính tự trị" của Hoa kiều trong khi thực dân Pháp và bọn đặc vụ của Tưởng Giới Thạch đang tìm mọi cách chia rẽ người Việt Nam và Hoa kiều, đang thúc đẩy Hoa kiều chống kháng chiến Việt Nam. Ở một vài địa phương, đã xảy ra những tranh chấp về vấn đề quốc tịch, hoặc vì các đồng chí Việt Nam buộc Hoa kiều bỏ quốc tịch Trung Hoa theo quốc tịch Việt Nam, hoặc vì đồng chí Hoa kiều phát "quốc tịch chứng" Trung Hoa cho những quốc dân thiểu số Việt Nam, không phải là Hoa kiều. Trái lại, một số đồng chí Việt Nam, đã bắt buộc Hoa kiều gia nhập các đoàn thể quần chúng Việt Nam, đóng góp, làm nghĩa vụ quân sự như công dân Việt Nam, v.v.. Tất cả những sai lầm đó đã ảnh hưởng không tốt đến tình hữu hảo Việt - Hoa không ít.

Muốn tránh những sai lầm trong việc đối đãi với kiều dân nước ngoài, Đảng và Chính phủ cần có một chính sách ngoại kiều rõ rệt.

Chính sách đó như thế nào?

Đối với những kiều dân thuộc quốc tịch các nước xã hội chủ nghĩa và dân chủ nhân dân, đặc biệt đối với Hoa kiều, ta

chủ trương thừa nhận cho họ được hưởng *quyền lợi* nói chung như công dân Việt Nam, nếu họ muốn và Chính phủ nước họ đồng ý với Chính phủ ta về điểm đó. Đồng thời ta làm cho họ tự giác và tình nguyện làm *nghĩa vụ* công dân như mọi người Việt Nam, vui vẻ tham gia hoặc ủng hộ cuộc kháng chiến Việt Nam - tuyệt đối không được ép buộc họ.

Đối với những kiều dân thuộc quốc tịch các nước khác, chủ trương chung của ta là bảo hộ sinh mệnh và tài sản của họ, cho họ cư trú, tổ chức và kinh doanh trong phạm vi pháp luật Việt Nam.

Đối với những người cách mạng phải trốn tránh vào Việt Nam, thì ta thừa nhận cho họ có quyền cư trú, được hưởng mọi quyền lợi như các ngoại kiều khác và hơn nữa được đặc biệt che chở, giúp đỡ.

Song bất cứ ngoại kiều nước nào, chống lại chính quyền nhân dân của ta, làm tay sai cho địch, đều bị pháp luật nước ta trừng trị nghiêm khắc.

Những chủ trương trên đây phải áp dụng luôn cho ngoại kiều vùng tự do và sẽ được áp dụng cho ngoại kiều vùng bị tạm chiếm ngay sau khi những vùng đó được giải phóng. Còn lúc này, ta liên lạc vận động ngoại kiều vùng tạm bị chiếm, làm cho họ ủng hộ Việt Nam kháng chiến, hoặc chí ít giữ thái độ trung lập có thiện cảm đối với kháng chiến. Ta lại giúp đỡ họ thành lập những tổ chức để đấu tranh chống thực dân Pháp, giành quyền lợi hàng ngày và phối hợp hành động với ngoại kiều vùng tự do trong việc ủng hộ kháng chiến Việt Nam và bảo vệ hòa bình thế giới.

13. Đấu tranh cho hòa bình thế giới

Như trên đã nói, Việt Nam đã thành một tiền đồn của Mặt trận hoà bình, dân chủ thế giới ở Đông Nam Á.

Cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ là *một bộ phận khăng khít của phong trào đấu tranh cho hoà bình dân chủ thế giới*.

Kháng chiến Việt Nam đã làm cho quân đội Pháp sa lầy, kinh tế tài chính Pháp kiệt quệ, lực lượng đế quốc Pháp thêm suy và do đó, giúp nhân dân Pháp thêm điều kiện thuận lợi để bảo vệ độc lập, mở rộng dân chủ. Kháng chiến Việt Nam đang khuyến khích phong trào đấu tranh của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa. Kháng chiến Việt Nam đang phá kế hoạch của đế quốc Mỹ định biến nước ta thành một căn cứ, chuẩn bị chiến tranh thứ ba, xâm phạm Trung Quốc và Liên Xô. Cuộc kháng chiến anh dũng của dân tộc Việt Nam, do giai cấp công nhân lãnh đạo, quả đã góp một phần quan trọng trong cuộc đấu tranh chống đế quốc gây chiến, bảo vệ hòa bình và dân chủ thế giới.

Song nói thế có phải chúng ta đã làm trọn nghĩa vụ đối với sự nghiệp bảo vệ hòa bình thế giới rồi không? Không. Phải nhận rằng về vấn đề đó, chúng ta còn nhiều khuyết điểm. Việc hưởng ứng các cuộc vận động bảo vệ hòa bình thế giới thường không được tích cực và kịp thời. Nói chung, ta chưa nhận thức rõ tính chất quan trọng của những hình thức đấu tranh cho hòa bình dân chủ thế giới, ngoài hình thức kháng chiến. Hoàn cảnh chiến tranh cũng cản trở chúng ta một phần trong công việc này.

Sửa chữa khuyết điểm trên, chúng ta phải:

1- Vạch rõ nguy cơ chiến tranh thứ ba, chống lại thái độ coi thường nguy cơ đó. Đồng thời chống lại tư tưởng cho chiến tranh thứ ba không thể tránh được. Làm cho nhân dân Việt Nam tin tưởng vào sức mạnh lớn lao và thắng lợi của phong trào hòa bình thế giới.

2- Phối hợp rộng rãi phong trào đấu tranh của nhân dân nước ta với phong trào hòa bình dân chủ của nhân dân các nước trên thế giới. Phát triển mọi hình thức đấu tranh phổ thông để bảo vệ hòa bình thế giới và phối hợp đúng mức những hình thức đó với cuộc chiến đấu của ta.

3- Giáo dục sâu sắc cho nhân dân Việt Nam về tinh thần quốc tế chân chính, kết hợp với tinh thần ái quốc chân chính; chống lại khuynh hướng quốc gia hẹp hòi tư sản, khuynh hướng chỉ biết đến cuộc kháng chiến của dân tộc mình, thờ ơ với phong trào bảo vệ hòa bình của nhân dân các nước.

Kháng chiến Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cuộc đấu tranh vĩ đại của nhân dân toàn thế giới chống bọn đế quốc gây chiến và bảo vệ hòa bình cho nhân loại. Mặc dầu khó khăn trở ngại còn nhiều, dân tộc Việt Nam quyết làm trọn nghĩa vụ quốc tế của mình, không mà cả sự giúp đỡ với nhân dân thế giới.

14. Thi đua ái quốc

Chúng ta kháng chiến và kiến quốc với một điều làm việc mới: thi đua ái quốc. Điều làm việc đó do *Hồ Chủ tịch* đề ra, Đảng và Chính phủ ta lãnh đạo, toàn dân noi theo: "*Người thi đua, ngành ngành thi đua*"¹⁾.

Thi đua ái quốc là một cuộc phấn đấu trường kỳ về mọi mặt của mọi người dân Việt Nam, để diệt giặc ngoại xâm, diệt giặc đói, diệt giặc dốt.

Thi đua là cuộc đấu tranh của cái mới chống cái cũ, tiến bộ chống lạc hậu. Đó là cách làm việc nhiều, nhanh, tốt và đẹp.

Trong kháng chiến, thi đua cốt nhằm mục đích giết giặc, thắng giặc. Sau kháng chiến, thi đua cốt kiến thiết nước nhà.

1) Hồ Chủ tịch: *Thơ chúc Tết* (1949).

Hiện thời, thi đua là một cách nhân dân tự tổng động viên tiền của, tài trí, sức người, phát triển mọi lực lượng, mọi khả năng đặng thắng quân xâm lược.

Thi đua cụ thể phải làm gì?

Đồng ruộng và nhà máy thi đua tăng gia sản xuất, cải tiến kỹ thuật, phá kỷ lục, tăng thêm cơm áo tránh đói rét, thêm súng đạn giết thực dân.

Bộ đội, dân quân du kích thi đua luyện quân lập công, xây dựng lực lượng, tiêu diệt sinh lực của địch, giải phóng đất đai, triệt phá ngục quyền.

Cơ quan và cán bộ thi đua sửa đổi lối làm việc, thực hành cần kiệm liêm chính, nghiên cứu chính sách, nghiên cứu chuyên môn, học tập lý luận, cải tạo tư tưởng, v.v..

Ngoài ra, ai nấy thi đua làm trọn nghĩa vụ đối với kháng chiến, tham gia công tác lao động, học thêm văn hóa, thoát nạn dốt, theo đời sống mới, v.v..

Mấy năm nay, tuy đạt được nhiều kết quả, cuộc vận động thi đua của ta hiện còn nhiều khuyết điểm.

Vì chưa nhận rõ thi đua phải trường kỳ, nên bỗng bột nhất thời, làm việc kiệt sức, góp công góp của quá độ; không chú trọng đặt kế hoạch, cải tiến lề lối làm việc, tìm thêm phương tiện, bồi dưỡng sức lực, v.v..

Vì chưa nhận rõ thi đua là cố gắng chung, nên ngành này tiến mạnh, ngành kia ỳ ra; mỗi ngành, mỗi chỗ theo một kế hoạch, nhằm một mục tiêu, không phối hợp, không ăn khớp với nhau; thiếu thông tin thi đua để động viên thường xuyên, ít trao đổi ý kiến, ít tổng kết và phổ biến kinh nghiệm.

Muốn trừ bỏ những khuyết điểm kể trên, làm cho phong trào thi đua ái quốc theo đúng mục đích *đẩy mạnh kháng chiến chuyển sang tổng phản công và tổng phản công thắng*

lợi, điều cốt yếu hiện nay là *chấn chỉnh việc tổ chức lãnh đạo Thi đua ái quốc. Đặt chương trình kế hoạch thi đua* theo đúng phương châm dưới đây:

Mọi việc thi đua lúc này cốt nhằm đánh bại quân xâm lược.

Lợi ích trước mắt phù hợp với lợi ích lâu dài, lợi ích riêng phù hợp với lợi ích chung.

Mọi người, mọi việc, mọi ngành đều thi đua.

Thành tích thi đua nhiều thì được hưởng thụ nhiều.

Thi đua không làm kiệt sức mà còn bồi dưỡng thêm sức lực.

Vừa cải tiến kỹ thuật, vừa tăng thêm phương tiện, vừa đề cao tinh thần tích cực chung.

Phân công đi đôi với phối hợp, thống nhất; lãnh đạo chung kết hợp với chỉ đạo riêng.

Chú trọng lãnh đạo thi đua trong xã, công xưởng và đại đội là những đơn vị thi đua cơ sở.

Lãnh đạo thi đua không những làm cho quần chúng theo đúng phương châm thi đua mà còn phải học hỏi sáng kiến của quần chúng để hướng dẫn quần chúng đặt kế hoạch và thực hiện kế hoạch trong những điều kiện thuận lợi nhất.

*

* *

Cương lĩnh bao quát và cương lĩnh cụ thể trên đây hợp thành chính sách của Đảng.

Để thực hiện chính sách đó trong phạm vi toàn quốc, chúng ta nguyện tiêu diệt cho hết quân xâm lược. Đồng thời làm cho nhân dân nước ta và Mặt trận dân tộc thống nhất nước ta nhận chính sách đó là chính sách của mình và hăng hái phấn đấu thực hiện nó.

Chúng ta tin chắc như thế vì chính sách trên đây là duy nhất đúng và hoàn toàn phù hợp với ý nguyện của quần chúng nhân dân đông đảo nước ta.

PHẦN THỨ TƯ

ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

I- TẠI SAO CHÚNG TA LẤY TÊN ĐẢNG LÀ ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM?

Các đồng chí,

Đường lối và chính sách cách mạng Việt Nam đã đề ra ở trên. Muốn lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân Việt Nam thực hiện đường lối chính sách đó, phải có một chính đảng tiên phong. Đảng đó ở Việt Nam ta là *Đảng Lao động Việt Nam*.

Đảng Lao động Việt Nam ở đâu mà ra? Ở *Đảng Cộng sản Đông Dương* mà ra. Chúng tôi đề nghị Đảng bộ Việt Nam của Đảng Cộng sản Đông Dương, nay đứng tách ra thành một đảng riêng ở Việt Nam lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

Vì sao cần phải lập Đảng Lao động Việt Nam? Thông cáo của Trung ương tháng 7-1950 đã nói rõ. Đây tôi chỉ nêu lý do chính:

Lập Đảng Lao động Việt Nam là cốt để *củng cố thêm vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, củng cố công nông liên minh, gắn bó giai cấp công nhân với các tầng lớp nhân dân lao động khác, thống nhất các lực lượng dân tộc và dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng, đánh bại bọn đế quốc và bè*

lũ chó săn của chúng, hoàn thành giải phóng dân tộc, củng cố và phát triển chế độ dân chủ nhân dân, bảo vệ hòa bình, dân chủ thế giới, chuẩn bị điều kiện tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Lấy tên Đảng Lao động Việt Nam chẳng những lợi cho việc đoàn kết toàn dân đánh bại quân xâm lược, mà còn lợi cho việc thống nhất Mặt trận phản đế của ba dân tộc Việt, Miên, Lào chống đế quốc Pháp - Mỹ, giành độc lập hoàn toàn cho các dân tộc Đông Dương.

Nhiều đồng chí ta thắc mắc về tên Đảng Lao động Việt Nam. Có đồng chí thắc mắc vì tình cảm. Thí dụ cho rằng: bao đồng chí đã hy sinh cho Đảng Cộng sản Đông Dương, nay bỗng chốc phải từ biệt cái tên thân mến ấy thì đau đớn biết mấy! Hoặc cho rằng: tên Đảng Lao động đã bị quần chúng hiểu lầm ở Anh rồi, ta dây vào cái tên ấy làm gì cho mệt!

Cố nhiên, bỏ tên Cộng sản Đông Dương là một hy sinh. Hy sinh nào cũng ít nhiều đau đớn. Nhưng hy sinh vì một lợi ích cách mạng lớn hơn cái tên Cộng sản thì hy sinh đó thật là xứng đáng. Ta không nên đứng về mặt tình cảm mà xét đoán vấn đề đặt tên Đảng. Nên đứng về lợi ích cách mạng mà xét đoán thì đúng hơn.

Không phải riêng ta lấy tên Đảng Lao động, nhiều đảng cách mạng của công nhân ở nhiều nước như Hung, Anbani, cũng lấy tên ấy. Cách mạng các nước đó không những không giảm mà còn tiến bộ rất mau. Đảng Lao động Anh xấu chứ tiếng lao động không xấu.

Ta nên nhớ rằng: năm 1919, Lênin buộc các đảng cách mạng của công nhân phải lấy tên là Đảng Cộng sản mới cho vào Quốc tế Cộng sản, cốt để phân biệt đảng tiên phong của giai cấp công nhân cách mạng với các đảng phái Xã hội Dân chủ cải lương.

Ngày nay, tình hình đã đổi mới. Liên Xô mạnh lên và lãnh đạo phong trào hòa bình dân chủ thế giới một cách chặt chẽ. Nhiều nước, giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản và Công nhân đã thành những đảng quần chúng lớn mạnh, đã thành lực lượng lãnh đạo duy nhất, hoặc đã nắm chính quyền. Nhiều nước dân chủ nhân dân đã thành lập, đang kiến thiết dân chủ mới hoặc bắt đầu kiến thiết chủ nghĩa xã hội. Đế quốc khủng hoảng dữ dội và chực liều lĩnh gây ra chiến tranh thứ ba. Bọn Xã hội Dân chủ hữu khuynh đã trở mặt nà và mất tín nhiệm trong quần chúng. Nhiều tầng lớp trung gian các nước cảm phục, yêu mến Liên Xô và vị lãnh tụ tối cao của chúng ta là *Xtalin*, ưa thích chế độ dân chủ nhân dân và ngưỡng mộ chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện ấy, không nhất thiết cần lấy tên Đảng là Đảng Cộng sản, mà có thể lấy tên khác để lợi cho việc vận động cách mạng, lợi cho việc phát triển Đảng thành một đảng quần chúng mạnh mẽ, và củng cố được vai trò lãnh đạo của Đảng, miễn sao giữ vững lập trường giai cấp, lập trường chủ nghĩa và nguyên tắc tổ chức, là được.

II- ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM LÀ MỘT ĐẢNG NHƯ THẾ NÀO?

Nhiều đồng chí khác thắc mắc không phải vì tình cảm mà vì lý trí. Những đồng chí ấy hỏi: tính chất giai cấp của Đảng Lao động Việt Nam thế nào? Lập trường tư tưởng, nguyên tắc tổ chức của nó ra sao? Tác phong của nó thế nào, v.v.?

Hồ Chủ tịch đã nói:

"Đảng Lao động Việt Nam... là người lãnh đạo sáng suốt,

kiên quyết, trung thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của nhân dân Việt Nam...

"Về *thành phần*, Đảng Lao động Việt Nam sẽ kết nạp những công nhân, nông dân, trí thức lao động, thật hăng hái, giác ngộ cách mạng.

"Về *lý luận*, Đảng Lao động Việt Nam theo chủ nghĩa *Mác - Lênin*.

"Về *tổ chức*, Đảng Lao động Việt Nam theo chế độ dân chủ tập trung.

"Về *kỷ luật*, Đảng Lao động Việt Nam phải có kỷ luật sắt.

"Về *đường lối*, Đảng Lao động Việt Nam theo đường lối quần chúng.

"Về *luật phát triển*, Đảng Lao động Việt Nam dùng lối phê bình và tự phê bình...

"Về *mục đích trước mắt*, Đảng Lao động Việt Nam đoàn kết và lãnh đạo toàn dân kháng chiến cho đến thắng lợi hoàn toàn, tranh lại thống nhất và độc lập thật sự, lãnh đạo toàn dân thực hiện dân chủ mới, xây dựng điều kiện để tiến đến chủ nghĩa xã hội"¹⁾.

Ta xem đó, Đảng Lao động Việt Nam là đội tiên phong và bộ tham mưu của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Nhưng về *thực chất*, nó vẫn là một *chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam*. Vì nó có đủ những điều kiện cốt yếu của một đảng như thế:

- 1- Lấy chủ nghĩa *Mác - Lênin* làm nền tảng tư tưởng.
- 2- Lấy dân chủ tập trung làm nguyên tắc tổ chức.
- 3- Lấy phê bình và tự phê bình làm quy luật phát triển, v.v..

1) Báo cáo chính trị (1951).

Một đảng có những điều kiện cốt yếu về nền tảng tư tưởng, nguyên tắc tổ chức và quy luật phát triển như trên, thì thực tế là chính đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân, là đảng mácxít lêninnít của thời kỳ chủ nghĩa đế quốc tan rã và chủ nghĩa xã hội thắng lợi.

Song Đảng Lao động Việt Nam không phải chỉ là đội tiên phong và bộ tham mưu của giai cấp công nhân mà thôi. Nó cũng là đội tiên phong, bộ tham mưu chung của nhân dân lao động, mà chính vì thế, nó là đội tiên phong và bộ tham mưu của cả dân tộc Việt Nam nữa. Vì giai cấp công nhân Việt Nam đã thành một giai cấp có chính quyền trong tay. Nó đã nhất trí với dân tộc. Giai cấp công nhân là bộ phận trung kiên, tiên tiến nhất trong nhân dân lao động và nhân dân lao động lại là cơ sở của dân tộc và chiếm số rất đông trong dân tộc. Hiện thời giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc đều có một *ý nguyện là kháng chiến giành độc lập, tự do, hạnh phúc*. Cho nên *Hồ Chủ tịch* nói:

"Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam..."

Tiếp tục truyền thống anh dũng và sự nghiệp vĩ đại của Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Lao động Việt Nam có nhiệm vụ *lãnh đạo* cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc Việt Nam đến toàn thắng, lãnh đạo việc xây dựng và phát triển chế độ dân chủ nhân dân Việt Nam, đưa nước Việt Nam dần dần tiến lên chủ nghĩa xã hội; giúp đỡ các dân tộc Miên, Lào làm cách mạng dân tộc giải phóng và tiến tới dân chủ mới.

Chúng ta không có gì đáng thất vọng hết. Hãy ghép chặt hàng ngũ trong Đảng Lao động Việt Nam, giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa *Mác - Ăngghen - Lênin - Xtalin* mà tiến lên!

III- XÂY DỰNG, Củng cố và PHÁT TRIỂN ĐẢNG

Muốn định phương châm xây dựng, củng cố và phát triển của Đảng Lao động Việt Nam, trước hết cần hiểu rõ những đặc điểm của Đảng Cộng sản Đông Dương trong hai mươi năm phát triển.

Những đặc điểm đó là gì?

Đảng Cộng sản Đông Dương sinh ra và lớn lên trong một nước *nông nghiệp*, nên trong Đảng, những đảng viên xuất thân trong nông dân và tiểu tư sản chiếm rất đông, thành phần công nhân trong Đảng rất bé; trình độ văn hóa của đảng viên nói chung là thấp.

Do đó, cơ sở của Đảng ở nông thôn vững, chi bộ xã là nền tảng tổ chức chủ yếu của Đảng. Nhưng tính chất phi vô sản, thủ công nghiệp trong Đảng còn nhiều. Năng lực tổ chức của Đảng phát triển chậm.

Đảng Cộng sản Đông Dương sinh ra và lớn lên ở một nước *thuộc địa*. Thực dân Pháp và bọn vua quan trong nước thẳng tay khủng bố, dùng những thủ đoạn vô cùng tàn bạo để giết hại cán bộ, giết hại đảng viên ưu tú của Đảng. Việc xây dựng Đảng có lúc và có nơi bị gián đoạn.

Vì thế, Đảng đã thừa kế được truyền thống ái quốc, chống ngoại xâm của dân tộc. Tinh thần anh dũng, bền bỉ của đảng viên nói chung rất cao, nhưng lối làm việc của Đảng còn nhiều tính chất du kích của thời kỳ bí mật, Đảng luôn luôn thiếu cán bộ có năng lực.

Đảng Cộng sản Đông Dương tuy còn trẻ, nhưng đã qua nhiều trạng thái đấu tranh khác nhau: không hợp pháp từ khi thành lập đến năm 1936, nửa hợp pháp trong thời kỳ

Mặt trận Bình dân cầm quyền ở Pháp, rồi lại không hợp pháp trong thời kỳ chiến tranh thứ hai, và hợp pháp ngay sau Cách mạng Tháng Tám, rồi lại nửa hợp pháp từ khi tuyên bố “giải tán”, tự ý rút vào bí mật.

Qua những trạng thái đấu tranh đó, Đảng học được nhiều trong những cuộc đấu tranh quần chúng, đấu tranh trong các Hội đồng quản hạt và Viện dân biểu và ở ngoài quần chúng, đấu tranh quân sự và không quân sự, đấu tranh về mọi mặt chính trị, kinh tế, hành chính, văn hóa, v.v., đặc biệt nhất là từ khi cầm chính quyền và lãnh đạo kháng chiến đến nay.

Do đó, Đảng mau trưởng thành về chính trị, giàu kinh nghiệm thực hành, nhưng có những nhược điểm dưới đây: đường lối chính sách của Đảng nói chung là đúng, nhưng chính sách cụ thể còn nhiều thiếu sót. Nguyên nhân chính là vì kinh nghiệm nhiều, nhưng chưa tổng kết kinh nghiệm được mấy; sự vụ chủ nghĩa nặng, công tác tư tưởng không được chú trọng. Nhiệm vụ đảng viên ngày một lớn, nhưng năng lực và trình độ lý luận đảng viên nói chung còn thấp.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám, nhất là từ kháng chiến, mặc dầu hoạt động nửa công khai, ảnh hưởng của Đảng trong nhân dân mỗi ngày một lớn, Đảng phát triển vượt bậc. Nhưng sự phát triển đó để ra một khuyết điểm lớn: việc giáo dục đảng viên không đuổi kịp việc phát triển Đảng. Nhiều phần tử cơ hội, muốn địa vị, đã gia nhập Đảng, lợi dụng danh hiệu đảng viên mà mưu quyền lợi riêng. Thành phần tiểu tư sản trong Đảng tăng lên. Số lượng Đảng cao, chất lượng Đảng kém. Những khuynh hướng lồi thối, như cá nhân anh hùng, quan liêu, hủ hóa, vô nguyên tắc, v.v. nảy nở.

Ra đời sau khi Cách mạng Tháng Mười đã thành công,

sinh trưởng trong một nước ở sát liền Trung Quốc và trực tiếp quan hệ với nước Pháp, Đảng Cộng sản Đông Dương đã chịu ảnh hưởng sâu sắc và được sự giúp đỡ tận tâm của ba Đảng Cộng sản Liên Xô, Trung Quốc và Pháp.

Do đó, Đảng học được rất nhiều kinh nghiệm phong phú và quý báu của ba đảng đàn anh đó, nhất là của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Đảng Cộng sản Đông Dương có một vị lãnh tụ sáng suốt, dày dạn đấu tranh, vừa là lãnh tụ Đảng và giai cấp, vừa là lãnh tụ dân tộc và thủ lĩnh chính quyền. Nhờ đó mà Đảng luôn luôn đi đúng đường lối *Mác - Lênin* trong mọi tình thế khó khăn, phức tạp; luôn luôn thống nhất nội bộ. Đặc biệt là từ khi cầm quyền, mặc dầu tự ý rút vào bí mật, Đảng vẫn nắm vững được sự thống nhất lãnh đạo quân, dân, chính.

Đảng Lao động Việt Nam là kẻ thừa kế những đặc điểm trên đây của Đảng Cộng sản Đông Dương, những ưu điểm cũng như khuyết điểm của nó. Cho nên, muốn định phương châm xây dựng củng cố và phát triển Đảng Lao động Việt Nam, ta phải nghiên cứu kỹ càng những điểm đó.

Căn cứ vào những đặc điểm phát triển của Đảng, chúng ta nhận thấy hiện nay phương châm xây dựng, củng cố và phát triển Đảng là bồi dưỡng những ưu điểm, tẩy trừ những khuyết điểm nói trên, bằng cách phấn đấu đặng xóa bỏ những mâu thuẫn dưới đây:

- a) Số lượng đảng viên tăng, chất lượng đảng viên kém;
- b) Đường lối chính trị của Đảng đúng, nhưng chính sách cụ thể của Đảng còn nhiều thiếu sót;
- c) Nhiệm vụ của Đảng nặng, nhưng trình độ lý luận và chuyên môn của đảng viên còn non;

d) Nhu cầu chính trị của Đảng cao, năng lực tổ chức của Đảng thấp;

đ) Công việc mỗi ngày một nhiều, cán bộ đào tạo không kịp.

Đó là những mâu thuẫn nội bộ của Đảng, biểu hiện sự khủng hoảng trưởng thành của Đảng.

Bởi vậy, hiện thời, muốn xây dựng, củng cố và phát triển Đảng, phải làm những việc dưới đây:

1. *Phát triển phê bình và tự phê bình*, cấp trên phê bình cấp dưới, cấp dưới phê bình cấp trên; quần chúng phê bình đảng viên, đảng viên phê bình quần chúng. Mở rộng dân chủ nội bộ. Nâng tổ chức việc kiểm thảo tư tưởng và công tác đảng viên. Tổ chức những cuộc vận động chỉnh phong theo từng thời kỳ một để tẩy rửa những thói xấu trong Đảng. Tiến hành tu dưỡng tư tưởng và *đấu tranh tư tưởng* trong Đảng, để cải tạo những tính chất phi vô sản và đề cao chất lượng của Đảng. Đề cao nguyên tắc, phát triển tinh thần cảnh giác của các đảng viên, giữ vững kỷ luật sắt của Đảng. Ở một nước nông nghiệp, giai cấp công nhân bé, không tích cực tiến hành công tác tư tưởng và đấu tranh tư tưởng, đi đôi với việc mở rộng dân chủ nội bộ và phát triển tinh thần cảnh giác cách mạng, thì không thể có một đảng quần chúng mạnh mẽ.

2. *Huấn luyện* chính sách cho các đảng viên và tổ chức việc học tập lý luận cho đảng viên nhất là cán bộ cấp trên. Nhằm mục đích làm cho người học biết áp dụng chính sách và lý luận vào hoàn cảnh của mình, biết căn cứ vào những điều kiện cụ thể và những đặc điểm của phong trào mỗi lúc và mỗi nơi, không giáo điều, không máy móc. Nhằm mục đích làm cho người học biết luôn luôn kết hợp chặt chẽ lý luận cách mạng với thực tiễn cách mạng. Đề cao công tác lý luận trong Đảng.

3. *Điều tra nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm* để luôn luôn bồi bổ cho chính sách của Đảng và định ra những chính sách cụ thể của Đảng, đúc những kinh nghiệm lớn thành lý luận vận động cách mạng của ta. Phải trong ngọn lửa đấu tranh cách mạng của quần chúng mà kiểm tra xem chính sách của Đảng đúng hay sai, chỉ thị, nghị quyết của Đảng đầy đủ hay thiếu sót. Lắng tai nghe nguyện vọng của quần chúng, chịu khó học hỏi sáng kiến của quần chúng, tin tưởng ở năng lực sáng tạo của quần chúng, lấy lợi ích của quần chúng làm mục tiêu của mọi hành động và chủ trương; căn cứ vào trình độ hiện thực của quần chúng và khả năng của Đảng mà đề ra khẩu hiệu, làm cho quần chúng hiểu thấu chính sách của Đảng và nguyện ý thi hành. Tóm lại, phải nắm vững quan điểm quần chúng và đường lối chính sách quần chúng.

4. *Xúc tiến công tác tổ chức* của Đảng, chú trọng cải tiến tổ chức Đảng, sửa đổi lề lối làm việc, để tránh bệnh sự vụ, thủ công nghiệp, nhưng đồng thời không rơi vào hố hình thức, quan liêu. Đưa khả năng tổ chức lên ngang nhu cầu chính trị, làm cho công tác tổ chức bảo đảm được việc thi hành chính sách của Đảng.

Sau khi định một chính sách và đề ra một chủ trương rồi, thì vấn đề tổ chức quyết định việc thực hiện chính sách và chủ trương đó. Cho nên phải đặc biệt chú trọng công tác tổ chức. Phối hợp những hình thức tổ chức tùy theo điều kiện của mỗi nơi, thay đổi những hình thức tổ chức tùy theo phong trào lên xuống, chọn lựa cán bộ thích hợp với mỗi việc, kết hợp việc tổ chức để phổ biến chính sách, thi hành chính sách với việc kiểm tra, theo dõi.

5. *Ra sức đào tạo cán bộ*, vượt khỏi tình trạng thiếu cán

bộ hiện nay. Huấn luyện văn hóa, chính trị và lý luận cho cán bộ công nông, đào tạo cán bộ lý luận công nông; cải tạo tư tưởng và bổ túc chính trị cho cán bộ trí thức. Thực hiện lối mỗi cán bộ phụ trách kèm một cán bộ giúp việc (hoặc ở trong cấp ủy Đảng, hoặc ở ngoài cấp ủy Đảng mà đã được lựa chọn) để có thể lâm thời thay thế làm công việc của mình. Cất nhắc những phần tử ưu tú, trung thực, có năng lực và dày dạn vào bộ máy lãnh đạo. Chọn những đồng chí xuất sắc trong phong trào thi đua giết giặc, thi đua sản xuất, thi đua làm công tác Đảng, Mặt trận và Chính quyền để đặc biệt huấn luyện cho họ. Chú trọng dìu dắt cán bộ phụ nữ và cán bộ miền núi.

6. Muốn làm những việc trên đây, muốn xây dựng, củng cố và phát triển Đảng về cả ba mặt tổ chức, chính trị, tư tưởng, thì trong Đại hội này, ta phải quyết định rõ chính cương, sách lược của Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, quyết định chính sách của Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện tại, và sửa đổi Điều lệ Đảng cho thích hợp với nhiệm vụ mới của Đảng.

IV- LÃNH ĐẠO CHÍNH TRỊ VÀ LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG

Trong bản *Báo cáo chính trị*, *Hồ Chủ tịch* đã kiểm thảo đại lược chính sách của Đảng qua các thời kỳ, từ khi Đảng thành lập đến nay.

Đây, tôi chỉ nhấn mạnh những quan điểm sai lầm lớn trong Đảng từ sau Cách mạng Tháng Tám và nhất là lúc này.

Về *khuyên hướng hữu* trong Đảng, có những quan điểm lớn như sau:

1. *Hiểu lầm việc Đảng tuyên bố "giải tán"*, trước đây có

địa phương cho là Đảng giải tán thật, đến nỗi thủ tiêu cả tổ chức Đảng, nghỉ sinh hoạt Đảng, không tuyên truyền chủ nghĩa, không đấu tranh tư tưởng, kém phê bình, tự phê bình. Coi nhẹ lập trường giai cấp, lập trường quốc tế vô sản, coi nhẹ việc tuyên truyền ủng hộ Liên Xô. Khuyết điểm trên đây, tuy đã sửa chữa, nhưng cũng đã có lúc đem lại kết quả không tốt.

2. Nhiều đồng chí có *ảo tưởng hoà bình với thực dân Pháp* sau khi Chính phủ ta đã ký Hiệp định sơ bộ với chính phủ Pháp. Có ảo tưởng đó là vì không nhận rõ căn bản chính sách của thực dân Pháp là xâm lược, đặt lại chế độ thuộc địa cũ; không nhận rõ mục đích chuẩn bị chiến tranh, phá hoại hoà bình của cả phe lũ đế quốc, sau đại chiến thứ hai. Có ảo tưởng đó cũng vì đánh giá quá cao lực lượng dân chủ Pháp, tưởng rằng ký với Chính phủ Pháp lúc đó thì do sự ủng hộ của nhân dân Pháp, ta chắc chắn giữ được hoà bình với Pháp, và nhất là do chỗ không hiểu căn bản chính sách "hòa để tiến" của Đảng. Cho nên sau Hiệp định sơ bộ, không tích cực chuẩn bị đề phòng thực dân Pháp trở mặt và cuộc kháng chiến ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ sẽ lan ra toàn quốc.

Ảo tưởng này, trong Trung ương cũng không hoàn toàn không có.

3. *Đại đoàn kết một chiều* là một khuynh hướng sai lầm khá nặng của nhiều đồng chí chúng ta trước đây mà hiện nay cũng chưa hết. Các đồng chí đó đoàn kết với các thân sĩ, các đảng phái cốt cho yên chuyện; không chịu phê bình họ, đấu tranh chống những sai lầm của họ. Thiên về đối phó, mơn trớn bạn đồng minh hơn là thuyết phục, cảm hóa, phê bình thân mật, giúp cho họ tiến. Không dám tuyên truyền chủ

nghĩa. Nhẹ việc mưu quyền lợi cho nhân dân lao động, sợ đụng chạm đến quyền lợi những nhà giàu.

4. Một số khá đông đảng bộ *không tích cực thi hành chính sách giảm tô, giảm tức của Đảng và của Chính phủ*. Khuyết điểm này gốc ở chỗ hiểu lầm chính sách đại đoàn kết, không nhận rõ chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ. Có đồng chí tưởng lầm rằng không nên đòi giảm tô, giảm tức một cách kiên quyết, làm cho địa chủ xa kháng chiến. Các đồng chí đó không biết rằng có lãnh đạo quần chúng nông dân lao động đòi giảm tô, giảm tức đúng mực mới động viên được số rất đông trong nhân dân là nông dân lao động hăng hái tăng gia sản xuất, tham gia kháng chiến; mới củng cố được công nông liên minh, nền tảng vững chắc của Mặt trận dân tộc thống nhất, lực lượng chủ chốt của kháng chiến và kiến quốc. Cũng có đồng chí sợ thiệt đến quyền lợi của gia đình mình, nên không tích cực thi hành đúng Chỉ thị giảm tô, giảm tức của Đảng và Chính phủ, làm trở ngại cho việc chấp hành Chỉ thị đó.

Về vấn đề giảm tô, giảm tức kém tích cực, Trung ương cũng phải chịu một phần trách nhiệm là ít kiểm tra, đôn đốc việc thi hành của các địa phương.

Những khuynh hướng hữu trên đây, đã làm tổn hại cho việc thi hành đường lối, chính sách đúng của Đảng trong thời kỳ từ sau Cách mạng Tháng Tám trở đi. Hội nghị toàn quốc lần thứ ba (1-1950) đã phê bình gắt gao những khuynh hướng đó, nhưng đến nay, vẫn chưa gột rửa được hết trong toàn Đảng.

Bên cạnh những khuynh hướng hữu trên đây, có những *khuynh hướng "tả"* khá nặng, biểu hiện trong những quan điểm như dưới:

1- Một số đồng chí *chủ trương cải cách ruộng đất quá trớn*, trong khi phải tập trung năng lực, cán bộ vào việc kháng chiến, trong khi phải kéo một phần lớn địa chủ về phe kháng chiến. Thiếu tin tưởng vào chính sách ruộng đất của Đảng và của Chính phủ, nên không tích cực thi hành, hay thi hành sai chệch đi, làm hại đến đại đoàn kết kháng chiến.

2- Nhiều đồng chí *coi thường vấn đề bạn đồng minh của giai cấp công nhân*, coi thường Mặt trận dân tộc thống nhất. Cho nên nhiều khi đã phớt cả Việt Minh lẫn Liên Việt. Coi Liên Việt là chuyện lơ vờ, thậm chí thủ tiêu công tác Mặt trận. Dựa vào ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng công nông, dựa vào chính quyền mà tùy tiện làm bừa, không cần nghe ngóng, hỏi han ý kiến các bạn đồng minh. Hoặc dùng hình thức bề ngoài để đối phó với bạn đồng minh một cách hời hợt, làm cho họ cảm thấy Mặt trận hữu danh vô thực. Hoặc có khi dọa nạt bạn đồng minh, làm cho họ cảm thấy bị kéo cổ mà lôi đi. Khuynh hướng coi thường Mặt trận hiện nay còn khá phổ thông.

3- Một số đồng chí *cho nhân dân dân chủ chuyên chính là vô sản chuyên chính*. Vì thế nên muốn vượt qua giai đoạn, làm luôn một lượt cả hai nhiệm vụ chiến lược lớn: tiêu diệt đế quốc xâm lược, thủ tiêu di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện khẩu hiệu "Người cày có ruộng", và hơn nữa, mơ tưởng đến những phương sách xây dựng chủ nghĩa xã hội, coi nhẹ vai trò của tư sản dân tộc, v.v..

Kết quả của quan điểm sai lầm trên đây là xao lãng nhiệm vụ trước mắt là đoàn kết toàn dân, đánh bại quân xâm lược, muốn làm những việc chưa phải lúc, chưa đủ điều kiện làm. Tổ thái độ cô độc hẹp hòi, có khuynh hướng công

nhân chủ nghĩa hay công nông chủ nghĩa, khiến cho chính sách đại đoàn kết kháng chiến chịu ảnh hưởng không tốt.

Phải nhận rằng: có một thời kỳ, chính Trung ương nhận định vấn đề nhân dân dân chủ chuyên chính cũng không được rõ ràng lắm.

4- Một số đảng bộ *không nắm vững chủ trương trường kỳ kháng chiến*, có tâm lý thắng mau, cho là tổng phản công dễ dàng và chóng vánh lắm. Quan điểm này dễ ra do chỗ đánh giá quá cao lực lượng của mình. Nó biểu lộ khuynh hướng chủ quan, tự mãn và ỷ lại vào người. Quan điểm này lại dễ ra ở chỗ đánh giá quá thấp khả năng của địch và coi thường sự giúp đỡ của Mỹ đối với thực dân Pháp. Nó biểu lộ thái độ chủ quan, khinh địch. Do đó, thi hành sai lệch tổng động viên, làm hại tăng gia sản xuất và kiệt sức dân. Hoặc chủ trương mạo hiểm, không đủ điều kiện mà cũng đánh to, thành ra tự tiêu hao lực lượng, hoặc tập trung lực lượng quá sớm, coi thường du kích chiến tranh, nhất là ở sau lưng địch.

Những khuynh hướng "tả" trên đây hiện đang nảy nở trong hàng ngũ Đảng.

Cả hai khuynh hướng hữu và "tả" nói trên đều có hại cho việc thi hành chính sách đúng đắn của Đảng và của Chính phủ. Lãnh đạo chính trị đúng tức là đánh đổ những khuynh hướng sai lầm đó, để giữ vững đường lối chính sách duy nhất đúng của Đảng.

Trên đây là những khuynh hướng sai lầm về chính trị. Còn về tổ chức?

Về *tổ chức*, kể những việc sai lầm thì nhiều, nhưng rút lại có hai khuynh hướng sai lầm lớn:

- 1- Quá giản đơn, luộm thuộm, thủ công nghiệp;
- 2- Quá hình thức và khoa học theo lối biểu đồ.

Khuynh hướng trên là di tích của thời kỳ hoạt động bí mật, của tính chất du kích trong công tác. Nếu không sửa bổ, thì sẽ không thể thủ tiêu được mâu thuẫn giữa trình độ tổ chức kém và nhu cầu chính trị cao, không thể bảo đảm được việc thi hành chính sách mỗi ngày một nhiều của Đảng.

Khuynh hướng dưới là di tích của lề lối quan liêu của thực dân. Khuynh hướng đó dựa trên sự hiểu lầm khoa học hóa, không nhận rằng: tổ chức là một vấn đề thuộc về chiến thuật; nó thay đổi tùy nơi tùy lúc, tùy điều kiện người nữa. Về tổ chức cũng như về mọi công tác cách mạng khác, không thể có công thức cứng đờ.

Hiện thời, do hai khuynh hướng sai lầm trên đây, công tác tổ chức của Đảng có mấy nhược điểm lớn:

- 1- Công tác tổ chức không thoả mãn được đòi hỏi của đường lối chính trị;
- 2- Lãnh đạo tổ chức không theo kịp lãnh đạo chính trị;
- 3- Lãnh đạo tổ chức không bảo đảm được việc thi hành đầy đủ chính sách của Đảng.

Phải nhận rằng: một nhược điểm lớn của Đảng ta hiện nay là tổ chức kém. Vì tổ chức kém mà nhiều chính sách hay và đúng không được thi hành đúng mức và kịp thời. Bởi vậy, phải biết tổ chức: dựa vào sự giúp đỡ của quần chúng mà tổ chức việc thi hành nghị quyết và chỉ thị của Đảng và Chính phủ, nếu không sẽ vấp phải nạn đánh trống bỏ dùi hoặc nghị quyết suông. Còn phải dựa vào sự giúp đỡ của quần chúng mà tổ chức kiểm tra việc thi hành nghị quyết và chỉ thị. Nếu không làm những việc đó thì đường lối chính sách đúng cũng bằng thừa.

Cùng với chính sách cán bộ đúng, lãnh đạo chính trị và

lãnh đạo tổ chức đúng là một điều kiện quan trọng vào bậc nhất để giành thắng lợi cho cách mạng.

V- HỒ CHỦ TỊCH, NGƯỜI SÁNG LẬP, RÈN LUYỆN VÀ LÃNH ĐẠO ĐẢNG TA

Chúng ta lập được thành tích cách mạng như ngày nay, là nhờ biết bao đồng chí, biết bao chiến sĩ đã hy sinh cho cách mạng, biết bao cố gắng của đảng viên và quần chúng. Nhưng chủ yếu là nhờ công lao vĩ đại của *Hồ Chủ tịch*, người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo Đảng ta.

Hồ Chủ tịch đã lập *Thanh niên cách mạng đồng chí Hội*, một tổ chức tiền bối của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Hồ Chủ tịch đã thống nhất ba tổ chức cộng sản đầu tiên ở Việt Nam: *Đông Dương cộng sản Đảng* (Bắc Bộ), *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn* (Trung Bộ) và *An Nam cộng sản Đảng* (Nam Bộ) thành *Đảng Cộng sản Việt Nam*, sau đổi ra *Đảng Cộng sản Đông Dương*.

Từ ngày Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập, dù ở ngoài nước hay trong nước, Người luôn luôn săn sóc đến Đảng, rèn luyện Đảng thành một đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân, lãnh đạo Đảng vượt mọi khó khăn, nguy hiểm để giành lấy thắng lợi.

Người rèn luyện đảng viên, rèn luyện cán bộ, Người nêu gương cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, nêu gương kiên quyết đấu tranh, nêu gương trung thành rất mực với Đảng, với giai cấp và dân tộc; nêu gương tích cực, vui vẻ, nhẫn nại, giản dị và khiêm tốn.

Người dạy ta dùng phê bình, tự phê bình để đấu tranh tư tưởng trong Đảng và ngoài Đảng.

Người dạy ta lễ lối làm việc, tác phong lãnh đạo.

Người dạy ta gần quần chúng, tin ở quần chúng, học quần chúng, nhưng lãnh đạo quần chúng, chớ không theo đuôi quần chúng.

Người dạy mỗi đảng viên chúng ta phải xung phong, làm gương mẫu cho quần chúng.

Người dạy ta muốn gần dân phải nói và viết hợp với trình độ dân. Muốn lãnh đạo dân, phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu.

Người dạy ta điều tra nghiên cứu, kết hợp tinh thần hăng hái cách mạng với óc thực tế cách mạng; kết hợp lý luận với thực tiễn.

Người dạy ta luôn luôn nắm lấy khâu chính của sợi dây chuyền công tác, kiên quyết làm cho bằng được: tập trung tinh thần, năng lực vào đó mà làm, đạt tiến lên.

Người dạy ta đem tinh thần kỷ luật và ý thức cao vào mọi công tác cách mạng, to cũng như nhỏ.

Người dạy ta thương yêu đồng chí, quý cán bộ, vì cán bộ là vốn đáng quý nhất.

Người dạy chúng ta đem tinh thần yêu nước tối cao hòa hợp với tinh thần chủ nghĩa quốc tế chân chính.

Người dạy ta giữ vững khối đại đoàn kết để kháng chiến trường kỳ.

Người dạy chúng ta luôn luôn noi gương Đảng Bôn-sơ-vích đứng đầu là đồng chí *Xtalin*.

Người dạy chúng ta chú trọng học tập Đảng Cộng sản Trung Quốc, đứng đầu là *Mao Chủ tịch*.

Điều mà Người dạy ta lớn hơn hết là đem lý luận của chủ nghĩa *Mác - Ăngghen - Lênin - Xtalin* và tư tưởng *Mao Trạch Đông* áp dụng đúng đắn vào hoàn cảnh nước ta.

Do chỗ thấm nhuần chủ nghĩa đó tới cao độ, Người áp dụng chủ nghĩa đó trong mỗi trường hợp một cách rất khéo: luôn luôn phối hợp sự mềm mỏng của chiến thuật với sự đánh thép của nguyên lý; không vì lợi ích thiển cận nhất thời mà nhìn chệch mục đích cách mạng.

Người dạy ta làm thế nào cho Đảng, khi định ra những khẩu hiệu và chính sách, không căn cứ vào những công thức đã học thuộc lòng, mà căn cứ vào những điều kiện cụ thể của cuộc vận động cách mạng Việt Nam, vào những điều kiện cụ thể trong nước và ngoài nước; chú trọng kinh nghiệm của nước mình, đồng thời học hỏi kinh nghiệm của các nước.

Người dạy chúng ta mỗi khi tình hình đổi mới, điều kiện mới của cuộc vận động cách mạng đã đề ra, thì phải lập tức xét lại chủ trương, chính sách và phương pháp vận động, căn cứ vào tình hình mới mà định phương châm chiến lược và chiến thuật, không nên bám lấy những khuôn khổ cũ kỹ.

Đến mỗi bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam, ta thấy *Hồ Chủ tịch* gạt tay lái một cái rất mau lẹ. Nhờ đó, con tàu của Đảng vượt được bao cơn phong ba bão táp, tránh được bao mỏm đá ghềnh để lướt tới đích. Làm được như thế là vì Người luôn luôn nắm vững kim chỉ nam của chúng ta: chủ nghĩa *Mác - Ăngghen - Lênin - Xtalin*.

Chúng ta phải ra sức học hỏi *Hồ Chủ tịch*, người thầy của cách mạng Việt Nam, đoàn kết nhất trí, tập hợp sau lưng Người để giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa *Mác - Ăngghen - Lênin - Xtalin*, hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội.

KẾT LUẬN

Các đồng chí,

Báo cáo *Luận cương* của tôi đến đây là hết.

Củng cố chính quyền, củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất, củng cố quân đội nhân dân, củng cố Đảng thành một đảng trong sạch, thống nhất, mạnh mẽ hơn, có chính cương, hợp với điều kiện mới của cách mạng, để lãnh đạo kháng chiến, tiêu diệt quân xâm lược, hoàn thành sự nghiệp độc lập và thống nhất dân tộc, bước mạnh trên con đường dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Khó khăn còn nhiều. Chúng ta không nên chủ quan, tự mãn. Nhưng dưới sự lãnh đạo của *Hồ Chủ tịch*, nhất định chúng ta sẽ toàn thắng.

Tiêu diệt thực dân Pháp và đánh đổ bọn can thiệp Mỹ!

Việt Nam độc lập, thống nhất muôn năm!

Hòa bình và dân chủ thế giới muôn năm!

Chủ nghĩa Mác - Ăngghen - Lênin - Xtalin muôn năm!

Tư tưởng Mao Trạch Đông muôn năm!

Đảng Lao động Việt Nam muôn năm!

Hồ Chủ tịch muôn năm!

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CỦNG CỐ KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT ĐỂ CHIẾN THẮNG*

Thưa Chủ tịch đoàn,

Thưa các đồng chí đại biểu,

Tiếp theo bản *Báo cáo chính trị* của Hồ Chủ tịch và bản *Luận cương* của đồng chí Tổng Bí thư, bản báo cáo của chúng tôi nhằm hai mục đích:

1- Trình bày trước Đại hội việc thi hành chính sách mặt trận của Đảng từ trước tới nay,

2- Đề nghị kế hoạch cụ thể để chấn chỉnh tổ chức và công tác mặt trận trong giai đoạn quyết định này như đồng chí Tổng Bí thư đã nhấn mạnh trong *Luận cương*.

Song, chúng tôi không đi vào chi tiết, chỉ báo cáo phần công tác chủ yếu của Mặt trận như việc vận động các lớp tiểu tư sản, trí thức, tư sản dân tộc, thân sĩ địa chủ yêu nước và tiến bộ và các giới, tôn giáo, các dân tộc thiểu số, đoàn kết chống kẻ thù xâm lược, để bảo vệ độc lập, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân tiến lên xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ.

Về phần công tác các giới: công, nông, thanh, phụ vận, v.v.

* Báo cáo do đồng chí Hoàng Quốc Việt đọc tại Đại hội (B.T).

các đồng chí đại biểu các ngành ấy sẽ trực tiếp trình bày với các đại biểu những khó khăn và sai lầm hiện có và đề ra những điểm lớn trong công tác của từng ngành dân vận.

Chúng tôi mong Đại hội sẽ đem ánh sáng của những kinh nghiệm phong phú trong toàn quốc để làm sáng tỏ thêm những vấn đề chúng tôi báo cáo và đánh tan những tư tưởng sai lầm trong Đảng về công tác mặt trận và dân vận, làm cho quan điểm quần chúng của Đảng được thấm nhuần trong chúng ta.

Có như vậy, thì hành động trong Đảng mới thống nhất, mới mau chóng hoàn thành được chính sách đúng của Đảng và do đó mới làm cho Đảng thành một Đảng lớn mạnh, một Đảng thật quần chúng.

Căn cứ vào những điểm trên, bản báo cáo của chúng tôi có ba phần chính:

I. Kiểm thảo việc thi hành chính sách mặt trận của Đảng.

II. Chấn chỉnh tổ chức và công tác Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam. Xây dựng Mặt trận các dân tộc Việt - Miên - Lào.

III. Vấn đề Đảng lãnh đạo Mặt trận và kết luận.

*

* *

I- KIỂM THẢO VIỆC THI HÀNH CHÍNH SÁCH MẶT TRẬN CỦA ĐẢNG

Nhìn lại 21 năm hoạt động của Đảng, đường lối cách mạng chung của Đảng là đúng như Hồ Chủ tịch đã nói rõ trong bản *Báo cáo chính trị*.

Trong chính sách chung ấy, vấn đề mặt trận là một điểm trọng yếu trong sách lược chung của Đảng; nó quyết định một phần quan trọng việc thành công của cách mạng Đông Dương.

Nên Đại hội hãy kiểm điểm xem chính sách mặt trận của Đảng đã có những ưu điểm và khuyết điểm gì. Chúng ta hãy làm một bản sơ kết kinh nghiệm về công tác mặt trận và đề ra những sai lầm chính để Đại hội sửa chữa, và quyết định công tác mới cho Mặt trận.

1. Cuộc vận động có thể chia làm bốn thời kỳ như sau

A. Thời kỳ 1930-1935

Ngay sau khi Đảng thành lập, trong *Luận cương* của Đảng đã định rõ:

Tính chất cách mạng Đông Dương là cách mạng tư sản dân chủ. Nhiệm vụ của nó là phản đế, phản phong.

Ngoài giai cấp phong kiến đi theo đế quốc, nói chung các giai cấp khác, nhất là công nông và tiểu tư sản đều tán thành cách mạng.

Vì thế, Đảng nhận thấy có thể và cần phải lập Mặt trận thống nhất phản đế để tập hợp đông đảo nhân dân vào hàng ngũ cách mạng dưới quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Chính sách đó thi hành đã gây được một cao trào phản đế mạnh mẽ từ Nam chí Bắc và đã giúp cho quần chúng giành được những quyền lợi thiết thực như: tăng lương, giảm giờ làm, bỏ dần sự đánh đập, hoãn thuế, giảm thuế, v.v.. Nhờ đó, phong trào đã ăn sâu vào các lớp công nông và tiểu tư sản, thực hiện được khối liên minh công nông chặt chẽ và trong nhiều địa phương đã có những cuộc hành động chung giữa Đảng ta với Việt Nam quốc dân Đảng.

Nhưng có khuyết điểm là nhiều địa phương đã mắc bệnh

tả khuynh, cô độc trong khi thi hành chính sách mặt trận. Lúc đó không biết nâng đỡ, không phát triển tinh thần yêu nước để chống đế quốc mà quá chú trọng vào cuộc đấu tranh chống cường hào, phú nông và địa chủ, có địa phương nêu khẩu hiệu bài trừ trí phú, địa hào, đẩy bọn họ về phe đế quốc. Thừa thế đó, giặc Pháp đã lợi dụng được các lớp trên và ra tay khủng bố quần chúng. Phong trào bị xẹp.

Tối năm 1934, phong trào mới bắt đầu hồi phục và sau đó, một số đồng chí ở ngoài về cùng một số đồng chí trong tù ra bắt đầu mở một thời kỳ hoạt động mới. Lần lần lợi dụng các hình thức hợp pháp để gây phong trào yêu sách; phối hợp cuộc đấu tranh báo chí, đấu tranh ở các Hội đồng với đấu tranh của quần chúng nên phong trào tự do lại có đà trở lại.

Bấy giờ kinh nghiệm vận động chưa có, chính sách mặt trận chưa được ấn định cụ thể, việc bố trí các lực lượng cũng chưa rõ ràng, nên công tác vận động và tổ chức vấp phải nhiều khuyết điểm, và có ảnh hưởng lớn đến phong trào chung toàn quốc.

Song, vì có cuộc khủng hoảng trầm trọng của hệ thống tư bản, đặc biệt là tư bản chủ nghĩa Pháp, và vì chính sách vơ vét, bóc lột tàn nhẫn của bọn thống trị thuộc địa nên quần chúng muốn được giải phóng, không có con đường nào khác là con đường cách mạng. Họ tin tưởng ở Đảng, ở sự đoàn kết nên phong trào đã được dễ dàng hồi phục.

B. Thời kỳ Mặt trận dân chủ 1935-1939

Năm 1935, tình hình thế giới biến đổi, nguy cơ phát xít và chiến tranh đe dọa. Quốc tế Cộng sản chủ trương lập Mặt trận nhân dân chống phát xít và chiến tranh. Liên Xô hoạt động và ký hiệp ước tương trợ với nhiều nước, như Pháp,

Tiếp, v.v.. Trong nhiều nước phong trào chống phát xít lên cao. Ở Pháp, Mặt trận Bình dân thành lập và cầm chính quyền có Đảng Cộng sản ủng hộ. Ở ta, dựa theo đường lối đó, Đảng nhận kẻ thù trước mắt của cách mạng Đông Dương là bọn phản động thuộc địa Pháp chứ không phải thực dân Pháp nói chung. Cho nên, Đảng chủ trương lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương gồm các tầng lớp nhân dân cả tư bản bản xứ và các phần tử dân chủ tiến bộ ở Đông Dương (kể cả người Pháp chống phản động thuộc địa, chống phát xít gây chiến tranh, nhóm...¹⁾ đòi cơm áo tự do, dân chủ và hoà bình.

Nhờ chính sách đúng, có phương pháp vận động công khai, phương pháp đấu tranh linh động như phong trào thu thập dân nguyện, vận động Đông Dương đại hội, v.v., Đảng đã gây được một phong trào quần chúng rầm rộ, rộng rãi bao gồm công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, tư sản nhỏ và nhóm Xã hội Pháp. Đảng đã giành được ít nhiều quyền tự do dân chủ cho nhân dân như: tự do hội họp, tổ chức nghiệp đoàn, tự do báo chí và có một vài cải cách về luật lao động, cải cách quân cấp công điền, v.v..

Khuyết điểm bấy giờ là những yêu sách đưa ra chú trọng tới lợi ích của công nông, ít chú ý đến quyền lợi các lớp trên; do đó, bọn tư sản cấp tiến và một số đại trí thức bị phản động đe dọa, hay mua chuộc, lừa gạt, nên lần lần xa ta. Một khuyết điểm khá lớn nữa là: bấy giờ vấn đề độc lập của Đông Dương không được tuyên truyền, giải thích rõ ràng nên cuộc vận động có tính chất ồ ạt để đòi hỏi những cải cách hơn là việc xây dựng cơ sở quần chúng kiên cố cho cách mạng.

1) Một chữ bị mờ (B.T).

Do đó khi chiến tranh đế quốc thứ hai bùng nổ, phản động thuộc địa thẳng tay khủng bố quần chúng. Vì cơ sở còn kém và vì không kịp đề phòng, nên phong trào cách mạng một phần nữa lại xuống.

Tuy nhiên, với những hình thức hoạt động công khai, với sự tuyên truyền rộng rãi chủ nghĩa cộng sản, Đảng đã có một ảnh hưởng rất lớn trong nhân dân.

C. Thời kỳ 1939-1945: Mặt trận thống nhất phản đế, và Mặt trận Việt Minh.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, Đảng chấn chỉnh các tổ chức quần chúng và chuyển cuộc vận động Mặt trận dân chủ thành Mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc chiến tranh. Mặc dầu giặc đàn áp dữ dội, cơ sở của Mặt trận vẫn bí mật phát triển và ăn sâu vào quần chúng công nông và tiểu tư sản. Tới khi Pháp mất nước cho Đức, Nhật vào Đông Dương, nhiều cuộc võ trang khởi nghĩa bùng nổ ở Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương. Tuy phong trào bị đàn áp nhưng ngọn lửa đấu tranh võ trang từ đây âm ỷ trong nhân dân, và Đảng ta đã trực tiếp lãnh đạo và rút được nhiều kinh nghiệm quý báu về võ trang đấu tranh và gây được phong trào du kích từ bấy giờ.

Cho đến năm 1941, tình thế đã biến đổi nhiều: bên ngoài phát xít mưu đánh phá Liên Xô, bên trong Nhật - Pháp thi nhau đàn áp, vơ vét làm cho nhân dân (kể cả các lớp tư sản, địa chủ, trí thức) càng phần uất và đẩy họ ngã về phe cách mạng. Thấy rõ hướng chuyển của tình thế, Hồ Chủ tịch triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ tám (5-1941). Hội nghị xem xét lại chính sách Đảng và nhận định: cách mạng Việt Nam là cách mạng dân tộc giải phóng, và thực hiện chủ trương

tạm gác khẩu hiệu cách mạng thổ địa đề ra từ năm 1939 để lôi kéo địa chủ tiến bộ mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống Pháp - Nhật, lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) trên cơ sở của Mặt trận thống nhất phản đế. Đồng thời Đảng chủ trương lập Ai Lao độc lập đồng minh; Cao Miên độc lập đồng minh tiến lên lập Đông Dương độc lập đồng minh, dấy mạnh cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc Đông Dương.

Thời kỳ Việt Minh là thời kỳ chính sách mặt trận được đề ra cụ thể, và được áp dụng linh động và có kinh nghiệm phong phú nhất, Đảng đã tranh thủ được hết các bạn đồng minh có thể có, đi với giai cấp công nhân. Đảng đã gây được ảnh hưởng trong các nhóm trí thức và sinh viên (1943-1944), đã giúp họ lập ra Đảng Dân chủ Việt Nam để vận động các lớp này và chịu ra hàng ngũ bọn thanh niên trí thức thân Nhật (bọn Đại Việt). Đảng vận động được phú nông, địa chủ, kêu gọi được một phần hào lý, quan lại ủng hộ cách mạng. Đảng liên lạc được với nhóm Xã hội Cộng sản (Groupe Social - Communiste) ở Hà Nội và với bọn De Gaulle để tích cực chống bọn phát xít Nhật, Pháp lúc đó.

Nhờ chính sách đúng của Hội nghị Trung ương lần thứ tám và sự kiên quyết thực hiện của toàn Đảng, đầu năm 1944, phong trào đã lan rộng. Nhiều nơi quần chúng tự động lập các tổ chức cứu quốc. Nên từ thôn quê đến thành thị, cơ sở Mặt trận đã khá mạnh. Song song với việc phát triển Mặt trận dân tộc thống nhất, Đảng đặc biệt chú ý xây dựng chiến khu và phát triển các lực lượng du kích để chuẩn bị điều kiện hành động kịp thời với khối Đồng minh dân chủ chống phát xít Đức - Ý - Nhật.

Phong trào cách mạng trong và ngoài nước lên cao, mâu

thuần Nhật - Pháp càng gay go, nên ngày 9-3, Nhật đã lật đổ Pháp. Liên đó, Đảng nhận định kẻ thù chính và duy nhất bây giờ là Nhật và do đó, ta có nhiều khả năng lôi kéo những người Pháp tiến bộ chống phát xít Nhật.

Các hình thức đấu tranh đều thay đổi: các tổ chức cứu quốc mở rộng, các tổ chức võ trang được phổ biến. Các đội danh dự trừ gian được thành lập, các đội tuyên truyền võ trang xuất hiện khắp nơi; vận động không nộp thuế, võ trang biểu tình phá kho thóc để giải quyết nạn đói, v.v.. Từ tháng 3-1945, không khí khởi nghĩa lan rộng. Những hình thức vận động tổ chức và đấu tranh như trên đem được nhiều kết quả, nên nhân dân chờ đợi lệnh khởi nghĩa, tin tưởng ở cách mạng, tin tưởng vào Việt Minh.

Đứng trước tình thế đó, Đảng tích cực chuẩn bị cướp chính quyền và triệu tập Quốc dân Đại hội (tức là cuộc Đại hội đại biểu Việt Minh mở rộng) và bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chủ tịch lãnh đạo (Ủy ban này khi về Thủ đô đổi ra Chính phủ lâm thời). Lệnh Tổng khởi nghĩa đưa ra giữa lúc Hồng quân đánh tan quân đội phát xít Đức-Nhật, nên ở ta, cuộc Khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thắng lợi tương đối dễ dàng.

Với Mặt trận Việt Minh, Đảng đã lãnh đạo toàn dân giành chính quyền, xây dựng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngày nay.

Được như vậy chính là do Đảng đã luôn luôn nhằm đúng kẻ thù chính, đã thực hiện được chính sách đoàn kết rộng rãi, tập hợp được mọi lực lượng cách mạng và dân chủ để chống lại bọn phát xít. Đảng đã kiên quyết tạm gác lại khẩu hiệu thổ địa cách mạng, nên đã kéo thêm được bạn đồng minh. Cách lãnh đạo của Đảng rất đúng nên Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã thắng lợi.

D. Từ 1945 đến nay: Mở rộng Việt Minh và xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất.

Cách mạng Tháng Tám thành công. Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam, đổi thành Chính phủ lâm thời. Một số đồng chí ta tự nguyện rút ra ngoài Ủy ban để mời thêm thân sĩ, người không đảng phái, v.v. tham gia, thực hiện chính sách mặt trận rộng rãi của Đảng. Lúc đó, tình thế đã gặp khó khăn. Bọn đế quốc câu kết với nhau mưu phá cuộc cách mạng Việt Nam, thôn tính lại Đông Dương, quân đội Anh ở miền Nam tìm hết cách giúp giặc Pháp, nên ngày 23-9-1945, thực dân Pháp khởi hấn ở Nam Bộ, đồng thời quân đội của Tưởng kéo vào quấy rối miền Bắc, giúp cho Việt Nam Quốc dân Đảng lập chính quyền ở nhiều tỉnh Bắc Bộ.

Chính quyền cách mạng còn non, quân đội nhân dân chưa kịp tổ chức. Để đối phó với tình thế đó, chính sách của Đảng đề ra là: đối nội, phải tăng cường khối đại đoàn kết. Đối ngoại, cần tìm cách tạm hoà hoãn với Pháp để củng cố chính quyền, xây dựng lực lượng vũ trang bên trong và liên lạc với các lực lượng dân chủ chống đế quốc bên ngoài.

Do đó, một mặt Đảng chủ trương ký kết với Pháp những Tạm ước để tranh thủ thời gian, mặt khác, Đảng chủ trương nhân nhượng vài điểm nhỏ để trung lập và làm tê liệt bọn Việt Nam Quốc dân Đảng và đồng thời thành lập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt), đã kết nạp những lớp xã hội mới muốn ra hoạt động chính trị. Ta có thể nói Hội Liên Việt là một hình thức mới, biện pháp mới để phát triển khối đoàn kết dân tộc. Vì bản thân Việt Minh lúc đó, điều kiện kết nạp hội bí mật đã trở nên chật hẹp đối với quảng đại nhân dân mới được giải phóng. Đồng thời những sai lầm của cán bộ ở đôi nơi và những xuyên tạc của giặc

Pháp... đã làm cho các lớp hữu sản có ít nhiều thành kiến với Việt Minh, mặc dầu vẫn kính phục. Liên Việt ra đời đúng lúc đã liên kết được mọi tầng lớp nhân dân yêu nước, cả thân sĩ địa chủ yêu nước, các lớp tôn giáo, dân tộc thiểu số, v.v.. Đồng thời, Đảng đã khuyến khích và giúp đỡ các nhà trí thức tiến bộ lập ra Đảng Xã hội Việt Nam, tổ chức ra nhiều hình thức hoạt động mới: Đoàn Thanh niên Việt Nam, Đoàn Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Văn hoá làm cho Mặt trận có thêm những thành phần mới.

Đảng đã mở rộng được sự lãnh đạo của giai cấp công nhân trong khắp các lớp nhân dân, củng cố chính quyền, phát triển bộ đội và đưa kháng chiến đến những thắng lợi như ngày nay.

Do sự lãnh đạo sáng suốt của Hồ Chủ tịch, cuộc vận động và tổ chức quần chúng đã kịp thời đổi hướng. Song song với việc củng cố Việt Minh, Hội Liên Việt được mở rộng đã có cơ sở khắp trong nước và đã có nhiều chi hội ở hải ngoại (như ở Pháp, Xiêm, Tân thế giới, v.v.).

2. Những đặc điểm của khối đoàn kết dân tộc hiện nay

Nhìn lại toàn bộ cuộc vận động cách mạng từ ngày Đảng thành lập đến nay, nói chung Đảng đã có một chính sách mặt trận rất đúng. Vì hoàn cảnh đấu tranh gay go, lúc đầu chúng ta chưa học được nhiều kinh nghiệm vận động bên ngoài. Nhưng tùy theo tình hình biến chuyển từng lúc; Đảng đã vạch rõ cho nhân dân thấy kẻ thù chính, kẻ thù trước mắt và đã tranh thủ được các bạn đồng minh của cách mạng trong mọi lúc, đề ra nhiệm vụ thiết thực, khẩu hiệu cụ thể và hình thức tổ chức linh động.

Chúng ta có thể thấy rõ thành tích lớn lao của chính sách tìm bạn đồng minh của Đảng qua những đặc điểm sau đây:

- Mặt trận rất rộng rãi và mỗi ngày một mở rộng bao gồm được đủ các đảng phái, các tổ chức tiên tiến của mọi tầng lớp nhân dân, các đoàn thể đã tự nguyện công nhận sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và của Đảng Cộng sản.

- Về tổ chức, Mặt trận kết nạp cả đoàn thể và cá nhân. Tuy chưa kết nạp được đại đa số nhân dân Việt Nam, nhưng thực tế ảnh hưởng Mặt trận lan rộng toàn dân, toàn quốc và đã là một bộ phận mạnh mẽ của Mặt trận hoà bình và dân chủ thế giới.

- Mặt trận không những có tính chất dân tộc mà còn có tính chất dân chủ rõ rệt, bao gồm các tổ chức nhân dân và mọi phần tử yêu nước và tiến bộ tích cực chống xâm lược và tán thành xây dựng một chế độ dân chủ nhân dân thật sự.

- Mặt trận là một tổ chức vững chắc, thống nhất và lâu bền. Các đảng phái, các đoàn thể nhân dân đều thống nhất hành động, đều hướng theo một đường lối chính trị chung rất rõ rệt, đường lối của Đảng, của giai cấp công nhân.

- Một Mặt trận duy nhất dưới hai hình thức mặt trận tổ chức lồng vào nhau: Liên Việt và Việt Minh, hai hình thức đó đang tiến tới chỗ hoà hợp làm một để dễ dàng đoàn kết và giáo dục nhân dân hơn nữa.

- Lãnh tụ của Mặt trận, của Đảng, của chính quyền và của dân tộc là một: Hồ Chủ tịch. Dưới sự chỉ đạo của Người, ý chí và lực lượng của toàn dân được tập chung lại để đánh bại mọi thủ đoạn xâm lược của đế quốc.

Vì thế, Mặt trận hiện là một trong những trụ cột của Nhà nước dân chủ nhân dân, là sức mạnh vô biên của cuộc kháng chiến và kiến quốc, là cơ sở quần chúng rộng rãi làm thành một áo giáp vững bền của Đảng để đánh thắng bọn xâm lược và tay sai của chúng.

3. Thái độ sai lầm đối với công tác mặt trận

Tổng kết 21 năm vận động cách mạng, Mặt trận thống nhất dân tộc thật đã có một tác dụng lớn lao như trên đã nói, nhưng hiện nay nhiều đồng chí ta vẫn chưa nhận rõ, đã có tư tưởng và thái độ không đúng đối với công tác mặt trận.

Nhiều đồng chí (trong đó có cả cán bộ các ngành, các cấp), đã coi thường công tác mặt trận, cho Mặt trận là tổ chức tượng trưng, hiệu hủ, không thấy rõ sự quan trọng của vấn đề bạn đồng minh, tưởng rằng chỉ cần củng cố khối liên minh công nông, củng cố các tổ chức của bốn giới công, nông, thanh, phụ cũng đủ làm cho cách mạng thắng lợi. Có đồng chí đã không tích cực giúp đỡ Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội, đối với người ngoài Đảng thì hời hợt, đối phó cho qua chuyện, không giao việc, không bàn bạc, nhiều khi còn dùng thủ đoạn, hoặc lấy đa số đồng chí quyết nghị buộc họ phải nghe, khiến cho họ bất mãn khó chịu.

Có khi đoàn kết một chiều, không đấu tranh trong Mặt trận, để tăng cường đoàn kết, ít chú ý phê bình thành thật, dìm dặt các thân sĩ, các đảng bạn, coi nhẹ việc tuyên truyền chủ nghĩa, sợ hại đến đại đoàn kết, Đảng bao biện công việc của Mặt trận, v.v..

Tại sao lại có những khuyết điểm như trên?

- Chính là vì các đồng chí đó đã không hiểu rõ chính sách bạn đồng minh của Đảng, chưa nhận rõ chính sách đối với các tầng lớp nhân dân trong giai đoạn này để thực sự vận động, đoàn kết và giáo dục họ thành một lực lượng mạnh mẽ, một lợi khí sắc bén để đánh tan quân thù, xây dựng nước.

- Các đồng chí đó chưa được rèn luyện trong lò lửa đấu tranh, còn thiếu quan điểm quần chúng, nên mọi việc y lại vào Đảng, vào uy tín của Hồ Chủ tịch, y vào mệnh lệnh của chính quyền.

Các đồng chí quên điều căn bản của Đảng là phải làm cho quần chúng hiểu chính sách Đảng, biến chính sách Đảng thành nguyện vọng của nhân dân thì nhân dân mới hăng hái hoạt động và do đó mới tự nguyện thực hiện chính sách Đảng. Vì không hiểu thế, nên các đồng chí đã không nhận rõ vai trò Mặt trận và các đoàn thể quần chúng và còn làm cho nó lu mờ đi.

- Từ khi chính quyền thành lập, nhiều việc chính quyền ra lệnh quần chúng có tổ chức hay không tổ chức đều làm như nhau. Mặt khác Đảng phát triển mạnh, các cấp bộ Đảng trực tiếp thi hành chính sách Đảng trong nhân dân. Trước tình thế ấy, Mặt trận không có lối làm việc mới thích hợp với hoàn cảnh nên tác dụng của Mặt trận như bị coi nhẹ. Các cấp bộ Đảng cũng không kịp thời sửa chữa hoặc đề ra với Trung ương.

Tình trạng đó kéo dài từ sau ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ đến nay, đã ảnh hưởng xấu đến việc thi hành chính sách của Đảng và gây nên tư tưởng sai lầm của một số khá đông đảng viên.

- Vì coi nhẹ công tác mặt trận và dân vận nên Đảng chưa thu phục được nhiều thêm các tầng lớp mới về mình. Hiện nay một phần lớn nhân dân vùng thiếu số, vùng địch và vùng Công giáo còn kém, chưa giác ngộ, chưa tham gia Mặt trận. Địch còn lôi kéo và có nơi chúng đã lợi dụng được họ để làm cơ sở cho chính quyền bù nhìn.

- Các Đảng bộ chưa biết dùng Mặt trận làm trường học rộng rãi để gần gũi, để giáo dục các tầng lớp nhân dân và học hỏi nhân dân nên chưa động viên được thật đông đảo các tầng lớp trí thức, tư sản, địa chủ yêu nước góp sức, góp của vào kháng chiến và giúp họ tiến bộ và bồi dưỡng họ thành những người cảm tình tốt của Đảng.

- Chính vì chúng ta chưa biết dùng Mặt trận để thi hành chính sách Đảng, không biến chủ trương của Đảng thành chủ trương của Mặt trận, không biến nó thành ý nguyện của nhân dân, nên nhiều việc thi hành không đúng mức, nói tả nói hữu (ví dụ: giảm tô, giảm tức, v.v.) hay đã có những chủ trương không sát như vấn đề hoá giá, vấn đề lương bổng, v.v. gây ảnh hưởng không tốt cho Đảng, cho Chính phủ.

- Nhiều đồng chí ta còn hiểu lầm, tưởng rằng công tác mặt trận không có liên quan đến công tác đảng. Chúng ta không nên quên rằng xây dựng khối đoàn kết dân tộc tức là xây dựng cơ sở quần chúng rộng rãi làm nền tảng cho việc xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, xây dựng quân đội; nên việc coi nhẹ công tác mặt trận và công tác quần chúng đã ảnh hưởng khá nhiều đến công cuộc xây dựng các tổ chức trên. Thực tế đã chứng tỏ rằng: ở địa phương nào chú ý đến công tác mặt trận, công tác quần chúng thì cơ sở Đảng, chính quyền, quân đội ở nơi ấy mạnh, nhân dân hăng hái thi đua làm mọi việc. Trái lại nơi nào công tác mặt trận, công tác quần chúng kém thì mọi mặt đều kém.

Chúng ta phải thành thật nhận rằng tất cả những sự sai lầm kể trên đã làm cho kháng chiến, làm cho cách mạng chậm tiến một phần.

Cho nên chúng tôi đề nghị Đại hội thảo luận kỹ về cách chấn chỉnh tổ chức Mặt trận, sửa đổi lối làm việc và cương quyết đả phá tư tưởng sai lầm về công tác mặt trận và gây một quan niệm đúng đắn, thống nhất trong toàn Đảng về vấn đề mặt trận. Được vậy, chúng ta mới đem hết tâm trí vào việc xây dựng khối đại đoàn kết và đưa kháng chiến và kiến quốc đến thắng lợi hoàn toàn.

II- CHẤM CHỈNH TỔ CHỨC VÀ CÁCH LÀM VIỆC
CỦA MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT VIỆT NAM;
XÂY DỰNG MẶT TRẬN VIỆT, MIỀN, LÀO

A. Nhận rõ sự cần yếu của chính sách mặt trận dân tộc thống nhất của Đảng, kiên quyết sửa chữa sai lầm

Chúng ta đương tiến hành cuộc đấu tranh trường kỳ chống quân thù cướp nước và bòn bán nước. Thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ hết sức xảo trá, quỷ quyệt; chúng đương ra sức lôi kéo quần chúng để gây thế lực cho lũ bù nhìn và để thi hành chính sách "dùng người Việt đánh người Việt". Chúng dùng đủ mọi thủ đoạn để chia rẽ lương giáo, chủng tộc, giàu nghèo, và bằng đủ mọi phương sách đưa bom nguyên tử dọa nạt, khủng bố dã man để uy hiếp tinh thần dân chúng, dùng văn chương và phim ảnh lãng mạn gây đời sống vật chất xa xỉ, truy lạc, để làm cho dân chúng mê muội, xa rời cuộc đấu tranh của dân tộc, dùng tiền để mua chuộc trí thức, tư sản, hứa hẹn cải thiện đời sống của công nhân, hứa giúp phương tiện cho nông dân; dùng bọn Việt gian đi đạo để lôi kéo đồng bào tôn giáo, v.v..

Tóm lại, chúng ra sức thi hành chính sách thâm độc cổ truyền là "chia để trị", hòng làm yếu lực lượng kháng chiến của ta, hòng chiếm cứ nước ta.

Để đánh bại mưu mô cướp nước ấy, chúng ta phải tích cực tranh thủ nhân dân, đoàn kết toàn dân chung quanh Đảng, để kháng chiến thắng lợi, củng cố chính quyền, xây dựng dân chủ mới.

Cho nên, tích cực thi hành chính sách mặt trận của Đảng chính là một điểm trọng yếu để thực hiện nhiệm vụ trên.

Kinh nghiệm các cuộc vận động cách mạng trên thế giới đã cho ta rõ: nếu Đảng đưa giai cấp tiên phong ra chống quân thù mà chưa có những bạn đồng minh đông đảo hưởng ứng thì cuộc đấu tranh ấy nhất định thất bại.

Chính vì thế mà vấn đề mặt trận, vấn đề tìm bạn đồng minh cho giai cấp công nhân là một vấn đề chiến lược cách mạng của Đảng. Về vấn đề này, năm 1847, Mác – Ăngghen (trong cuốn *Tuyên ngôn Cộng sản*), sau khi phân tích cuộc vận động cách mạng ở Đức, ở Pháp, ở Thụy Sĩ, v.v. đã kết luận:

"Ở khắp các nước, người cộng sản luôn luôn ủng hộ mọi cuộc vận động cách mạng chống lại trật tự xã hội và chính trị hiện hành. Trong khắp các nước, người cộng sản luôn luôn xây dựng khối đoàn kết, khối liên minh của các phái dân chủ".

Việc tìm bạn đồng minh cho giai cấp công nhân được đặt thành vấn đề chiến lược cách mạng từ hồi đó.

Sau đây, trong điều kiện chiến đấu mới, Lênin đã mở rộng vấn đề đó trước Đại hội lần thứ 3 (4-1904) của Đảng Xã hội Dân chủ Nga:

"Chiến thuật của giai cấp công nhân nhằm mục đích toàn thắng của cách mạng tư sản dân chủ, chiến thuật ấy chỉ có dân cày ủng hộ, vì dân cày không đủ sức đánh bại bọn chủ đất và không thể chiếm lại ruộng đất nên cách mạng không thắng lợi hoàn toàn. Do đó, dân cày là bạn đồng minh tự nhiên của giai cấp công nhân".

Xtalin trong bài *Bàn về Cách mạng Tháng Mười Nga* (11-1923) cũng đã nói nhiều đến vai trò quan trọng của các lớp trung gian trong cách mạng vô sản:

"Chắc chắn rằng vấn đề các lớp trung gian là một trong những vấn đề căn bản của cuộc cách mạng vô sản. Những lớp trung gian đó là quần chúng dân cày và một thiểu số nhân

dân lao động thành thị. Cũng cần thêm vào đó các dân tộc bị áp bức mà đến 9/10 là các lớp trung gian.

Trong một nước như Liên bang cộng hoà Xôviết chúng ta, giai cấp công nhân không thể giữ được chính quyền, nếu không có sự cảm tình, không có sự ủng hộ của các lớp trung gian, trước hết là nông dân. Giai cấp công nhân không thể nghĩ đến việc giành lấy chính quyền, nếu những lớp ấy, ít nhất chưa đứng trung lập, nếu những lớp ấy chưa có đủ thì giờ để xa lìa giai cấp tư bản, hoặc nếu những lớp ấy trong toàn khối vẫn cấu thành một đội quân của tư bản.

Do đó, có cuộc đấu tranh giành lấy những lớp trung gian, giành lấy nông dân. Cuộc đấu tranh ấy tựa như một vạch đỏ nổi bật lên từ những cuộc cách mạng 1905 đến 1917. Cuộc đấu tranh ấy ngày nay không những chưa chấm dứt mà nó còn phải tiếp tục hơn nữa trong tương lai, v.v."

Với sự chỉ đạo chiến lược hết sức sáng suốt của Lênin, Xtalin và sự kiên quyết thực hiện của toàn Đảng Bôn-sơ-vích nên đã vận dụng được mọi lực lượng tiến bộ làm cho cách mạng vô sản thắng lợi trên 1/6 thế giới và đã mấy phen đánh tan được thù trong giặc ngoài và xây dựng Liên Xô thành một thành trì kiên cố của cách mạng thế giới.

Để đẩy mạnh phong trào các dân tộc bị áp bức, Xtalin còn có chỉ thị cụ thể hơn nữa cho các Đảng Cộng sản ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa. Tại Đại hội Quốc tế lần thứ VI (1928), Xtalin sau khi phân tích tính chất cuộc cách mạng Trung Quốc đã nêu vấn đề liên minh với giai cấp tư sản rất rõ ràng:

"Trong những xứ thuộc địa, những việc liên minh và nhân nhượng tạm thời với giai cấp tư sản trong một giai đoạn cách mạng nào đó không những là có thể được mà còn là sự cần thiết tuyệt đối".

Đúng vậy, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thi hành triệt để chỉ thị đó. Năm 1939, nhằm mục đích phát triển cuộc chiến tranh chống Nhật, Mao Chủ tịch đã đề ra khẩu hiệu: Trường kỳ chiến đấu, trường kỳ hợp tác để toàn Đảng xúc tiến việc thành lập Mặt trận với giai cấp tư sản dân tộc, với Quốc dân Đảng để thống nhất lực lượng chống Nhật. Nhờ đó mà nhân dân Trung Hoa đã kháng Nhật thắng lợi trong năm 1945 và đánh bại phản động và quân phiệt Tưởng, dựng lên nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

Với hoàn cảnh nước ta, Đảng đã áp dụng những huấn thị, những lý luận về mặt trận dân tộc thống nhất ấy như thế nào? Trong phần kiểm thảo ở trên, chúng ta đã thấy rõ Đảng ta dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch đã thi hành chính sách ấy một cách đúng mức, sát với tình hình Việt Nam.

Có thể nói tóm tắt rằng, trong mỗi giai đoạn thực hiện chính sách Đảng, chúng ta thấy Mặt trận dân tộc thống nhất luôn luôn được mở rộng trên cơ sở công nông.

Nhờ đó, mà Đảng đã huy động được toàn dân làm Cách mạng Tháng Tám và phát triển cuộc đấu tranh võ trang của nhân dân lên cao như ngày nay.

Xem như vậy, chính sách đại đoàn kết của Đảng do Hồ Chủ tịch đề xướng đã có một thành tích vĩ đại. Việc phát triển và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam từ đây về sau vẫn rất cần. Nó là cơ sở cho khối liên minh Việt - Miên - Lào để đoàn kết các dân tộc Đông Dương đánh bại thực dân Pháp và chống bọn can thiệp Mỹ. Khối liên minh ấy sẽ kích động các dân tộc Đông Nam Á đứng lên đòi giải phóng và tham gia vào cuộc đấu tranh cho hoà bình và dân chủ thế giới.

Đó là những lý luận rõ ràng của chính sách mặt trận dân

tộc thống nhất và những kết quả lớn lao của những lý luận ấy trong quá trình vận động cách mạng ở ta cũng như ở các nước ngoài.

Ta phải thấm nhuần chính sách đó cho thật sâu sắc, kiên quyết sửa chữa sai lầm để thực sự xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất thật rộng rãi, có hoạt động thực tế đúng với nhiệm vụ của nó. Đồng thời phải có một thái độ đúng trong việc đoàn kết với các lớp nhân dân.

Vậy Đại hội hãy bàn về thái độ của giai cấp công nhân đối với các tầng lớp nhân dân:

1. Với các lớp nông dân (kể cả phú nông)

Như *Luận cương* đã nói, chính sách căn bản của Đảng ở nông thôn trong giai đoạn này là: dựa vào cố, bản nông, liên minh với trung nông, hợp tác với phú nông, đồng thời kéo từng lớp địa chủ yếu nước về kháng chiến.

Do chính sách đúng ấy, chủ trương hiện tại của Đảng là chưa giải quyết vấn đề ruộng đất để đoàn kết các tầng lớp địa chủ tiến bộ, song phải tích cực thực hiện giảm tô, giảm tức để hạn chế sự bóc lột có tính chất phong kiến ở nông thôn, đồng thời để cải thiện đời sống của dân cày nghèo. Đó cũng là một bước đầu tranh giải quyết vấn đề ruộng đất. Đồng thời việc tạm cấp ruộng đất của Pháp và của bọn phản quốc cũng đã đem lại một phần ruộng đất cho nông dân cày cấy. Cho nên lúc này Đảng chủ trương như vậy là vẫn chú ý tích cực cải thiện đời sống cho dân cày, nhất là bản cố nông mà vẫn kéo được địa chủ ủng hộ kháng chiến.

Đối với trung nông: qua các giai đoạn vận động, trung nông cũng như các tầng lớp tiểu tư sản ở thành thị, đã tỏ ra có tinh thần cách mạng và hăng hái kháng chiến. Hiện nay

họ đang đóng một vai trò quan trọng ở nông thôn trong các việc sản xuất, cải cách ruộng đất, cũng như trong việc xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền và Mặt trận. Cho nên, ta cần cải thiện đời sống của họ, giúp đỡ họ phương tiện để phát triển sản xuất. Ta cần phòng ngừa và dàn xếp những xung đột giữa trung và bản, cố nông, làm cho trung, bản, cố nông càng ngày càng đoàn kết chặt chẽ.

Đối với phú nông: hiện nay, tầng lớp phú nông cũng như giai cấp tư sản dân tộc nói chung có thái độ chống đế quốc. Họ lại là một lực lượng khá lớn trong kinh tế nông thôn. Cho nên, lúc này và cả về sau này ta phải hợp tác chặt chẽ với họ để kháng chiến và mở mang nông nghiệp. Ta phải dùng phương pháp vận động và thuyết phục, giáo dục và cải tạo họ bằng đủ mọi cách để họ tiến bộ (nghiên cứu Chỉ thị của Trung ương về sửa chữa những sai lầm và khuyết điểm trong việc thi hành chính sách Đảng ở nông thôn).

2. Với các lớp tiểu tư sản thành thị và tư sản dân tộc

Nhìn qua cuộc vận động chống Pháp, các lớp tiểu tư sản thành thị Việt Nam đã tỏ ra có tinh thần cách mạng và hăng hái kháng chiến. Ta cần đoàn kết chặt chẽ, giáo dục họ thành những lực lượng cách mạng trung thành để họ đem hết khả năng về kinh tế và văn hoá vào phục vụ xây dựng quốc gia.

Còn đối với lớp tư sản dân tộc thì phải liên minh với họ, có thái độ nâng đỡ, khuyến khích họ, coi họ là bạn đồng minh tốt; trong thời kỳ kháng chiến cũng như sau kháng chiến cần động viên khả năng của họ, giúp đỡ họ phát triển kỹ nghệ, góp sức vào công cuộc kỹ nghệ hoá Việt Nam.

Những giai cấp tư sản dân tộc và các lớp trí thức ở ta, sinh trưởng trong một nước kinh tế lạc hậu và bị đế quốc

thống trị, nên địa vị kinh tế của họ kém, ý thức chính trị của họ non, họ hoạt động một cách rời rạc, lẻ tẻ nên thực sự họ chưa đem toàn tài, toàn lực của họ vào kháng chiến.

Cho nên, ta ủng hộ Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội Việt Nam và giúp đỡ hai Đảng ấy hoạt động để mở rộng ảnh hưởng và tổ chức Mặt trận trong các lớp tư sản và trí thức.

Nhưng ở nhiều địa phương, đồng chí ta không hiểu chủ trương của Đảng, nên có nơi không những không giúp đỡ hai Đảng đó mà còn có thái độ sai lầm đối với các anh em Dân chủ và Xã hội.

Chống lại những sai lầm của một số cán bộ ở Bảo¹⁾, về vấn đề này, đồng chí Dimitorốp trước Đại hội Đảng 2-1949 đã nói rất rõ: "Tuởng rằng cơ hội tốt đã đến để chúng ta thủ tiêu các chính đảng trong Mặt trận Tổ quốc, tuởng rằng vai trò của họ đã hết, thì đó là một sai lầm lớn. Việc có mặt các đảng trong Mặt trận là đúng, ngay ở bên một tổ chức chính trị và xã hội duy nhất của nhân dân. Các đảng ấy cần hoạt động mạnh mẽ hơn để kéo vào Mặt trận Tổ quốc những phần tử trong các giai tầng mà các đảng ấy đã có ảnh hưởng, đã có liên lạc và như thế là họ tham gia vào việc củng cố Mặt trận Tổ quốc và tham gia vào sự thực hiện hoàn toàn sự liên minh chính trị và tinh thần của nhân dân ta. Đó là cái bảo đảm chính cho những thắng lợi sau này của chúng ta".

Theo đó, điều kiện thực tế trong nước cũng như kinh nghiệm ngoài nước đã tỏ rằng chủ trương của ta đối với các tầng lớp tiểu tư sản và tư sản cũng như đối với Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội rất đúng. Các đồng chí ta cần nghiên cứu

1) Bảo: Bungari (B.T).

kỹ những điều trên đây để tích cực sửa chữa những sai lầm đáng tiếc.

3. Với dân tộc thiểu số

Để phá tan âm mưu chia rẽ dân tộc của địch, ta cần phải thật sự phát triển rộng rãi khối đoàn kết với các dân tộc thiểu số kể cả Hoa kiều. Ta cần sửa chữa bệnh hữu khuynh nặng về đối phó lôi kéo thổ ty, lang, phìa, nhẹ về gây cơ sở và tranh thủ quần chúng. Cũng cần bài trừ bệnh tả khuynh đối với nhân dân miền núi như vụ đổ máu ở Sơn Hà (Quảng Ngãi) là một việc đáng tiếc. Thật là một tổn hại lớn cho chính sách mặt trận của Đảng, chính sách đối với các dân tộc thiểu số. Chúng ta cần lấy đó làm kinh nghiệm để học tập chu đáo chính sách Đảng và định kế hoạch thi hành cho sát với trình độ chính trị và tổ chức của nhân dân từng vùng một.

Ta cũng cần nhận rằng: các dân tộc thiểu số ở dọc dãy Trường Sơn Nam Bộ cũng như ở Việt Bắc đều đã từng có một truyền thống phản đế anh dũng. Hơn nữa những khu vực dân tộc thiểu số lại hầu hết là những vùng quan trọng về quân sự cũng như kinh tế.

Nếu chính sách mặt trận của ta thực hành được chu đáo trong những nơi đó thì ta sẽ phát huy được truyền thống cách mạng của các dân tộc thiểu số, mà đồng thời sẽ biến những vùng này thành các căn cứ địa thật vững chắc của cuộc kháng chiến. Trái lại nếu làm không chu đáo để thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ lợi dụng được, thì sẽ là một khó khăn rất lớn cho ta.

Trong việc thực hiện đoàn kết, ta cần chú trọng gây cơ sở quần chúng đi đôi với việc thuyết phục thổ ty. Chú trọng nhiều đến nâng cao mức sống, giáo dục và tổ chức quần

chúng. Những việc cải cách đóng góp cần vừa phải với sự giác ngộ của dân, với khả năng của dân không được làm ép. Những Ủy ban tỉnh, huyện ở những nơi có các dân tộc thiểu số, cần có người của các dân tộc cử vào để làm việc, nó mới mau tiến về chính trị và thực sự tham gia xây dựng chính quyền nhân dân, điều hoà mối quan hệ giữa các chủng tộc. Trong khi tiếp xúc với đồng bào thiểu số, chúng ta cần thân mật và có thái độ thành khẩn đoàn kết giúp họ tiến bộ. Ta lại phải tôn trọng tín ngưỡng, tập quán của họ, nên giúp đỡ họ cải tiến việc làm ăn, giúp phát triển văn hoá, giáo dục, theo tiếng nói riêng của từng dân tộc, theo đúng tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc.

4. Đối với đồng bào tôn giáo

Nhân dân theo các giới tôn giáo cũng chiếm con số khá đông, có hơn 3 triệu người, thường là quần chúng công nông, phần đông vẫn có tinh thần ái quốc.

Đã có nhiều nơi đồng bào tích cực tham gia kháng chiến như Cao đài cứu quốc Nam Bộ, các giới Phật giáo, Công giáo tham gia kháng chiến ở Trung Bộ, Bắc Bộ, Nam Bộ.

Song ta còn thiếu kế hoạch cụ thể và cán bộ chưa thật đi sát đồng bào để vận động và tổ chức họ. Thực dân Pháp và can thiệp Mỹ thừa chỗ sơ hở đã lợi dụng bọn phản động tay sai, lợi dụng tín ngưỡng lừa dối nhân dân, nên một số đồng bào Hoà hảo, Công giáo (Quảng Bình, Thừa Thiên và ở Liên khu III) đã theo giặc chống lại kháng chiến.

Các địa phương ấy đã sửa chữa những khuyết điểm, song chúng ta vẫn chưa có chính sách chung để tích cực vận động tôn giáo.

Chúng ta không nên coi công tác này chỉ có tính chất

thuần túy tôn giáo, mà phải đặt vào công tác vận động các tầng lớp nhân dân nói chung, trong đó nên chú ý lớp lao động thôn quê và thành thị để họ tham gia vào công cuộc kháng chiến.

Ta cần chú ý đến quyền lợi hàng ngày của đồng bào, giúp đỡ nhìn rõ thấy bọn bóc lột và áp bức họ, để đồng bào hiểu rằng bọn đó là tiêu biểu cho bọn phong kiến, đại địa chủ đội lốt tôn giáo, vì từ trước tới nay vẫn là tay sai của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, đến nay chúng lại càng lợi dụng lòng tin đạo của đồng bào mà xuyên tạc, chia rẽ, áp bức, duy trì địa vị bóc lột của chúng; giúp họ cách tổ chức và đấu tranh để giảm dần những nạn bóc lột ấy, và cần làm cho họ thấy Chính phủ và nhân dân vẫn tôn trọng tín ngưỡng đồng thời vạch cho họ rõ những âm mưu thâm độc của Pháp - Mỹ.

Áp dụng được phương châm vận động ấy thì chúng ta sẽ đánh bại chính sách lợi dụng tôn giáo của địch và làm cho lực lượng tôn giáo thành một bộ phận mạnh mẽ trong khối đoàn kết dân tộc.

Tóm lại, xét qua các thành phần xã hội Việt Nam, chúng ta thấy rằng trừ một số rất ít địa chủ phong kiến và tư sản mại bản đi theo giặc, còn hầu hết các giai tầng đều tham gia cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Đó là một đặc điểm của tình hình xã hội Việt Nam. Cho nên, nếu chúng ta thấm nhuần tư tưởng chiến lược cách mạng của Mác - Lênin, Xtalin, nếu chúng ta tích cực học tập những kinh nghiệm quý báu của Trung Quốc, nếu chúng ta cương quyết sửa chữa sai lầm và kiên nhẫn thực hiện chính sách mặt trận của Đảng, khối đoàn kết dân tộc nhất định phát triển được hơn nữa vào các lớp tôn giáo, vào nhân dân

vùng địch và miền núi, vào các lớp tư sản và địa chủ tiến bộ, trên cơ sở vững chắc của công nông và lao động trí óc.

B. Chấn chỉnh tổ chức và công tác của Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam

Như chúng tôi báo cáo, các đồng chí đã thấy rõ tác dụng của Mặt trận trong việc thi hành chính sách Đảng từ trước tới nay, cũng như từ nay về sau.

Theo bản *Luận cương* của đồng chí Tổng Bí thư thì nhiệm vụ chủ yếu của chính sách mặt trận lúc này là: củng cố và phát triển khối đại đoàn kết và động viên toàn dân đánh đuổi đế quốc xâm lược, hoàn toàn giải phóng dân tộc.

Đứng trước nhiệm vụ lớn lao ấy, tổ chức và công tác mặt trận cần được chấn chỉnh như thế nào cho thích hợp với hoàn cảnh hiện nay.

Trước khi vào đề, chúng tôi xin trình với các đại biểu một vài nhận xét:

Mặt trận thống nhất dân tộc Việt Nam trưởng thành trong phong trào chống thực dân Pháp đã tiêu biểu được truyền thống cách mạng của cả dân tộc. Mặt trận là tổ chức để Đảng thực hiện sự động viên toàn dân rất có hiệu quả.

Từ lúc Đảng thành lập cũng như trong quá trình phát triển, lúc hoạt động bí mật, cũng như lúc ảnh hưởng còn hẹp, thì Mặt trận là tổ chức để giai cấp công nhân thực hiện sự liên minh rộng rãi nhất với các tầng lớp nhân dân và cũng do đó Mặt trận là nơi Đảng lãnh đạo cuộc chiến đấu của toàn dân thuận tiện nhất.

Trong những điều kiện ấy, Mặt trận không những là tổ chức có hệ thống chặt chẽ mà còn có sự liên hệ công tác rất mật thiết giữa các cấp Mặt trận với các đoàn thể nhân dân.

Nhưng hoàn cảnh đã thay đổi. Hiện nay nhân dân đã tiến bộ, Đảng đã lớn mạnh, ảnh hưởng Đảng đã rộng lớn, sự lãnh đạo của Đảng đã lan khắp trong các ngành hoạt động, đồng thời chính quyền nhân dân đã củng cố, các tổ chức quần chúng đã trưởng thành tự động công tác được.

Đứng trước những điều kiện đó, về tổ chức và cách làm việc của Mặt trận cần được đổi mới để các giới và các tổ chức trong Mặt trận dễ dàng hoạt động.

1. *Tổ chức của Mặt trận*: Căn cứ vào những nhận xét trên, thì hiện nay Mặt trận là hình thức liên minh giai cấp để gây được sự hành động rộng rãi và thống nhất trong toàn dân, song phải giữ vững nguyên tắc dân chủ tập trung để củng cố khối đại đoàn kết, củng cố tinh thần chiến đấu của nhân dân.

Cho nên, về tổ chức, cần chú trọng mấy điểm này:

a) Muốn cho Mặt trận thực sự tiêu biểu cho sự liên minh của các tầng lớp nhân dân thì các cấp chỉ huy của Mặt trận phải có đủ thành phần đại biểu của các tầng lớp đó và phải do sự công cử theo thể lệ của Mặt trận (Điều lệ đã nói rõ).

Ngoài những công việc riêng của giới mình ra, các đoàn thể và cấp dưới phải thi hành nghị quyết của Mặt trận, báo cáo thường lệ lên cấp trên trong phạm vi thi hành chương trình của Mặt trận, phải theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số, nhưng cần tránh lối cưỡng bách như đôi nơi đã làm (phải nặng về mặt điều dắt, thuyết phục).

b) Mặt trận phải có một cương lĩnh cụ thể. Cương lĩnh ấy tức là chương trình tối thiểu của Đảng. Nó phải được Đại hội Mặt trận thảo luận và thông qua. Có vậy, các tổ chức nhân dân, các chính đảng trong Mặt trận cũng như toàn thể nhân dân mới nhận Cương lĩnh ấy là ý nguyện của họ và thiết tha

thực hiện. Chính quyền nhân dân căn cứ vào Cương lĩnh ấy đặt ra kế hoạch thực hiện, Mặt trận và các đoàn thể thì động viên nhân dân thi hành các kế hoạch của chính quyền đề ra. Có vậy, Mặt trận mới có công tác rõ ràng, mới có quan hệ đến đời sống của dân, có uy tín trong nhân dân.

c) Điều lệ và kỷ luật của Mặt trận: để đánh tan tư tưởng cho Mặt trận là một tổ chức tượng trưng, cho người hội viên cũng chẳng khác gì người ngoài Mặt trận, chúng ta cần làm cho Mặt trận có một điều lệ và có kỷ luật rõ ràng. Khi đại hội Mặt trận đã công nhận thì điều lệ và kỷ luật ấy phải được áp dụng đúng mực để nâng cao ý thức và trình độ giác ngộ của các hội viên. Đó là cách cần thiết làm cho Mặt trận có uy tín trong nhân dân và làm cho người hội viên có khả năng dìu dắt các người ngoài Mặt trận. Đó cũng là cách ta rèn luyện các hội viên có năng lực và tinh thần làm gương mẫu cho nhân dân trong việc thi hành chủ trương của Đảng và Chính phủ.

d) Hướng phát triển tổ chức Mặt trận: để Mặt trận có đủ điều kiện làm tròn nhiệm vụ mà Đại hội đã vạch ra, đồng thời để làm thất bại chính sách chia rẽ dân tộc, lừa gạt quần chúng của thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ, Mặt trận phải được củng cố và phát triển theo hai hướng sau đây:

Một là, phải vận động các tầng lớp tư sản, trí thức, thân sĩ (địa chủ), các lớp tôn giáo, nhân dân các vùng dân tộc thiểu số, nhất là các vùng địch tạm chiếm, vùng mới giải phóng tham gia đông đảo vào Mặt trận.

Hai là, phải xây dựng vững chắc các tổ chức chính của Mặt trận như: Công đoàn, Nông dân Cứu quốc, các tổ chức Phụ nữ, Thanh niên trong đó tổ chức Công đoàn và Nông dân phải thực sự là lực lượng cơ sở của Mặt trận.

Chúng tôi yêu cầu các đại biểu tham gia ý kiến để tổ chức và công tác của Mặt trận được thực sự chấn chỉnh trong dịp Đại hội thống nhất Việt Minh và Liên Việt sắp tới.

2. *Sửa đổi cách làm việc của Mặt trận*: Trước khi ấn định cách làm việc của Mặt trận, chúng ta cần đặt Mặt trận trong tình hình chung của các tổ chức: Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân, nhận rõ mối liên quan giữa các tổ chức ấy với Mặt trận thì mới giải quyết dứt khoát được cách làm việc của Mặt trận và do đó mới đánh tan được mọi băn khoăn của một số cán bộ.

Chúng ta thấy từ tháng 8-1945 trở về trước, Đảng lãnh đạo mọi việc của Mặt trận nên tổ chức và cách làm việc của Mặt trận có thể chặt chẽ. Hơn nữa, bấy giờ các tổ chức Công, Nông, Thanh, Phụ còn nhỏ hẹp, nên người phụ trách công tác Mặt trận đồng thời phụ trách các ngành dân vận, bởi thế mà cán bộ đã nhầm lẫn là Mặt trận trực tiếp chỉ huy các đoàn thể.

Nhưng đến nay đã có ba yếu tố mới ảnh hưởng trực tiếp đến vai trò của Mặt trận và công tác của nó.

Trước hết là việc thành lập chính quyền nhân dân, chính quyền ấy đến nay đã trưởng thành, có quân đội, có các ngành chuyên môn và trực tiếp với nhân dân giải quyết mọi việc, nên có chỗ cán bộ tưởng Mặt trận như không còn tác dụng nữa.

Cùng lúc ấy các đoàn thể nhân dân đã lớn mạnh, ngành nào cũng đã có hệ thống đến khu, đến toàn quốc, nên phần nào đã có tính chất độc lập của nó, để giải quyết mọi công tác cần thiết của nội bộ. Do đó, mối liên quan giữa các đoàn thể ấy với Mặt trận cũng bị lỏng lẻo.

Sau nữa, là việc Đảng ra hoạt động công khai. Đảng ra công khai trực tiếp nhận trách nhiệm trước quần chúng thì

lại thêm một lý do nữa cho người ta tưởng vai trò của Mặt trận không còn thiết thực.

Vậy đứng trước tình hình ấy, ta xem xét Mặt trận dân tộc thống nhất còn có tác dụng gì không?

Trả lời thông câu hỏi đó là đồng thời giải quyết mối liên quan công tác của Mặt trận đối với các tổ chức trên và ấn định cách làm việc của nó.

Vậy mối liên quan ấy như thế nào?

a) *Mặt trận đối với Đảng*: Đứng về chính trị mà nói, thì Đảng lãnh đạo Mặt trận và tất cả các tổ chức khác trong nước. Song đứng về mặt tổ chức thì Đảng cũng là một bộ phận trong Mặt trận. Cho nên, sau khi mọi chủ trương của Đảng đưa ra, được toàn thể Mặt trận tán thành, nhất là chủ trương chung của Mặt trận, của nhân dân thì Đảng cũng như mọi tổ chức khác trong Mặt trận, phải thi hành công tác ấy. Do đó, việc Đảng sinh hoạt công khai và đứng trong Mặt trận, không những không làm cho Mặt trận lu mờ, mà còn đề cao vai trò chính trị của Mặt trận, làm cho khối đoàn kết dân tộc lớn mạnh thêm, bền vững thêm.

Cách làm việc ấy không làm mất uy tín của Đảng mà đã làm cho vai trò lãnh đạo của Đảng được đề cao và giúp cho giai cấp tiên phong được luôn luôn đi sát với các lớp quần chúng rộng rãi trong cuộc đấu tranh vũ trang này.

b) *Mặt trận dân tộc với chính quyền nhân dân*: Mặt trận và chính quyền đều là những tổ chức thực hiện chính sách Đảng, do Đảng trực tiếp lãnh đạo. Những chính sách của Đảng đưa ra trong nhân dân đều thường biến thành chính sách của Mặt trận và thi hành theo hai phương pháp: phương pháp đấu tranh từ trên xuống, phương pháp hành chính và phương pháp đấu tranh từ quần chúng ra, từ dưới

lên, do Mặt trận và các đoàn thể vận động, giáo dục nhân dân. Phương thức lãnh đạo đúng của Đảng là phải luôn luôn kết hợp cả hai phương pháp đó.

Cho nên với công tác đảng đoàn, chúng ta sẽ làm cho tổ chức của chính quyền và Mặt trận thành hai hệ thống dây chuyền để chính sách Đảng được phổ biến và thực hiện mau chóng.

c) *Mặt trận với các tổ chức hội viên*: Từ trước đến nay ta thấy mọi giới thường tự động thi hành những vấn đề riêng biệt của giới mình, ít khi đưa ra Mặt trận để dùng hình thức rộng rãi mà động viên toàn dân cùng thực hiện. Do cách làm việc riêng biệt đó, việc thi hành chính sách của Đảng cũng ít kết quả.

Ta cần nhận rõ Mặt trận là hình thức liên hiệp và thống nhất hành động giữa các giới để cùng nhau mau làm tròn nhiệm vụ chung và nhiệm vụ riêng của mỗi giới.

Cho nên, từ nay, các tổ chức trong Mặt trận ngoài việc giáo dục hội viên, việc phát triển các tổ chức của mình cần:

- Nhận ngay công tác của Mặt trận và chính quyền đã đề ra làm thành chương trình công tác của mình. Làm rồi phải báo cáo.

- Phần nữa, phải đem những công tác riêng của giới mình, tổ chức mình ra bàn ở hội nghị thường lệ của Mặt trận để các giới có liên quan cùng hợp tác thực hiện.

Làm như vậy, không những các đoàn thể hoạt động được mạnh hơn mà còn làm cho Mặt trận có liên quan mật thiết đến đời sống của nhân dân.

Để tránh những khuyết điểm đã vấp phải từ năm 1946 tới nay, chúng ta cần nhận rõ những mối liên quan vừa phân

tích trên để tích cực sửa chữa lỗi làm việc thì chính sách đại đoàn kết của Đảng mới có thể thực hiện được.

C. Xây dựng Mặt trận thống nhất Việt - Miên - Lào

Nhận rõ sự liên quan mật thiết giữa ba quốc gia Việt - Miên - Lào về mọi mặt: kinh tế, chính trị, quân sự, nên từ ngày thành lập, Đảng vẫn chú ý vận động nhân dân Miên, Lào, nhất là ở các hầm mỏ và các đồn điền lớn ở Miên, Lào.

Trong Hội nghị Trung ương lần thứ tám (5-1941), để đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống phát xít Nhật, Pháp, Đảng đã chủ trương lập khối liên minh rộng rãi của ba dân tộc Việt - Miên - Lào. Nên sau khi đã chủ trương lập Việt Nam độc lập đồng minh (VM), Hội nghị đã quyết định vận động nhân dân Lào, Miên thành lập Ai Lao độc lập đồng minh, Cao Miên độc lập đồng minh để tiến tới thành lập Mặt trận thống nhất của các dân tộc Đông Dương: Đông Dương độc lập đồng minh.

Do sự chuyển hướng công tác đó, nên tháng 8-1945, nhân dân ở Miên, Lào đã kịp thời cùng ta lật đổ chính quyền phát xít Nhật và đã gây được cơ sở chính quyền nhân dân Miên, Lào.

Từ lúc kháng chiến bùng nổ, Đảng đã tích cực giúp đỡ cách mạng giải phóng Miên, Lào. Cho nên các nhóm quốc gia tiến bộ Miên, Lào gồm cả những vị Hoàng thân ái quốc đã phát triển và đẩy cuộc đấu tranh vũ trang ở khắp Miên, Lào cùng liên kết cuộc kháng chiến ở Việt Nam.

Sau Hội nghị cán bộ lần thứ năm (8-1948), các đồng chí có liên quan đến công tác ở Miên, Lào đã nhận kế hoạch của Trung ương để giúp đỡ cho việc thành lập Mặt trận thống nhất ở hai quốc gia ấy. Tiếp theo đó, các Ban cán sự Miên, Lào đã tích cực hoạt động, nên tháng 4-1950, ở Miên đã có

những cuộc hội nghị rộng rãi toàn Miên, có đại biểu các giới; các tổ chức ái quốc, các đại biểu của sư sãi về họp và bầu ra Ban Chấp hành Hội Khmer Issarak Miên và tháng 6-1950, Mặt trận Issara Lào cũng đã thành lập.

Với danh nghĩa của Mặt trận dân tộc Việt Nam, tháng 11-1950, Đảng đã chủ trương mở hội nghị giữa các đại biểu của ba Mặt trận thống nhất Việt - Miên - Lào để chuẩn bị cho cuộc hội nghị chính thức thành lập khối liên minh kháng chiến của ba dân tộc Việt - Miên - Lào.

Các đại biểu, sau khi đã đồng ý về đường lối chung của cuộc cách mạng Việt - Miên - Lào đã bầu ra Ban truù bị để sửa soạn cuộc hội nghị chính thức sắp tới.

Khối liên minh kháng chiến của các dân tộc Đông Dương có một tác dụng rất lớn, nhằm mục đích:

1- Thống nhất lực lượng nhân dân và hành động giữa ba dân tộc để đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến toàn thắng.

2- Đánh tan luận điệu phản tuyên truyền và âm mưu chia rẽ ba dân tộc Việt, Miên, Lào và các dân tộc Đông Nam Á của đế quốc và bọn bù nhìn tay sai.

...

Mặt trận dân tộc Việt Nam sẽ đóng một vai trò quyết định trong khối liên minh ấy. Nên chúng ta đương tích cực sửa soạn thống nhất Việt Minh và Liên Việt, chấn chỉnh tổ chức Mặt trận và sửa đổi lối làm việc để Mặt trận Liên Việt sẽ xứng đáng là lực lượng trụ cột cho khối đoàn kết các dân tộc Đông Dương.

Chỉ có khối liên minh ấy mới làm cho giặc Pháp và bọn can thiệp Mỹ thất bại, đồng thời nó kích động các dân tộc Đông Nam Á đấu tranh chống đế quốc chủ nghĩa, góp sức vào công cuộc bảo vệ nền dân chủ và hoà bình thế giới.

III- ĐẢNG LÃNH ĐẠO MẶT TRẬN

A. Đảng lãnh đạo Mặt trận như thế nào?

Chúng ta đã thấy rõ chính sách mặt trận là chính sách liên minh giữa các giai cấp chống kẻ thù chung dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân để thực hiện một mục đích cách mạng trong một giai đoạn nhất định.

Mục đích ấy phải biểu lộ rõ ý nguyện thiết tha của nhân dân và của khối liên minh ấy.

Cho nên, để lãnh đạo được Mặt trận, trước hết Đảng cần đưa ra cho Mặt trận một chương trình chung, tức là chương trình tối thiểu của Đảng, chương trình ấy phải được các bộ phận trong Mặt trận nghiên cứu thảo luận và sau khi suy nghĩ, nhận đó là chương trình của họ và tích cực thực hiện.

Hiện nay, chúng ta thấy một tình trạng này: các đoàn thể cũng như các giới nhân dân đều tán thành chủ trương kháng chiến của ta, song có một vài vấn đề có giới chưa tán thành. Ví dụ như việc giảm tô, giảm tức, khi thi hành việc này thì có đoàn thể trong Mặt trận không tích cực vận động hay có những nhà địa chủ, phú nông không chịu thực hiện và đã xảy ra ở nhiều nơi những vụ phản đối; hoặc giấu ngấm hoặc công khai. Hiện trạng ấy tỏ ra là chương trình kháng chiến của Đảng chưa được phổ biến trong nhân dân, các giai cấp liên minh kháng chiến chưa nhìn nhận chương trình ấy là chương trình chung và cần thiết phải thực hiện.

Nghĩa là chúng ta chưa biến được chương trình kháng chiến kiến quốc của Đảng thành chương trình của Mặt trận.

Cho nên, điều cốt yếu là Đảng phải đưa ra cho Mặt trận dân tộc thống nhất một chương trình cụ thể. Chương trình ấy

sau khi các đoàn thể đã công nhận, thì định kế hoạch vận động nhân dân thực hiện.

Đó là điều cần thứ nhất để Đảng lãnh đạo được Mặt trận.

Điều thứ hai là lãnh đạo bằng cách nào? ta có thể dùng hai phương pháp: một là dùng Đảng đoàn vận động, hai là lấy danh nghĩa Đảng công khai đề nghị với Mặt trận.

Mỗi khi Đảng muốn đưa ra một vấn đề gì vận động nhân dân và vấn đề ấy có liên quan đến khối đoàn kết dân tộc, thì người đại diện của Đảng đưa thẳng ra Ban Chấp hành Mặt trận để đại biểu các đoàn thể khác tham gia ý kiến; còn các đồng chí Đảng đoàn trong khi thảo luận phải vận động các đoàn thể, các thân sĩ thấy rõ lợi ích của vấn đề, biến vấn đề đó thành chủ trương chung của Mặt trận, của toàn dân.

Có vậy, đại biểu các đoàn thể, các giới trong Mặt trận mới nhìn rõ lợi ích chung, nhân nhượng lẫn nhau.

Chính sách kháng chiến của Đảng cần được đưa ra Mặt trận bằng cách đó vì có làm cho các đoàn thể thỏa thuận, nhân nhượng nhau và tự nguyện nhận chính sách đó là chính sách chung của Mặt trận, của dân tộc thì sau đó việc vận động và thi hành mới có kết quả.

Bàn về những nguyên nhân làm cho Cách mạng Tháng Mười thắng lợi Xtalin đã nói: "Một trong những đặc điểm của chiến thuật Bônsovích chính là nó đã không lẫn lộn hai điều này: lãnh đạo Đảng và lãnh đạo quần chúng, nó đã thấy rõ được sự khác biệt giữa sự lãnh đạo của Đảng và sự lãnh đạo của quần chúng, và do đó, chiến thuật ấy không những là khoa học lãnh đạo của Đảng mà còn là khoa học lãnh đạo của quần chúng lao động đông đảo nữa" (trong *Vấn đề chủ nghĩa Lênin* quyển I trang 108).

Điều đó biểu lộ rằng nếu chúng ta chỉ đưa ra một chương trình không thôi mà chưa làm cho các tổ chức, các giai tầng trong Mặt trận tán thành, chưa biến được chương trình ấy thành ý nguyện chung của Mặt trận, của nhân dân thì chính sách Đảng không thể thực hiện được.

Cho nên Xtalin còn nói thêm: "Muốn cho có cuộc thắng lợi của cách mạng, thì phải có một điều kiện cần yếu nữa là phải làm cho quần chúng tự họ với những kinh nghiệm bản thân của họ, tin tưởng ở sự đúng đắn của những khẩu hiệu chính trị".

Theo đó, thì từ nay công tác lãnh đạo Mặt trận của Đảng cần được chấn chỉnh như đề nghị trên đây.

Điều thứ ba là phải củng cố khối liên minh công nông. Kinh nghiệm hơn 20 năm vận động đã chứng tỏ là các tầng lớp công nông đã hăng hái chống Pháp và trung thành với cách mạng và đã thực sự là cơ sở của Mặt trận dân tộc thống nhất.

Cho nên, điều cần thiết để xây dựng Mặt trận vững chắc là phải củng cố các cơ sở ấy.

Trước hết phải làm cho vai trò của Công đoàn và Hội Nông dân được đề cao trong Mặt trận.

Hai tổ chức ấy phải là hai tổ chức đông đảo và mạnh mẽ, hăng hái tham gia ý kiến và xung phong thực hiện chính sách của Mặt trận và chính quyền, thực hiện những công cuộc kháng chiến kiến quốc và tham gia vào việc củng cố chính quyền, xây dựng dân chủ mới.

Để thực hiện được sự liên minh chặt chẽ đó, các cấp bộ Đảng cần làm cho hai tổ chức ấy có sự liên lạc mật thiết với nhau, hỗ trợ nhau trong công việc xây dựng kinh tế và cải tiến nông nghiệp cũng như trong việc cải thiện sinh hoạt cho

quần chúng lao động chân tay và trí óc. Có thắt chặt được sự liên quan đó thì mới làm cho công nhân và nhân dân lao động có ý thức đoàn kết khăng khít với nhau. Và có vậy, công nông mới thực sự là lực lượng cơ sở của Mặt trận dân tộc thống nhất.

B. Những nguyên tắc phải giữ vững

Trên đây là những phương pháp để chúng ta tiến hành thắng lợi chính sách mặt trận, song, trong khi đó, Đảng củng cố những nguyên tắc cần thiết để củng cố và phát triển Đảng.

Đây là mấy nguyên tắc chính mà trước đây Quốc tế Cộng sản đã đề ra cho các Đảng Cộng sản:

1- *Giữ vững sự độc lập về tổ chức của Đảng*: Trong khi liên minh với các đảng phái khác, không bao giờ Đảng hòa vào trong khối liên minh ấy, xóa nhòa cả tổ chức của mình. Làm vậy, không những không tăng cường được khối liên minh mà còn làm cho nó yếu đi. Kinh nghiệm các nước đã cho ta thấy rằng ở đâu Đảng Cộng sản yếu thì ở đó khó gây dựng Mặt trận thống nhất; còn ở nước nào có Đảng Cộng sản mạnh thì thực hiện được sự liên minh giai cấp chống đế quốc thắng lợi.

Ở ta, nhiều địa phương đồng chí ta chưa nắm vững nguyên tắc căn bản này, nên đứng trước tình hình đặc biệt (1945) Đảng rút lui vào bí mật với cách tuyên bố tự giải tán (như đã nói trong bản *Báo cáo chính trị*) thì có nơi hiểu lầm, đã giải tán chi bộ và hành động lung tung, làm cho nhân dân hiểu lầm Việt Minh là cộng sản, giúp thêm cho địch để tuyên truyền xuyên tạc chống ta. Đó cũng biểu thị sự ấu trĩ trong Đảng ta. Những khuyết điểm đó đã kịp thời sửa chữa sau khi có chỉ thị của Trung ương.

Tóm lại, Đảng là động lực của khối đoàn kết dân tộc, của cách mạng, nên Đảng càng mạnh thì khối đoàn kết càng củng cố và phát triển, cuộc cách mạng càng tiến nhanh. Do đó, việc xây dựng Mặt trận dân tộc phải đi đôi với việc xây dựng Đảng, phát triển Đảng.

2- Cần có chương trình rõ ràng và luôn luôn tuyên truyền chủ nghĩa Đảng: Đảng phải có chương trình rõ ràng, chương trình tối đa, chương trình tối thiểu. Tất cả đảng viên phải nghiên cứu kỹ hiểu rõ những chương trình ấy để giữ vững lập trường chính trị của Đảng, áp dụng đúng chính sách Đảng, đảng giữ vững khối đoàn kết và đẩy cuộc cách mạng tiến tới. Có hiểu rõ chính sách Đảng thì chúng ta mới làm cho các đoàn thể bạn hiểu rõ đường lối của Đảng, tin tưởng ở Đảng và chúng ta mới có thể chống lại mọi sự xuyên tạc của quân thù và thuyết phục được các tầng lớp mới để mở rộng khối đoàn kết.

Chúng ta cần tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Mao Trạch Đông để giác ngộ giai cấp công nhân và các lớp nhân dân. Phổ biến chủ nghĩa Mác - Lênin, lúc này là làm cho nhân dân không còn chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi, làm cho ai nấy đều hiểu rõ chủ nghĩa quốc gia chân chính và chủ nghĩa quốc tế chân chính vẫn là một. Những sự tuyên truyền ấy cần làm cho đúng mực để tăng cường khối đoàn kết dân tộc, và làm ai nấy tin tưởng ở sức mạnh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, tin ở sự tan rã của đế quốc chủ nghĩa, tin ở sự thành công của Liên Xô và các nước dân chủ, tin ở thắng lợi của cách mạng vô sản thế giới.

3- Thực hành phê bình và tự phê bình: Như chúng ta đã biết phê bình và tự phê bình là phương pháp duy nhất để

đoàn kết và tiến bộ. Phương pháp ấy không những chỉ đúng trong nội bộ Đảng mà đối với các Đảng bạn trong Mặt trận, chúng ta cần áp dụng đúng mức phương pháp này để thực sự giúp đỡ các đoàn thể và những phần tử tốt trong Mặt trận tiến bộ. Đó cũng là cách đấu tranh trong nội bộ Mặt trận để lần lần đánh tan những tư tưởng sai lầm và tích cực thu phục và giáo dục các lớp còn do dự, làm cho Mặt trận mỗi ngày càng mạnh mẽ, càng mở rộng.

Thi hành phê bình và tự phê bình cũng cốt để sửa chữa sai lầm từ xưa đến nay là đoàn kết một chiều, làm cho một số thân sĩ, trí thức không tiến được và hiểu lầm ta, cho ta là đối phó.

Tự phê bình trước quần chúng là ta làm cho các đoàn thể, thân sĩ trong Mặt trận thấy rõ là vì cách mạng, vì quyền lợi chung mà ta tự giác đề ra những khuyết điểm để cùng nhau sửa chữa. Như thế các bạn dễ hiểu ta, tin cậy ta rồi cho ta thấy rõ những điều hay, điều kém của mình đang sửa chữa giúp đỡ, hay học hỏi lẫn nhau.

Tóm lại, nếu chúng ta áp dụng đúng mức những nguyên tắc trên đây trong công tác mặt trận, thì chúng ta mới làm cho Đảng xứng đáng là lực lượng tổ chức và lãnh đạo của Mặt trận, là linh hồn của khối đại đoàn kết.

Việc giữ vững những nguyên tắc trên đây phải đi đôi với một thái độ đúng đắn trong công tác.

Ta phải gần gũi các bạn đồng minh, có thái độ hòa nhã, khiêm tốn, cùng bàn bạc, giúp đỡ các bạn đó trong công việc, thành khẩn dịu dặt, thành thật phê bình, dùng tình cảm, lý trí và quyền lợi thiết thực để thu phục các bạn, để họ tiến bộ. Ta phải tìm hiểu thắc mắc của họ, tôn trọng ý kiến của họ, học những cái hay của họ để bổ khuyết cho chính sách Đảng.

Nếu một lần giải thích, thảo luận mà các bạn đó chưa nhận rõ chủ trương của ta thì phải nhẫn nại đưa ra những kinh nghiệm thực tế, có khi phải đợi kinh nghiệm bản thân của họ để họ tự giác ngộ.

Có vậy mới làm cho họ nhận thấy những chủ trương của ta là ý nguyện của họ và tích cực thực hiện.

Thư các đồng chí!

Đến đây, các anh chị em đã thấy rõ các bước đường thực hiện chính sách mặt trận của Đảng. Nó cũng là lịch trình phát triển rất tuần tự của khối đoàn kết dân tộc.

Chúng tôi cũng đã nêu rõ thành tích đáng kể với những ưu điểm và khuyết điểm của việc thi hành công tác ấy.

Chúng tôi đã yêu cầu Đại hội tham gia ý kiến vào việc sửa chữa tư tưởng, chấn chỉnh tổ chức và công tác của Mặt trận để căn cứ vào đó, các đồng chí phụ trách sẽ đưa ra trước Đại hội thống nhất Việt Minh và Liên Việt sắp tới một kế hoạch đầy đủ để Đảng thực sự củng cố khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam và thành lập khối liên minh Việt - Miên - Lào.

Chúng tôi tin rằng, với những kinh nghiệm đã thu góp được về vấn đề này, các đại biểu sẽ giúp cho Đại hội thảo luận sôi nổi và đem lại kết quả tốt đẹp.

Với truyền thống đoàn kết sẵn có của dân ta, với chính sách mặt trận rất đúng của Đảng và uy tín rộng lớn của Hồ Chủ tịch, với sự cố gắng sửa chữa khuyết điểm để đẩy mạnh công tác mặt trận của toàn Đảng, chúng tôi tin rằng khối đoàn kết dân tộc có một triển vọng khả quan. Khối đoàn kết ấy không những cần thiết cho kháng chiến thắng lợi mà còn cần thiết cho kiến thiết dân chủ mới thành công.

Các tầng lớp nhân dân gồm cả giai cấp tư sản dân tộc và các thân sĩ tiến bộ, từ trước đến nay đã hợp tác chính trị với

giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng, thì rồi đây càng tin tưởng ở sự hợp tác kinh tế với các lớp công nông.

Cho nên, nếu chúng ta vận động và thực hiện đúng mục chính sách Đảng thì sau kháng chiến khối đoàn kết dân tộc sẽ càng mở rộng thêm mãi để cho giai cấp công nhân có đông bạn hữu kiến thiết mau chóng dân chủ mới để tiến lên xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch, của Đảng.

Thư các đồng chí!

Nhìn ra nước ngoài, vấn đề mặt trận cũng là vấn đề thời sự quan trọng. Mỗi khi bàn đến việc chuẩn bị để đối phó với bọn gây chiến tranh mới, thì ở nước thuộc địa, nước tư bản, cũng như các nước dân chủ nhân dân, công tác mặt trận đều được đặt thành vấn đề cấp thiết.

Thật thế, tại cuộc họp mặt cán bộ công đoàn Á, Úc, đồng chí Lưu Thiếu Kỳ trình bày kinh nghiệm của cách mạng Trung Hoa đã kết luận Mặt trận dân tộc thống nhất là một trong ba pháp bảo cần yếu để cách mạng Trung Hoa toàn thắng quân phiệt chủ nghĩa và đế quốc chủ nghĩa.

Kết luận ấy đã giúp ích rất nhiều cho cuộc vận động cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa.

Kết luận ấy cũng rất đúng cho cuộc vận động cách mạng ở nước ta, đặc biệt là từ 1940-1941 tới nay, suốt 10 năm trường đấu tranh quyết liệt chống phát xít thuộc địa, dân tộc ta thắng vì đã có một Đảng mạnh, có một Mặt trận rộng rãi và đã có cuộc đấu tranh võ trang kiên quyết dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch.

Ở những nước dân chủ Đông Âu, trình độ kinh tế, chính trị, xã hội đã phát triển cao hơn các nước Á châu, chính sách mặt trận vẫn đặt thành vấn đề chiến lược quan trọng.

Để đẩy mạnh nhân dân Bảo đi vào con đường xã hội chủ nghĩa, đồng chí Dimitorốp (trước khi tạ thế) đã bàn đến việc cần thiết phải củng cố Mặt trận Tổ quốc và đã vạch cho Đảng Bảo một kế hoạch để biến Mặt trận Tổ quốc thành một tổ chức xã hội và chính trị đơn thuần.

Còn ở Tiệp, trước Đại hội lần thứ IX của Đảng, khi bàn đến việc cải tổ Mặt trận Quốc gia, đồng chí Gôtoan đã nói: Mặt trận Quốc gia (Renove) ở Tiệp là cái biểu hiện chính trị của khối đoàn kết giữa lao động thành thị và thôn quê để đi vào con đường xã hội chủ nghĩa, v.v..

Nói rộng ra chút nữa thì cả thế giới dân chủ lúc này cũng đang đẩy mạnh công tác mặt trận để chuẩn bị đánh bại bọn đế quốc gây chiến. Chúng ta thấy các đoàn thể Thanh niên thế giới, Phụ nữ, Công đoàn quốc tế, v.v., các Hội nghị bảo vệ hòa bình thế giới luôn luôn hoạt động để tập hợp hết thảy các lực lượng tiến bộ để xây dựng Mặt trận dân chủ của hòa bình toàn thế giới.

Chính sách mặt trận quả là vấn đề trọng đại. Đọc cuốn *Giai đoạn mới* thì chúng ta thấy Mao Chủ tịch mỗi khi nói đến kháng Nhật là nói đến đoàn kết, hễ nói đến trường kỳ chiến đấu thì liền nói ngay đến trường kỳ hợp tác.

Hồ Chủ tịch cũng vậy, mỗi khi ai hỏi Người về việc phải làm gì cho kháng chiến thắng lợi thì Người thường trả lời một cách gọn gàng và cương quyết rằng: phải đoàn kết và đại đoàn kết.

Hãy thấm nhuần lấy tư tưởng của các vị lãnh tụ để ai nấy có ý thức sâu sắc, có tinh thần kiên quyết để thực hiện công tác mặt trận.

Và để kết luận bản báo cáo này, chúng tôi xin nhắc lại

đây lời Mao Chủ tịch căn dặn các đồng chí Trung Quốc trong Hội nghị toàn thể Trung ương mở rộng hồi 1938:

"Đảng viên cộng sản phải là chiến sĩ gương mẫu chấp hành chính sách mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật".

"Căn cứ vào lập trường nguyên tắc, hết thảy đều phục tùng lợi ích kháng chiến, hết thảy đều vì kháng chiến thắng lợi, hết thảy vì Mặt trận dân tộc thống nhất chống Nhật và Mặt trận dân tộc thống nhất trên hết; đảng viên cộng sản, đối với các đảng phái, các quân đội bằng hữu, phải có thái độ chân thành đoàn kết và giúp đỡ nhau, nhân nhượng nhau".

Chúng tôi mong câu nói của Mao Chủ tịch cũng là phương châm quý báu cho chúng ta về công tác mặt trận để cho kháng chiến mau thắng lợi, kiến quốc chóng thành công.

Khối đoàn kết dân tộc muôn năm!

Hồ Chủ tịch muôn năm!

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

MẤY VẤN ĐỀ CỐT YẾU CỦA CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN VIỆT NAM*

I- NGUỒN GỐC CỦA CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN VIỆT NAM

Đúng hai tuần lễ sau trong cuộc Cách mạng Tháng Tám, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập, xoá bỏ nền thống trị của đế quốc chủ nghĩa và chế độ quân chủ nhà Nguyễn, tay sai của đế quốc chủ nghĩa. Ngày 2-9-1945, ngày Độc lập, ngày khai sinh của nước Việt Nam mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh công bố cùng quốc dân và thế giới bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Cuộc Cách mạng Tháng Tám đập đổ chế độ thống trị của đế quốc và phong kiến bản xứ, mở đường cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, là một biến chuyển lịch sử vĩ đại của nước Việt Nam. Biến chuyển lịch sử ấy là kết quả của sức chiến đấu anh dũng của nhân dân Việt Nam, của Mặt trận Việt Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. Nó ở trong phong trào dân tộc và dân chủ nhân dân thắng lợi sau cuộc thế giới chiến tranh thứ hai, nhờ sự thắng lợi vẻ vang và

* Báo cáo do đồng chí Lê Văn Hiến đọc tại Đại hội (B.T).

quyết định của Hồng quân và nhân dân Liên Xô đánh bại quân Đức ở Châu Âu rồi quân Nhật ở Châu Á.

Chính Hồng quân mạnh như bão tố đã đánh bại quân Nhật mau chóng và nặng nề ở Mãn Châu (làm quân Mỹ vội vàng thả bom nguyên tử) đã buộc Chính phủ Nhật phải đầu hàng ngày 15-8 và đã dọn đường cho cuộc Cách mạng Tháng Tám chúng ta. Nhưng cố nhiên nếu chỉ có sự thắng lợi của Hồng quân, mà không có sự đấu tranh của nhân dân Việt Nam thì cũng không có cuộc Cách mạng Tháng Tám. Mấy lâu nay, nói đến cuộc Cách mạng Tháng Tám chúng ta nhấn mạnh sự tranh đấu của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và chính Đảng của nó. Điều đó có đúng không? Đúng. Nhưng chúng ta cũng không được quên, được coi nhẹ tác dụng trực tiếp và lớn lao của *Liên Xô*, kẻ lãnh đạo giai cấp công nhân và phong trào cách mạng thế giới, *đối với cuộc Cách mạng Tháng Tám của chúng ta*.

Nhật đầu hàng, là kẻ thù trước mắt của chúng ta lúc bấy giờ đã ngã: cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công tương đối dễ dàng và mau chóng. *Nhưng đế quốc chủ nghĩa Pháp*, đã hiện lại, không những trên vũ đài chính trị Châu Âu, mà cũng hiện lại trên vũ đài chính trị Châu Á. Đúng ba tuần lễ sau ngày 2-9, đội viễn chinh của đế quốc chủ nghĩa Pháp đến Đông Dương. Kẻ thù không đội trời chung của dân tộc Việt Nam đã xâm lược lại đất nước chúng ta, bắt buộc chúng ta *kháng chiến*. Một nước nhỏ yếu, mới thoát khỏi ách nô lệ mà phải đương đầu với một nước đế quốc tuy đã suy yếu nhưng đối với ta vẫn còn lớn mạnh lại được các đế quốc khác giúp sức và đương đầu với một thế ngày càng vững chắc, mạnh mẽ, ngày càng tiến triển đến thắng lợi. Đó là hình ảnh và

triển vọng của cuộc kháng chiến Việt Nam. Nói đến cuộc kháng chiến vĩ đại của chúng ta, chúng ta nhấn mạnh sức chiến đấu anh dũng của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và chính Đảng của nó, quyết hy sinh tất cả để bảo vệ nền dân chủ cộng hoà kết quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám. Nhấn mạnh như thế đúng không? Rất đúng. Cuộc chiến đấu của chúng ta vĩ đại thật và cả thế giới đều khen ngợi. Nhưng chúng ta không nên quên rằng *thế thắng* của chúng ta là sức mạnh của *Mặt trận dân chủ thế giới* do Liên Xô lãnh đạo, thế thắng ấy đã hiện ra rất rõ rệt lúc nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác công nhận, lúc quân Giải phóng và nhân dân Trung Hoa đã làm cho Việt Nam dính liền với khối xã hội chủ nghĩa và dân chủ nhân dân.

Cuộc kháng chiến hiện tại là sự tiếp tục củng cố và phát triển cuộc Cách mạng Tháng Tám. Cuộc Cách mạng Tháng Tám và cuộc kháng chiến hiện tại là một bộ phận của cuộc tranh đấu của Mặt trận dân chủ thế giới chống đế quốc chủ nghĩa. Nó là tiền đồn của Mặt trận ấy ở Đông Nam Á. Nói như thế để dính liền việc thành lập, bảo vệ và phát triển nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong điều kiện lịch sử mới sau thế giới đại chiến thứ hai, với sự cường thịnh của Liên Xô, sự lớn mạnh của Trung Hoa mới, sự tiến bộ của các nước dân chủ nhân dân Trung Đông Âu, cuộc chiến đấu anh dũng của Triều Tiên, phong trào phản chiến mạnh mẽ của nhân dân Pháp; để chứng tỏ sự liên quan mật thiết của nước ta với Mặt trận hoà bình dân chủ thế giới, với khối xã hội chủ nghĩa và dân chủ nhân dân.

II- NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG, NỘI DUNG GIAI CẤP VÀ HÌNH THỨC CỦA CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN VIỆT NAM

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà căn bản là một nước cộng hoà nhân dân. Cũng như các nước cộng hoà nhân dân Trung Đông Âu, Trung Hoa và Triều Tiên, nó xuất hiện trong những điều kiện lịch sử mới sau cuộc thế giới đại chiến thứ hai, nhờ sự thắng trận của Liên Xô đưa đến một tương quan lực lượng mới giữa Mặt trận dân chủ và Mặt trận đế quốc chủ nghĩa.

Vì lẽ đó, chính quyền, nhà nước dân chủ nhân dân Việt Nam giống mọi chính quyền, nhà nước dân chủ nhân dân về những điểm căn bản sau đây:

- 1- Đó là một chính quyền, một nhà nước cách mạng do giai cấp công nhân và chính Đảng của nó lãnh đạo;
- 2- Chính quyền, nhà nước ấy đứng trong Mặt trận dân chủ do Liên Xô lãnh đạo chống đế quốc chủ nghĩa;
- 3- Chính quyền, nhà nước ấy đương tranh đấu để xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, bước đường quá độ đến xã hội chủ nghĩa.

Nhưng chính quyền, nhà nước dân chủ nhân dân Việt Nam hiện nay *khác* với chính quyền, nhà nước dân chủ nhân dân các nước Trung Hoa và Trung Đông Âu về nhiệm vụ cách mạng hiện thời, về nội dung giai cấp, về hình thức.

Nhiệm vụ cách mạng của chúng ta hiện nay là *kháng chiến* để tiêu diệt các bọn đế quốc xâm lược và tay sai của chúng, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập. Đó là nhiệm vụ cách mạng *chính* của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam trong giai đoạn hiện tại. Ngoài nhiệm vụ chính ấy, còn

nhiệm vụ phản phong, nhưng hiện nay nhiệm vụ đó là thứ yếu và có tác dụng giúp thực hiện nhiệm vụ chính.

Để thực hiện nhiệm vụ ấy, chính quyền, nhà nước dân chủ nhân dân Việt Nam phải là chính quyền, là nhà nước của tất cả các giai cấp, các tầng lớp nhân dân *ái quốc và dân chủ*, quyết tâm đoàn kết và chiến đấu chống đế quốc chủ nghĩa, biến nước Việt Nam thành một nước Việt Nam hoàn toàn độc lập. Hiện nay các giai cấp, các tầng lớp nhân dân ái quốc và dân chủ đó là công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị và trí thức, tư sản dân tộc, những nhân sĩ và địa chủ ái quốc và tiến bộ. Tóm lại đó là một chính quyền nhân dân rộng rãi, hình ảnh của *Mặt trận dân tộc thống nhất*. Nhưng muốn được mạnh mẽ, vững chắc, nó phải dựa trên khối liên minh của quần chúng lao động, cốt yếu dựa trên khối liên minh công nông và đặt dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Nhiệm vụ cách mạng quyết định nội dung *giai cấp* của chính quyền, bao giờ cũng vậy, ở đâu cũng vậy. Đồng thời nó quyết định tác dụng *chuyên chính* của chính quyền. Chính quyền ta là một chính quyền cách mạng chuyên chính. Nhưng *chuyên chính* đối với ai, chống ai, để tiêu diệt ai? Tất nhiên, chuyên chính đối với thực dân Pháp và can thiệp Mỹ cùng bọn bù nhìn tay sai của chúng.

Để làm tròn nhiệm vụ cách mạng ấy, chính quyền dân chủ nhân dân Việt Nam phải thực hiện khối *đoàn kết toàn dân*, khối liên minh giai cấp như trên đã nói. Như thế nghĩa là đối với nhân dân thì phải *dân chủ*.

Dân chủ với nhân dân là thế nào? Là nhân dân bao gồm các giai cấp, các tầng lớp ái quốc và dân chủ cùng nhau tham dự chính quyền. Muốn có sức mạnh để chuyên chính với kẻ

thù thì phải dân chủ rộng rãi, đầy đủ, thiết thực với nhân dân, phát huy tinh thần ái quốc và dân chủ của họ. Vì lẽ đó, chính quyền, nhà nước của chúng ta không phải chỉ tiêu biểu một cách tượng trưng, mà phải tiêu biểu thực sự Mặt trận dân tộc thống nhất, tiêu biểu quyền lợi và nghĩa vụ của các giai cấp, các tầng lớp ái quốc và dân chủ, tiêu biểu trong chính cương sách lược, trong chủ trương và hành động, trong thành phần giai cấp những người tham dự chính quyền. Một chính quyền như thế là một Chính phủ quốc gia liên hiệp và cơ quan chính quyền các cấp đều có tính chất liên minh giai cấp như thế.

Đem so sánh chính quyền dân chủ nhân dân Việt Nam với chính quyền dân chủ nhân dân các nước bạn thì chúng ta thấy nhiều chỗ khác nhau quan trọng và rõ rệt, mà chúng ta cần phân tích để tránh lầm lẫn.

Trước hết *khác nhau về nội dung* giai cấp của chế độ dân chủ chuyên chính. Thí dụ:

- Dân chủ chuyên chính của *Việt Nam* bao gồm các giai cấp, các tầng lớp ái quốc và dân chủ: công, nông, tiểu tư sản thành thị và trí thức, tư sản dân tộc, những thân sĩ và địa chủ ái quốc và tiến bộ; chuyên chính đối với đế quốc chủ nghĩa và bọn bù nhìn tay sai của đế quốc chủ nghĩa.

- Còn dân chủ chuyên chính của *Trung Hoa* thì nội dung giai cấp hẹp hơn. Nhân dân ở Trung Hoa hiện nay là giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị và tư sản dân tộc chống đế quốc chủ nghĩa, phong kiến và tư sản quan liêu.

Chú ý nhân dân dân chủ chuyên chính căn bản, thực chất là công nông dân chủ chuyên chính. Nhưng vì nhiệm vụ cách mạng có thể khác nhau tùy nơi, tùy lúc nên nội dung giai cấp và hình thức cũng do đó mà khác nhau. Ở Trung

Hoa là nơi mà trọng tâm của cách mạng là phản phong, tuy rằng nhiệm vụ phản đế luôn luôn quan trọng, căn bản công nông chuyên chính trong nhân dân chuyên chính là điều hiển nhiên. Còn ở Việt Nam mà trọng tâm của cách mạng là phản đế, thì nhân dân chuyên chính bao gồm tất cả các tầng lớp ái quốc và dân chủ.

- Các nước dân chủ nhân dân *Trung Đông Âu* thì chính quyền dân chủ nhân dân hẳn hoi là một hình thức của vô sản chuyên chính, vì đó là chính quyền của công nhân và các tầng lớp lao động chuyên chính với địa chủ và tư sản.

Thế là chính quyền các nước dân chủ nhân dân *Trung Đông Âu*, *Trung Hoa* và *Việt Nam* đều là chính quyền cách mạng, chuyên chính, nhưng chuyên chính ấy đứng về nội dung giai cấp là nhân dân chuyên chính (căn bản, thực chất là công nông chuyên chính) hay vô sản chuyên chính.

Có chỗ khác nhau đó là do nhiệm vụ cách mạng khác nhau của mỗi một nước dân chủ nhân dân, của mỗi một chính quyền dân chủ nhân dân. Và nhiệm vụ cách mạng khác nhau đó là do điều kiện kinh tế, chính trị của mỗi một nước.

Nước *Việt Nam*, kinh tế lạc hậu, nặng di tích phong kiến và thực dân, lại bị đế quốc chủ nghĩa xâm lược, nên trong giai đoạn hiện tại của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nhiệm vụ chính là nhiệm vụ phản đế.

Nước *Trung Hoa*, trình độ cao hơn *Việt Nam*, đương tiến mạnh trên con đường dân chủ nhân dân, nhiệm vụ chính là hoàn thành cuộc cách mạng điền địa, xoá bỏ chế độ phong kiến, chống tư bản quan liêu nhưng vẫn tích cực tiếp tục phản đế, mục đích là phát triển kinh tế dân chủ nhân dân, tạo điều kiện tiến lên thực hiện xã hội chủ nghĩa.

Các nước dân chủ nhân dân *Trung Đông Âu* trình độ cao

hơn nữa, nên hiện nay đương tiến mạnh trên con đường tiêu diệt tư bản chủ nghĩa và xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Trong chế độ *Xôviết* - hình thức thuần túy của vô sản chuyên chính - của *Liên Xô* buổi đầu, giai cấp vô sản nắm tất cả quyền bính quốc gia, giai cấp nông dân - bạn đồng minh của giai cấp vô sản - được tham dự chính quyền nhưng chỉ trong một phạm vi nào thôi.

Ở các nước dân chủ nhân dân *Trung Đông Âu* hiện nay, quyền bính quốc gia là của những người lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Còn các giai cấp bóc lột thì bị gạt dần ra khỏi trường chính trị.

Ở *Trung Hoa*, giai cấp địa chủ và tư bản quan liêu bị loại ra ngoài khối nhân dân; còn trong khối nhân dân bao gồm công, nông, tiểu tư sản và tư sản dân tộc.

Ở *Việt Nam* hiện nay - ngoài bọn phản quốc làm tay sai cho đế quốc chủ nghĩa - mọi giai cấp, tầng lớp nhân dân yêu nước và dân chủ đều tham gia chính quyền.

Cho nên nước *Việt Nam* chính thức gọi là cộng hoà dân chủ (tuy rằng căn bản nó cũng là một nước cộng hoà nhân dân), còn các nước *Trung Hoa* và *Trung Đông Âu* chính thức gọi là cộng hoà nhân dân.

Nước *Việt Nam* là một nước dân chủ cộng hoà, nhưng nó không phải là một nước dân chủ cộng hoà tư sản, vì nó không phải do giai cấp tư sản lãnh đạo mà do giai cấp công nhân lãnh đạo, mục đích không phải xây dựng và bồi dưỡng chế độ tư bản, trái lại là nhằm xã hội chủ nghĩa mà tiến, tuy rằng đích ấy còn xa.

Chúng ta không thể vọt qua giai đoạn. Muốn làm ngay như *Trung Hoa* và *Tiệp Khắc* hay *Ba Lan* là vọt qua giai đoạn, là phạm "tả" khuynh nguy hiểm.

Cho nên nhân dân dân chủ chuyên chính của Việt Nam là dân chủ đầy đủ, là thực sự đối với các giai cấp, tầng lớp ái quốc và dân chủ quyết chiến đấu để xây dựng một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, tự do, hạnh phúc, phú cường. Đó là điều mà chúng ta làm. Ta cần nói rõ điều ấy cho nhân dân biết để nhân dân cùng chúng ta, theo chúng ta mà làm.

Tóm lại chính quyền, nhà nước dân chủ nhân dân Việt Nam là khối đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp ái quốc và dân chủ, tổ chức thành bộ máy thống trị chống đế quốc chủ nghĩa và tay sai của chúng; bộ máy ấy phải dựa trên khối liên minh tất cả người lao động, chủ yếu dựa trên liên minh công nông và ở dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Phải thực hiện khối đoàn kết toàn dân trong bộ máy chính quyền, là một điều cần thiết mà trên đã giải bày nhiều rồi.

Vì sao khối đoàn kết ấy phải dựa trên sự liên minh tất cả người lao động, chủ yếu dựa trên khối liên minh công nông? Vì sự liên minh tất cả người lao động, đặc biệt liên minh công nông là nền tảng, là sức mạnh chủ yếu của nhân dân về các mặt số lượng, sức chiến đấu, năng lực sáng tạo. Ai làm cuộc Cách mạng Tháng Tám, ai sáng lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà? Ấy là nhân dân, ấy là tất cả người lao động, nhưng chủ yếu là công nông. Ai đương kháng chiến để bảo vệ Tổ quốc? Ấy là nhân dân, ấy là tất cả người lao động, nhưng chủ yếu là công nông.

Vì sao cần thiết sự lãnh đạo của giai cấp công nhân? Chính quyền, Nhà nước dân chủ nhân dân Việt Nam là tổ chức thống trị của nhiều giai cấp, nhiều tầng lớp nhân dân, quyền lợi và tư tưởng khác nhau, trình độ chính trị và năng lực khác nhau. Các giai cấp, các tầng lớp ấy cần thống nhất ý

chí và hành động, nhằm đúng kẻ thù chung mà đánh. Phải có một người lãnh đạo đủ năng lực làm việc lãnh đạo này thì kháng chiến mới thắng lợi, mới bảo vệ được nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mới đánh tan nền thống trị của đế quốc. Người lãnh đạo là giai cấp công nhân. Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa này, người quyết tâm đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, vì quốc gia dân tộc mà hy sinh chiến đấu đến cùng, đến thắng lợi, không lùi chùng, không thoả hiệp, không phản bội, người có đủ năng lực chính trị và năng lực tổ chức để đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp nhân dân với mình, theo mình mà chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn là *giai cấp công nhân*. Giai cấp công nhân lại có đội tiên phong của nó, bộ tham mưu của nó, chính Đảng của nó để đảm bảo sự lãnh đạo đúng đắn của nó. Bao nhiêu thành tích của chính quyền dân chủ nhân dân Việt Nam mấy năm nay về mặt kháng chiến và xây dựng đã chứng tỏ điều đó.

Tóm lại chính quyền dân chủ nhân dân Việt Nam phải tiêu biểu Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi dựa trên khối liên minh công nông vững chắc và ở dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Một số đồng chí nêu cao Mặt trận dân tộc thống nhất, nhưng lại để lu mờ vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Trái lại, một số đồng chí nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và khối liên minh công nông nhưng lại làm lu mờ tác dụng của Mặt trận dân tộc thống nhất. Vì chúng ta nói cần đứng vững trên lập trường giai cấp, cần thực hiện dân chủ nhân dân chuyên chính, cần bênh vực quyền lợi công nông, mà có đồng chí đâm ra có những hành động và luận điệu đụng chạm quá đáng đến quyền lợi của địa chủ và tư sản. Vì chúng ta nói cất nhắc cán bộ công nông,

liên minh công nông, mà có đồng chí đâm ra coi nhẹ những nhân sĩ, phần tử thuộc các tầng lớp ái quốc và dân chủ khác. Vì chúng ta nhấn mạnh sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, của Đảng, các đồng chí ấy thấy không cần thiết đến Mặt trận dân tộc thống nhất nữa. Chỉ thấy tác dụng của Mặt trận mà không thấy sự cần thiết liên minh công nông và sự lãnh đạo của giai cấp công nhân là bệnh khuynh hữu. Nêu cao sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, của Đảng, khối liên minh công nông là rất cần. Nhưng nếu vì đó mà quên tác dụng của Mặt trận thì rơi vào bệnh khuynh tả. Khuynh "tả" hay khuynh hữu đều làm cho chính quyền dân chủ nhân dân cô độc, yếu hèn, không đủ sức mạnh làm nhiệm vụ cách mạng của nó. Vậy chúng ta phải biết kiện toàn chính quyền dân chủ nhân dân theo con đường đúng là: củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất trên khối liên minh công nông và ở dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, mở đường tiến lên xã hội chủ nghĩa.

III- THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN

Chính quyền là một giai cấp hay nhiều giai cấp tổ chức thành bộ máy thống trị để tiêu diệt kẻ thù.

Chính quyền là vấn đề cốt yếu của cách mạng. Làm cách mạng là để giành chính quyền, giữ chính quyền, kiện toàn chính quyền, để dùng chính quyền ấy thực hiện nhiệm vụ cách mạng.

Qua cuộc Cách mạng Tháng Tám, nhân dân Việt Nam đã giành được chính quyền; qua mấy năm kháng chiến nhân

dân Việt Nam đã giữ chính quyền ấy và luôn luôn ra sức kiện toàn nó.

Kiện toàn chính quyền đối với chúng ta là làm cho nó dân chủ nhân dân thật sự, làm cho nó mạnh mẽ, sắc bén, để tiêu diệt đế quốc chủ nghĩa xâm lược và tay sai của chúng, xây dựng một nước Việt Nam dân chủ, độc lập, tự do, hạnh phúc, phú cường.

Muốn đạt được mục đích ấy thì phải làm những việc sau đây:

1. Thiết thực bệnh vực quyền lợi của nhân dân

Một chính quyền cách mạng phải mạnh. Sức mạnh của nó là sức mạnh của nhân dân. Lúc nào nhân dân yêu mến chính quyền của mình, hy sinh chiến đấu cho chính quyền ấy thì chính quyền ấy mới mạnh. Muốn như thế thì trước tiên chính quyền ấy phải thiết thực bệnh vực quyền lợi cho nhân dân về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội.

Vì sao nhân dân ta suốt mấy năm nay hy sinh chiến đấu vô cùng dũng cảm chống kẻ thù cướp nước và tay sai chúng để bảo vệ chế độ dân chủ cộng hoà Việt Nam? Chính vì chế độ ấy dưới sự lãnh đạo của *Hồ Chủ tịch* đã quyết tâm chống ngoại xâm và nội phản, bảo vệ đất nước, bảo vệ nhân dân, đã cố gắng cải thiện sinh hoạt nhân dân bằng mọi cách, đã nâng cao trình độ chính trị và văn hoá của nhân dân, đã đẩy đời sống mới cho nhân dân. Nhờ đó, nhân dân Việt Nam coi chính quyền là ruột thịt của mình. Chúng ta kháng chiến thắng lợi là nhờ đó.

Đó là những ưu điểm của chúng ta.

Những khuyết điểm của chúng ta về vấn đề này vẫn còn nhiều và to lớn.

Những khuyết điểm ấy đều do kém ý thức bệnh vực quyền lợi của nhân dân. Thiếu ý thức là thiếu quyết tâm. Vì thiếu ý thức và quyết tâm, cho nên thiếu sót trong việc bệnh vực quyền lợi của nhân dân, cải thiện sinh hoạt cho nhân dân trong điều kiện kháng chiến. Kháng chiến càng kéo dài, gian khổ càng tăng thêm, chúng ta càng phải đòi hỏi nhân dân, thì chúng ta càng phải bệnh vực quyền lợi của nhân dân, cải thiện đời sống cho nhân dân, để nhân dân cố gắng nhiều hơn, có sức đóng góp nhiều hơn. Thế mà nhiều nơi vì nhu cầu trước mắt và cấp bách của kháng chiến, chúng ta chỉ biết đòi hỏi nhân dân, bắt nhân dân đóng góp quá sức. Đầu năm 1950, Chính phủ ra lệnh tổng động viên nhân lực, vật lực, tài lực, đồng thời chủ trương động viên phải *đúng mức và đi đôi với bồi dưỡng*.

Động viên quá sức dân mà không bồi dưỡng thì sức nào rồi cũng phải cạn, hưởng gì nhân dân ta đã kháng chiến mấy năm liền. Đây là một khuyết điểm lớn. Chúng ta phải kiểm thảo lại cả chính sách đóng góp của chúng ta. Tổng động viên là cần, nhưng phải đúng mức, nghĩa là đúng với sức đóng góp của nhân dân và phải đi đôi với bồi dưỡng. Muốn kháng chiến lâu dài, muốn chuẩn bị tổng phản công thì phải làm đúng như thế. Chỗ nào làm sai, phải kịp thời sửa chữa. Chúng ta phải sửa cái bệnh cận thị: chỉ thấy nhu cầu nhất thời của kháng chiến, không thấy nhu cầu lâu dài của kháng chiến, chỉ mong được việc trước mắt, mà không bồi bổ cơ sở của cách mạng là nhân dân.

Vì thiếu ý thức lo lắng đến đời sống của nhân dân mà chúng ta cũng phạm nhiều thiếu sót trong khi thực hiện khẩu hiệu: *tăng gia sản xuất để tự túc*. Càng kháng chiến lâu dài chúng ta càng thấy đó là khẩu hiệu chính về mặt kinh tế,

về mặt đời sống của nhân dân suốt trong thời kỳ kháng chiến và sau nữa. Công cuộc tăng gia sản xuất đã đem lại nhiều thành tích quý báu, những thành tích ấy thật chưa đủ. Chúng ta có thể và phải làm nhiều hơn nữa, vậy phải có những chủ trương, tổ chức, phương pháp, kế hoạch thích hợp hơn nữa thì mới đảm bảo đời sống của nhân dân, đảm bảo việc cải thiện đời sống ấy, đồng thời đảm bảo việc cung cấp cho kháng chiến.

Đó là nói chung cho nhân dân.

Đối với các tầng lớp nhân dân lao động, nhất là đối với số đông nông dân, các việc cải cách ruộng đất không được thi hành đúng mức và nhanh chóng. Khuyết điểm ấy cần phải tích cực sửa chữa.

Trong việc bệnh vực quyền lợi của nhân dân, cải thiện sinh hoạt cho nhân dân, bao giờ chính quyền dân chủ nhân dân cũng phải tính đến quyền lợi và đời sống của các giai cấp, các tầng lớp trong nhân dân, tận tâm tận lực với tầng lớp lao khổ, với công nông, nhưng đồng thời phải chú ý đầy đủ đến tư bản, địa chủ. Chủ trương giảm tô, đồng thời đảm bảo việc nạp tô. Chủ trương tăng tiền công cho công nhân, đồng thời đảm bảo quyền lợi chính đáng của tư bản dân tộc. Cả chính sách kinh tế của chúng ta lúc này nhằm mục đích tăng gia sản xuất để cải thiện đời sống cho nhân dân, nhưng muốn tăng gia sản xuất mạnh mẽ thì chúng ta phải đảm bảo quyền lợi của *Chính phủ và của tư nhân, của người có của và người có công*.

Tóm lại, muốn thực hiện một chính quyền dân chủ nhân dân thật sự, điều trước tiên là phải thực tế bệnh vực quyền lợi của nhân dân, cải thiện sinh hoạt cho nhân dân.

Tổ chức của chính quyền phải đảm bảo việc thiết thực

bệnh vực quyền lợi của nhân dân, nghĩa là tổ chức phải dân chủ nhân dân thực sự.

2. Tổ chức phải dân chủ

Chính quyền dân chủ nhân dân Việt Nam là bộ máy thống trị của các giai cấp, các tầng lớp ái quốc và dân chủ Việt Nam chống đế quốc chủ nghĩa và tay sai chúng. Vấn đề là tổ chức bộ máy thống trị ấy cách nào để đảm bảo việc các giai cấp, các tầng lớp nhân dân ấy tham dự chính quyền một cách trực tiếp, thường xuyên, có hiệu lực.

Chỗ khác căn bản của dân chủ nhân dân và dân chủ tư sản là ở đó. Dân chủ tư sản là thứ dân chủ mà nhân dân lâu lâu được gọi đi bầu những người đại biểu để rồi những người ấy quay lại áp bức bóc lột mình. Trong thứ dân chủ ấy nhân dân không tham dự chính quyền một cách trực tiếp, thường xuyên, có hiệu lực.

Muốn tổ chức một chính quyền dân chủ nhân dân thật sự, đảm bảo việc nhân dân tham dự trực tiếp, thường xuyên có hiệu lực, chúng ta phải thực hiện đầy đủ chế độ *dân chủ tập trung*.

Nguyên tắc dân chủ tập trung ấy có mấy điểm như sau:

Chính quyền tối cao là Quốc hội, do nhân dân toàn quốc bầu. Cơ quan chính quyền các cấp là Hội đồng nhân dân, do nhân dân địa phương cấp ấy bầu. Cơ quan chính quyền tối cao bầu Chính phủ Trung ương; cơ quan chính quyền các cấp bầu Ủy ban hành chính các cấp (trong lúc kháng chiến là Ủy ban kháng chiến hành chính).

Quốc hội chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước nhân dân toàn quốc. Hội đồng nhân dân các cấp chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước nhân dân địa phương cấp

mình. Chính phủ Trung ương, Ủy ban hành chính các cấp chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội, trước Hội đồng nhân dân cấp mình, và như thế là báo cáo trước nhân dân.

Trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân, trong Chính phủ Trung ương và Ủy ban hành chính các cấp *thiểu số phải phục tùng đa số*.

Cơ quan hành chính cấp dưới sau khi được Hội đồng nhân dân bầu phải được cơ quan hành chính cấp trên chuẩn y và phải phục tùng cơ quan hành chính cấp trên. Cơ quan hành chính các *địa phương phải phục tùng Chính phủ Trung ương*. Các cơ quan chuyên môn cấp nào phải phục tùng cơ quan chính quyền (UBKCHC)¹⁾ cấp ấy.

Trong thời kỳ kháng chiến chúng ta chưa thể thực hiện đầy đủ chế độ dân chủ tập trung này.

Như Quốc hội không thể có sinh hoạt thường xuyên. Cho nên cơ quan chính quyền tối cao của chúng ta hiện nay là Hội đồng Chính phủ dưới sự chủ tọa của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, có đại biểu ban Thường trực Quốc hội tham dự.

Như trong vùng tạm bị chiếm, Hội đồng nhân dân nhiều nơi không thể bầu được, mà có bầu cũng không thể sinh hoạt đầy đủ và thường xuyên.

Đó là vì hoàn cảnh chiến tranh.

Những nơi mà chế độ dân chủ tập trung có thể thực hiện trong một phạm vi khá rộng rãi, chúng ta cũng chỉ mới bắt đầu chú ý đến Hội đồng nhân dân và hướng dẫn Hội đồng nhân dân sinh hoạt, nhưng vẫn chưa phát huy được tất cả tác dụng dân chủ nhân dân của nó.

1) UBKCHC: Ủy ban kháng chiến hành chính (B.T).

Nhất là *Hội đồng nhân dân xã* là tổ chức dân chủ sát với dân nhất để thực hiện việc dân tham dự chính quyền một cách trực tiếp, thường xuyên và có hiệu lực, chúng ta cũng chưa làm đầy đủ.

Nguyên nhân tình trạng thiếu dân chủ này ở chỗ ý thức truyền thống, kinh nghiệm dân chủ trong nhân dân ta còn ít, trái lại chế độ thực dân và phong kiến còn ảnh hưởng nặng trong tư tưởng và tập quán của nhân dân.

Nhân dân thiếu ý thức đã đành, cán bộ cũng thiếu ý thức, cho nên mấy năm nay việc giáo dục dân chủ, thực hiện dân chủ còn thiếu sót nhiều và chúng ta phải tranh đấu lâu dài và kiên quyết mới sửa chữa được khuyết điểm ấy.

Căn nguyên điều thiếu ý thức này trong cán bộ là ở chỗ chưa thấm nhuần quan điểm quần chúng, kém tin tưởng vào sức lực và năng lực của quần chúng. Do đó thiếu kiên nhẫn trong việc giáo dục nhân dân, luyện tập cho nhân dân thực hiện dân chủ. Tư tưởng sai lạc thì không có quyết tâm vượt qua những khó khăn, trở lực để vận động, tổ chức và lãnh đạo nhân dân tham dự chính quyền, thực hiện chế độ dân chủ: chính quyền là của dân, do dân. Tư tưởng sai lạc cho nên rất dễ mắc bệnh *quan liêu*, chỉ biết dùng *mệnh lệnh* mà giải quyết mọi vấn đề quan hệ với dân. Không chữa bệnh quan liêu, mệnh lệnh này thì các Hội đồng nhân dân cũng chẳng qua là hình thức dân chủ, có vỏ mà không có ruột.

Hiện nay bệnh quan liêu đã khá nặng trong các tổ chức chính quyền của ta từ trên xuống dưới. Nếu không chỉ mặt vạch trán nó, nêu tất cả tệ hại của nó để đánh lui nó, tiêu diệt nó thì nó còn phát triển và làm hại nhiều hơn. Phương thuốc để trị bệnh ấy là thấm nhuần quan điểm nhân dân, rồi theo quan điểm nhân dân ấy mà thực hiện dân chủ đúng với

nguyên tắc dân chủ tập trung, thực hiện cho hợp với điều kiện địa điểm, thời gian, hoàn cảnh.

Trên đây đã nói cần chú trọng thực hiện dân chủ ở xã. Nên nhắc lại điều này, một lẽ vì xã là nơi việc nhân dân tham dự chính quyền một cách trực tiếp, thường xuyên và có hiệu lực, có thể trở nên sự thật hàng ngày; một lẽ nữa là vì hiện nay công việc chính quyền ở xã đương lúng túng: việc hợp xã làm cho phạm vi xã phình ra quá rộng, mọi công việc ở Trung ương, khu, tỉnh lại đều dồn xuống xã mà tổ chức, cán bộ, phương tiện ở xã thì kém đủ mọi mặt. Muốn chấm dứt tình trạng ấy, làm cho công việc ở xã chạy và phát triển, mấy công việc chính là: về tổ chức phải xét lại và chấn chỉnh việc hợp xã làm cho phạm vi hoạt động tương xứng với khả năng của tổ chức cán bộ và phương tiện. Về lề lối làm việc phải bài trừ lối quan liêu, giấy tờ dẫn đến chỗ bế tắc; trái lại phải đặt hẳn công việc trước nhân dân và cùng nhân dân giải quyết. Chắc chắn nhân dân sẽ giải quyết được. Đó là cách dân chủ.

3. Phương pháp làm việc phải dân chủ

a) *Phải sát với quyền lợi, nguyện vọng và trình độ của nhân dân*

- Phương pháp làm việc của những chính quyền áp bức đều dựa trên chủ nghĩa quan liêu. Quan liêu đề ra mệnh lệnh, quân phiệt. Trái lại, phương pháp làm việc của chính quyền dân chủ nhân dân là dân chủ, sát với quyền lợi, nguyện vọng, sát với khả năng của nhân dân (trình độ chính trị, tổ chức).

Ở xã muốn sát với nhân dân là việc tương đối dễ, tuy rằng cũng phải chịu khó rời ra khỏi bàn giấy để đi bàn với nhân dân. Nhưng ở nơi xa nhân dân thì việc ấy khó hơn nhiều. Cho nên càng ở xa nhân dân thì càng phải chịu khó

sát với nhân dân để biết quyền lợi, nguyện vọng và khả năng của nhân dân, như thế mới chủ trương đúng được, mới lãnh đạo đúng được.

Chính quyền phản động cần gì biết nhân dân, biết quyền lợi, nguyện vọng và khả năng của nhân dân, nó chỉ có việc trát sức thì nó sẽ có người, có thóc, nếu không có thì nó bỏ tù, nó bắn, nó chỉ biết làm như thế, đến lúc chịu không nổi nhân dân đứng lên đánh đổ nó. Nhưng chính quyền dân chủ nhân dân của ta không thể làm như thế. Điều đó hiển nhiên rồi. Tuy vậy các cấp chính quyền của ta, các ngành, các cơ quan của ta cũng chưa chịu khó đi sát với nhân dân một cách thực tế, chịu khó tìm mọi cách để biết quyền lợi, nguyện vọng và khả năng của nhân dân cho xác thực, rõ ràng. Nhất là các cơ quan chuyên môn thì ít ư làm cái việc khá phức tạp, khá rắc rối này. Họ thích ngồi yên trong phòng giấy, đọc báo cáo rồi làm chương trình, kế hoạch có con số, có biểu đồ. Nhưng vì họ không biết nhân dân, thì nhân dân cũng không biết đến họ, biết đến chương trình, kế hoạch của họ. Nghĩa là việc họ làm chỉ là tốn giấy.

Cho nên mặc dầu ở địa vị nào, làm công việc gì, chúng ta cũng phải dính liền với nhân dân, căn cứ vào nhân dân mà định chủ trương, và thi hành chủ trương. Chủ trương sai hay đúng, thi hành được hay không là do chúng ta sát hay không sát với nhân dân.

Nước ta đương kháng chiến, chúng ta có vùng tự do, có vùng tạm bị chiếm, nhân dân nơi này khác nhiều hay ít với nhân dân nơi khác về mọi mặt, do đó mỗi một chủ trương của chúng ta phải sát với điều kiện địa điểm, thời gian, hoàn cảnh của mỗi nơi, sát với quyền lợi, nguyện vọng và khả năng của nhân dân của nơi ấy. Cái lối đại cương chủ nghĩa, lý thuyết suông thật là vô dụng.

b) *Phải giải thích cho nhân dân hiểu để nhân dân làm*

Chính quyền là cưỡng bách. Chính quyền dân chủ nhân dân cũng là cưỡng bách. Đối với kẻ thù nó cưỡng bách đã đành rồi, đối với nhân dân nó cũng có tính chất cưỡng bách.

Chính quyền phản động là công cụ áp bức nhân dân. Căn bản nó là cưỡng bách. Trái lại, chính quyền dân chủ nhân dân căn bản là chính quyền của dân, do dân, vì dân. Thế đối với nhân dân sao nói nó là cưỡng bách? Thực ra nó là cưỡng bách mà không cưỡng bách. Lấy hình thức, lấy luật lệ ra mà nói thì nó là cưỡng bách, và đó là một hình thức cần thiết của chính quyền. Nhưng đứng về ý nghĩa nó là của nhân dân, điều gì nó chủ trương đều là hợp với quyền lợi của nhân dân, không hợp với lợi quyền trước mắt thì hợp với lợi quyền tương lai, không hợp với lợi quyền nhỏ, bộ phận, thì hợp với lợi quyền to, toàn thể, cho nên nhân dân vui lòng thi hành, và nếu nhân dân chưa hiểu thì chúng ta phải *giải thích cho nhân dân* để vui lòng thi hành. Như vậy chủ trương của chính quyền tuy có tính cưỡng bách, nhưng nhân dân hiểu rõ và vui lòng mà thi hành, không coi đó là cưỡng bách.

Đây là một phương pháp làm việc của chính quyền dân chủ nhân dân mà chúng ta cần đặc biệt để ý, và từ khi Chính phủ ra lệnh tổng động viên, phương pháp làm việc này lại càng phải được để ý nhiều hơn.

Vấn đề là: chủ trương của chúng ta, ví dụ những sự ta đòi hỏi nhân dân đóng góp (tổng động viên) có thật hợp với ích lợi của kháng chiến và đúng với khả năng của nhân dân không? Nếu có, thì chúng ta phải *giải thích* cho nhân dân hiểu và *tuyên truyền, cổ động* cho nhân dân vui lòng làm, xung phong làm, thi đua làm.

Cuộc kháng chiến đã chứng tỏ sức hy sinh không bờ bến

của nhân dân ta. Cho nên việc giải thích, tuyên truyền, cổ động - nếu sự đòi hỏi là vừa sức - bao giờ cũng đem lại kết quả tốt đẹp. Thế mà nhiều nơi, rất nhiều nơi chúng ta không làm việc giải thích, tuyên truyền, cổ động này trong lúc chúng ta bắt buộc nhân dân đóng góp, mà lại dùng lối quan liêu, mệnh lệnh. Thậm chí có những sự ngược đãi nhân dân, gây sự ta thán, oán trách trong nhân dân. Làm như thế là quân phiệt, là phản dân, chứ không phải là dân chủ, làm như thế lại không thu được nhiều kết quả. Trái lại, chủ trương cho vừa sức đóng góp của nhân dân, rồi giải thích, thuyết phục, phát huy lòng hăng hái của nhân dân, thì kết quả có thể quá sức mong muốn của chúng ta.

Có nơi muốn làm lợi cho nhân dân, nhưng vì thiếu giải thích, thuyết phục, chỉ dùng mệnh lệnh ép buộc nhân dân phải làm, kết quả cũng làm nhân dân oán trách. Vụ Sơn Hà là một bài học lớn cho chúng ta, bài học ấy dạy chúng ta rằng muốn cho nhân dân làm việc gì, đầu việc ấy lợi ích cho nhân dân đến mấy - (như giải phóng ách nông nô cho nhân dân, dạy bình dân học vụ, dạy vệ sinh) mà không hợp với điều kiện, trình độ và ý nguyện của nhân dân, lại dùng lối ép buộc bắt nhân dân làm, thì có thể sinh tai vạ, đẩy nhân dân vào trong tay kẻ địch.

Chính quyền của ta gọi là dân chủ nhân dân là vì chủ trương của nó bao giờ cũng hợp với ý nguyện, trình độ của nhân dân và được nhân dân vui lòng làm. Không thể sao gọi là chính quyền nhân dân, sao gọi là dân chủ.

c) *Phải lãnh đạo nhân dân tranh đấu* để thực hiện chủ trương của chính quyền.

Chủ trương ở trên phải đi đôi với tranh đấu ở dưới. Chủ trương của chính quyền phối hợp với sự tranh đấu của nhân

dân để thực hiện, tranh đấu chống những trở lực do hoàn cảnh, do tập quán, do quyền lợi riêng gây nên. Muốn cấm cờ bạc, giảm tô, thực hiện đời sống mới, tổ chức công an nhân dân, thanh toán nạn mù chữ, mà chỉ có sắc lệnh, chỉ thị, mà không có sự tranh đấu sâu rộng của nhân dân thì kết quả chỉ có hạn. Tổ chức và lãnh đạo cuộc tranh đấu này cần phải căn cứ thật đúng, thật sát với ý nguyện và trình độ của nhân dân, với năng lực của cán bộ, với điều kiện chính trị chung từng lúc, từng nơi.

Chính quyền dân chủ nhân dân Việt Nam hiện nay lo kháng chiến, đó là nhiệm vụ chính của nó. Ngoài ra, và cũng để phụng sự kháng chiến, nó lo xây dựng nước Việt Nam mới, thực hiện chế độ dân chủ về các mặt kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội. Phải có một cuộc tranh đấu hợp với trình độ và ý nguyện của quần chúng nhân dân, một cuộc tranh đấu sâu rộng, bền bỉ, lâu dài, thì công việc đó mới làm được đầy đủ, thuận lợi.

Chính quyền dân chủ nhân dân chúng ta phải học tập, rèn luyện trong việc lãnh đạo cuộc tranh đấu này để rồi đây có đủ năng lực lãnh đạo những cuộc cải cách lớn lao hơn, tiến hành cả sự nghiệp kiến thiết.

Sức mạnh của chính quyền dân chủ nhân dân là sức tổ chức và lãnh đạo cuộc tranh đấu ấy.

4. Phê bình và tự phê bình

Xem trên thì thấy phương pháp làm việc của chính quyền dân chủ nhân dân của ta có nhiều khuyết điểm.

Chúng ta phải biết dùng và mạnh dạn dùng phương pháp phê bình và tự phê bình để sửa chữa khuyết điểm và chỉnh đốn mọi việc.

Chế độ dân chủ của chúng ta tổ chức theo nguyên tắc dân chủ tập trung, bắt buộc chúng ta phải dùng phương pháp phê bình và tự phê bình: người đại biểu của nhân dân phải chịu trách nhiệm và báo cáo công việc mình trước Hội đồng nhân dân; các cơ quan thuộc mỗi cấp phải chịu trách nhiệm và báo cáo công việc mình trước Ủy ban cấp ấy.

Chịu trách nhiệm và báo cáo là trình bày thật thà những điều làm được và những điều không làm được, những cái tốt và những cái xấu. Như thế là có phê bình và tự phê bình trong đó.

Người nghe báo cáo sẽ căn cứ vào đó để nhận xét và do đó cũng sẽ có phê bình và tự phê bình.

Phê bình và tự phê bình đây là phương pháp duy nhất để tìm thấy khuyết điểm để sửa chữa. Đó là phương pháp giúp nhân dân *kiểm soát* người mình bầu, kiểm soát cơ quan thay mặt mình. Đó là cách tốt nhất để nhân dân tham gia trực tiếp, thường xuyên và có hiệu lực vào công việc nước. Kiểm soát để tín nhiệm nếu làm đúng, để chỉ trích nếu làm sai, để không tín nhiệm và bầu người khác nếu thật là không xứng đáng. Vì chúng ta chưa thực hiện đầy đủ việc nhân dân kiểm soát cán bộ, nên có người trong Ủy ban, người phụ trách cơ quan làm việc không đúng chính sách của Chính phủ, tự tư tự lợi, hại nước hại dân, mà nhân dân không có cách hoặc không dám vạch mặt chỉ trán kẻ sâu mọt, bắt buộc họ phải sửa chữa, nếu cần thì tống đi. Trong việc thi hành tổng động viên, trong việc thu thóc, trong việc sử dụng công quỹ, trong Ủy ban, ở cơ quan phụ trách đã có người những nhiều, ngược đãi nhân dân, đã lợi dụng việc công làm việc tư, mà cấp trên không biết hay biết chậm. Chỉ có con mắt nhân dân mới thấy được tất cả, thấy ngay và đúng chỗ sai lầm hư hỏng; cho nên

chỉ có nhân dân mới kịp thời và thấu suốt chỉ trích những sai lầm, hư hỏng ấy.

Chúng ta là chính quyền dân chủ nhân dân, chúng ta phải lắng tai nghe những điều chỉ trích của nhân dân, những điều nói nhỏ, những điều nói to, những điều chưa nói thành lời nhưng ầm ục trong lòng, những điều không nói nhưng đã tỏ rõ trong hành động. Chúng ta hãy lắng tai nghe những điều chỉ trích của công nhân, nông dân và các tầng lớp khác để kiểm thảo công việc chúng ta, để nhận lỗi thành thật và thẳng thắn trước nhân dân. Làm như thế chúng ta sẽ được nhân dân tín nhiệm hơn.

Chúng ta có chịu khó nghe lời chỉ trích của nhân dân, chúng ta có thành thật và thẳng thắn tự chỉ trích trước nhân dân, thì nhân dân mới mạnh dạn và kịp thời cho chúng ta biết để sửa chữa những sai lầm của chúng ta, lúc ấy chúng ta mới chắc chắn là đi đúng con đường nhân dân.

Đó cũng là một cách giáo dục dân chủ, thực hiện dân chủ.

5. Phải có cán bộ dân chủ

Muốn làm những điều nói trên, muốn thực hiện chính quyền dân chủ nhân dân, chúng ta phải có cán bộ đủ sức làm việc ấy.

Những cán bộ chúng ta cần phải là cán bộ chính quyền dân chủ nhân dân Việt Nam, thấm nhuần đường lối, chính sách của Đảng, của Chính phủ, biết kết hợp đường lối chính sách ấy với địa phương mình, ngành mình, công tác mình, biết đi sát với nhân dân, phụng sự nhân dân, học tập nhân dân đồng thời diu dặt, giáo dục nhân dân. Những cán bộ chúng ta cần không phải là những người chỉ biết nói suông về lập trường giai cấp, về chính quyền dân chủ nhân dân, về

chủ nghĩa Mác - Lênin, mà phải là những người biết đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân Việt Nam để làm cách mạng Việt Nam, hiểu đặc điểm của chính quyền dân chủ nhân dân Việt Nam để chủ trương và hành động cho đúng, biết áp dụng chủ nghĩa Mác - Lênin cho đúng trong công tác của mình.

Những cán bộ như thế chúng ta đã có chưa?

Có, nhưng chưa có nhiều, chưa có đủ. Chúng ta cũng có một số cán bộ sinh trưởng trong phong trào cách mạng, nắm vững đường lối chính trị chung, cúc cung tận tụy với nhân dân, với Đảng, với Chính phủ, họ là cốt cán của bộ máy nhà nước dân chủ nhân dân, nhưng số cán bộ này còn quá ít. Một số đông cán bộ chúng ta là những công chức thời trước, mà mấy năm nay chúng ta chưa cải tạo tư tưởng một cách có hệ thống; là những cán bộ chính trị chưa được rèn luyện, thử thách, nhưng cất nhắc quá mau. Các hạng cán bộ kể trên nhiều hay ít đều mắc bệnh quan liêu, chăm lo làm việc hành chính theo nghĩa giấy tờ, sự vụ, hình thức, chăm lo phụ trách đối với Chính phủ mà ít phụ trách đối với nhân dân.

Vấn đề bây giờ là giáo dục số cán bộ ấy, hoá họ thành cán bộ của chính quyền dân chủ nhân dân Việt Nam bằng cách giúp họ cải tạo tư tưởng, cải tạo tác phong, dồi mài năng lực trong sự hoạt động giữa quần chúng nhân dân, trong sự xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, nhất là trong sự thi hành phê bình và tự phê bình. Gần đây chúng ta có đặt vấn đề *cán bộ công nông*, là vì công nông là số đông nhân dân, là lực lượng chính của cách mạng đã có công lớn trong cuộc Cách mạng Tháng Tám và cuộc kháng chiến hiện tại, đã chứng tỏ lòng yêu nước, tinh thần dũng cảm, năng lực chính trị và tổ chức. Chính quyền dân chủ nhân dân Việt Nam một

phần lớn là do bàn tay họ xây dựng và bảo vệ. Họ phải có địa vị xứng đáng trong bộ máy chính quyền và bộ máy nhà nước. Vấn đề phải đặt ra là vì họ chưa có địa vị ấy. Đưa thành phần công nông thêm vào bộ máy chính quyền, bộ máy nhà nước là làm cho bộ máy ấy mạnh mẽ thêm lên để kháng chiến và kiến quốc.

Cất nhắc cán bộ công nông là đúng. Nhưng làm thế nào để cất nhắc?

Cán bộ công nông cũng như cán bộ khác, không phải thấp đước mà tìm thấy. Nếu chúng ta thực hiện dân chủ, chúng ta sẽ làm nẩy nở hàng nghìn, hàng vạn người công nông hăng hái chiến đấu, có năng lực gánh vác mọi công việc trong xã, trong tỉnh, trong nhà máy. Cán bộ công nông cũng như cán bộ khác nẩy nở trong cuộc đấu tranh hàng ngày và sẽ được rèn luyện trong trường học ấy.

Văn hoá họ kém, cố nhiên, nhưng họ sẽ học và chúng ta phải tìm mọi cách giúp đỡ họ học.

Mấy năm nay quần chúng công nông tiến bộ rất nhiều về mọi mặt, nhất là về chính trị. Họ thật xứng đáng tham dự chính quyền dân chủ nhân dân nhiều hơn. Chúng ta phải mạnh dạn đưa họ vào giữ trọng trách trong cơ quan chính quyền, trong bộ máy nhà nước.

IV- ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM VÀ CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN VIỆT NAM

Về việc Đảng lãnh đạo chính quyền, sau đây chỉ nói những điều cần thiết, hoặc vì nhiều người chưa hiểu đúng, hoặc vì đặc biệt quan trọng.

1. Đảng lao động Việt Nam lãnh đạo chính quyền dân chủ nhân dân Việt Nam như thế nào?

Cuộc cách mạng dân chủ nhân dân Việt Nam là do giai cấp công nhân Việt Nam lãnh đạo. Đó là một sự thật từ năm 1930. Chính quyền, nhà nước dân chủ nhân dân Việt Nam cũng do giai cấp công nhân Việt Nam lãnh đạo. Đó là một sự thật từ cuộc Cách mạng Tháng Tám. Nói giai cấp công nhân lãnh đạo, thực chất là nói chính Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Đảng Lao động Việt Nam lãnh đạo. Giai cấp công nhân lãnh đạo, Đảng Lao động Việt Nam lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo chính quyền dân chủ nhân dân Việt Nam.

Điều đó nghĩa là: giai cấp công nhân, Đảng Lao động, phải:

1- Có đường lối chính sách đúng để đưa nhân dân và chính quyền của nhân dân đến thắng lợi;

2- Làm cho nhân dân, làm cho những người giữ mọi chức trách trong bộ máy chính quyền, bộ máy nhà nước vì đường lối, chính sách của Đảng đúng mà tin phục Đảng và vui lòng đi theo Đảng;

3- Ra tay làm trước, đi đầu, làm gương mẫu để lôi cuốn mọi người đi theo, tổ chức việc thi hành đường lối chính sách của Đảng và của Chính phủ.

Làm được mấy điều kể trên, không sót một điều nào thì mới thực hiện được sự lãnh đạo. Không thể có sự lãnh đạo nào khác.

Sự lãnh đạo này hoàn toàn dựa trên lòng tin nhiệm của nhân dân, của người mình muốn lãnh đạo. Nếu nhân dân không tin nhiệm, thì không nói chuyện lãnh đạo được.

Vì sao nhân dân tin nhiệm?

Vì đường lối chính sách của mình đúng, hợp với quyền lợi, nguyện vọng của nhân dân.

Đường lối chính sách ấy đúng, mình lại phải biết làm cho nhân dân nhận thấy là đúng bằng kinh nghiệm bản thân của họ.

Sau khi nhân dân nhận thấy đúng rồi, mình lại phải biết lôi kéo, tổ chức nhân dân để thực hiện.

Nhân dân tín nhiệm mình, theo mình thì mình mới lãnh đạo được.

Chúng ta phải nói rõ điều này để các đồng chí chúng ta nhận thức đầy đủ ý nghĩa của việc lãnh đạo, để tránh tất cả mọi sự hiểu lầm và làm sai.

Hiểu lầm và làm sai vì tưởng rằng: vì mình là giai cấp công nhân, là Đảng của giai cấp công nhân thì *tự nhiên* là mình lãnh đạo, *tự nhiên* mọi người phải theo mình, đó là quyền lợi của mình, đó là nghĩa vụ của mọi người. Điều đáng để ý là những người hiểu lầm như vậy chính là những người không đủ năng lực làm cho mọi người tín nhiệm, không làm gương mẫu cho mọi người theo mình, cho nên mới vỗ ngực tự xưng là mình lãnh đạo, rồi đòi mọi người phải theo mình.

Chúng ta hãy nghe những lời sau đây của đồng chí Chu Ân Lai (trích trong bài báo cáo trình bày thành tích một năm chính quyền dân chủ nhân dân Trung Hoa nhân dịp kỷ niệm 1-10 vừa qua):

"Các đảng phái dân chủ đối với nhau và nhất là Đảng Cộng sản Trung Hoa đối với các đảng anh em đều có liên kết chặt chẽ. Những chính sách quan trọng mà Chính phủ nhân dân Trung ương đã cho thi hành đều được quyết định sau khi đã hỏi ý kiến của các đảng phái dân chủ trong nước. Từ khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Hoa ra

chỉ thị về việc củng cố sự thống nhất và hợp tác với các người ngoài đảng và sau khi phong trào sửa đổi lối làm việc phát triển, sự hợp tác giữa các đảng viên và người ngoài đảng càng thêm chặt chẽ. Nhưng về vấn đề ấy, thái độ hẹp hòi của một số đông đảng viên cộng sản là một điều lệch lạc cần phải được sửa chữa, để củng cố sự thống nhất giữa các đảng phái dân chủ và các phân tử dân chủ không đảng phái. Đồng thời chúng ta phải đề phòng xu hướng thoả hiệp vô nguyên tắc".

Đảng Cộng sản Trung Quốc có uy tín rất lớn lao đối với nhân dân Trung Quốc, đối với các đảng phái dân chủ khác. Các đảng phái dân chủ này đều công bố thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thế mà thái độ của Đảng Cộng sản Trung Quốc, dân chủ và khiêm tốn dường ấy. Như thế mới đúng tác phong của người lãnh đạo chân chính, và sự lãnh đạo như thế mới thật chắc chắn, đảm bảo.

Ở nước ta, trong Mặt trận dân tộc thống nhất, trong cơ quan chính quyền, chúng ta làm việc với đảng phái dân chủ khác, với nhân sĩ ngoài Đảng. Sự quan hệ với nhau là: *đoàn kết, công tác, thảo luận, giúp đỡ*, dựa trên lòng thành khẩn của những người theo đuổi một mục đích. Chúng ta có một lý thuyết soi sáng tất cả, chúng ta có đường lối chính sách đúng, chúng ta là những người tổ chức đắc lực. Nắm vững ba cái phép này chúng ta sẽ lãnh đạo thuận lợi. Không nắm vững ba cái phép này thì chúng ta không lãnh đạo được.

2. Đảng lãnh đạo chính quyền trong việc lãnh đạo chung của Đảng

Trong cuộc Hội nghị toàn quốc lần thứ ba chúng ta đã chỉ trích sự hiểu lầm và làm sai của nhiều đồng chí cho rằng: việc lãnh đạo chính quyền là việc của những đồng chí phụ

trách chính quyền, chứ không phải việc chung của toàn Đảng, của tất cả đảng viên, không phải việc của cấp uỷ.

Từ đó đến nay, chúng ta đã sửa chữa nhiều, rất nhiều. Nhưng sự hiểu lầm và làm sai ấy chưa được sửa chữa hết, nghĩa là việc toàn Đảng, toàn thể đảng viên, nhất là cấp uỷ phải lãnh đạo chính quyền chưa được thực hiện đầy đủ, một cách có tổ chức, một cách thật hiệu quả.

Vấn đề cách mạng là vấn đề chính quyền. Làm cách mạng cốt yếu là để giành chính quyền, giữ chính quyền, kiện toàn chính quyền, để dùng chính quyền ấy thực hiện nhiệm vụ cách mạng. Đó là một điều mà đảng viên chúng ta phải ghi nhớ để có thái độ, có quan hệ đúng đối với chính quyền.

Hiện nay trong việc Đảng lãnh đạo chính quyền, khuyết điểm của chúng ta là chưa nhận thức đầy đủ sự quan trọng của công tác chính quyền sự cần thiết dùng chính quyền để tiến hành mọi công việc kháng chiến và kiến quốc. Vì lẽ đó, nhiều cấp uỷ chỉ lãnh đạo chính quyền trên hình thức danh nghĩa, nhưng thực tế không lãnh đạo đầy đủ, thiết thực, thậm chí có cấp uỷ không hiểu biết nội dung công tác của những ngành quan trọng như quân sự, kinh tế, giáo dục. Vì không coi trọng công tác chính quyền nên nhiều nơi không đưa cán bộ đắc lực, không chia một phần xứng đáng các uỷ viên trong cấp uỷ sang phụ trách chính quyền.

Đây là Đại hội của Đảng, cho nên tôi chỉ nói khuyết điểm của Đảng, của cấp uỷ. Vì cấp uỷ lãnh đạo chính quyền chưa đúng mực cho nên cán bộ phụ trách chính quyền còn sai lầm, thiếu sót nhiều: không nắm vững đường lối chính sách, chủ trương của Đảng, không đi sâu vào chuyên môn, không giữ đúng kỷ luật như: thỉnh thị và báo cáo đối với cấp uỷ, v.v.. Vì

cấp uỷ không lãnh đạo sát chính quyền cho nên tình trạng khoán trắng còn khá phổ thông, vẫn còn để đồng chí phụ trách chính quyền biết sao làm vậy, muốn sao làm vậy trong nhiều vấn đề cốt yếu, quan trọng.

Đảng phải lãnh đạo chính quyền, cấp uỷ phải lãnh đạo chính quyền, điều đó hoàn toàn đúng, nhưng nói như thế không phải nói rằng Đảng, cấp uỷ chỉ lãnh đạo chính quyền. Nghĩa là ngoài chính quyền, Đảng, cấp uỷ còn phải lãnh đạo quân sự, lãnh đạo dân vận. Có sai lầm cho rằng việc lãnh đạo chính quyền là việc của đồng chí phụ trách chính quyền, thì tất nhiên có sai lầm cho rằng việc lãnh đạo quân sự, lãnh đạo dân vận là việc của đồng chí phụ trách quân sự, dân vận. Phải sửa chữa sai lầm này để nâng cao và thực hiện việc các cấp uỷ phải lãnh đạo chính quyền cũng như phải lãnh đạo quân sự và dân vận. Như thế là thực hiện thống nhất, phối hợp quân, dân, chính dưới sự lãnh đạo của Đảng, để sửa chữa tình trạng hoạt động thiếu nhất trí, thiếu ăn khớp, thậm chí tình trạng mâu thuẫn giữa các ngành.

Đồng chí Xtalin dạy chúng ta rằng Đảng là cơ quan lãnh đạo và giữa cơ quan lãnh đạo và nhân dân có những sợi dây chuyên.

Những sợi dây chuyên chính ở Việt Nam hiện nay là chính quyền và Mặt trận (quân đội trong bộ máy chính quyền). Muốn sự lãnh đạo của Đảng đi tới nhân dân, được nhân dân hiểu và làm theo, thì các sợi dây chuyên ấy phải chạy đều, ăn nhịp với nhau. Ở nước ta các sợi dây chuyên này chưa chạy đều, ăn nhịp với nhau lắm. Đó là vì cơ quan lãnh đạo, là đảng viên và cấp uỷ chưa có ý thức đầy đủ và chưa khéo trong việc nắm các sợi dây chuyên ấy.

Tóm lại, sự lãnh đạo của Đảng *phải thống nhất* đối với các bộ phận *quân, dân, chính* và toàn diện, nghĩa là bao quát tất cả các vấn đề, nhưng đặc biệt là vấn đề quan trọng của các mặt hoạt động quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá. Như thế dưới sự lãnh đạo thống nhất và toàn diện của Đảng, bộ máy chính quyền dính liền với bộ máy quân sự và bộ máy dân vận, công tác chính quyền dính liền với công tác toàn Đảng.

KẾT LUẬN

Chính quyền của chúng ta là kết quả của Cách mạng Tháng Tám.

Chính quyền của chúng ta là chính quyền dân chủ nhân dân.

Chính quyền đó mấy năm nay đã lãnh đạo cuộc kháng chiến đạt được nhiều thành tích rực rỡ. Chính quyền đó được Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân và toàn thể nhân dân thế giới tin cậy và ủng hộ.

Chính quyền đó là công cụ cách mạng mạnh mẽ, sắc bén để thực hiện chế độ dân chủ nhân dân, chuẩn bị điều kiện tiến lên xã hội chủ nghĩa. Vì lẽ đó, chúng ta phải đề cao vai trò của chính quyền đồng thời phải biết học tập, kiện toàn, dồi mài bộ máy chính quyền, bộ máy nhà nước. Học tập quản trị bộ máy ấy là học tập quản trị quốc gia, quản trị tài sản của nước ta, học tập quản trị 20 triệu nhân dân ta.

Chúng ta là những người có tư tưởng cao cả là thực hiện xã hội chủ nghĩa, đồng thời chúng ta phải là những người biết quản trị khôn khéo và thiết thực, cho nên theo lời dạy

của Hồ Chủ tịch, nêu gương Hồ Chủ tịch, chúng ta phải học quản trị nhà nước, để đưa kháng chiến đến thắng lợi, hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới xã hội chủ nghĩa.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN HOÀN THÀNH CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG*

Các đồng chí,

Đại biểu Đại hội lần thứ II của Đảng ta họp vào lúc quân đội và nhân dân đang anh dũng kháng chiến để tiêu diệt bọn thực dân Pháp, đánh đổ bọn can thiệp Mỹ, vào lúc cuộc chiến tranh giải phóng của nước ta đã bước vào năm thứ sáu.

Cuộc Đại biểu Đại hội này cũng là cuộc Đại hội đầu tiên của Đảng, không những từ khi Đảng lãnh đạo quân đội và nhân dân kháng chiến, mà từ khi Đảng mới có quân đội, từ khi Đảng mới bắt đầu đưa nhân dân đứng dậy đấu tranh vũ trang.

Kể từ ngày Đảng ta thành lập, như Hồ Chủ tịch đã vạch rõ trong bản *Báo cáo chính trị*, cuộc vận động cách mạng Việt Nam đã tiến triển qua nhiều thời kỳ. Cuộc vận động ấy đã đi từ hình thức tranh đấu chính trị trong 10 năm đầu, đến hình thức tranh đấu vũ trang trong 10 năm gần đây- nếu kể từ ngày thành lập quân đội thì chỉ mới trong 6 năm gần đây.

Cuộc tranh đấu vũ trang đó, từ khi mới nhóm lên, vẫn tiến hành và phát triển dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Trải

* Báo cáo do đồng chí Võ Nguyên Giáp đọc tại Đại hội. (B.T).

qua mấy năm tranh đấu vũ trang, sự thực đã chứng minh: vũ trang tranh đấu là kế tục tranh đấu chính trị, vũ trang tranh đấu là một hình thức cao của cuộc tranh đấu chính trị, vũ trang tranh đấu có nhiệm vụ thực hiện mục đích chính trị của cách mạng, căn cứ vào đường lối chủ trương của Đảng.

Đường lối chính trị của Đảng quyết định đường lối tranh đấu vũ trang.

Mục đích chính trị của cách mạng quyết định nhiệm vụ của tranh đấu vũ trang.

Cuộc tranh đấu vũ trang hiện nay chính đang thực hiện nhiệm vụ cơ bản của cách mạng dân chủ nhân dân, "đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, làm cho Việt Nam hoàn toàn thống nhất và độc lập", "Đảng tập trung lực lượng để hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, để làm tròn trọng tâm của cách mạng trong giai đoạn hiện tại" (*Lược cương chính trị*, phần thứ II-2).

Bản báo cáo quân sự này sẽ trình bày và kiểm điểm trước Đại hội con đường vũ trang tranh đấu của Đảng ta, - chỉ nêu những điểm chính và chú trọng cuộc chiến tranh giải phóng hiện nay - đồng thời căn cứ vào nhiệm vụ chính trị cơ bản mà đặt phương châm tranh đấu vũ trang, đặt nhiệm vụ xây dựng quân đội.

Bản báo cáo chia làm năm phần:

- 1- Vũ trang tranh đấu trường kỳ là con đường độc lập và dân chủ.
- 2- Nắm vững phương châm chiến lược.
- 3- Xây dựng một quân đội nhân dân hùng mạnh.
- 4- Tích cực giúp đỡ cuộc chiến tranh giải phóng Miên-Lào.
- 5- Kiện toàn sự chỉ đạo chiến tranh của Đảng, giành lấy thắng lợi hoàn toàn.

PHẦN THỨ NHẤT

VŨ TRANG TRANH ĐẤU TRƯỜNG KỲ LÀ CON ĐƯỜNG ĐỘC LẬP VÀ DÂN CHỦ

I- ĐẢNG TA ĐÃ LÃNH ĐẠO DÂN TỘC TIẾN TỚI VŨ TRANG TRANH ĐẤU

"Nhiệm vụ trọng tâm và hình thức cao nhất của cách mạng là vũ trang cướp chính quyền, là dùng chiến tranh mà giải quyết vấn đề, nguyên tắc cách mạng đó của chủ nghĩa Mác-Lênin ở đâu cũng đều đúng cả"¹⁾.

Việt Nam, ngay từ lúc mới thành lập, trong những năm cao trào 1930 -31, đặc điểm trong cuộc vận động Xôviết Nghệ An, Đảng ta đã học tập đưa quần chúng công, nông tiến đến tranh đấu bán vũ trang, với các hình thức tổ chức tự vệ hoặc xích vệ.

Với thế giới đại chiến lần thứ hai, Đảng ta bắt đầu đặt vấn đề vũ trang tranh đấu. Năm 1939, trước điều kiện đế quốc Pháp bị lôi cuốn vào chiến tranh, đế quốc Nhật đe dọa Việt Nam và Đông Nam Á, Trung ương đã sớm đề ra chủ trương chuẩn bị để phát động du kích chiến tranh. Sau đó, trong năm 1940, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn nêu có vũ trang tranh đấu, rồi tiếp đến cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Hai cuộc khởi nghĩa đó có một ảnh hưởng vang dội, đó là những tiếng gọi kiên quyết và anh dũng thúc giục nhân dân đứng dậy tranh đấu vũ trang.

Cuộc hội nghị Trung ương mở rộng tháng 8-1941 lần đầu

1) Mao Trạch Đông: *Chiến tranh và vấn đề chiến lược*, 1938.

có một nghị quyết rõ ràng về việc chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa đánh đổ Pháp-Nhật. Đồng thời, với phong trào Việt Minh, Đảng đề ra nhiệm vụ củng cố chiến khu Bắc Sơn, gây dựng và mở rộng chiến khu Cao-Bắc-Lạng, và dần dần gây dựng các cơ sở bán vũ trang và vũ trang ở trung châu Bắc Bộ.

Năm 1944 và 45 là những năm cơ sở vũ trang và bán vũ trang của Đảng phát triển khá mạnh. Tháng chạp 44, Đảng đề ra nhiệm vụ xây dựng quân đội: Đội Tuyên truyền Việt Nam Giải phóng quân thành lập và sang tháng 3 năm sau thì thống nhất với Cứu quốc quân chính thức thành lập Việt Nam Giải phóng quân. Cuộc chiến tranh du kích kháng Nhật được phát động, khu giải phóng Việt Bắc trở nên căn cứ địa của cuộc tranh đấu kháng Nhật. Trong lúc đó, đội du kích Ba Tư cũng đã nổi dậy hoạt động ở Quảng Ngãi. Cho đến tháng 8-45 thì nhân lúc Nhật đầu hàng, cuộc Tổng khởi nghĩa bùng nổ, vũ trang cướp chính quyền khắp toàn quốc. Cuộc vũ trang tranh đấu của ta đã tiến triển rất nhanh, vì đã gặp những điều kiện quốc tế và trong nước hết sức thuận lợi trong những ngày tháng 8-45.

Sau Cách mạng Tháng Tám cuộc vũ trang tranh đấu của dân ta vẫn tiếp tục: cuộc chiến tranh du kích kháng Nhật đã biến thành cuộc chiến tranh giải phóng chống bọn thực dân Pháp và sau này chống cả bọn can thiệp Mỹ. Kẻ thù của cách mạng thay đổi, chúng ta bước vào một cuộc chiến tranh mới: cuộc kháng chiến ngày nay.

Ngày 23-9-45, bọn thực dân Pháp bắt đầu tiến đánh Nam Bộ. Lúc bấy giờ quân đội Anh chiếm đóng miền Nam và trực tiếp giúp Pháp, quân đội Tưởng chiếm đóng miền Bắc và trực tiếp giúp bọn Quốc dân Đảng Việt Nam, quân đội Nhật đầu hàng còn đang ở trong nước, về ta thì chính quyền cách mạng

mới thành lập, quân đội cách mạng mới gây dựng. Ban đầu tình thế hết sức khó khăn và phức tạp, Trung ương đã nhận định con đường vũ trang tranh đấu là con đường sống còn duy nhất và đã chủ trương kháng chiến đến cùng ở miền Nam trong khi toàn quốc tích cực chuẩn bị.

Tháng 3-46, Trung ương chủ trương "hòa để tiến", ký Hiệp định sơ bộ với Pháp, một mặt tranh thủ hòa bình với nhân dân Pháp, một mặt vẫn tích cực chuẩn bị để chiến đấu với giặc. Chúng ta đã nhân tình thế hòa hoãn bấy giờ mà vũ trang tiêu diệt các bộ đội thổ phỉ của Quốc dân Đảng Việt Nam, giải phóng những vùng quan trọng, tiêu diệt bọn phản quốc ở bên trong, để có điều kiện kháng chiến thuận lợi.

Ngày 19-12-46, trước thủ đoạn cục bộ xâm lược của giặc, Trung ương nhận định không thể hòa hoãn lâu hơn, một lần nữa thấy rõ con đường vũ trang tranh đấu là con đường sống còn duy nhất, cho nên đã chủ trương toàn quốc kháng chiến. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân đội và nhân dân ta kháng chiến đến ngày nay.

Nhìn lại quá trình cuộc vận động cách mạng trong 10 năm vừa qua, Đảng ta đã nắm vững phương châm vũ trang tranh đấu. Từ chỗ chưa có quân đội, Đảng ta đã xây dựng quân đội và đi tới một quân đội ngày càng mạnh; cuộc vũ trang tranh đấu từ các khu du kích lẻ tẻ lúc đầu đã tiến triển thành một cuộc kháng chiến của toàn dân. Trong khi phong trào Nam Dương gặp nhiều khó khăn, trước khi Triều Tiên chưa tiến hành cuộc chiến tranh chống Mỹ, Đảng ta là Đảng Cộng sản đầu tiên đã lãnh đạo cuộc vũ trang tranh đấu trong một nước thực dân nhược tiểu, và đã đưa cuộc tranh đấu ấy đến những thắng lợi lớn lao.

II- ĐẶC ĐIỂM CỦA CUỘC CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG HIỆN NAY

Cuộc chiến tranh giải phóng hiện nay là một cuộc chiến tranh cách mạng của một nước thuộc địa nhược tiểu đã nổi dậy làm cách mạng dân chủ nhân dân, chống lại một đế quốc chủ nghĩa đang suy nhược, trong điều kiện quốc tế sau đại chiến lần thứ hai: Lực lượng đế quốc chủ nghĩa đã suy yếu, lực lượng dân chủ nhân dân đang lớn mạnh.

Cuộc chiến tranh giải phóng ấy có sáu đặc điểm sau đây:

1- *Đặc điểm thứ nhất*: Cuộc chiến tranh giải phóng của ta là một cuộc chiến tranh chính nghĩa, cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp là một cuộc chiến tranh phi nghĩa.

Mục đích chính trị của cuộc chiến tranh quyết định tính chất chính nghĩa về phía ta, tính chất phi chính nghĩa về phía địch.

Vì cuộc kháng chiến của ta là hợp chính nghĩa, cho nên quân và dân ta chiến đấu kiên quyết, đoàn kết chặt chẽ, cho nên chúng ta được nhân dân các nước dân chủ và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới ủng hộ, trong đó có cả nhân dân Pháp và các thuộc địa Pháp. Trải qua sáu năm kháng chiến lòng tin tưởng và chí kiên quyết của quân và dân ta đã tăng lên rất cao, sự ủng hộ của các nước dân chủ và nhân dân tiến bộ toàn thế giới cũng vậy.

Vì cuộc xâm lược của Pháp là phi nghĩa cho nên cuộc chiến tranh xâm lược đó trái với quyền lợi của nhân dân Pháp, không được nhân dân Pháp ủng hộ, càng không được nhân dân thuộc địa Pháp và nhân dân tiến bộ toàn thế giới ủng hộ. Trải qua sáu năm kháng chiến, phong trào phản chiến ở Pháp đã phát triển mạnh, tinh thần chiến đấu của

binh lính Pháp đã giảm sút rất nhiều, sự tin tưởng ở thắng lợi ngày nay hầu như đã tiêu tan hoàn toàn, cuộc vận động chống lại cuộc xâm lược của Pháp ở Việt Nam ngày càng lan rộng trong nhân dân thuộc địa Pháp và trong nhân dân tiến bộ toàn thế giới.

Do đặc điểm thứ nhất, cuộc chiến tranh càng kéo dài thì càng có lợi cho ta, không có lợi cho địch.

2. *Đặc điểm thứ hai*: Nước ta là một nước nhược tiểu đất hẹp, của ít, lại là một thuộc địa cũ của Pháp mới nổi dậy thành lập quốc gia và quân đội; trái lại, Pháp là một đế quốc chủ nghĩa, lại là một đế quốc chủ nghĩa đã từng thống trị Việt Nam. Nước ta là một nước yếu hèn, mới thành lập quốc gia và quân đội thì phải đương đầu với nạn ngoại xâm, nhược điểm đó cần phải có thời gian mới khắc phục được. Đất ta lại hẹp, về địa lý chiến lược chia làm hai chiến trường, của ít, kinh tế lạc hậu, do đó nước ta dễ bị địch cắt đứt từng quãng dễ sinh ra hiện tượng phát triển bất bình hành, căn cứ địa dễ bị uy hiếp, vấn đề kinh tế nói chung và kỹ nghệ quốc phòng nói riêng có gặp nhiều khó khăn.

Trái lại, kẻ địch của ta là một đế quốc chủ nghĩa cho nên lực lượng kinh tế của chúng so với ta lúc đầu vẫn mạnh hơn nhiều. Chúng lại có khả năng huy động nhân lực, vật lực thuộc địa để đánh ta. Một chỗ mạnh nữa của Pháp là chúng đã từng thống trị nước ta trong 80 năm, cho nên có một kho kinh nghiệm dồi dào về chiến tranh thuộc địa, lại quen thuộc chiến trường, sành sỏi trong chính sách "chia để trị", chia rẽ dân tộc, tôn giáo, sử dụng ngụy binh.

Do đặc điểm thứ hai này, vì địch mạnh ta yếu, cho nên chúng ta không thể thắng nhanh được địch, phải đánh kéo

dài mới làm giảm được chỗ mạnh của địch, bỏ cứu chỗ yếu của ta.

3. *Đặc điểm thứ ba:* Việt Nam là một nước nhược tiểu nhưng lại là một nước nhược tiểu đã làm cách mạng dân chủ nhân dân và chính đảng lớn mạnh; Pháp là một đế quốc, nhưng lại là một đế quốc đang lúc suy nhược.

Nước ta không còn là nước Việt Nam trước hoặc trong đại chiến. Nước ta ngày nay là một nước đã làm Cách mạng Tháng Tám thành công, đã tuyên bố độc lập, thành lập chính quyền nhân dân và quân đội nhân dân, có một Mặt trận dân tộc thống nhất bao trùm hầu hết các giai cấp, các tầng lớp. Trải qua mấy năm kháng chiến, chính quyền nhân dân ngày càng vững chắc, Mặt trận dân tộc thống nhất ngày càng củng cố, quân đội nhân dân ngày càng lớn mạnh, việc xây dựng chế độ dân chủ nhân dân trong vùng tự do ngày càng tiến bộ.

Kẻ địch của ta thì không phải là một đế quốc chủ nghĩa đang thời thịnh vượng, mà lại là một đế quốc chủ nghĩa đã từng mất nước cho Đức, đã từng bị Nhật đánh đuổi ra khỏi Đông Dương. Cho nên về kinh tế và tài chính thì ngày càng kiệt quệ, về chính trị và xã hội thì mâu thuẫn giữa lực lượng dân chủ và lực lượng phản động ngày càng sâu sắc; về quân sự thì lực lượng so với trước đại chiến đã sút kém rất nhiều, về chất cũng như về lượng.

Do đặc điểm thứ ba, vì địch mạnh nhưng có chỗ yếu, ta yếu nhưng có chỗ mạnh, cho nên nếu cuộc chiến tranh kéo dài thì chúng ta có thể thắng được địch.

4. *Đặc điểm thứ tư:* Nước ta ở bên cạnh hai nước Lào và Miên trong khi chúng ta kháng chiến chống Pháp thì Lào và Miên cũng đã nổi dậy tranh đấu vũ trang chống Pháp.

Ba nước Việt, Miên, Lào trong bán đảo Đông Dương,

trước đây đều là thuộc địa của Pháp. Do đó, Pháp rất có thể lợi dụng Miên và Lào để tiến đánh Việt Nam.

Nhưng Miên và Lào đã đứng dậy tranh đấu vũ trang chống Pháp. Do đó cuộc chiến tranh càng kéo dài thì lại càng nguy cho Pháp, càng có lợi cho ta.

Do đặc điểm thứ tư, cuộc chiến tranh giải phóng của Việt Nam có liên quan rất mật thiết với cuộc chiến tranh giải phóng của Miên, Lào; và cuộc chiến tranh càng kéo dài thì sự liên quan đó lại càng thêm mật thiết.

5. *Đặc điểm thứ năm:* Cuộc chiến tranh chống Pháp xảy ra trên một nước tiếp giáp với Trung Hoa, có một vị trí chiến lược quan trọng ở Đông Nam Á, và trong điều kiện quốc tế mới sau thế giới đại chiến lần thứ hai.

Cuộc chiến tranh giải phóng của ta là một bộ phận của phong trào cách mạng dân chủ nhân dân toàn thế giới, do Liên Xô đứng đầu. Ngay từ khi cuộc kháng chiến mới bắt đầu, mặc dầu trong hoàn cảnh bị phong tỏa, chúng ta đã được sự đồng tình ủng hộ của các lực lượng dân chủ. Vào năm 1950, với cuộc thắng lợi vĩ đại của cách mạng Trung Hoa, thế bao vây về quốc tế đã chấm dứt, nước ta đã được nối liền với nước Trung Hoa mới và thế giới dân chủ mới.

Cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp, trái lại, chịu ảnh hưởng của tình trạng suy nhược, của những nguy cơ chung trong hệ thống đế quốc chủ nghĩa, do Mỹ đứng đầu. Vì đế quốc Pháp ngày càng nguy khốn và bất lực, cho nên chiến lược của Pháp ngày càng phụ thuộc vào chiến lược chung của bọn phản động quốc tế và đế quốc Mỹ can thiệp ngày càng trực tiếp vào chiến tranh ở Việt Nam.

Do đặc điểm thứ năm, chiến tranh càng kéo dài thì chúng ta lại gặp nhiều điều kiện thuận lợi nhờ sự giúp đỡ ủng hộ

của Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân, đồng thời lại gặp nhiều khó khăn do sự can thiệp ngày càng tích cực của Mỹ và bọn phản động quốc tế. Nhưng vì tình thế quốc tế sau đại chiến thứ hai nói chung là có lợi cho phe dân chủ hơn phe đế quốc, cho nên, đối với ta, điều kiện quốc tế căn bản có lợi cho ta hơn là có lợi cho địch.

6. *Đặc điểm thứ sáu:* Cuộc chiến tranh giải phóng của Việt Nam do giai cấp vô sản, do Đảng Cộng sản và vị lãnh tụ tối cao là Hồ Chủ tịch lãnh đạo. Sự lãnh đạo ấy dựa vào kinh nghiệm phong phú của 20 năm tranh đấu chống đế quốc chủ nghĩa, dựa vào kinh nghiệm các cuộc chiến tranh cách mạng trên thế giới, dựa vào nhãn quan rộng rãi và sáng suốt, vào tinh thần tranh đấu bất khuất, đạo đức chí công vô tư của Hồ Chủ tịch. Sự lãnh đạo ấy dựa vào lý luận Mác - Lênin, vào tư tưởng Mao Trạch Đông áp dụng vào hoàn cảnh Việt Nam, dựa vào các sự biến chuyển mới trong tình hình trong nước và quốc tế, những biến chuyển mới về địch và ta, khắc phục và sửa chữa các nhược điểm và sai lầm của ta, phát huy những ưu điểm phát triển những chỗ mạnh. Sự lãnh đạo đó đem tinh thần anh dũng của người chiến sĩ cộng sản, tinh thần phục vụ dân tộc, phục vụ nhân dân của Hồ Chủ tịch, của giai cấp vô sản mà giáo dục cho toàn dân, cho toàn quân.

Về phía địch thì sự lãnh đạo chiến tranh do bọn thực dân ngoan cố đảm nhiệm, nhằm mục đích phụng sự quyền lợi của thiểu số, chống với quyền lợi của nhân dân. Sự lãnh đạo ấy tin vào sức mạnh của vũ khí và kỹ thuật, coi nhẹ yếu tố tinh thần của nhân dân và binh sĩ, dựa vào tình hình Việt Nam cũ và thế giới cũ mà coi nhẹ những biến chuyển mới, vì vậy dễ phạm chủ quan, sai lầm về chủ trương đường lối, do dự bất định trong khi thi hành.

Do đặc điểm thứ sáu, chúng ta tin rằng: dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch và của Đảng, cuộc chiến tranh giải phóng chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ nhất định đi đến thắng lợi.

III- CUỘC CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG HIỆN NAY LÀ MỘT CUỘC CHIẾN TRANH NHÂN DÂN, TRƯỜNG KỲ VÀ NHẤT ĐỊNH THẮNG LỢI

Do sự phân tách đặc điểm nói trên, do sự phát triển của các đặc điểm ấy, chúng ta nhận thấy cuộc chiến tranh giải phóng Việt Nam là một cuộc chiến tranh nhân dân trường kỳ và nhất định thắng lợi:

1. Cuộc chiến tranh ấy là cuộc chiến tranh nhân dân, là vì mục đích của nó là thực hiện nền độc lập thống nhất cho dân tộc, bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân, bảo vệ quyền lợi của toàn dân; là vì làm trụ cột cho cuộc chiến tranh ấy là quân đội của nhân dân, gồm có bộ đội chính quy và bộ đội địa phương, lại có các tổ chức dân quân rộng rãi, và phối hợp giúp đỡ; là vì tham gia vào việc chiến tranh, không những chỉ có một mình quân đội trên tiền tuyến, mà có cả toàn thể nhân dân, các giai cấp, các giai tầng, đồng tâm nhất trí phục vụ tiền tuyến, cứu nước giết giặc, là vì người lãnh đạo cuộc chiến tranh là Đảng Cộng sản, Đảng của giai cấp vô sản, Đảng của nhân dân quần chúng.

Muốn thực hiện chiến tranh nhân dân thì phải động viên tinh thần toàn dân, đoàn kết và vũ trang toàn dân, đưa toàn dân tham gia vào vũ trang tranh đấu; - phải xây dựng quân đội nhân dân, thực hiện phương châm chiến lược, chiến thuật

của chiến tranh nhân dân; - phải tổng động viên nhân lực, vật lực để phục vụ cho tiền tuyến; - phải củng cố chính quyền nhân dân, cải thiện sinh hoạt của dân.

Trong mấy năm kháng chiến vì quan niệm chiến tranh nhân dân không được rõ rệt, và khi đã rõ, dẫu không được phổ biến, cho nên đã xuất hiện những khuynh hướng sai lầm có hại cho cuộc kháng chiến.

Hai khuynh hướng sai lầm lớn là:

a) Cho rằng nhiệm vụ tiến hành chiến tranh là do quân đội đảm nhiệm, coi nhẹ vai trò của nhân dân hoặc do quân đội chính quy đảm nhiệm, coi nhẹ vai trò của bộ đội địa phương và dân quân.

Khuynh hướng này ở trong cấp uỷ thì đưa đến chỗ khoán trắng nhiệm vụ đánh giặc cho quân đội; trong cán bộ quân sự thì đưa đến chỗ chỉ trông thấy khả năng và công lao của quân đội, không biết vận động lực lượng của nhân dân và nhìn nhận công tác của nhân dân.

b) Đến khi đã nêu sự cần thiết phải động viên toàn dân, toàn diện thì lại đi vào quan điểm toàn diện bình quân, coi các mặt hoạt động quan trọng như nhau, do đó coi nhẹ vai trò của quân đội và không tập trung lực lượng để phục vụ chiến tranh, phục vụ tiền tuyến, thậm chí có địa phương đã chủ trương bình quân ngân sách giữa các ngành. Bước vào năm 1950, với chủ trương tổng động viên nhân lực, vật lực và khẩu hiệu "tất cả vì tiền tuyến" thì các khuyết điểm trên mới bắt đầu được sửa chữa tích cực.

2. Cuộc chiến tranh giải phóng của chúng ta lại là một cuộc *chiến tranh trường kỳ*, gian khổ và thắng lợi cuối cùng nhất định về tay chúng ta.

Trường kỳ vì địch mạnh ta yếu, nhưng địch mạnh cũng chỉ là mạnh tương đối, không phải mạnh tuyệt đối, ta yếu

nhưng cũng chỉ yếu tương đối, không phải yếu tuyệt đối. Địch mạnh nhưng không thể thắng ta ngay, ta yếu nhưng có thể đánh kéo dài và tiến tới thắng địch được. Chúng ta có thể đánh lâu dài và có đánh lâu dài mới thắng.

Lúc mới kháng chiến toàn quốc, trong Đảng có chớm nở khuynh hướng không tin tưởng ở kháng chiến trường kỳ, hoặc khuynh hướng cho rằng chiến tranh có thể chóng kết thúc được.

Gần đây, nhân cách mạng Trung Hoa đại thắng, tình hình Á Đông thay đổi có lợi cho ta, cũng lại xuất hiện khuynh hướng quá lạc quan, cho rằng chiến tranh có thể chóng kết thúc, thắng lợi có thể đến nhanh được.

Rồi đến khi quân đội Mỹ can thiệp vào Triều Tiên thì lại có kẻ không tin ở trường kỳ. Đến khi quân ta đại thắng ở biên giới thì có kẻ lại quá lạc quan.

Những quan điểm trên: không tin ở trường kỳ, hoặc có cho rằng có thể trường kỳ, đều là những quan điểm không đúng, do một sự nhận xét thiên lệch các đặc điểm của chiến tranh mà sinh ra. Chúng ta cần phải nắm vững đường lối chiến tranh trường kỳ của Trung ương và cần làm cho đường lối đó thấm nhuần vào toàn thể nhân dân và quân đội.

Cuộc chiến tranh giải phóng của chúng ta không những phải trường kỳ mà lại phải trải qua nhiều gian khổ. Đất ta hẹp, kinh tế ta lạc hậu mà lại phải theo đuổi cuộc chiến tranh nhân dân lâu dài, quân đội ta mới thành lập mà lại phải chiến đấu với quân đội một nước đế quốc. Tính chất phi chính nghĩa của chiến tranh thực dân kia cũng đi đôi với bao nhiêu tội ác, bao nhiêu hành động dã man tàn khốc của quân giặc. Sự can thiệp của Mỹ và bọn phản động quốc tế cũng làm cho cuộc chiến đấu của chúng ta thêm gay go. Nhân dân và quân đội ta hy sinh gian khổ rất nhiều từ khi bắt đầu

kháng chiến, nhưng rồi đây càng gần thắng lợi lại càng khó khăn và gian khổ hơn. Cuộc chiến đấu sẽ ác liệt hơn, nhân dân vùng địch hậu sẽ bị giày xéo dã man hơn. Con đường hy sinh gian khổ đó, con đường chiến đấu đẫm máu của Đảng và của dân tộc cũng tức là con đường độc lập và thống nhất, cũng tức là con đường thắng lợi.

*
* *

Cuộc chiến tranh giải phóng đã được sáu năm.

Quân đội chính quy của ta tăng gấp bốn lần về số lượng, đã tiến rất nhiều về chất lượng. Các bộ đội địa phương ngày nay đã thành một lực lượng mạnh hơn Vệ quốc quân lúc mới kháng chiến. Đó là về lực lượng vũ trang. Còn nhân dân thì đã được rèn luyện, giác ngộ thêm, đoàn kết càng chặt chẽ, tin tưởng càng mãnh liệt, uy tín của chính quyền nhân dân, của Đảng và của Hồ Chủ tịch ngày càng tăng thêm.

Sáu năm kháng chiến đã chứng tỏ: đường lối trường kỳ kháng chiến của Đảng là đúng; đã chứng tỏ: mặc dầu đất hẹp, của ít, kinh tế lạc hậu, nhờ ở những điều kiện mới trong nước và ngoài nước, nhân dân Việt Nam không những có thể đeo đuổi cuộc kháng chiến lâu dài mà lại càng đánh càng mạnh, và nắm chắc phần thắng lợi.

PHẦN THỨ HAI

NĂM VÙNG PHƯƠNG CHÂM CHIẾN LƯỢC

I- BA GIAI ĐOẠN

"Chiến tranh giải phóng của ta là chiến tranh tự vệ của

một dân tộc sống về nông nghiệp, chống bọn đế quốc xâm lược có kỹ nghệ hiện đại. Chỉ trong quá trình kháng chiến lâu dài của toàn thể dân tộc về mọi mặt, mới có thể khắc phục khó khăn, sửa chữa khuyết điểm và phát triển ưu điểm, mới có thể làm hao hụt lực lượng địch, bồi dưỡng lực lượng ta, làm cho ta từ chỗ thua kém địch đến cân sức với địch và mạnh hơn địch, có đủ sức đuổi địch ra khỏi nước. Vì vậy, cuộc kháng chiến phải qua ba giai đoạn: "phòng ngự, cầm cự và tổng phản công"¹⁾ giành thắng lợi cuối cùng.

Trong giai đoạn thứ nhất, ta còn yếu địch còn mạnh hơn ta cho nên chiến lược của địch là chiến lược tiến công, chiến lược của ta là chiến lược phòng ngự. Giai đoạn này đã bắt đầu với tiếng súng xâm lược của Pháp ở Nam Bộ, và đã kết thúc với trận thất bại của địch ở Việt Bắc vào thu đông 1947.

Giai đoạn thứ hai là giai đoạn sức ta đã lớn dần lên, sức địch đã bị tiêu hao một phần; sự thay đổi trong tương quan lực lượng biểu hiện ra bằng thế cầm cự trên chiến trường. Giai đoạn này dài và gay go hơn hết, bắt đầu với trận thắng lợi Việt Bắc của ta và hiện đang tiếp diễn. Trong giai đoạn này, chúng ta tiến hành chuẩn bị tổng phản công.

Giai đoạn thứ ba là giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến tranh, sức ta đã mạnh hơn sức địch. Chiến lược của ta chuyển sang tổng phản công, chiến lược của địch là chiến lược rút lui. Giai đoạn này kết thúc với cuộc thất bại của địch, với cuộc thắng lợi cuối cùng của ta.

Trong sự phân chia giai đoạn, vì thực tế của chiến tranh khá phức tạp, vì hình thái chiến sự phát triển không đều trên các chiến trường Bắc, Trung, Nam, cho nên, muốn phân

1) *Luận cương chính trị*: cương lĩnh cụ thể I.

chia, chúng ta phải căn cứ vào những đặc điểm chủ yếu của các thời kỳ, phải căn cứ vào hình thái của chiến sự trên chiến trường toàn quốc nói chung.

Mặc dầu từ 45 cho đến 19-12-46 chiến sự chưa lan rộng khắp Trung, Nam, Bắc nhưng giai đoạn thứ nhất bắt đầu với khởi điểm chiến sự ở Nam Bộ, vì chiến sự ở Nam Bộ là bước đầu của một cuộc chiến tranh xâm lược nhằm mục đích chinh phục toàn bộ lãnh thổ của ta. Thời kỳ từ 6-3 đến 19-12 là một thời kỳ hoà hoãn tạm thời, trong lúc đó đế quốc Pháp có những hành động xâm lược cục bộ và chúng ta vẫn tiếp tục chiến đấu cục bộ, vì vậy mà cuộc hoà hoãn đó không ảnh hưởng gì đến sự phân chia giai đoạn.

Đứng về một phương diện khác, Nam Bộ bị xâm lược đầu tiên và lực lượng của ta ở Nam Bộ rất yếu, cho nên trên chiến trường Nam Bộ đã xuất hiện rất sớm những hiện tượng của giai đoạn thứ hai. Mặc dầu như vậy, đứng về toàn cục, toàn quốc, giai đoạn thứ hai sau trận Việt Bắc Thu - Đông 47 mới bắt đầu.

Gần đây, trong mấy năm 49, 50, chiến sự đã đi vào giai đoạn cầm cự, nhưng địch còn chiếm rộng đồng bằng Bắc Bộ. Điểm đó cũng không thay đổi gì sự phân chia giai đoạn, vì chiến trường mở rộng ở nơi này thì thu hẹp ở nơi khác: địch chiếm Bắc Ninh, Bắc Giang, thì phải rút khỏi Bắc Kạn, địch chiếm rộng đồng bằng Bắc Bộ thì sau đó lại phải rút khỏi Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Hòa Bình; nói chung vẫn là cầm cự.

II- TRONG GIAI ĐOẠN THỨ NHẤT, SỰ CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC CÓ NHIỀU KHUYẾT ĐIỂM

Trong giai đoạn thứ nhất, nhìn suốt cả giai đoạn, chúng

ta nhận thấy chiến lược của địch là chiến lược tiến công, chủ trương của chúng là dùng những cuộc hành binh lớn chiếm lĩnh những đô thị lớn và đường giao thông quan trọng, nhằm mục đích chiếm lĩnh đất đai và tiêu diệt chủ lực của ta, mưu kết liễu chiến tranh nhanh chóng.

Đi qua phần lớn các cuộc hành binh quan trọng của địch, chúng ta nhận thấy mục đích tiêu diệt sinh lực và tính chất tốc chiến, tốc quyết của chiến lược địch.

Tuy nhiên, vì đế quốc Pháp là một đế quốc đã suy yếu, vì tình hình quân đội chiếm đóng Việt Nam khá phức tạp cho nên chủ trương tấn công xen lẫn với chủ trương hòa hoãn, chủ trương tốc chiến, tốc quyết xen lẫn với chủ trương xâm lược từng bước. Cũng vì Pháp trước đây đã thống trị nước ta và rất quen thuộc chiến trường cho nên các cuộc hành binh chiếm lĩnh đô thị và đường giao thông quan trọng đi đôi với những cuộc hành binh chiếm lĩnh những vùng rừng núi lạc hậu ở vùng hậu phương ta, hình thành thế bao vây từ bể lên núi, từ núi xuống bể. Âm mưu bao vây lớn nhất là phong tỏa biên giới Trung-Việt để khống chế căn cứ địa chính của ta, âm mưu này chỉ mới thực hiện được một phần thì bị thất bại.

Trong giai đoạn thứ nhất, sự chỉ đạo của ta có những ưu điểm sau này:

a) Kiên quyết chủ trương kháng chiến vào ngày 23-9 ở Nam Bộ và ngày 19-12 khắp toàn quốc, do đó đưa toàn dân lên con đường vũ trang tranh đấu, lên con đường thắng lợi.

b) Hợp thời hòa hoãn với địch vào 6-3, do đó cứu vãn được tình thế Nam Bộ và dành thời gian cho toàn quốc chuẩn bị.

c) Sau 19-12, trên chiến trường Bắc Bộ, bảo toàn được lực lượng của mình trước các cuộc tấn công lớn của địch.

Nhưng, nói chung thì sự chỉ đạo chiến lược của ta còn

thiếu kinh nghiệm, còn nhiều khuyết điểm. Phương châm tác chiến trong giai đoạn thứ nhất, căn cứ tương quan lực lượng giữa địch và ta, đúng ra thì phải nêu "du kích chiến làm chủ" đồng thời "tiến tới vận động chiến". Kiểm điểm lại sự chỉ đạo trên các chiến trường thì du kích chiến có đề ra, nhưng địa vị chủ yếu của nó không được nêu cao, phương thức cụ thể để phát động du kích chiến tranh cũng mãi đến thu đông 47 mới được vạch ra tương đối rõ rệt. Khuyết điểm này là khuyết điểm lớn hơn hết và có thể cắt nghĩa bằng ảnh hưởng của tư tưởng trận địa, tư tưởng chiến thuật của Pháp, Nhật, hay Quốc dân Đảng Trung Quốc.

Một khuyết điểm thứ hai là sự chỉ đạo không kịp thời, đặc biệt đối với Nam Bộ trong lúc đầu, và không nắm được chiến trường toàn quốc, sau ngày toàn quốc kháng chiến. Chính vì nguyên nhân này, vì sự chỉ đạo ở trên không thấu suốt đến dưới mà nhiều mặt trận bị tan vỡ như ở miền Nam Trung Bộ, ở Bình - Trị - Thiên.

Trong giai đoạn thứ nhất, tinh thần anh dũng của Nam Bộ, của Thủ đô, của Việt Bắc là những tấm gương đáng nêu lên. Các gương chiến đấu đó chứng tỏ rằng: chiến lược tốc quyết của Pháp nhất định thất bại, lực lượng của ta không thể bị tiêu diệt và Quân đội nhân dân Việt Nam, tuy còn trẻ và thiếu kinh nghiệm, nhưng với tinh thần bất khuất phục, nhất định chiến thắng quân địch.

III- BƯỚC VÀO GIAI ĐOẠN THỨ HAI, SỰ CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC ĐÃ TIẾN BỘ HƠN

1. Sau trận thất bại Việt Bắc, địch nhận thấy không thể trực tiếp tiêu diệt chủ lực của ta bằng những cuộc hành binh

lớn, không thể nhanh chóng giải quyết chiến tranh được mà cũng không thể giải quyết chiến tranh bằng lực lượng bản thân của chúng. Vì vậy, năm 48 đối với địch là một năm chuyển hướng chiến lược: từ mở rộng phạm vi quay lại củng cố địch hậu, từ tấn công Bắc Bộ quay lại củng cố Nam Bộ, thay thế những cuộc hành binh lớn bằng những cuộc hành binh nhỏ, không nhằm trực tiếp tiêu diệt lực lượng của ta mà nhằm phá hoại cơ sở nhân dân và kinh tế, đồng thời ra sức củng cố nguy quyền, khuếch trương nguy binh, ra sức tranh thủ viện trợ của Mỹ. Chiến lược của địch ngày càng nặng về phòng ngự và càng phụ thuộc vào chiến lược chung của bọn phản động quốc tế.

Sự chỉ đạo chiến lược của Trung ương lúc bấy giờ đã kịp thời đề ra nhiệm vụ "tiến mạnh sang giai đoạn mới" với phương châm: du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ; đồng thời đề ra hình thức tác chiến để thực hiện phương châm đó; phát động du kích chiến tranh bằng đại đội độc lập, trung đội, đội vũ trang tuyên truyền, ban xung phong công tác, thực hiện vận động chiến với tiểu đoàn tập trung, rồi tiến tới trung đoàn chủ lực. Nhiệm vụ vận động nguy binh cũng được đặt lên một địa vị quan trọng.

Năm 1948 là năm thành công của du kích chiến tranh, là năm chúng ta đã biến hậu phương của địch thành hậu phương của ta, khôi phục được nhiều cơ sở, gây dựng được nhiều căn cứ địa trong lòng địch như ở Tây Bắc, Đông Bắc, Bắc Bộ, ở Bình-Trị-Thiên, ở Tây Nguyên.

2. Năm 1949 và 50, năm thứ hai và thứ ba của giai đoạn mới là những năm cực điểm chiến tranh ở Việt Nam bắt đầu chịu ảnh hưởng lớn của tình hình quốc tế mới: cách mạng Trung Quốc thành công.

Sự chỉ đạo chiến lược đề ra nhiệm vụ tích cực chuẩn bị tổng phản công, đề ra công cuộc xây dựng chủ lực, phát triển bộ đội địa phương và dân quân. Phương châm tác chiến vẫn là du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ, nhưng chú trọng đẩy mạnh vận động chiến tiến tới.

Kiểm điểm lại từ đầu năm 49 cho đến mùa hè 50, việc xây dựng lực lượng theo khẩu hiệu "chủ lực tinh nhuệ, hậu bị hùng hậu" đã thu được nhiều thành tích, sự tiến bộ của vận động chiến cũng diễn ra bằng những chiến dịch thắng lợi trên mặt trận Đông Bắc, Tây Bắc, rồi ở Hòa Bình, Bình-Trị-Thiên, Liên khu V, Nam Bộ.

Nhưng trong khi thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị tổng phản công chúng ta đã mắc phải những khuyết điểm lớn:

a) Chủ quan trong sự đánh giá địch, chủ quan trong sự ước lượng những khó khăn của ta về xây dựng lực lượng cũng như về tác chiến, trong khi chiến tranh chuyển từ du kích chiến sang chính quy chiến.

b) Chậm tiến trong sự chỉ đạo vận động chiến, về quan niệm về vận động chiến chưa rõ rệt, vì kinh nghiệm chiến thuật còn thiếu.

c) Coi nhẹ du kích chiến, không những trên chiến trường chính mà trên tất cả các chiến trường khác.

Trước tình thế quốc tế mới và những tiến bộ quân sự của ta, chiến lược của địch vẫn kế tục sự chuyển hướng năm 1948, nhưng được thực hiện với một nhịp gấp rút hơn. Chiến lược đó đã được cụ thể hóa trong kế hoạch Revers: coi Bắc Bộ là chiến trường chính, chiếm rộng đồng bằng củng cố biên giới để phá hoại công cuộc chuẩn bị của ta, trong lúc đó ra sức tăng viện, ra sức tổ chức quân đội quốc gia giả hiệu, ra sức yêu cầu viện trợ của Mỹ, kế hoạch Revers đã gây cho ta nhiều khó khăn, đặc biệt là trong mùa hè 1950.

3. Với trận đại thắng mùa thu 50 của quân ta trên chiến trường biên giới, rồi sau đó, với trận thắng lợi vừa qua, trên chiến trường trung du, công cuộc chuẩn bị để chuyển sang tổng phản công đã tiến tới một bước rất dài. Sự thắng lợi lớn lao đó là kết quả của công trình xây dựng quân đội của Đảng, trong mấy năm nay, kết quả của tinh thần hy sinh, phấn đấu của bộ đội và nhân dân, kết quả của sự tiến bộ của bộ đội về chiến thuật và kỹ thuật. Sự thắng lợi đó đánh dấu thành công lớn trong sự áp dụng tư tưởng quân sự Mao Trạch Đông vào thực tế chiến trường Việt Nam, trong sự kết nạp tư tưởng quân sự Mao Trạch Đông và kinh nghiệm của Giải phóng quân Trung Hoa với kinh nghiệm mấy năm chiến đấu của bộ đội ta.

Đi qua chiến dịch Biên giới và chiến dịch Trung du, quân đội ta đã tiến bộ vượt bậc trên con đường từ du kích chiến, chuyển sang chính quy chiến. Do vận động chiến đã được đẩy mạnh; sự quan trọng của vận động chiến trên chiến trường Bắc Bộ đã được đưa lên ngang hàng với du kích chiến.

Sự chỉ đạo chiến lược trong lúc này, trên chiến trường chính lấy sự đẩy mạnh vận động chiến, phát triển du kích chiến làm phương châm, nhằm mục đích tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực của địch, tiến tới thực hiện ưu thế quân sự¹⁾ chuyển sang tổng phản công.

Sự chỉ đạo đó nhấn mạnh sự quan trọng của du kích chiến: du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ trên các chiến trường Trung Bộ và Nam Bộ.

Trước các thắng lợi lớn của ta, kế hoạch Revers đã bị thất bại một phần quan trọng, địch lại ra sức đối phó gấp rút. Chủ

1) Báo cáo quân sự tại Hội nghị toàn quốc lần thứ ba, phần thứ hai.

trường của chúng nhằm mục đích tăng cường lực lượng trên chiến trường đồng bằng Bắc Bộ, tổ chức một hệ thống phòng ngự mới dựa vào những cứ điểm lớn và những binh đoàn ứng chiến lớn, tăng cường phi cơ và trọng pháo để chống lại các cuộc tấn công sắp tới của ta. Trong lúc đó, chúng tranh thủ cho kỳ được một sự can thiệp tích cực của Mỹ, một mặt nữa xúc tiến kế hoạch khuếch trương nguy quân, để phòng các cuộc hành binh lớn của ta ở Bắc Bộ, mở những cuộc càn quét liên tiếp dữ dội ở trong vùng địch hậu, nhất là ở Nam Bộ để củng cố chỗ đứng chân. Chiến lược của địch như vậy ngày càng đi sâu vào phòng ngự, ngày càng phụ thuộc vào Mỹ, ngày càng bắt buộc phải sử dụng nguy binh.

Chúng ta cần nhận định rõ sự cố gắng của địch để tránh chủ quan, những nhược điểm của địch để triệt để lợi dụng. Để thực hiện ưu thế quân sự, để chuyển sang tổng phản công, chúng ta phải kể đến những điều kiện tiến bộ mới của ta, đến khả năng tiến bộ khá nhanh của ta, nhưng đồng thời cũng phải kể đến những điều kiện cố gắng mới của địch cũng như chúng ta không quên những khó khăn mới của địch.

IV- GIAI ĐOẠN THỨ BA LÀ GIAI ĐOẠN TỔNG PHẢN CÔNG¹⁾

Chiến lược ta trong giai đoạn thứ ba là chiến lược phản công, chiến lược của địch là chiến lược rút lui. Ta phản công cho đến thắng lợi hoàn toàn, cho đến khi quét sạch quân địch trên đất Việt Nam, khôi phục lại toàn bộ lãnh thổ.

1) Báo cáo quân sự tại Hội nghị toàn quốc lần thứ ba, phần thứ ba.

Nhìn chung cuộc phản công trong suốt cả giai đoạn, phản công cho đến thắng lợi hoàn toàn, chúng ta gọi giai đoạn thứ ba là giai đoạn tổng phản công. Tổng phản công nghĩa là như vậy, chứ không có nghĩa là cuộc phản công của ta sẽ tiến hành đều khắp các mặt trận từ Nam đến Bắc; lại càng không có ý nghĩa là cuộc phản công sẽ tiến hành một lúc ào ạt, khắp nơi và sẽ thành công dễ dàng một lúc như cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám. Trái lại, vì điều kiện khách quan và chủ quan, cuộc tổng phản công của ta có thể kéo dài và tiến hành từng đợt giải quyết từng chiến trường, cho đến khi địch hoàn toàn thất bại, ta hoàn toàn thắng lợi.

Phương châm căn bản của chúng ta trong giai đoạn thứ ba là: vận động chiến là chính, du kích chiến là phụ.

Vận động chiến là hình thức tác chiến chủ yếu, trước hết là về vận động chiến có thể phát huy và lợi dụng đến cùng yếu tố tinh thần để thắng giặc, có thể tiêu diệt sinh lực địch trong những điều kiện tương đối có lợi cho ta. Vận động chiến trên chiến trường Đông Dương sẽ còn nặng thành phần du kích một thời gian khá lâu - cũng có thể gọi là du kích vận động chiến - vì điều kiện trang bị, điều kiện tập trung của quân ta còn kém hơn địch và còn gặp nhiều khó khăn. Đồng thời vận động chiến cũng sớm có thành phần công kiên và trận địa, vì cách bố trí phòng ngự của giặc. Theo nhu cầu của chiến trường vì địch càng ngày càng cải tiến phương pháp tác chiến, vận động chiến cần phải tiến triển đến hình thức cao, hình thức chính quy thì mới làm tròn được nhiệm vụ của mình trong giai đoạn thứ ba.

Du kích chiến là thứ yếu, nhưng vẫn có một địa vị rất quan trọng là vì du kích chiến là một hình thức tác chiến vận dụng được tinh thần chiến đấu cao và tích cực với điều kiện trang bị và kỹ thuật kém, với lối bố trí phân tán của địch.

Trong khi chủ lực tiến hành vận động chiến thì nhiệm vụ tiêu hao và kiềm chế binh lực của địch phối hợp tác chiến với chủ lực khuếch trương chiến quả, tiêu diệt địch trong địa phương, là nhiệm vụ của du kích chiến. Để ngăn cản kế hoạch tập trung của địch, việc phá hoại triệt để đường sá, việc đánh triệt để các đường giao thông vận tải của địch cũng là nhiệm vụ của du kích chiến. Trong các vùng chiến lược quan trọng, cơ sở du kích cần được phát triển và củng cố để phối hợp với chủ lực tác chiến.

Trong khi chiến tranh sắp bước vào giai đoạn thứ ba và trong suốt giai đoạn thứ ba, công tác gây cơ sở trong lòng địch, tổ chức các đội quân ngấm trong những địa vực quan trọng của địch, vận động nguy binh, là những công tác hết sức quan trọng. Đó là điều kiện tất yếu để lợi dụng kịp thời những dao động lớn của địch về tinh thần, để lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa trong hàng ngũ địch, để phối hợp tác chiến với chủ lực, để lợi dụng thắng lợi và khuếch trương chiến quả ngay trong lòng địch một khi địch đã bị thua thiệt lớn trên một mặt trận.

V- SỰ CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC CHÚ TRỌNG NẮM VỮNG PHƯƠNG CHÂM VÀ ÁP DỤNG PHƯƠNG CHÂM CHO THÍCH HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CHIẾN TRƯỜNG

Trong sự chỉ đạo chiến lược, có phương châm đúng chưa đủ lại cần nắm vững phương châm trong khi thực hiện.

Trong giai đoạn thứ nhất, chúng ta thiếu một phương châm chiến lược rõ rệt, vì vậy mà trên nhiều chiến trường đã xảy ra những sự thất bại tạm thời.

Bước sang giai đoạn thứ hai, chúng ta đã có một phương châm chiến lược chính xác và tương đối rõ rệt: du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ, nhưng vì phương châm đó không nắm cho thật vững trong khi thực hiện, cho nên nói chung đã coi nhẹ du kích chiến tranh. Do đó những khó khăn của ta trên nhiều chiến trường đã tăng lên. Đứng về một phương diện khác, giai đoạn chiến lược và phương châm chiến lược trong mỗi giai đoạn là căn cứ vào điều kiện của toàn quốc mà quy định. Tuy nhiên, lực lượng ta phát triển không đều trên các chiến trường, hình thức chiến sự cũng vậy, cho nên, chúng ta cần áp dụng phương châm chiến lược cho thích hợp với điều kiện cụ thể của mỗi chiến trường. Hiện nay nói chung toàn quốc, phương châm chiến lược là du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ, đẩy mạnh vận động chiến tiến tới. Nhưng sự tiến bộ của vận động chiến trên chiến trường chính nhất định nhanh chóng hơn, có thể tiến tới quan trọng như du kích chiến để đi tới địa vị chủ yếu trong giai đoạn thứ ba.

Trong lúc đó, trên các chiến trường khác, chúng ta phải nắm cho thật vững phương châm du kích chiến là chính không nên máy móc làm cho được như chiến trường chính, dốc lực lượng ra đánh những trận to trong lúc ba điều kiện chưa đầy đủ. Hiện tượng sai lầm này, trong năm 50 đã xuất hiện ở Trung Bộ và Nam Bộ. Chúng ta cần kiên quyết sửa chữa.

VI- SỬA CHỮA LỖI ĐÁNH TIÊU HAO CHIẾN, NẮM VỮNG PHƯƠNG CHÂM TIÊU DIỆT CHIẾN

Sức ta còn yếu hơn sức địch, chúng ta cần tiêu diệt lực lượng của địch, giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng của ta, có như

thế mới đưa lực lượng của ta lên ngang lực lượng địch, để tiến tới mạnh hơn địch. Chính vì vậy, mà chúng ta cần phải đánh tiêu diệt chiến. Tiêu diệt chiến là phương châm căn bản của ta, đánh tiêu diệt chiến nghĩa là: trong mỗi một trận chiến đấu, phải tập trung ưu thế binh lực, phải nắm chắc phần thắng, phải tiêu diệt địch, cướp giật vũ khí đạn dược của địch, đem vũ khí đạn dược đó mà trang bị cho ta và khuếch trương lực lượng của ta. Do sự thành công trong mỗi một cuộc chiến đấu, do sự trưởng thành qua mỗi một cuộc chiến đấu, chúng ta tạo thành sự trưởng thành của lực lượng ta về chiến lược, sự thắng lợi cuối cùng của chúng ta. Du kích chiến thì có nhiệm vụ tiêu hao và quấy rối địch, nhưng đồng thời cũng có nhiệm vụ tiêu diệt địch nhưng vận động chiến thì bao vây cũng có nhiệm vụ tiêu diệt địch.

Kiểm điểm lại mấy năm nay, chúng ta có một khuyết điểm rất lớn là thường đánh tiêu hao chiến. Có khi quân địch tấn công vào hậu phương của ta, chúng ta đánh tan quân địch hoặc đánh lùi quân địch rồi cho là thành công, như vậy là thiếu tư tưởng tiêu diệt chiến. Có khi chúng ta đánh vào một cứ điểm, địch bị tổn thất nặng, nhưng không bị tiêu diệt hoặc đánh vận động, địch tổn thất nặng, nhưng không giải quyết được chiến đấu, chúng ta cũng nêu số thiệt hại của địch rồi cho là thành công, như vậy cũng tức là thiếu tư tưởng tiêu diệt chiến. Có khi chúng ta tiêu diệt được địch nhưng ta cũng bị tiêu hao nặng, chúng ta chỉ nhìn vào tổn thất của địch mà không nhìn vào tổn thất của ta để đo sự thành công của chiến đấu, như vậy cũng tức là thiếu tư tưởng tiêu diệt chiến.

Những sự sai lầm nói trên coi đánh tiêu hao là thành công, không nắm vững phương châm tiêu diệt chiến, đã đưa

quân ta đến nhiều thất bại. Chính vì những sai lầm đó mà từ Nam chí Bắc, bộ đội của ta phải bỏ không một phần súng ống vào kho vì thiếu đạn dược. Chính vì sai lầm đó mà ở Bình Trị Thiên trong năm 1950, mặc dầu địch bị tổn thất rất nặng, bộ đội chủ lực của ta cũng gặp nhiều khó khăn vì thiếu vũ khí đạn dược.

Chúng ta cần sửa chữa sai lầm trên một cách kiên quyết, bỏ lối đánh tiêu hao, thực hiện đánh tiêu diệt; nhưng chúng ta cần tránh máy móc, có những trường hợp cần đánh tiêu hao thì phải đánh tiêu hao, thí dụ như quấy rối hay kiềm chế, cản địch để cho chủ lực làm nhiệm vụ tiêu diệt địch, đánh tiêu hao như vậy là để tạo điều kiện cho tiêu diệt chiến.

VII- XÂY DỰNG CĂN CỨ ĐỊA

Trong cuộc chiến tranh giải phóng trường kỳ, vấn đề xây dựng căn cứ địa là một vấn đề chiến lược quan trọng ngang hàng với vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang, không thể tách rời với vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang. Vì không xây dựng căn cứ địa thì tức là không tích cực bồi dưỡng, phát triển lực lượng của nhân dân, tức là không tích cực bồi dưỡng nguồn nhân lực, vật lực cần thiết cho việc xây dựng và phát triển quân đội. Vì vậy mà đứng về toàn quốc thì có vấn đề xây dựng căn cứ địa chính, căn cứ địa phụ của cuộc kháng chiến, đứng về các vùng địch hậu thì có vấn đề xây dựng các căn cứ địa du kích trong địa phương.

Cuộc chiến tranh hiện đã đi đến thời kỳ cuối của giai đoạn thứ hai. Quân địch ngày càng thất bại, phải thu hẹp phạm vi chiếm đóng lại, quân ta ngày càng thắng lợi, khu

vực giải phóng của ta ngày càng mở rộng. Trong lúc đó, chiến tranh đi đến một trình độ tập trung và chính quy ngày càng cao, nhu cầu của tiền tuyến ngày càng lớn lao so với trước. Do đó, vấn đề xây dựng căn cứ địa là một công tác rất quan trọng. Đồng thời, trong các vùng địch hậu, với những thắng lợi mới của ta, địch càng cần quét dữ dội, tàn khốc, do đó vấn đề củng cố các căn cứ địa du kích ở địch hậu cũng trở nên cấp thiết.

Nói về việc xây dựng căn cứ địa chính và phụ của cuộc kháng chiến toàn quốc: Việt Bắc, rồi đến miền Bắc Liên khu IV, vùng giải phóng Liên khu V, Trung ương đã nhiều lần đặt ra vấn đề, đặc biệt đối với Việt Bắc. Tuy vậy, kiểm điểm lại, thì những nghị quyết về xây dựng căn cứ địa đều không được thi hành tích cực và liên tục, và mãi đến nay vẫn không đi đến kết quả cụ thể. Nguyên nhân là vì chúng ta không nhận định đầy đủ sự quan trọng của căn cứ địa, do sự nhận định không đầy đủ mà công tác tổ chức không bảo đảm được nhiệm vụ đề ra, không tập trung cán bộ vào nhiệm vụ đó, hoặc chưa phối hợp huy động và lợi dụng được các tổ chức hiện đã có sẵn, như các Bộ của Chính phủ, như bộ máy của Liên khu.

Căn cứ vào kinh nghiệm, khuyết điểm của ta trong mấy năm nay, và kinh nghiệm thành công về xây dựng căn cứ địa của Trung Quốc, ngày nay đã đến lúc Đảng ta đặt vấn đề xây dựng căn cứ địa thành một công tác khẩn thiết và quan trọng. Nếu không có căn cứ địa vững chắc thì khó lòng xây dựng quân đội chính quy hùng mạnh, khó lòng đẩy chiến tranh tiến nhanh trên con đường chính quy chiến, khó tổ chức việc cung cấp cho tiền tuyến hợp lý và đầy đủ. Một mặt nữa, nếu có tập trung lực lượng xây dựng căn cứ địa, thì

chúng ta mới có những kinh nghiệm điển hình về các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, xã hội, những kinh nghiệm ấy sẽ làm cơ sở vững chắc cho việc xây dựng chế độ dân chủ nhân dân trong toàn quốc.

Công tác xây dựng căn cứ địa không phải chỉ chú trọng phương diện quân sự: chấn chỉnh các đường giao thông vận tải, kiến thiết kỹ nghệ quốc phòng, củng cố lực lượng vũ trang địa phương, mà phải chú trọng phương diện chính trị, kinh tế và văn hóa: củng cố chính quyền nhân dân, phát triển tăng gia sản xuất, cải thiện dân sinh, phát triển giáo dục. Đồng thời, chúng ta cần luôn luôn đề phòng các cuộc tấn công của địch, các cuộc oanh tạc lớn của chúng. Cho nên chủ trương tập trung khuynh hướng đại quy mô trong công cuộc kiến thiết hậu phương vẫn chưa thể áp dụng được. Những điểm nói trên, Trung ương đều đã đề ra, bây giờ là phải tổ chức, phải thực hiện, phải kiên quyết làm.

Ở trong các vùng địch hậu, công cuộc xây dựng các căn cứ địa du kích trong địa phương thì trải qua mấy năm kháng chiến đã thu được nhiều thành tích hơn: căn cứ địa Đông Bắc, Tây Bắc ở vùng địch hậu Bắc Bộ, các căn cứ nhỏ ở đồng bằng Bình-Trị-Thiên, căn cứ địa Đồng Tháp Mười ở Nam Bộ, v.v.. Tuy vậy, đi sâu vào thì sẽ nhận thấy nhiều khuyết điểm trong kế hoạch; thiếu trọng tâm, thiếu tập trung cán bộ. Rồi đây với sự phát triển của chiến sự, sự tranh đấu trong lòng địch sẽ hết sức gay go, các căn cứ địa của ta có khi có thể mở rộng nhanh chóng, nhưng cũng có khi phải rút hẹp lại. Vì vậy, công tác xây dựng các căn cứ du kích lại cần phải chú trọng nơi nào là nơi chính, việc gì là chính, củng cố cơ sở chính trị và vũ trang đến một trình độ cao hơn, chuẩn bị cho nhân dân và bộ đội ở đó đương đầu

với những hoạt động chính trị và quân sự hết sức gian xảo và tàn khốc của địch.

PHẦN THỨ BA

XÂY DỰNG MỘT QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN HÙNG MẠNH

I- THẾ NÀO LÀ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Quân đội cách mạng Việt Nam vốn là một quân đội nhân dân. Quân đội ấy là do những phần tử kiên quyết, anh dũng của tất cả các giai cấp, các tầng lớp của nhân dân Việt Nam nhóm họp lại mà tổ chức nên, trong đó thành phần quan trọng hơn hết là thành phần công nông, thành phần đông đảo hơn hết là thành phần nông dân. Quân đội ấy chiến đấu vì quyền lợi của nhân dân chứ không phải vì quyền lợi một tập đoàn thiểu số, chiến đấu để tiêu diệt bọn đế quốc xâm lược giành độc lập thống nhất cho dân tộc để bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân. Quân đội ấy, từ khi mới thành lập, luôn luôn được tất cả các giai cấp, giai tầng yêu nước nhiệt liệt ủng hộ và lấy sức mạnh vô song của nó trong sự tin tưởng và ủng hộ của toàn dân. Quân đội ấy chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, Đảng của giai cấp vô sản và của nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Chính phủ nhân dân.

Quân đội nhân dân Việt Nam có ba đặc điểm lớn:

1- *Dân tộc*: trung thành với quyền lợi của dân tộc, chiến đấu cho độc lập và thống nhất của dân tộc, tiêu diệt bọn đế quốc chủ nghĩa xâm lược, đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn can thiệp Mỹ, không có tham vọng xâm lược đối với các dân tộc khác.

2- *Dân chủ*: dân chủ trong nội bộ của quân đội, đó cũng là sự phản ánh của chế độ dân chủ nói chung mà quân đội có nhiệm vụ bảo vệ.

3- *Tiến tới hiện đại*: không những tiến bộ vì có nhiệm vụ chiến đấu cho chính nghĩa, mà phải tiến bộ cả về tổ chức trang bị, kỹ thuật, phải tiến tới hiện đại.

Nói tóm lại "Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng vũ trang của nhân dân Việt Nam, của Nhà nước dân chủ nhân dân và của Đảng"¹⁾.

Nó là công cụ của chính quyền nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, tiến hành vũ trang tranh đấu giành độc lập và thống nhất, nó là công cụ của Đảng và của giai cấp, hiện nay có nhiệm vụ chiến đấu cho độc lập và thống nhất, bảo vệ đất nước, nhưng đồng thời và sau này có nhiệm vụ chiến đấu cho xã hội chủ nghĩa, bảo vệ sự tiến triển của cách mạng dân chủ nhân dân tiến tới xã hội chủ nghĩa.

II- QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Quân đội nhân dân đã được xây dựng qua mấy thời kỳ:

1. Thời kỳ trước Tổng khởi nghĩa, cũng tức là thời kỳ phối thai. Bắt đầu với đội du kích Bắc Sơn thành lập, với Đội tuyên truyền giải phóng quân, quân đội nhân dân đã được xây dựng trong cuộc chiến đấu chống Pháp và Nhật. Trong một thời gian vắn, quân đội ấy đã có thành tích chiến đấu vẻ vang và đã có nhiều kinh nghiệm quý báu: Kinh nghiệm phát động du kích chiến tranh, tiến hành công tác vũ trang tuyên truyền và đại đội độc lập, kinh nghiệm phân hóa chủ lực và

1) *Luận cương chính trị* - Cương lĩnh cụ thể – 3.

hậu bị, kinh nghiệm công tác chính trị, kinh nghiệm kiến lập căn cứ địa, xây dựng khu giải phóng.

2. Thời kỳ Tổng khởi nghĩa: cũng tức là thời kỳ phát triển. Đội quân giải phóng Việt Nam, trong cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám đã bành trướng rất nhanh, thu hút những phần tử kiên quyết và anh dũng của các tổ chức tự vệ thường và tự vệ chiến đấu, của các đoàn thể cứu quốc, thu hút một số cán bộ chính trị khá lớn của Đảng. Trong thời kỳ này, chúng ta đã học được kinh nghiệm nhân thời cơ thuận lợi mà phát triển lực lượng cực kỳ nhanh chóng; đó cũng tức là kinh nghiệm chuyển các lực lượng bán vũ trang vào quân đội, chuyển hậu bị vào chủ lực.

3. Thời kỳ kháng chiến, cũng tức là thời kỳ trưởng thành. Giải phóng quân đổi tên là Vệ quốc quân, được rèn luyện trong một cuộc chiến đấu gay go đã có lúc chia một bộ phận thành lập đại đội độc lập để dặt dùi vũ trang địa phương, sau đó tập trung lại thành chủ lực ngày càng mạnh. Kinh nghiệm lớn hơn hết là kinh nghiệm tổ chức các lực lượng vũ trang và bán vũ trang thành bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân, và kinh nghiệm xây dựng một quân đội chủ lực mạnh bắt đầu từ các bộ đội du kích lúc đầu. Riêng Nam Bộ thì có kinh nghiệm vĩ đại của một bộ đội xây dựng lại từ chỗ hoàn toàn tan rã, phát triển dần trong du kích chiến tranh, trang bị hoàn toàn lấy của địch.

Trải qua 10 năm kể từ khởi nghĩa Bắc Sơn, sáu năm kể từ khởi Đội tuyên truyền giải phóng quân thành lập, Quân đội Việt Nam đã từ chỗ chưa có gì, đã từ một trung đội phát triển thành một quân đội lớn mạnh.

Quân đội ấy là một quân đội trẻ tuổi, có tất cả những ưu và khuyết điểm của một quân đội trẻ, như khả năng tiến bộ

rất nhanh, đồng thời kinh nghiệm thiếu, cán bộ non. Quân đội ấy là một quân đội trưởng thành trong một cuộc chiến đấu không ngừng, trong điều kiện địch rất mạnh ta rất yếu, do đó có truyền thống anh dũng và khắc khổ. Quân đội ấy nảy nở và trưởng thành trong cuộc cách mạng dân chủ nhân dân, do đó đã cấu kết với dân thành một khối, có kỷ luật, chính trị đối với dân, kính trọng dân, giúp đỡ dân, bảo vệ dân, không quấy nhiễu dân, không dọa dân, không lấy của dân, có nhiệm vụ cách mạng nêu rõ trong "Mười lời thề danh dự".

Trong công cuộc xây dựng quân đội, Đảng ta đã cố gắng rất nhiều và đã thu được nhiều thành tích. Tuy nhiên về kinh nghiệm không có vì phải chiến đấu trong hoàn cảnh bị phong tỏa, khả năng học tập kinh nghiệm ngoài rất ít cho nên quân đội ta có nhiều khuyết điểm và nhược điểm cần phải được bổ cứu.

III- XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI CHÍNH QUY

Trong nhiệm vụ chuyển mạnh sang tổng phản công, hoàn thành chiến tranh giải phóng, quân đội chính quy đóng một vai trò quyết định. Quân đội chính quy có nhiệm vụ tác chiến bằng binh đoàn tập trung, dùng vận động chiến hay công kiên chiến mà tiêu diệt sinh lực của địch, thu hồi lãnh thổ.

Chúng ta đã xây dựng quân đội chính quy như thế nào ? Lúc đầu sau Cách mạng Tháng Tám thì bộ đội Vệ quốc quân phân tán, bố trí thành trung đoàn trong các địa phương. Về sau chúng ta chủ trương kiện toàn các tiểu đoàn tập trung, tổ chức các trung đoàn mạnh, bắt đầu xây dựng đại đoàn. Bộ đội chính quy của ta đã tác chiến anh dũng và lập được nhiều

chiến công trong các chiến dịch. Nhưng nói chung việc xây dựng tiến hành chậm.

Về tổ chức, thì biên chế nặng nề, thành phần cơ quan nhiều làm giảm tỷ lệ của thành phần chiến đấu do đó không thích hợp với chiến thuật vận động chiến, lại làm tăng đảm phụ của nhân dân, giảm hiệu xuất chiến đấu của quân đội. Chúng ta cần phải học tập kinh nghiệm tổ chức biên chế của các quân đội cách mạng, đặc biệt của Giải phóng quân Trung Hoa, áp dụng những kinh nghiệm ấy vào điều kiện đặc biệt của địch, của chiến trường, của bộ đội ở Việt Nam để nhanh chóng thực hiện một biên chế nhẹ nhàng và thích hợp.

Về huấn luyện, thì quân đội ta đã tiến bộ nhiều về kỹ thuật, tiến bộ do học tập kinh nghiệm chiến đấu, tiến bộ trong các kỳ luyện quân, đặc biệt trong cuộc vận động luyện quân lập công năm 47-48. Tuy nhiên, nội dung huấn luyện về chiến thuật thì không thích hợp với phương châm chiến lược chiến thuật của ta đề ra; nội dung ấy chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng chiến thuật các quân đội tư sản. Chúng ta cần phải cải tiến nội dung huấn luyện, lấy kinh nghiệm thực tế của chiến trường Việt Nam và tư tưởng chiến thuật kỹ thuật của Giải phóng quân Trung Hoa mà kết hợp lại. Phương pháp huấn luyện cũng cần kết hợp thao trường với chiến trường hơn, cần kết hợp lý thuyết với thực hành, cần đề cao dân chủ, phát huy sáng kiến và tính tự động của chiến sĩ và cán bộ trong khi học tập. Đó là nói về huấn luyện quân sự (giáo dục chính trị, xem phần công tác chính trị).

Về trang bị thì quân đội ta đã tiến bộ nhiều từ khi mới thành lập, phần lớn vũ khí đạn dược, đều cướp được của giặc, phần sản xuất của cơ sở quân giới cũng khả quan so với một nước nhược tiểu. Chúng ta cần phải chú trọng hai nguồn

trang bị đó, nhận định cho rõ cướp vũ khí đạn dược của địch để trang bị cho mình vẫn là nguồn trang bị chính, và trong điều kiện khó khăn như thế nào, nền sản xuất quân giới cần phải ra sức phát triển, nhất là đối với các vũ khí căn bản.

Về cấp dưỡng, khuyết điểm của chúng ta rất lớn. Nếu theo nguyên tắc quân đội chiến đấu ở tiền tuyến phải được cấp dưỡng hơn nhân dân ở hậu phương, nếu theo phương ngôn "thực túc binh cường" mà nhận xét thì chúng ta đã thiếu một chính sách cấp dưỡng thích hợp, chăm lo cho quyền lợi tinh thần và quyền lợi vật chất của người chiến sĩ, liên hệ việc cải thiện dân sinh nói chung với việc cải thiện sinh hoạt cho binh sĩ (như vấn đề ruộng đất). Một mặt nữa, sự tổ chức cấp dưỡng quản trị trong bộ đội còn nhiều khuyết điểm, và các cán bộ của quân đội cũng chưa được giáo dục sâu sắc về sự quan trọng của vấn đề nuôi quân. Chúng ta cần phải kiên quyết cải tiến việc cấp dưỡng cho bộ đội, quy định chế độ cấp dưỡng thích hợp với nhu cầu của quân đội và khả năng đảm của nhân dân. Chấn chỉnh việc tổ chức cấp dưỡng trong quân đội và tăng cường giáo dục cho cán bộ thẩm nhuần quan điểm yêu thương binh sĩ, chăm sóc việc cấp dưỡng cho binh sĩ. Từ khi Trung ương đề ra nhiệm vụ chuẩn bị tổng phản công và chuyển mạnh sang tổng phản công, thì công cuộc xây dựng quân đội chính quy trở nên một công cuộc rất lớn lao. Chúng ta không những phải chấn chỉnh huấn luyện mà lại phải chuẩn bị bổ sung, khuếch trương quân đội chính quy; không những phải tổ chức các đơn vị bộ binh, mà lại phải tổ chức các binh chủng chuyên môn, công binh, pháo binh, phải chuẩn bị tiến tới đặt cơ sở cho bộ đội cơ giới, không quân, thủy quân; không những phải giải quyết các vấn đề biên chế trang bị mà lại phải quy định các chế độ, thể lệ

trong quân đội. Nhiệm vụ xây dựng cần tiến hành dưới tổng khẩu hiệu "chính quy hóa quân đội", chính quy hóa về nội dung, tránh bệnh hình thức và quan liêu có hại không có lợi.

IV- Củng cố bộ đội địa phương, phát triển dân quân

Đồng thời với việc xây dựng quân đội chính quy, chúng ta cần củng cố bộ đội địa phương và phát triển dân quân. Bộ đội địa phương có nhiệm vụ phối hợp với quân đội chính quy hoặc đơn đốc tác chiến để bảo vệ địa phương, phát triển du kích chiến tranh trong địa phương, ngoài ra phải chuẩn bị để bổ sung cho quân đội chính quy, để tiến lên thành quân đội chính quy.

Chúng ta đã phát triển bộ đội địa phương như thế nào? Lúc mới kháng chiến, vì điều kiện cán bộ và trang bị thiếu thốn, các đội du kích địa phương có hình thức nhiều hơn là thực tế. Trải qua một thời kỳ các đại đội độc lập phân tán vào các địa phương, trải qua một thời kỳ các đội du kích địa phương đã được rèn luyện trong chiến đấu, vào năm 49 thì sự trưởng thành của các đội du kích thành bộ đội địa phương trở nên rõ rệt. Từ đó, các bộ đội địa phương lớn lên rất nhanh cho đến đầu năm 50 thì trên chiến trường Trung và Bắc, các bộ đội địa phương đã có một lực lượng tương đương với Vệ quốc quân ngày trước. Trong việc phát triển bộ đội địa phương, chúng ta cũng mắc phải những khuyết điểm tương tự như trong việc xây dựng quân đội chính quy. Tổ chức nặng nề, huấn luyện kém, trang bị thiếu, cấp dưỡng không giải quyết hoặc quy định dứt khoát. Do sự chỉ đạo không sát với

điều kiện của chiến trường, có nơi thì tập trung nhanh quá, nói chung thì trường hợp tập trung nhanh nhiều hơn trường hợp tập trung chậm, vì vậy mà có hại cho sự phát triển của du kích chiến tranh, cho sự trưởng thành của bộ đội địa phương.

Trong giai đoạn sắp tới, nhiệm vụ của bộ đội địa phương rất nặng nề vì bộ đội địa phương có tác dụng một lực lượng hậu bị đối với chính quy. Cho nên các bộ đội địa phương đã phát triển cần được củng cố, theo nguyên tắc trọng chất hơn lượng. Chấn chỉnh tổ chức cho nhẹ và hợp lý hơn, tăng cường trang bị, ra sức huấn luyện, nhất là huấn luyện cán bộ. Đó là những điều cần phải làm để đề cao chất lượng, đồng thời, phải giải quyết vấn đề cấp dưỡng theo nguyên tắc địa phương tự túc, đặt nhiệm vụ tham gia sinh sản và căn cứ vào khả năng tự túc của địa phương mà quyết định mức độ tập trung, không miễn cưỡng, trừ những trường hợp đặc biệt. Sự chỉ đạo bộ đội địa phương cũng cần được chú trọng hơn trước nhất là vì rồi đây, quân đội chính quy phát triển, vấn đề bộ đội địa phương rất dễ bị coi nhẹ.

Dân quân là một tổ chức bán vũ trang, hết sức rộng rãi của nhân dân, có nhiệm vụ giáo dục cho người dân tiến tới vũ trang tranh đấu, chuẩn bị cho họ làm nghĩa vụ quân sự khi đến phiên của mình, ngày thường thì tham gia công tác đánh giặc giữ làng ở trong vùng địch, công tác hậu phương phục vụ tiền tuyến ở trong vùng địch cũng như vùng tự do.

Hiện nay các tổ chức dân quân đã được chú trọng và phát triển mạnh, nhưng chưa được rộng rãi, trong vùng địch kiểm soát, ở những nơi tổ chức Đảng rộng rãi thì kém chú ý đến các đội du kích trung kiên xã. Nhiều nơi đã biết kết hợp công tác dân quân với các công tác các đoàn thể cứu quốc, nhưng

sự kết hợp với công tác dân sinh thì còn kém và nói chung thì kém về luyện tập, về cán bộ.

Cuộc kháng chiến của chúng ta càng tiến gần đến thắng lợi thì các cuộc càn quét tàn sát của địch trong vùng tạm chiếm lại càng dữ dội nhất là trong vùng phụ cận các đô thị, hoặc các vùng chiến lược quan trọng, dọc đường giao thông quan trọng. Công tác hậu phương của dân quân cũng sẽ nặng nề nhiều hơn: không những trừ gian, phòng gian mà lại phải lo tiếp tế vận tải, giao thông, tải thương cho mặt trận, cho các chiến dịch lớn. Nhu cầu bổ sung cho chủ lực và bộ đội địa phương cũng lớn lên rất nhanh.

Cho nên việc phát triển và huấn luyện dân quân trong vùng tạm chiếm cũng như trong vùng tự do cần được tiến hành tích cực. Kết hợp chặt chẽ công tác dân quân với công tác các đoàn thể cứu quốc, và công tác dân sinh, tổ chức rộng rãi nhưng đồng thời phải kiện toàn thực sự đội du kích trung kiên xã. Luyện tập cho người dân quân biết đánh du kích, biết áp dụng làng chiến đấu, đồng thời tổ chức cho họ làm công tác hậu phương phục vụ tiền tuyến. Chuẩn bị cho người dân quân có thể trở nên người lính giỏi của quân đội nhân dân, bộ đội địa phương hay bộ đội chủ lực.

V- CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ VÀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

1. Công tác chính trị là công tác vận động cách mạng của Đảng đối với quần chúng chiến sĩ trong quân đội. Công tác ấy đem mục đích và tính chất của chiến tranh, đem đường lối và chính sách của Đảng và Chính phủ mà giáo dục cho quân

đội, đề cao trình độ giác ngộ, rèn luyện tinh thần chiến đấu cho quân đội, củng cố sự đoàn kết đối nội và đối ngoại của quân đội, bảo đảm cho quân đội thực hiện được công cuộc chiến thắng quân địch, thực hiện được mục đích chính trị của chiến tranh.

Quân đội ta khi mới thành lập đã học tập làm công tác chính trị và đã bắt đầu tổ chức cơ quan công tác chính trị. Về sau, đi đôi với sự phát triển của quân đội, với nhu cầu của nhiệm vụ quân sự, công tác chính trị đã có tiến bộ, từ công tác thời bình tiến đến liên tục trong khi đánh nhau, từ cách xa nhiệm vụ quân sự, tiến đến kết hợp với nhiệm vụ quân sự, từ nội dung nghèo nàn trong sinh hoạt ngày thường của quân đội tiến đến một nội dung phong phú hơn trong các cuộc vận động sôi nổi, từ tuyên truyền cổ động tiến đến chú trọng cải thiện cấp dưỡng, đề cao kỷ luật, mở rộng dân chủ, từ phân cách với công tác đảng, tiến lên kết hợp, thống nhất với công tác đảng.

Tuy nhiên, công tác chính trị hiện nay còn nhiều khuyết điểm lớn, về nội dung cũng như về tổ chức.

Công tác chính trị hiện nay thiên trong việc tuyên truyền động viên thực hiện nhiệm vụ trước mắt, nhẹ việc giáo dục sâu rộng và lâu dài. Chúng ta cần sửa chữa khuyết điểm đó, cần lấy vấn đề giáo dục tư tưởng, lãnh đạo tư tưởng làm trọng tâm, cần chú trọng vấn đề cán bộ, vấn đề quyền lợi chính trị và vật chất của binh sĩ (trong đó có cả công tác chăm lo cho thương binh, tử sĩ, ưu đãi gia đình các chiến sĩ).

Tổ chức của cơ quan công tác chính trị thì cần được kiện toàn về cán bộ, có quyền hạn, có hệ thống.

Đi qua sự chấn chỉnh nội dung công tác chính trị và tổ chức của cơ quan công tác chính trị, địa vị công tác chính trị

tự khắc được đề cao trong thực tế, song song với công tác quân sự; tác dụng của công tác chính trị do đó sẽ tăng thêm.

2. Công tác chính trị là công tác của Đảng, và cần lấy tổ chức của Đảng làm cơ sở. Cơ sở của Đảng không kiện toàn thì công tác chính trị không thể phát huy hiệu lực của mình. Trong mấy năm nay, chúng ta đã mắc phải một sai lầm lớn: tách rời công tác Đảng và công tác chính trị. Sai lầm đó từ 49 đã được sửa chữa, nhưng mãi cho đến nay vấn đề xây dựng Đảng chưa được đặt lên hàng đầu trong công cuộc xây dựng quân đội. Sở dĩ có khuyết điểm đó là vì chúng ta chưa quan niệm rõ rệt quân đội là công cụ của Đảng để tiến hành vũ trang tranh đấu, chưa quan niệm rõ rệt Đảng phải lãnh đạo quân đội như thế nào.

Do khuyết điểm trên, sinh ra nhiều khuyết điểm khác, thể hiện ra trong chỗ nội dung giáo dục đảng viên thiếu sót, việc phổ biến đường lối của Đảng trong quân đội không được sâu rộng, hệ thống tổ chức của Đảng trong quân đội chưa được rõ ràng hợp lý.

Việc xây dựng Đảng trong quân đội cần chú trọng:

a) Thiết lập chế độ đảng uỷ, thay thế vào chế độ chính uỷ tối hậu quyết định. Chế độ chính uỷ hiện nay không thích hợp với một quân đội như quân đội ta, trưởng thành trong cách mạng, cán bộ chính trị và quân sự cũng đều được đào tạo trong cách mạng, chế độ ấy không những chưa được quy định dứt khoát, mà lại dễ làm giảm ý thức trách nhiệm tập thể trong các cán bộ phụ trách, để làm cho cán bộ quân sự không phát huy được sáng kiến và tinh thần tích cực. Chế độ đảng uỷ, trái lại, tránh được những điều bất lợi nói trên, bảo đảm được sự chỉ đạo tập thể về chủ trương và đường lối lớn; đi đôi với chế độ thủ trưởng (quy định sự quan hệ của Tư

lệnh và Chính uỷ, đối với nhau và đối với Đảng uỷ) chế độ đảng uỷ liên kết được nguyên tắc dân chủ với nguyên tắc tập trung trong sự chỉ đạo quân đội.

b) Gia cường sự giáo dục của đảng viên, chú trọng đề cao đảng tính, đề cao ý thức giai cấp, giáo dục đường lối chính sách của Đảng, kinh nghiệm công tác chi bộ và tinh thần quốc tế chủ nghĩa.

c) Kiện toàn chi bộ, đề cao tác dụng lãnh đạo của chi bộ. Chúng ta đã có những cuộc vận động xây dựng chi bộ tự động, chi bộ nền nếp, chi bộ gương mẫu. Chúng ta cần tăng cường chất lượng của các chi uỷ, giáo dục về phương thức lãnh đạo quần chúng binh sĩ, lãnh đạo quần chúng trong đơn vị cũng như trong cơ quan, thực hiện nhiệm vụ chiến đấu hay nhiệm vụ chuyên môn.

3. Công tác chính trị cũng như công tác xây dựng Đảng vẫn lấy vấn đề giáo dục tư tưởng, lãnh đạo tư tưởng làm trọng tâm: Làm được điều đó tức là rèn luyện cho quân đội thành một sức mạnh bất khả chiến thắng, toàn quân nhất trí kiên quyết đến cùng, thực hiện nhiệm vụ của Đảng và Chính phủ giao cho.

Sự giáo dục tư tưởng, trước hết, cần làm cho mỗi một người cán bộ, mỗi một người đội viên đều hiểu rõ tính chất và nhiệm vụ của một quân đội nhân dân, do đó rèn luyện cho mỗi một người chiến sĩ đều có một quan điểm nhân dân, quan điểm quần chúng sâu sắc và vững chắc.

Có một quan điểm nhân dân vững chắc thì xây dựng được một mối quan hệ tốt giữa quân và dân. Quân dân nhất trí, quân đội giúp đỡ và bảo vệ nhân dân, nhân dân giúp đỡ ủng hộ quân đội. Quân đội bao giờ cũng ra sức phục vụ nhân dân không những chỉ tuyên truyền chiến thắng hay kêu gọi

ủng hộ mà lại phải giặc ngộ dân, giáo dục dân về chính sách chủ trương của Đảng và của Chính phủ, thiết thực giúp đỡ dân làm gương cho dân.

Có một quan điểm nhân dân, một quan điểm quân chúng vững chắc thì tự khắc cán bộ yêu thương binh sĩ, binh sĩ tôn trọng cán bộ. Quân binh nhất trí, trên dưới đoàn kết, bình đẳng về phẩm cách chính trị, khác nhau về chức vụ; cán bộ chăm sóc lo lắng đến sinh hoạt tinh thần, cấp dưỡng vật chất của chiến sĩ, chiến sĩ thì coi cán bộ cũng như quân chúng quý trọng kẻ lãnh đạo của mình.

Có một quan điểm nhân dân, một quan điểm quân chúng vững chắc thì tự khắc bảo đảm thái độ khoáng đại và đúng đắn đối với tù binh, hàng binh, hướng dẫn được những hành động để giặc ngộ binh lính địch, lôi kéo binh lính địch, làm tan rã binh lính địch.

Chúng ta lại phải giáo dục cho quân đội có một tác phong tốt trong công tác cũng như trong chiến đấu.

Vì bộ đội ta đang chuyển từ du kích chiến sang chính quy chiến; cho nên hiện còn nặng tác phong du kích, tản mạn chủ nghĩa tự do hay cá nhân anh hùng. Vì một số cán bộ còn chịu ảnh hưởng của quân đội đế quốc, cho nên trong bộ đội còn có những hành động quân phiệt. Vì cuộc chiến đấu gian khổ đã kéo dài mấy năm, gần đây lại đánh thắng to, cho nên trong bộ đội có hiện tượng tham ô hủ hoá, kém tôn trọng của công. Vì hiểu lầm khẩu hiệu chính quy hóa, cho nên nảy nở bệnh quan liêu, hình thức.

Chúng ta phải bài trừ những bệnh trạng đó.

Tác phong của quân đội nhân dân phải: anh dũng khắc khổ, chống hưởng lạc và hủ bại; kiên quyết đến cùng, khó khăn, gian nguy vẫn không lùi bước, vào sống ra chết vẫn

vững chí tiến thủ; triệt để chấp hành mệnh lệnh, chống khuynh hướng du kích tản mạn, tự do chủ nghĩa, phát huy phê bình và tự phê bình, mở rộng dân chủ, chống hành động quân phiệt; thực tế và nhanh chóng, chống quan liêu hình thức, dây dưa chậm chạp, tuân thủ quân phong quân kỷ, nội dung và hình thức đi đôi, xây dựng một tác phong chính quy chân chính.

Nắm vững sự giáo dục tư tưởng, xây dựng được tác phong tốt, kiện toàn được cơ sở của Đảng, tức là giáo dục cho mỗi một cán bộ, mỗi một chiến sĩ thực hiện được đạo đức của người quân nhân cách mạng, mà Hồ Chủ tịch đã nêu lên cho quân đội và gồm trong mấy chữ: trí, nhân, dũng, nghiêm, liêm.

Nắm vững giáo dục tư tưởng xây dựng được tác phong tốt, kiện toàn được cơ sở của Đảng, tức là phát huy được tác dụng của công tác chính trị, tức là bảo đảm được quyền lãnh đạo tuyệt đối của Đảng trong quân đội, bảo đảm cho quân đội thực hiện được chủ trương của Đảng, thực hiện được nhiệm vụ chiến thắng quân giặc.

VI- VẤN ĐỀ CÁN BỘ

Vấn đề cán bộ là một vấn đề then chốt trong công cuộc xây dựng quân đội nhân dân, đặc biệt trong lúc chuyển sang tổng phản công và suốt trong giai đoạn tổng phản công trong khi quân đội cần phải khuếch trương nhanh chóng và nhanh chóng tiến tới chính quy.

Chúng ta cần cán bộ cho các binh đoàn chủ lực nghĩa là cán bộ của vận động chiến, có thể nắm vững những binh đoàn lớn, có thể sử dụng các binh chủng chuyên môn, có thể

hiểu địch, hiểu mình, có thể chỉ huy linh động và có kế hoạch, có thể tiến tới thông thạo chiến thuật của chiến tranh hiện đại. Chúng ta cần cán bộ cho bộ đội địa phương, nghĩa là cán bộ thạo đánh du kích, nhưng cũng là cán bộ một ngày kia có thể trở nên cán bộ của chủ lực. Vì quân đội sẽ khuếch trương nhanh chóng, cho nên chúng ta cần cán bộ chỉ huy và cán bộ chính trị viên, cần cán bộ về số lượng và cả về chất lượng. Đứng về một mặt khác thì cuộc chiến tranh càng đi gần thắng lợi lại càng gay go, hình thức chính quy chiến sẽ đòi hỏi một tinh thần hy sinh anh dũng lớn, một tinh thần kỷ luật cao, sự lãnh đạo các binh đoàn tập trung sẽ đòi hỏi một đường lối chính trị và quân sự vững, cho nên các cán bộ cần thiết cho quân đội không những cần có năng lực mà lại cần có bản chất chính trị vững chắc, trung thành đến cùng với sự nghiệp của Đảng và của dân tộc.

Hiện nay, vấn đề cán bộ cho quân đội và trong quân đội chưa được giải quyết thích đáng và kiên quyết. Đảng có đề ra chủ trương đề bạt mạnh dạn, bổ túc thực sự, đào tạo gấp rút, gấp rút động viên thêm cán bộ của Đảng vào quân đội. Chủ trương ấy bắt đầu được thi hành, nhưng sự đề bạt cũng chưa đi kịp với nhu cầu của tác chiến; sự bổ túc có tổ chức nhưng còn rất kém, sự đào tạo đã tiến hành rất tích cực nhưng vẫn còn có nhiều khuyết điểm.

Các khuyết điểm chủ yếu hiện nay về vấn đề cán bộ trong quân đội có thể tóm tắt:

1- Việc đào tạo chú trọng các thành phần học sinh chưa vào bộ đội, nhiều hơn là các chiến sĩ và cán bộ đã có thành tích chiến đấu.

2- Các cán bộ công nông chưa được nâng đỡ đề bạt theo

đúng chủ trương của Đảng, các cán bộ trí thức chưa được tích cực cải tạo về tư tưởng.

3- Nội dung chương trình giáo dục có tiến bộ hơn trước, nhưng chưa kết hợp được giáo dục tư tưởng với học tập kỹ thuật tri thức cơ bản với kinh nghiệm sống.

4- Việc điều động cán bộ ở địa phương vào quân đội chưa làm được cho đúng mức nhu cầu.

5- Quyền lợi chính trị và vật chất của người cán bộ chưa được quy định và bảo đảm.

Để sửa chữa những khuyết điểm trên, chúng ta cần đi tới một chính sách cán bộ rõ rệt. Chính sách này cần nhằm tăng cường sự giáo dục cho cán bộ về tư tưởng cũng như về năng lực công tác, tổ chức việc đào tạo và bổ túc cho cán bộ trong các trường huấn luyện cũng như tại chức. Cần chú trọng cất nhắc rất mạnh dạn các cán bộ hay chiến sĩ có thành tích chiến đấu lâu năm, khai thác cái kho cán bộ hiện có ở ngay trong quân đội, không để có chiến sĩ đã ba, bốn năm vẫn là đội viên, có cán bộ đã ba, bốn năm vẫn là tiểu đội trưởng. Cần chú trọng cất nhắc cán bộ công nông vì công nông là thành phần chủ yếu của quân đội cách mạng; về mặt này, cần nâng cao trình độ của cán bộ công nông để họ có khả năng đảm đương những công việc ngày càng quan trọng, đồng thời cải tạo các cán bộ trí thức, biến họ thành những phân tử công nông luôn luôn trung thành với quyền lợi của giai cấp và dân tộc; khẩu hiệu "trí thức hóa cán bộ công nông, công nông hóa cán bộ trí thức" đã được nêu lên ở Trung Quốc cũng rất thích hợp với điều kiện quân đội ta. Cần quy định và bảo đảm quyền lợi chính trị và vật chất cho cán bộ, khi thưởng, khi đau ốm, khi bị thương, khi còn ở bộ đội hoặc sau này kháng chiến thành công, nếu ra khỏi bộ đội. Nói tóm lại,

chính sách cán bộ cần nhằm mục đích đào tạo ra những cán bộ giỏi chiến lược chiến thuật, tinh thông quân sự, đồng thời trung thành triệt để với lợi ích của nhân dân, của cách mạng tiến kịp với nhiệm vụ, với nhu cầu của một quân đội nhân dân ngày càng chính quy hóa, để lãnh đạo quân đội hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc do Đảng đề ra.

VII- HỌC TẬP TƯ TƯỞNG QUÂN SỰ MAO TRẠCH ĐÔNG KẾT HỢP VỚI KINH NGHIỆM THỰC TẾ CỦA CHIẾN TRƯỜNG VIỆT NAM

Trải qua mấy năm Đảng ta lãnh đạo vũ trang tranh đấu, nhân dân và quân đội ta đã đem xương máu đổi lấy rất nhiều kinh nghiệm quý báu, kinh nghiệm thất bại và kinh nghiệm thành công, kinh nghiệm tác chiến và kinh nghiệm xây dựng quân đội. Điều quý báu hơn hết trong những kinh nghiệm đó là trong quá trình tranh đấu, chúng ta nhận thấy một phần nào những đặc điểm của chiến trường Việt Nam, những đặc điểm của địch, cũng như những ưu điểm, khuyết điểm của quân đội ta, rất tiếc là những kinh nghiệm ấy đến nay cũng chỉ mới sơ kết từng bộ phận. Nhiệm vụ của chúng ta trong công cuộc xây dựng quân đội nhân dân, là phải coi trọng những kinh nghiệm xương máu đó, tổng kết kinh nghiệm đó, tổ chức việc học tập kinh nghiệm đó trong toàn thể quân đội.

Với sự thành công của cuộc đại cách mạng Trung Hoa, chúng ta có điều kiện hấp thụ kinh nghiệm vũ trang tranh đấu của các nước bạn, của Hồng quân Liên Xô, của Giải phóng quân Trung Hoa. Chúng ta cần phải học tập những kinh nghiệm đó, học tập một cách tích cực và có hệ thống,

đặc biệt là học tập tư tưởng quân sự Mao Trạch Đông. Cũng như con đường của cách mạng Trung Quốc về căn bản cũng là con đường của cuộc cách mạng các nước thuộc địa và bán thuộc địa, tư tưởng quân sự Mao Trạch Đông về căn bản đã vạch đường lối cho cuộc vũ trang tranh đấu trong các nước thuộc địa và bán thuộc địa. Tư tưởng đó là sự tổng hợp mácxít của mấy chục năm kinh nghiệm xương máu của công nông Trung Quốc, của nhân dân Trung Quốc, của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Việc học tập tư tưởng quân sự Mao Trạch Đông sẽ có một tác dụng lớn lao đối với công cuộc xây dựng quân đội nhân dân và nói chung đối với cuộc vũ trang tranh đấu của ta.

Thái độ học tập của ta lấy những đích trên làm cơ sở, và cần chú trọng phát huy tinh thần phê bình và tự phê bình để kiểm điểm những ưu và khuyết điểm của ta - nhất là những khuyết điểm; tránh khuynh hướng bảo thủ, dựa vào những đặc điểm của Việt Nam cho rằng Việt Nam cái gì cũng đặc biệt; tránh khuynh hướng giáo điều, không thấy những đặc điểm của Việt Nam và áp dụng kinh nghiệm một cách máy móc, không hợp điều kiện cụ thể, không hợp trình độ.

Học tập tư tưởng quân sự Mao Trạch Đông, kết hợp với kinh nghiệm thực tế của chiến trường Việt Nam, áp dụng đúng một cách thích hợp vào điều kiện thực tế của chiến trường Việt Nam, đó là chủ trương học tập của Đảng để tiến tới xây dựng một quân đội nhân dân hùng mạnh.

PHẦN THỨ TƯ TÍCH CỰC GIÚP ĐỠ CUỘC CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG MIÊN, LÀO

Việt, Miên, Lào liên hệ mật thiết với nhau về địa lý, về

lịch sử, về vận mệnh, trong hiện tại cũng như về tương lai. Tình hình Đông Dương hiện nay đòi hỏi ba dân tộc phải liên kết mật thiết và phối hợp hành động chặt chẽ hơn nữa trước âm mưu thâm độc của đế quốc xâm lược. Hai điều đó, *Luận cương chính trị* và bản *Đường lối cách mạng Miên, Lào* đã nói rõ.

Ở đây, chỉ nói sự liên hệ ấy biểu hiện về phương diện quân sự như thế nào và chúng ta có nhiệm vụ như thế nào đối với cuộc chiến tranh giải phóng Miên, Lào.

1. *Đông Dương là một chiến trường không thể phân chia.*

Điều đó đã được sự thực chứng minh:

Về địch, thực dân Pháp xâm chiếm lại Việt Nam, đồng thời đã xâm chiếm Miên, Lào. Sáu năm nay, chúng đã dùng Miên, Lào làm căn cứ dự trữ về người, về của để đánh Việt Nam. Hiện nay trước nguy cơ thất bại, nhất là ở Việt Nam, chúng đang ra sức củng cố Miên, Lào để một khi thua ở Việt Nam có thể rút về tiếp tục chiến tranh xâm lược Đông Dương. Bọn đế quốc Mỹ can thiệp vào Đông Dương cũng mưu biến Việt, Miên, Lào thành những căn cứ chuẩn bị chiến tranh thế giới thứ ba. Gần đây bọn can thiệp Mỹ cũng chuẩn bị cho bọn quân phiệt Xiêm chực nhảy vào Đông Dương kéo dài chiến tranh xâm lược.

Về ta, sáu năm nay, ba dân tộc Việt, Miên, Lào đã sát cánh chiến đấu, phối hợp giúp đỡ lẫn nhau chống thù chung. Chính vì thế, mà chúng ta mới tiến đến kết quả tốt đẹp như ngày nay. Việt Nam hiện nay đang chuẩn bị để "chuyển sang tổng phản công" đứng về lợi ích của ta cũng như lợi ích của cách mạng Miên, Lào một sự phối hợp tích cực và mật thiết hơn giữa Việt Nam và Miên, Lào càng có điều kiện và đang cần thiết.

Không chỉ ngày nay, mà nhìn lại lịch sử chúng ta cũng thấy: cuối thế kỷ XIX, khi chiếm Việt Nam thì thực dân Pháp cũng chiếm cả Miên, Lào. Trong đại chiến lần thứ hai, thực dân Pháp chống Xiêm, đề phòng phát xít Nhật, phát xít Nhật đánh đổ thực dân Pháp cũng đều nhìn nhận Đông Dương là một chiến trường. Xa hơn về trước Lê Văn Duyệt khi giữ Sài Gòn cũng đã nói: "muốn phòng thủ Gia Định thành thì phải phòng thủ Kim Biên thành" (tức Nam Vang)¹⁾.

Sự thực là thế; Đông Dương là một chiến trường. Địch đã nhận ra như vậy, ta lại càng phải nhận rõ như vậy.

Vì vậy, trước mắt ba dân tộc Việt, Miên, Lào phải phối hợp chặt chẽ với nhau kháng chiến đánh đuổi thù chung, giành độc lập quốc gia và góp phần bảo vệ hòa bình thế giới và *"Việt Nam có nhiệm vụ giúp đỡ các dân tộc Miên, Lào đẩy mạnh kháng chiến, đang phối hợp chặt chẽ với cuộc kháng chiến của Việt Nam"*²⁾.

Nhưng chiến tranh giải phóng Miên, Lào không phải giống hệt chiến tranh giải phóng Việt Nam, nên không thể đem áp dụng một cách máy móc kinh nghiệm chỉ đạo chiến tranh ở Việt Nam vào Miên, Lào.

2. *Chiến tranh giải phóng Miên, Lào có ba đặc điểm lớn, phải căn cứ vào đó mà đặt phương châm chỉ đạo.*

Một là: cuộc chiến tranh giải phóng Miên, Lào tiến hành trong những nước nông nghiệp lạc hậu, chống với bọn đế quốc vũ trang xâm lược mà lực lượng hiện mạnh hơn, cho nên căn bản của nó là những cuộc chiến tranh du kích của nông dân, nó không thể mau chóng mà thắng lợi, trái lại,

1) Nam Vang: Phnômpenh (B.T).

2) *Luận cương chính trị.*

phải lâu dài để chuyển yếu thành mạnh, và phải chú trọng xây dựng căn cứ địa, nắm vững nông thôn làm căn bản.

Hai là: chiến tranh giải phóng Miên, Lào tiến đến một trình độ đòi hỏi đấu tranh vũ trang mạnh mẽ mà cơ sở chính trị còn non kém, lực lượng vũ trang còn yếu ớt, cơ sở chính trị không tiến kịp với nhu cầu đấu tranh vũ trang cho nên phương châm hoạt động không thể nặng nề về một mặt nào mà phải là *quân sự và chính trị đi đôi* tùy điều kiện hoàn cảnh mỗi nơi, mỗi lúc mà áp dụng linh động và không bao giờ xao nhãng việc gây cơ sở chính trị. Đồng thời giữa việc xây dựng lực lượng với chỉ đạo đấu tranh cũng không thể nặng nề về một mặt nào mà phải *vừa xây dựng vừa chiến đấu*.

Ba là: Đông Dương là một chiến trường. Miên, Lào chịu ảnh hưởng rất lớn của Việt Nam. Việt Nam hiện đang chuẩn bị để chuyển sang tổng phản công, Miên, Lào cần phối hợp để đánh bại đế quốc xâm lược cùng mưu giải phóng chung; cho nên sự *chỉ đạo chiến tranh ở Miên, Lào phải linh động phối hợp chặt chẽ với Việt Nam*.

3. Căn cứ vào ba đặc điểm ấy, tình hình hiện nay nhiệm vụ quân sự ở Miên, Lào là *đẩy mạnh chiến tranh du kích phối hợp chặt chẽ với cuộc chiến tranh giải phóng của Việt Nam*.

Phương châm chiến lược là: *du kích chiến là chính, tạo điều kiện tiến tới vận động chiến*.

Du kích chiến là chính nên phải đặc biệt chú trọng phát triển lực lượng vũ trang, bán vũ trang trong địa phương và xây dựng căn cứ địa vững chắc để làm nơi dừng chân, với kinh nghiệm mấy lâu nay ở Miên, Lào thì nên dùng những hình thức hoạt động như đội vũ trang tuyên truyền, ban

xung phong công tác, trung đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập.

Phương châm tiến tới vận động chiến có thể thực hiện với tiểu đoàn tập trung trong những điều kiện thuận lợi. Vận động chiến đây là hình thức du kích vận động chiến thấp; các đơn vị tập trung có thể phân tán nhanh chóng sau một trận hay một thời gian hoạt động.

Giữa du kích chiến và vận động chiến phải liên hệ chặt chẽ và linh động. Phải nhằm phát triển du kích chiến rộng rãi, đó là nhiệm vụ chính. Do phát triển rộng rãi du kích chiến mới tạo điều kiện cho vận động chiến trưởng thành, đồng thời phải học tập đánh tập trung để tiêu diệt sinh lực địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích và phát triển cơ sở chính trị. Sự liên hệ giữa du kích chiến và vận động chiến lại có thể thực hiện bằng những phương thức mới như bí mật kéo chủ lực tập trung đến một địa phương tác chiến tiêu diệt quân địch, rồi sau đó phân tán chủ lực ngay ra từng đơn vị nhỏ để tiến hành vũ trang tuyên truyền rộng rãi, phát triển nhanh chóng những khu giải phóng.

4. Chính vì lâu nay chưa nắm vững những đặc điểm và phương châm chiến lược ở chiến trường Miên, Lào nên việc xây dựng lực lượng vũ trang ở Miên, Lào còn kém cỏi, chiến tranh du kích do đó phát triển chậm; đôi khi lại tập trung lực lượng quá khả năng của chiến trường. Một mặt khác chưa tập trung lực lượng vào việc xây dựng một căn cứ địa chính ở Miên hay ở Lào, trong khi hoạt động thường hay thiên lệch khi nặng về chính trị, khi nặng về quân sự và ngược lại. Do đó, chưa phối hợp mật thiết với chiến trường Việt Nam.

5. Cần bổ cứu kịp thời những khuyết điểm ấy và để thực

hiện nhiệm vụ và phương châm chiến lược đề ra trên, hiện nay ở Miên, Lào cần phải:

a) Thiết thực xây dựng căn cứ địa, tập trung lực lượng, xây dựng cho được căn cứ địa chính trong những vùng có những địa thế tốt lại có nhân lực, vật lực; rồi từ đó mở rộng ra, nối liền với các căn cứ địa khác thành những vùng căn cứ vững chắc để làm bàn đạp phát triển chiến tranh du kích và cơ sở chính trị.

b) Ra sức xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang Miên, Lào, phát triển rộng rãi dân quân, củng cố và phát triển các bộ đội Issara, Issarak, đặt một nề nếp công tác chính trị của quân đội cách mạng trong các bộ đội ấy làm cho nó trở thành quân đội quốc gia của một nước, có thể thành lập và rèn luyện một số đơn vị kiểu mẫu để làm cơ sở cho những quân đội quốc gia ấy. Đồng thời phát triển du kích tập trung tiến tới thành lập bộ đội địa phương, nguyên tắc xây dựng là:

- Chú trọng vào dân quân du kích vì có thể mới phát triển chiến tranh du kích rộng rãi và có điều kiện phát triển chủ lực, đồng thời cũng chú trọng kiến lập một số đơn vị kiểu mẫu như đã nói trên.

- Chú trọng vào cấp xã và các đơn vị cơ sở.

- Vừa xây dựng vừa chiến đấu.

c) Chú trọng đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ cấp dưới, đảm bảo cho sự củng cố và phát triển cơ sở quần chúng và vũ trang. Vấn đề này hết sức quan trọng, có thể coi là vấn đề chủ chốt của phong trào, chúng ta cần phải đặc biệt chú trọng.

d) Chú trọng địch vận nhất là nguy vận mà ở Miên, Lào có rất nhiều điều kiện và trước nay ta chưa chú ý mấy. Kết

hợp địch vận với tác chiến, kết hợp công tác nguy vận với công tác dân vận.

e) Các cán bộ quân sự Việt Nam ở Miên, Lào cần được huấn luyện về hoạt động chính trị, cần có kinh nghiệm về tổ chức, cần học tập phong tục tập quán của Miên, Lào, cần biết nói tiếng.

Các đơn vị bộ đội Việt Nam hoạt động ở Miên, Lào thì cần trọng chất hơn lượng, tổ chức nhẹ nhàng, trang bị thích hợp, phải được huấn luyện về chiến tranh du kích và công tác vũ trang tuyên truyền, gây dựng cơ sở chính trị.

g) Chấn chỉnh lại tổ chức chỉ đạo quân sự ở Lào cho thích hợp.

Tóm lại, giúp đỡ chiến tranh giải phóng Miên, Lào chúng ta phải hiểu rõ sự liên hệ mật thiết giữa ba dân tộc Việt-Miên-Lào, phải nhìn nhận Đông Dương là một chiến trường và phương châm, nhiệm vụ quân sự ở Miên, Lào hiện nay như thế mới mong tránh được những lệch lạc trước đây và đẩy mạnh chiến tranh giải phóng Đông Dương chóng đến thắng lợi.

Giúp đỡ chiến tranh giải phóng Miên, Lào là một nhiệm vụ của chúng ta và chúng ta phải tích cực làm để thực hiện lời Hồ Chủ tịch đã chỉ thị là: "Chúng ta kháng chiến, dân tộc bạn Miên, Lào cũng kháng chiến. Bọn thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ là kẻ thù của ta và của dân tộc Miên, Lào. Vì vậy, ta phải ra sức giúp đỡ anh em Miên, Lào, giúp đỡ kháng chiến Miên, Lào¹⁾."

1) *Báo cáo chính trị.*

PHẦN THỨ NĂM
**KIỆN TOÀN SỰ LÃNH ĐẠO CHIẾN TRANH CỦA
ĐẢNG, GIÀNH LẤY THẮNG LỢI HOÀN TOÀN**

I

Trong bản *Báo cáo chính trị*, Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ:

"Nhiệm vụ thứ nhất, nhiệm vụ cấp bách nhất của Đảng ta ngày nay là phải đưa kháng chiến đến thắng lợi. Các nhiệm vụ khác đều phải phụ thuộc vào đó".

Và "Chúng ta phải ra sức phát triển lực lượng của quân đội và của nhân dân, để đánh thắng nữa, đánh thắng mãi, để tiến tới tổng phản công".

Cuộc chiến tranh cách mạng là một cuộc thử thách rất lớn cho nhân dân, cho dân tộc, đặc biệt là trong giai đoạn tiến tới tổng phản công và thực hiện tổng phản công.

Cho nên, *lãnh đạo chiến tranh phải là công tác trọng tâm của Đảng*; lãnh đạo chiến tranh tức là lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ thứ nhất, nhiệm vụ cấp bách nhất của Đảng ta ngày nay.

Về tư tưởng cũng như về tổ chức, Đảng ta đã nắm vững công tác trọng tâm đó hay chưa ?

Về tư tưởng thì lúc mới bắt đầu kháng chiến chúng ta chưa nhận rõ trọng tâm công tác đó, cho rằng đánh giặc là việc của quân đội và các cơ quan quân sự, do đó chuyên trọng xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng, chấn chỉnh chính quyền mà chưa đứng trên quan điểm lãnh đạo chiến tranh mà tiến hành các công tác đó.

Về mặt này, những sự tiến bộ đầu tiên đã xuất hiện ở cấp dưới và trong vùng địch hậu. Ở các địa phương trong lòng địch, ngày ngày trực tiếp với chiến tranh, các cấp bộ của Đảng đã nhận thấy nếu không nắm vững sự lãnh đạo chiến tranh làm trọng tâm thì tất cả các công tác khác đều mất nội dung thiết thực và không thể triển khai được. Bước sang năm 49, và nhất là năm 50 thì trong toàn Đảng, chúng ta đã sửa chữa khuyết điểm nói trên, nhưng đến nay khuyết điểm ấy vẫn còn, chúng ta cần kiên quyết sửa chữa hơn nữa, cần thực sự "đem vấn đề chiến tranh đặt lên địa vị thứ nhất" trong công tác của Đảng, coi vấn đề lãnh đạo chiến tranh là trọng tâm công tác của Đảng.

Về tổ chức thì nhiệm vụ tổ chức phải phục tùng nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chiến thắng quân địch giải phóng dân tộc. Cho nên Đảng cần phải tập trung những cán bộ đặc lực nhất, cần động viên các thành phần ưu tú của Đảng, động viên các thành phần ưu tú của Công đoàn, Nông hội, v.v. vào quân đội lên tiền tuyến. Ở Liên Xô, trong lúc mặt trận phía đông bị nguy, Đảng đã phái 1/5 đảng viên và 1/10 hội viên Công hội Mạc Tư Khoa ra tiền tuyến. Chúng ta cần nêu gương đó, để công tác tổ chức, công tác bố trí lực lượng của Đảng có thể bảo đảm nhiệm vụ chính trị: đưa kháng chiến đến thắng lợi.

II

Muốn lãnh đạo chiến tranh một cách chính xác, thì phải hiểu đường lối chủ trương của Đảng và phải hiểu chiến

tranh, hiểu quân sự. Cho nên vấn đề học tập quân sự là một vấn đề quan trọng và cấp thiết.

Ở Trung Quốc, đồng chí Mao Trạch Đông đã từng nêu lên khuyết điểm của Đảng trong vấn đề hiểu biết chiến tranh, hiểu biết quân sự, và đã từng kêu gọi toàn Đảng học tập quân sự.

"Tất cả các vấn đề đều dựa vào chiến tranh mà giải quyết, sự còn mất của Trung Quốc là do chiến tranh thắng hay bại, cho nên nghiên cứu lý luận quân sự, nghiên cứu chiến lược, chiến thuật, nghiên cứu công tác chính trị, là một việc không thể trì hoãn".

Đảng ta, so với Đảng Trung Quốc còn kém kinh nghiệm vũ trang đấu tranh hơn nhiều. Do điều kiện phát triển của cách mạng Việt Nam, một phần khá lớn cán bộ của Đảng cũng không trực tiếp lãnh đạo vũ trang tranh đấu, các cán bộ quân sự thì đều là cán bộ chính trị chuyển vào quân đội và từ khi tham gia quân đội thì vừa làm vừa học còn thiếu một căn bản quân sự vững chắc.

Vì vậy mà vấn đề học tập quân sự đối với Đảng ta lại càng quan trọng và cấp thiết. Trong cuộc Hội nghị toàn quốc lần thứ ba, Trung ương đã có nghị quyết học tập quân sự và trong các trường huấn luyện của Đảng, vấn đề quân sự đã đặt thành một mức quan trọng. Sự học tập quân sự trong thời kỳ sắp tới cần được đề cao hơn nữa: nghiên cứu lý luận Mác - Ăngghen - Lênin - Xtalin - Mao Trạch Đông về chiến tranh và chiến lược, nghiên cứu cách xây dựng và cách chỉ huy quân đội hiện đại, v.v.. Sự học tập ấy đòi hỏi một sự chỉ đạo cụ thể, một kế hoạch học tập cụ thể: học tập

trong tài liệu sách vở, học tập trong thực tế, trong khi lãnh đạo chiến tranh.

"Hiểu biết quân sự" phải là một trong những khẩu hiệu học tập của Đảng.

III

Như trên đã nói, cuộc Đại hội lần thứ II của Đảng cũng là cuộc Đại hội đầu tiên của Đảng, từ khi Đảng có quân đội, từ khi Đảng lãnh đạo vũ trang tranh đấu, từ khi Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, của nhân dân Việt Nam.

Cuộc Đại hội đã xác định đường lối của cách mạng Việt Nam, thảo luận vấn đề cán bộ Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam, đồng thời vạch rõ con đường kháng chiến thắng lợi, phương châm chiến lược và chủ trương xây dựng quân đội nhân dân.

"Đảng Lao động Việt Nam là người lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, trung thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của nhân dân Việt Nam để đoàn kết và lãnh đạo dân tộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, để thực hiện dân chủ mới".

Đảng Lao động Việt Nam phải là người lãnh đạo sáng suốt và kiên quyết của quân đội nhân dân; luyện cho quân đội có tinh thần chiến đấu cao, có kỹ thuật, chiến thuật tiến bộ, đoàn kết mật thiết với nhân dân và chiến đấu diệt địch để bảo vệ quyền lợi của nhân dân, để giải phóng dân tộc.

Đại hội thứ II của Đảng, sự cải tổ Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam sẽ đánh dấu một bước tiến bộ rất lớn của Đảng ta trên con đường vận động cách mạng Việt Nam và giúp đỡ cách mạng Lào, Miên, đặc biệt trong công cuộc xây dựng quân đội nhân dân, lãnh đạo vũ trang tranh đấu, tiến tới tổng phản công.

Để chào mừng Đại hội của Đảng, các cấp bộ của Đảng trong quân đội, toàn thể các đảng viên trong quân đội đã lãnh đạo quân đội giết giặc trong chiến dịch giải phóng Biên giới và trong chiến dịch Trung du.

Để chào mừng Đại hội, quân ta đã đại thắng quân giặc.

Rồi đây Quân đội nhân dân Việt Nam sẽ vô cùng phấn khởi vì được cái vinh dự chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam.

Theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch và của Đảng, quân đội sẽ đoàn kết nhất trí với nhân dân, trong khi nhân dân đang thi đua tăng gia sản xuất, quân đội sẽ phát huy truyền thống dũng cảm chiến đấu, thi đua giết giặc lập công, đẩy cuộc kháng chiến sang tổng phản công, tranh thủ toàn thắng. Trong khi nhân dân, quân Triều Tiên và chí nguyện quân Trung Hoa ở Triều Tiên đang chiến đấu để tiêu diệt quân đội xâm lược của Mỹ, Quân đội nhân dân Việt Nam quyết ra sức chiến đấu để góp phần vào công cuộc đập tan âm mưu xâm lược của bọn phản động quốc tế, bảo vệ hòa bình và dân chủ ở Á Đông và ở thế giới.

Tiêu diệt đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn can thiệp Mỹ !

Bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân Việt Nam !

Việt Nam độc lập thống nhất muôn năm !
Quân đội nhân dân Việt Nam muôn năm !
Đảng Lao động Việt Nam muôn năm !
Hồ Chủ tịch muôn năm !

Lưu tại Kho Lưu trữ
 Trung ương Đảng.

BÁO CÁO VỀ KINH TẾ TÀI CHÍNH*

I- CHỦ TRƯỞNG CỦA CHÚNG TA

Chính sách kinh tế dân chủ nhân dân của chúng ta đã được nêu chung trong *Cương lĩnh*. Chúng ta đã thấy đường lối căn bản của kinh tế Việt Nam từ nay đến chỗ thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Nhưng trên con đường đi đến mục đích cuối cùng ấy, kinh tế của ta phải qua nhiều bước biến chuyển. Mỗi thời kỳ có những nhiệm vụ thiết thực và cụ thể của nó. Đảng phải căn cứ vào tình thế, nhu cầu và khả năng trong mỗi thời kỳ mà đặt chính sách chủ trương thì những vấn đề nêu ra mới thật sát và đúng.

Hiện nay chúng ta đang kháng chiến trường kỳ và khó khăn. Tất cả mọi việc của chúng ta đều phải nhằm vào mục đích kháng chiến. Nhiệm vụ kinh tế tài chính chủ yếu trước mắt của chúng ta là đánh bại chủ nghĩa đế quốc xâm lược trên mặt trận kinh tế. Chúng ta phải tập trung mọi sự cố gắng về kinh tế tài chính vào đó. Nói như vậy không phải chúng ta gác nhiệm vụ thực hiện chính sách kinh tế tài chính phản phong kiến lại. Hai nhiệm vụ phản đế và phản phong

* Báo cáo do đồng chí Cù Vân đọc tại Đại hội (B.T).

kiến luôn luôn gắn vào nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, thúc đẩy nhau tiến lên. Cho nên, trong kinh tế kháng chiến, nhiệm vụ chống phong kiến cũng phải *tích cực tiến hành cho đúng mức*, nghĩa là không để cho xiềng xích phong kiến ngăn trở sự phát triển lực lượng chiến đấu của nhân dân, mà cũng không để cho địch có thể lợi dụng để chia rẽ hàng ngũ của chúng ta. Một mặt nữa, chúng ta cũng không cắt rời kháng chiến, nhiệm vụ kiến quốc cũng *phải tích cực tiến hành cho đúng mức*. Nói vắn tắt lại, kinh tế kháng chiến tức là *kinh tế dân chủ nhân dân trong giai đoạn mà nhiệm vụ chủ yếu là tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc xâm lược*.

Chủ trương kinh tế kháng chiến của chúng ta như thế nào?

Nói một cách tổng quát, chủ trương của chúng ta là:

Phát triển kinh tế trong kháng chiến, bảo đảm cung cấp cho kháng chiến, đồng thời phá hoại mưu mô "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của địch.

Để thực hiện chủ trương ấy, chúng ta cần chú ý những điểm dưới đây:

1. Chúng ta phải luôn luôn tùy theo điều kiện cụ thể mà làm cho kinh tế lạc hậu của chúng ta tiến dần lên trong kháng chiến. Chúng ta phản đối tâm lý bảo thủ, chờ đợi, cho rằng trong tình trạng chiến tranh ở một nước nông nghiệp thấp kém thì chỉ cần giữ nguyên hiện trạng mà không thể làm cho kinh tế tiến lên. Chúng ta cũng phản đối bệnh huênh hoang, không nhìn rõ nhu cầu cấp bách và khả năng thực tế hiện nay, mà đưa ra những kế hoạch quá to tát, chỉ thích hợp với những nước có cơ sở kỹ nghệ vững chắc và đã ổn định tình hình.

2. Ý nghĩa phát triển kinh tế và ý nghĩa bảo đảm cung cấp phải gắn chặt với nhau.

Thái độ nịnh dân không muốn cho dân trong kháng chiến phải cung cấp nhiều hơn trong thời bình là sai. Thái độ ấy thực ra chỉ có lợi cho địch, không có lợi cho dân. Nhưng lối làm việc vơ vét, chỉ biết thu của dân, mà không tích cực phát triển kinh tế, mở mang các nguồn sản xuất, bồi dưỡng lực lượng của dân, cải thiện đời sống cho dân, lại càng sai lầm nguy hại.

Kết hợp phương sách tài chính với nền tảng kinh tế, kết hợp cung cấp từng lúc với cung cấp lâu dài, kết hợp cung cấp đầy đủ với tăng gia sản xuất không ngừng, đó là một phương châm chỉ đạo mọi công tác kinh tế tài chính của chúng ta.

3. Kinh tế của ta là kinh tế dân chủ nhân dân. Chiến tranh của ta là chiến tranh nhân dân. Cả hai mặt công và tư, cũng như cả hai mặt quân đội và nhân dân, chúng ta đều phải nhìn thấu suốt, không thể nhìn vào sự sản xuất của nhân dân mà không lo phát huy triệt để mọi hình thức sản xuất của Nhà nước, bộ đội, cơ quan, nhà trường. Cũng không thể chỉ lo đến nhu cầu quân sự mà không nhìn đến nhu cầu của nhân dân. Lấy lợi ích chung của kháng chiến và nhu cầu chung để chiến thắng làm tiêu chuẩn, chúng ta phải luôn luôn thực hiện đúng hai nguyên tắc "công tư kiêm cố", và "quân dân kiêm cố".

4. Nhiệm vụ phá mưu mô địch "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" phải liên hệ mật thiết với nhiệm vụ phát triển kinh tế bảo đảm cung cấp. Chúng ta lấy nông thôn đánh các căn cứ chiếm đóng của địch. Chúng ta kiến thiết từ trong kháng chiến. Vì vậy sự chiến đấu trong vùng địch chiếm cũng cần có tác dụng giúp cho kinh tế ta được phát triển và

sự cung cấp của ta được bảo đảm, giúp cho sự kiến thiết chế độ dân chủ nhân dân của ta hiện nay và sau này.

*

* *

Mấy năm nay chúng ta đề ra những khẩu hiệu "Tăng gia sản xuất", "Toàn dân canh tác", chúng ta phát động phong trào Thi đua ái quốc, đẩy mạnh tổng động viên, v.v. chính là thực hiện chủ trương kinh tế tài chính kháng chiến của chúng ta. Trong thực tế công tác, chúng ta đã gây nhiều thành tích và cũng đã mắc nhiều khuyết điểm.

Mục đích bản báo cáo này là nhằm đúng nhiệm vụ trọng tâm cách mạng của chúng ta hiện nay mà kiểm điểm những thành tích và những khuyết điểm chính trong các ngành hoạt động trọng yếu để nêu những nhiệm vụ kinh tế tài chính trước mắt và những nguyên tắc căn bản để thực hiện các nhiệm vụ ấy. Về những con số và những điểm chi tiết thì sẽ có tài liệu tham khảo riêng.

II- NHỮNG SỰ THỰC HIỆN VÀ NHỮNG ƯU KHUYẾT ĐIỂM

1. Tăng gia sản xuất nông nghiệp

Ngay khi chúng ta mới giành được chính quyền, Hồ Chủ tịch đã kêu gọi toàn dân tích cực tăng gia sản xuất. Do đặc điểm của xã hội ta hiện nay, sự phát triển nông nghiệp là tiêu biểu lớn cho toàn bộ phong trào sản xuất. Nhìn vào nông nghiệp, chúng ta có thể thấy rằng trong 5 năm qua, chúng ta đã đạt những thành tích chủ yếu là căn bản giải quyết được

vấn đề tự cung tự cấp cho bộ đội, cơ quan và nhân dân, tránh được nạn đói, nạn lụt, thắng được chính sách triệt để phá hoại của địch.

Ý thức tăng gia sản xuất không ngừng đã lên cao ở vùng tự do mà còn tỏ rõ trong vùng địch. Ngay cả ở những nơi sát nách quân thù, nhân dân vẫn len lỏi cày cấy, gặt hái trước đầu súng, trong bóng đêm, không quản khó khăn, nguy hiểm.

Nhờ sự lãnh đạo của Đảng và tinh thần hăng hái của toàn dân, phong trào tăng gia sản xuất, nói chung đã có nhiều kết quả tốt. Những việc giữ gìn đê điều, sửa chữa thủy nông cũng như những việc bảo vệ cày cấy, cất giấu thóc gạo, phát triển hoa màu, chăm nom tiểu gia súc, đều được nhân dân nhiều nơi tích cực thực hiện.

Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đó, chúng ta đã mắc một số khuyết điểm cần khắc phục ngay cho triệt để:

Tư tưởng đúng về tăng gia sản xuất chưa thật thấm nhuần sâu sắc vào ý thức của nhân dân. Quan niệm nông cạn cho rằng mục đích tăng gia sản xuất chỉ là để cứu đói vẫn còn nặng. Ý thức cung cấp và dự trữ cho kháng chiến lâu dài mãi đến năm 1949 mới được nêu thành chủ trương rõ rệt và đến nay vẫn chưa thật phổ biến.

Chương trình kế hoạch tăng gia sản xuất đưa ra chậm, thiếu trọng tâm, không cụ thể, nhất là ở cấp xã. Việc thi đua sản xuất trong nông nghiệp tuy đã đề ra kịp thời, nhưng vì thiếu những sự hướng dẫn khoa học cho các thôn xóm và thiếu đơn đốc kiểm tra nên phong trào không liên tục.

Chúng ta chưa chú trọng đầy đủ về mặt kỹ thuật sản xuất và phương tiện sản xuất. Ý nghĩa của khẩu hiệu "Toàn dân canh tác" chưa được giải thích và thực hiện thấu đáo, cho nên vẫn còn một bộ phận không nhỏ trong nhân dân coi nặng kinh doanh tiểu thương hơn lao động nông nghiệp.

Vấn đề tăng gia sản xuất trong các căn cứ địa chưa được đặt ra một cách đầy đủ trong phạm vi toàn quốc mà chỉ chú ý nhiều đến Việt Bắc. Việc chăn nuôi chưa thật được chú ý làm cho đến nơi đến chốn, còn việc trồng màu thì có nhiều thành tích rất tốt nhưng chưa đều.

Sự thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, tức là điều kiện chủ yếu để đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, cũng có nhiều điểm thiếu sót. Chúng ta cần nêu lên mấy nhận xét lớn như sau:

a) *Giảm tô*: Ngay từ tháng 11-1945, Bộ Nội vụ đã ra một thông tư quy định việc giảm tô 25% mức tô trước Cách mạng Tháng Tám. Ngày 14-7-1949, Sắc lệnh số 74-SL ấn định rõ thêm việc giảm tô và đặt Hội đồng giảm tô tỉnh. Ngày 22-5-1950, Sắc lệnh số 88-SL quy định thể lệ lĩnh canh, bảo đảm quyền cày ruộng cho tá điền. Những phương sách chính quyền đó, phối hợp với công tác vận động, thuyết phục của Đảng và Mặt trận đã làm chính sách giảm tô của chúng ta thu được khá nhiều thắng lợi. Ở Nam Bộ, tất cả chủ điền đều giảm tô, trong đó nhiều người giảm quá 25%, có nơi tới 70% mức tô trước Cách mạng Tháng Tám. Ở Liên khu III là nơi bị chiếm đóng càn quét nhiều, cũng có 80% chủ điền đã giảm. Những kết quả ấy đã làm cho dân cày hào hứng phấn khởi, và nhờ đó lực lượng sản xuất cũng như lực lượng kháng chiến đều mạnh thêm.

Tuy nhiên, chúng ta phải nhận rằng sự thi hành giảm tô còn có hiện tượng thiếu liên tục, thiếu cương quyết, ý nghĩa giảm tô chưa thấu triệt trong mỗi địa phương, mỗi cấp cán bộ Đảng, chính quyền và trong nhân dân. Có nơi xem đó là một việc bản phú tương trợ, có nơi còn xem đó là một sự ban ơn của địa chủ, chứ không phải là một nghĩa vụ của họ và một

quyền lợi của dân cày. Hội đồng giảm tô tỉnh và ban giảm tô xã thành lập chậm và còn ít thành phần bản cố nông. Do đó, một số phú nông cường hào cũ hay con cháu họ có mặt trong các cơ quan phụ trách giảm tô đã tỏ thái độ ngoan cố, làm chậm việc giảm tô.

Đối với nông dân, nhiều cấp bộ chính quyền và đoàn thể có khuynh hướng mệnh lệnh chủ nghĩa, quan liêu chủ nghĩa, có quan niệm ban ơn cho nông dân và nhận khoán việc đấu tranh cho nông dân, coi nhẹ việc giáo dục và tổ chức nông dân, thuyết phục địa chủ. Nhiều cấp uỷ địa phương lại thiếu mềm dẻo, không biết tùy theo hoàn cảnh cụ thể từng lúc, từng nơi mà lãnh đạo để bảo đảm lợi ích căn bản cho nông dân. Trong khi công tác, đôi nơi đã coi phú nông ngang địa chủ và chủ trương đấu tranh với phú nông cũng như với địa chủ, thậm chí còn đấu tranh chống cả trung nông, hay xem việc vận động phú nông, trung nông làm trọng tâm vận động giảm tô.

Về phần nông hội, trước đây việc giải quyết những sự tranh chấp do vấn đề giảm tô mà ra chưa được chú trọng lắm.

Sau cùng, quy chế lĩnh canh đề ra chậm và thiếu sự vận động giải thích rõ ràng làm cho một số địa chủ không hiểu, cho rằng họ bị áp bức đe dọa.

b) *Giảm tức*: Sắc lệnh 89-SL ngày 22-5-1950 đã quy định việc hoãn nợ, xoá những món nợ thâm niên lãi quá vốn, và ấn định lãi suất các món nợ vay trước ngày ban hành Sắc lệnh 10% một năm đối với nợ thóc, 18% đối với nợ tiền. Còn đối với những món nợ cho vay mượn từ ngày ban hành Sắc lệnh thì hai bên chủ nợ và đi vay thoả thuận với nhau.

Sự quy định này đã bắt đầu gây ảnh hưởng tốt trong nhân dân, nhưng chưa thật ăn khớp với giảm tô.

c) *Dùng công điền công thổ*: Ruộng đất công ở ta có nhiều, nhưng tình hình rất phức tạp. Mỗi nơi sử dụng mỗi khác. Trừ một vài thông tư lẻ tẻ của Bộ Nội vụ không kể, Đảng và Chính phủ chưa có một chỉ thị, sắc lệnh, nghị định nào quy định rõ vấn đề này cho đến 1949. Những xã có nhiều ruộng đất công hoặc chuyên sống về ruộng đất công, thì vẫn đem ruộng đất quân cấp cho dân. Còn các xã khác thì số đông thường cho đấu cổ lấy tiền, hoặc giao tập đoàn cày cấy nộp địa tô cho vào quỹ xã.

Từ 1950, ở nhiều nơi, việc sử dụng đã hợp lý hơn, nhưng lại nảy ra mấy khuyết điểm sau đây: tập trung ruộng nửa công nửa tư một cách ép buộc; tự ý tước quyền hưởng ruộng công của địa chủ; đến khi vận động nhường phần ruộng công lại chủ trương vận động cả trung nông; thiếu điều tra nghiên cứu; thực hiện phân chia không kịp thời vụ; trong ban chia công điền còn ít thành phần bản cố nông.

d) *Tạm cấp ruộng của thực dân Pháp và Việt gian*: Sắc lệnh số 75-SL, ngày 1-7-1949 quy định việc tạm cấp ruộng đất của thực dân Pháp, của Việt gian và ruộng đất vắng chủ cho dân cày. Ban tạm cấp đã được thành lập ở các đồn điền và các xã có ruộng đất tạm cấp, trong đó có hai đại biểu bản cố nông. Hội đồng tạm cấp được thành lập ở các tỉnh, trong đó có bốn đại biểu bản cố nông.

Đến tháng 6-1950, sáu tỉnh Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Quảng Yên, Tuyên Quang, Phú Thọ, thuộc Liên khu Việt Bắc đã chia 13.613 mẫu cho 15.628 người, trong đó người nhiều nhất được 1 mẫu 3 sào. Người ít nhất được 3 sào.

Ba tỉnh Hà Nam, Ninh Bình, Hưng Yên thuộc Liên khu 3 đã cấp 2.066 mẫu cho 3.421 người, trung bình mỗi người được gần 7 sào.

Liên khu IV đã cấp 724 mẫu của 12 đồn điền cho 2.690 người và đang chuẩn bị chia 3.315 mẫu của 18 đồn điền khác. Ở Nam Bộ là nơi có nhiều ruộng đất của thực dân Pháp, của Việt gian và nhiều ruộng đất vắng chủ hơn cả, việc vận động đã tiến hành và việc tạm cấp đã bắt đầu (trên 40.000 mẫu).

Nhưng việc tạm cấp thường thiếu sự tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, cho nên một số địa chủ, phú nông đã đâm ra hoang mang sợ rằng gần đây, ruộng đất của họ cũng sẽ bị đem chia. Trong khi thi hành, nhiều nơi không điều tra nghiên cứu và đặt kế hoạch cho chu đáo, nên sự chia cấp không công bằng hợp lý, có khi chia cả cho nhà giàu, chia cho cán bộ và những người làm việc trong xã nhiều hơn dân cày nghèo. Lại có những cán bộ không mềm dẻo, trong trường hợp chia cấp ruộng đất thuộc về hạng xấu và trường hợp đất hoang mà vẫn bắt đóng quân lương 10%, khiến cho một số dân cày được tạm cấp mà không hào hứng. Thêm vào đó, sự giúp đỡ vốn liếng, dụng cụ thường chậm chạp, thiếu thốn càng làm cho sự sản xuất ở các ruộng đất tạm cấp bị bê trễ, kém hiệu suất.

e) *Hiển ruộng*: Chúng ta đề ra việc vận động hiển ruộng từ năm 1948. Đến năm 1949, ở Bắc Bộ chỉ có một số ít địa chủ vùng trung du hiển, diện tích không đáng kể, đất lại xấu. Ở Liên khu IV, phong trào hiển ruộng khá rầm rộ, song một phần lớn ruộng hiển là của trung nông, phú nông còn ruộng hiển của địa chủ thì rất ít. Ở Nam Bộ, việc hiển ruộng có kết quả tốt hơn. Trong năm 1950, số ruộng hiển là 8.483 hécta và là ruộng khá cả.

Khuyết điểm của chúng ta về việc này là ở chỗ nhiều địa phương trước đây không hiểu rõ mục đích và ý nghĩa của vận

động hiển ruộng, coi đó là một cách động viên tài lực của dân dính chặt với những cuộc vận động ủng hộ công quỹ. Do đó mà sự vận động hiển ruộng thường hay nhầm sai đối tượng và thiếu liên tục.

g) *Hợp tác xã nông nghiệp*: Do trình độ kỹ thuật nông nghiệp của chúng ta lạc hậu, ý thức làm việc tập thể của nông dân còn thấp kém, nên hợp tác xã nông nghiệp chưa tổ chức được phổ biến và theo quy mô lớn. Nó còn ở trình độ thấp và đứng trên nền tảng tư hữu về ruộng đất và trâu bò. Hiện nay, những hình thức phát triển mạnh nhất là các hình thức đoàn đổi công, hội hợp công đã phổ biến nhiều ở Bắc Trung Bộ.

Dù sao, chúng ta cũng phải nhận rằng chính sách hợp tác xã sản xuất của chúng ta đưa ra chậm và không rõ ràng trong phạm vi toàn quốc. Nhiều cán bộ tự động tổ chức hợp tác xã theo lối đại quy mô, bao quát toàn huyện hay toàn xã. Quan niệm về hợp tác xã chưa nhất trí khắp nơi: có nơi thì quá xem khinh hợp tác xã, có nơi lại xem hợp tác xã là vấn đề cốt yếu nhất trong nông thôn hiện tại. Nhiều nơi không thấy rõ tác dụng của hợp tác xã hiện nay là làm thế nào cho người có công và người có của tham gia đều có lợi, để tránh tình trạng nhân công thừa mà phương tiện thiếu, hoặc thừa phương tiện mà thiếu nhân công.

2. Công thương nghiệp

a) *Công nghệ, thủ công nghiệp*: Kỹ nghệ nặng chúng ta rất nghèo nàn. Đó là một nhược điểm lớn của chúng ta. Để khắc phục nhược điểm ấy chúng ta đã chú ý đến vấn đề phát triển công nghệ và tiểu công nghệ, đặc biệt là làm cho bộ phận Nhà nước kinh doanh đi tới chiếm ưu thế trong toàn bộ

nền kinh tế quốc dân. Chúng ta đã dùng những phương pháp cần thiết của chính quyền cũng như của các đoàn thể (như uỷ ban xí nghiệp, thưởng năng suất, vận động thi đua, nêu anh hùng lao động, v.v.) để nâng cao hứng thú, kỹ thuật và hiệu suất của người thợ.

Đối với thủ công nghiệp, chúng ta cũng đã nêu lên việc lập hợp tác xã để sự sản xuất của người thợ thủ công được hợp lý hoá và tăng lên dần dần.

Trong hoàn cảnh chiến tranh, để đối phó với sự phá hoại của địch, chúng ta chủ trương phát triển công nghiệp bằng lối kinh doanh phân tán tiểu quy mô. Chủ trương ấy đi đôi với chủ trương hạn chế hàng ngoại hoá và sự giúp đỡ của Chính phủ đã làm cho công nghiệp của chúng ta vươn lên được một phần nào.

Tuy nhiên, những khuyết điểm sau đây đã nảy ra:

- Chúng ta chưa có một chủ trương thật rõ ràng, cụ thể và nhất trí về căn bản trong phạm vi toàn bộ công nghiệp. Bệnh gặp đâu làm đấy vẫn nặng. Phương châm "công tư kiêm cố" "Lao tư lưỡng lợi" chưa được thực hiện tích cực và có hệ thống về các vấn đề tiền lương, thuế khoá, giá cả, thưởng năng suất, uỷ ban xí nghiệp và hợp đồng tập thể.

- Nhiệm vụ phát triển các doanh nghiệp nhà nước và các ngành công nghiệp chưa được thực hiện cho thật đúng mức khả năng.

- Việc bồi dưỡng sức lao động của công nhân chưa được chú ý đầy đủ, các luật lệ lao động thích hợp với hoàn cảnh kháng chiến ban hành chậm và việc huy động nhân công ở đôi nơi làm không hợp lý.

- Những phương sách cụ thể để thực hiện chính sách liên hiệp tư sản dân tộc còn nghèo nàn.

b) *Nội ngoại thương*

Về nội thương, chúng ta biết lợi dụng sự tiếp tế tự động của dân chúng để chuyển thực phẩm và hàng hoá từ nơi dồi dào đến nơi khan hiếm; chúng ta đã đảm nhận phần lớn việc tiếp tế cho bộ đội, cơ quan để giữ vững giá cả một phần nào ở thị trường. Chúng ta đã áp dụng chính sách mua thóc định giá và thu thuế bằng thóc, làm cho giá trị số thu của quốc gia có thể nói là được tương đối ổn định; chúng ta đã mua muối để tiếp tế cho bộ đội, cơ quan và đã chuẩn bị được một số muối dự trữ để kháng chiến.

Về vận tải, nhờ sáng kiến và sự nỗ lực của cán bộ và nhân dân, việc giao thông liên lạc tuy rất khó khăn nhưng không bị nghẽn tắc, cả ở nhiều nơi xuyên qua lòng địch. Ở khu 5, hơn 300 cây số được bảo tồn, do đấy việc phân phối sản phẩm các nơi dọc đường sắt được giải quyết dễ dàng và hợp lý.

Về ngoại thương, chúng ta đã kịp thời chú ý và thực hiện được đến một mức độ nào đó chủ trương kiểm soát chặt chẽ, dần dần đi đến độc quyền; chúng ta biết lập những cơ quan tiếp liệu, mua hàng địch để đánh địch, cấm xuất khẩu những hàng hoá cần thiết cho kháng chiến, cho nhập khẩu một cách có kiểm soát chặt chẽ những hàng hoá tối cần thiết cho kháng chiến như thuốc, vải, hoá chất, máy móc, v.v..

Tuy nhiên, về nội thương, chúng ta chưa lập được bộ máy đủ sức nắm lấy những sản phẩm chủ yếu ở thị trường và do đấy mà điều hoà giá cả. Việc bài trừ nạn đầu cơ tích trữ đôi nơi đã làm mạnh nhưng nói chung - nhất là ở Bắc Bộ - chưa có tổ chức chu đáo và cũng chưa thật quyết tâm. Tổ chức hợp tác xã tiêu thụ còn quá kém cỏi và lộn xộn. Chính sách thương nghiệp của ta chưa rõ rệt để giúp sự nhập khẩu các

thứ cần thiết. Việc đánh thuế các hàng xuất khẩu chưa có một sự hướng dẫn nhất trí từ Bắc chí Nam.

Về ngoại thương, chúng ta chưa nắm được mấu chốt của thị trường cho nên bọn trung gian như Hoa thương trực lợi và con buôn vùng tề còn lợi dụng được tình hình mà đầu cơ trực lợi làm cho giá hàng lên cao. Chúng ta cũng chưa thật tích cực vận động nhân dân bài trừ xa xỉ phẩm, chưa đặt thành kỷ luật cấm dùng xa xỉ phẩm trong chính quyền, bộ đội và đoàn thể.

Về vấn đề giao thông vận tải, chúng ta đã coi nhẹ vấn đề ấy trong buổi đầu kháng chiến, chưa triệt để lợi dụng những phương tiện sẵn có và chú ý sáng tạo phương tiện mới. Đôi nơi việc phá hoại đường sá đã làm một cách vô tổ chức, kết quả là việc tiếp tế sản phẩm gặp rất nhiều khó khăn và tình hình giá cả cũng bị ảnh hưởng xấu.

Đi đôi với vấn đề nội ngoại thương và giao thông vận tải, có một vấn đề rất quan trọng cần xét là vấn đề bao vây kinh tế địch.

Chính sách này đến giữa năm 1947, Chính phủ mới đề ra. Các Ban bao vây được thành lập từ Trung ương đến tỉnh để hướng dẫn nhân dân bao vây làm cho ở đôi nơi địch rất thiếu thực phẩm, đặc biệt là ở Bình Trị Thiên và Hà Nội. Hàng địch không tiêu thụ được, mất giá, ứ đọng trong kho, phải tìm cách tải xuất.

Song vì hình thái chiến tranh càn rằng lược, vì điều kiện sản xuất của ta còn thiếu thốn, vì trong sự bao vây, chúng ta chưa tìm cách phối hợp tác dụng triệt nguồn lợi của địch với việc giải quyết nhu cầu của ta, và phối hợp địa phương này với địa phương khác, ngành này với ngành khác, nên nói

chung, kết quả bao vây không to tát lắm, mà đôi khi còn làm trở ngại cho sự phát triển kinh tế bảo đảm cung cấp của ta.

3. Tài chính

Thực dân Pháp để lại cho chúng ta một cái gia tài quá nghèo. Từ ngày nổ súng, địch lại kiểm soát chặt chẽ các bờ bể, cắt đứt nước ta thành nhiều đoạn, tàn phá kỹ nghệ thương mại của ta, khiến cho thuế gián thu và thuế quan của ta bị hạn chế; ngân sách toàn quốc của ta khó quy định kịp thời và sát với nhu cầu biến chuyển của các địa phương; đồng bạc Việt Nam, do hoàn cảnh chiến tranh, không phát hành được đúng số lượng tương đương với giá trị hàng hoá trên thị trường nên bị sụt giá.

Tuy vậy, nhờ những cố gắng và những tiến bộ của chúng ta, hiện nay chúng ta về đại thể đã có ngân sách toàn quốc hàng năm, đã phát hành đồng bạc Việt Nam, căn bản đầy được đồng bạc Đông Dương ra khỏi thị trường vùng tự do. Chúng ta đã cấm đưa vàng bạc và tư bản ra nước ngoài.

Chúng ta đã bỏ thuế thân, bỏ sưu, bỏ các thứ thuế phức tạp không hợp lý, bỏ lối bỏ thuế ruộng "nhất tam quy nhị".

Ngoài ra, việc thủ tiêu tiền đồng ở Bắc Trung Bộ và việc phát hành tín phiếu ở Nam Trung Bộ cũng như những biện pháp tài chính ở Nam Bộ đều là những thành tích đáng kể về tài chính của chúng ta trong kháng chiến.

Còn về khuyết điểm thì chúng ta có thể tóm tắt lại như sau:

Chính sách thuế khoá của chúng ta chưa thật được dân chủ hoá đúng mức khả năng theo sự cố gắng chủ quan và hoàn cảnh khách quan. Có những thứ thuế khá cần thiết mà chưa được đặt ra, còn các thứ đã có phần nhiều lại phức tạp. Thủ tục thu thuế còn rườm rà. Chúng ta chưa chú ý lập ngân

sách địa phương nên khó sát tình hình cụ thể. Chính sách tài chính, nói chung là theo đuôi tình thế, chưa liệu trước được các biến chuyển. Sự cấp vốn cho các doanh nghiệp nhà nước và chính sách tín dụng để giúp đỡ nông dân tuy có chú ý nhưng vốn xuất ra còn ít, đến tay nông dân không thấm gì với nhu cầu của họ.

4. Tổng động viên - đảm phụ - tinh giản tiết kiệm

Ngay trước khi Chính phủ ban hành Sắc lệnh tổng động viên vào đầu năm 1950, cuộc động viên nhân lực, vật lực, tài lực đã tiến hành trong toàn quốc dưới nhiều hình thức, như Tuần lễ vàng, những sự huy động nhân công, chữa đê, phá đường, làm kê, v.v.. Trước năm 1950, Chính phủ ra Luật trưng thu, trưng tập cũng là những hình thức động viên.

Đầu năm 1950, Sắc lệnh Tổng động viên ban hành ra là để phối hợp luật pháp với vận động, cưỡng bách với giải thích và để tổng hợp những hình thức động viên rời rạc trước kia vào một hệ thống rõ ràng và phổ biến, đưa tới nhiều hình thức mới nữa như mua thóc định giá, huy động dân công, v.v..

Đi đôi với các hình thức động viên, đảm phụ, chúng ta luôn luôn nhắc nhở khẩu hiệu tiết kiệm trong việc sử dụng nhân lực, vật lực, tài lực. Gần đây chúng ta lại bắt đầu thực hiện giản chính để đỡ tốn cho công quỹ.

Nhìn lại việc thi hành các chủ trương trên này, chúng ta thấy mấy khuyết điểm chính là:

- a) Đôi nơi thiên về phía vét cạn tài sản, công sức của dân mà nhẹ phần phát triển kinh tế, bồi dưỡng lực lượng sản xuất.
- b) Chưa tập trung vào hướng chính và bức thiết là hướng quân sự, tiền tuyến.
- c) Nặng về chủ nghĩa mệnh lệnh, kém về giải thích vận

động; hầu hết các địa phương đều mắc bệnh này, nặng nhất là khu 4.

d) Thiếu chuẩn bị chu đáo trước khi thực hiện.

e) Đối tượng động viên vật lực nhiều khi chênh, đến nỗi so với sở hữu của mình, nhiều người có ít thì góp nhiều và nhiều người giàu có lại góp ít.

g) Sử dụng không hợp lý, tiết kiệm không kế hoạch, kết quả không xứng đáng với sức cống hiến của dân.

5. Phá hoại kinh tế địch

Việc phá hoại mặc dầu đến giữa năm 1949 mới có sự thống nhất chỉ huy của Bộ Quốc phòng với Tổng Liên đoàn lao động, song cũng đạt được nhiều thành tích vẻ vang.

Những cuộc phá hoại lớn cộng với vô vàn sự phá hoại nhỏ, thường xuyên, đã giúp một phần đáng chú trọng vào tác dụng quyết định của kháng chiến về mọi mặt, làm cho mưu mô khôi phục kinh tế của Bourgoin căn bản bị phá sản. "Kế hoạch Bourgoin" gồm hai thời kỳ, từ 1946 đến 1950, và từ 1950 đến 1955. Đến cuối năm 1949, nghĩa là cuối thời kỳ đầu, tỷ lệ thực hiện so với dự trù chỉ được trên 1/23. Năm 1949, nhờ tư bản Mỹ giúp, số tiền bỏ vào nhiều lên nhưng cũng chỉ thực hiện được 1/15 số dự trù. Kết quả thảm hại đó chứng tỏ sự phá sản của "kế hoạch Bourgoin" và ảnh hưởng lớn lao của công cuộc phá hoại mà cán bộ chúng ta, chiến sĩ chúng ta, công nhân chúng ta thực hiện trong những điều kiện rất khó khăn, với một tinh thần rất anh dũng.

Tuy vậy, chúng ta cũng có khuyết điểm là thường xem nhẹ công tác phá hoại thường xuyên ngấm ngấm và trong việc phá hoại còn ít chú ý đến nhu cầu kiến thiết của ta sau này.

6. Vấn đề lãnh đạo

Cũng như về các mặt khác, về mặt kinh tế, sự lãnh đạo vững chắc suốt của Đảng là điều kiện tất yếu trước tiên, bao trùm tất cả để đi tới thành công. Trong hoàn cảnh kháng chiến khó khăn, trên nền tảng nông nghiệp kém cỏi, chúng ta đã cố gắng nhiều, tiến bộ nhiều, nên đã vượt được mọi trở lực mà đã đi đến tình thế đầy triển vọng ngày nay. Đó là ưu điểm của chúng ta. Song vì trình độ chúng ta còn thấp, kinh nghiệm chúng ta còn non, cho nên nhìn chung toàn Đảng, chúng ta phải thấy rõ những thiếu sót của chúng ta trong việc lãnh đạo kinh tế về tư tưởng cũng như về chính trị và tổ chức để mà sửa chữa.

a) *Về tư tưởng*: Do chưa thấm nhuần toàn bộ chính sách của Đảng nhiều cấp uỷ Đảng còn coi nhẹ vấn đề lãnh đạo kinh tế, hoặc xem công tác kinh tế là một công tác rẻ rúng, thường có thái độ khoán trắng công tác kinh tế cho các cơ quan chính quyền hay một số người "*chuyên môn*". Nhiều cán bộ Đảng chưa quan niệm đúng những vấn đề kinh tế trọng yếu lúc này như cải cách ruộng đất, tăng gia sản xuất, toàn dân canh tác, tổng động viên, v.v. theo đường lối quần chúng, quan điểm nhân dân của Đảng.

b) *Về chính trị*: Nói chung, Đảng ta chưa có một chính sách kinh tế có hệ thống rõ ràng. Đối với từng bộ phận, chính sách của chúng ta chưa được thật cụ thể rành mạch. Các chính sách lại thường đưa ra chậm, lại thường thiếu liên tục, không nhất trí với phương châm, chính sách chung.

c) *Về tổ chức*: Chúng ta đã chiều theo nhu cầu mà thiết lập các cơ quan kinh tế cần thiết. Ví dụ Hội nghị liên Bộ Kinh tế, Ban Kinh tế Chính phủ, các Hội đồng kinh tế khu

và tỉnh, v.v.. Sự phối hợp giữa Chính phủ và đoàn thể nhân dân thực hiện bằng nhiều hội nghị đều và có kỳ hạn.

Nhưng tình hình tổ chức kinh tế còn nhiều hiện tượng cần khắc phục như sau:

1- Sự phân phối cơ quan chưa có trọng điểm, nhiều nơi cần thiết thì không có, hoặc có rất ít cơ quan, mà những nơi không cần thiết thì lại thiết lập kênh cang.

2- Chưa cương quyết cấp đủ số cán bộ có năng lực, có tinh thần tích cực và thấm nhuần lý luận kinh tế tài chính của Đảng vào ngành kinh tế tài chính.

3- Nguyên tắc "Kinh doanh phân tán, lãnh đạo tập trung" chưa được áp dụng triệt để.

III- CHÍNH SÁCH VÀ NHIỆM VỤ MỚI

1. Nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp là nền tảng của kinh tế kháng chiến. Trong nền tảng nông nghiệp đó, kinh tế tiểu nông lại là bộ phận cốt cán. Tiểu nông làm lụng nhiều nhất, tiểu nông gánh vác nặng nhất. Cho nên, nếu chúng ta biết rằng muốn phát triển toàn bộ kinh tế tất phải đặc biệt chú trọng vào nông nghiệp, thì đồng thời chúng ta cũng không được quên rằng muốn phát triển nông nghiệp tất phải đặc biệt chú trọng vào tiểu nông. Rút kinh nghiệm mấy năm nay, chúng ta cần chú ý mấy điểm sau đây:

a) *Tích cực thực hiện đúng chính sách ruộng đất của Đảng*. Đây là động cơ chủ yếu để thúc đẩy tăng gia sản xuất nông nghiệp. Khâu chính công tác lúc này là giảm tô, giảm tức. Nhiệm vụ chúng ta là thi hành đúng Sắc lệnh giảm tô

tức và quy chế lĩnh canh. Chúng ta cần vận động cho địa chủ phải giảm tô tức và một khi họ đã giảm tô tức và tôn trọng giao kèo lĩnh canh, thì chúng ta phải bảo đảm cho họ thu tô, thu tức đúng phép. Trong các vùng ruộng thừa, hay đất xấu, cán bộ không nên xem mức giảm tô là cố định khiến cho nông dân không đủ sống, có hại cho sức sinh sản, hoặc khiến cho địa chủ không có ai muốn đất phải bỏ ruộng hoang. Trong các vùng dân tộc thiểu số, việc giảm tô và mức giảm tô càng phải được quan niệm và thực hiện một cách mềm dẻo. Ở những nơi đang còn tàn tích chế độ nông nô, chúng ta cố nhiên phải xoá bỏ những tàn tích ấy, nhưng nhất định phải hành động từ từ, sát với điều kiện cụ thể và trình độ giác ngộ của nhân dân địa phương.

Việc giảm tức cần tiến hành song song với chính sách tín dụng giúp đỡ nông dân tiền vốn, thóc giống, trâu bò, dụng cụ, để bảo đảm cho nông dân không bị lệ thuộc quá chặt chẽ về mặt thủ đoạn sản xuất vào bọn cho vay nặng lãi ở nông thôn, thì việc giảm tức có thể thực hiện mà có lợi cho tăng gia sản xuất.

Việc sử dụng ruộng đất công phải làm nhanh để khỏi bỏ lỡ thời vụ và bỏ hoang ruộng đất. Việc phân phối phải được hợp lý, thời hạn cấp phải dài hơn. Lối đấu thầu ruộng đất công, bỏ ruộng đất công vào quỹ xã một cách quá đáng làm cho nông dân mất phương tiện sản xuất cần phải cương quyết chấm dứt.

Việc tạm cấp cũng phải nhận được đúng ý nghĩa, và thật sự gây được kết quả tốt cho tăng gia sản xuất. Trong khi tạm cấp, chúng ta phải giải thích cho dân cày hiểu rõ quyền lợi chắc chắn và nhiệm vụ chính đáng của họ. Đồng thời chúng ta phải có kế hoạch giúp đỡ nông dân có điều kiện sản xuất

thì việc tạm cấp mới có lợi ích thiết thực và cụ thể. Đặc biệt ở Nam Bộ là nơi có nhiều ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian, việc tạm cấp cần được đặc biệt chú ý. Hơn nữa, trước thủ đoạn của quân thù đang cố tìm cách lôi kéo dân cày, chúng ta cũng nên có những biện pháp thi hành việc này mạnh mẽ thêm lên.

Cuộc vận động hiến ruộng cần tiếp tục nhưng cần thực hiện đúng tinh thần của nó, tức là một phương pháp trong chính sách ruộng đất nhằm vào đối tượng địa chủ. Cần chấm dứt tình trạng xem việc vận động phú nông, trung nông là trọng tâm. Tình trạng ấy đưa tới kết quả là phú nông, trung nông hiến nhiều và hiến ruộng tốt, còn địa chủ thì không hiến, hiến ít hoặc hiến ruộng xấu.

b) *Toàn dân canh tác, tăng gia khai hoang*: Trong cuộc tăng gia sản xuất, nông dân ta, đặc biệt là bản, cố, trung nông cố gắng rất nhiều. Nhưng nhìn chung lại, mọi nơi chúng ta vẫn thấy hiện tượng làm quá sức, không được bồi dưỡng hoặc chưa làm tới mức khả năng và cần thiết; chúng ta vẫn thấy hiện tượng có đất đáng khai khẩn mà còn bị bỏ hoang, trong khi đó nhiều nơi lại khai hoang đốt rừng bừa bãi. Chúng ta cần thực hiện chính sách rõ ràng, đẩy mạnh canh tác, đồng thời bồi dưỡng sức canh tác, khuyến khích khai hoang, đồng thời bảo vệ tài sản thiên nhiên.

Trong sự canh tác của ta, việc trồng lúa là chính. Chúng ta phải đi tới kết quả nơi nào, lúc nào có thể trồng lúa thì nơi ấy, lúc ấy, việc trồng lúa được bảo đảm và được thực hiện tích cực, không bị sao lãng. Tại những vùng có điều kiện trồng chiêm mà chưa trồng chiêm cần chú trọng rút kinh nghiệm thành công và thất bại bấy lâu nay mà kiên quyết tiến hành cho có hiệu quả.

Ngoài lúa ra, sự trồng bông và các hoa mầu cũng phải phát triển mạnh. Nhưng chúng ta không thể chỉ hô hào suông để cho nhân dân phát triển ô ạt lung tung. Chúng ta phải đặc biệt chú ý đến bông vì bông vừa cung cấp sợi, giải quyết nhu cầu về mặc, vừa cung cấp cả dầu nữa. Ngoài ra mỗi địa phương lại phải tùy theo nhu cầu của kháng chiến, tùy theo thổ nghi và tùy theo thời tiết mà chăm lo trồng trọt những thứ hoa mầu chủ yếu như sắn, khoai, ngô, v.v., chú ý khuyến khích, giúp đỡ cho sự trồng trọt các thứ ấy, đặc biệt là trong các căn cứ địa và những nơi trồng lúa khó phát triển.

Động viên, tổ chức, bồi dưỡng sức lao động là nhiệm vụ nặng nề của Đảng. Trong nông thôn là nơi mà sức lao động rất phân tán, rất không đều, nhiệm vụ ấy càng nặng nề, khó khăn hơn. Chúng ta cần làm những việc sau đây thì việc động viên, tổ chức và bồi dưỡng lao động mới gây kết quả tốt cho tăng gia sản xuất nông nghiệp và mới đi tới kết quả toàn dân canh tác thật sự: tổ chức lao động hỗ trợ bằng các đoàn đổi công, hội hợp công; tổ chức nhân dân tản cư, di cư tham gia sản xuất nông nghiệp; huy động và tổ chức hạng người nhàn rỗi ở nông thôn, thật sự tham gia lao động nông nghiệp; thực hiện sự giúp đỡ của bộ đội, cơ quan, nhà trường đối với nông nghiệp; phối hợp sự động viên các mặt khác và sự tổ chức các mặt khác (hội nghị, mét tinh, v.v.) với việc phát triển nông nghiệp, theo đúng nguyên tắc không trái nông thời; tùy theo hoàn cảnh khách quan cho phép mà thi hành những phương sách cải thiện dân sinh; sau cùng nguyên tắc phối hợp làm lụng với nghỉ ngơi cũng nên nghiên cứu cách áp dụng đối với dân cày.

Một vấn đề nữa là vấn đề kỹ thuật. Nói cải tiến kỹ thuật không phải là nói cơ giới hoá đại quy mô. Chúng ta có thể và

phải cải tiến kỹ thuật trong điều kiện nông nghiệp và trong hoàn cảnh kháng chiến của chúng ta. Để cải tiến kỹ thuật, chúng ta có những việc cụ thể phải làm cho tích cực. Đó là những việc:

- Phổ biến các phương sách dùng thủy lợi thiên nhiên hay nhân tạo;
- Sửa chữa đê điều;
- Chọn phát giống tốt;
- Cổ động thi đua đề cao chiến sĩ nông nghiệp bằng cách tuyên dương, mở triển lãm, v.v;
- Phổ biến các bài học nông nghiệp thường thức từ trong bộ đội, cơ quan, nhà trường lan ra đại chúng nhân dân;
- Lập những hội nghị chuyên môn nghiên cứu kỹ thuật nông nghiệp và những hội nghị các chiến sĩ nông nghiệp trao đổi kinh nghiệm với nhau; chú trọng cả phương pháp canh tác và phương pháp cất giữ. Đối với những hoa mầu khó để lâu, việc tìm cách chế biến để cất giữ cần được khuyến khích phát minh và phổ biến.

c) *Chăn nuôi*: Trong nông nghiệp, vấn đề chăn nuôi cũng cần đi đôi với vấn đề canh tác khai khẩn. Chúng ta cần thấy rõ tầm quan trọng của nhiệm vụ phát triển và bảo vệ chăn nuôi, cần quan niệm sự quan hệ giữa chăn nuôi với canh tác, vận tải, lương thực. Hai việc bảo vệ và tăng gia chưa được chúng ta thực hiện chu đáo. Từ nay chúng ta phải có những phương pháp quy định rõ các điều trọng yếu về chăn nuôi của chúng ta như:

- Phòng dịch và phòng dịch.
- Lựa chọn và phát triển giống sinh súc tốt.
- Cấm giết sinh súc mẹ, hạn chế kiểm soát việc giết trâu bò, lợn non.

- Khuyến khích nuôi cá, nuôi dê, nuôi thỏ.

Nông nghiệp hiện nay và trong một thời gian rất dài nữa, chính là nền tảng kinh tế chủ yếu của chúng ta. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất nông nghiệp là nắm được phần chủ yếu của vấn đề phát triển kinh tế trong kháng chiến bảo đảm cung cấp cho kháng chiến.

Trong nhiệm vụ đó, Nông hội phải gây tác dụng cốt cán. Nông hội phải bảo đảm sự thi hành đường lối chính sách của Đảng ở nông thôn; phải giải quyết những sự tranh chấp giữa địa chủ và tá điền, giữa các tầng lớp nhân dân ở nông thôn trong phạm vi chính sách ruộng đất của Đảng; phải động viên, tổ chức, đồng thời phải lo bồi dưỡng nhân lực, vật lực, tài lực nông thôn làm cho sự cung cấp kháng chiến được chắc chắn mà sức sản xuất của nông thôn càng ngày càng mạnh. Cố nhiên, những việc đó không thể khoán trắng cho Nông hội mà có thể đi tới kết quả mỹ mãn. Chính quyền chúng ta, Mặt trận chúng ta, phải kết hợp hết sức mật thiết với Nông hội về mặt vận động thuyết phục cũng như về mặt ban bố pháp lệnh. Đúng về Đảng mà nói, Đảng phải lãnh đạo chặt chẽ sự thi hành, phải làm cho mỗi đảng viên nhận rõ đây là một nhiệm vụ lớn lao nặng nề của toàn Đảng mà bất cứ đảng viên nào, dù ở trong xã hay trong xí nghiệp, trong bộ đội, trong cơ quan và nhà trường cũng phải tuân theo hoàn cảnh của mình mà chấp hành tích cực.

2. Thủ công nghiệp và công nghiệp

a) *Thủ công nghiệp*: Từ nay cho đến khi kỹ nghệ hoá quốc gia, thủ công nghiệp còn chiếm một bộ phận lớn trong nền kinh tế của chúng ta. Đặc biệt là trong hoàn cảnh kháng chiến, do điều kiện kinh doanh công nghiệp trong nước và

thương mại với nước ngoài khó khăn, thủ công nghiệp càng cần phát triển mạnh. Nhưng chúng ta cũng phải nhìn rõ mà tập trung sự giúp đỡ một cách có kế hoạch vào những ngành đặc biệt cần thiết, như nghề kéo sợi, dệt vải, tầm tơ, ép dầu chẳng hạn. Điều cốt yếu là phải:

- Khuyến khích nhân dân, nhất là phụ nữ phát triển các nghề ấy, phổ biến vào những nơi có khả năng làm các nghề ấy mà chưa có các nghề ấy;

- Đặt và giải quyết vấn đề cải tiến kỹ thuật sản xuất, vừa tăng số lượng vừa tăng phẩm chất của sản phẩm;

- Tìm cách bảo đảm sự tiêu thụ các sản phẩm ấy tuỳ theo khả năng cung cấp của ta. Sự bao vây kinh tế địch và việc dùng nội hoá cần được thực hiện ráo riết.

b) *Tiểu công nghệ và công nghiệp*: Như trên đã nói, chúng ta rất yếu về kỹ nghệ nặng. Đó là một nguyên nhân nghiêm trọng làm cho chúng ta trong thực tế chưa cắt đứt hẳn được sự lệ thuộc vào kinh tế của địch. Chúng ta phải nỗ lực vượt trở ngại ấy. Khả năng của chúng ta và những biến chuyển mới trên lịch sử cho phép chúng ta tuỳ từng lúc, từng nơi mà thực hiện nhiệm vụ ấy đến những mức độ nhất định nào đó. Điều kiện chủ yếu là phát triển dần dần bộ phận kinh tế nhà nước. Chúng ta đã có kỹ nghệ quốc phòng và một vài ngành kỹ nghệ quan trọng. Đối với các ngành ấy, chúng ta cần phát triển thêm nữa. Ngoài ra chúng ta còn phải mở rộng phạm vi kinh doanh của Nhà nước đến một vài ngành trọng yếu khác, để cung cấp nhanh chóng cho kháng chiến, đồng thời để đặt vững cơ sở kinh tế nhà nước sau này nắm vững quyền lãnh đạo mọi bộ phận kinh tế phát triển theo đúng đường lối kinh tế dân chủ nhân dân của chúng ta.

Đối với công nghiệp và tiểu công nghệ do tư nhân kinh

doanh chúng ta phải hết sức tìm cách giúp đỡ khuyến khích. Khẩu hiệu liên hiệp tư sản dân tộc phải biểu hiện trong một thái độ chân thật và những phương sách cụ thể. Trong nhiệm vụ phát triển công nghiệp và tiểu công nghệ này, chúng ta cũng phải có những mục tiêu chủ yếu nhất định, để đặt chính sách rõ ràng. Chúng ta có thể nhận định những mục tiêu ấy là các ngành dệt vải, làm giấy, ấn loát, hoá học (những thứ rất cần) và chế tạo dụng cụ (đặc biệt chú trọng vào nông cụ và công cụ thủ công nghiệp).

Đối với các xí nghiệp công doanh, các hình thức tổ chức dân chủ hoá, các chế độ kế toán, kiểm tra, v.v. cần đặt thành nền nếp rõ ràng và đơn giản.

Đối với các xưởng tư doanh, nguyên tắc “lao tư lưỡng lợi” phải được tôn trọng, không thể để cho chủ bóc lột quá đáng nhưng cũng không thể đi đến chỗ làm cho tư nhân không dám bỏ vốn kinh doanh, có hại cho tăng gia sản xuất; chúng ta phải lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân, đồng thời cũng phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của chủ xí nghiệp và kiên nhẫn giáo dục cải tạo họ.

3. Thương mại, giao thông, vận tải

Về thương mại, giao thông và vận tải, chính sách của chúng ta phải gồm ba mặt: đối nội, đối ngoại và đối địch.

a) *Đối nội*: Để giữ cho thương mại trong nước được điều hoà dần dần, việc thiết lập các cơ quan mậu dịch, việc chấn chỉnh các cơ quan giao thông vận tải, tiếp tế vật liệu của Chính phủ phải được đẩy mạnh. Nhưng một mình các cơ quan Chính phủ không thể đảm đương được chu đáo, nên công việc thông thường của tư nhân cần hết sức phát triển. Muốn đi tới kết quả đó việc hướng dẫn sáng suốt phải được đề ra để trừ nạn đầu cơ.

Chúng ta phải đặc biệt chú trọng giúp cho sự thông thương những thứ cần thiết và thiếu thốn đối với các địa phương được tương đối dễ dàng, không nên vì bao vây địch và vì sự đầu cơ của nhà buôn mà cắt đứt hẳn. Nhất là về vấn đề muối là một trong những hoá phẩm có tác dụng ổn định tiền tệ và điều tiết vật giá, chúng ta phải luôn luôn giữ cho muối được lưu thông điều hoà. Đối với những thứ nhu phẩm tuyệt đối cần thiết cho nhân dân, cũng như những nguyên liệu và những công cụ cần thiết cho công nghiệp, thủ công nghiệp và nông nghiệp, chúng ta cũng phải tìm cách phân phối cho hợp lý.

Điều kiện cốt yếu là phải bổ cứu gấp những nhược điểm và khuyết điểm của chúng ta bấy lâu nay về mặt giao thông vận tải. Chúng ta phải triệt để lợi dụng những phương tiện mới, phải lập những tổ chức đảm nhận việc vận tải tiếp liệu; phải có kế hoạch chuyển vận trên các con đường khó khăn, tùy điều kiện mà tổ chức việc nghỉ ngơi, thuốc men cho người vận tải cho sức vật vận tải và việc sửa chữa bảo vệ các phương tiện vận tải.

b) *Đối ngoại*: Chúng ta phải đi đến nắm độc quyền ngoại thương, nghĩa là phải quyết tâm tập trung việc mua hàng ngoại hoá vào một cơ quan là Cục ngoại thương. Vấn đề này hiện nay với sự giải phóng biên giới đã trở thành một vấn đề thực tại. Nhưng trong điều kiện bây giờ chúng ta chưa thể thực hiện ngay phương châm “nội ngoại giao lưu” một cách dễ dàng. Vấn đề còn phải nghiên cứu tỉ mỉ về khả năng tải xuất, về nhu cầu tiêu nhập, cũng như về tiền tệ, hối đoái, v.v.. Đối với những đòi hỏi trước mắt của kháng chiến, về kinh tế cũng như về mọi mặt, phương châm “*tự lực cánh sinh là chính*” bao giờ cũng phải được hiểu rõ và nắm vững.

c) *Đối với địch*: Việc bao vây kinh tế địch cũng như việc phản bao vây địch đã được đề ra từ lâu, tuy đã có nhiều thành tích nhưng vẫn có những khuyết điểm như đã nói ở phần kiểm điểm trên kia. Từ nay chúng ta phải có những phương sách thực hiện cho có hiệu quả. Phải biết phân biệt những thứ tuyệt đối có hại cho ta, với những thứ tuy một mặt nói chung là có hại cho ta, nhưng một mặt nữa lại rất cần thiết cho ta mà ta không sản xuất được, trong trường hợp tối đặc biệt đó cũng có thể nói lỏng lẻo một phần nào. Trong sự bao vây kinh tế địch và phản bao vây địch, chúng ta phải có quan điểm nhân dân rõ ràng, nghĩa là bao vây địch chứ không bao vây nhân dân trong vùng địch và toàn thể nhân dân bao vây bằng cách bài trừ xa xỉ phẩm, giúp Chính phủ triệt bọn đầu cơ buôn lậu, chứ không phải chỉ riêng các cơ quan chính phủ bao vây. Về mặt tổ chức, sự phối hợp chặt chẽ giữa địa phương này với địa phương khác; giữa ngành này với ngành khác là một điều kiện tất yếu để đưa việc bao vây kinh tế địch đến kết quả mỹ mãn.

4. Hợp tác xã:

Để cho nông nghiệp, thương nghiệp và thủ công nghiệp thêm điều kiện phát triển có lợi cho tăng gia sản xuất bảo đảm cung cấp, chúng ta có nhiệm vụ đẩy mạnh phong trào hợp tác xã. Nó vừa là nền móng kinh tế tập thể hoá, vừa là một động cơ tăng sức lao động, hợp lý hoá sự sản xuất và tinh giản sự tiêu phí. Phong trào hợp tác xã cần đẩy mạnh trong nông nghiệp trước hết và cần đặc biệt chú trọng thu hút những người tiểu nông. Hình thức cần phát triển mạnh hơn cả là những kiểu hợp tác xã sản xuất đơn sơ. Phối hợp với kinh tế cá thể của tiểu nông, nó sẽ có một tác dụng rất lớn lao trong việc phát triển nông nghiệp nói riêng cũng như trong việc phát triển toàn bộ kinh tế nói chung.

Trong thủ công nghiệp và thương nghiệp, chúng ta cũng nên cố gắng tạo điều kiện tổ chức những hợp tác xã cung tiêu tùy theo hoàn cảnh mà giải quyết một phần nào sự cung cấp nguyên liệu hoặc vật liệu cần dùng và sự tiêu thụ sản vật.

Ngoài ra những thứ hợp tác xã tín dụng, tiêu phí và hợp tác xã vận tải cũng nên tìm cách phát triển. Nguyên tắc của chúng ta trong việc đẩy mạnh phong trào hợp tác xã là:

- Tự dân thích, tự dân làm;
- Chính phủ ra sức giúp đỡ về tổ chức, về cán bộ;
- Hợp tác xã phải quần chúng hoá, nghĩa là giải quyết khó khăn cho quần chúng và phải có khả năng thu hút ngày càng nhiều nhân dân lao động tham gia.

5. Tài chính:

Tài chính của ta phải kết chặt với chính sách kinh tế của ta. Quan niệm tách rời tài chính với kinh tế đã đưa đến những hành động vét của dân, những chủ trương lệch về phía thu vào công quỹ mà sao lãng việc phát triển kinh tế, bồi dưỡng sức sản xuất của nhân dân. Nắm vững phương châm phát triển kinh tế bảo đảm cung cấp chính là thực hiện một nền tài chính vững chắc.

Riêng về mặt tài chính, chúng ta cần chú trọng những điểm sau đây:

- a) Thiết lập quốc gia ngân hàng, phát hành đồng bạc mới làm cho tiền tệ có thể ổn định phần nào và có giá hối đoái trên trường quốc tế;
- b) Quy định rõ ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương;
- c) Phát hành công trái quốc gia;
- d) Dân chủ hóa chế độ thuế khóa. Bấy lâu nay chúng ta thật chưa dân chủ hoá thuế khoá đúng mức nhu cầu và khả năng của hoàn cảnh. Một mặt nữa chính sách thuế khoá

cũng chưa thật ăn khớp với chính sách kinh tế chung của chúng ta. Để chấm dứt tình trạng đó chúng ta cần áp dụng nguyên tắc thuế lợi tức và lũy tiến.

Đối với hàng ngoại hóa trong vùng địch, trừ những thứ cần triệt không kể, chế độ thuế khoá của ta phải biết phối hợp sự bao vây kinh tế địch với việc bảo đảm cung cấp cho ta, phải biết tùy theo sự cần thiết của chúng ta mà định các mức nặng, nhẹ khác nhau. Sau cùng chế độ thuế khoá của ta cũng nên có tác dụng nâng đỡ những ngành sản xuất chủ yếu và các hợp tác xã.

e) Cải tiến chế độ tín dụng đối với nông nghiệp và thủ công nghiệp. Quỹ tín dụng cần tăng thêm nữa. Sự sử dụng quỹ tín dụng phải nhằm đúng những nguyên tắc sau:

- Chú ý những nơi nào có nhiều khả năng để phát triển kinh tế và có nhiều sức lao động song lại nghèo phương tiện nhất là tiền vốn;

- Chú ý vào nông nghiệp trước hết, nhưng cũng cần nâng đỡ các ngành thủ công nghiệp cần thiết; trong nông nghiệp thì chú trọng đặc biệt vào bản cố nông, song đối với những phú nông có ý kinh doanh để tăng gia sản xuất mà thiếu phương tiện thì cũng cần giúp;

- Việc giúp vốn theo đúng nông thời.

- Tổ chức và thủ tục phải đơn giản, hợp lý đúng với quyền lợi dân nghèo.

- g) Hợp lý hoá sự động viên vật lực, tài lực.

6. Tăng gia sản xuất trong bộ đội, cơ quan và nhà trường

Nhiệm vụ phát triển kinh tế bảo đảm cung cấp là nhiệm vụ chung của toàn dân. Chúng ta không thể chỉ đòi hỏi cung

cấp của những người chuyên nghiệp. Cho nên bộ đội, cơ quan và nhà trường đều phải tham gia sản xuất. Chúng ta phải đẩy mạnh việc tăng gia sản xuất trong bộ đội, trong cơ quan, trong nhà trường, phải lấy sự sản xuất thực tế mà giáo dục người lính, người viên chức, người học sinh của chúng ta. Chúng ta phải làm cho phong trào tăng gia sản xuất trong bộ đội có tác dụng kinh tế, đi tới kết quả tự cấp thật sự, từ chỗ tự cấp một phần nhỏ đến chỗ tự cấp một phần lớn nhu cầu, từ chỗ tự cấp những thứ phụ thuộc đến chỗ tự cấp một phần nào những thứ cốt yếu, từ chỗ trồng trọt hoa mầu đến chỗ trồng lúa, chăn nuôi, v.v.. Công việc này từ trước đến nay chúng ta vẫn có làm, nhất là gần đây, nhưng phải nhận rằng chúng ta chưa làm được chu đáo. Đã đành rằng điều kiện chiến tranh của ta là một trở lực rất lớn, song nếu chúng ta cố gắng và làm việc một cách có kế hoạch hẳn hoi thì nhất định chúng ta sẽ thu được nhiều kết quả tốt hơn. Kiểm điểm những thành công, những thất bại mà cải tiến công tác, đó là bổn phận chung của tất cả chúng ta, của các đồng chí công tác kinh tế cũng như của những người phụ trách trong các đơn vị bộ đội, cơ quan, nhà trường.

7. Trong vùng tạm bị chiếm

Nói chung, phương châm tổng quát của toàn bộ nền kinh tế Việt Nam lúc này là phát triển kinh tế trong kháng chiến, bảo đảm cung cấp cho kháng chiến. Kinh tế của chúng ta trong vùng tạm bị chiếm cũng phải theo phương châm ấy.

Nhân dân ta trong vùng địch phải có ý thức tăng gia sản xuất để tự cấp tự túc mà tẩy chay hàng địch và cung cấp cho kháng chiến trong phạm vi có thể. Chúng ta cũng phải có nhiệm vụ tùy theo khả năng mà giải quyết khó khăn cho nhân dân vùng địch. Những khuyết điểm làm cho

sự bao vây địch biến thành bao vây nhân dân vùng địch, và không động viên nhân dân vùng địch bao vây địch phải được sửa chữa ngay.

Riêng về vùng địch chúng ta phải chú trọng hai nhiệm vụ chủ yếu dưới đây:

a) *Bảo vệ tài sản, mùa màng của ta*: Đây cũng là một nhiệm vụ chung cho toàn quốc. Song đặc biệt trong vùng địch, nhiệm vụ ấy càng quan trọng hơn nữa và phải được chính quyền, đoàn thể và nhân dân ta luôn luôn tỉnh táo thực hiện. Việc gặt hái, cất giữ, chuyên chở thóc lúa, hoa màu cũng như các thứ tài sản khác phải có điều tra nghiên cứu, tổ chức đầy đủ, phối hợp ngành này với ngành khác, vùng bị chiếm với vùng tự do, quân đội với nhân dân, chính quyền với đoàn thể cho chặt chẽ.

b) *Phá hoại kinh tế địch*: Việc phá hoại kinh tế địch từ trước đến nay đã có nhiều thành tích, nhưng cũng có những sai lầm như trên đã nói. Từ nay, tình thế mới càng đòi hỏi chúng ta tiến hành công việc ấy một cách mạnh mẽ hơn và có kế hoạch hơn nữa. Những nguyên tắc căn bản là:

- Công việc phá hoại kinh tế địch phải là công việc chung của nhân dân vùng địch;

- Công việc phá hoại kinh tế địch phải biết phối hợp những sự phá hoại lớn, và chớp nhoáng, với những sự phá hoại nhỏ, thường xuyên, âm ỉ;

- Công việc phá hoại kinh tế địch cần kết hợp với sự bảo đảm công việc kiến thiết kinh tế của ta mai sau.

8. Tại các nơi mới được giải phóng

Gần đây do chiến thắng Thu - Đông, vấn đề kinh tế tại các đô thị được đề ra. Song trong điều kiện chiến tranh của

ta hiện nay vấn đề đặt ra chưa phải là kiến thiết những trung tâm kỹ nghệ, thực hiện phương châm "thành hương hỗ trợ" một cách đầy đủ. Công việc đó còn đòi hỏi nhiều điều kiện khó khăn mà chúng ta phải tranh thủ lâu dài theo một kế hoạch rõ ràng, căn cứ vào những sự điều tra nghiên cứu tỉ mỉ.

Hiện nay, nhiệm vụ kinh tế của chúng ta tại những nơi mới được giải phóng có thể quy vào mấy điểm chính dưới đây:

a) Chiêu an nhân dân, bảo đảm cho nhân dân có những điều kiện làm lụng yên ổn (đồng thời gây ý thức đề phòng những sự đánh phá của địch);

b) Cải thiện dân sinh;

c) Khôi phục và tăng cường sức sản xuất, động viên và bồi dưỡng sức lao động, thu thập, vận dụng những phương tiện sản xuất mà địch để lại để phát triển kinh tế của ta,

d) Đem những phương sách kinh tế tài chính đã thực hiện tại các vùng tự do bấy lâu nay mà thi hành từng bước một cách có kế hoạch và mềm dẻo tại những nơi vừa giải phóng, nếu những nơi này mấy năm nay vì bị chiếm đóng mà chưa thực hiện được các phương sách ấy;

e) Tổ chức các nơi mới giải phóng trên các đường giao thông chính, thành những cơ sở thông thương liên tục, đều đặn.

Về vấn đề này, rút kinh nghiệm Cao Bằng, Lạng Sơn vừa rồi, đối với những nơi khác, chúng ta cần điều tra nghiên cứu mà chuẩn bị ngay từ bây giờ, chứ không phải để đến lúc có một nơi nào được giải phóng rồi mới nêu thành vấn đề.

9. Tinh giản tiết kiệm

Trên đây chúng ta đã nói nhiều về mặt sản xuất và cung cấp. Một mặt nữa, về việc sử dụng tài sản, chúng ta cũng

phải nhận thức rõ tính chất vô cùng quan trọng của nó. Nếu sản xuất nhiều, cung cấp nhiều, mà không giữ gìn, không dè xẻn, thì kết quả không những không có lợi mà lại còn có hại cho kháng chiến. Tác phong cần, kiệm, liêm chính mà *Hồ Chủ tịch* đã nêu rõ cho chúng ta chính là nhằm mục đích giải quyết vấn đề này. Gần đây chúng ta lại thực hiện giản chính và kêu gọi tiết kiệm ráo riết hơn. Nhưng nói chung vẫn còn những hiện tượng xấu như giản chính thì bình quân chủ nghĩa, đồng loạt, nặng về số lượng đơn thuần, hại cho hiệu suất chung, còn tiết kiệm thì không có kế hoạch, không phân biệt các loại chi phí, nên trở ngại cho những việc tiêu dùng tối cần thiết.

Từ nay, "giản" phải đi đôi với "tinh", tiết kiệm phải có kế hoạch. Chính sách "tinh giản tiết kiệm" của chúng ta phải nghiêm, triệt để, phổ biến, chân thật, và nhằm đạt năm mục đích là:

Đơn giản, tinh nhuệ, thống nhất, hiệu suất tăng, và bỏ được những chi phí không thật tất yếu.

Chính sách tinh giản tiết kiệm của chúng ta không phải chỉ là một phương sách riêng của Chính phủ hay của Đảng. Nó phải được thực hiện tích cực trong tất cả các đoàn thể, cũng như trong toàn thể nhân dân, trong việc tiêu dùng cũng như trong việc bảo vệ cất giữ cho khỏi bị địch phá hay bị những điều kiện thời tiết làm hư hỏng.

Nói tóm lại, trong khi thúc đẩy công việc phát triển kinh tế bảo đảm cung cấp, chúng ta không giờ phút nào được quên gắn chặt vào nhiệm vụ tinh giản tiết kiệm.

10. Đối với Miên, Lào

Về mặt kinh tế, cũng như về các mặt khác, chúng ta có nhiệm vụ luôn luôn tích cực giúp đỡ Miên, Lào. Chúng ta

phải ra sức giúp đỡ Miên, Lào bằng kinh nghiệm công tác, cán bộ và những phương tiện khác. Chúng ta phải đi tới thực hiện trong phạm vi có thể, sự "giao lưu" kinh tế giữa ba nước Việt, Miên, Lào. Nhưng trong điều kiện chiến tranh hiện nay và do cơ sở kinh tế của ba quốc gia Việt, Miên, Lào có nhiều điểm căn bản khác nhau, nên vấn đề này cần phải có sự phối hợp nghiên cứu chung giữa chúng ta với Miên, Lào mới có thể vạch rõ kế hoạch đúng đắn và chấp hành một cách có hiệu quả, có lợi chung cho cả ba dân tộc. Từ nay, với những thắng lợi của ta, cũng như với sự tiến triển của phong trào Miên, Lào, chúng ta cần xúc tiến gấp rút sự phối hợp chặt chẽ đó.

11. Vấn đề lãnh đạo kinh tế

Sau khi đã nêu một cách tương đối cụ thể những nhiệm vụ kinh tế tài chính chủ yếu của chúng ta trong kháng chiến, bây giờ chúng ta nói đến điểm cuối cùng và quyết định tất cả là vấn đề Đảng lãnh đạo kinh tế. Trước tình thế ngày càng khó khăn, Đảng ta ngày càng phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn bộ cuộc kháng chiến nói chung, cũng như riêng về mặt kinh tế tài chính. Sự lãnh đạo ấy phải vững chắc, sáng suốt, thống nhất về tư tưởng, chính trị và về tổ chức.

Về tư tưởng, Đảng phải làm cho mỗi đảng viên thấm nhuần quan điểm quần chúng, quan điểm nhân dân và quan điểm lao động trong phạm vi công tác kinh tế, thấm nhuần lý luận chiến tranh nhân dân, mà phổ biến các quan điểm ấy và lý luận ấy trong tất cả mọi người công tác kinh tế tài chính và trong nhân dân. Đảng phải đấu tranh chống những bệnh quan liêu chủ nghĩa, khuynh hướng kinh tế chủ nghĩa, tách rời kinh tế với đường lối chính trị chung, và khuynh hướng "thuần túy lý tài" tách rời tài chính với kinh tế và chính trị.

Về chính trị, Đảng phải xác định những chính sách kinh tế tài chính về mọi mặt, giáo dục cho đảng viên nắm vững những nguyên tắc kinh tế tài chính của Đảng trong kháng chiến để quần chúng hoá các chính sách ấy, làm cho chính sách kinh tế tài chính của Đảng được toàn thể chính quyền, mặt trận và nhân dân nhất trí, chấp hành đúng tiêu chuẩn.

Về tổ chức, Đảng phải ra sức kiện toàn cơ quan lãnh đạo kinh tế, chấn chỉnh toàn thể bộ máy kinh tế không những ở Trung ương mà còn ở các cấp, nhất là ở cấp tỉnh và cấp xã. Hệ thống thiết lập các cơ quan kinh tế phải sát với tình hình hoạt động kinh tế chung, nghĩa là có trọng điểm, có liên hệ, để tránh tình trạng nơi cần thiết thì thiếu, nơi không cần thiết lại thừa, và nơi nào cũng tách riêng, rời rạc.

Đảng phải ra sức giáo dục cán bộ cũ, đào tạo cán bộ mới, và trong công việc đó Đảng phải đặc biệt chú trọng vào việc đưa công nông vào phụ trách các ngành kinh tế quan trọng.

Đảng phải cương quyết gây tác phong làm việc nắm vững trọng tâm, có phân công rõ ràng và phối hợp chặt chẽ, có nền nếp báo cáo chỉ thị, có lệ lối điều tra nghiên cứu, thống kê và tổng kết, có sự kiểm tra đôn đốc thường xuyên, có sự thưởng phạt kịp thời. Đảng phải đấu tranh tích cực chống lối làm việc vô nguyên tắc, quan liêu, hủ hoá, hình thức, thủ công nghiệp và những lối làm việc đại quy mô không sát thực tế.

KẾT LUẬN

Trong 5 năm nay, tiến hành cuộc kháng chiến vĩ đại của chúng ta, chúng ta đã cố gắng rất nhiều, thu được nhiều thắng lợi, thực hiện được nhiều bước tiến, trên các mặt trận

khác, chúng ta có thể nói như vậy. Trên mặt trận kinh tế, mặc dầu không theo kịp các mặt trận quân sự và chính trị, chúng ta cũng có thể nói như vậy.

Con đường kháng chiến của chúng ta còn dài. Nhiệm vụ kinh tế tài chính của chúng ta để chuyển sang tổng phản công và tổng phản công thắng lợi rất nặng nề. Tình thế mới đang đem lại cho chúng ta nhiều khó khăn mới và cũng nhiều thắng lợi mới.

Có đường lối đúng đắn của Đảng, có lực lượng mạnh mẽ của nhân dân, có sự cố gắng của mỗi đồng chí chúng ta nhất định chúng ta sẽ phát triển được các thuận lợi ấy, khắc phục được các khó khăn ấy.

Nhằm phương châm "Tất cả để chiến thắng" chúng ta nêu nhiệm vụ "*phát triển kinh tế, bảo đảm cung cấp*" về phía chúng ta và phá mưu mô "Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của địch. Không bao giờ sao lãng nhiệm vụ ấy, chúng ta kiên quyết lấy "tự lực cánh sinh" làm điều kiện chủ yếu để đi tới thành công.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Hồ Chủ tịch, theo đường lối chung đã được vạch rõ trong Cương lĩnh của Đảng, chúng ta hãy nghiên cứu kỹ càng, đặt rõ chính sách cụ thể, cải tiến tổ chức, nâng cao tư tưởng mà phấn đấu trên mặt trận kinh tế tài chính.

Chúng ta hãy đẩy mạnh *thi đua ái quốc* và động viên, đi đôi với bồi dưỡng sức lao động, phát huy sáng chế phát minh, triệt để thực hiện *tinh giản tiết kiệm* để đáp lại những đòi hỏi cấp bách của kháng chiến, và để theo kịp trào lưu thế giới đang dâng cao. Chúng ta hãy luôn luôn thấy rõ nhiệm vụ nặng nề mà không ngừng một phút cố gắng.

Làm được như vậy, chính sách kinh tế nhân dân kháng chiến của chúng ta nhất định hoàn toàn thành công, và đây là thắng lợi căn bản của chúng ta trên con đường dài đi tới kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

XÂY DỰNG VĂN NGHỆ NHÂN DÂN VIỆT NAM*

I- VĂN NGHỆ VIỆT NAM TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NHÌN QUA VỐN CŨ

Văn học nghệ thuật cũ của nước ta có hai dòng: phong kiến và bình dân.

Văn nghệ chính thống của xã hội phong kiến do các nho sĩ sáng tác nó. Nó chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất của Trung Quốc. Giai cấp phong kiến Việt Nam dùng chữ Hán làm chữ Việt chính thức, nó tạo ra một nền văn học Hán-Việt, đã có những áng văn lịch sử như bài hịch Trần Hưng Đạo, bài hịch *Bình ngô đại cáo*. Bên cạnh văn học Hán-Việt ấy dần dần phát triển nền văn học thực của tiếng Việt Nam, dùng chữ Nôm làm chữ Việt. Nhưng chữ Nôm vẫn bị giai cấp phong kiến thống trị coi rẻ, không được dùng làm chữ chính thức thay văn Hán. Phải đợi đến thế kỷ thứ XVIII văn Nôm mới có giá trị và địa vị hẳn hoi. Với Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm và về sau Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Yên Đỗ, Trần Kế Xương, văn Nôm ngày càng giàu có, càng uyển chuyển được truyền tụng trong dân gian, mất địa vị

* Báo cáo do đồng chí Tố Hữu đọc tại Đại hội (B.T).

của văn Hán, thành một di sản quý báu của nền văn nghệ cũ. Các nghệ thuật nói chung thì không được phát triển mạnh mẽ dưới chế độ phong kiến trì trệ. Mỹ nghệ, kiến trúc, tuồng cổ, nhà bát âm, múa, nghi lễ của các triều vua bị đóng khung trong những lễ lối cũ truyền, lai Tàu, đời sau lặp lại đời trước.

Văn nghệ phong kiến Việt Nam xây dựng trên tư tưởng và luân lý Khổng giáo, Phật giáo. Tinh thần dân tộc của họ rất mong manh chỉ bùng lên khi họa xâm lăng ào đến, nhưng rồi nó lại tan trong thái độ thần phục của phong kiến Việt Nam đối với thiên triều Trung Quốc. Nó không đại diện được một cách thủy chung cho ý chí và tâm hồn của dân tộc, của nhân dân cần lao và ở điểm căn bản đó, nó trái hẳn với văn nghệ bình dân do nông dân sáng tác.

Văn nghệ bình dân là một kho tàng lớn của gia tài văn nghệ cũ Việt Nam, cũng như giai cấp nông dân sáng tạo ra nó là lực lượng căn bản trong lịch sử đấu tranh của dân tộc.

Nó là nghệ thuật của quảng đại quần chúng nông dân lao động dưới nhiều hình thức: ca dao, tục ngữ, vè, cổ tích, tiểu lâm, hát chèo và các điệu đồng quê, tranh Tết... Trải qua một lịch sử lâu dài, người nông dân Việt Nam tìm thấy trong văn chương, nghệ thuật vô danh ấy hình dáng đời sống và tâm hồn của họ đấu tranh vất vả với thiên nhiên và bị đè nén tàn nhẫn dưới chế độ vua quan phong kiến. Văn nghệ bình dân là một kho kinh nghiệm thực tế rất phong phú của đời sống nông nghiệp, là pho truyện lớn của xã hội phong kiến. Nó là tiếng hát vui khỏe, bình dị của người nông dân, là tiếng cười chế diễu thông minh và kín đáo của họ đối với những luật lệ áp bức của vua quan, luân lý bất nhân của phong kiến đè nén nhân dân, trói buộc phụ nữ, nó kịch liệt công kích những

tật xấu của bọn người hủ hạ giai cấp thống trị: thầy chùa, thầy bói, v.v.. Chen lẫn với những tiếng hát, tiếng cười ấy là tiếng kêu uất ức, tiếng thở than của một lớp người đông đảo nhưng bất lực không tự mình tìm thấy hướng đi, thiếu tinh thần chiến đấu tích cực.

Qua bao nhiêu triều đại, văn nghệ bình dân tuy đã mất nhiều vẫn còn lưu truyền đến ngày nay ở khắp thôn quê Việt Nam, miền xuôi và miền ngược, nó còn gốc rễ sâu xa trong tâm hồn người nông dân đang sản xuất, chiến đấu. Nó có một sức sống dồi dào, dai dẳng và chứng tỏ rằng nông dân Việt Nam là một lực lượng sáng tác nghệ thuật rất lớn của nước ta ngày xưa và ngày nay. Giải phóng và phát triển lực lượng sáng tác của nông dân là một nhiệm vụ căn bản của công cuộc xây dựng nền văn nghệ nhân dân mới hiện tại.

Suốt thời đại phong kiến lâu dài hai dòng văn nghệ phong kiến và bình dân đi song song. Nhưng khi nào một lớp phong kiến cần dựa vào nông dân để chống ngoại xâm hoặc đánh đổ một triều đại, những lúc ấy, văn nghệ phong kiến kết hợp với văn nghệ bình dân, văn nghệ bình dân ảnh hưởng rất mạnh đến văn nghệ phong kiến, biến cải cả nội dung lẫn hình thức, tạo nên thời đại thịnh của nền văn nghệ cũ. Lịch sử văn học nghệ thuật Việt Nam chứng thực điều đó: điêu khắc đời Lý, Trần, Trịnh, mỹ nghệ đời Mạc, Trịnh, văn học đời Lê. Nhưng khi quân ngoại xâm bị đánh đuổi, hoặc triều đại cũ đã bị lật đổ thì lớp phong kiến thống trị mới quay lại đàn áp nhân dân, bảo thủ chế độ. Lúc đó văn nghệ của dân tộc lại rẽ hai dòng: văn nghệ chính thống của bọn thống trị thì dẫn tới thời kỳ trì trệ, công thức nghèo nàn, còn văn nghệ bình dân thì lại chìm xuống như giai cấp của nó, lẫn quẩn trong cái bản năng nặng nề mờ mịt, không

thể nào tự nó vươn lên thành một nền văn nghệ vững vàng hơn, tinh tế hơn.

Quá trình ấy cứ nhắc đi nhắc lại làm cho văn nghệ cũ Việt Nam ở mãi trong trình độ thấp kém, ngày nay tìm lại vốn cũ còn gì có giá trị thì đó là những sản phẩm văn nghệ của những thời đại thịnh Lý, Trần, Trịnh, Mạc, Lê; ấy là nền văn nghệ bình dân tuy ngày nay bị còm cõi nhưng đã in sâu dáng điệu mấy nghìn năm của dân tộc và nhất là cái di sản tiếng Việt rất giàu thành ngữ và âm điệu (tiếng nói, ca hát) đặc biệt của dân tộc ta.

DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC

Lịch sử văn nghệ Việt Nam trong 80 năm Pháp thuộc là lịch sử của cuộc đấu tranh giữa hai dòng văn nghệ: nô lệ thoái hoá và cách mạng tiến bộ. Đế quốc Pháp xâm chiếm nước ta gặp ngay sức phản kháng của giai cấp phong kiến. Giai cấp này một lần nữa dựa vào nông dân lao động. Văn thơ khảng khái yêu nước của nho sĩ văn thân viết bằng văn Nôm ra đời, cùng những bài về bình dân kể lại các cuộc chiến đấu chống Pháp (về *Hoàng Diệu*, *Kinh đô thất thủ*, *Đê Thám*). Thơ của các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh được truyền tụng, có một tác dụng động viên rất lớn, rồi một phong trào có khuynh hướng tư sản (phong trào Đông kinh nghĩa thực). Dùng chữ viết mới (quốc ngữ) làm lợi khí cổ vũ Duy tân năm 1916 thất bại, chấm dứt giai đoạn đấu tranh của phong kiến. Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, đế quốc Pháp bắt đầu khai thác thuộc địa, đẻ ra bồi bút bán nước Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, truyền bá văn chương “khai trí tiến đức”

Nam phong Âu Tây tư tưởng, ca ngợi công ơn đế quốc Pháp, gieo rắc tư tưởng đầu hàng, cầu an, nô lệ đế quốc Pháp. Chính sách khai thác thuộc địa của đế quốc Pháp đẻ ra giai cấp công nhân, rồi đến giai cấp tư sản Việt Nam. Trong khoảng thời gian rất ngắn năm bảy năm, hai giai cấp tư sản và tiểu tư sản song song tiến hành cuộc vận động chính trị, tư tưởng và văn học phản đế, phản phong của họ. Từ năm 1924-30 những sách tuyên truyền yêu nước và báo đấu tranh tiến bộ của giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản đã có tác động khá lớn trong nhân dân. “Chiêu hồn nước” của Phạm Tất Đắc, thơ của Trần Tuấn Khải, một bầu tâm sự của Trần Huy Liệu, những bài báo của Bùi Công Trừng, Nguyễn An Ninh, v.v. đã động viên rất nhiều tinh thần yêu nước.

Nhưng rồi khởi nghĩa Yên Bái thất bại năm 1930, trào lưu văn nghệ tư sản cũng như giai cấp của nó hết nhuệ khí cách mạng chuyển sang chủ nghĩa lãng mạn, cá nhân với nhóm văn hoá cải lương. Văn nghệ tiểu tư sản thì cũng theo giai cấp nó mà phân hoá: một bộ phận theo đường tư sản cải lương, một bộ phận theo đường vô sản cách mạng. Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập năm 1930, bắt đầu từ đó nắm quyền lãnh đạo cách mạng tiến hành cuộc vận động chính trị tư tưởng của mình. Trong buổi đầu, Đảng chưa có đề cương văn hoá mới, chỉ mới dùng hình thức báo chí, truyền đơn để tuyên truyền cổ động. Thời kỳ thoái trào của Đảng 1931-34 là thời kỳ văn nghệ lãng mạn của tư sản cải lương lan tràn ảnh hưởng. Tự lực văn đoàn với những sách báo của nó đã có ảnh hưởng khá lớn đối với các lớp tư sản, tiểu tư sản thành thị và cũng đã có công đáng kể trong sự cố gắng cải tiến hình thức văn chương tạo lối hành văn mới sáng sủa hơn và dùng tiếng nói của dân tộc một cách giản dị

hơn, phong phú hơn, nâng cao địa vị của văn chương Việt Nam lên một bậc. Từ năm 1935, cuộc vận động cách mạng của Đảng lại trở nên mạnh mẽ và công khai hoạt động chính trị và bắt đầu đẩy mạnh cuộc vận động tư tưởng, văn học nghệ thuật trên lập trường dân chủ. Đảng bắt tay với nhóm Ngày nay tư sản cải lương để cùng tranh đấu chung về chính trị nhưng cũng đồng thời các đồng chí của Đảng không bỏ đấu tranh tư tưởng, mở bút chiến về các vấn đề nghệ thuật vị nghệ thuật hay vị nhân sinh, duy tâm hay duy vật và phê bình khuynh hướng lãng mạn tư sản trong văn chương nghệ thuật. Để giúp cho cuộc vận động chính trị và tư tưởng được sâu rộng trong quần đại quần chúng, đại đa số mù chữ, Đảng khởi xướng thành lập Hội truyền bá quốc ngữ, lập trường của Đảng cũng đã thu hút một số nhà truyền bá quốc ngữ, lập trường của Đảng cũng đã thu hút một số nhà văn xã hội có khuynh hướng tả chân, chống chế độ thuộc địa, vua quan địa chủ, nói lên đời sống cực khổ của nông dân và thợ thuyền.

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, đế quốc phát xít hoá rồi Pháp mất nước, chủ nghĩa đầu hàng của Pétain trở thành một chủ nghĩa độc tôn. Lời thống chế tiếm nọc độc vào các nhà trường và khắp thành thị, thôn quê trong lúc tên Đuycuroa tung phong trào vui vẻ trẻ trung lôi cuốn thanh niên xa đường chính trị để chui vào những hộp đêm, tiệm hút. Phát xít Nhật thì nhập cảng những sách báo, phim ảnh tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông Á để lừa bịp dân ta, kéo dân ta vào cuộc chiến tranh xâm lược của chúng.

Suốt thời kỳ 1940- 44 văn nghệ công khai của ta tối tăm hơn bao giờ hết. Dưới ách thống trị và không khí đầu độc của hai tên giặc Nhật, Pháp, hầu hết văn nghệ sĩ tiểu tư sản và tư sản thái độ hoài nghi buồn nản, đều dần dần rơi vào

khuynh hướng thoát ly, quay lại nho thuyết thời xưa, trốn vào thế giới siêu hình. Một số đi tìm sắc thái dân tộc nhưng vẫn không dám kiên quyết đi sâu vào thực tế đấu tranh cách mạng, rút cục chỉ giữ một thái độ bất mãn tiêu cực, đứng ngoài quần chúng và thực sự biến thành những công cụ của thống trị làm loạn óc nhân dân.

Trong thời gian đó, cuộc vận động cách mạng của Đảng tiến hành ngày càng sâu rộng trong quần chúng, công tác tuyên truyền giáo dục bắt buộc dùng đến những hình thức văn nghệ đơn giản, báo của Đảng, của Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc phát triển khá nhiều, mang những vần thơ, ca dao, bài hát đến nhân dân, tố cáo tội ác của giặc và bọn bán nước, chỉ đường đấu tranh cách mạng, kích thích tinh thần yêu nước và lòng tin tưởng. Một số cảm tình Đảng hoạt động văn hoá công khai, giới thiệu lác đác văn học cách mạng của Trung Quốc. Đến cuối năm 1943, Đảng phát biểu bản *Đề cương văn hoá* mới, lần đầu tiên nêu rõ phương châm khoa học, đại chúng làm kim chỉ nam cho cuộc vận động văn hoá cách mạng.

Hội Văn hoá Cứu quốc thành lập, tập hợp một số văn nghệ sĩ tiến bộ. Một số bài ca cách mạng ra đời kích thích lòng yêu nước và đẩy nhịp bước của giải phóng quân trong khu giải phóng. Văn nghệ cách mạng bắt đầu có hướng đi rõ rệt. Nhưng nhìn lại suốt trong giai đoạn đấu tranh gian khổ và anh dũng từ 1939 đến 1945 trải qua ba cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương và thời kỳ tiền khởi nghĩa với căn cứ địa Việt Bắc, với phong trào chống Nhật sôi nổi, văn nghệ cách mạng vẫn còn thấp kém. Ngoài những bài văn chính trị, một số bài thơ, bài hát ít ỏi, chúng ta chưa có một tác phẩm văn nghệ nào thật có giá trị, nói lên những thống khổ của

dân ta dưới ách Pháp - Nhật, mô tả phong trào đấu tranh cách mạng anh dũng của nhân dân và vai trò lãnh đạo của Đảng. Trên mặt trận văn hoá vì thiếu cán bộ, Đảng ta không gây được một cuộc đấu tranh tư tưởng nào trong thời kỳ đó để đả phá ảnh hưởng văn nghệ nô lệ, truy lạc, thoát ly, đả phá những xuyên tạc học thuyết Mác của một bọn phê bình văn học giả danh duy vật, do đó số văn nghệ sĩ tới với Đảng ta chỉ là một số rất nhỏ.

Một trăm năm của chế độ thuộc địa chúng ta còn lại gì trên miếng đất văn nghệ?

Bao nhiêu di sản tốt đẹp của nền văn nghệ cũ, đặc biệt của văn nghệ bình dân bị chà đạp hay che phủ dưới những lượt màn dối trá biến thành công cụ ru ngủ quần chúng. Nhân dân lao động không được hưởng thụ văn nghệ lành mạnh không được phát triển khả năng sáng tạo nghệ thuật của mình, văn nghệ cách mạng tiến bộ bị đế quốc khủng bố dữ dội. Những năm độc của văn nghệ tư sản Pháp truy lạc và nói chung văn nghệ suy tàn của đế quốc chủ nghĩa mọc đầy trên miếng đất văn nghệ Việt Nam. Những năm độc ấy đã làm khô héo rất nhiều một số đông văn nghệ sĩ nước ta, tất cả là tiểu tư sản, làm cho họ càng xa thực tế quần chúng, càng mất gốc rễ dân tộc, càng xa rời khoa học, xa rời tư tưởng tiến bộ cách mạng. Dưới ách thống trị của đế quốc, vận mạng của dân tộc và của văn nghệ là một. Phải đánh đổ đế quốc giải phóng được dân tộc thì mới giải phóng được văn nghệ Việt Nam, mới phát triển được khả năng sáng tác nghệ thuật của quần chúng nhân dân, mới cải tạo được lớp người văn nghệ sĩ cũ đi lạc đường, để tạo nên một thế hệ người công tác văn nghệ mới của nhân dân.

Đó là con đường đi tất yếu của văn nghệ Việt Nam và đó

cũng là một trong những sự nghiệp lớn lao của Cách mạng Tháng Tám.

II- NHỮNG BƯỚC ĐẦU CỦA VĂN NGHỆ VIỆT NAM

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 lật đổ chế độ thực dân và ngai vàng phong kiến, mở một thời đại mới cho văn nghệ Việt Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân đã giành lại được chính quyền, giành lại quyền sống của con người, giành lấy hưởng thụ sáng tạo của một nền văn nghệ mới. Văn nghệ không còn là trò chơi riêng của một bọn người tách rời dân tộc và quần chúng, không thể còn là công cụ của bọn áp bức thống trị dùng để ru ngủ, đầu độc quần chúng.

Văn nghệ phải rời những tháp ngà mốc meo, những khách thỉnh trưởng giả mà chạy vào quần chúng, phục vụ quần chúng. Văn nghệ phải trở thành một phong trào, một sự nghiệp do quảng đại nhân dân tham gia xây dựng. Văn nghệ phải chịu và cần được sự lãnh đạo của giai cấp công nhân của Đảng Cộng sản để có thể tiến lên đúng hướng. Văn nghệ phải *vì dân, do dân* và theo đường lối của Đảng vô sản. Nền văn nghệ mới của Việt Nam phải là văn nghệ của nhân dân. Nền văn nghệ mới ấy từ Cách mạng Tháng Tám đã bắt đầu. Trong 5 năm nay, trong hoàn cảnh kháng chiến dưới chế độ dân chủ nhân dân, văn nghệ nhân dân Việt Nam đã dần dần phát triển. Nó đã trở thành văn nghệ chính thống của dân tộc và tuy chưa thật sắc bén nó đã thật sự thành một lợi khí đấu tranh cách mạng, thành một phương tiện động viên và giáo dục một cách hiệu quả.

VĂN NGHỆ PHỤC VỤ CÁCH MẠNG VÀ KHÁNG CHIẾN

Năm năm kháng chiến đã đẩy văn nghệ mới tiến lên một bước khá dài.

So sánh với thứ văn nghệ bần thủ núp bóng giặc trong vùng tạm bị chiếm ta càng thấy rõ sự tiến bộ của văn nghệ nảy nở trên đất tự do, nhưng nếu so sánh với những sự nghiệp vĩ đại của dân ta về mặt quân sự, chính trị, kinh tế, bình dân học vụ, so với sự tiến bộ vượt bậc của dân tộc ta trong đời sống tinh thần thì văn nghệ mới thật là còn kém cỏi, còn chậm chạp.

Văn nghệ đã phục vụ cách mạng và kháng chiến như thế nào?

Sau Cách mạng Tháng Tám, Hội văn hoá cứu quốc của Mặt trận Việt Minh ra công khai thu hút thêm một số văn nghệ sĩ xuất bản tạp chí *Tiền phong*, lúc đó chính quyền nhân dân mới giành lại đã bị đe dọa bởi đế quốc Pháp dựa vào đế quốc Anh trở lại xâm lược Nam Bộ và quân Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch tràn vào Bắc Bộ, bọn phản quốc luôn luôn phá hoại và cũng vì sự lãnh đạo của một số đồng chí ta còn hẹp hòi nên một số đồng chí lúc đầu hoan nghênh cách mạng về sau trở lại thái độ hoài nghi, đứng ngoài tổ chức, chưa quyết tâm ủng hộ chính quyền và Mặt trận dân tộc. Tình trạng ấy được kịp thời sửa chữa và đến toàn quốc kháng chiến 19-12-1946 thì hầu hết văn nghệ sĩ đều ra vùng tự do tham gia kháng chiến, dùng nghệ thuật làm công tác tuyên truyền. Chỉ còn một số rất nhỏ không đáng kể ở lại trong vùng địch tạm chiếm và ngay trong số ấy cũng chỉ có một vài tên bỉ ổi và bất tài cam tâm làm tôi mọi cho giặc. Chính vì

thiếu dày tớ văn nghệ mà giặc Pháp thường phải dùng thủ đoạn đánh cắp những tác phẩm của những người văn nghệ kháng chiến để trưng trí cho (...) ¹⁾ và chính quyền bù nhìn của chúng.

Trong quá trình kháng chiến, mặt trận văn nghệ dân tộc thống nhất mới thực sự thành hình dưới hình thức Hội văn nghệ Việt Nam thành lập tháng 7-1948, sau Hội nghị văn nghệ toàn quốc lần thứ nhất.

Hội văn nghệ Việt Nam do Đảng lãnh đạo, tổ chức đời sống, công việc làm và gây tác phong mới của hầu hết những người công tác văn nghệ trong kháng chiến, đến nay họ đã có chi hội khắp các khu trong toàn quốc, gây dựng cơ sở văn nghệ nhân dân. Quân thù không tung ra được một tên người văn nghệ nào có uy tín theo giặc, chúng phải đánh cắp và xuyên tạc ít nhiều những bài hát kháng chiến để làm “Quốc ca” bù nhìn và đài phát thanh Việt gian, những văn kháng chiến để đăng báo chí trong thành, những tranh màu kháng chiến để làm truyền đơn.

Cách làm việc đáng chú ý nhất của những người văn nghệ hiện thời là tổ chức những đoàn công tác văn nghệ đưa vào cho chiến dịch và đi sâu vào nông thôn, công xưởng, vùng địch, dùng khả năng văn nghệ giúp ích ngay cho công tác kháng chiến, bồi dưỡng khả năng sáng tạo nghệ thuật của quần chúng, điều dắt các tổ văn nghệ đã khá phổ biến trong quân đội, công xưởng, cơ quan.

Một số người văn nghệ đã hy sinh trong chiến đấu như ca sĩ Tô Ly ôm bom phá cầu sông Cái, hay bỏ mình trong khi

1) Trong văn kiện này những chỗ để ba chấm trong ngoặc đơn (...) là do tài liệu bị mờ (B.T).

làm nhiệm vụ văn nghệ ở tiền tuyến như nhà văn Trần Đăng, nhạc sĩ Bằng Cao, hoặc trong sự tra tấn của quân thù như nhà thơ Nguyễn Bình Thu. Gương hy sinh của những người văn nghệ ấy đã ảnh hưởng rất tốt đến tinh thần và tư tưởng của văn nghệ sĩ nước ta bây giờ.

Tác phong phê, tự phê bắt đầu thực hiện trong các cuộc hội nghị học tập và tranh luận của những người sáng tác.

Hàng ngũ những người văn nghệ kháng chiến trong năm nay đã lớn lên với những người văn nghệ trẻ đã xuất hiện, nhất là trong bộ đội. Và hàng ngũ của Đảng trong văn nghệ cũng đã đông hơn trước nhiều. Những người văn nghệ tiến bộ nhất, có ý thức nhất và gần hết những người tiêu biểu văn nghệ Việt Nam hiện thời đã vào tổ chức Đảng, làm chủ lực cho phong trào văn nghệ nhân dân. Lập trường của Đảng đã có ảnh hưởng cho đến tất cả những người văn nghệ kháng chiến. Đó là hiện tượng tốt, một tiến bộ của phong trào.

Tuy nhiên trình độ tư tưởng và chính trị của văn nghệ sĩ Việt Nam kể cả phần đông các đồng chí văn nghệ của Đảng vẫn còn rất thấp. Phần lớn họ xuất thân trong giai cấp tiểu tư sản mang nặng trong tư tưởng những ảnh hưởng xấu của giai cấp và chế độ cũ. Họ chưa được tiếp thu những di sản tốt đẹp của nền văn nghệ cũ Việt Nam, họ cũng chưa được thu thập bao nhiêu những kiến thức văn hoá chung và những trào lưu văn nghệ tiên tiến trên thế giới, nhất là của Liên Xô và Trung Quốc. Sự cố gắng của họ cải tạo tư tưởng và gần gũi quần chúng chỉ mới bắt đầu trong khi quần chúng nhân dân mới bắt đầu được tham gia sinh hoạt văn nghệ ít nhiều. Cho nên đến nay, chúng ta thấy vẫn chưa có một tác phẩm nào thật có giá trị, nói lên được cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân ta, sự nghiệp lớn lao của Đảng.

Kiểm điểm những thành tích văn học nghệ thuật của văn nghệ trong 5 năm nay ta nhận thấy những gì?

VĂN HỌC: Địa vị chủ yếu của văn học là văn chương chính trị. Văn Hồ Chí Minh là tiêu biểu rõ ràng nhất của văn chương mới theo phương châm dân tộc, khoa học, đại chúng. Hồ Chủ tịch không những là vị lãnh tụ về chính trị, quân sự mà còn là một nhà văn lớn của nước ta. Từ những sách giáo dục tư tưởng đến những hiệu triệu kêu gọi quốc dân, những thư ngắn gửi cho các cụ phụ lão, cho các chiến sĩ, các thương binh, các thiếu nhi, v.v., văn Hồ Chủ tịch bao giờ cũng bình dị mà sâu sắc, sáng rõ và gọn gàng, mãnh liệt và đậm ám, thiết thực mà bóng bẩy, lắm khi hài hước kín đáo mà vẫn giữ mức trang nghiêm soi vào trí, thấm vào lòng của nhân dân như ánh sáng mùa xuân ấm áp, nó kết hợp một cách kỳ diệu những tư tưởng khoa học với điệu cảm, cách nói của dân tộc. Nó chung đúc đến độ tinh vi cái đẹp bình dị của văn chương bình dân và cái đẹp sắc bén của văn chương vô sản. Văn chương Hồ Chí Minh đã in sâu trên thời đại chúng ta, là bài học vô tận cho những người văn nghệ.

Trên các sách báo văn của đồng chí Trường Chinh đã tạo nên một nền nếp tư tưởng và diễn tả mới trong văn học. Nó sắc bén, cụ thể, chắc gọn, hun đúc lửa chiến đấu, trái với lời văn mập mờ luộm thuộm, ba hoa, mềm dẻo của thời trước và của một số khá lớn người văn nghệ thời nay.

Trong văn học Việt Nam đã xuất hiện lời văn của những người cộng sản.

Trong lĩnh vực sáng tác nghệ thuật, văn chương kháng chiến có tiến bộ nhưng vẫn nghèo nàn. Đã có một số truyện ngắn, tùy bút và vài thiên phóng sự của mặt trận được xuất bản. Nhưng chúng ta chưa có một cuốn tiểu thuyết nào, một thiên phóng sự nào đáng kể, phản chiếu được rõ cuộc chiến

tranh nhân dân anh dũng của ta, những gian khổ và những thắng lợi vẻ vang của quân dân, những cải cách về ruộng đất do chính sách của Đảng, những biến đổi lớn lao trong đời sống mới của nhân dân, nhất là ở thôn quê. Chúng ta chưa có tác phẩm nào làm nổi lên hình ảnh của những con người do cuộc kháng chiến và những biến đổi của xã hội, hình ảnh của những người cộng sản và những đứa con anh hùng của dân tộc, vai trò lãnh đạo lớn lao của Đảng, cũng như chưa có tác phẩm nào nói lên cuộc đời đen tối và cuộc đấu tranh kiên quyết của nhân dân trong vùng địch, tố cáo kịch liệt những chính sách và tội ác tày trời của giặc và bọn Việt gian, thói to lửa căm thù của nhân dân và lòng công phần của thế giới tiến bộ.

Thơ ca mới của ta khá phát triển. Ca dao vốn có ngày xưa bây giờ cũng nảy nở mạnh trong quần chúng công nông nhưng mang nội dung mới cách mạng, kháng chiến và ca nhịp điệu mới:

“Cắc bự, cắc bự xò,
Ba thằng giặc Pháp bắt gà, bắt heo
Cắc bự, cắc bự xèo
Ba thằng bảo vệ bắt heo bắt gà”.

...

“Đã đánh thì đánh cho tan,
Giặc chống ta giết, giặc hàng ta nuôi”.

Ca dao đầy bích báo, nhan nhản khắp đường, giáo dục động viên nhân dân, phô diễn những tình cảm lành mạnh. Người đội viên binh nhì vừa hăng hái đi đánh giặc vừa say mê làm ca dao, hát cuộc đời chiến đấu của mình và của nhân dân. Cả của quần chúng công, nông, binh bây giờ, tuy nghệ thuật còn đơn sơ chưa tiến lên thành những bài thơ vững

chắc nhưng đã chứa đựng nguồn cảm xúc vô cùng giàu mạnh của nhân dân kháng chiến và đó là kho tài nguyên vô tận mà các nhà thơ của ta phải biết khai thác, học nội dung mới ấy và cả hình dáng nhịp điệu mới đang dần dần rõ nét trong ca dao để từ cơ sở ấy nâng cao trình độ ca dao, tạo nên thơ ca mới của chúng ta bây giờ. Các nhà thơ kháng chiến còn vương nhiều nếp cũ, còn mang vào thơ nội dung lãng mạn, xa thực tế “thi vị hoá” kháng chiến, ca hát cuộc đấu tranh của nhân dân một cách trừu tượng và tỏ căm thù quân giặc một cách còn công thức, chưa phổ được vào thơ những nỗi vui buồn giận ghét, cụ thể thiết thực của nhân dân.

Hình thức của thơ thì xa lạ với quần chúng, còn mang nhịp điệu Đường thi, nhịp điệu thơ của Tây và nhiều khi còn bí hiểm.

Văn chương miền núi của các dân tộc thiểu số chưa được chú ý sưu tầm và phát triển nhưng cũng đã sản xuất một số thơ ca có giá trị, một số nhà thơ trẻ (...) đã có những tác phẩm hứa hẹn nhiều triển vọng.

Về hình thức văn chương nói chung từ Cách mạng Tháng Tám cùng với các cuộc vận động chính trị, quân sự, kinh tế, ngôn ngữ của ta đã giàu có lên thêm nhiều. Những lời văn, dáng câu trong các bài báo, văn phẩm còn rất kém dân tộc tính, nhiều khi còn bắt chước lời văn Tàu và gần đây thì lại nhập cảng nhiều danh từ Trung Quốc không cần thiết, khó hiểu đối với đại chúng.

Lý luận văn nghệ của ta còn nhiều thiếu sót, chưa soi sáng được nhiều vấn đề văn nghệ hiện còn là những thắc mắc của những người sáng tác. Ba phương châm dân tộc, khoa học, đại chúng, lý luận văn nghệ nhân dân, phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa còn là những vấn đề cần

được giải đáp minh bạch, cần được chỉ rõ phương pháp thực hành. Chúng ta còn thiếu một văn chương phê bình chắc chắn (...) để dắt dẫn cho những người công tác văn nghệ. Một số bài phê bình rải rác trên các báo còn nhiều thái độ chưa chân thành, nên chưa gây được một không khí náo nhiệt trong văn nghệ. Còn việc phê bình hãy còn là công việc của một vài người quan tâm đến văn nghệ, chưa thành một phong trào quần chúng rộng rãi có lãnh đạo hẳn hoi “Con người văn nghệ hãy còn (...) đi bước chậm” chính là vì còn thiếu cái roi phê bình ấy (lời của đồng chí Trường Chinh).

Về sáng tác cũng như về lý luận phê bình tờ Tạp chí *Văn nghệ* của Hội văn nghệ Việt Nam chưa làm được nhiệm vụ của nó là một cơ quan đấu tranh cho nên còn quá ít ỏi, còn nhiều nhận định chủ quan, nông nổi.

Về nghiên cứu văn học, đến nay chúng ta vẫn chưa có một quyển sử văn học nào theo quan điểm Mác-xít, chống lại quan điểm nghệ thuật của phong kiến thực dân... Trong các nhà trường của chúng ta còn lưu hành những sách dạy những quan điểm thoái hoá của thời thuộc Pháp. Cái tình trạng thiếu sách mới dạy, thiếu thầy dạy văn chương đúng đắn trong các nhà trường của chính quyền nhân dân ta thật là một mối lo ngại lớn cần phải kịp thời giải quyết.

ÂM NHẠC: Là ngành nghệ thuật tương đối có tác động rộng rãi và phát triển nhanh hơn cả. Các nhạc sĩ kháng chiến đã kịp thời cung cấp nhiều bài hát cho bộ đội và nhân dân, phổ biến đến tận những nơi hẻo lánh. Nhưng trong âm nhạc hiện nay còn nhiều khuynh hướng cần phải chỉnh đốn. Nhiều nhạc sĩ còn chịu ảnh hưởng nặng nề của nhạc tư sản Âu Mỹ. Họ còn thích loay hoay với những bản đại hợp xướng, chưa biết chú ý làm những bài ngắn, giản đơn, phổ thông cho quần

chúng. Họ mãi tìm tòi chờ đợi những nhạc khí tối tân mà ít chú ý đến những phương tiện rẻ tiền, dễ có trong hoàn cảnh kháng chiến, làm cho sự biểu diễn âm nhạc kém sức phổ biến trong nhân dân. Một số nhạc sĩ đã có ưu điểm học tập vốn âm nhạc cũ của ta, cố gắng xây dựng nhạc mới trên cơ sở những điệu hát bình dân để bồi dưỡng cho hình thức dân tộc của nhạc. Nhưng họ cũng mắc phải một khuynh hướng sai lầm trong khi tìm tòi vốn cũ, họ tưởng lầm rằng phát huy dân tộc tính là nhai lại một cách vụng về những âm giai của nhạc cổ, của những điệu hát bình dân cũ, họ chưa biết phân biệt cái hay để phát triển và cái dở để bài trừ nên chính họ lại làm cho nhạc không tiến lên nổi hình thức cao hơn. Lời các bài hát thì phần lớn còn rất cầu thả, còn đầy những hình ảnh lãng mạn, khẩu hiệu, khô khan, danh từ vô nghĩa, chưa có tính cách thiết thực và giản dị thông tục, đi thẳng vào lòng người và động viên giáo dục nhân dân làm những nhiệm vụ trước mắt với mỗi giai đoạn chiến lược và mỗi công cuộc vận động. Loại đồng ca chưa được phát triển. Những đội biểu diễn còn quá ít ỏi và sự xuất bản nhạc phẩm còn quá nghèo nàn và tình trạng bấy lâu nay chưa được tiếp xúc với âm nhạc mới của các nước anh em, chưa được học hỏi âm nhạc lành mạnh, hiện thực xã hội chủ nghĩa của nhạc sĩ Xôviết, là một sự thiệt thòi lớn cho âm nhạc Việt Nam hiện tại.

KỊCH: Là một ngành nghệ thuật mới mẻ đối với nhân dân ta. Trước cách mạng ở các thành phố lớn mỗi năm chỉ tổ chức được ít buổi diễn kịch trên những sân khấu đất tiền và cho một số công chúng nhỏ hẹp. Sau cách mạng, kịch trường trở thành một nghệ thuật phổ biến được quần chúng rất ưa thích. Thời kỳ đầu kháng chiến riêng ở miền Bắc, tỉnh miền núi (...) Về sau vì thiếu bồi dưỡng, thiếu vở diễn, thiếu phương

tiện, thiếu người điều khiển, những bản ấy dần dần tan rã, đến nay chỉ mới tổ chức lại được vài bản. Trong nhân dân và bộ đội thì kịch gần hết đều là kịch cường, chưa được hướng dẫn hẳn hoi nên chưa thể tiến lên được. Kịch là một nghệ thuật có tác dụng giáo dục trực tiếp quần chúng hơn tất cả các ngành nghệ thuật, nhưng thật ra nó chưa được chăm sóc xứng với địa vị quan trọng của nó. Chúng ta chưa có những cán bộ am hiểu nghệ thuật kịch và nghệ thuật sân khấu nói chung để cải tạo những nghệ sĩ cũ và đào tạo những nghệ sĩ mới. Vở kịch rất thiếu thốn và nội dung các vở đã diễn thì rất nghèo nàn lạc hậu không giải quyết được những vấn đề đặt ra sát với giai đoạn kháng chiến và đời sống thực tế của quần chúng, còn loanh quanh trong nếp cũ của kịch tư sản Tây phương với những tình tiết rắc rối, bịa đặt và những (...) tình cảm cá nhân.

Những nhân vật dựng lên phần nhiều không phải là những người chủ động trong xã hội Việt Nam bây giờ. Quần chúng công, nông, binh ít khi tìm thấy mình trên sân khấu, mà có chăng thì cũng chỉ là những hình ảnh giả tạo sai lầm. Vì thiếu vở mới và tốt nên nhiều nơi hiện nay quần chúng còn phải đi xem những vở tuồng chèo cũ, nội dung lạc hậu, diễn lại sự tích phong kiến và những vở cải lương đầy những nhân vật và thủ đoạn kiếm hiệp. Cũng như âm nhạc, kịch Việt Nam chưa được học hỏi kinh nghiệm phong phú của kịch Liên Xô và Trung Quốc.

Tuồng, chèo của ta hiện nay chưa được chú ý để cải tiến, tuy những hình thức đó còn được quần chúng nông dân yêu thích (tuồng ở miền Nam Trung Bộ, chèo ở Bắc Bộ). Một vài thí nghiệm chưa có phương pháp, có ý định phục hưng tuồng, chèo đều chưa đi đến kết quả nào thực tế. Kinh nghiệm cải

cách những hình thức cũ của Trung Quốc sẽ giúp chúng ta cải tiến tuồng chèo một cách hợp lý hơn, để cho những hình thức nghệ thuật ấy sống lại thành những công cụ giáo dục quần chúng song song với nghệ thuật kịch mới.

HỘI HOA: Hội họa Việt Nam trong mấy năm nay tương đối chậm tiến bộ hơn các ngành nghệ thuật khác. Nó còn sót nhiều tàn tích của chủ nghĩa hình thức với các thứ khuynh hướng quái dị, ảnh hưởng của trường hội họa Pari. Một số họa sĩ đã biết chú ý làm những loại tranh phổ biến (tranh điệp, tranh mộc bản, tranh bản) giúp cho công tác tuyên truyền, công tác dịch vận. Nhưng còn khá đông thì còn mất rất nhiều thì giờ thí nghiệm kỹ thuật sơn mài, coi đó mới là kỹ thuật thuần túy Việt Nam. Gần đây trong các nghệ sĩ đã có chuyển hướng, họ đã cố gắng chọn những đề tài mới trong sinh hoạt kháng chiến của bộ đội và nhân dân. Nhưng phần đông còn rất lúng túng, làm quan trọng cái khuynh hướng kỹ thuật độc tôn. Về trình độ tư tưởng, chính trị còn kém và chưa thật gần gũi quần chúng, họ chưa nhận ra được những hình ảnh điển hình của cuộc sống mới, chưa nhận ra được những vẻ đẹp mới. Họ cần được học nhiều ở tư tưởng và tác phong của họa sĩ Liên Xô và Trung Quốc đã biết chú trọng rất nhiều đến nội dung tư tưởng của tác phẩm, đến tính cách quần chúng của nghệ thuật, đã biết sáng tác kịp thời với những đề tài thiết thực để giúp cho kháng chiến, kiến thiết, giúp cho sự thực hiện chính sách, chủ trương của Đảng, của Chính phủ.

Nghệ thuật ảnh trong mấy năm gần đây đã có tác dụng tuyên truyền khá mạnh. Đã có nhiều người nhiếp ảnh theo các chiến dịch ghi những trận đánh thắng lợi của quân ta và triển lãm kịp thời để động viên quần chúng. Điện ảnh đã sớm

được chú ý ở Nam Bộ và mới bắt đầu có phương diện hoạt động ở Bắc Bộ. Chúng ta cũng đã có vài cuốn phim chiến đấu. Những loại ảnh về sinh hoạt của nhân dân và loại ảnh ghi tội ác của giặc thì còn nghèo nàn. Những người nhiếp ảnh của ta chưa biết nhận ra những nét điển hình của các phong trào về mọi mặt nên những tấm ảnh thường nhẹ về nội dung tư tưởng chính trị và kém tác dụng giáo dục. Họ chưa ra khỏi cái nếp kỹ thuật cũ. Số người nhiếp ảnh hiện nay cũng còn ít quá và phương tiện đã rất thiếu thốn lại chưa biết dùng một cách hợp lý, thường bị lạm dụng cho những tiêu khiển cá nhân.

KIẾN TRÚC: Trong mấy năm nay là ngành nghệ thuật cơ hồ bị đình trệ vì hoàn cảnh kháng chiến tiêu thổ, công việc kiến trúc chỉ còn là xây dựng một ít cơ quan và hội trường bằng gỗ nứa. Các nhà kiến trúc của ta chưa biết xoay hướng kiến trúc vào hoàn cảnh kháng chiến, cải tạo nông thôn ở những vùng tương đối ổn định, và kỹ thuật xây dựng của họ vốn quen với những vật liệu kiến trúc tối tân, chưa biết quen với những vật liệu tre nứa ở thôn quê rừng núi, chưa học được kinh nghiệm để nâng cao kiến trúc cổ truyền của nông dân ta.

MÚA NHẢY: Đang được quần chúng nhất là bộ đội mong đợi trong các cuộc vui. Nhưng đến nay chúng ta chưa có những điệu múa nhảy nào mới ngoài mấy điệu lượn của Thái và mấy điệu múa nhảy của đồng bào thiểu số Tây Nguyên hay mấy điệu nhảy của phương Tây. Các điệu nhảy ương ca của Trung Quốc chỉ mới bắt đầu được nhập cảng vào một vài đơn vị bộ đội và một vài tỉnh ở biên giới, chưa được phổ biến lan rộng.

HOẠT ĐỘNG VĂN NGHỆ CỦA QUẦN CHÚNG

Một hiện tượng tốt đẹp của văn nghệ mới Việt Nam là sự hoạt động của văn nghệ nhân dân nói chung và đặc biệt của quần chúng công, nông, binh.

Sự thật đã chứng minh rằng những nơi nào phong trào đấu tranh mạnh mẽ, tổ chức quần chúng vững chắc, sinh hoạt tập trung, cấp lãnh đạo của Đảng chú ý đến văn nghệ và có cán bộ văn nghệ thì những nơi ấy sinh hoạt văn nghệ của quần chúng rất phát triển, ngay trong hoàn cảnh gian khổ thiếu thốn nhất.

Hội văn nghệ Việt Nam từ mấy năm nay đã biết chú ý khai thác khả năng sáng tác nghệ thuật của nhân dân, tổ chức sinh hoạt văn nghệ của quần chúng và nhờ sự giúp sức của một vài cấp bộ Đảng phong trào văn nghệ quần chúng đã có đà phát triển.

Hiện nay phong trào văn nghệ có cơ sở trong bộ đội hơn cả, công tác văn nghệ trong bộ đội đã thành một bộ phận quan trọng của công tác chính trị. Các trung đoàn có tổ văn nghệ, các đại đội có câu lạc bộ báo tay phát triển đến trung đội. Ca dao, thơ, nhật ký, kể truyện, kịch, lửa trại, hát đồng ca, hát chèo và các điệu bình dân là những hình thức rất phổ biến. Trình độ thưởng thức, phê bình của bộ đội tiến bộ khá nhanh và những tài năng mới cũng đã bắt đầu xuất hiện.

Trong các công xưởng và cơ quan tổ văn nghệ cũng đang phát triển, nhưng vì thiếu cán bộ và tài liệu nên chưa hoạt động mạnh. Hoạt động văn nghệ ở nông thôn nói chung chưa được tổ chức. Nông thôn ta vốn giàu truyền thống văn nghệ bình dân, song vì đối tượng nông thôn quá lớn mà cán bộ thì còn ít ỏi nên phong trào văn nghệ ở nông thôn còn lẹt đẹt, lẻ tẻ.

Ở miền núi sinh hoạt văn nghệ của nhân dân chưa được chú ý theo dõi và phát triển. Nhân dân rất thèm khát văn nghệ nhưng chưa có cán bộ chuyên trách tổ chức khai thác và hướng dẫn khả năng nghệ thuật của quần chúng. Đó là một khuyết điểm lớn cần phải sửa chữa.

Nói chung sự hoạt động văn nghệ của nhân dân chủ yếu của công, nông, binh đang có đà lên mạnh. Hội văn nghệ đã mở những lớp huấn luyện đào tạo cán bộ văn nghệ cơ sở, tổ chức nhiều cuộc nói chuyện, hướng dẫn một số tài năng vào tổ văn nghệ, xuất bản tác phẩm và phổ biến tài liệu nghiên cứu, tổ chức những cuộc biểu diễn nhạc kịch và triển lãm tranh ảnh. Nhưng những cố gắng ấy đối với nhu cầu văn nghệ lớn lao của nhân dân chỉ là muối bỏ bể.

Việc tổ chức đời sống văn nghệ của nhân dân, khai thác khả năng sáng tác nghệ thuật của nhân dân không thể là công việc riêng của một số cán bộ chuyên nghiệp mà phải là một công tác chung của Đảng, của chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng. Có như vậy thì nhân dân mới có điều kiện mau chóng tiến lên làm chủ nền văn nghệ mới và văn nghệ nhân dân mới thực sự thành hình.

HOẠT ĐỘNG VĂN NGHỆ CỦA PHÁP, MỸ

Trong vùng địch tạm chiếm, đô thị đã trở thành những vùng đen tối hơn bao giờ hết. Trên mặt sách báo Việt gian, thực dân xuất hiện một thứ văn chương phản quốc, chửi rủa kháng chiến, vu cáo cộng sản, gây tâm lý cầu an đầu hàng hoặc (...) một giọng kêu than hèn nhát bất lực. Bên cạnh thứ văn chương bẩn thỉu đó, tràn lan những báo, sách phim khiêu dâm, những điệu nhảy thú vật, những kiểu y phục lố

lăng (...) bệnh tật, tâm lý và sinh lý quái gở, tuyên truyền chiến tranh nguyên tử, gieo rắc chán nản và hoài nghi trước vận mạng của nhân loại, gây tâm lý sợ Mỹ, phục Mỹ, sống theo cách Mỹ. Dưới tinh thần của đế quốc Pháp, Mỹ đang che phủ tối đen những vùng tạm chiếm và tìm cách lan rộng sang những vùng tự do.

Đối với những hoạt động và thủ đoạn của địch, sự đấu tranh của những người văn nghệ kháng chiến còn quá nhẹ. Chúng ta chưa tích cực phá ảnh hưởng văn hoá nô dịch của chúng, chưa tìm hết cách để giành lấy quần chúng trong vùng địch, giải độc cho họ. Chúng ta chưa tố cáo kịch liệt và kịp thời những tội ác của chúng, chưa giới thiệu một cách đầy đủ và linh động đời sống của nhân dân ở vùng tự do, những chiến thắng của quân đội ta và những thực hiện của nhân dân ta về mọi mặt để cho đồng bào ở vùng tạm chiếm nhận rõ chính nghĩa của ta, lực lượng của ta và chính sách phi nghĩa, lực lượng suy yếu, văn hoá đồi trụy của đế quốc Pháp, Mỹ, do đó mà động viên tinh thần kháng chiến của họ mạnh mẽ hơn, thiết thực hơn.

TÓM LẠI

Nhìn chung phong trào văn nghệ Việt Nam trong 5 năm nay chúng ta nhận thấy những gì?

1. Những người văn nghệ chuyên nghiệp trong hàng ngũ kháng chiến đã có cố gắng, có tiến bộ. Nhưng những cống hiến của họ cho kháng chiến, cho nhân dân thật là ít ỏi, chưa xứng đáng với cuộc kháng chiến lớn lao và anh dũng của dân tộc. Văn nghệ chưa trở thành một khí giới thật sắc bén để đấu tranh với giặc ngoài và động viên giáo dục quần chúng.

Những tác phẩm nghệ thuật nói chung còn kém nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật.

2. Phong trào văn nghệ quần chúng đã bắt đầu phát triển chứng tỏ khả năng sáng tạo nghệ thuật dồi dào không bao giờ cạn của quần chúng. Có khai thác được khả năng sáng tạo vô cùng ấy của nhân dân và đặc biệt của công nông binh thì mới thay đổi được bộ mặt của văn nghệ Việt Nam hiện tại, mới thực hiện được nền văn nghệ nhân dân thực sự. Phong trào rộng lớn ấy cần có cán bộ kịp thời hướng dẫn thì mới có đà tiến lên mạnh.

3. Trong các ngành nghệ thuật, nghệ thuật sân khấu (kịch, chèo...) chưa được đề cao xứng đôi với địa vị quan trọng nhất của nó trong hoàn cảnh nước ta hiện tại. Kịch là chủ lực quân của văn nghệ, đề cao nó thì mới làm cho văn nghệ phục vụ kháng chiến một cách hiệu quả nhất và mới có thể gây một phong trào văn nghệ quần chúng rộng rãi và sôi nổi.

4. Cuộc vận động văn nghệ chưa được tiến hành rộng khắp các địa phương và các giới quần chúng và chưa được lãnh đạo chắc chắn, nhất là ở khu III, khu V và Nam Bộ. Văn nghệ miền núi chưa được chú ý. Vùng tạm bị chiếm chưa có cơ sở văn nghệ kháng chiến. Các giới công, nông và trí thức tiến bộ chưa được khai thác khả năng, nhất là trong những phần tử thanh niên là những người hăng hái nhất trong phong trào văn nghệ.

KIỂM THẢO SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VỀ VĂN NGHỆ

Từ Cách mạng Tháng Tám, mặc dù hoàn cảnh kháng chiến gay gắt và thiếu thốn, Đảng ta đã gắng sức lãnh đạo phong trào văn nghệ.

Đảng đã tập hợp hầu hết những người văn nghệ vào hàng ngũ kháng chiến trong một mặt trận thống nhất là Hội văn nghệ Việt Nam, cải tạo lối làm việc và tư tưởng của những người văn nghệ. Bản *Đề cương văn hoá* mới năm 1943 và bản *Báo cáo chủ nghĩa Mác và vấn đề văn hoá Việt Nam* của đồng chí Trường Chinh đọc ở Hội nghị văn hoá toàn quốc năm 1948 cùng với bài giảng của đồng chí Mao Trạch Đông về vấn đề văn học và nghệ thuật và những chỉ thị của Hồ Chủ tịch trong văn kiện *Sửa đổi lối làm việc*, chỉnh đốn văn phong, đã vạch rõ hướng đi cho văn nghệ Việt Nam. Các cán bộ văn nghệ của Đảng đã có cố gắng đoàn kết và cải tạo những người văn nghệ cũ, hướng họ vào con đường của Đảng, gây ý thức phục vụ quần chúng, gây ý thức học tập chủ nghĩa Mác- Lênin, chính sách chủ trương của Đảng, của Chính phủ, học tập tác phong phê bình và tự phê bình, rèn luyện họ trong thực tế đấu tranh gian nan và anh dũng làm cho họ phấn khởi và tin tưởng ở tương lai của dân tộc và ở sự lãnh đạo của Đảng. Đó là những ưu điểm. Nhưng chúng ta cũng còn phạm nhiều khuyết điểm, sai lầm khiến cho văn nghệ Việt Nam còn tiến bộ chậm chạp.

1. Quan niệm về công tác văn nghệ, chính sách văn nghệ, lý luận văn nghệ của Đảng chưa được phổ biến trong các cấp bộ Đảng. Nhiều cán bộ của Đảng chưa nhận rõ tác dụng quan trọng của văn nghệ, chưa coi nó là một công cụ để động viên và giáo dục quần chúng một cách sâu sắc, giúp ích nhiều cho cuộc chiến đấu quân sự, đấu tranh về chính trị và kinh tế. Mà thường coi văn nghệ như là một công việc “Trà dư tửu quán” có hay không cũng được. Do đó mà không tự đặt vấn đề học tập chính sách và lý luận văn nghệ để lãnh đạo văn

nghệ một cách đúng mức, cải tạo những người văn nghệ cũ và khai thác khả năng văn nghệ của quần chúng, của cán bộ.

2. Phần đông các đồng chí văn nghệ của Đảng chưa được cải tạo tư tưởng, giáo dục chính trị, hiểu thấu chính sách, chủ trương của Đảng, còn rất nghèo vốn văn nghệ cũ và vốn văn nghệ thế giới. Họ lại chưa được rèn luyện trong thực tế đấu tranh của quần chúng, nên chưa thật gắn bó với quần chúng, cảm thông với quần chúng. Bởi vậy chính các đồng chí ta cũng chưa có những tác phẩm xứng đáng để soi sáng cho đường lối văn nghệ của Đảng để dẫn dắt cho những người ở ngoài Đảng. Đối với những người ngoài Đảng thì một số đồng chí còn rớt lại thái độ cô độc hẹp hòi chưa thật thà đoàn kết, hay trái lại đoàn kết mà không đấu tranh, không thành khẩn giáo dục họ, phê bình cho họ tiến bộ. Đối với những người văn nghệ mới, các đồng chí chúng ta chưa tìm hết cách liên lạc nâng đỡ, nên hàng ngũ văn nghệ kháng chiến đến nay vẫn chưa thêm được nhiều mặt mới. Tổ chức của Hội văn nghệ còn hẹp hòi chưa có tính cách quần chúng, chưa dựa vào cơ sở văn nghệ rộng lớn của quần chúng là những tổ văn nghệ, phương thức tổ chức của Hội văn nghệ còn có điểm chưa hợp lý như điều kiện hội viên và hệ thống cấp bộ cần phải xét lại. Việc đào tạo cán bộ sơ cấp đề ra quá chậm và chưa thực hiện liên tục. Sự lãnh đạo các ngành nghệ thuật chưa được chặt chẽ, thường nặng về ngành văn mà ít chú ý đến kịch, nhạc, họa. Hướng vận động văn nghệ còn lệch về bộ đội chưa nhìn xa các đối tượng quan trọng khác: nông thôn, công xưởng, trường học, vùng địch, miền núi. Nặng về Việt Bắc mà nhẹ đối với các địa phương khác nhất là khu III, khu V và Nam Bộ (khuyết điểm này mới cố gắng sửa chữa, nhưng chưa đủ).

Hướng sáng tác thì lệch về phần xây dựng lâu dài mà nhẹ phần phổ biến kịp thời, khiến cho văn nghệ kém tác dụng đối với kháng chiến.

III- PHẤN ĐẤU ĐỂ XÂY DỰNG VĂN NGHỆ NHÂN DÂN VIỆT NAM

Giặc cướp nước đang ra sức phá hoại tinh thần kháng chiến của dân ta hòng bẻ gãy lực lượng kháng chiến lật đổ chế độ dân chủ nhân dân của ta. Muốn kháng chiến thắng lợi, muốn phát triển chính quyền dân chủ nhân dân để tiến lên xã hội chủ nghĩa, Đảng ta phải ra sức giáo dục quần chúng, động viên thường trực chí căm thù và lòng yêu nước của nhân dân. Văn nghệ là một công cụ giáo dục rất hiệu quả mà Đảng ta cần nắm vững. Công tác văn nghệ không thể tách rời công tác tuyên truyền giáo dục cũng như công tác tuyên truyền giáo dục nhất định phải kết hợp với công tác văn nghệ.

Nhiệm vụ của văn nghệ thật là nặng. Muốn làm được không thể chỉ giao cho một số cán bộ ít ỏi mà phải gây thành một phong trào có tính cách quần chúng rộng rãi. Phải xây dựng một nền văn nghệ có tính cách nhân dân thực sự. Công cuộc xây dựng văn nghệ nhân dân đề ra những nhiệm vụ cụ thể sau đây:

1. Đoàn kết rộng rãi những người công tác văn nghệ phụng sự kháng chiến kiến quốc, bảo vệ hoà bình thế giới

Hội văn nghệ Việt Nam cần phải thực hiện một sự đoàn kết rộng rãi hơn nữa, chặt chẽ hơn nữa. Phong trào văn nghệ

nhân dân cần phát triển, những tài năng mới trong bộ đội, công nhân, trí thức càng nảy nở phải được thu hút vào những tổ chức của Hội làm cho Hội phát triển (...) trong quần chúng, tiếp thụ được sinh lực của quần chúng. Ở trong các đơn vị cần phát triển các tổ văn nghệ liên lạc chặt chẽ với các tổ chức của Hội, làm cho Hội có tính cách quần chúng.

Những người công tác văn nghệ phải đoàn kết chặt chẽ với nhau (...) toàn quốc, gắn bó với quần chúng công nông binh, góp sức vào cuộc kháng chiến tiêu diệt thực dân Pháp, chống bọn can thiệp Mỹ, giúp vào những cải cách phản phong, củng cố chế độ dân chủ nhân dân Việt Nam, bảo vệ hoà bình thế giới. Nhiệm vụ của văn nghệ là động viên chí căm thù của nhân dân đối với thực dân Pháp, bọn can thiệp Mỹ và tất cả đế quốc chủ nghĩa, bọn Việt gian phản quốc, là đoàn kết nhân dân dưới ngọn cờ chỉ đạo của Đảng, của Hồ Chủ tịch, nâng cao lòng yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản, yêu mến Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân và nhân dân cần lao tiến bộ, ca ngợi chiến đấu và sản xuất, nâng cao ý thức lao động, ca ngợi những tiến bộ và nâng cao tinh thần yêu nước, cầu tiến bộ, tinh thần phê bình, tự phê bình.

Phải đẩy mạnh cuộc vận động văn nghệ tiến lên theo kịp cuộc vận động chính trị, chiến đấu quân sự, v.v. giúp cho sự thực hành chính sách, chủ trương hàng ngày của Đảng, của Chính phủ. Muốn làm được nhiệm vụ lớn ấy thì nhất định phải đoàn kết rộng rãi. Nhưng sự đoàn kết phải đứng trên lập trường phụng sự nhân dân, phụng sự kháng chiến, không thể đoàn kết một cách vô nguyên tắc theo đuôi những người văn nghệ lạc hậu. Phải kiên quyết và thành khẩn, thân ái phê bình những khuynh hướng sai lầm trong tư tưởng, tác phong và nghệ thuật của anh em văn nghệ. Và chính các

đồng chí của Đảng trước hết phải gắng sức phục vụ kháng chiến, phục vụ quần chúng, thì mới có thể làm được nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng. Nhớ rằng sự đoàn kết chỉ có thể rộng rãi và chặt chẽ trong khi cùng nhau làm công tác thực tế giúp ích cho kháng chiến và quần chúng, trong đời sống hàng ngày đồng cam cộng khổ, chứ không phải chỉ do những hiệu triệu và nghị quyết, lý thuyết tranh luận suông mà được.

2. Đẩy mạnh sáng tác và biểu diễn, nâng cao giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm

Đẩy mạnh sáng tác là một nhiệm vụ chủ yếu của cuộc vận động văn nghệ. Tác phẩm là vũ khí để động viên và giáo dục quần chúng, là tiêu chuẩn để hướng dẫn hoạt động văn nghệ của quần chúng.

Muốn đẩy mạnh sáng tác thì trước hết phải chống thái độ sai lầm của khá đông người văn nghệ mất tự tin, tự ti... trước thực tế vĩ đại chuyển biến nhanh chóng, trước sự tiến bộ vùn vụt của quần chúng ngay trong nghệ thuật. Thái độ ấy dễ ra khuynh hướng nguy hiểm: một là thoát ly công tác văn nghệ gác bút (...) để cầm súng, cầm búa, cầm (...) cho là như vậy mới là sống, là quần chúng hoá. Những anh em ấy quên mất rằng nhiệm vụ chủ yếu của những người văn nghệ là dùng công tác văn nghệ để tham gia kháng chiến và kiến quốc, là ra sức cải tạo tư tưởng và nghệ thuật của mình để phụng sự mục đích ấy. Khuynh hướng thứ hai là cho rằng mình đã không thể đuổi kịp quần chúng, không thể có triển vọng sáng tác bằng những tài năng mới thì nên thôi sáng tác, để hết thì giờ và tâm trí mà vun xới cho những tài năng trẻ. Thái độ này trông có vẻ tiến bộ hơn nhưng thật ra không đúng. Văn nghệ quần chúng muốn phát triển cần có sự hướng dẫn bằng

kinh nghiệm và cả bằng những sáng tác của những người văn nghệ đi trước. Bởi vậy những người văn nghệ chuyên nghiệp lại cần phải mạnh bạo sáng tạo hơn lúc nào hết, gắng sức nâng cao giá trị tư tưởng và nghệ thuật của mình để kịp thời phụng sự kháng chiến và dắt quần chúng trên đường nghệ thuật. Thực tế cuộc kháng chiến biến chuyển nhanh thật. Hình ảnh những con người những sự việc chạy quá nhanh, thật là khó ghi chép đầy đủ. Nhưng nhu cầu kháng chiến ngày càng đòi hỏi, quần chúng càng yêu thích sự sáng tác kịp thời để cung cấp ngay cho nhu cầu trước mắt là một sự cần thiết. Chưa phải lúc có thể xây dựng tác phẩm to lớn mất nhiều công phu và thì giờ. Khoan nghĩ đến làm cao lương mỹ vị, mà hãy nghĩ trước hết thổi cơm nóng cho nhân dân ăn. Bởi vậy cái khuynh hướng làm to, cầu toàn trách bị đều là không thực tế, không hợp thời. Chúng ta hãy nên học lấy tinh thần trách nhiệm và tác phong thiết thực của anh em văn nghệ Liên Xô, Trung Quốc trong thời kỳ kháng chiến và kiến quốc. Chúng ta không nên lo không có những tác phẩm đồ sộ mà nên biết là trước hết thiếu những sáng tác lợi ích thiết thực cho kháng chiến, có tác dụng giáo dục đối với quần chúng nhân dân. Muốn tác phẩm có sức giáo dục mạnh thì phải mang các giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm.

Chúng ta phải làm gì để nâng cao giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm?

a) Phải đi sâu vào thực tế, đi sâu vào các lớp nhân dân và đặc biệt quần chúng công nông binh, vùng bị tạm chiếm cũng như vùng tự do, miền xuôi và cả miền núi. Những người văn nghệ nên phân công đi vào các mặt chính của thực tế, không nên chỉ (...) vào đơn vị bộ đội mà nhẹ nông thôn, quên công xưởng, vùng địch v.v..

Chủ đề chính của sáng tác là cuộc kháng chiến lớn lao của chúng ta về mọi mặt quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá trong những trường hợp những địa phương điển hình nhất, tiêu biểu được, nghĩa là nơi mà cuộc đấu tranh diễn ra quyết liệt nhất, anh dũng nhất. Nhân vật chính của sáng tác là các lớp nhân dân ta mà chủ yếu là quân đội, nông dân và công nhân trong đời sống hàng ngày chiến đấu và sản xuất của họ.

Những người văn nghệ kháng chiến phải nhằm vào những chủ đề ấy, nhân vật chính ấy mà sáng tác tác phẩm, mà nghiên cứu kỹ càng trong thực tế. Không nên tùy theo ý thích chủ quan, theo các chủ đề, các nhân vật không phải là chủ yếu trong thực tế kháng chiến. Muốn nắm vững những chủ đề ấy thì những người văn nghệ phải đoàn kết chặt chẽ với quần chúng và cán bộ, phải học cách làm việc của người cán bộ quần chúng, phải học cách nhìn, cách cảm nghe của quần chúng thì mới tránh được cái bệnh sáng tác theo cảm giác chủ quan. Muốn nhận rõ được trong thực tế cái gì là hay, cái gì là dở, cái gì nên nói, cái gì không nên nói, muốn đoàn kết với quần chúng và cán bộ thì người văn nghệ không thể đến với họ như người khách qua đường, không quan tâm đến những lo lắng, vui mừng hàng ngày của họ. Phải tìm hết cách dùng khả năng của mình mà làm lợi ích thiết thực giúp họ giải quyết những vấn đề đương đặt ra trước mắt họ. Người công tác văn nghệ phải đồng thời là một người cán bộ chính trị thì mới sát thực tế, sát quần chúng. Đã đến lúc những người công tác văn nghệ phải phân công nhau đi chuyên về từng vấn đề, cộng tác chặt chẽ với cán bộ về mọi mặt công tác, cùng họ vận động quần chúng đấu tranh và sản xuất và trong quá trình công tác chung ấy mà xây dựng tác phẩm của mình. Các anh em văn nghệ cần tham gia những đội truyền

đặt, những đội củng cố của Chính phủ, tham gia công tác trực tiếp quần chúng trong bộ đội cũng như trong các đoàn thể nông dân, công nhân, v.v. và được sự dắt dẫn bồi dưỡng luôn luôn của các cấp bộ chỉ đạo là giải pháp cụ thể để cho anh em văn nghệ có thể nắm được thực tế, đi sâu vào chủ đề và nhân vật của tác phẩm.

b) Phải ra sức cải tạo tư tưởng, học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, học tập chính sách, chủ trương của Đảng và của Chính phủ. Đi sâu vào thực tế, đến với quần chúng mà không có quan điểm vững vàng, không hiểu thấu chính sách, chủ trương của Đảng, của Chính phủ thì không thể hiểu được thực tế và nhất định sẽ chủ quan. Công việc cải tạo và học tập phải kết hợp với thực hành chính sách, chủ trương thì mới có kết quả. Từ nay, các đồng chí văn nghệ của Đảng phải tự mình gắng sức học tập hơn, lôi cuốn hướng dẫn các anh em ngoài Đảng cùng học tập với mình. Hội văn nghệ Việt Nam sẽ tổ chức đều kỳ những hội nghị kiểm thảo tư tưởng và học tập chính trị một cách rộng rãi hơn, có chuẩn bị đầy đủ hơn. Kỷ luật sáng tác phải đặt vấn đề nghiên cứu trước chính sách, chủ trương của Đảng, của Chính phủ, nghiên cứu sự thực hành chính sách, chủ trương ấy trong quần chúng trước khi bắt tay vào việc xây dựng một tác phẩm về một vấn đề nào. Phải đoạn tuyệt với cách sáng tác phiêu lưu, không điều tra nghiên cứu. Rồi do nơi tác phẩm về mọi vấn đề mà kiểm tra lại tư tưởng và trình độ nhận thức chính trị của các anh em, giúp cho họ nhận ra những khuyết điểm, sai lầm, cũng như ưu điểm, tiến bộ làm cho nội dung tư tưởng và chính trị của tác phẩm ngày một lên cao, ngày một thêm tác dụng giáo dục quần chúng. Sự kết hợp cán bộ chính trị và cán bộ văn nghệ trong những công tác chung sẽ giúp cho cán bộ văn

nghệ kháng chiến hiểu biết thực tế hơn mà để còn được thấm nhuần hơn tư tưởng và chính sách của Đảng, của Chính phủ. Ngược lại những người cán bộ chính trị cũng có thể học tập được ở những người cán bộ văn nghệ những kinh nghiệm sáng tác nghệ thuật và nhờ đó rất trở thành những người có khả năng văn nghệ.

Đi sâu vào thực tế và học tập tư tưởng chính sách tức là những giải pháp cụ thể để nâng cao trình độ tư tưởng, chính trị của tác phẩm.

Muốn nâng cao giá trị nghệ thuật thì phải:

a) Ra sức phát triển vốn văn nghệ cũ của dân tộc nhất là vốn văn nghệ bình dân. Như trên đã nói, chúng ta có một giá trị khá phong phú ở đồng bằng và cả ở miền núi của các dân tộc thiểu số. Trong hoàn cảnh kháng chiến, chúng ta không có điều kiện để sưu tầm những vốn ấy một cách đầy đủ thì những người văn nghệ phải biết tìm vốn ấy ở ngay trong cách nhìn, cách nghĩ, điệu cảm của quần chúng nhân dân, nhất là nông dân ở những nơi vốn giàu truyền thống văn nghệ cũ. Nhưng học vốn cũ để bồi dưỡng tính cách dân tộc của nghệ thuật không có nghĩa là bắt chước y nguyên, kéo nghệ thuật trở lại mấy trăm năm trước mà phải biết bài trừ những cái gì lạc hậu ảnh hưởng của các giai cấp thống trị cũ và phát triển có tính cách nhân dân tiến bộ. Phát triển vốn văn nghệ cũ có nghĩa là trước hết khai thác, hướng dẫn khả năng sáng tác nghệ thuật của quần chúng bây giờ là người gìn giữ tất cả gia tài quý báu của nền văn nghệ bình dân xưa. Đó là phương pháp hiệu quả nhất để nền văn nghệ mới của chúng ta duy trì và phát huy được những bản sắc dân tộc tốt đẹp.

Chủ trương cho rằng quần chúng ta không thích hình thức văn nghệ cũ xưa do đó khinh thường vốn cũ của dân tộc

là chủ quan. Sự thật quần chúng vẫn còn yêu thích những hình thức văn nghệ cũ như những điệu hát đồng quê, hát chèo, tuồng, tranh Tết, v.v., chỉ có điều họ không thích là cái nội dung lạc hậu dưới những hình thức cũ ấy trái với trình độ tiến bộ của họ bây giờ.

Nhưng chủ trương cho rằng chỉ dùng những hình thức của văn nghệ cũ cũng có thể đủ diễn đạt nội dung mới, cuộc sống mới do đó không chú ý cải tiến kỹ thuật cũ cũng là sai. Quần chúng vẫn còn ham thích những hình thức văn nghệ cũ vì còn tìm thấy mình một phần nào trong đó, nhưng nhịp sống mới, cuộc sống mới của họ cũng đã đòi hỏi những cách diễn tả nghệ thuật mới mẻ hơn, hợp với tâm tình mới của họ hơn. Họ đòi hỏi những hình thức nghệ thuật cao hơn những hình thức cũ mà không mất gốc rễ, không đoạn tuyệt với những hình thức đã bao nhiêu đời quen với điệu cảm của họ.

Bởi vậy chúng ta phải hết sức khuyến khích phát triển những hình thức cũ của văn nghệ dân tộc, làm sống lại những điệu hát bình dân, tranh Tết bình dân, v.v., nhất là ở những nơi phong trào đấu tranh mạnh mẽ có truyền thống văn nghệ cũ; cải tiến những nội dung lạc hậu, thu nhặt những sáng kiến mới của quần chúng có tính cách cải tiến nghệ thuật cũ cho hợp với đời sống tâm tình bây giờ của họ. Rồi do những sáng kiến lẻ tẻ ấy quy tụ lại mà chung đúc, gọt rửa thành những hình thức nghệ thuật cao hơn. Công việc sáng tạo hình thức mới không thể là công việc riêng của một số cá nhân văn nghệ biệt lập với quần chúng mà là sự sáng tạo chung của quần chúng kết hợp vào những người văn nghệ mật thiết với quần chúng, học tập ở quần chúng để dắt dẫn quần chúng tiến lên trình độ cao hơn. Mọi sự tìm tòi

hình thức mới, kỹ thuật mới trái với tính cách quần chúng ấy đều là phiêu lưu, không thể dẫn đến kết quả tốt đẹp được.

Nhưng tính cách dân tộc của nghệ thuật không thể bị đóng khung trong khuôn khổ quốc gia mà phải được phát triển nhờ cái vốn chung của cả thế giới. Tính cách dân tộc của nghệ thuật phải đi đôi với tinh thần quốc tế vô sản. Một nền văn nghệ càng có tính cách dân tộc sâu sắc nghĩa là thấm nhuần tinh thần quốc tế vô sản thì nền văn nghệ ấy có tính cách quốc tế. Ngược lại không có nền văn nghệ có tính cách quốc tế nào mà không có tính cách dân tộc sâu sắc. Bởi vậy muốn phát triển dân tộc tính của nghệ thuật thì không những phải phát triển vốn văn nghệ cũ của dân tộc mà còn phải học tập, tiếp thu vốn văn nghệ tiến bộ của thế giới.

b) Thành khẩn học tập vốn văn nghệ tiến bộ của thế giới, văn nghệ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân là một công tác quan trọng đề ra cho những người văn nghệ kháng chiến Việt Nam. Sự học tập kinh nghiệm và tác phẩm của các nước anh em đứng đầu là nước xã hội chủ nghĩa, quê hương của nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa phong phú nhất, rạch ròi nhất sẽ giúp cho những người văn nghệ chúng ta nhận rõ hơn con đường đi của mình, sẽ chóng tiến bộ về phương diện nghệ thuật và tư tưởng.

Bởi vậy phải đề cao người giới thiệu những tác phẩm và kinh nghiệm lý luận văn nghệ mới của Liên Xô, Trung Quốc và các nước bạn, nói chung là văn nghệ tiến bộ thế giới. Không những để giúp cho sự tiến bộ của những người công tác văn nghệ mà còn để giáo dục tinh thần quốc tế cho nhân dân ta một cách kinh động sâu sắc. Việc giới thiệu và phiên dịch phải có kế hoạch thích hợp với hoàn cảnh của nước ta đang kháng chiến và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân.

Trong mỗi giai đoạn của kháng chiến, trong mỗi cuộc vận động, có những nhiệm vụ cụ thể của nó. Việc giới thiệu và phiên dịch phải nhằm vào những nhiệm vụ cụ thể mà tiến hành, không nên làm lung tung, làm lạc mục tiêu đấu tranh trước mắt. Trong lúc này nên giới thiệu, phiên dịch nhiều những tác phẩm động viên sôi nổi chí căm thù và lòng yêu nước như quyển *Căm thù* của Sôlôcốp và tập *Trăm bức thư* của Erenbua, những tác phẩm tranh đấu giảm tô tước và nói chung có tính cách thi hành những cải cách phản phong chứ chưa phải làm công tác thổ địa, tóm lại những tác phẩm hợp với chính sách chủ trương của Đảng ta, Chính phủ ta bây giờ.

Học tập văn nghệ tiến bộ của thế giới không phải là để nhầm mắt bắt chước mà là để học lấy cách nhìn, cách cảm, cách diễn đạt mới để hiểu nhân dân thế giới và để nhận rõ thực tế của ta hơn, hiểu để sáng tác cho sát với hoàn cảnh của dân tộc, sát với trình độ hiện thời của quần chúng nước ta.

Chúng ta kiên quyết bài trừ cái óc quốc gia hẹp hòi không học tập văn nghệ tiến bộ quốc tế. Nhưng chúng ta cũng kiên quyết phản đối cái bệnh giáo điều, cái khuynh hướng nô lệ, bắt chước làm như nước ngoài, cho rằng như thế mới là khoa học, do đó mà phạm vào chủ nghĩa *tiên phong* (avant gardisme) và khuynh hướng ngoại lai trong nghệ thuật. Những hình thức nghệ thuật của nước ngoài phải được biến cải đi cho hợp với nhân dân ta, phải trải qua một thời kỳ phổ biến trong quần chúng và được quần chúng tham gia cải biến thì mới biến thành nghệ thuật của dân tộc. Những người văn nghệ muốn nhập cảng những hình thức nghệ thuật mới không thể đưa vào quần chúng, phải khuyến khích quần chúng phát huy sáng kiến tham gia cải biến hình thức nghệ thuật ấy cho hợp với đời sống của mình. Chỉ dựa vào tài

năng của một số cá nhân biệt lập với quần chúng thì không thể biến những hình thức nghệ thuật của thế giới thành nghệ thuật dân tộc được.

Để sáng tác được phong phú chúng ta nên thực hành phương pháp *sáng tác tập thể*. Những người văn nghệ nên cộng tác với nhau, cộng tác chặt chẽ với quần chúng, nhất là với những người cán bộ quần chúng, dùng mắt, tai, tâm trí của nhiều người cùng nhân dân mà nhận xét, cảm thông với thực tế để xây dựng tác phẩm. Đó là cái phương pháp hiệu quả nhất để tạo nên cái tác phẩm vững vàng. Phương pháp sáng tác tập thể có thể thực hành bằng nhiều cách. Hoặc là tác giả làm xong tác phẩm trình bày cho quần chúng và cán bộ tham gia ý kiến và sửa chữa. Hoặc là tác giả chỉ mới có một đại ý rồi tổ chức sự tham gia ý kiến của quần chúng để góp nhặt lại mà xây dựng tác phẩm, hoặc từ quần chúng dựng nên tác phẩm một cách thô sơ rồi người văn nghệ gọt rũa lại, v.v.. Nhưng vô luận bằng cách nào điều cốt yếu là phát huy được sáng kiến của quần chúng, là khuyến khích sự tham gia công tác của quần chúng, là tiếp thu những ý kiến, những nhận xét phê bình xác đáng của họ để bồi dưỡng cho tác phẩm. Kinh nghiệm chứng nhận rằng những sáng tác mà chủ đề và nhân vật lấy ngay trong đời sống hàng ngày của quần chúng quen thuộc với họ là chính họ, bao giờ cũng được quần chúng để ý và họ có rất nhiều ý kiến xác đáng để tham gia. Không nên sợ quần chúng không có ý kiến, không biết phê bình, chỉ nên lo rằng những người công tác văn nghệ không biết học lấy những cái ý kiến hay ấy, những lời phê bình đúng ấy của quần chúng.

Đi đôi với sáng tác, chúng ta phải nâng cao nghệ thuật biểu diễn, kịch nhạc. Cần tổ chức nhiều đội công tác văn

nghệ biểu diễn ca kịch lưu động trong quần chúng. Các nhà soạn kịch của ta nên viết nhiều vở ngắn sát với nhu cầu thực tế để cung cấp cho các đội kịch lưu động và các tổ văn nghệ các câu lạc bộ. Cần phải đào tạo nhiều cán bộ lấy ngay trong quần chúng công nông binh, chọn những người có năng khiếu nhất để cung cấp cho kịch và nhạc. Học kinh nghiệm thất bại của nhiều tổ chức trước mà chỉnh đốn phát triển những đội kịch hiện tại. Ngoài ra phải tăng gia những phương tiện hoạt động cho những đội công tác văn nghệ ấy để cho họ có đủ điều kiện và sức khoẻ mà làm việc.

Việc tổ chức triển lãm tranh và ảnh lưu động cũng rất cần thiết, có tác dụng động viên và giáo dục mạnh, trong khi nghệ thuật chiếu bóng của ta chưa được phát triển và phổ biến.

Hội văn nghệ Việt Nam phải chú ý biên soạn những sách giáo khoa văn nghệ cho các trường học của ta, cộng tác chặt chẽ với Bộ Quốc gia Giáo dục để bổ túc giáo viên văn nghệ cho các lớp và phụ trách các trường nghệ thuật chuyên môn (mỹ thuật và âm nhạc, v.v.). Tiến tới soạn một bộ sử văn học nghệ thuật của nước ta và tham gia viết bộ sử của dân tộc.

Đẩy mạnh sáng tác thì phải *tăng cường xuất bản* - Nhà xuất bản văn nghệ, các báo văn nghệ cần được cung cấp thêm phương tiện để có thể xuất bản kịp thời những sáng tác, khuyến khích các tác giả và cung cấp cho nhu cầu của quần chúng.

Phát triển phê bình và tự phê bình là một động lực mạnh mẽ để thúc đẩy sáng tác. Không khí phê bình và tự phê bình trong giới văn nghệ còn ít. Hội văn nghệ phải phát động một phong trào lành mạnh và sôi nổi nhân những tác phẩm xuất bản, những ý kiến đề ra mà soi sáng những vấn đề về tư

tưởng và nghệ thuật. Làm cho tác giả được rõ tác dụng của sáng tác trong quần chúng. Làm cho quần chúng nhận rõ những cái hay và cái dở của tác phẩm. Phát triển hình thức họp bàn quần chúng phê bình tác phẩm. Tổ chức những cuộc phê bình, tranh luận có hướng dẫn như ở Liên Xô. Làm thế nào cho sự phê bình cổ động cho quần chúng tham gia chứ không phải chỉ quan hệ đến mấy người văn nghệ.

Trên các cơ quan văn nghệ, các cây bút phê bình của ta phải đả phá một cách kiên quyết và liên tục những ảnh hưởng nguy hại của nghệ thuật tư sản đồi trụy Âu-Mỹ, các thứ chủ nghĩa hình thức, nó làm cho văn nghệ khô héo sức sống, mất bản sắc dân tộc, phải chống khuynh hướng tiên phong, cũng như khuynh hướng phục cổ. Soi sáng chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa là phương pháp sáng tạo duy nhất của tất cả các ngành nghệ thuật (...) cho những người sáng tác chính sách chủ trương của Đảng của Chính phủ. Giới thiệu cho họ những khía cạnh của thực tế, những nhân vật trong xã hội. Nhà phê bình phải là người bạn, bà đỡ cho những người sáng tác chứ không phải là một thứ dì ghẻ ngày xưa. Bởi vậy người phê bình phải tìm hết cách giải đáp tất cả những cái thắc mắc, băn khoăn của người sáng tác và chỉ cho họ thấy những cái hay, cái dở của họ với một thái độ chân thành đúng mức.

3. Bồi dưỡng hướng dẫn phong trào văn nghệ quần chúng

Một trọng tâm của cuộc văn nghệ nhân dân là bồi dưỡng, hướng dẫn khả năng văn nghệ của nhân dân mà chủ yếu là công, nông, binh, tạo điều kiện cho quần chúng tiến lên làm chủ thực sự nền văn nghệ mới.

Công việc phát triển phong trào văn nghệ quần chúng có hai mặt, một mặt phải phổ biến văn nghệ mới trong nhân dân. Hoạt động văn nghệ ở nông thôn cần phải đặc biệt chú trọng vùng tự do cũng như vùng tạm bị chiếm vì nông dân là tối đại bộ phận của dân tộc. Muốn tiến hành được công việc phổ biến văn nghệ trong quần chúng, tổ chức sinh hoạt văn nghệ trong khắp các đơn vị cơ sở: xã, nhà máy, đại đội, trường học, cơ quan trong những điều kiện khách quan khó khăn (sinh hoạt vật chất thiếu thốn, trình độ văn hoá thấp kém, công tác kháng chiến bề bộn) thì Hội văn nghệ cần phải được giúp sức rộng lớn của Đảng và chính quyền, phải cộng tác chặt chẽ với các cơ quan thông tin, giáo dục. Hội phải xuất bản những sáng tác có tính cách phổ thông hợp với trình độ và rẻ tiền, in nhiều để phát hành rộng rãi. Các đội kịch, nhạc lưu động giới thiệu cho quần chúng những tác phẩm có giá trị. Tổ chức những cuộc bình văn, đọc thơ, những cuộc triển lãm tranh ảnh và do những buổi sinh hoạt nghệ thuật ấy mà huấn luyện phổ thông, tập cho quần chúng phê bình mạnh dạn để dần dần nâng cao trình độ thưởng thức nghệ thuật của họ.

Mặt thứ hai phải khuyến khích giúp phương tiện, hướng dẫn sức sáng tạo nghệ thuật của quần chúng. Tập cho quần chúng từ những hình thức giản đơn như vẽ, ca dao, kịch cương tiến dần đến những hình thức cao hơn như nhật ký, ký sự, viết kịch ngắn, đặt câu hát, vẽ tranh, v.v.. Những sáng tác đầu tay ấy của quần chúng là nguồn vô tận cho những người sáng tác chuyên nghiệp học hỏi. Trách nhiệm của những người văn nghệ là chọn lọc và chắt lọc những tiếng bập bẹ lành mạnh ấy của quần chúng mà nâng cao lên thành tiếng nói nghệ thuật chân chính của quần chúng.

Chúng ta phản đối thái độ khinh rẻ khả năng sáng tạo nghệ thuật của quần chúng, không chú ý nâng đỡ, phát triển những tài năng mới.

Chúng ta cũng phản đối khuynh hướng theo đuôi quần chúng tôn sùng cả những ảnh hưởng xấu xa của phong kiến, đế quốc, tư sản, tiểu tư sản còn sót lại trong nhân dân, ngay cả trong quần chúng công nông binh.

Chỉ có một thái độ đúng là khuyến khích năng khiếu văn nghệ của quần chúng và dắt dìu họ theo quan điểm mácxít, theo đường lối, chủ trương của Đảng, của Chính phủ. Bởi vậy những người có trách nhiệm hướng dẫn hoạt động văn nghệ của quần chúng không thể xa rời quần chúng, không thể đứng ngoài lập trường của giai cấp công nhân, của nhân dân.

Việc tổ chức sinh hoạt văn nghệ của quần chúng cần chú ý luôn luôn đến mục đích là làm lợi ích cho quần chúng, là giúp cho sức chiến đấu và sản xuất của họ, tuyệt đối không được làm trở ngại công việc làm của quần chúng, hại cho kháng chiến của dân tộc. Bởi vậy không phải bất cứ lúc nào chỗ nào cũng tổ chức sinh hoạt văn nghệ mà phải biết chọn lúc, chọn nơi, sao cho chỉ có lợi mà không hại cho chiến đấu và sản xuất.

Khâu chính của công tác bồi dưỡng lực lượng văn nghệ của quần chúng là đào tạo thật nhiều những cán bộ văn nghệ mới, chọn lọc ngay trong quần chúng lao động (công, nông, binh và trí thức). Ngoài trường mỹ thuật và trường âm nhạc dài hạn cần mở những lớp ngắn kỳ để đào tạo cán bộ sơ cấp về các ngành nghệ thuật cung cấp ngay cho các cơ quan và đoàn thể. Mỗi người văn nghệ chuyên nghiệp có trách nhiệm theo dõi, nâng đỡ những người văn nghệ mới. Sự kết hợp chặt chẽ giữa những người văn nghệ cũ giàu kinh nghiệm và

những người văn nghệ trẻ giàu sinh lực sẽ đưa đến một thể hệ văn nghệ mới của nhân dân.

Nói đến văn nghệ quần chúng, chúng ta phải chú ý đặc biệt đến văn nghệ miền núi. Phải tích cực đào tạo cán bộ văn nghệ cung cấp cho miền núi. Những cán bộ ấy phải nhằm trước hết vào những cán bộ địa phương quen thuộc ngôn ngữ, phong tục và hình thức nghệ thuật quen biết với thổ dân. Những sách xuất bản cho đồng bào miền núi không nên viết bằng tiếng Kinh nếu ở đây tiếng Kinh không được phổ biến, dùng tiếng địa phương sẽ có hiệu lực giáo dục nhiều hơn, cảm xúc thấm thía hơn. Những vở kịch, bài hát không nên nói tiếng kinh mà cũng phải dùng tiếng địa phương. Cả tranh vẽ, ảnh chụp cũng phải chú ý ghi những đời sống và nhân vật quen thuộc với người miền núi nhiều hơn là những cảnh sống xa lạ quá. Hết sức tránh khuynh hướng Kinh hoá hoàn toàn đồng bào miền núi, thủ tiêu bản sắc của mỗi dân tộc. Trái lại phải hết sức khuyến khích, phát triển tiếng nói và tất cả những hình thức nghệ thuật của địa phương để cho nền văn nghệ dân tộc ta càng thêm giàu có.

4. Tích cực đấu tranh chống văn nghệ phản động Pháp – Mỹ

Giặc cướp nước đang dùng văn nghệ truy lạc để đầu độc nhân dân ta và nhất là thanh niên trong vùng bị tạm chiếm. Chúng đang cố tiêm nọc độc văn nghệ ấy vào tâm hồn của nhân dân ta ở vùng tự do. Thứ văn nghệ bản thủ của chúng đang tìm bạn đồng minh ở những tâm lý cầu an, sợ chết, thích khoái lạc. Những tâm lý ấy đang còn ngay trong hàng ngũ kháng chiến, trong vùng tự do của ta. Bởi vậy chúng ta phải tích cực đấu tranh với giặc không những bằng súng đạn,

bằng thóc gạo mà còn bằng văn nghệ. Phải giành lấy thắng lợi tinh thần, phải hướng tình cảm của nhân dân ta ở trong vùng bị tạm chiếm và nâng cao tinh thần của nhân dân ta ở vùng tự do làm cho họ hăng hái kháng chiến hơn, thiết tha yêu nước hơn, tin tưởng hơn ở thắng lợi của dân tộc, căm thù hơn lũ giặc cướp nước và khinh bỉ, không sợ lực lượng của chúng. Phải dùng văn nghệ mà kịp thời vạch rõ những tội ác của giặc, những thắng lợi của ta, phải giới thiệu đời sống của nhân dân ta ở vùng tự do với đồng bào ở vùng bị chiếm, giới thiệu đời sống bị áp bức, bóc lột ở vùng bị chiếm cho nhân dân ở vùng tự do biết mà thêm căm ghét giặc, tóm lại dùng văn nghệ mà mở mang ánh sáng tự do và lửa chiến đấu vào vùng địch tạm chiếm để động viên giáo dục đồng bào ta đấu tranh với địch, phối hợp với kháng chiến ở vùng tự do.

5. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và của Chính phủ về văn nghệ

Sự lãnh đạo của Đảng về văn nghệ cần khắc phục những nhược điểm đã nói trên và nhằm ba điểm chính sau đây:

a) Đề cao công tác văn nghệ xứng với công dụng giáo dục của nó, Phổ biến quan niệm và chính sách văn nghệ của Đảng trong các cấp bộ Đảng. Các cán bộ chính trị, đặc biệt các cán bộ tuyên truyền, giáo dục, phải học lý luận văn nghệ để lãnh đạo phong trào văn nghệ một cách đúng mức.

b) Giáo dục cải tạo tư tưởng, bồi dưỡng trình độ chính trị, lý luận văn nghệ mới cho các đồng chí văn nghệ và nói chung của những người công tác văn nghệ. Tự các đồng chí phải ra sức học tập, phải năng tự kiểm thảo về tư tưởng, tác phong và nghệ thuật, và Đảng cần theo dõi, kiểm tra để kịp thời sửa chữa những sai lầm.

c) Khuyến khích những đồng chí của Đảng, nhất là đồng chí có kinh nghiệm công tác quần chúng, hiểu biết đường lối của Đảng và có năng khiếu văn nghệ. Những cán bộ ấy được giáo dục về nghệ thuật sẽ chóng trở thành lực lượng chủ yếu của văn nghệ mới, sẽ giúp cho sự thay đổi mau chóng bộ mặt văn nghệ Việt Nam ngày nay.

Chính phủ sẽ tăng cường sự lãnh đạo về văn nghệ bằng cách tổ chức một cơ quan tuyên truyền. Có hai bộ phận: Thông tin và văn nghệ. Cơ quan ấy với sự giúp sức của Hội văn nghệ Việt Nam sẽ tổ chức sinh hoạt văn nghệ của quần chúng, giúp cho quần chúng phát triển khả năng văn nghệ.

KẾT LUẬN

TRIỂN VỌNG TỐT ĐẸP CỦA VĂN NGHỆ NHÂN DÂN VIỆT NAM

Giữa hoàn cảnh đấu tranh gian khổ của một dân tộc kinh tế lạc hậu, văn hoá thấp kém bao nhiêu năm bị ghen đường liên lạc quốc tế, nền văn nghệ mới của nhân dân Việt Nam đang chập chững đi những bước đầu, nhưng hướng đi của nó đã đúng, đà tiến của nó đang mạnh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ tịch, được tiếp xúc với trào lưu văn nghệ tiến bộ trên thế giới, nhất là văn nghệ đàn anh Liên Xô và Trung Quốc, văn nghệ nhân dân Việt Nam có triển vọng rất tốt đẹp.

Trên cơ sở hoạt động văn nghệ ngày càng rộng rãi và phong phú của quần chúng công, nông, binh với di sản quý báu của dân tộc và nhất là với tiếng nói Việt Nam rất uyển chuyển với chữ quốc ngữ rất dễ phổ thông mà nền bình dân

học vụ đã cổ động, phổ biến rất lớn, với sự cố gắng bản thân của những người cán bộ văn nghệ kháng chiến, văn nghệ nhân dân Việt Nam sẽ chóng có những tác phẩm xứng đáng, thiết thực giúp ích cho kháng chiến, giải phóng dân tộc, xây dựng dân chủ nhân dân và bảo vệ hoà bình thế giới.

- Tích cực phấn đấu xây dựng văn nghệ nhân dân Việt Nam!

- Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công!

- Tiêu diệt thực dân Pháp, chống bọn can thiệp Mỹ!

- Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

- Đảng Lao động Việt Nam muôn năm!

- Hồ Chủ tịch muôn năm!

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

PHỤ LỤC

DIỄN VĂN
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC
GỬI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU LẦN THỨ II
CỦA ĐẢNG TA*

Bắc Kinh ngày 23 tháng 1 năm 1951

Kính gửi: Toàn thể đồng chí đại biểu ở đại biểu Đại hội lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Đảng Cộng sản Trung Quốc nhiệt liệt chúc mừng đại biểu Đại hội lần thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương khai mạc và quyết định phái đồng chí La Quý Ba làm đại biểu đến dự Đại hội.

Chúng tôi chúc mừng Đại hội thành công rực rỡ trong công cuộc đoàn kết toàn Đảng, toàn dân đánh tan bọn xâm lược thực dân và xây dựng nước Việt Nam nhân dân mới.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG CỦA
ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

DIỄN VĂN
CỦA ĐẠI BIỂU ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC*

Thưa các đồng chí đại biểu,

Nhân ngày lễ khai mạc Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương, tôi xin đại diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc nhiệt liệt chào mừng Đại hội.

Hai mươi một năm nay Đảng Cộng sản Đông Dương đứng đầu có Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam, Cao Miên, Ai Lao tiến hành nhiều cuộc đấu tranh và nhiều công tác gian nan anh dũng để tranh thủ nền độc lập dân tộc, nền tự do dân chủ nhân dân và đã thu được nhiều thành tích. Đảng Cộng sản Đông Dương đã phát động quần chúng, đã đoàn kết các dân tộc, các giai cấp, các tầng lớp nhân dân tham gia cuộc chiến tranh chống Pháp, đã giành được thắng lợi Cách mạng Tháng Tám, đã xây dựng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đã kiến thiết và mở rộng quân đội nhân dân, quân đội mà sức chiến đấu hiện nay đang dần dần trở nên mạnh mẽ, đã giải phóng được đất nước rộng lớn, đã sáng tạo được nhiều căn cứ địa kháng chiến

* Đọc tại Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (B.T).

(giải phóng khu) rộng lớn, đã phát triển lực lượng tổ chức của Đảng và đã đánh bại được nhiều lần tấn công của quân đội thực dân Pháp và dần dần chuyển hướng về một tổ chức hoàn toàn chủ động để tiến công quân địch tranh thủ được nhiều thắng lợi vĩ đại, đã kiên quyết duy trì cuộc chiến tranh chống Pháp và đã làm cho cuộc chiến tranh đó dần dần bước tới thắng lợi hoàn toàn.

Cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Việt Nam, Cao Miên, Ai Lao đã có ảnh hưởng rất lớn trên thế giới, nhất là trong các dân tộc Đông Nam Á. Trong sự phối hợp với các cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Trung Quốc, tác dụng của nó cũng không phải là nhỏ.

Sự thành công trong việc kiến thiết chủ nghĩa xã hội của Liên Xô, sự thắng lợi của cuộc chiến tranh chống phát xít, sức mạnh và sự thắng lợi của phong trào dân chủ hoà bình do Liên Xô đứng đầu đã ảnh hưởng và giúp đỡ rất nhiều cho cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Việt Nam, Cao Miên và Ai Lao. Đó là những điều kiện quốc tế có lợi. Rồi Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ mới kế tiếp nhau thừa nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, lại càng làm cho công cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Việt Nam, Cao Miên và Ai Lao không bị cô lập.

Trước kia, tuy vì kẻ thù phong toả, làm cho hai Đảng anh em chúng ta đã từng khó khăn về liên lạc và phối hợp trong công cuộc đấu tranh, nhưng kẻ thù đã không sao hoàn toàn phong toả được chúng ta.

Với thắng lợi của cách mạng nhân dân Trung Quốc, với sự giải phóng hoàn toàn biên giới Việt Bắc, sự phong toả của kẻ thù đã thành một việc trong lịch sử vĩnh viễn quá khứ rồi.

Cố nhiên nhiều điều kiện quốc tế và trong nước ngày nay

rất có lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân Việt , Miên, Lào; cố nhiên mộng xâm lược của bọn đế quốc phải hoàn toàn thất bại; nhưng bọn đế quốc Pháp quyết không dễ dàng rút lui khỏi Việt Nam, Cao Miên và Ai Lao. Bọn đế quốc Mỹ quyết không dễ dàng bỏ mộng xâm lược can thiệp vào việc của nhân dân Việt, Miên, Lào. Bọn đế quốc Pháp, Mỹ hiện nay đang tăng cường cuộc chiến tranh xâm lược đối với nhân dân Việt, Miên, Lào. Vì vậy nhân dân Việt, Miên, Lào còn phải sẵn sàng trải qua những bước đường đấu tranh gian nan lâu dài rồi mới giành được thắng lợi cuối cùng.

Đấu tranh là công việc gian nan, nhưng sự nghiệp rất vĩ đại và tương lai rất rạng rỡ.

Tôi xin chúc Đại hội thành công mỹ mãn dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch với những nhiệm vụ đoàn kết đồng chí toàn Đảng, đoàn kết các dân tộc, giai cấp, các tầng lớp nhân dân Việt, Miên, Lào để chiến thắng bọn thực dân Pháp, bọn can thiệp Mỹ, bọn bù nhìn của chúng và thực hiện nền độc lập, thống nhất, tự do, dân chủ chân chính của nhân dân Việt, Miên, Lào.

Kính chúc Đại hội thành công muôn năm !

Hồ Chủ tịch muôn năm !

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

DIỄN VĂN CỦA ĐẠI BIỂU ĐẢNG CỘNG SẢN XIÊM*

*Thưa Chủ tịch,
Thưa Đoàn đại biểu,
Và thưa các đồng chí,*

Đảng Cộng sản Xiêm rất lấy làm vinh hạnh được Đảng Cộng sản Đông Dương mời tham gia Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương lúc này. Tôi thay mặt Đảng Cộng sản Xiêm chúc mừng Đại hội đại biểu của Đảng Cộng sản Đông Dương dưới sự lãnh đạo của các đồng chí Trung ương, trong đó có đồng chí Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ, sẽ đạt kết quả rực rỡ.

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc rất anh dũng.

Kể từ lúc bị đế quốc Pháp thống trị cho đến ngày nay, dân tộc Việt Nam đấu tranh không bao giờ ngừng. Và từ 20 năm nay, khi chủ nghĩa cộng sản tràn lan, phổ biến khắp thế giới thì Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập.

Đảng Cộng sản Đông Dương đã lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm vũ khí, đồng thời học được kinh nghiệm của cách mạng Trung Quốc đặc biệt là học được tư tưởng Mao Trạch Đông

* Đọc tại Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (B.T).

dem áp dụng vào hoàn cảnh Đông Dương, vào hoàn cảnh Việt Nam, vì thế làm cho lực lượng cách mạng Đông Dương, cách mạng Việt Nam rất lớn, rất mạnh. Cái lực lượng mạnh mẽ ấy đã làm cho cách mạng Việt Nam thắng lợi, làm cho mặt trận đế quốc bị chọc thủng ở Đông Nam Á, và rồi đây sẽ đi đến thắng lợi cuối cùng làm cho cách mạng Đông Nam Á cũng được ảnh hưởng rất lớn.

Trong cuộc đấu tranh vĩ đại của dân tộc Việt Nam đã đào tạo ra một vị lãnh tụ là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh không những là vị lãnh tụ của dân tộc Việt Nam, lại còn là một vị lãnh tụ mà các dân tộc Đông Nam Á ai cũng hoan nghênh, ai cũng mến phục.

Cuộc đấu tranh của dân tộc Việt Nam ảnh hưởng đến toàn thể Đông Nam Á như thế và đặc biệt ảnh hưởng đến Xiêm vì thế bọn cầm đầu phản động Xiêm bọn Phibun Sonkram phá cách mạng Xiêm, phá cách mạng Việt Nam và đang âm mưu xâm lược Việt, Miên, Lào, gây nên nhiều khó khăn cho cách mạng Việt Nam.

Nhưng dù thế nào mặc dầu, Đảng Cộng sản và nhân dân Xiêm nhất định sẽ phá tan, quyết phá tan mọi âm mưu, kế hoạch của bọn chúng.

Rồi đây sự đoàn kết của chúng ta, nghĩa là sự đoàn kết giữa dân tộc Xiêm và dân tộc Việt Nam, Cao Miên, Ai Lao càng ngày càng vững chắc.

Hiện giờ đây, Đảng Cộng sản Xiêm còn chưa đủ mạnh cho nên trong thời gian dự Đại hội này tôi mong được học hỏi nhiều và mong rằng Đảng Cộng sản Đông Dương sau này sẽ bày vẽ giúp đỡ chúng tôi nhiều, vì thế chúng tôi mong rằng cuộc Đại hội này sẽ đạt được những kết quả rất rực rỡ.

Chúng tôi tin chắc rằng cuộc cách mạng Việt, Miên, Lào dưới sự lãnh đạo của vị lãnh tụ Hồ Chí Minh sẽ đạt thắng lợi to tát, kết quả rực rỡ và không bao lâu sẽ đi tới Đông Dương hoàn toàn giải phóng.

Cuối cùng chúng tôi xin chúc:

Chủ nghĩa cộng sản quốc tế muôn năm !

Đồng chí Xtalin muôn năm !

Đồng chí Mao Trạch Đông muôn năm !

Hồ Chủ tịch muôn năm !

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA THƯỜNG VỤ XỨ ỦY NAM BỘ

Ngày 21 tháng 1 năm 1951

(Lưu hành tận chi bộ)

Về việc tổ chức và hoạt động của thanh niên

(Trích yếu)

Hiện nay công tác thanh niên có 2 hướng: huy động thanh niên công tác quân sự và tham gia sinh sản. Để thực hiện hai trọng tâm đó, Thường vụ Xứ uỷ chỉ thị cho Đảng đoàn thanh niên Nam Bộ, các cấp uỷ Đảng:

PHẦN THỨ NHẤT

PHỐI HỢP TỔ CHỨC SINH HOẠT VÀ LÃNH ĐẠO GIỮA THANH NIÊN VÀ DÂN QUÂN

I - ĐẶT VẤN ĐỀ

Thanh niên và dân quân là hai tổ chức gắn bó với nhau về mọi phương diện. Vì thanh niên phải tham gia dân quân để

thực hiện nhiệm vụ kháng chiến công tác cốt tử của mình và dân quân phải dựa vào thanh niên mới phát triển dân quân được, mới triệt để mở rộng cuộc chiến tranh nhân dân được.

Nhưng thực tế suốt mấy năm nay, thanh niên và dân quân đều chưa phát triển hết khả năng chiến đấu của mình. Nguyên nhân chính là hai tổ chức đó chưa phối hợp chặt chẽ với nhau về tổ chức, sinh hoạt và lãnh đạo.

Hội nghị Thường vụ Xứ uỷ, tháng 10 nhận thấy điều đó, quyết định nguyên tắc, lề lối phối hợp tổ chức, sinh hoạt, lãnh đạo thanh niên và dân quân từ tiểu tổ đến Nam Bộ, mục đích để:

1- củng cố tổ chức thanh niên, để thanh niên thực sự làm nòng cốt cho dân quân và là động cơ thúc đẩy các đoàn thể khác.

2- Phát triển tổ chức dân quân, làm cho nó thực sự mạnh mẽ, thực sự đóng vai trò chủ yếu trong chiến tranh nhân dân.

3- Chấm dứt tất cả lũng củng hoặc xa rời giữa thanh niên và dân quân từ trước đến nay.

4- Hợp lý hoá tổ chức, do đó, tiết kiệm được cán bộ và tài chính.

II- NGUYÊN TẮC PHỐI HỢP

Sự phối hợp giữa thanh niên và dân quân dựa trên nguyên tắc :

- 1- Phối hợp lãnh đạo,
- 2- Phối hợp tổ chức và sinh hoạt,
- 3- Phối hợp từ tiểu tổ đến Nam Bộ.
- 4- Thanh niên và dân quân là hai bộ phận dính liền nhau: Xét mặt nọ là thanh niên, một mặt nọ là dân quân.

III- CÁCH THỨC PHỐI HỢP VỀ TỔ CHỨC, SINH HOẠT VÀ LÃNH ĐẠO

A- Ở tiểu tổ

1- Tiểu tổ thanh niên đi đôi với trung đội dân quân, nghĩa là tất cả đoàn viên trẻ tuổi trong trung đội dân quân (kể cả nữ thanh) hợp thành tiểu tổ thanh niên.

2- Sinh hoạt thanh niên và dân quân có 2 phần: 1 phần dân quân (tác chiến, kế hoạch, phá hoại, trang bị cấp dưỡng, v.v.), thì tất cả mọi người dân quân (có cả thanh niên, phụ nữ, nông dân, v.v.) phải tham gia; phần sinh hoạt thanh niên (giáo dục giải thích một vấn đề chính trị, các công tác động viên, công tác xã hội, văn hoá, họp bàn, v.v.) thì tất cả thanh niên trong dân quân phải tham gia (cả nữ dân quân) còn các dân quân lớn tuổi, thì không bắt buộc, có thể dự hoặc không.

3- Trung đội trưởng dân quân phải là tiểu tổ trưởng thanh niên hoặc ngược lại tiểu tổ trưởng thanh niên phải là trung đội trưởng dân quân.

4- Về số thanh niên ở ngoài dân quân và số nữ thanh niên không có chân trong dân quân, tổ chức chung trong một tiểu tổ với số thanh niên trong trung đội dân quân và sinh hoạt ở phần sinh hoạt thanh niên đã nói trên.

B- Ban cán sự ấp

1- Ban cán sự ấp thanh niên và Ban chỉ huy dân quân là một hay ít nhất thanh niên phải có chân trong Ban chỉ huy dân quân ấp.

2- Trong trường hợp Ban cán sự thanh niên và Ban chỉ huy dân quân là một, thì về mặt dân quân, lấy danh nghĩa dân quân chỉ huy, về thanh niên lấy danh nghĩa thanh niên

chỉ huy. Trong trường hợp chỉ có một hay hai thanh niên trong Ban chỉ huy dân quân ấp, thì các cán bộ thanh niên này hợp với các uỷ viên Ban cán sự thanh niên ấp (không có chân trong Ban chỉ huy dân quân ấp) lãnh đạo thanh niên.

3- Người cán bộ thanh niên có chân trong Ban chỉ huy dân quân ấp nhất định phải là Trưởng Ban cán sự thanh niên ấp.

C- Ở cấp xã

1- Xã đoàn uỷ và Xã đội bộ là một, nghĩa là tất cả Ban chỉ huy dân quân xã đều có chân trong Xã Đoàn thanh niên, hay ít nhất thanh niên phải có một cán bộ trong Ban chỉ huy Xã đội bộ.

2- Đại biểu thanh niên trong Ban chỉ huy Xã đội bộ phải là Xã đoàn trưởng thanh niên hay một thường vụ uỷ viên của Xã đoàn uỷ thanh niên.

3- Văn phòng thanh niên và dân quân là một.

4- Xã đoàn uỷ Thanh niên Cứu quốc sẽ phân công như sau:

a) Một số uỷ viên công tác trong Xã đội bộ, bộ phận này có trách nhiệm: một mặt lãnh đạo thanh niên về mặt quân sự, một mặt làm nhiệm vụ chuyên môn cho Xã đoàn uỷ, bộ phận này là bộ phận quan trọng hơn hết trong thanh niên.

b) Một bộ phận lo thuần tuý về thanh niên (củng cố, phát triển xã hội, giáo dục, v.v.).

c) Ban tuyên huấn thanh niên xã, chia ra làm hai bộ phận nhỏ:

- Một bộ phận ở trong ban tuyên truyền dân, quân, chính để phối hợp chung.

- Một bộ phận ở trong tuyên huấn dân quân, để giáo dục về quân sự cho thanh niên.

- Một bộ phận chuyên lo về giáo dục bản thân thanh niên (thanh niên tính, văn hóa, v.v.), bộ phận này tức là số uỷ viên lo thuần tuý về thanh niên đã nói trên.

d) Xã đoàn uỷ vẫn còn có ban phụ trách thiếu nhi và uỷ viên nữ thanh.

D- Ở cấp Huyện

1- Ban chỉ huy dân quân huyện và Huyện Đoàn uỷ thanh niên là một, hay thanh niên phải có ít nhất một người trong ban chỉ huy Huyện đội bộ.

2- Đại biểu thanh niên trong Huyện đội bộ phải là Huyện Đoàn trưởng hay một thường vụ uỷ viên của Huyện Đoàn thanh niên.

3- Văn phòng thanh niên huyện và dân quân là một.

4- Huyện Đoàn uỷ thanh niên sẽ phân công như sau:

a) Một số uỷ viên ở trong Huyện đội bộ, bộ phận này là bộ phận quan trọng nhất của thanh niên đồng thời làm nhiệm vụ chuyên môn cho Huyện đoàn uỷ.

b) Một số uỷ viên lo thuần tuý về thanh niên.

E- Ở cấp tỉnh

1- Tỉnh đoàn uỷ thanh niên và Ban chỉ huy Tỉnh đội bộ là một, hay thanh niên phải có ít nhất là một người trong ban chỉ huy Tỉnh đội bộ.

2- Đại diện dân quân trong Tỉnh đội bộ phải là Tỉnh Đoàn trưởng hay uỷ viên thường vụ của thanh niên.

3- Văn phòng thanh niên tỉnh và dân quân phải đóng sát nhau.

4- Tỉnh Đoàn thanh niên sẽ phân công như sau:

a) Một số uỷ viên vào Tỉnh đội bộ dân quân. Bộ phận này

đồng thời cũng là làm chuyên môn của Tỉnh Đoàn uỷ. Nó là bộ phận quan trọng nhất của Tỉnh Đoàn uỷ.

b) Một bộ phận lo thuần tuý về thanh niên.

c) Ban tuyên huấn thanh niên sẽ chia ra làm nhiều bộ phận:

- Một bộ phận ở sát Tỉnh Đoàn uỷ lo thuần tuý về TN, Bộ phận này phải là nằm trong Ban tuyên huấn Tỉnh uỷ và phối hợp với Ban tuyên truyền quân, dân, chính.

- Một bộ phận ở trong Ban chính trị hay Tiểu ban tuyên huấn của Tỉnh đội bộ để lo về giáo dục quân sự cho thanh niên.

d) Một ban tổ kiểm.

e) Một ban thiếu nhi.

f) Một uỷ viên phụ trách nữ thanh.

F- Ở cấp Nam Bộ

- Ban Chấp hành thanh niên Nam Bộ và Phòng dân quân phải ở sát với nhau

- Trong Phòng dân quân phải có cán bộ thanh niên đảm nhận công việc tuyền năng lực.

- Ban dân quân của thanh niên công tác cho Phòng dân quân, đồng thời làm nhiệm vụ ban chuyên môn cho Xứ Đoàn uỷ thanh niên.

- Ban tuyên huấn thanh niên phải có người công tác trong Ban tuyên huấn Phòng dân quân.

- Trong hoàn cảnh hiện giờ, Ban dân quân thanh niên công tác trong Phòng dân quân Khu IX và đảm nhận các trách nhiệm thiết thực của Phòng.

G- Vấn đề kiểm tra

Những uỷ viên là cán bộ kiểm tra thanh niên ở các cấp, nếu có năng lực quân sự, sẽ là cán bộ kiểm tra dân quân.

Những cán bộ kiểm tra dân quân nếu còn thanh niên, sẽ có thể là cán bộ kiểm tra thanh niên.

IV- NHỮNG ĐIỂM CẦN CHÚ Ý

1. Việc phối hợp thanh niên dân quân không có nghĩa là giải tán thanh niên làm lu mờ vai trò của thanh niên hay thu hẹp phạm vi hoạt động quần chúng của thanh niên mà trái lại, sự phối hợp này là hướng dẫn đoàn viên thanh niên nhằm vào công tác chính yếu, là quân sự hoá thanh niên và nằm trong tổ chức dân quân để hoạt động. Thanh niên do đó sẽ mạnh mẽ thêm lên, vững vàng hơn, hoạt động của thanh niên được đề cao và thiết thực hơn.

2. Việc phối hợp này không có nghĩa là đưa thanh niên cho dân quân lãnh đạo hay các Ban Chấp hành thanh niên lãnh đạo dân quân, mà nó chỉ có nghĩa là làm cho hai tổ chức nương dựa nhau mà tiến lên.

3. Sự lựa chọn cán bộ phải cẩn thận. Nó tuỳ ở năng lực nhiều hơn, không nhất thiết thanh niên phải đưa người mới vào ban chỉ huy dân quân, nếu người này kém năng lực, các đồng chí trong ban chỉ huy dân quân các cấp vẫn có thể tham gia Ban Chấp hành thanh niên để phụ trách công tác thanh niên trong dân quân. Trong trường hợp cán bộ trong Ban Chấp hành thanh niên có năng lực hơn, có thể lấy vào Ban chỉ huy dân quân.

4. Phải nhân việc phối hợp thanh niên dân quân mà phát huy thanh niên tính, đoàn thể tính trong dân quân, làm cho dân quân luôn luôn nhớ mình là một đoàn viên thanh niên, chiến đấu trong dân quân và không phải là đẩy dân quân xa dần Đoàn Thanh niên, làm cho nó mất thanh niên, mất thanh niên tính, mất đoàn thể tính. Cán bộ đoàn thể sang công tác

dân quân ghi nhớ luôn luôn mình là cán bộ thanh niên chịu trách nhiệm lãnh đạo cho thanh niên trong dân quân, nặng về sinh hoạt, nhận và giúp ý kiến cho cấp uỷ thanh niên.

PHẦN THỨ HAI

VẤN ĐỀ ĐƯA CÁN BỘ THANH NIÊN VÀO BAN CHẤP HÀNH NÔNG DÂN CỨU QUỐC CÁC CẤP

Theo chủ trương của Đảng, đoàn viên nông dân ở các đoàn thể khác đều phải trở về sinh hoạt giai cấp ở Hội Nông dân Cứu quốc.

Đoàn Thanh niên Cứu quốc cũng phải làm như thế.

Về cán bộ, Xứ uỷ nhận thấy Ban Chấp hành nông dân các cấp rất thiếu cán bộ, phần đông kém hoạt động, nhứt là ở xã.

Cán bộ thanh niên ở các cấp nói chung có năng lực và nhứt là rất hoạt động.

Trong việc củng cố Hội NDCQ¹⁾, để nó làm nền tảng cho công tác dân vận của Đảng, đưa cán bộ có năng lực và hoạt động vào NDCQ là một việc cần thiết.

TVXU²⁾ chỉ thị cho các cấp bộ đảng và ĐĐ³⁾ thanh niên lựa trong cán bộ thanh niên ở các cấp có năng lực và hoạt động, thành phần hoặc thợ hay dân cày nghèo đưa sang giúp cho Nông dân Cứu quốc các cấp từ tiểu tổ đến Nam Bộ.

Cán bộ Thanh niên⁴⁾ đưa sang Nông dân⁵⁾, sẽ lãnh các

1) NDCQ: Nông dân Cứu quốc (B.T).

2) TVXU: Thường vụ Xứ uỷ (B.T).

3) ĐĐ: Đảng đoàn (B.T).

4) Thanh niên: Đoàn Thanh niên Cứu quốc (B.T).

5) Nông dân: Hội Nông dân Cứu quốc (B.T).

trách nhiệm tuỳ năng lực và tín nhiệm, trách nhiệm đó có thể là thư ký Nông dân ở các cấp.

Các ban chuyên môn Thanh niên cũng phải có người đưa sang các ban chuyên môn Nông dân, nhứt là Ban tuyên huấn, một mặt để giúp cho ban chuyên môn Nông dân chạy việc, một mặt để cho thanh niên sát với phong trào.

Cán bộ Thanh niên sang Nông dân có hai nhiệm vụ:

1- Tạo cho Nông dân có một thanh niên tính, hoạt động hăng hái, nhiều sáng kiến.

2- Lấy sáng kiến kinh nghiệm của Nông dân về lãnh đạo Thanh niên, vì phong trào thanh niên thực tế là một phong trào thanh niên nông dân.

Vì thế cán bộ Thanh niên khi qua Nông dân không bỏ mất cội gốc của mình mà phải luôn luôn liên lạc với cấp uỷ thanh niên, nhận các chỉ thị để thi hành cũng như giúp các kinh nghiệm. Số cán bộ này phải được kể như là số cán bộ chuyên môn của Thanh niên, phụ trách về việc lãnh đạo thanh niên sinh sản.

Việc lựa cán bộ Thanh niên đưa sang Nông dân phải cân nhắc kỹ. Ở cấp tỉnh phải có sự đồng ý của Ban Chấp hành Nông dân Cứu quốc Nam Bộ và Xứ Đoàn uỷ Thanh niên Cứu quốc Nam Bộ.

Đây là những vấn đề quan trọng, các cấp thi hành và thường xuyên báo cáo cho Thường vụ Xứ uỷ và Ban Thanh vận Xứ các kinh nghiệm.

Một chỉ thị công khai của Nông dân, Bộ tư lệnh Nam Bộ, Bộ Tư lệnh Khu IX và Thanh niên Nam Bộ sẽ ấn định rõ các chi tiết.

T.M THƯỜNG VỤ XỨ ỦY
THƯỢNG VŨ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ THƯỜNG VỤ Xứ ỦY MỞ RỘNG

Từ ngày 16 đến 20-2-1951

Về nhiệm vụ của Đảng bộ Nam Bộ năm 1951

I- ĐẨY MẠNH VIỆC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VÕ TRANG ĐỂ ĐỦ SỨC KÌM CHẾ ĐỊCH VÀ PHỐI HỢP CHẶT CHẼ VỚI CHIẾN TRƯỜNG CHÍNH TRONG KHI CHUYỂN MẠNH SANG TỔNG PHẢN CÔNG

Để thực hiện phương châm quân sự “ Du kích là chính, vận động chiến là phụ trợ, đẩy mạnh vận động chiến tiến tới”,

A- Phát triển du kích chiến tranh đến cực độ

- Mỗi xã phải có từ 1 đến 3 trung đội du kích không thoát ly. Tích cực phát triển du kích trên các vị trí chiến lược quan trọng. Tổ chức du kích bí mật, đội quân ngấm ở những vùng tạm chiếm và các đô thị.

- Phải thực sự phát động toàn dân tham gia du kích chiến tranh. Tất cả các đồng chí trong chi bộ xã đều phải vào dân quân, nắm lấy vũ khí, sử dụng vũ khí và làm nòng cốt cho phong trào.

- Kiện toàn các cấp chỉ huy dân quân du kích, nhứt là cấp xã.

- Võ trang du kích với những lựu đạn gài, mìn và cả những vũ khí thô sơ. Huấn luyện cho du kích cách đánh du kích.

- Bài trừ tư tưởng coi nhẹ du kích và du kích chính quy hoá trong cách tổ chức, lề lối làm việc cũng như về mặt tác chiến (tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị cán bộ dân quân Khu IX cuối năm 1950 do Bộ tư lệnh Nam Bộ triệu tập)

B-Tăng cường mạnh mẽ bộ đội địa phương

- Phải tăng cường bộ đội địa phương đủ sức bảo vệ địa phương và giằng co với địch. Để cho chủ lực có thể thoát ly địa phương, tiến lên tiêu diệt địch trong những trận vận động chiến lớn lao.

- Phải đặc biệt tăng cường những bộ đội địa phương ở những khu vực chiến lược quan trọng của từng huyện, từng tỉnh, từng khu.

- Phải đào tạo cán bộ quân sự đủ sức lãnh đạo bộ đội địa phương ở cấp huyện.

- Chính quyền địa phương phải trực tiếp lãnh đạo bộ đội địa phương về tác chiến cũng như về trang bị cấp dưỡng .

C- Xây dựng chủ lực

- Chủ lực còn làm một phần nhiệm vụ phát động du kích chiến tranh và xây dựng địa phương quân.

- Gấp rút kiện toàn chủ lực về mọi phương diện để có thể tiến lên tiêu diệt địch trong những trận vận động chiến lớn lao.

- Phải chú ý đến việc xây dựng, tập luyện hơn tác chiến, nói như vậy không phải sao lãng tác chiến. Có tác chiến mới xây dựng được bộ đội.

- Phải có một dự trữ mạnh mẽ cho chủ lực quân về mọi mặt.

- Xây dựng chủ lực phải đúng lúc kịp thời (đi đôi với sự trưởng thành của địa phương quân và phát động du kích chiến tranh). Đừng tập trung quá sớm mà hại cho việc phát động du kích chiến tranh, cũng đừng muộn hại cho việc tác chiến.

- Chấn chỉnh các cơ quan chỉ đạo, nhất là phải thực tế thống nhất chỉ huy lực lượng chủ lực toàn Nam Bộ. Phải phối hợp chặt chẽ với chiến trường Miền và Cục Nam Trung Bộ.

- Tích cực rèn cán chỉnh quân. Mỗi khu phải có kế hoạch đào tạo cán bộ từ trung đội trở xuống và bổ túc cán bộ đại đội. Nam Bộ phải có kế hoạch bổ túc và đào tạo cán bộ từ cấp đại đội trở lên. Phải điều chỉnh lại cán bộ đủ sức chỉ huy những binh đoàn mạnh mẽ.

- Kiện toàn quân giới, quân nhu theo nhu cầu của từng chiến trường để trang bị cấp dưỡng cho quân đội cho đầy đủ với tất cả khả năng của ta theo đúng khẩu hiệu “Quân sự trên hết”.

- Xây dựng một nền nếp công tác chính trị cho vững chắc để đảm bảo việc thi hành nhiệm vụ quân sự và làm cho quân đội liên kết chặt chẽ với nhân dân (các đoàn thể nhân dân và chính quyền), cấp chỉ huy đoàn kết nhất trí với đội viên theo một tinh thần kỷ luật dân chủ tự giác, chú ý tác phong dân chủ và học tập dân chủ trong bộ đội.

D- Về tác chiến

- Phải theo tình thế biến chuyển bố trí lực lượng cho hợp với chiến trường từng khu, từng tỉnh, tránh bình quân phân tán.

- Tiến lên đánh những trận tập kích và vận động chiến lớn lao, cố sức giành cho được chủ động trong chiến đấu và chiến dịch, phải biết tập trung quân lực, nhằm chỗ yếu và sơ

hở của địch để đánh. Đào xối cho hết những nhược điểm của địch, giảm bớt khuyết điểm của ta, phải có chuẩn bị sẵn sàng và có kế hoạch chu đáo không khinh địch. Không chuẩn bị, không kế hoạch chu đáo không đánh. Thấy đánh bất lợi thì cương quyết rút lui.

- Đánh những đội quân ứng chiến hơn là những quân đồn trú.

- Đánh phải phối hợp chặt chẽ giữa các chiến trường, giữa quân, dân, chính, giữa du kích và chủ lực, giữa địch vận, phá hoại và tác chiến.

- Thực hiện cho chu đáo công tác bí mật, nghi binh, tình báo, liên lạc

- Làm công sự phòng ngự (đào hầm hố, phá hoại, đắp cản) và tăng cường binh chủng chuyên môn chống phi cơ, cơ giới và tàu của địch.

- Phát triển đến cực độ lối đánh lựu đạn gài và mìn, và thực hiện xã chiến đấu để chống những cuộc càn quét.

- Trong các trận đánh, hết sức tránh tiêu hao lực lượng, tiêu diệt cho được nhiều sinh lực của địch và bồi dưỡng thực lực của ta.

E- Nhiệm vụ của Đảng

Muốn thực hiện được nhiệm vụ trên:

1- Chi bộ phải là bản thân làm nòng cốt trong việc gia nhập dân quân du kích, địa phương quân. Phải định rõ nhiệm vụ các đồng chí trong chi bộ xã trong việc tham gia dân quân, trong việc phát động và lãnh đạo nhân dân chiến tranh.

2- Gấp rút kiện toàn các cấp uỷ trong bộ đội về mặt tư tưởng cũng như về tổ chức nhất là chi bộ đại đội để đủ sức lãnh đạo quân đội nhân dân tác chiến.

3- Phân định chế độ chính uỷ ở các trung đoàn cho dứt khoát.

4- Các cấp uỷ trong quân đội phải mật thiết liên lạc với các cấp uỷ địa phương và phải đặt dưới quyền chỉ huy thống nhất của các cấp uỷ Đảng.

5- Các đồng chí phải nỗ lực học tập quân sự để có thể chỉ đạo nhân dân chiến tranh.

II- PHÁT TRIỂN VÀ Củng cố CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN, PHÁ CHÍNH QUYỀN ĐỊCH

- Phải có quan niệm rõ ràng, chính quyền dân chủ nhân dân chuyên chính do giai cấp vô sản lãnh đạo trong tư tưởng và hành động của cán bộ, để làm cho chính quyền phản ánh thực sự chính quyền dân chủ nhân dân về mọi phương diện (phải đặc biệt chú ý tới quyền lợi của công nông mà cũng không quên quyền lợi của các tầng lớp khác).

- Đảng phải lãnh đạo chặt chẽ và thống nhất chính quyền. Kiện toàn và hợp lý hoá bộ máy chính quyền. Thực hiện triệt để việc phối hợp giữa các bộ máy của Đảng, chính quyền, quân sự và Mặt trận. Chú ý đặc biệt chính quyền ở cấp xã để có đủ sức chỉ huy cuộc chiến tranh nhân dân về mọi mặt quân sự, kinh tế, chính trị, văn hoá.

- Lãnh đạo chặt chẽ và chinh đồn các ngành chuyên môn, nhất là công an, kinh tế tài chính, giao thông vận tải, thông tin. Công an phải có một kế hoạch phòng gian cho có hiệu nghiệm để chống bọn gián điệp của địch chui vào các cơ quan QDC¹⁾. Nhất là ở Khu IX.

1) QDC: quân, dân, chính (B.T).

- Hội đồng nhân dân phải thực sự hoạt động, phải thực sự đại diện cho nhân dân và đảm bảo quyền dân chủ nhân dân.

- Sửa đổi lề lối làm việc, chống mệnh lệnh, quan liêu và hình thức chủ nghĩa, học tập quan điểm quần chúng, liên kết chặt chẽ với nhân dân quần chúng.

- Bỏ túc cán bộ cũ, đào tạo cán bộ mới, chú ý cán bộ công nông. Phải có kế hoạch giáo dục văn hoá cho cán bộ các cấp, các ngành QDC, nhất là cán bộ cũ. Hoàn hảo bộ máy khảo huấn đủ sức giúp cho từng khu, từng tỉnh, đào tạo cán bộ.

- Tẩy trừ những phần tử cơ hội, hủ hoá làm sai lạc đường lối, chủ trương của Đảng trong chính quyền. Thực hiện cần, kiệm, liêm, chính bằng phương pháp phê bình, tự phê bình trong chính quyền và mở rộng trong nhân dân và kiểm tra nghiêm ngặt.

- Tích cực xây dựng, củng cố và phát triển chính quyền của ta trong các vùng địch kiểm soát. Dùng đủ mọi hình thức phá tề, phá chính quyền của địch, và thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch.

- Những uỷ ban kháng chiến hành chính ly hương phải trở về vùng mình, bám chặt lấy quần chúng mà hoạt động. Phải thực hiện câu: “Không rời bỏ dân chúng” sống chết với dân chúng địa phương.

III- HOÀN THÀNH VIỆC TẠM CẤP RUỘNG ĐẤT, TĂNG GIA SẢN XUẤT TỰ CẤP TỰ TỨC, BAO VÂY VÀ PHÁ HOẠI KINH TẾ ĐỊCH

A- Hoàn thành việc tạm cấp ruộng đất

- Thực hiện cho xong việc điều tra và tạm cấp ruộng đất. Tiến hành điều tra nông thôn. Việc tạm cấp ruộng đất phải

tiến hành thận trọng không được hấp tấp. Nơi nào thực hiện không đúng với chủ trương của Trung ương và Xứ uỷ phải điều tra kỹ lưỡng rồi chia lại.

- Đi song song với việc tạm cấp ruộng đất phải giúp đỡ nông dân những phương tiện làm ăn (tiền vốn và dụng cụ), và tổ chức từ những hình thức vận công, đổi công đến những hợp tác xã nông nghiệp để đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể.

- Triệt để thi hành giảm tô, giảm tức, cổ động phong trào hiến điền nhằm vào từng lớp địa chủ, các đồng chí địa chủ phải làm gương mẫu.

- Để thực hiện chính sách ruộng đất cho đúng phải lấy bản cổ nông làm nòng cốt. Chính quyền phải đứng trên quyền lợi của công nông và điều hoà quyền lợi giữa công nông và địa chủ để không làm mất đoàn kết kháng chiến. Chính đốn Đảng và đoàn thể Nông hội, làm cho Nông hội đóng vai trò chính trong việc thi hành chính sách ruộng đất của Đảng. Và phải quan niệm rõ vấn đề ruộng đất là việc của bản thân nông dân, Nông hội phải đóng vai trò chủ động.

- Thi hành chính sách ruộng đất của Đảng phải đề phòng những thủ đoạn gian xảo của những địa chủ ngoan cố làm sai lệch chính sách của Đảng đồng thời cũng đề phòng những hành động quá trốn của nông dân có hại cho sự đoàn kết.

B- Tích cực tăng gia sản xuất để tự cung tự cấp

- Phải có kế hoạch sản xuất cho sát với nhu cầu và khả năng cụ thể của từng vùng, từng tỉnh, từng khu và tránh bán ra thành (thực tế đi đến tự cấp lúa gạo cho miền Đông với một lượng độ tối đa. Đi đến kế hoạch tự cung vật liệu văn phòng, đặc biệt là giấy mực. Đặt một kế hoạch cụ thể xác

đáng về tự cung mặc cho hai Khu VIII và IX) phải điều hoà mức sản xuất để phòng nơi thừa nơi thiếu. Nêu cao những anh hùng sản xuất.

- Đẩy mạnh việc tổ chức HTX¹⁾ nhứt là HTX nông nghiệp, dùng HTX làm động cơ chính cho việc tăng gia sản xuất. Phải tổ chức hình thức từ nhỏ đến to, từ thấp đến cao.

- Sử dụng tín dụng sản xuất cho hợp lý và đúng với nhu cầu sản xuất của nhân dân, bài trừ những phần tử hà lạm và lợi dụng tín dụng sản xuất.

- Phải dùng hết khả năng nhân công của nhân dân, đặc biệt trung, bản, cổ nông, người Cao Miên, Hoa kiều. Phải có kế hoạch dùng nhân công trong cơ quan và bộ đội vào công việc tăng gia sản xuất.

- Bảo vệ mùa màng, hoa mầu cho nhân dân, chống tàn phá của địch (bộ đội địa phương, dân quân du kích, phải coi nhiệm vụ này là nhiệm vụ chiến lược của mình).

- Tổ chức tiếp tế vận tải giữa các liên xã, tỉnh và khu và toàn Nam Bộ để điều hoà nền kinh tế và nắm vững nội ngoại thương.

- Thi hành tiết kiệm trong nhân dân, kiểm tra nghiêm ngặt.

- Chấn chỉnh lại bộ máy kinh tế, canh nông, nhứt là cấp xã để có thể lãnh đạo được sát. Bổ sung, điều chỉnh lại cán bộ kinh tế canh nông.

- Thực hiện khoa học điều tra nghiên cứu và làm việc có kế hoạch, tổng kết những kinh nghiệm thi hành trong chính sách kinh tế, tài chính của Đảng (HTX, đối phó với bạc giả, hoá giả, bao vây kinh tế địch)

- Sửa chữa những tư tưởng sai lầm của cán bộ về vấn đề

1) HTX: hợp tác xã (B.T).

kinh tế tài chính. Đào tạo cán bộ, nhứt là canh nông, là những người trực tiếp thi hành chính sách kinh tế của Đảng ở xã.

- Các cấp bộ Đảng phải học tập lãnh đạo về kinh tế tài chính và phải nắm vững ngành này.

C- Giữ vững tài chính tiền tệ

- Giữ vững giá trị đồng bạc Việt Nam. Tránh nạn lạm phát và đối phó nạn bạc giả của địch.

- Điều chỉnh chính sách tiền tệ và chính sách sinh sản, kế hoạch sinh sản.

- Kiểm tra lại các sắc thuế má cho được dân chủ hoá.

- Điều chỉnh lại ngân sách. Chấn chỉnh lại bộ máy tài chính.

- Tăng gia kế hoạch tự cung, tự cấp cho bộ đội và cơ quan.

- Thực hiện đầy đủ chính sách tài chính cho quân sự.

- Kiểm soát việc chi tiêu và triệt để thi hành chính sách tiết kiệm.

D- Bao vây và phá hoại kinh tế địch

- Tích cực chống nạn nhảy dù, nhưng một mặt phải làm thoả mãn một phần nào nhu cầu tối cần của dân chúng bằng cách tổ chức tiếp tế những thứ cần thiết cho dân chúng trong khi nền kinh tế của ta còn phụ thuộc vào địch. Việc bao vây kinh tế địch chống nạn nhảy dù phải vận động thành một phong trào của nhân dân chứ không phải thi hành bằng mệnh lệnh hay khủng bố nhân dân.

- Tăng gia việc phá hoại kinh tế địch, nhằm vào những cơ sở kinh tế quan trọng của địch ở trong các đô thị và các vườn cao su.

Vận động dân chúng gây một phong trào rộng rãi tẩy

chạy hàng hoá địch đi đôi với vấn đề tiết kiệm ở cơ quan và trong nhân dân để bao vây kinh tế giặc.

- Phải có chính sách rõ ràng về việc sản xuất, tiêu thụ và định giá cả trong vùng tạm bị chiếm.

IV- PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ DÂN CHỦ NHÂN DÂN

- Lôi kéo tất cả những nhà trí thức khoa học, bác sĩ, kỹ sư, văn hoá nghệ thuật trong các vùng tạm chiếm, liên kết chặt chẽ với các nhà văn hoá trong vùng độc lập thành một mặt trận văn hoá rộng rãi, dưới khẩu hiệu “ dân tộc và dân chủ” để chống nạn văn hoá nô dịch của đế quốc Pháp, Mỹ và phong kiến. Đặt nhiệm vụ vận động trí thức cho văn hoá.

- Lợi dụng tất cả những khả năng công khai trong vùng tạm chiếm để hoạt động, liên kết hình thức tranh đấu công khai với bí mật cho thật chặt chẽ. Đối với các nhà trí thức phải có thái độ rộng rãi để có thể huy động hết mọi khả năng của họ trong việc xây dựng nền văn hoá dân chủ nhân dân. Động viên cải tiến kỹ thuật trong cán bộ và nhân dân.

- Nâng cao nền văn hoá dân chủ nhân dân theo đúng phương châm dân tộc, khoa học, đại chúng. Tích cực cải tạo tư tưởng của các cán bộ văn hoá.

- Phát triển nền giáo dục bình dân và tiểu học vụ, thanh toán nạn mù chữ. Phải đặc biệt chú ý giáo dục văn hoá cho bản, cố nông.

- Chú trọng mặt xã hội, bảo vệ sức khoẻ nhân dân (dùng hết khả năng “đông y” ở xã), cải tạo hương thôn, gây đời sống mới.

- Chấn chỉnh chi hội văn nghệ và các cơ quan tuyên truyền báo chí các nơi làm cho văn nghệ đi sâu vào nhân dân, liên lạc chặt chẽ với nhân dân, để có thể động viên nhân dân dồn tất cả lực lượng vào cuộc kháng chiến vào giai đoạn chuyển mạnh sang tổng phản công.

- Tóm lại phải dùng văn hoá để động viên chính trị và kỹ thuật, phụng sự cho kháng chiến.

V- TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC DỊCH NGUY VẬN

- Công tác dịch nguy vận phải được tổ chức với một quy mô rộng lớn.

- Phải quan niệm rõ công tác dịch nguy vận là một nhiệm vụ chiến lược vô cùng quan trọng (riêng nguy quân chiếm đến 80% trong số dịch quân). Trong khi tinh thần dịch và nguy ngày càng sút kém, ta lại càng phải tăng cường công tác dịch nguy vận đến cực độ.

- Gây một phong trào phản chiến và chống bắt lính trong nhân dân. Chú ý vận động lính Cao đài, Hoà hảo, Công giáo và Miên.

- Phối hợp chặt chẽ công tác dịch nguy vận với dân vận, dịch nguy vận với tác chiến.

- Công tác dịch vận không phải nhằm lấy một vài khẩu súng mà phải nhằm mục đích phản chiến, làm nội ứng cho ta đánh đồn. Trong việc kỳ tập bằng dịch vận, tránh đẩy non và cũng không nên ham ăn to để lỡ cơ hội.

- Bộ máy dịch vận phải thực tế làm việc và phối hợp chặt chẽ giữa quân, dân, chính và phải có một kế hoạch cho sát từng nơi, từng vùng (nghiên cứu kỹ chỉ thị số... của Xứ uỷ để thi hành cho chu đáo).

VI- PHÒNG GIAN, TRỪ GIAN, PHẢN GIÁN

Địch chú trọng đưa gián điệp và bọn phá hoại (Đại Việt) vào trong vùng ta và các cơ quan của ta. Vấn đề phòng gian chống gián điệp trong cơ quan quân, dân, chính trở nên hết sức quan trọng đối với thủ đoạn chiến lược đó của địch.

- Phải tập trung lực lượng vào công tác chống gián điệp. Đặc biệt chú trọng nội gián, nhứt là ở các cơ quan.

- Việc phòng gian phải lấy tai mắt nhân dân là chính. Giáo dục và tổ chức cho nhân dân tham gia phòng gian ở vùng tự do và vùng tạm bị chiếm.

- Phải có kế hoạch phòng gian phối hợp giữa công an và quân báo, giữa công an, quân báo và các đoàn thể nhân dân.

- Việc phòng gian phải nặng về điều tra hơn là bạo động nhứt là ở các đô thị bị chiếm để tránh cơ sở bị tan vỡ.

- Phổ biến kinh nghiệm phòng gian, nêu thành tích (phối hợp với thông tin).

- Tăng cường tổ chức công an và quân báo, rèn luyện và đào tạo cán bộ và phải thực hiện khẩu hiệu “công an là bạn dân”.

- Các cấp uỷ Đảng phải lãnh đạo chặt chẽ hai ngành công an và quân báo,

- Thực hiện chu đáo những nhiệm vụ trên phải chú trọng giáo dục tư tưởng và chính trị cho cán bộ và nhân dân và nhứt là phải ráo riết thực hiện phê bình và tự phê bình trong mọi ngành công tác.

VII- XÂY DỰNG CĂN CỨ ĐỊA

- Phải gấp rút xây dựng và kiện toàn căn cứ địa nhứt là căn cứ địa chính cho chiến trường miền Nam.

- củng cố căn cứ địa về mọi mặt quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa.

- Yếu tố chính trong việc xây dựng căn cứ địa là quần chúng nhân dân, phải thấy rõ thành trì cách mạng, phải xây dựng trong rừng người, trong dân cày. Nhưng trong bước đường gây dựng bộ đội, trong việc chống lại cơ giới địch, ta cũng phải biết lợi dụng thiên nhiên núi rừng, ao hồ để phối hợp với sức người.

VIII- THI ĐUA TỔNG ĐỘNG VIÊN NHÂN LỰC, VẬT LỰC ĐỂ CUNG CẤP TẤT CẢ CHO TIỀN TUYẾN

- Tổng động viên phải đi đôi với tuyên truyền giải thích, vận động làm cho ý thức đóng góp thấm nhuần trong cán bộ và nhân dân.

- Tổng động viên phải tùy theo khả năng của mọi người, về tài lực giàu nghèo mà đóng góp cho được công bằng. Chú không phải bình quân.

- Không nên làm cạn nguồn vật lực, tài lực của nhân dân mà phải biết bồi dưỡng bằng cách luôn luôn cải thiện dân sinh và xúc tiến dân chủ mới có thể tận dụng được hết khả năng của nhân dân.

- Động viên phải đúng lúc kịp thời, có kế hoạch, cho sát đúng từng vùng, từng nơi và sử dụng cho hợp lý nhân lực, vật lực và tài lực.

- Nghiêm trị những kẻ trốn tránh nhiệm vụ hay lạm dụng động viên để mưu lợi riêng.

- Gây một phong trào thi đua sôi nổi trong công tác động viên.

- Các ngành quân, dân, chính phải có kế hoạch thi đua và làm sống lại phong trào thi đua như trước.

IX- TRANH THỦ CHO ĐƯỢC SỰ TIẾP VIỆN CỦA TRUNG ƯƠNG VỀ MỌI PHƯƠNG DIỆN

- Phải tranh thủ cho được sự tiếp viện của Trung ương căn cứ theo nhu cầu của Nam Bộ, nhất là về mặt quân sự.

- Củng cố và mở thêm những đường giao thông vận tải, đường thủy lẫn đường bộ từ ngoài và Trung ương về. Các vùng, các tỉnh các Khu có căn cứ tiếp nhận, có đường giao thông vận tải xuyên qua phải tích cực dành riêng một số cán bộ, tài chính, phương tiện để chuyên trách. Phải gấp rút chấn chỉnh và xúc tiến ngay công tác dân vận, quân sự và chính quyền ở những vùng nói trên.

- Tổ chức nhân dân và động viên nhân dân tham gia việc chuyên chở vận tải. Bộ đội địa phương và dân quân du kích coi việc bảo vệ và mở mang giao thông là một nhiệm vụ chiến lược quan trọng của mình.

- Những vật liệu, vũ khí, tiền tài, phải phân phối cho công bằng, tránh địa phương chủ nghĩa.

X- NÂNG CAO CÔNG TÁC VÙNG ĐỊCH TẠM CHIẾM NGANG HÀNG VỚI VÙNG ĐỘC LẬP

Trong năm 1950, địch cố đẩy ta ra khỏi những vùng ngoại ô, cố chiếm những vùng kinh tế phì nhiêu, những căn cứ quan trọng của ta. Địch chiếm đóng thêm 1.288 đồn bốt trong tổng số 4.061 đồn bốt (tăng 46%) và chiếm thêm... xã.

Vì vậy có chặn đứng được sự phát triển của địch, có phá hoại và thu hẹp phạm vi ảnh hưởng, phạm vi chiếm đóng của địch, có gây dựng củng cố, phát triển được cơ sở trong vùng tạm bị chiếm, nhất là trong các đô thị, có hoạt động được trong lòng địch, có biến được hậu phương địch thành tiền tuyến của ta, có giành được lực lượng dự trữ của địch thành lực lượng dự trữ của ta, ta mới có thể hoàn thành được nhiệm vụ chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công.

- Chú trọng công tác vùng tạm chiếm nhất là các vùng chiến lược quan trọng và các đô thị.

- Tất cả các cán bộ và đồng chí ly hương trừ những người quá lộ mặt phải trở về vùng tạm chiếm để hoạt động, gây dựng cơ sở, phát động du kích chiến tranh.

- Thực hiện cho được khẩu hiệu “ Bám chặt địa phương không rời quần chúng”.

- Trong các đô thị bị tạm chiếm bộ máy của địch còn mạnh, cơ sở ta còn non yếu phải củng cố và gây dựng cơ sở quần chúng hơn là phát động quần chúng tranh đấu với những hình thức cao. Nhưng không được bỏ qua những cuộc tranh đấu bên vực quyền lợi hàng ngày của quần chúng.

- Mở rộng Mặt trận dân tộc, kêu gọi, thuyết phục những phần tử lầm đường trở về với Tổ quốc hơn là khùng bố cá nhân, trừ những trường hợp cần phải trừng trị.

- Chú ý đặc biệt đến những tổ chức công nhân, trí thức và thanh niên học sinh.

- Chui vào những tổ chức phản động để làm tan rã hàng ngũ địch. Lợi dụng những hình thức công khai, hợp pháp để vận động tổ chức quần chúng tranh đấu.

- Chính quyền phải biểu lộ được tính chất chính quyền dân chủ, cách mạng rõ ràng, cán bộ phải đứng đắn, thanh liêm.

- Phát triển củng cố những tổ chức võ trang như công an xung phong, quyết tử quân, dân quân du kích và đội quân ngầm, nhằm vào việc phá hoại cơ sở kinh tế, quân sự lớn lao của địch làm chính. Phải biết lợi dụng khả năng của quần chúng tốt, của tín đồ trong việc đặt giao thông liên lạc.

- Nối liền công tác công khai với công tác bí mật, phong trào tranh đấu vùng tạm chiếm và vùng độc lập.

- Tổ chức phải đơn giản và hợp lý hoá tránh chồng chéo và dẫm chân lên nhau. Cấp uỷ cũng như các ngành QDC phải có bộ phận chuyên trách và theo dõi công tác vùng tạm chiếm. Cấp uỷ và cán bộ phải xuống tận huyện, xã len lỏi hoạt động lòng địch, nắm sát quần chúng làm nòng cốt và lãnh đạo phong trào. Phải tùy hoàn cảnh cụ thể của địa phương mà tổ chức ra Ủy ban quân dân chính thống nhất.

- Mọi hành động phải thận trọng không nên chủ quan khinh địch.

- Học tập công tác bí mật để phòng ngừa bọn phá hoại chui vào hàng ngũ Đảng và bảo tồn cán bộ.

- Không nên tiêu hao lực lượng để đến khi cần thiết có thể phát động những cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ phối hợp với bộ đội và nhân dân tiêu diệt địch trong giờ phút sắp đến.

XI- ĐỀ CAO CÔNG TÁC DÂN VẬN, PHÁT TRIỂN VÀ Củng cố MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT

- Bài trừ tư tưởng coi thường công tác dân vận, các cấp uỷ phải đề cao công tác dân vận và coi là một nhiệm vụ mấu chốt quyết định sự thành bại của cuộc kháng chiến. Phải giáo dục cán bộ về tư tưởng chính trị, về quan niệm tổ chức, về ý thức xây dựng mặt trận trong các ngành quân, dân, chính.

- Phải xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất trên nền tảng công nông liên minh với trí thức tiến bộ, tư sản dân tộc và các phần tử yêu nước do giai cấp vô sản lãnh đạo chống đế quốc Pháp, bọn can thiệp Mỹ và bè lũ Việt gian phản quốc (Hội nghị 9-1950 của Liên Việt đã có nói rõ).

- Hoàn thành việc hướng dẫn quần chúng trong đoàn thể trở về trong các tổ chức thích hợp với quyền lợi giai cấp quyền lợi của giới của họ để đẩy phong trào quần chúng tiến mạnh lên.

- Kiện toàn các tổ chức Nông dân Cứu quốc và Liên hiệp Công đoàn, đặc biệt chú ý đến việc lãnh đạo đoàn thể Cao đài và Công giáo.

- Công tác trọng tâm của Mặt trận phải hướng về việc vận động đồng bào Cao đài, Hoà hảo, Công giáo, Miên và thiểu số để phá tan âm mưu chia rẽ lấy người Việt hại người Việt, phá tan âm mưu thành lập đội quân quốc gia bù nhìn của địch và thực hiện khối đại đoàn kết toàn dân.

- Chấn chỉnh các Ban Chấp hành của Mặt trận và các đoàn thể để phối hợp chặt chẽ và khởi dấn chân lên nhau trong khi thi hành nhiệm vụ công tác chung.

- Sửa đổi lề lối làm việc, tránh mệnh lệnh, quan liêu, hình thức, học tập quan điểm quần chúng, kết hợp chặt chẽ với nhân dân quần chúng để động viên nhân dân quần chúng kháng chiến.

- Thực hiện ráo riết phê bình và tự phê bình để tăng cường sự đoàn kết và sửa chữa những khuyết điểm giữa các đoàn thể trong Mặt trận. Tránh đoàn kết một chiều và tư tưởng hẹp hòi; tránh đụng chạm đến tự do tín ngưỡng có hại cho sự đoàn kết.

- Chú trọng phát triển và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất ở xã và trong vùng tạm bị chiếm.

- Tích cực cải tiến dân sinh và xúc tiến dân chủ để đẩy phong trào quần chúng tiến mạnh và huy động được mọi khả năng của quần chúng dồn vào cuộc kháng chiến và kiến quốc.

XII- XÂY DỰNG ĐẢNG MẠNH MỀ ĐỂ CÓ THỂ LÀM TRỌN NHIỆM VỤ TIỀN PHONG CỦA GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC

- Trong khi ngừng phát triển Đảng phải gấp rút lo củng cố Đảng về mọi mặt và chuẩn bị điều kiện cho Đảng ra công khai.

Củng cố Đảng phải nhằm vào:

- + Giáo dục tư tưởng,
- + Giáo dục về tổ chức, xây dựng quan niệm về tổ chức,
- + Liên kết chặt chẽ với nhân dân quần chúng.

- Việc củng cố xây dựng Đảng trong vùng tạm chiếm phải được chú ý ngang hàng với vùng độc lập.

- Củng cố xây dựng Đảng phải đi song song với việc xây dựng chính quyền, quân sự và dân vận.

- Xây dựng Đảng nhằm mục đích hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

- Xây dựng tổ chức để đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ đề ra.

- Phải đề cao xây dựng quan niệm về tư tưởng tổ chức. Phải làm sao cho cán bộ hiểu rõ và thực hiện chủ trương đường lối tổ chức của Đảng.

- Tăng cường việc học tập lý luận và giáo dục đảng viên

về quân sự, kinh tế, chính trị, văn hoá theo đúng chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối chính trị của Đảng đã vạch. Giáo dục trong công tác thực tế. Trui rèn đảng tính.

- Kiện toàn các cơ quan chỉ đạo các cấp, sửa đổi lề lối làm việc nhứt là chi bộ xã và Đảng trong bộ đội để làm cho chủ trương chính sách của Đảng được thông suốt và phổ biến mau lẹ xuống tận quần chúng.

- Luôn luôn phải cột chặt lý luận với thực hành, phải tẩy trừ lý luận suông, trừu tượng, máy móc, xa thực tế, xa quần chúng. Tất cả các đồng chí trong mọi công tác phải liên kết chặt chẽ với quần chúng. Không lúc nào rời quần chúng. Mọi hành động đều phải vì lợi ích của nhân dân quần chúng mà làm và chịu trách nhiệm trước nhân dân quần chúng.

- Cương quyết sửa chữa những mệnh lệnh, hình thức quan liêu, quân phiệt địa phương chủ nghĩa, bịnh tự kiêu, tự đại. Đó đều là những hành động xa lìa quần chúng.

- Mở rộng phê bình và tự phê bình trong Đảng và ngoài quần chúng để luôn luôn tiến bộ.

- Phải giữ vững kỷ luật dân chủ tập trung của Đảng. Những phần tử vô kỷ luật chống nghị quyết, những phần tử cơ hội, hủ hoá, làm hại thanh danh của Đảng phải khai trừ ra khỏi Đảng. Những bọn phá hoại chui vào Đảng phải được trừng trị thẳng tay.

- Việc phòng gian phải có kế hoạch chu đáo, không được coi thường.

- Phải có kế hoạch đào tạo cán bộ, theo dõi và thưởng phạt cho sát đúng và kịp thời.

- Học kinh nghiệm mấy năm qua (Việt Minh cũ, VM mới)¹⁾,

1) Chỉ hai tổ chức biệt phái (Việt Minh cũ, Việt Minh mới) ở Nam Bộ sau Cách mạng Tháng Tám (B.T).

phải gột rửa óc cá nhân chủ nghĩa, bè phái, tự kiêu, tự đại để siết chặt sự đoàn kết toàn Đảng và toàn dân hơn nữa.

XIII- ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC CAO MIÊN NGANG VỚI SỰ QUAN TRỌNG CỦA CÁC CHIẾN TRƯỜNG ĐÔNG DƯƠNG

Kế hoạch năm 1951 của Cao Miên sẽ do Hội nghị cán bộ toàn Miên vạch ra, đây chỉ nói mấy nhiệm vụ mà bản thân Nam Bộ đối với Miên.

- Tăng cường sự giúp đỡ công tác Cao Miên về mọi mặt (cán bộ, tài chính, quân trang, quân dụng) cho kịp với chiến trường Nam Bộ để đủ sức kìm chế địch trong giai đoạn chuyển mạnh sang tổng phản công.

- Gột rửa những tư tưởng sai lầm coi nhẹ chiến trường Cao Miên và cho cách mạng Miên là vì Việt không phải vì bản thân Miên.

Phải coi chiến trường Miên và Nam Bộ là một.

- Giải thích cho nhân dân hiểu rõ sự quan hệ đoàn kết Miên-Việt và tinh thần bình đẳng tương trợ giữa hai dân tộc.

- Nối liền phong trào tranh đấu giải phóng dân tộc Cao Miên với công tác Miên vận ở Nam Bộ để đẩy phong trào tiến mạnh lên.

- Xứ uỷ và Kháng chiến hành chính Nam Bộ phải có ban chuyên trách về công tác Cao Miên

XIV- GẮN LIỀN KHẨU HIỆU TRANH THỦ ĐỘC LẬP VỚI VIỆC BẢO VỆ HOÀ BÌNH VÀ DÂN CHỦ THẾ GIỚI. TUYÊN TRUYỀN SÂU RỘNG MỐI QUAN HỆ GIỮA VIỆT, MIÊN, LÀO VỚI MẶT TRẬN DÂN CHỦ THẾ GIỚI, NHẤT LÀ LIÊN XÔ VÀ TRUNG HOA

- Giải thích cho nhân dân hiểu rõ cuộc kháng chiến của

ta là một bộ phận của cuộc tranh đấu hoà bình và dân chủ thế giới có hiệu lực nhất.

- Phải lấy công tác kháng chiến hàng ngày để hoàn thành cho mau nhiệm vụ căn bản trong giai đoạn chuyển mạnh sang tổng phản công là thiết thực nhất trong việc tranh đấu cho hoà bình và dân chủ thế giới.

- Không phải chỉ tuyên truyền lấy chữ ký hoà bình suông với bản Tuyên ngôn của Hội nghị hoà bình Stockholm làm cho quần chúng có nơi hiểu lầm là lấy chữ ký hoà bình để cốt điều đình với Pháp.

- Tiếp tục giải thích và lấy chữ ký. Lấy công tác kháng chiến để đảm bảo cho chữ ký.

- Phải tuyên truyền cho quần chúng nhận thức được ý nghĩa sâu sắc mối quan hệ giữa ba dân tộc Việt, Miên, Lào và với Mặt trận dân chủ thế giới do Liên Xô lãnh đạo để gây ý thức đoàn kết quốc tế trong nhân dân làm cho nhân dân nhận thấy rõ không có sự đoàn kết quốc tế đó, kháng chiến Việt Nam không thể nào thành công được. Nhất là đối với Liên Xô và Trung Hoa lại càng làm cho nhân dân thiện cảm nhiều hơn nữa.

- Phải phát triển hai tổ chức Việt-Xô và Việt-Hoa hữu nghị trong các tầng lớp nhân dân. Giúp hai tổ chức này có đủ phương tiện hoạt động thực sự không phải chỉ có hình thức. Luôn luôn chống những luận điệu chống cộng thân Mỹ chia rẽ Việt-Xô và Việt-Hoa của địch trong nhân dân.

XV- CHẤM CHỈNH TỔ CHỨC, LỀ LỐI LÀM VIỆC VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ THEO KỊP VỚI NHU CẦU CÔNG TÁC

Muốn thực hiện được tất cả những nhiệm vụ trên, vấn đề

tổ chức, lề lối làm việc và đào tạo cán bộ quyết định hết thảy.

- Phải kịp thời khắc phục nhược điểm là trình độ tổ chức chưa theo kịp trình độ chính trị, trình độ cán bộ chưa theo kịp nhu cầu công tác.

- Để thích hợp với chiến trường Nam Bộ mọi hình thức tổ chức Đảng, Mặt trận, chính quyền, quân sự phải theo đúng nguyên tắc tiểu quy mô, phân tán nhẹ nhàng và hợp lý hoá đến mức tối thiểu cần thiết và phải thích hợp với từng vùng, từng địa phương (vùng độc lập, bán kiểm soát, tạm chiếm).

- Kiện toàn tổ chức và sửa đổi lề lối làm việc, nhất là cấp xã để làm cho chỉ thị, nghị quyết của Đảng có thể thi hành được thống nhất và thông suốt từ trên xuống dưới.

- Triệt để thực hiện việc phối hợp, tận dụng khả năng và phương tiện của những bộ máy đang có ở trong các ngành QDC.

- Mọi công tác thi hành phải liên kết chặt chẽ với quần chúng nhân dân bằng cách kết hợp chính sách chung và chỉ đạo riêng và toàn tâm toàn ý vì nhân dân mà phục vụ.

- Cương quyết chống hình thức quan liêu, mệnh lệnh địa phương và bản vị chủ nghĩa.

- Mở rộng phê bình và tự phê bình và kiểm tra nghiêm ngặt để sửa chữa những khuyết điểm và phát triển những ưu điểm.

- Thực hiện cho được khoa học, điều tra nghiên cứu và tổng kết kinh nghiệm.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo và bổ túc cán bộ. Tiếp tục đưa cán bộ ra ngoài học. Phải có kế hoạch đào tạo cán bộ cho kịp thời với nhu cầu trong giai đoạn chuyển mạnh sang tổng phản công. Chú ý đào tạo cán bộ trong các ngành chuyên môn nhất là quân sự và kinh tế tài chính.

- Giáo dục cán bộ công nông để đưa thêm vào các cơ quan chỉ đạo và các ngành hoạt động quân, dân, chính. Thực hiện một chính sách cán bộ cho thích hợp từ việc sử dụng, điều động đến việc đề bạt, diu dắt và nâng đỡ cán bộ.

Trên đây là những nhiệm vụ căn bản năm 1951, nhưng phải chú ý đặc biệt đến mấy nhiệm vụ sau đây:

1- Đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang để đủ sức kìm chế địch và phối hợp chặt chẽ với chiến trường toàn quốc.

2- Phát triển và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân và phá chính quyền địch.

3- Tăng gia sản xuất hoàn thành cải cách điền địa.

4- Tăng cường công tác địch nguy vận.

5- Nâng cao công tác vùng địch tạm chiếm ngang hàng với vùng độc lập.

6- Phát triển và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất. Đề cao công tác dân vận.

Để thực hiện nhiệm vụ trên phải kiện toàn cấp xã về mọi mặt tư tưởng, tổ chức và lề lối làm việc.

Trên đây là những nhiệm vụ căn bản năm 1951, các cấp uỷ phải căn cứ vào tình hình cụ thể ở địa phương mà đặt kế hoạch thi hành cho sát.

T/M THƯỜNG VỤ XỨ UỶ
NGUYỄN THUỘNG VŨ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM

(Lưu hành tận xã)

Ngày 31 tháng 7 năm 1951

Chống chủ trương "tổng động viên" của giặc
(Trích yếu)

I- NHẬN ĐỊNH

Ngày 15-7-1951, giặc Pháp và bù nhìn đã đưa ra lệnh tổng động viên. Chúng chủ trương:

- Trưng dụng bác sĩ, nha sĩ, dược sư và các cán bộ chuyên môn làm công cuộc quốc phòng.

- Kêu lính trừ bị nhập ngũ.

- Kiểm soát lại dân số.

- Phải mộ cho được 60.000 lính trong hai tháng.

- Đưa thanh niên vào trường quân sự.

Tiếp theo các chủ trương bắt lính, khủng bố, càn quét của chúng đã áp dụng từ trước, nay giặc Pháp và bù nhìn ban hành lệnh tổng động viên, một lần nữa chúng tỏ chúng đương đi vào con đường cùng, con đường tuyệt vọng mà nhân dân ta nhờ sức chiến đấu anh dũng đã xô chúng vào đó.

Lệnh tổng động viên của giặc là một hành động trắng trợn, phô trương tội ác, hung hăng của chúng.

Vì những nguyên nhân gì mà chúng ban hành lệnh tổng động viên ?

1- Sau những chiến thắng vĩ đại của quân dân ta ở biên giới, ở Trung du, ở Ninh Bình, ở Đồng Tháp, v.v., giặc Pháp càng mòn hơi kiệt sức. Tình trạng thiếu quân số ngày một tăng không thể giải quyết nổi.

2- Phong trào phản chiến ở Pháp và ngay trong hàng ngũ binh đội Pháp ngày một mạnh mẽ. Tiếp viện khó khăn và cũng chỉ có hạn, không thay thế kịp với quân số chết, bị thương, đầu hàng hàng ngày trên khắp chiến trường Việt Nam.

3- Tài chính khô kiệt không đủ cung cấp, nuôi dưỡng cho quân đội xâm lược và bọn bù nhìn bán nước, cần phải ra sức vơ vét, cướp bóc tiền của, tài sản của đồng bào để hòng thực hiện chính sách lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

4- Chính sách mua chuộc, dụ dỗ bắt lính của chúng chỉ đem lại một phần kết quả chưa thấm vào đâu, cần có một phương pháp táo bạo, dã man, tàn ác hơn để thi hành chính sách xâm lược “ dùng người Việt giết người Việt”.

Vì những nguyên nhân trên, giặc Pháp và bọn bù nhìn phải dùng đến phương pháp chót là ban hành lệnh tổng động viên.

II- CHỦ TRƯỞNG

Để đối phó và phá tan kế hoạch tổng động viên của giặc và bọn bù nhìn bán nước, Trung ương Cục chỉ thị cho các cấp bộ Đảng phải gấp rút và tích cực thi hành ngay:

1- Nghiên cứu, thi hành triệt để Chỉ thị số 39/CT-XU ngày 16-12-1950 của Xứ uỷ về việc chống bắt lính.

2- Trong vùng địch kiểm soát, vùng thun¹⁾ phải dùng mọi hình thức tranh đấu công khai, bí mật; hợp pháp, bất hợp pháp để phá kế hoạch bắt lính, kế hoạch tổng động viên của địch.

3- Động viên mọi người vào du kích bí mật, vào đội quân ngầm chống mọi hình thức đóng góp vơ vét của địch.

4- Động viên mọi người vào dân quân du kích, vào bộ đội địa phương... (thanh niên phải làm nòng cốt).

5- Gây phong trào rầm rộ, truyền đơn, tranh ảnh, báo chí, phát thanh, tuyên truyền giải thích cho dân chúng thấy rõ âm mưu, tội ác, và sự thất bại tất yếu của địch, để tích cực phá kế hoạch tổng động viên của địch.

6- Những người lỡ bị chúng bắt đi lính phải tiếp tục phá hoại chúng, làm nội ứng, vác súng trở về với Tổ quốc.

7- Tăng cường công tác địch nguy vận.

8- Tập trung khả năng vào công tác vận động Cao đài, Hoà hảo, người Miên, Công giáo.

9- Phải thực hiện cho được khẩu hiệu “không một người đi lính cho giặc, không đóng góp một xu cho giặc”.

Chú ý:

- Cấp uỷ, nhất là các cấp uỷ vùng địch kiểm soát và vùng dây thun phải nhằm vào trọng tâm phá kế hoạch tổng động viên của địch.

- Trong khi địch thi hành lệnh tổng động viên, thế nào cũng có một số người ở vùng địch chạy ra vùng ta. Cấp uỷ phải thận trọng đề phòng bọn Phòng nhì lợi dụng cơ hội chui vào hàng ngũ ta.

1) Vùng thun: Vùng tranh chấp giữa ta và địch (B.T).

Trên đây là mấy nhiệm vụ cấp bách cần phải thi hành ngay trong việc chống lệnh tổng động viên của giặc. Các cấp Đảng bộ nghiên cứu kỹ và tùy hoàn cảnh từng vùng, từng địa phương đặt kế hoạch thi hành cho sát.

Các cấp uỷ phải thường xuyên báo cáo kết quả về cho Trung ương Cục để theo dõi và tổng kết báo cáo cho Trung ương.

T/M TRUNG ƯƠNG CỤC MIỀN NAM
TRUNG NAM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA LIÊN KHU ỦY VIỆT BẮC**

Ngày 16 tháng 9 năm 1951

**Về việc sửa chữa những khuyết điểm trong việc
thi hành chính sách đại đoàn kết của Đảng
trong những vùng mới giải phóng**

I- NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM

Trung ương và Liên khu uỷ đã chỉ thị rõ cho các khu vực mới giải phóng phải nắm vững và thi hành đúng chính sách đoàn kết và chủ trương khoan hồng của Đảng.

Nhưng nhìn lại việc thi hành chính sách đó trong các miền mới được giải phóng ở Liên khu ta thì có nhiều cán bộ và cấp uỷ đã phạm vào những khuyết điểm lớn, những khuyết điểm đó là:

1. Thái độ đoàn kết không chân thành, thiếu thực tế

Đối với những người đã theo ta kháng chiến từ trước đến nay, tài sản của họ bị giặc cướp phá thì nay không tìm cách giúp họ có phương tiện sinh sống để họ yên tâm làm việc.

Lại có nơi chỉ chú ý đến hình thức bề ngoài không theo hoàn cảnh thực tế địa phương để thực sự thi hành chính sách

đoàn kết mà lại lo đến việc thống nhất xã Mán, xã Mèo làm một, trong khi nhân dân chưa tự nguyện (Yên Bái), hoặc có nơi lựa chọn người vào các uỷ ban chỉ chú ý một chiều: biết chữ, có uy tín cũ với dân mà quên những người có công tham gia chiến đấu từ trước khi địa phương được giải phóng.

2. Đoàn kết có tính chất đối phó, không cải tạo giáo dục

Đối với những người trước kia theo Pháp sau quay lại với ta cũng như những người đã tham gia kháng chiến từ trước, sau khi địa phương giải phóng tuy có đưa họ vào chức vụ trong chính quyền địa phương, nhưng thường nặng về đối phó hơn là chú ý cải tạo giáo dục họ. Cho rằng họ kém năng lực nên mình bao biện mọi việc, không thực tế bàn bạc với họ, không chú ý giúp đỡ họ về ý kiến, phương tiện để họ làm việc. Đồng thời cải tạo giáo dục họ.

Do những khuyết điểm trên nên xảy ra tình trạng ba ông chủ tịch huyện xin từ chức một lúc (Sa Pa, Mường Khương, Bát Sắt thuộc Lao Kay và ông Thào Seo Câu người Mèo, uỷ viên kháng chiến huyện Hoàng Su Phì, Hà Giang cũng tỏ ý chán nản).

3. Không quan niệm rõ chủ trương khoan hồng của Đảng

Không hiểu rằng ta khoan hồng cho những người lầm đường này quay về với Tổ quốc để đoàn kết họ, mở cho họ đường thoát, con đường cải tà quy chính. Nhưng họ là những người còn nặng ảnh hưởng của tư tưởng phản động thì ta phải giáo dục họ, giúp họ cải tạo, không phải giản đơn là khoan hồng rồi đưa họ vào làm việc này, việc khác là xong. Đồng thời ta phải đề cao nhân dân và uy tín của Chính phủ để họ mau hối cải mà tích cực tham gia kháng chiến.

Nhưng có nơi cán bộ còn nặng tư tưởng dùng quân sự tiêu diệt thổ phỉ mà không biết kết hợp việc dùng quân sự với công tác chính trị, đề cao lượng khoan hồng của Chính phủ, của Hồ Chủ tịch để vận động thuyết phục chúng. Có nơi vẫn còn thành kiến nặng với những người đã được hưởng lượng khoan hồng, nên đã tổ chức việc huy động riêng anh em hàng binh (đã được về địa phương) đi làm đường khiến cho họ khó chịu. Đồng thời cũng làm cho nhân dân địa phương thành kiến với họ và những nguy binh còn ở trong hàng ngũ địch thêm nghi ngờ (Văn Bàn- Yên Bái).

Có nơi chỉ biết khoan hồng một cách bình quân một chiều, khoan hồng cho tất cả những kẻ đã phạm nhiều tội ác với nhân dân với cách mạng và xét ra nguy hại cho kháng chiến, nên đã xảy ra tình trạng thả họ ra rồi sau lại bắt lại, hoặc để lỏng cho bọn nguy hiểm trốn thoát, sau có cơ hội lại trở về hoạt động (Lạng Sơn).

II- NGUYÊN NHÂN PHẠM KHUYẾT ĐIỂM

Những khuyết điểm trên làm hại không ít tới chính sách đại đoàn kết của Đảng ở những vùng mới được giải phóng. Nguyên nhân của những khuyết điểm đó là:

1. Chưa thấm nhuần tinh thần và nội dung chính sách đại đoàn kết của Đảng. Các cán bộ, cấp uỷ không chịu nghiên cứu, thảo luận kỹ chính sách đoàn kết và chủ trương của Đảng. Không có sự nhận xét và phân tích kỹ càng tình hình cụ thể ở địa phương để chấp hành chính sách ấy cho đúng.

2. Việc phổ biến chính sách của Đảng cho cán bộ đảng viên, nhân dân không được sâu rộng và thiếu kế hoạch cụ thể để hướng dẫn thi hành ở địa phương.

3. Thiếu quan điểm quần chúng, không thành khẩn đoàn kết với quần chúng. Không tin ở khả năng của quần chúng nên không chú ý giáo dục, giúp đỡ họ để họ làm việc. Cũng như không biết đề cao quần chúng trong việc thi hành chủ trương khoan hồng cho những người trước kia đã có lỗi với quần chúng mà nay biết hối cải.

4. Việc kiểm tra đôn đốc thực hiện chính sách không ráo riết để kịp thời sửa chữa những khuyết điểm trong lúc thi hành, nên đến khi thấy khuyết điểm đã bộc lộ mới tìm cách đối phó (việc các ông chủ tịch ba huyện ở Lào Cai xin từ chức).

III- SỬA CHỮA NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM TRÊN NHƯ THẾ NÀO?

Các cán bộ và các cấp uỷ Đảng phải nghiên cứu học tập để thấm nhuần chính sách toàn dân đoàn kết của Đảng theo những điểm dưới đây:

1. Thấu triệt chính sách của Đảng hiện nay là “thực hiện chính sách đại đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, vận động nhân dân ủng hộ và tham gia kháng chiến để đưa cuộc kháng chiến mau đến thành công” trên tinh thần “lấy chính trị, vận động thuyết phục nhân dân làm căn bản”.

2. Thấm nhuần chủ trương khoan hồng của Đảng. Chủ trương khoan hồng của ta là để mở một con đường thoát, con đường cải tạo cho bản thân người được khoan hồng nhưng nó còn tác dụng vận động cho những kẻ còn mù quáng theo giặc chưa quy thuận Chính phủ có một con đường thoát, con đường quay về với Tổ quốc.

Nhưng khoan hồng phải có mức (thí dụ: tội đáng tử hình

thì xuống chung thân, hoặc chung thân thì xuống khổ sai, 2, 30 năm, v.v.), khoan hồng phải phối hợp với uy của chính quyền và nhân dân, làm cho người được khoan hồng nhận rõ lòng rộng lượng của Chính phủ, của nhân dân. Phải khuất phục trước nhân dân chứ không phải được quyền, được địa vị rồi lại coi khinh hoặc đàn áp nhân dân. Nhưng phải tránh thành kiến với họ, chú ý giáo dục cải tạo cho họ để họ có thể gột rửa những tàn tích cũ mà tích cực tham gia kháng chiến. Đối với những kẻ đã hối cải quay về với Chính phủ lại làm được công to thì không những ta khoan hồng cho họ mà còn khen thưởng họ nữa. Mặt khác cần nhận rõ: thi hành chủ trương khoan hồng với những người lầm đường biết hối cải xét ra lợi cho kháng chiến thì đồng thời đối với những kẻ đã phạm nhiều tội ác với nhân dân và xét ra có nguy hại cho kháng chiến thì phải kịp thời kiên quyết trừng phạt.

MẤY ĐIỀU CỤ THỂ CẦN CHÚ Ý THI HÀNH

1- Đối với những người đã cùng ta chống Pháp từ trước đến nay, vì tài sản của họ bị giặc cướp phá nay bị túng quẫn thì cấp bộ địa phương phải giúp họ phương tiện sinh sống (như ông Thào Seo Câu ở Hoàng Su Phì, các ông Lù Đức Quang, Lạc Vĩnh Tường ở Lào Cai, v.v.). Mặt khác phải gần gũi, dìu dắt để giúp đỡ họ tiến bộ và các công việc phải thảo luận, hỏi ý kiến họ để họ nhận rõ sự thành khẩn đoàn kết của ta. Ta phải nhận rằng những người này nếu ta dùng đúng khả năng của họ, họ sẽ có một tác dụng lớn trong việc đoàn kết nhân dân địa phương để kháng chiến.

2- Đặc biệt ở vùng miền núi phải căn cứ vào trình độ giác

ngộ thực tại của quần chúng và ý nguyện của đại đa số nhân dân mà thi hành chính sách đại đoàn kết cho đúng. Thái độ đoàn kết phải thích hợp với trình độ giác ngộ của nhân dân tránh bệnh nhận xét hẹp hòi, làm việc bao biện.

3- Các nơi thành phần dân tộc phức tạp thì chính quyền địa phương phải điều hoà được các thành phần đó, và nhất là phải chú ý đến thành phần dân tộc, không nên chỉ chọn lọc những người biết chữ, thạo việc rồi không chú ý đến những người thuộc các thành phần dân tộc khác.

4- Ở những vùng mới được giải phóng nhất là những vùng miền núi mà cơ sở của ta còn yếu, ảnh hưởng của bọn cầm quyền cũ còn nặng, ta có thể tạm thời dùng những người tương đối còn uy tín trong nhân dân (tổng giáp, ma phái, thổ ty, v.v.) ra làm việc. Nhưng điều căn bản là cốt để bắc cầu liên lạc với nhân dân, xúc tiến công tác vận động quần chúng cơ bản của ta. Đồng thời tiến hành công tác giáo dục cho họ.

5- Kiểm điểm việc thi hành chủ trương khoan hồng, sửa chữa những khuyết điểm. Xúc tiến việc cải tạo, giáo dục cho những người được khoan hồng. Đặc biệt những nơi vì thi hành chủ trương khoan hồng không đúng mức, để bọn phản động vẫn ngầm hoạt động mà xét ra có hại cho kháng chiến, nhất là khi địch đang trở lại thì phải có kế hoạch đối phó cho kịp thời.

Ngoài việc khoan hồng cho những người có lỗi nay quy thuận, Chính phủ cần phải chú ý đề cao nâng đỡ và khen thưởng cho những người có công trong cuộc kháng chiến.

Nhận được Chỉ thị này, các cấp uỷ Đảng cần nghiên cứu kỹ từng đoạn, từng câu, kiểm thảo lại sự thi hành chính sách này của Đảng ở địa phương mình từ trước đến nay (nhất là những vùng mới giải phóng) và kiên quyết khắc phục những

khuyết điểm để làm cho khối đoàn kết toàn dân ngày càng vững mạnh.

Chỉ thị này không những phải thấm nhuần trong các cán bộ chỉ đạo ở các cấp Đảng bộ mà còn phải thấm nhuần vào từng cán bộ, từng đảng viên.

Mong các đồng chí tích cực thi hành và báo cáo kết quả về Liên khu uỷ.

BAN THƯỜNG VỤ KU¹⁾ VIỆT BẮC
PHÓ BÍ THƯ
VŨ DƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

1) KU: Khu uỷ (B.T).

CHỈ THỊ
CỦA LIÊN KHU ỦY VIỆT BẮC
Ngày 21 tháng 9 năm 1951
Về việc phá âm mưu lập khu không người
của địch

SỰ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỊCH LẬP “KHU KHÔNG NGƯỜI”
TRONG LIÊN KHU VIỆT BẮC

Từ tháng 7-1951, địch thực hiện kế hoạch lập “Khu không người” ở Liên khu Việt Bắc dọc theo phòng tuyến trung du từ Đông Triều về Vĩnh Yên. Chúng bắt dân bỏ nhà cửa, ruộng vườn, gánh thóc lúa đến ở tập trung quanh các vị trí cốt đồn vào sâu trong vùng hậu địch, bỏ trống một khoảng rộng từ 5 đến 10 cây số không có người ở ngăn giữa ta và địch. Hiện nay chúng đã dồn được một số lớn làng ở dọc đường 18 quanh các vị trí Đông Triều, Tràng Bạch, vùng Nam Sách, vùng tạm bị chiếm của Sơn Động (xung quanh các vị trí Cẩm Lý, chợ Xá, ...¹⁾) dọc đường số 13 từ Lục Nam đến Bắc Giang. Ở Bắc Ninh thì trong những xã Tam Giang, Đông Tiến, Dũng Liệt, Tân Đệ thuộc Yên Phong (ở đây còn

1) Tài liệu có hai từ bị mờ (B.T).

đương tranh đấu giành co), một số xã quanh vị trí Cầu Xay (Kim Anh) và ít làng nữa ở vùng Bình Xuyên, thái độ của giặc rất tích cực. Bắt đầu chúng cho nguy quyền thông tri cho dân chúng biết việc làm của chúng, nói trắng ra “đi theo chúng thì đến ở gần vị trí để chúng bảo vệ, theo kháng chiến thì ra vùng tự do mà ở”. Sau đó 5, 3 ngày, có nơi qua một thời gian lâu, chúng dùng áp lực quân sự bắn đại bác vào các làng, tập trung lực lượng càn quét (ở Bắc Ninh có lần chúng dùng đến 3000 quân đi càn một xã) bắt ép dân phải gồng gánh của cải đi theo chúng ngay; chúng định trong một thời gian nhất định nhân dân phải đi hết. Giặc dùng đến phương pháp đốt nhà, lấy trâu bò, cướp của cải để dồn dân.

Nhân dân rất căm phẫn trước hành động dã man của địch, tiếc nhà cửa ruộng nương nhưng vì bị địch uy hiếp buộc lòng phải đi theo chúng.

NHẬN XÉT ÂM MƯU ĐỊCH

Trung ương đã nhận định mục đích của địch lập ra “Khu không người” là để:

- 1- Bao vây kinh tế ta, ngăn cản sự chuyển vận thóc gạo từ vùng tạm chiếm ra vùng tự do.
- 2- Bảo vệ các phòng tuyến của chúng, đề phòng các cuộc tấn công của chủ lực ta từ ngoài đánh vào.
- 3- Cô lập vùng tạm bị chiếm, tạo các điều kiện thuận tiện để thực hiện triệt để kế hoạch càn quét phá hoại cơ sở chính trị và quân sự của ta hòng bình định vùng tạm bị chiếm để thực hiện việc tổng động viên bóc lột tài sản của nhân dân.

Rồi đây, địch sẽ tích cực thực hiện kế hoạch, có thể chúng

sẽ phát triển “dải không người” suốt từ Việt Trì đến Quảng Yên, giặc sẽ ken thêm vị trí để dễ kiểm soát. Tổ chức những đội quân tuần tiễu đi phục kích. Chúng làm được sẽ gây cho ta nhiều trở ngại.

Nhưng địch cũng gặp nhiều khó khăn, không giải quyết được vấn đề làm ăn, sinh sống của nhân dân. Nhân dân tha thiết với ruộng vườn, lòng căm hờn quân giặc mỗi ngày một cao sẽ kiên quyết tranh đấu phá kế hoạch của chúng.

NHẬN ĐỊNH SỰ HOẠT ĐỘNG ĐỐI PHÓ CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Sự hoạt động của ta để phá âm mưu của địch nói chung là yếu. Nhân dân không được chuẩn bị về mọi mặt để kiên quyết tranh đấu chống địch. Nhiều xã ở Bắc Giang đã làm theo kế hoạch của địch một cách dễ dàng. Ở một số xã tỉnh Quảng Yên nhân dân thấy giặc khủng bố ráo riết trong một vài thôn, không tích cực chống lại âm mưu giặc nữa.

Hoạt động quân sự chặn đánh tiêu hao địch, che chở cho nhân dân ở khắp mọi nơi đều kém.

Phần lớn các chi bộ lúng túng trong việc đối phó.

Nhiều Huyện uỷ và Tỉnh uỷ chưa nắm sát được tình hình diễn biến nên không nhận được kịp thời âm mưu của địch, hướng dẫn tranh đấu cho cấp dưới chậm (Bắc Giang và Vĩnh Phúc không thấy có chỉ thị để đối phó).

Không có sự hành động phối hợp với những địa phương lân cận.

CHỦ TRƯỞNG ĐỐI PHÓ CỦA TA

Chủ trương của ta là phải lãnh đạo nhân dân *tích cực tranh đấu phá tan âm mưu thâm độc của địch*.

Căn cứ vào chỉ thị của Trung ương và những chủ trương kinh nghiệm đối phó của các tỉnh trong thời gian vừa qua, Liên khu uỷ vạch ra chủ trương đối phó chung như sau:

1- Tuyên truyền vạch âm mưu và hành động dã man của địch, giải thích cho nhân dân biết rõ những cảnh cực khổ nếu địch dồn làng để nhân dân quyết tâm bảo vệ quê hương, không chịu rời bỏ ruộng đất tài sản. Việc tuyên truyền giải thích phải làm cho được sâu rộng để nâng cao ý thức giác ngộ của nhân dân, đưa đông đảo nhân dân lên mặt trận tranh đấu, phát động phong trào nhân dân chiến tranh thật rộng rãi.

2- Đẩy mạnh du kích chiến tranh. Tránh khuyết điểm trong thời gian qua ta chưa hoạt động quân sự mạnh để phá âm mưu địch. Phải tích cực hoạt động quân sự để chống càn quét của địch, bảo vệ nhân dân.

- Bố trí chặn đánh địch ở khắp ngã làm cho chúng đến đâu cũng gặp sức chống cự của ta và bị thiệt hại.

- Tuỳ theo hoàn cảnh và địa hình, địa vật từng nơi mà thành lập các làng chiến đấu tạo điều kiện cho bộ đội chiến đấu mạnh mẽ.

- Bộ đội địa phương phối hợp tác chiến mạnh nhằm tiêu diệt một phần lực lượng địch, và diu dắt cho quân du kích xã đánh giặc giữ làng.

3- Tuỳ tình hình cụ thể mà phối hợp tranh đấu giữa các xã lân cận nhau với những hình thức thích hợp: những xã

đương bị dồn, những xã có dân bị dồn đến, những xã xét thấy tương lai sẽ bị dồn, những xã lân cận.

4- Ra sức củng cố cơ sở Đảng và cơ sở quần chúng cho thích hợp với hoàn cảnh, khi tập trung, khi phân tán. Trong mỗi trường hợp cán bộ và đồng chí phải đi sát với nhân dân, sẵn sàng giúp đỡ sinh hoạt hàng ngày, dìu dắt nhân dân tranh đấu.

5- Tích cực tranh đấu không phải là rút lui non, nhưng cũng không phải là tranh đấu quá tả.

Nếu để nhân dân làm theo địch dễ dàng, tinh thần cầu an phát triển, địch sẽ mau chóng thực hiện được kế hoạch của chúng hết xã này đến xã khác, sẽ gây cho ta rất nhiều khó khăn, nhưng nếu ta lãnh đạo tranh đấu quá tả, quần chúng không theo kịp, không đủ tinh thần chịu đựng trước sự tấn công của địch thì cuộc tranh đấu thất bại nặng, cơ sở bị tan vỡ, phong trào sẽ rất khó phục hồi.

Phải lãnh đạo đúng mức để cuộc tranh đấu được bền bỉ tiếp tục và một ngày một vững chắc rộng khắp.

KẾ HOẠCH TRANH ĐẤU CHO TỪNG VÙNG

Những xã bị dồn:

- Nhất định đòi ở lại, bỏ ruộng đất sẽ không có gì sinh sống, có thể lôi kéo cả tề cùng tranh đấu.

- Tổ chức cơ sở Đảng và các tổ chức quần chúng để khi tập trung, khi phân tán vẫn nắm vững được nhân dân, đi sát được với nhân dân.

- Cất giấu tài sản, có thể chuyển ra vùng tự do.

- Đào hầm bí mật và nhiều hầm tránh máy bay, đại bác.

- Bố trí đánh địch bằng mọi hình thức khi địch cần quét.

- Về chính trị có thể dùng cách hợp pháp bằng hình thức để các cụ già, phụ nữ lên kêu ca với bọn bù nhìn hoặc bọn đồn, khất lân, kêu ca không có ăn, v.v..

- Trường hợp bị chúng khủng bố quá đến mức dân không chịu được nữa thì phân tán sang các làng xung quanh rồi khi giặc đi lại trở về làm ăn (phải chuẩn bị trước để giữ vững liên lạc).

- Nếu địch đến đóng ở nơi đó không cho dân trở về thì tranh đấu đòi đi lại làm ăn rồi lại dần dần trở về ở hẳn.

- Nếu nơi đó là đường giao thông quan trọng của ta mà trường hợp dân phải đi cả thì cũng phải để một bộ phận du kích bí mật ở lại để điều tra tình hình và giữ đường liên lạc.

Những xã lân cận:

Nói chung là phải tranh đấu phối hợp bằng nhiều hình thức thích hợp như đưa lực lượng vũ trang bố trí chặn đánh địch khi địch đến khủng bố những xã kia, hoặc quấy rối, đánh đồn để phân tán lực lượng của địch, hoặc bằng hình thức biểu tình phản đối hành động dã man của giặc.

Đối với những xã có dân các nơi dồn đến thì phối hợp tranh đấu kêu ca chặt chẽ, thiếu nhà, thiếu nước, v.v..

Đối với các xã tương lai cũng sẽ bị dồn thì tích cực chuẩn bị về mọi mặt để tranh đấu tích cực một khi địch đến dồn.

Ban Thường vụ Liên khu uỷ nêu ra những điểm chung để các tỉnh căn cứ thi hành và trong khi đối phó cần chú ý:

- Tích cực tranh đấu phá kế hoạch thâm độc đó của địch.

- Phối hợp tranh đấu giữa các địa phương lân cận, phối hợp các hình thức tranh đấu.

- Giữ vững cơ sở để tranh đấu liên tục.

- Bảo vệ tài sản nhân dân, sẵn sàng đời sống hàng ngày.
- Các Tỉnh uỷ phải trực tiếp lãnh đạo, nắm vững tình hình, đối phó kịp thời và thường xuyên báo cáo cho Liên khu uỷ, chú ý rút kinh nghiệm để phổ biến chung.

T/L BAN THƯỜNG VỤ LKU VIỆT BẮC
KHU ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC
HOÀNG HỮU NHÂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA LIÊN KHU ỦY III**

Ngày 7 tháng 6 năm 1951

**Về việc tổ chức một cuộc thi đua phát triển
du kích chiến tranh bảo vệ mùa màng**

Để khuyến khích thắng lợi hè và kết hợp với hoạt động của chủ lực, Khu uỷ quyết định tổ chức một cuộc thi đua phát triển du kích chiến tranh, bảo vệ mùa màng.

Ý nghĩa cuộc thi đua này cũng không ngoài mục đích của “kế hoạch hè” mà chỉ là tranh thủ thời gian đẩy mạnh việc thực hiện kế hoạch phát triển du kích chiến tranh, bảo vệ mùa màng của khu và của tỉnh.

Để đạt được mục đích, các cấp bộ phải:

- 1- Tổ chức gặt hái và cất giấu;
- 2- Chống càn quét và bảo vệ gặt;
- 3- Chống thu thóc, thu thuế, phá hoại thóc của địch;
- 4- Tỉnh tổ chức những đại đội mạnh;
- 5- Huyện tổ chức đại đội độc lập và trung đội võ trang tuyên truyền;
- 6- Xã, thôn, củng cố võ trang cho du kích.

PHƯƠNG CHÂM

- Kết hợp chặt chẽ hai việc phát triển du kích chiến tranh, bảo vệ mùa màng, việc nọ bồi bổ cho việc kia.
- Tránh những việc làm hình thức, hội nghị nhiều tốn thì giờ, phí nhân công.

PHƯƠNG PHÁP

- Không tổ chức Ban thi đua. Các cấp bộ trực tiếp làm.
- Phổ biến chỉ thị nhanh chóng xuống xã, thôn.
- Động viên và huy động toàn thể quân, dân thực sự tham gia (cán bộ và nhân viên phải làm gương).
- Theo dõi và khen thưởng kịp thời.
- Phổ biến kinh nghiệm nhanh chóng.
- Ngày phát động phải làm cho thực rầm rộ bằng những việc thực tế.

Khẩu hiệu:

- Củng cố du kích xã, tăng cường bộ đội địa phương.
- Tích cực chống càn quét.
- Gặt nhanh.
- Giấu kỹ.
- Không để một hạt thóc vào tay địch.

Đơn vị thi đua: Thôn.

Thời gian thi đua: từ ngày 12-6 đến 30-6-1951.

Thời gian phổ biến Chỉ thị:

- Ngày 7-6 Chỉ thị này xuống đến tỉnh.
- Đêm 7-6 tỉnh nghiên cứu theo kế hoạch để 8-6 đưa xuống huyện.

- Tối 8-6 huyện đưa xuống xã.
- Ngày 9-6 xuống xã.
- Đêm và ngày 10 và 11-6, thôn thảo luận kế hoạch và tổ chức thi hành.
- Tối 12-6 phát động.

Cuộc thi đua này rất là quan trọng. Nếu chúng ta không thực hiện được thì có thể có ảnh hưởng tai hại cho mọi mặt công tác của chúng ta sau này.

Vậy các cấp bộ phải chú ý tranh thủ thời gian thực hiện cho bằng được.

Chú thích: Chỉ thị này phải trực tiếp đưa xuống xã, thôn kèm theo kế hoạch của tỉnh. Huyện xuống thẳng xã, thôn, phổ biến và tổ chức hướng dẫn thi hành.

BAN THƯỜNG VỤ L.K.U. III¹⁾

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

1) L.K.U.III: Liên khu uỷ III.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA LIÊN KHU ỦY III
Về xây dựng lực lượng võ trang
và bán võ trang trong Liên khu**

**I- MẤY NHẬN XÉT VỀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG
VÕ TRANG VÀ BÁN VÕ TRANG TRONG LIÊN KHU**

Thời gian vừa qua việc xây dựng lực lượng võ trang và bán võ trang tuy có một vài nơi khá nhưng nhìn chung Liên khu có nhiều khuyết điểm và nhược điểm sau đây:

A. Dân quân du kích

- 1- Nhẹ về xây dựng dân quân du kích.
- 2- Chi bộ xã chưa nắm vững dân quân du kích.
- 3- Lực lượng Đảng bị hao mòn.
- 4- Các tổ chức quần chúng luôn luôn bị xộc xệch.
- 5- Kém kết hợp giữa ngành quân sự và dân quân để xây dựng lực lượng.
- 6- Không căn cứ vào hoàn cảnh từng nơi để xây dựng lực lượng.
- 7- Bộ đội địa phương tỉnh, huyện yếu có ảnh hưởng đến việc dìu dắt dân quân du kích.

8- Dịch phát triển hương đồn, tháp canh và luôn luôn cần quét làm cản trở đến việc xây dựng lực lượng của ta.

B. Bộ đội địa phương

1- Tổ chức hình thức: chỉ chú trọng cơ quan chỉ huy to, nhưng chất lượng bộ đội và cơ sở dân quân du kích kém, ít chú trọng đến dân quân du kích bí mật, ít chú ý đến giáo dục chính trị và huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật.

2- Xây dựng bộ đội địa phương xa cơ sở.

3- Xây dựng bộ đội địa phương ít chú ý đến quá trình chiến đấu của đội viên tiến từ du kích trở lên.

4- Tuyên truyền động viên kém hoặc không kịp thời, đào tạo cán bộ theo hướng chính quy.

5- Bộ tư lệnh chính quy chỉ chú trọng đến các trung đoàn, ít chú ý đến các tỉnh đội. Trong khi đó phòng dân quân ít giúp đỡ các tỉnh. Tháng 2-1951 bộ tư lệnh địa phương quyết định thành lập trung đoàn bộ Thái Bình - Hải Dương không sát. L.K.U¹⁾ thiếu kiểm tra đôn đốc ngành quân sự mãi đến Hội nghị 9-1950 mới đề ra việc xây dựng dân quân du kích xã và đại biểu Hội nghị đầu năm 1951 đề ra việc mở rộng khu tự do trong lòng địch nhưng vẫn còn hiện tượng thiếu đôn đốc theo dõi.

**II- HỘI NGHỊ LKU HỌP TỪ 5-8 ĐẾN 10-8-1951
QUYẾT ĐỊNH VIỆC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VÕ TRANG
VÀ BÁN VÕ TRANG NHƯ SAU**

A- Xây dựng dân quân du kích

- Căn bản là dân quân du kích thôn, hạn chế việc tập

1) L.K.U: Liên khu uỷ (B.T).

trung để khỏi hại đến việc tăng gia sản xuất và nhân dân phải đóng góp nhiều. Khi cần thiết thì những nơi sát địch bị uy hiếp thì mới được tập trung một vài ngày để tác chiến hoặc huấn luyện, do quỹ xã phải trợ cấp.

- Cơ sở dân quân du kích tiến từ cơ sở chính trị, lớn nhất là cơ sở nông dân.

- Tổ chức dân quân du kích rộng rãi, chú trọng tổ chức bí mật, không được thoát ly địa phương.

- Muốn xây dựng dân quân du kích cần nhất phải huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật và giáo dục chính trị.

- Phải đả phá tư tưởng bộ phận, từng ngành, không nghĩ đến lợi ích chung là đẩy mạnh nhân dân quần chúng lên trình độ cao nhất là võ trang tranh đấu. Trái lại làm cho quần chúng hoang mang trong việc tổ chức, mất nhiều thì giờ trong việc sinh hoạt. Muốn như vậy phải liên hệ chặt chẽ giữa ngành quân sự, dân vận và Đảng để đặt kế hoạch cụ thể về sinh hoạt, giáo dục, công tác, cải thiện đời sống cho dân quân du kích, mục đích làm cho họ giác ngộ về chính trị, có đủ khả năng kỹ thuật chiến đấu, đồng thời được cải tổ đời sống để kháng chiến lâu dài. Ngành nọ phải học tập những căn bản công tác của ngành kia, nhất là quy luật thông thường của địch. Thông báo chiến sự phải cho dân vận biết, trái lại tình hình dân cũng cho quân sự biết để cùng thống nhất hoạt động.

- Biên chế dân quân du kích phải linh động, có thể từng tiểu tổ ở những nơi bị địch kiểm soát chặt chẽ, từng tiểu đội đến nhiều trung đội ở những nơi phong trào khá hơn, không biên chế thành đại đội.

Xây dựng dân quân du kích trong Liên khu nhằm ba khu vực khác nhau:

1- Trong các thành phố lớn: Tổ chức lực lượng bán võ trang rộng rãi và bí mật.

- Hình thức tổ chức có thể là các đội xung phong của các giới như: thanh niên xung phong, công nhân xung phong, v.v.. Biên chế theo giới và từng tổ bí mật.

- Đội quân ngầm sẽ nghiên cứu sau.

2- Vùng công giáo.

Căn bản là tiến từ cơ sở chính trị lên cơ sở võ trang và bán võ trang nhưng tổ chức không máy móc, phải dựa vào quyền lợi tâm lý của giáo dân. Phải nắm vững một số trung kiên để làm nhân trong việc phát triển cơ sở. Phải lợi dụng những hình thức tranh đấu chính trị, kinh tế công khai tiến tới tranh đấu võ trang. Đả phá thành kiến với đồng bào Công giáo. Phải có kế hoạch cụ thể cho cán bộ vào vùng hoàn toàn Công giáo để hoạt động.

3- Trong khu du kích và khu căn cứ du kích.

Tuỳ theo hoàn cảnh tổ chức linh động theo những nguyên tắc đã nói trên.

B. Bộ đội địa phương huyện

Căn cứ theo phong trào từng địa phương mà tổ chức cho thích hợp.

- Ở những nơi bị địch kiểm soát chặt chẽ phong trào ta kém thì tổ chức đoàn cán bộ cơ sở phối hợp với cán bộ chính trị. Biên chế không nhất định thành từng tiểu đội, trung đội hoạt động nặng về gây cơ sở chính trị.

- Ở những nơi luôn luôn bị địch kiểm soát ta vào hoạt động tương đối khó thì thành lập đội võ trang tuyên truyền nặng về hoạt động chính trị.

- Ở những nơi cơ sở khá như khu căn cứ du kích thì tổ chức đại đội độc lập.

- Thành phần đội viên phải trải qua quá trình chiến đấu trong hàng ngũ du kích.

- Tổ chức Huyện đội bộ vừa chỉ huy bộ đội huyện vừa chỉ đạo dân quân du kích xã.

C. Bộ đội địa phương tỉnh

Phương châm chính là xây dựng đại đội độc lập tiến tới tiểu đoàn tập trung nhưng phải tùy hoàn cảnh từng địa phương tiến dần và phải có quyết định của Khu mới được thành lập tiểu đoàn.

- Xây dựng tiểu đoàn tập trung phải tiến dần từng đại đội một.

- Việc sử dụng lực lượng chiến đấu cũng tiến dần từng đại đội một.

- Nguyên tắc là xây dựng trong hậu địch vừa hoạt động vừa xây dựng để trưởng thành trong chiến đấu và bám sát cơ sở, khi cần thiết có thể cho từng bộ phận ra khu vực tương đối an toàn để củng cố một thời gian.

- Nơi khó khăn thì xây dựng đại đội độc lập tiến tới đại đội mạnh, tiến tới tiểu đoàn tập trung.

- Khi đã thành tiểu đoàn tập trung nếu gặp hoàn cảnh khó khăn lại phân tán làm đại đội độc lập. Trái lại đang làm nhiệm vụ đại đội độc lập nếu có hoàn cảnh thì kịp thời tập trung để xây dựng và tác chiến.

- Xây dựng cần chú trọng giáo dục chính trị, huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật, trước tiên, chú trọng chất hơn lượng.

- Xây dựng phải thích hợp với hoàn cảnh trang bị cấp dưỡng và phong trào thấp cao từng nơi, từng lúc.

- Thành phần đội viên phải trải qua quá trình chiến đấu ở bộ đội huyện và du kích xã.

- Tổ chức Tỉnh đội bộ để chỉ huy bộ đội tỉnh nếu có D¹⁾ tập trung thì chỉ huy D này và phong trào các huyện.

D. Trung đoàn 42

Biên chế và trang bị theo như chủ lực:

- Xây dựng kỹ thuật, chiến thuật để có thể tác chiến từng tiểu đoàn tiến tới cả trung đoàn.

- Ngay bây giờ sử dụng 2 tiểu đoàn có thể đánh tập trung còn 2 tiểu đoàn có thể tác chiến từng đại đội tiến dần lên.

- Trong khi xây dựng chiến đấu tập trung phải huấn luyện kỹ thuật đại đội độc lập để khi cần có thể phân tán hoạt động.

Khoảng tháng 9-1951²⁾

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

1) D: Tiểu đoàn (B.T).

2) Tài liệu này được ban hành vào khoảng tháng 9-1951 (B.T).

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI LIÊN KHU ỦY III
Tháng 10-1951
Về việc tranh thủ nhân dân, củng cố phát triển
cơ sở

I- NHẬN XÉT VỀ CHỦ TRƯỞNG CỦA TA, ĐỊCH
VÀ TÌNH HÌNH DIỄN BIẾN TỪ ĐẦU NĂM 1951 ĐẾN NAY

Để thi hành âm mưu “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”, địch ráo riết vơ vét, cướp phá của cải, bắt thanh niên, phá cơ sở, với những mưu mô, thủ đoạn xảo trá và một hành động tàn bạo. Ta đã đặt vấn đề tranh thủ nhân dân, chuyển hướng các tổ chức và vận động nhân dân tích cực chống âm mưu của giặc.

1. Địch ra sức vơ vét, cướp phá thóc: tháng 3-1951, chúng ra lệnh phá thóc của nhân dân, chúng đã đổ thóc xuống ao, mang thóc độn đường, cướp thóc đem về vị trí, ác liệt nhất ở Hà Đông, Nam Định, kiểm soát thóc, tập trung thóc ở nhiều nơi, nhưng quyết liệt nhất ở Sơn Tây, tung tiền giả ra đong thóc khắp nơi.

Đối phó lại chúng ta đã kịp thời giải thích sâu rộng âm mưu đó trong nhân dân, các cán bộ đã có kế hoạch vận động

dân gạt chiêm và huy động bộ đội, công chức, cán bộ tham gia vơ vét, vận tải thóc, mở cuộc vận động chống phá thóc sôi nổi trong toàn khu có kết quả nhất là Hà Đông, Ninh Bình. Việc vận động làm mùa thắng lợi, tăng gia sản xuất trên khu rất chú trọng nhưng các tỉnh, các cán bộ chưa tích cực thi hành cho là “việc hàng ngày của dân, không vận động dân cũng làm” nên phong trào không được sôi nổi và kết quả kém.

2. Địch tích cực tranh cướp thanh niên: ráo riết phát triển Hương dũng, Tổng dũng gần hết các thôn trong vùng tạm chiếm, mở nhiều cuộc càn quét để bắt thanh niên về tuyển dụng làm nguy binh rất táo bạo mặc dầu chúng biết trong số bắt được đó có cả đồng chí, quần chúng và bộ đội địa phương của ta. Gần đây chúng ra lệnh “Tổng động viên” để công khai cưỡng bách nhân dân đi lính. Chúng đã trưng tập sinh viên, thầy thuốc trong các thành phố, thi hành việc kiểm soát cư trú để quản thúc nhân dân trong từng vùng để dễ dàng cho việc bắt lính. Chúng ta không kịp thời vạch mặt đạo dụ cướp của giết người đó, chưa đặt vấn đề ráo riết vận động và giáo dục thanh niên chống bắt lính nên phong trào chống bắt lính trong nhân dân chưa được sâu rộng, nên chúng dễ bắt được số lớn thanh niên, nhiều làng thanh niên tình nguyện đi lính nhiều hơn số địch định tuyển mộ. Nhưng về nguy vận ta tiến bộ, nhiều nơi đã gây được thành phong trào nhân dân (Hưng Yên) và gây được những cuộc binh biến ở Thái Bình, phong trào giải ngũ ở Bùi Chu Phát Diệm và một vài cuộc đòi chồng con lẻ tẻ tự động của nhân dân, mặc dầu chưa đầy được phong trào đúng tầm quan trọng của nó.

3. Khủng bố tối dã man, đốt làng triệt ly bán giết để phá cơ sở ta. Sau chiến dịch Biên giới phong trào du kích lên cao đã buộc chúng phải huy động quân ứng chiến, mở những

chiến dịch Meduse, Reptile, Quốc gia, v.v. để tìm phá những khu du kích của ta rất ác liệt. Những khu du kích Tứ Kỳ, Bình Giang, Phủ Dục, Ứng Hoà, Lý Nhân, Bình Lục, Ý Yên, Nam Trực bị triệt phá. Chúng đốt hàng vạn nóc nhà, đốt phá hàng chục vạn tấn thóc, chém giết hàng nghìn người để uy hiếp nhân dân; bắn hàng nghìn viên đại bác, dùng hàng 200, 300 quân để rà hầm tìm người trong một xóm nhỏ 5, 7 ngày liền, càn đi quét lại rất ác liệt.

Ở vùng tạm kiểm soát, chúng phối hợp việc khủng bố bắn giết, gán những cuộc càn quét nhỏ liên tiếp với thủ đoạn dụ dỗ phỉnh phờ, phát sữa, vải, đào giếng, phát thuốc, mua chuộc, mơn trớn một vài kẻ đầu hàng phản bội; cưỡng bách những cán bộ bị bắt viết thư kêu gọi nhân dân, đồng chí, dẫn cán bộ đi càn, cuộc hầm để chia rẽ cán bộ với nhân dân; dụ dỗ mua chuộc, uy hiếp gia đình cán bộ, dùng gia đình cán bộ dụ dỗ cán bộ về hàng; tung gián điệp đi tổ chức chỉ điểm trong các làng tề; tung đám vợ con nguy binh (Hà Nam), dùng các em học sinh hương học làm chỉ điểm (Sơn Tây và một vài nơi Công giáo); phối hợp với việc củng cố phát triển Quốc dân Đảng làm trung kiên trong việc do thám chỉ điểm; phát triển các tổ quần chúng để tranh cướp quần chúng với ta; phát triển Đạo Gia tô, tổ chức Hội Phật giáo, đạo Cao đài để lôi kéo, mê hoặc quần chúng.

Về phía ta, ngay từ đầu năm, chúng ta đã đặt vấn đề chuyển hướng các tổ chức quần chúng theo thành phần giai cấp, củng cố chấn chỉnh các tổ chức quần chúng, thống nhất lực lượng nông dân, kiểm thảo và chuyển hướng chỉ đạo cho các tỉnh nhằm củng cố và phát triển cơ sở, phục vụ chiến dịch. Chúng ta đã đẩy được phong trào tranh đấu lẻ tẻ tự động của nhân dân lên những cuộc tranh đấu lớn có tổ chức,

như tranh đấu chống thuế ở Hưng Yên (3-1951), đắp đê ở Sơn Tây, Thái Bình và Nam Định đem lại thắng lợi lớn cho dân, làm địch phải lúng túng; đã huy động hàng chục vạn dân công, hàng vạn tấn gạo cung cấp cho các chiến dịch. Nhưng việc chuyển hướng tổ chức theo giai cấp, chấn chỉnh tổ chức quần chúng tiến hành chưa được tích cực, kết quả đem lại chưa được mấy. Một trong những mục đích của chiến dịch Quang Trung là tranh thủ nhân dân, củng cố phát triển cơ sở được đà thắng xuống các cấp với những chủ trương, chính sách cụ thể, nhất là chủ trương đối với giáo dân đã được các cấp thấm nhuần. Nên sau chiến dịch, đồng bào Công giáo đã hiểu chính sách của ta hơn, tin ở ta hơn, nhiều người cầu khẩn cho con bị ta bắt và biết tin con bị bắt thì yên trí, vui mừng, đã ảnh hưởng lớn đến việc binh biến ở Thái Bình, phong trào giải ngũ ở Bùi Chu và cơ sở vùng Công giáo cũng phục hồi mau, nhất là Nam Định, Thái Bình, cơ sở nhiều vùng khác cũng được phục hồi, củng cố, mở thêm được khu du kích ở Tả ngạn. Trừ những nơi trực tiếp có chiến trường bị địch trực tiếp khủng bố bắn phá và dọc vòng đai trắng thì cơ sở bị xáo trộn và đôi nơi tan vỡ, một đôi nơi phục hồi chậm chạp, hầu như không có cơ sở như Phúc Thọ, Liên Bảo, v.v..

4. Địch tích cực tuyên truyền xuyên tạc những chiến thắng của ta, đề cao bù nhìn và viện trợ Mỹ, chia rẽ ta với các nước dân chủ. Tuyên truyền tập trung thóc của chúng là “giữ cho dân chống Việt Minh cướp thóc”, “phá thóc của Việt Minh”, v.v.. Với nhiều hình thức diễn thuyết, truyền đơn, phim ảnh, nhiều phương tiện, nên cũng ảnh hưởng đến tinh thần nhân dân vùng đô thị và vùng thôn quê bị tạm chiếm.

Về phía ta, việc tuyên truyền vận động nhân dân rất kém, ta chưa huy động được đồng chí, quần chúng có tổ chức

để truyền truyền vận động nhân dân, hình thức tuyên truyền nghèo mà không linh động, việc phản tuyên truyền địch không được kịp thời. Sách báo lưu hành xuống nhân dân được rất ít; việc tuyên truyền không làm được mấy. Những cuộc sinh hoạt của quần chúng cũng không làm được việc giáo dục mà phần nhiều chỉ bàn những công việc phục vụ trước mắt.

Kết quả hiện nay là:

1- Địch đã phá phách được cơ sở của ta ở một số khu du kích, ở vòng đai trắng, và mấy huyện ở Sơn Tây, Hà Đông, bắt được một số đồng bào, thanh niên đi nguy binh, gây được một phần tư tưởng chuyên thoả hiệp cho một số cán bộ (Hà Đông), và nhân dā vơ vét, phá phách của ta số lớn của cải.

2- Giáo dân hiểu ta, tin ở ta, cơ sở vùng Công giáo phục hồi và củng cố được cơ sở, mở khu du kích ở Hưng Yên, Thái Bình, những nơi bị càn quét cơ sở hẹp lại và sút đi, việc thống nhất lực lượng nông dân chưa làm được, các tổ chức thấp, hợp pháp còn ít.

3- Tinh thần, đời sống nhân dân có sút kém, một số vào vùng địch, tinh thần cầu an vẫn có trong vùng địch, hiện trạng mỗi một đã xuất hiện ở vùng căn cứ, nhưng đặc biệt vẫn tin tưởng ở kháng chiến, ở Chính phủ.

4- Phong trào tranh đấu của nhân dân tiến bộ, từ những cuộc tranh đấu tư tưởng lẻ tẻ đến những cuộc tranh đấu lớn có tổ chức. Phong trào tranh đấu vũ trang ở những khu du kích làm cho địch lúng túng phải dùng ứng chiến đối phó, những cuộc binh biến giải ngũ làm cho hàng ngũ địch hoang mang.

5- Thái độ nhân dân không có gì thay đổi lớn, nhưng chúng ta đã thấy rõ từng lớp hăng hái chiến đấu vẫn là công nhân, bần cố nông, phần tử lừng chừng cầu an thoả hiệp phần nhiều ở trong số tiểu tư sản, phú nông.

Có những kết quả đó là vì:

Chính sách của chúng ta đúng với quyền lợi, nguyện vọng của nhân dân, nên càng ngày dân càng hiểu và gần ta hơn. Cán bộ ta tích cực lăn lộn trong nhân dân, hy sinh anh dũng nên được nhân dân tín nhiệm. Nhưng chúng ta còn mắc những khuyết điểm:

1- Các cấp bộ Đảng vẫn chưa đặt vấn đề dân vận đúng tầm quan trọng của nó, vẫn coi nhẹ và khoán trắng cho một số cán bộ dân vận, chưa huy động được mọi khả năng để vận động tranh thủ nhân dân.

2- Đa số cán bộ ta chưa hiểu rõ, chưa vận dụng được linh động phương pháp, chính sách vận động quần chúng của Đảng, nhiều cán bộ chưa biết và nắm vững, nắm được công tác vận động quần chúng của Đảng. Chính sách vận động quần chúng của Đảng chưa được đả thông.

3- Xa lìa quần chúng, mắc bệnh biệt phái, hẹp hòi, không nhìn rõ khả năng và nguyện vọng của quần chúng để vận động và giáo dục quần chúng, tổ chức quần chúng, hướng dẫn quần chúng đấu tranh đúng mức để bênh vực quyền lợi hàng ngày cho quần chúng. Chưa biết dùng những hình thức linh hoạt, hợp pháp để tập hợp quần chúng, cứ bo bo trong những tổ chức cứu quốc, làm việc mệnh lệnh, thiếu vận động thuyết phục quần chúng.

4- Mắc bệnh chính trị suông, chưa biết việc sản xuất quyền lợi hàng ngày của quần chúng mà vận động quần chúng, lấy những kinh nghiệm đấu tranh của quần chúng mà giáo dục quần chúng, những thành tích của quần chúng để động viên quần chúng.

Sở dĩ có những khuyết điểm trên là vì:

1- Quan điểm quần chúng chưa vững, coi thường quần

chúng, chưa biết lắng nghe nguyện vọng của quần chúng, dựa trên nguyện vọng quần chúng mà giải quyết mọi việc.

2- Chưa nắm vững tư tưởng trường kỳ, vẫn còn tư tưởng ăn ngay trong công tác và tổ chức.

3- Thiếu kiểm tra đôn đốc để kịp thời thấy những sai lầm mà sửa chữa cũng như phổ biến kinh nghiệm.

4- Chủ quan, làm việc thiếu điều tra nghiên cứu.

II- ĐẶT VẤN ĐỀ TRANH THỦ NHÂN DÂN VÀ Củng cố PHÁT TRIỂN CƠ SỞ NHƯ THẾ NÀO?

Trong hoàn cảnh Khu ta, đại bộ phận là vùng địch tạm chiếm, địch chiếm được ưu thế quân sự, có bộ máy nguy quyền, chúng đã dựng được phần nào bộ máy nguy quyền đó để thi hành âm mưu “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”, khống chế một phần tư tưởng nhân dân, ngăn cản sự hoạt động, kìm hãm phong trào du kích chiến tranh của ta. Trong hoàn cảnh đó nếu ta không có cơ sở quần chúng vững chắc và rộng rãi thì mọi hoạt động của ta sẽ ngưng trệ, bế tắc. Địch sẽ tha hồ vơ vét, bóc lột nhân dân để đánh lại ta.

Để thi hành được chủ trương của Trung ương phá âm mưu “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” của địch, biến vùng tạm bị chiếm thành nơi chống lại âm mưu vơ vét của địch, kiềm chế lực lượng địch ngăn cản không cho chúng đánh ra vùng tự do, giành lại khu vực đông người, nhiều của đó, chúng ta phải lấy việc xây dựng và phát triển cơ sở làm gốc, làm chính cốt cho mọi công tác khác, có cơ sở, ta mới giữ được nhân dân, giữ được lực lượng, tạo điều kiện tiến lên vũ trang tranh đấu.

Chúng ta lại phải nhằm vận động, giáo dục, tổ chức quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh bằng mọi hình thức từ thấp đến cao, phối hợp kinh tế, chính trị và quân sự, chống âm mưu vơ vét cướp phá của địch, giành quyền lợi hàng ngày cho quần chúng, tạo điều kiện tiến lên vũ trang tranh đấu tiêu diệt địch, giành lại đất nước, một nhiệm vụ trọng đại chứ không phải cốt nhằm phục vụ một vài việc có tính chất kỹ thuật nhất thời như cung cấp một vài tin tức, giết một vài tên Việt gian, hay chứa trọ cho ta ăn ở đi lại.

Chúng ta cũng phải nhớ rằng đối tượng quần chúng mà chúng ta phải nhằm để vận động đây là cả khối quảng đại nhân dân trong địch hậu, kể cả khối quần chúng hiện đang bị địch trực tiếp kiểm soát, như khối lớn ngụy binh, hương dũng, bảo an, và những lớp lưng chừng cầu an đang nằm trong các thành phố và nông thôn tạm bị chiếm, chứ không phải chỉ bó bó trong một số quần chúng hiện đang ở trong các tổ chức thanh, công, nông, phụ nữ của chúng ta, mà phương hướng chính là công nhân trong các xưởng kỹ nghệ của địch, chị em tiểu thương trong các thành phố, thị trấn và lớp thanh niên trong các trường học, công sở, hương, tổng dũng của địch, mà đặc biệt quan trọng là lớp trung, bản, cố nông đông đảo ở nông thôn, vì có đoàn kết được những tầng lớp nông dân, củng cố vững chắc cơ sở nông thôn mới có thể phát động đấu tranh vũ trang rộng rãi và tiến tới bao vây thành thị tạm bị chiếm.

Để đặt đúng tầm quan trọng các nhiệm vụ tranh thủ nhân dân, củng cố và phát triển cơ sở quần chúng, chúng ta phải đặt nó trước sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành quân, dân, chính, dưới sự chỉ đạo thống nhất của Đảng chứ không phải chỉ khoán trắng cho một số cán bộ dân vận. Đồng thời

các cấp, các ngành phải nắm vững chính sách vận động quần chúng của Đảng để áp dụng vào việc vận động quần chúng hàng ngày.

Cụ thể là:

- Các cấp bộ Đảng đặt vấn đề giải quyết trong các cuộc hội nghị, giao nhiệm vụ rành mạch cho từng ngành và đơn đốc kiểm soát việc thi hành.

- Các ngành dân vận phải theo dõi tổng hợp vấn đề, nghiên cứu kế hoạch vận động trình bày trước cấp uỷ Đảng, hướng dẫn, đơn đốc các đoàn thể quần chúng thi hành quyết nghị của Đảng và Chính phủ, tuyên truyền, tổ chức giáo dục quần chúng, hướng dẫn và tổ chức quần chúng sản xuất và đấu tranh theo quyết nghị của Đảng và Chính phủ.

- Các cơ quan chính quyền phải tận dụng khả năng gần gũi quần chúng để giải thích những chủ trương, chính sách của Chính phủ, tận dụng khả năng của các cơ quan tuyên truyền, giáo dục để động viên, giáo dục quần chúng, chăm lo cải thiện sinh hoạt cho quần chúng nhân dân.

- Mà cốt chính là chỉ uỷ cơ quan chỉ đạo gần quần chúng nhất của Đảng phải trực tiếp làm nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục quần chúng, phổ biến nghị quyết của Đảng trong quần chúng và vận động quần chúng thi hành, trực tiếp bày kế hoạch và lãnh đạo quần chúng nhân dân tranh đấu, các đồng chí đảng viên phải tham gia trong các tổ chức quần chúng để tuyên truyền, giáo dục và lãnh đạo họ, dùng họ để tuyên truyền giải thích chính sách của Đảng trong nhân dân.

III- NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG CHÂM CHUNG

Để đẩy mạnh việc tranh thủ nhân dân, củng cố phát

triển cơ sở, chúng ta phải nắm vững những nhược điểm của địch và tinh thần đang lên của quần chúng đã biểu lộ ra trong những cuộc binh biến, phong trào giải ngũ của vệ sĩ, tranh đấu chống thuế, đắp đê, mà đẩy mạnh nó tiến tới và làm cho được những việc sau đây:

- 1- Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân nhằm gây cảm thù giặc, giáo dục tư tưởng trường kỳ kháng chiến.

- 2- Chấn chỉnh các tổ chức, phát triển tổ chức bất hợp pháp để tập hợp và giáo dục quần chúng, thống nhất lực lượng nông thôn, liên hệ chặt chẽ tổ chức vũ trang và chính trị.

- 3- Lãnh đạo tranh đấu đúng mức để bênh vực quyền lợi hàng ngày cho nhân dân, bồi dưỡng tinh thần tranh đấu cho nhân dân.

- 4- Tích cực cải thiện dân sinh, bồi dưỡng sức dân để dân đủ sức phục vụ kháng chiến thắng lợi.

- 5- Đào tạo cán bộ.

- 6- Chấn chỉnh tư tưởng, nắm vững những ý kiến chỉ đạo của Hồ Chủ tịch mà Trung ương đã căn dặn.

PHƯƠNG CHÂM

- 1- Lấy việc phục vụ quyền lợi quần chúng làm tiêu chuẩn cho việc tổ chức và tranh đấu hàng ngày.

- 2- Khi củng cố tổ chức căn bản phải phát triển những tổ chức thông thường, khi tổ chức những tổ chức thông thường phải phát triển và củng cố những tổ chức căn bản.

- 3- Trong việc đấu tranh phải vận động mọi hình thức cao và thấp, kết hợp được quân sự, chính trị và kinh tế, vũ trang, sản xuất và phải nhằm phục vụ cho cơ sở.

4- Kết hợp mọi hoạt động công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

5- Hình thức tuyên truyền, tổ chức và tranh đấu phải hết sức linh động: đúng lúc, đúng nơi, nhằm có lợi cho nhân dân, lợi cho cơ sở, cho kháng chiến.

NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân

1- Phải coi công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng là công tác chính cốt, căn bản để vận động quần chúng chống những tư tưởng coi thường công tác tuyên truyền giáo dục.

2- Tuyên truyền giáo dục quần chúng nhằm mục đích:

- Gây lòng căm thù giặc và bù nhìn.
- Gây lòng tin tưởng ở kháng chiến, ở Hồ Chủ tịch và chịu đựng gian khổ để kháng chiến.

- Phục vụ kháng chiến, phục vụ bộ đội, yêu thương binh sĩ.

- Hiểu rõ chính sách của ta và tích cực thi hành.

- Chống tuyên truyền xuyên tạc của địch.

3- Nội dung tuyên truyền giáo dục gồm:

- Vạch rõ hành động bán giết, bóc lột, lừa bịp hàng ngày của giặc và bọn bù nhìn, gây lòng căm thù địch trong nhân dân.

- Vạch mặt bọn bù nhìn, chống độc lập giả dối, quân đội tay sai. Phổ biến chủ trương chính sách của Chính phủ, và đề cao Chính phủ ta.

- Chống lại tuyên truyền Mỹ viện trợ, lừa bịp của Mỹ. Nêu rõ sự lúng túng, thất bại của Pháp - Mỹ, đề cao thắng lợi của ta, giáo dục tư tưởng trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi.

- Chống đạo dụ bắt lính, cướp thóc của bù nhìn, động viên giáo dục nhân dân tham gia tranh đấu chống bắt lính, bắt phu, thu thuế, thu thóc và tất cả những hành động phạm đến quyền lợi hàng ngày của dân.

- Giáo dục Chính cương, Điều lệ của Mặt trận và các giới.

- Học tập 10 điều ghi nhớ của Liên - Việt Trung ương.

4- Phương pháp tuyên truyền giáo dục chính:

- Mang những hành động dã man, thâm độc của giặc đối chiếu với đời sống hàng ngày của dân mà phân tách cho dân hiểu.

- Mang những kinh nghiệm tranh đấu thành công hay thất bại của dân, cùng dân phân tách để giáo dục và động viên nhân dân.

- Dùng hình thức truyền khẩu, cán bộ phải lợi dụng mọi trường hợp gần quần chúng nhân dân như gặp gỡ, ăn, ngủ, chạy, họp, v.v. để giác ngộ cho quần chúng, bày kế hoạch cho quần chúng đi nói cho dân nghe.

- Dựa vào phong trào tôn giáo, nghề nghiệp mà phân tách tuyên truyền giáo dục.

- Xuất bản tài liệu hướng dẫn cho cán bộ.

2. Chấn chỉnh các tổ chức cốt cán, thống nhất lực lượng nông thôn, phát triển rộng các hội phổ thông, lợi dụng các hình thức hợp pháp và bán hợp pháp

1- Thống nhất lực lượng nông thôn

Cơ sở:

- a) Trong trường hợp nơi chưa có cơ sở hay có những tổ chức chưa rõ rệt (mới bắt liên lạc).

- Lúc đầu cần phải tổ chức hội phổ thông, như ngũ gia liên bảo, tương tế, để tập hợp quần chúng, nhưng nên lấy

danh nghĩa Nông hội để giáo dục quần chúng dần dần đưa vào Nông hội.

- Chú trọng tiến hành gây cơ sở Nông hội trước nhưng không vì thế mà bỏ các tổ chức khác mà quần chúng ham muốn.

- Khi tổ chức Nông hội có nền nếp thì phát triển Thanh niên Cứu quốc.

- Phụ nữ không có tổ chức nữa, nếu chị em đã tham gia đông đảo vào Nông hội. Nơi nào có tiểu thương hay có địa chủ, tư sản tập trung thì mới tổ chức Liên hiệp Phụ nữ.

b) Trường hợp nơi nào đã có tổ chức tương đối ngăn nắp.

- Tập trung công tác vào việc củng cố và thống nhất Nông hội. Tập trung sự hoạt động vào việc giáo dục, để thống nhất lực lượng nông thôn. Sau đây những tổ chức Thanh niên Cứu quốc vẫn còn và được củng cố, còn tổ chức Phụ nữ Liên hiệp mà thành phần phụ nữ nông dân thì sẽ bỏ khi phụ nữ vào Nông hội hết.

- Hình thức họp Liên-Việt xóm bỏ hẳn, phân chi cá nhân chỉ vận động những anh em nông dân về tổ chức giai cấp còn một số thân hào thì tùy theo nguyện vọng của nó mà tổ chức, có thể vấn đề hình thức phân chi cá nhân do xã phụ trách giáo dục họ về chính sách của Chính phủ và Mặt trận (lấy danh nghĩa Liên-Việt xã để triệu tập họ).

- Công đoàn chỉ tổ chức những nơi tập trung công nhân đứng thành phần (8 tháng sinh sống bằng nghề nghiệp) còn thì để anh em tham gia Nông hội.

- Dân chủ¹⁾ nơi nào đã có thì giáo dục để cải tiến tư tưởng không phát triển vào trung nông, chỉ kết nạp địa chủ, phú

1) Dân chủ: Đảng Dân chủ (B.T).

nông nhưng cũng chỉ phát triển ở những nơi đặc biệt xét ra cần thiết lắm.

- Chú ý: Trường hợp nơi nào địch cần loáng qua một lượt ta vào phục hồi cơ sở thì phải phục hồi theo hình thức các giới cũ để quần chúng khỏi hoang mang. Nơi nào địch chiếm đã lâu, cơ sở tan rã hết hay phải gây lại thì mới coi là nơi chưa có cơ sở.

- Kết nạp thanh niên, phụ nữ vào Nông hội phải do sự giác ngộ của quần chúng mà kết nạp từng cá nhân, chứ không phải chuyển từng khối.

c) Vùng Công giáo hướng phát triển chính là những hình thức thấp, có thể là hình thức kinh tế và tôn giáo để tập hợp quần chúng.

- Ở vùng địch, ngoài những tổ chức thấp ra phải tổ chức Nông hội làm tổ chức cốt cán, nhưng những nơi nhiều tư sản, tiểu thương, có thể tổ chức Thanh niên, Phụ nữ, Dân chủ, v.v. làm cốt cán.

- Vùng tự do nơi Nông hội rộng rãi và tương đối chưa được chặt chẽ, cần phải có trung kiên để làm cốt cán.

- Phải lợi dụng những hình thức sẵn có của tôn giáo mà cử trung kiên vào để cảm hoá dần dần.

Các Ban Chấp hành

Tại xã:

1- Nơi chưa có quần chúng hay mới có liên lạc chỉ định Ban Chấp hành nông dân, trong số thành phần cán bộ có Phụ nữ và Thanh niên. Khi Nông hội đã tổ chức tương đối ngăn nắp, đã tổ chức Thanh niên Cứu quốc mới thành lập Ban Chấp hành Thanh niên Cứu quốc. Còn Ban Chấp hành Liên hiệp Phụ nữ chỉ nơi nào có đông phụ nữ tư sản, địa chủ, tiểu thương mới thành lập.

Nơi nào hiện nay có đủ các Ban Chấp hành thì Thanh niên và Phụ nữ chỉ định cán bộ có năng lực vào Ban Chấp hành Nông hội.

Xuống đến thôn những công tác chung do tổ trưởng Nông dân đứng ra phối hợp với Thanh niên, Phụ nữ và vận động quần chúng để làm.

Lề lối làm việc

- Những cuộc họp của Ban Chấp hành Nông dân, Thanh niên và Phụ nữ phải cử người đến họp và mang nghị quyết về thi hành.

- Thanh niên, Phụ nữ nếu có việc gì thuộc phạm vi hoạt động chung của giai cấp thì phải đến hỏi ý kiến Nông hội và Nông hội phải huy động quần chúng nông dân thi hành.

- Thanh niên và Phụ nữ không được làm việc gì cản trở đến việc thống nhất lực lượng nông thôn. Nông dân có nhiệm vụ theo dõi để đề nghị sửa chữa.

- Thi hành việc chỉ đạo riêng để tiến hành việc thống nhất lực lượng nông thôn.

Sửa đổi lề lối làm việc của Liên-Việt và LHPN¹⁾

- Liên-Việt bỏ hệ thống dọc dần dần và chuyển theo lề lối làm việc của mặt trận thuần túy.

- Liên hiệp Phụ nữ chuyển hướng theo đúng lối làm việc Ban Hội, Ban Mặt trận.

2- Liên hệ giữa tổ chức vũ trang và tổ chức chính trị.

- Tổ chức dân quân phải tổ chức theo đơn vị tổ chức chính trị.

1) LHPN: Liên hiệp Phụ nữ (B.T).

- Còn tổ chức du kích, vận động anh em gia nhập Nông hội tiến tới coi là bộ phận của Nông dân.

- Đối với du kích phải giữ sinh hoạt chính trị, những người nào ở trong du kích mà chưa vào đoàn thể thì vẫn gia nhập Nông hội và Thanh niên Cứu quốc.

- Những cuộc hội nghị của đoàn thể, ngành quân sự cũng phải cử người sang họp với nhau để phối hợp chặt chẽ.

3- củng cố Thanh niên Cứu quốc và phong trào thiếu nhi.

- Những nơi chưa có cơ sở thì tổ chức Nông hội, đã củng cố và phải tiến hành ngay việc tổ chức Thanh niên Cứu quốc.

- Nơi đã có cơ sở, giáo dục ý thức giai cấp để anh em gia nhập Nông hội.

- Thanh niên phải kết nạp thanh nữ vào Thanh niên Cứu quốc.

- Việc củng cố phong trào thiếu nhi, Thanh niên làm chủ chốt, các ngành có nhiệm vụ phối hợp thi hành và phải coi là cùng chịu trách nhiệm chung về phong trào thiếu nhi.

4- Tổ chức các tổ chức thấp, hợp pháp và bán hợp pháp.

- Mục đích: gần gũi quần chúng để tuyên truyền giáo dục quần chúng đem lại quyền lợi thiết thực cho quần chúng.

- Tổ chức không nhất thiết phải có điều lệ, chỉ nên có khẩu ước với nhau.

- Nhằm tổ chức theo nghề nghiệp, phong tục và lợi dụng các tổ chức sẵn có (hợp công, đổi công, đoàn hàng xáo, hội họp, phường lợp nhà, lát sân, hội đi chùa chiêm giúp đỡ nhau...).

- Hoạt động: không cần có sinh hoạt thường kỳ nhưng hoạt động của họ phải có tính chất nghề nghiệp của họ là chính, trong đó ta lợi dụng thời giờ gần họ lấy những việc cụ thể trong nghề nghiệp của họ để vạch tội ác của địch, giải

thích chính sách của ta (nhưng phải khôn khéo đừng để lộ bí mật với tai mắt địch).

- Lãnh đạo: trong các tổ chức thấp, hợp pháp, phải có những quần chúng tốt làm trung kiên và sự trực tiếp chỉ đạo của đồng chí Đảng.

- Trong Khu nên phát triển Hội mẹ chiến sĩ, Đảng đoàn phụ nữ nghiên cứu, Tư lệnh phải giải thích cho bộ đội để tránh thái độ bất lợi cho việc vận động phong trào mẹ chiến sĩ.

5- Lợi dụng các tổ chức công khai.

- Tất cả các tổ chức của quần chúng lập ra hay do địch lập ra không có màu sắc chính trị phải lợi dụng làm cơ sở quần chúng của mình, nắm lấy quyền lãnh đạo, có thể phát triển.

- Những tổ chức chính trị võ trang của địch không phát triển nhưng nếu có quần chúng tham gia, cũng cho người vào để gần gũi quần chúng, cô lập bọn cầm đầu với dân chúng, giác ngộ và nắm lấy quần chúng, dần dần làm tan rã tổ chức, nhưng về mặt khác vẫn phải tiếp tục vạch mặt những thủ đoạn hành động của họ trước dân chúng.

- Những cán bộ cho vào các tổ chức công khai, hợp pháp phải lựa chọn và huấn luyện kỹ càng về công tác bí mật và cách lãnh đạo.

- Phải nghiên cứu luật lệ, thông tư của nguy quyền, nghiên cứu kỹ cách thức tổ chức và sự chỉ huy của các tổ chức của địch, dùng những cái đó để vạch mặt cướp nước của địch và bán nước của bù nhìn nhằm đúng lúc, đúng nơi đưa quần chúng ra tranh đấu với những hình thức hợp pháp.

6- Trong thành phố.

- củng cố và phát triển công đoàn:

+ Nhằm các xí nghiệp của địch.

+ Tổ chức những tổ chức tương tế ái hữu để thu hút quần chúng.

- Phát triển phụ nữ nhằm các chị em tiểu thương:

+ Tổ chức những đoàn nghề nghiệp như đoàn hàng rau, hàng gạo, v.v..

+ Chọn những người tốt đưa vào Liên hiệp Phụ nữ để làm trung kiên trong các tổ chức thấp.

- Phát triển Đoàn Thanh niên:

+ Nhằm các trường học, các công sở.

+ Ở các khu phố nên tổ chức những đoàn riêng, mà nghề sống của họ giống nhau.

+ Lợi dụng các tổ chức đọc sách, đá bóng, ca nhạc sân cỏ.

3. Chống bắt lính

1- Tăng cường chấn chỉnh công tác thanh vận là công tác cốt chính chống bắt lính.

- Củng cố Đoàn Thanh niên Cứu quốc, phát triển các tổ chức thanh niên thấp nhằm mục đích nắm lấy thanh niên, giác ngộ họ, động viên họ tham gia tranh đấu tự bảo vệ lấy mình.

- Chuẩn bị tư tưởng cho đoàn viên thanh niên và cán bộ để trường hợp không tránh được phải đi nguy binh thì gây cơ sở trong đó và lãnh đạo tranh đấu công khai.

- Kịp thời giải thích những thắc mắc của thanh niên trong khi hoang mang, phân vân “có nên đi nguy binh không?”.

- Nêu cao khẩu hiệu chống địch bắt lính trong hàng ngũ thanh niên cả vùng tự do lẫn tạm chiếm.

- Phổ biến tài liệu của Thanh niên và Địch vận¹⁾ in “chống đạo dụ bắt lính của Bảo Đại” trong hàng ngũ nguy binh, hương dũng, tổng dũng.

1) Địch vận: Ban Địch vận (B.T).

2. Gây phong trào toàn dân giữ lấy thanh niên.

- Lợi dụng cảm tình gia đình, kỷ luật gia đình, huyết thống họ hàng, giữ và can thanh niên đi nguy binh và hương, tổng dưng.

- Vận động phụ nữ lên Poste đòi chồng con.

- Vận động viết thư gửi về, làm nản lòng quay về.

- Làm cho nhân dân thấy đi nguy binh, vào hương, tổng dưng là xấu xa nhục nhã, giết hại đồng bào, ô nhục cho gia đình họ hàng.

- Thanh niên, Hội Nông dân, Phụ nữ, Công đoàn phải giáo dục hội viên làm cho họ có trách nhiệm giác ngộ, giữ, đòi thanh niên về. Thi đua giữ thanh niên, giấu thanh niên, đòi thanh niên.

- Phổ biến trong nhân dân những tin nguy binh chết, tan vỡ, những anh em bị bắt được Chính phủ tha.

3- Ở những nơi cơ sở không có hay yếu dạy cho thanh niên cách giả tàn phế, tranh đấu công khai, ví dụ: cứ ở hương dưng, không lên tổng dưng, cứ ở tổng dưng không đi nguy binh, lẩn trốn...

4- Tìm cách phá các cuộc tuyển mộ.

- Việc chính là giáo dục cho thanh niên như trên.

- Tìm mọi cách để phá tuyển mộ, tùy theo hoàn cảnh địa phương để sử dụng hình thức cho đúng, trốn lẩn, cảnh cáo tụi đi tuyển, ra truyền đơn kêu gọi thanh niên.

4. Chống địch cướp phá, tập trung thóc và thu thuế

Nhận xét: Căn cứ vào vụ chiêm vừa qua và dự đoán của Liên khu uỷ về âm mưu của địch thì trong vụ tới, địch sẽ tích cực cướp phá thóc của nhân dân ta.

Chúng sẽ cần quét và đốt phá thóc lúa trong các khu du

kích và các vùng bị uy hiếp, bắt tập trung, bắt kê khai để kiểm soát thóc lúa của nhân dân ở ngay vùng chúng kiểm soát, tung tiền ra đong thóc của dân ở những vùng chúng kiểm soát, ném bom xuống các làng có nhiều thóc ở khu tự do.

Trong thời gian vừa qua, các cấp uỷ đã đặt vấn đề chống phá kho thóc thành vấn đề quan trọng mà nhân dân cũng đã có ý thức để chống lại địch, nhưng đáng chú ý nhất là nhân dân còn coi thường việc địch tung tiền ra đong thóc; trái lại, dân lại còn có ý muốn mang bán để giữ tiền hoặc giữ vàng cho dễ.

- Vùng tự do:

Nhiệm vụ: đề phòng địch oanh tạc.

Kế hoạch: gặt nhanh, cất giấu phân tán xa như vào trong núi nếu có, giữ bí mật các kho thóc, các nơi tập trung thóc.

- Vòng đai và vùng uy hiếp:

Nhiệm vụ: Chống địch cướp phá thóc.

Kế hoạch: Canh gác bảo vệ cho dân gặt.

+ Giải quyết nhân công bằng cách gặt tập đoàn, đổi công, huy động nhân công ở vùng tự do hoặc địch hậu gần đó ra gặt thuê.

+ Đào hầm hố ở ruộng để tránh máy bay đại bác.

+ Gặt xong phân tán gửi ra vùng tự do, các gia đình chỉ để đủ ăn hàng tuần (có khi là mấy gia đình ở liên nhau mỗi nhà mang gửi một nơi nhưng khi lấy về thì mỗi nhà lấy một lượt rồi về cho các nhà khác giặt ăn, đến khi họ đi lấy họ lại trả lại).

- Vùng tạm bị chiếm:

Nhiệm vụ: Chống đong thóc và chống tập trung thóc.

Kế hoạch: Giải thích cho dân có ý thức tranh đấu bảo vệ của cải thóc lúa của mình bằng cách mang đạo dụ của Bảo

Đại và các thông tri phá thóc của địch để giải thích cho nhân dân nhận rõ âm mưu thâm độc của địch và nhắc nhở lại nạn đói năm 1945.

+ Vận động nhân dân phân tán, cất giấu thóc lúa.

+ Dùng các hình thức tranh đấu hợp pháp để chống kê khai hoặc khai man.

+ Vận động dân viết thư (nhất là gia đình nguy binh) kêu gọi nguy binh không cướp phá thóc lúa của dân, (không thi hành mệnh lệnh cướp phá, tập trung của địch).

- Tích cực phá càn.

5. Xúc tiến việc vận động giảm tức, tiếp tục vận động giảm tô

Chủ trương và đường lối về vấn đề giảm tô, giảm tức của Trung ương đã nêu ra trong Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 5-11-1950 nay kiểm điểm lại trong thời gian gần đây nhiều nơi vẫn còn phạm những sai lầm như sau đây:

1- Từ tả sang hữu: Trước coi tất cả các người có ruộng cho cấy tô như nhau thì nay đối với trung nông lại không đặt thành vấn đề vận động nữa (Tỉnh uỷ Hưng Yên), hoặc có đôi nơi trong vùng bị tạm chiếm, vùng du kích có điều kiện thi hành nhưng cũng không đặt thành vấn đề (Vụ Bản, Ý Yên, Nam Định).

2- Tá diên chây lười với việc nộp tô cho chủ điền, hoặc Ban giảm tô, giảm tức làm phiền phức cho địa chủ nhiều để họ ca thán (một vài nơi thuộc Nho Quan, Gia Viễn).

3- Việc giảm tô ở vùng tự do cho tới nay vẫn chưa hoàn thành.

4- Việc làm giấy lĩnh canh sau khi đã giảm tô nhiều nơi vẫn chưa chú ý.

5- Trong việc giảm tô, giảm tức thường dùng mệnh lệnh nhiều, vận động thuyết phục ít và cũng ít chú ý giải thích cho nông dân có ý thức đòi giảm cho đúng mức. Việc vận động giảm tức nhiều nơi vẫn còn coi nhẹ chưa đặt thành vấn đề.

Nhiệm vụ: Sửa chữa những sai lầm trên để đẩy mạnh việc thực hiện chỉ thị hoàn thành giảm tô, thực hiện giảm tức của Trung ương.

Kế hoạch:

a) Phải nhận rõ đối tượng của vấn đề giảm tô, giảm tức là địa chủ nhưng đối với các tầng lớp phú nông và trung nông có ruộng cấy tô hoặc có tiền cho vay nợ lãi thì cũng phải nhấn nại thuyết phục để họ vui lòng giảm.

b) Trong khi giảm tô phải bảo đảm cho cả hai bên thi hành đúng chủ trương của Đảng, chủ điền phải giảm tô cho tá điền, tá điền phải nộp đủ cho địa chủ sau khi đã được giảm.

c) Căn bản của vấn đề giảm tô, giảm tức là phải giáo dục cho nông dân có ý thức đòi giảm đúng mức, thuyết phục chủ điền vui lòng giảm là chính, dùng mệnh lệnh bắt buộc là phụ.

d) Sau khi đã giảm tô xong phải xúc tiến việc làm giấy lĩnh canh để đảm bảo quyền cày ruộng cho tá điền và ngăn ngừa các mảnh khoé khác của địa chủ.

e) Đối với các nơi có trâu bò cho nuôi rẽ, hoặc cho nuôi rồi thu tô hằng năm thì cũng phải vận động cho họ giảm nhẹ sự bóc lột cho nông dân nhưng cũng không nhất thiết theo Sắc lệnh giảm tô hay giảm tức mà phải dựa trên tinh thần là làm thế nào cho nông dân do bị bóc lột mà vẫn có trâu để cày.

g) Trong vùng du kích việc giảm tô, giảm tức vẫn phải tiến hành đúng mức, vùng tạm bị chiếm cần phải khôn khéo hơn, cần phải căn cứ vào phương châm lãnh đạo trên mà tổ

chức và lãnh đạo tranh đấu nhưng cần phải giữ đường đoàn kết nông thôn để tập trung mũi nhọn vào địch nên:

+ Đối với địa chủ trung lập, có cảm tình kháng chiến thì kiên nhẫn vận động họ vui lòng giảm tô theo Sắc lệnh của Chính phủ.

+ Với địa chủ theo địch nếu đủ điều kiện (phong trào, cơ sở, sự lãnh đạo) có thể lợi dụng hình thức hợp pháp đấu tranh đòi giảm (thông tư của địch, v.v.). Nhưng phải sáng suốt lãnh đạo và giải thích cụ thể cho nông dân hiểu *do sức đoàn kết đấu tranh*, chủ trương đúng của cuộc tranh đấu.

6. Vận động lãnh đạo tăng gia sản xuất

Nhiệm vụ:

- Hoàn thành vụ mùa chuẩn bị cấy chiêm vào trong mùa xuân.

- Giải quyết nhân công:

Vùng tự do

+ Đẩy mạnh phong trào đổi công, vận động nhân dân làm thêm giờ ở miền núi.

+ Phát triển các tổ chức hợp công, đổi công để giải quyết một phần nào nạn thiếu nhân công cho nhân dân.

+ Trong khi huy động dân công phải chú ý theo thời vụ và khi cần huy động nhiều cũng phải chú ý điều hoà, để có người ở nhà cày cấy, tránh tình trạng huy động dân công tất cả làm lỡ việc gặt như chiến dịch Quang Trung vừa qua.

+ Trong vùng địch, hình thức hợp pháp tranh đấu chống di phu để lấy nhân công cày cấy. Đồng thời cũng phát triển các hội hợp, đổi công để giải quyết nạn thiếu nhân công.

- Giải quyết vốn cho dân cày cấy:

+ Việc chính là khơi vốn ở trong nhân dân. Chính quyền và Nông hội xã vận động những gia đình có tiền, hoặc cho dân nghèo vay làm vốn.

+ Nơi nào có quỹ nghĩa xương, tương tế thì dùng quỹ đó cho nhân dân vay vốn.

+ Việc cấp vốn của Chính phủ thì nên nhằm vào những nơi ta mới tạm cấp ruộng đất; hợp tác xã, tập đoàn sản xuất cho vay trước và việc cho vay phải kịp thời vụ.

+ Ngoài ra trong vùng địch, vận động nhân dân tranh đấu đòi địch cho vay.

Trâu bò, dụng cụ

+ Vùng tự do đẩy mạnh sản xuất nông cụ, đã tổ chức, giúp đỡ các lò rèn để sản xuất nông cụ.

+ Trong địch hậu, vận động tranh đấu và đòi địch bán trâu bò, dụng cụ cho dân.

+ Tổ chức lại những nơi sản xuất nông cụ trước.

Động viên sản xuất

+ Đả phá quan niệm cho là không phải vận động nhân dân sản xuất của cán bộ, mỗi cán bộ đều phải hiểu rõ và nhận nhiệm vụ tuyên truyền động viên nhân dân sản xuất.

+ Tổ chức hội nghị bầu “Chiến sĩ nông nghiệp” để kết thúc vụ mùa và động viên vụ chiêm ở các thôn xóm.

+ Tổ chức hội nghị sản xuất ở các căn cứ khu, tỉnh, huyện với các xã để lập chương trình sản xuất cho từng huyện, từng tổ và căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể giải quyết những khó khăn về vốn, nhân công và nông cụ.

Trong vùng du kích, việc bầu chiến sĩ nông nghiệp phải

đơn giản và chú trọng những thanh niên sáng kiến bảo vệ, cất giấu làm tiêu chuẩn.

7. Đào tạo cán bộ

- Đào tạo, huấn luyện cán bộ xã nhằm nắm bước công tác, Chính cương, Điều lệ, của Mặt trận và các giới, chính sách nông thôn.

- Huấn luyện cán bộ huyện và tỉnh nhằm chính sách, phương châm chỉ đạo chung của Đảng, lý luận dân vận chung và riêng các giới, nắm bước công tác.

- Khu phải huấn luyện từ bí thư huyện trở lên, tỉnh huấn luyện từ cán bộ huyện trở xuống.

- Riêng cán bộ thanh niên phải tăng thành phần công, nông; nông dân về công tác phải chú trọng.

- Kiên quyết thực hiện 1/3 chấp hành viên xã, huyện là quần chúng.

- Lấy công tác thuế nông nghiệp tổ chức kiểm thảo cán bộ.

8. Kiểm thảo công tác dân vận, học tập chính sách công tác dân vận

Phối hợp với việc kiểm thảo công tác vùng tạm chiếm. Các cấp, các ngành phải học tập và kiểm thảo công tác vận động quần chúng của cấp, ngành mình.

PHẦN CHỈ ĐẠO VÀ SẮP XẾP BỘ MÁY DÂN VẬN

- Tại những vùng tạm chiếm, cán bộ các giới sẽ bố trí ngang, mỗi cán bộ chịu trách nhiệm chung về dân vận và chú ý đi sâu với giới mình để nghiên cứu, chứ không rải mảnh

mảnh ra từng giới. Tại vùng tự do, vùng căn cứ du kích (tùy theo hoàn cảnh cụ thể vẫn cứ để theo hệ thống dọc như cũ).

- Những cán bộ này nếu đủ trình độ để tham gia cấp uỷ địa phương, nhưng phải phân công làm công tác dân vận chứ không được phân công làm việc khác.

- Các cấp uỷ phải chịu trách nhiệm về công tác dân vận và báo cáo về tình hình các giới lên cấp trên.

- Bộ máy dân vận tại Khu cũng cần có sự chuyển hướng: phải nặng về nghiên cứu và đi sát xuống dưới để nắm chắc tình hình, khi đi xuống là cán bộ nói chung của khu uỷ.

- Ngành dân vận nghiên cứu đề ra một chỉ thị chi tiết về sự chuyển hướng nói trên.

BAN THƯỜNG VỤ LKU 3

BÁCH

Lưu tại Kho lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ THƯỜNG VỤ LIÊN KHU ỦY IV
Họp ngày 1, 2, 3 tháng 1 năm 1951
Một vài đặc điểm về tình hình quân sự và
công tác cụ thể xây dựng lực lượng
của Liên khu IV

PHẦN THỨ NHẤT
MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM VỀ TÌNH HÌNH QUÂN SỰ
TRONG LIÊN KHU

A- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH BÌNH - TRỊ - THIÊN

Trong mấy tháng gần đây; hoạt động của địch ở Bình-Trị-Thiên nổi bật lên mấy điểm:

I- MỘT LÀ QUÂN ĐỊCH ÍT HƠN TRƯỚC NHƯNG THỰC HIỆN
CÀN QUÉT TÍCH CỰC VÀ LIÊN TIẾP HƠN

Sau khi thất bại nặng trong chiến dịch Lê Lai, địch phải lấy quân ở Bắc Bộ tăng cường cho đội ứng chiến liên tỉnh BTT¹⁾ của chúng và tổ chức những cuộc càn quét lớn cả về

1) BTT: Bình - Trị - Thiên (B.T).

thời gian không gian và số lượng để phá cuộc chuẩn bị việc xây dựng lực lượng và mùa màng của ta, đồng thời để đối phó với sự hoạt động của ta mong cứu vãn lại địa vị chiến lược của chúng.

Nhưng sau chiến dịch Phan Đình Phùng địch phải rút hai tiểu đoàn ứng chiến 6e BCCP, 8e SPARI, sau đó trong chiến dịch Lê Hồng Phong ở biên giới địch lại phải rút thêm 2e BRP và 4/7 RTA tăng viện cho Bắc Bộ. Tuy vậy trong thời gian gần đây, địch thực hiện càn quét liên tiếp và tích cực ở đồng bằng cũng như ở miền núi BTT.

Chỉ trong tháng 11 và 12-1950 địch đã tổ chức sáu cuộc lùng quét ở đồng bằng Thừa Thiên, hai cuộc lùng quét ở chiến khu Phân khu Hoà Mỹ và chiến khu Thừa Thiên Dương Hoà, trong khi đó Việt binh đoàn tổ chức nhiều cuộc lùng quét nhỏ ở đồng bằng Quảng Trị, Quảng Bình, tiếp đó lùng lên chiến khu Thủy Ba, Vĩnh Linh (Quảng Trị).

Đặc biệt trong những cuộc lùng quét này, quân số địch ít hơn trước, nhưng chúng lợi dụng phương tiện mới như amphybie, canô, xe lửa, phi cơ, v.v. và liên kết chặt chẽ với hoạt động gián điệp, tạo điều kiện bất ngờ hành quân chớp nhoáng và mạnh bạo để đánh ta bất ngờ.

Ngoài ra địch còn tổ chức nhiều cuộc phục kích trên các đường giao thông để bắt cán bộ, phá hoại công việc tiếp tế vận tải của ta.

II- HAI LÀ CHÚNG TÍCH CỰC VÀ GẤP GÁP TỔ CHỨC
NGUY QUÂN, DÙNG NGUY BINH LÀM QUÂN CHIỂM ĐÓNG
THAY THẾ CHO QUÂN TÌNH NHUỆ RÚT ĐI HOẶC
TẬP TRUNG THÀNH NHỮNG ĐỘI ỨNG CHIẾN LỚN

Hội nghị Liên khu uỷ mở rộng hồi tháng 7-1950 đã nêu lên những thủ đoạn gian ác của địch trong việc tuyển mộ

ngụy quân. Đến nay chúng vẫn dùng những thủ đoạn ấy để phát triển ngụy quân, nhưng đáng chú ý là vì một mặt phải rút quân tăng viện cho Bắc Bộ, một mặt phải tập trung quân tinh nhuệ làm quân ứng chiến; chúng tiến hành việc phát triển ngụy quân với những thủ đoạn sâu sắc hơn, gấp gáp liều lĩnh hơn, và mạnh bạo giao quyền cho ngụy binh, vì thế chúng đã xây dựng xong tiểu đoàn 7 (Handa), đang tiếp tục xây dựng tiểu đoàn 8 và 12; đồng thời chúng đã giao khu Bắc Quảng Bình, khu Nam Quảng Trị và khu Trung Thừa Thiên cho các tiểu đoàn ngụy binh chiếm đóng. Ngụy binh đã trở thành một lực lượng chính để thi hành chiêu an trong các vùng địch kiểm soát. Nhưng ngụy binh tổ chức tập hợp bừa bãi (dùng những thủ đoạn để bắt buộc và mua chuộc thanh niên ta rồi bố trí một số thanh niên Công giáo phản động vào đó để làm nòng cốt), huấn luyện gấp gáp, tinh thần bạc nhược, là một nhược điểm lớn của địch, chúng ta cũng cần chú ý.

III- BA LÀ ĐỊCH ĐÃ THÀNH CÔNG MỘT PHẦN TRONG VIỆC GIÀNH GIẬT CƠ SỞ NHÂN DÂN Ở MỘT VÀI VÙNG VÀ THÀNH LẬP ĐƯỢC HƯƠNG VỆ

Trước đây ở những vùng địch kiểm soát, có nhiều nơi địch lập được tề, nhưng cơ sở nhân dân của ta ở đó vẫn vững. Trái lại sau khi địch thu hẹp phạm vi chiếm đóng thực hiện chiếm đóng đông đặc, chúng tổ chức càn quét liên tiếp về quân sự đi đôi với việc xúc tiến mạnh bạo những thủ đoạn sâu độc về kinh tế và chính trị để đuổi xa cơ sở kháng chiến của ta; địch đã nắm được dân trong một vài vùng tạm bị chiếm.

Nhiều nơi chúng đã tổ chức được hương vệ, lực lượng vũ

trang địa phương để thay thế cho những đội quân trước đây chúng phải điều động nơi khác đến chiếm đóng như vùng thượng du Hương Hoá, nhiều vùng Công giáo ở đồng bằng Quảng Trị và Quảng Bình. Trước đây địch củng cố tổ chức hương vệ nhưng chỉ bó hẹp trong An Lộc, Bố Liêu, và hầu hết là phải bắt buộc, trái lại gần đây chúng tổ chức loang rộng ra và bên cạnh những phần tử hương vệ bị bắt buộc đã có nhiều phần tử tình nguyện. Đồng thời địch có một chính sách lãnh đạo hương vệ rất cụ thể. Chúng phân tán một bộ phận VBD¹⁾ về gây dựng cơ sở hương vệ, dùng hương vệ để phát triển hương vệ, và ở những vùng chúng đã tổ chức được hương vệ vững, chúng cho Việt binh đoàn đến trực tiếp huấn luyện quân sự cho toàn dân.

Tổ chức hương vệ là một thành công của địch trong việc giành giật nhân dân với ta, một thất bại cao nhất về chính trị của ta, vì ở những nơi có hương vệ là nơi địch đã nắm được dân, cơ sở nhân dân của ta ở đó đã bị mất dần.

Sở dĩ địch thực hiện được như trên là vì:

1. Về phía địch:

- Mặc dầu quân số của địch ít hơn trước, nhưng nhờ vào việc phát triển ngụy quân nên chúng đã tập trung những đội ứng chiến tương đối lớn.

- Dựa trên những phương tiện do Mỹ tăng viện cho như xe lội nước, tàu thủy, xe lửa, phi cơ... làm tăng lưu động tính của các đội quân ứng chiến đánh bất ngờ để giành thế chủ động.

- Liên kết hoạt động quân sự với gián điệp, nắm được tình hình ta, hành quân chớp nhoáng và hoạt động du kích để giành lấy điều kiện bất ngờ của ta.

1) VBD: Việt binh đoàn (B.T).

- Trong việc tổ chức nguy quân, chúng dùng nhiều thủ đoạn gian trá hơn trước: gia khẩn công tác chia rẽ để nắm lấy đồng bào Công giáo, cần quét lửa bắt thanh niên vào lính rồi bố trí một số thanh niên Công giáo phản động vào đó để làm nòng cốt; vì thế mặc dầu tập hợp bữa bãi địch vẫn thực hiện được việc tổ chức nguy quân.

- Kết hợp được những hoạt động quân sự với những thủ đoạn về kinh tế và chính trị.

Tóm lại, chúng tích cực cố gắng và đi sâu vào cụ thể trong việc thực hiện những thủ đoạn của chúng.

2. Về phía ta:

1- Hoạt động quân sự kém sút:

a) Chủ lực sau chiến dịch Lê Lai cho đến tháng 8-1950 không thực hiện được tiêu diệt chiến mà lại còn bị tiêu diệt khá nặng. Nguyên nhân vì tư tưởng chiến lược chiến thuật của cán bộ, bộ đội sai lầm nên ham ăn to đánh lớn, chỉ đánh tiêu hao mà không thực hiện được tiêu diệt chiến (các trận: Phò Trạch, Hà My, Xuân Bồ) và trong chiến dịch Phan Đình Phùng lại rán lên quá sức. Bộ đội do đó bị tiêu hao nặng về người cũng như về vũ khí, chất lượng sút hẳn xuống trong khi đó không tiêu diệt được địch để bổ sung cho mình.

Chiến dịch Phan Đình Phùng vừa chấm dứt, bộ đội chưa kịp củng cố thì được lệnh của Bộ kéo dài thời gian chiến dịch để phối hợp với chiến trường toàn quốc, nên bộ đội đã phải rán sức còn phải rán sức thêm nữa. Vì thế việc củng cố xây dựng không thực hiện được, thành phần lính cũ bị hy sinh hoặc phân tán để làm nòng cốt cho các đơn vị mới bổ sung, chất lượng càng giảm sút.

Tóm lại, vì tư tưởng chiến thuật sai lầm, trong tác chiến

ta đã không căn cứ được vốn khả năng sẵn có, vào nhu cầu chung của chiến trường toàn quốc, nên ta đã làm cho bộ đội tác chiến quá sức. Trong lúc đó việc xây dựng bồi bổ thường xuyên thiếu, nhất là xây dựng về mặt tư tưởng chiến thuật thiếu kế hoạch cụ thể và quyết tâm, mặc dầu đã nhìn thấy khuyết điểm về tư tưởng chiến thuật của bộ đội sau trận Lương Mai, Phò Trạch. Sự khủng hoảng về sự chỉ đạo chiến thuật do đó ngày càng trầm trọng và trung thành cho mãi đến hết chiến dịch Phan Đình Phùng cũng vẫn chưa tìm ra căn bản.

b) Bộ đội địa phương không hoạt động được gì trong thời gian đầu, các đại đội BDDF¹⁾ huyện (Quảng Bình) tập trung hẳn lại để xây dựng và tác chiến, không dính liền được với việc xây dựng và phát triển phong trào du kích chiến tranh trong địa phương, tập trung như thế, trong khi xây dựng phải ở nơi tương đối an toàn, xa địch, xa các hoạt động của địa phương, khi đánh thì lại có tư tưởng ăn to, đánh tiêu diệt trong lúc cơ sở dân quân du kích xã non yếu, kết quả là không hoạt động gì được. Sau một thời gian nhận thấy như thế là sai lầm, chủ trương phân tán (cả ba tỉnh BTT) thì lại phân tán quá nhỏ đến từng người và tự đánh du kích lấy, khiến cho việc tác chiến không có hiệu quả mà việc diu dắt du kích xã hoạt động cũng không thực hiện được. Cả hai hiện tượng ấy chứng tỏ các đại đội huyện đã làm mất tính chất địa phương của nó.

Các tỉnh còn phạm phải khuyết điểm là chỉ chú trọng nhiều vào việc xây dựng các tiểu đoàn tập trung của tỉnh, đặt nhẹ việc xây dựng các đại đội huyện trong khi các đại đội

1) BDDF: Bộ đội địa phương (B.T).

huyện còn non kém, cho nên có hiện trạng tập trung xây dựng tiểu đoàn tỉnh quá sức của nó làm cho tiểu đoàn tỉnh cũng không trưởng thành được mà các đại đội huyện cũng kém sút, (nhất là ở Bình, Trị). Có nơi sử dụng BDDF tỉnh sai lầm như Thừa Thiên trong khi các đại đội huyện đã tương đối vững, còn phân tán tiểu đoàn tỉnh đến trung, tiểu đội làm cho tiểu đoàn tập trung của tỉnh không xây dựng trưởng thành lên được.

Còn về liên hệ giữa chủ lực và BDDF thì đã bị đứt hẳn từ khi chủ lực tập trung quá sức và không thực hiện được tiêu diệt chiến. Rõ ràng hơn hết là trong chiến dịch Phan Đình Phùng, chủ lực không chú ý giúp đỡ cho các BDDF hoạt động, phát triển du kích chiến tranh để phối hợp với tác chiến của quân chủ lực, trái lại bắt BDDF phục vụ cho tác chiến của mình như điều động đại đội Vĩnh Linh và lấy tiểu đoàn tập trung của Quảng Bình đi đánh với chủ lực. Sự sai lầm ấy làm cho BDDF mất tính chất địa phương của nó, và đến khi phải tách rời chủ lực thì không hoạt động gì được.

Hiện nay ở Quảng Bình các đại đội huyện cũ nhất cũng chưa tác chiến được trung đội, tiểu đoàn tỉnh chưa tác chiến được đại đội, lại có đơn vị chưa tác chiến được tiểu đội. Ở Trị Thiên trước đây tình trạng cũng không hơn gì thế mấy, nhưng bắt đầu từ tháng 8 đến nay đã sửa chữa được một phần những sai lầm trong xây dựng, nên đã có tiến bộ hơn trước.

c) Về dân quân du kích:

Tổ chức dân quân du kích không kết hợp được với điều kiện ăn ở sinh hoạt kinh tế, chính trị của nhân dân và điều kiện thôn trang chiến đấu, không lấy các đoàn thể chính trị làm cơ sở và chòm xóm làm đơn vị tổ chức, trái lại đều tập trung thành những đội du kích tập trung xã. Tổ chức du kích

tập trung như thế làm cho phạm vi tác chiến càng ngày càng bị eo hẹp lại vì điều kiện cấp dưỡng khó khăn, số lượng không tăng tiến lên được và làm cho hoạt động du kích kém sút vì việc tác chiến chỉ bó hẹp lại trong một số người và tổ chức du kích tập trung không thích hợp với điều kiện tác chiến trong thôn xóm. Trái lại, trong khi các đại đội du kích tập trung xã không hoạt động gì được, thì có những đội du kích tự động của nhân dân trong các tập đoàn hợp công đánh được nhiều trận và tiêu diệt được một số khá địch. Đó là một kinh nghiệm cho ta thấy rằng tổ chức du kích phải hợp với sinh hoạt kinh tế, chính trị của nhân dân thì mới có tác dụng.

Sau này, nhiều nơi đã nhận thấy sai lầm chủ trương phân tán đội du kích xã về làm nòng cốt cho các đội dân quân trong các chòm xóm, nhưng vì quan niệm sai lầm dân quân đều phải tác chiến được, đem phân tán quá nhỏ đến từng người đội du kích, khiến cho du kích không những không làm nòng cốt được cho dân quân mà còn làm mất tính chất trung kiên của nó.

Cũng vì tổ chức du kích tập trung như thế, nên không phát động được phong trào đấu tranh mạnh mẽ trong các vùng địch hậu để xây dựng và phát triển cơ sở nhân dân ở đây, vì điều kiện tập trung không cho phép các đội du kích nhảy vào địch hậu lẫn lộn với nhân dân để hoạt động. Đó là một điều kiện tối nghiêm trọng cần phải được chú ý sửa chữa mới phát triển du kích chiến lên được.

Chúng ta lại chưa vận dụng được tinh thần Đảng, lấy đảng viên làm nòng cốt cho tổ chức dân quân du kích. Các đồng chí chưa quan niệm rõ tổ chức dân quân du kích là tổ chức quần chúng cao nhất, tổ chức bán vũ trang của quần chúng, nên chưa tích cực tham gia dân quân du kích và làm

gương mẫu trong mọi hoạt động của du kích, khiến cho tổ chức dân quân du kích kém tính chất chính trị của nó và các đội du kích kém phần dũng cảm hy sinh.

Về mặt trận huấn luyện và xây dựng, chưa có một kế hoạch cụ thể và thích hợp, nói chung chúng ta đang gặp phải lúng túng trong vấn đề này.

Còn về mặt lãnh đạo, vì ý thức coi nhẹ lãnh đạo quân sự và nền nếp lãnh đạo thiếu sót, chỉ uỷ chưa thực hiện sự nắm lấy vấn đề lãnh đạo xây dựng và tác chiến của dân quân, có kế hoạch cụ thể về học tập, huấn luyện, chiến đấu cho dân quân giao cho đồng chí phụ trách dân quân thi hành; trái lại phần lớn hoạt động khoán trắng kế hoạch lãnh đạo dân quân cho đồng chí phụ trách hay cơ quan xã đội, hoặc thiếu kiểm tra đôn đốc việc thực hiện khiến các đồng chí phụ trách phớt cả chỉ uỷ

Du kích chiến tranh kém sút một phần còn do tác chiến của chủ lực. Ở BTT trước đây phong trào du kích chiến tranh tương đối vững, nhưng trước kế hoạch củng cố hệ thống phòng ngự của địch, chủ lực không thực hiện được tiêu diệt chiến và phá được kế hoạch lô cốt của địch, hoạt động của du kích do đó gặp phải trở ngại lớn và bị động trước những hoạt động của địch.

d) Về vũ khí:

Chúng ta không thực hiện được việc cướp vũ khí của giặc để bồi bổ cho mình, nhất là đạn dược, đồng thời việc sản xuất của ta chậm lại không sản xuất được hợp với điều kiện chiến trường mới và sản xuất cho thành phần đánh du kích kém sút hơn trước, làm cho sự hoạt động của ta bị hạn chế.

Trong việc xây dựng, chúng ta lại bị động với tình trạng vũ khí thiếu thốn: vì phải xây dựng lực lượng theo phiên chế

mới để tác chiến theo điều kiện mới, nên trong tình trạng vũ khí thiếu thốn chúng ta dù muốn hay không muốn đã có một thời gian tập trung bộ đội chờ đợi. Điều đó cũng có trở ngại một phần cho sự hoạt động của ta.

e) Sự chỉ đạo của Đảng về quân sự có nhiều sai lầm:

Ngoài những sai lầm của cán bộ quân sự:

Đối với chủ lực, các cấp uỷ chưa thực sự đặt thành vấn đề gấp gáp và đi sâu vào cụ thể để có một kế hoạch kịp thời, cụ thể sửa chữa những sai lầm, xây dựng một tư tưởng và một trình độ chiến thuật đúng đắn cho cán bộ và bộ đội.

Đối với bộ đội địa phương cũng thiếu một kế hoạch xây dựng và sửa chữa sai lầm cụ thể và kịp thời.

Đối với dân quân, chúng ta cũng chỉ đề ra được những phương châm nguyên tắc đại cương về xây dựng cũng như về tác chiến, còn về kế hoạch cụ thể để thực hiện những phương châm nguyên tắc đó thì chúng ta còn thiếu.

Sau cùng chúng ta chưa có một kế hoạch cụ thể để xây dựng nền nếp lãnh đạo quân sự cho các cấp, nhất là cho chi bộ, cho Tỉnh uỷ.

2- Ta có những sai lầm về chính trị:

a) Chúng ta thiếu kiên nhẫn trong việc xây dựng cơ sở địch hậu:

- Đối với việc xây dựng cơ sở địch hậu, chúng ta thiếu tinh thần kiên nhẫn vận động cách mạng để giành giật từng người dân với địch, để tổ chức nhân dân lấy những cuộc đấu tranh kinh tế, chính trị từ nhỏ đến lớn để phát triển cơ sở, trái lại ta thiếu một kế hoạch liên tục, thường xuyên và chỉ vận động ô ạt theo kiểu phong trào.

- Trong khi đó địch rất công phu kiên nhẫn trong việc

tranh chấp nhân dân với ta, thủ đoạn của chúng thâm độc và gian trá vô cùng (tổ chức tế bí mật liên kết với gián điệp bình định, không phân biệt ranh giới giữa vùng ta và vùng địch), vì thế địch đã nắm được dân một phần nào, đập tan cơ sở nhân dân và đẩy xa sự hoạt động du kích của ta trong các vùng chúng kiểm soát, làm cho sự hoạt động của ta ở đây gặp rất nhiều khó khăn.

b) Trong việc thi hành các chủ trương chính sách, nhất là thực hiện công tác tổng động viên chúng ta không căn cứ vào trình độ giác ngộ chính trị của nhân dân và chú trọng tới động viên chính trị nhân dân, mà chỉ cốt thu được nhiều kết quả cho mình, nên đã có nhiều sai lầm. Đó là những điều kiện thuận lợi cho địch dễ giành giật nhân dân với ta và tổ chức hương vệ. Kinh nghiệm Hướng Hoá là một bài học rõ ràng nhất.

c) Công tác giáo vận của ta còn non kém, chưa có kế hoạch cụ thể. Địch lợi dụng chỗ sơ hở nhất của ta để thực hiện chia rẽ và lôi kéo đồng bào Công giáo.

d) Chưa có một kế hoạch cụ thể tích cực phòng gian chống gián điệp và kinh nghiệm công tác bí mật của ta còn kém nên nhiều công việc bị lộ, nhiều cơ sở địch hậu nhất là trong các thành phố bị vỡ luôn.

3- Tình hình khó khăn sau nạn lụt cũng là một nguyên nhân làm cho sự hoạt động của ta giảm sút.

Kết luận lại

1- Lợi dụng thế chủ động đã giành lại được sau chiến dịch Phan Đình Phùng, địch dựa vào phương tiện mới và liên kết chặt chẽ với gián điệp nắm được tình hình ta để làm điểm

mạnh cho sự hoạt động của chúng, dùng ít quân số càn quét, phục kích liêu lĩnh và táo bạo để giữ vững thế chủ động, tăng lưu động tính của quân đội, đồng thời tranh thủ thời gian với ta để gấp rút xây dựng lực lượng của chúng.

Nhìn qua sự hoạt động của địch mạnh mẽ và tích cực hơn trước song đi sâu vào ta thấy sự hoạt động mạnh mẽ ấy còn che giấu một cái yếu bên trong của địch: địch phải rút quân tinh nhuệ ra tăng cường cho Bắc Bộ và việc xây dựng nguy binh để thay thế tiến hành không kịp mặc dầu địch đã xây dựng xong tiểu đoàn 7, tổ chức xong tiểu đoàn 8 và tiểu đoàn 12, đã giao nhiều tiểu khu cho VBĐ chiếm đóng, nhưng lực lượng đó phần vì kết hợp bữa bãi, phần vì xây dựng huấn luyện gấp gáp chất lượng còn non kém. Trong khi xây dựng chưa đầy đủ như thế thì quân tinh nhuệ đã phải rút đi và đã phải đưa các tiểu đoàn nguy binh ra hoạt động. Sở dĩ địch hoạt động được mạnh là vì ta còn yếu và vì chúng lợi dụng vào phương tiện, mối liên kết gián điệp. Ta cần thấy rõ được chỗ yếu sút của địch để khai thác và nếu ta đề phòng được gián điệp thì ta có thể phá được thế chủ động của chúng.

2- Gần đây ta đã khắc phục được một phần lớn những khuyết điểm. Chủ lực đã sửa chữa được một phần những sai lầm, đặc biệt là tư tưởng chiến lược, chiến thuật và đã cương quyết tập trung xây dựng bộ đội địa phương và dân quân du kích đã chớm lên; nhân dân chiến tranh mới phát triển. Song tất cả những tiến bộ đó còn là do ở sự cố rán sức của ta, chứ chưa phải do một đà tiến có quy củ, chúng ta còn phải cố gắng bổ khuyết thêm những khuyết điểm của ta mới đem việc xây dựng lực lượng phong trào tiến lên được.

B- MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM VỀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG**Ở THANH - NGHỆ - TĨNH****I- BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG**

1. Sau một thời gian xây dựng, kiểm điểm lại ta thấy chúng ta chưa tích cực tranh thủ thời gian, lợi dụng hết thời cơ thuận tiện không có giặc, để đẩy mạnh việc xây dựng. Khuyết điểm cơ bản được sửa chữa lại và trong thời gian gần đây ta đã đặt việc xây dựng các tiểu đoàn Tỉnh. Nhưng còn phạm phải khuyết điểm:

- Trong việc xây dựng chỉ mới lo sắp xếp tổ chức, bổ sung quân số, không chú ý xây dựng về mặt chất lượng như huấn luyện, xây dựng công tác chính trị, xây dựng chi bộ, hơn nữa trong việc xây dựng về quân số cũng thiếu sự lựa chọn cẩn thận, sự sắp xếp đầy đủ hơn một khi cần bổ sung cho chủ lực phải thải mất ít nhất là 1/3 và phải mất một thời gian khá lâu để chỉnh đốn.

- Mặt khác chúng ta bị động trước công việc bảo vệ địa phương, chưa táo bạo tập trung để xây dựng trưởng thành, thành ra tập trung rồi phân tán để dìm dất dân quân, phân tán rồi tập trung, quần đi quần mãi mà không làm được việc gì.

2. Về chính trị, tuy Hội nghị quân chính Khu tháng 8-1950 đã đề ra tích cực nhưng đến nay các cấp mới chỉ đưa ra một số cán bộ có năng lực qua bộ đội địa phương, nhưng những công việc cần thiết để xây dựng cho các đại đội vững chắc như công tác chính trị, công tác quần chúng, chi bộ... thì chưa thực hiện được mấy.

3- Về huấn luyện, vì chưa có một quan niệm rõ ràng về

lối đánh của bộ đội địa phương và chưa có một chương trình kế hoạch huấn luyện thích hợp và cụ thể để nâng cao trình độ chiến thuật và kỹ thuật cho bộ đội địa phương.

Cán bộ bộ đội địa phương một phần do ở quân đội phải sang, một phần do trưởng thành trong bộ đội địa phương nhưng nói chung đều chưa quan niệm rõ ràng lối đánh và chiến thuật của bộ đội địa phương để tiến hành xây dựng bộ đội. Các tiểu đội cũng vì thế nên chưa hướng dẫn được cụ thể cho cấp dưới.

Những khuyết điểm ấy làm cho bộ đội địa phương các tỉnh đến nay mới tới trình độ tiểu đội chiến đấu và các đại đội huyện mới tới trình độ cá nhân hoặc tiểu tổ chiến đấu mà thôi. Sự trưởng thành rất chậm chạp.

II- DÂN QUÂN DU KÍCH

1. Tổ chức chưa dứt khoát và thống nhất, mỗi nơi tổ chức một khác.

Ở Thanh Hoá hình thức tổ chức thay đổi luôn luôn, khi lấy địa hình làm cơ sở tổ chức, khi lấy đoàn thể chính trị làm cơ sở tổ chức, các đội du kích xã phân tán về các thôn làm nòng cốt cho dân quân, nhưng đến nay vẫn chưa đủ sức thực hiện.

Ở Nghệ An tương đối tiến bộ hơn ở Thanh Hoá, đã kết hợp được điều kiện địa hình và điều kiện đoàn thể chính trị để làm cơ sở tổ chức, nhưng phạm phải khuyết điểm, tuy các đội du kích không tập trung lên xã nhưng lại tập trung ở thôn, tách rời du kích với dân quân.

Ở Hà Tĩnh trong việc tổ chức lại nặng về điều kiện địa hình, và trong việc phân tán đội du kích xã về làm nòng cốt

cho dân quân chòm tuy chỉ phân tán để tiểu đội nhưng về chỉ huy lại không được vào ban chỉ huy của chòm mà do trên xã.

Tóm lại tổn rất nhiều thì giờ trong việc sắp xếp tổ chức mà vẫn tổ chức chưa được dứt khoát.

2. Về phương diện huấn luyện cũng đang nằm trong tình trạng chúng ta chưa có một nội dung chương trình cụ thể và phương pháp huấn luyện cụ thể cho dân quân. Các cán bộ thực hiện kế hoạch huấn luyện cho dân quân (cán bộ xóm, xã, cán bộ trung, tiểu đội và đội viên bộ đội địa phương) cũng không quan niệm được lối đánh của dân quân như thế nào, không nắm được cái gì là chính cốt trong việc huấn luyện dân quân để xây dựng cho dân quân.

Công việc huấn luyện cho toàn dân cũng ở trong tình trạng ấy.

3. Về phương diện lãnh đạo cũng như ở Bình-Trị-Thiên, một mặt các cán bộ chưa thực sự nắm lấy việc lãnh đạo dân quân, có kế hoạch cụ thể để xây dựng và tác chiến cho dân quân, và các đồng chí chưa tích cực gia nhập dân quân và gương mẫu trong mọi hoạt động của dân quân, nên nếp lãnh đạo quân sự cho chi bộ.

III- NÓI CHUNG

Việc xây dựng lực lượng ở Thanh-Nghệ-Tĩnh trong thời gian gần đây có chiều hướng nặng về sắp xếp tổ chức các bộ đội địa phương, nhẹ việc xây dựng dân quân, ngay Thanh Hoá tuy đã đặc biệt chú ý tới dân quân, nhưng trong thực tế cũng còn nặng về lo sắp xếp các cơ quan đoàn bộ; tỉnh đội nhiều hơn.

Sự khuyết điểm ấy một phần cũng do cuộc Hội nghị quân chính Liên khu tháng 7-1950 đề ra chủ trương xây dựng tiến tới trung đoàn địa phương mà không quy định được nội dung cụ thể; một phần các địa phương chỉ nặng về lo sắp xếp tổ chức các cơ quan, các đơn vị cho đầy đủ không chú trọng đến các mặt xây dựng như Nghị quyết Hội nghị quân chính Liên khu đã đề ra.

PHẦN THỨ HAI

QUYẾT NGHỊ NHỮNG CÔNG TÁC CỤ THỂ

Bị chú: Đây chỉ đề thêm những công việc quan trọng và cần thiết để bổ cứu những bản nghị quyết trước của Liên khu uỷ hay của các hội nghị quân chính toàn bộ công tác xây dựng lực lượng.

I- VỀ CHỦ LỰC

1. Học tập cho cán bộ và luyện tập cho toàn quân

a) Đẩy mạnh việc học tập chiến thuật mới, xây dựng tư tưởng và trình độ chiến thuật cho cán bộ.

- Học tập các tài liệu về tư tưởng chiến thuật mới, đề xướng tư tưởng chiến thuật sử dụng pháo binh, vận dã, chiến thuật công kiên chiến.

- Học tập kiểm thảo chiến dịch Lê Hồng Phong, lấy việc kiểm thảo chiến dịch Lê Hồng Phong làm mẫu kiểm thảo cho chiến dịch Lê Lai, Phan Đình Phùng và những trận mới vừa qua.

b) Đi đôi phải tiến hành luyện tập cho bộ đội phát triển vận động chiến song song với cải tiến kỹ thuật công kiên để xây dựng thành phần công kiên chiến trong chủ lực.

- Cán bộ trung, tiểu đoàn phải học tập các nguyên tắc chung về chiến thuật vận động chung như công kiên, nắm vững chỉ huy bộ đội tổ chức theo phiên chế mới. Cán bộ trung, đại đội học tập để đánh thuần thực trung đội, đại đội theo phiên chế mới; đồng thời đi sâu vào kỹ thuật để đào tạo luyện tập cho đội viên (như kỹ thuật làm công sự, v.v.).

- Học tập phát triển vận động chiến từ đại đội chiến đấu thuần thực tiến lên tiểu đoàn chiến đấu trong trung đoàn diễn tập.

- Nghiên cứu kỹ lưỡng cách sử dụng các thứ vũ khí công kiên hiện có của ta, cải tiến kỹ thuật để phát huy hiệu lực của vũ khí công kiên đánh từ nhỏ đến lớn để xây dựng chiến thuật công kiên đồng thời giải quyết các tư tưởng cho rằng với tình hình vũ khí của ta hiện tại không thể nghĩ đến việc đánh công kiên mà không nghiên cứu sâu vào khả năng của ta.

2. Tổ chức

a) Làm cho đúng và đúng với phiên chế Tổng đã quy định.

b) Cương quyết giản chính các cơ quan đoàn bộ nhẹ nhàng để theo phục vụ cho bộ đội. Nghiên cứu kỹ các chỉ thị về giản chính của Khu để làm đúng, tránh tình trạng đơn giản hoá mọi công việc nhiều và phức tạp

c) Nguyên tắc giản chính:

- Phải nắm chắc giản chính là một việc quan trọng cần thiết.

- Cương quyết không lấy lượng bù chất như bấy lâu nay mà phải xây dựng chất là chính, phải phát huy năng động tính của mỗi người, tận dụng khả năng hợp lý hoá công việc.

- Nếu chất kém thì nhằm làm nhiệm vụ chính cốt, có thể dẹp bớt các việc phụ để có thì giờ xây dựng chất.

3. Xây dựng chính trị

Xây dựng các cán bộ nhất là các cán bộ cơ quan để bảo đảm thực hiện việc học tập cho cán bộ, nắm vững tình hình nội bộ và quần chúng cơ quan, đề phòng gián điệp.

4. Tác chiến

a) Theo đúng các nguyên tắc Trung ương đã đề ra, tập trung ưu thế binh lực, đánh ăn chắc, đánh tiêu diệt, không đánh tiêu hao, đánh quân lưu động hơn là quân chiếm đóng, phối hợp chiến trường.

b) Cụ thể chiến trường BTT

- Gây đà chiến thắng, đà tiêu diệt chiến cho bộ đội.

- Đánh nhỏ mà ăn chắc, tập trung ưu thế binh lực.

- Trong tác chiến nhằm phá kế hoạch nguy quân (mục tiêu nhằm đánh tiêu diệt phải nhằm phối hợp nhiệm vụ kinh tế chính trị địa phương như bảo vệ mùa màng) và nhiệm vụ chiến trường chính.

II- VỀ XÂY DỰNG BỘ ĐỘI ĐỊA PHƯƠNG

1. Ở Bình-Trị-Thiên

a) Mức độ về tổ chức:

- Thừa Thiên chú trọng xây dựng các đại đội huyện, đồng thời xây dựng tiểu đoàn tập trung tỉnh.

- Quảng Trị lấy việc xây dựng các đại đội huyện làm chính, và tiến dần lên xây dựng tiểu đoàn tập trung tỉnh.

- Quảng Bình, căn bản là xây dựng đại đội huyện, còn

tiểu đoàn tỉnh thì hiện có hai đại đội thì hoạt động độc lập để tăng cường cho hai vùng trong tỉnh.

b) Mục đích xây dựng:

- Các đại đội tiến tới tác chiến được trung đội và trung đội kết hợp tổng đại đội.

- Các tiểu đoàn tỉnh tiến tới tác chiến được đại đội và đại đội kết hợp tổng tiểu đoàn.

c) Chú trọng xây dựng lối đánh cho bộ đội địa phương, theo dõi tổng kết kinh nghiệm tác chiến của bộ đội địa phương để xây dựng kỹ thuật và chiến thuật cho bộ đội địa phương.

d) Tỉnh uỷ phải trực tiếp xây dựng CB¹⁾ đại đội, đồng thời giúp cho cơ quan chính trị tỉnh đội lần lần nắm được việc xây dựng đúng đó.

Cần chú ý: Các đại đội bộ đội huyện có nhiệm vụ trực tiếp đối với địa phương, nên đối với CB đại đội huyện, huyện uỷ có nhiệm vụ theo dõi lãnh đạo thực hiện kế hoạch xây dựng và tác chiến trong địa phương.

đ) Tác chiến phải nhằm vào:

- Phục kích và phản phục kích để bảo vệ các đường giao thông.

- Chống càn quét.

- Đánh tiêu diệt nhỏ phá các cuộc lùng lẻ tẻ của địch.

2. Ở Bình-Trị-Thiên²⁾

a) Mức độ tổ chức:

- Các huyện phải đầy đủ mỗi huyện một đại đội. Thanh Hoá, Nghệ An mỗi tỉnh hai tiểu đoàn tập trung và Hà Tĩnh một tiểu đoàn. Xây dựng trung đoàn ở cấp khu.

1) CB: Chi bộ (B.T).

2) Tài liệu gốc đề là *Ở Bình - Trị - Thiên*, theo chúng tôi phải là *Ở Thanh - Nghệ - Tĩnh* (B.T).

- Thanh, Nghệ chuyển dần tỉnh đội thành trung đội.

- Việc đơn giản huyện đội phải đi đôi với tăng cường tỉnh đội và xã đội. Cương quyết đơn giản các Huyện đội bộ, tránh lối làm việc giấy tờ chỉ thị, huyện chỉ căn cứ vào kế hoạch của Tỉnh đội để đặt kế hoạch cụ thể và hướng dẫn tổ chức thực hiện cho cơ quan Huyện đội chỉ cần gồm có một uỷ viên quân sự, một vài nhân viên văn phòng và một số cán bộ kiểm tra giúp việc mà thôi, tránh tổ chức kênh cang.

b) Mức độ xây dựng:

Các tiểu đoàn tỉnh cũng như các đại đội huyện tranh thủ thời gian tập trung xây dựng, làm cho các tiểu đoàn tỉnh có thể đánh được từng đại đội một khi giặc tới, và các đại đội huyện ở những nơi an toàn cũng tiến tới đạt được mức như thế, còn ở những nơi bị trực tiếp uy hiếp thì phải phân tán và tập trung cho linh động để xây dựng cho mình và có thể đánh được tiểu tổ, tiểu tổ chiến đấu nếu khi xảy tác chiến, vì những đại đội này trong trường hợp tác chiến xảy tới phải làm nhiệm vụ diu dắt dân quân nhiều hơn (sẽ có kế hoạch cụ thể sau).

Bộ đội địa phương phải tập trung xây dựng đồng thời phải tăng lưu động tính của các đại đội trong các vùng xung yếu và các tiểu đoàn trong địa phương, miễn là vẫn đảm bảo được việc tập trung xây dựng (nơi nào cần thiết phải phân tán để diu dắt dân quân như ở Nga Sơn sẽ có chỉ thị riêng).

c) Khu trực tiếp xây dựng trung đoàn khu, các tiểu đoàn tỉnh, tỉnh trực tiếp xây dựng các đại đội huyện, và huyện trực tiếp hướng dẫn việc xây dựng dân quân du kích xã.

d) Xây dựng các chi bộ đại đội để bảo đảm cho việc xây dựng đại đội vùng.

đ) Đào tạo cán bộ tiểu, trung đội, bổ túc trình độ cán bộ

trung, đại đội và mở những lớp nghiên cứu học tập dân chủ cho các cán bộ tiểu đoàn và cán bộ trung cấp.

3. Nói chung

Bộ đội phải phân tán, tập trung cho thật linh động.

Bộ đội địa phương phải phân tán trong trường hợp sau đây:

- Trường hợp thứ nhất: Cơ sở dân quân du kích kém sút cần phải có sự điều dặt về chiến đấu, song trong trường hợp này BDDF phân tán phải là đơn vị có trình độ khá.

- Trường hợp thứ hai: Trình độ bản thân, (vũ khí, kỹ thuật, chiến thuật) của BDDF không đánh được tập trung, cần phải phân tán, tác chiến xây dựng cho bản thân, nhưng trong khi phân tán phải nghĩ ngay đến việc tập trung và hướng dẫn đánh tập trung được.

- Trường hợp thứ ba: Giặc mạnh cần phải phân tán để tránh hoặc đánh giặc, nhưng trong trường hợp này phân tán chỉ có tính chất tạm thời, phân tán trong chiến đấu, xong đó phải tập trung ngay.

III- VỀ DÂN QUÂN DU KÍCH

1. Tổ chức dân quân du kích phải căn cứ trên cơ sở kinh tế và chính trị, lấy đoàn thể quần chúng làm cơ sở tổ chức dân quân, đơn vị tổ chức cơ sở là chòm xóm, thôn xóm, (làng cũ), ví dụ: một chòm có một tổ Nông dân Cứu quốc trong đó có cả phụ lão, phụ nữ, thì các tiểu tổ phụ lão, phụ nữ tổ chức thành các đội lão quân, nữ quân tình nguyện, còn các thanh niên nông dân tổ chức vào đội dân quân thôn đều là do thôn đội hay chòm đội chỉ huy.

2. Phân tán các đội du kích tập trung xã thành từng tổ về

các thôn xóm làm nòng cốt cho dân quân thôn xóm (“nòng cốt quân sự” còn tổ đảng là “nòng cốt chính trị”) du kích tập trung thôn cũng phân tán trong dân quân thôn, bỏ hình thức tổ chức tập trung tiểu đội thành hệ thống riêng biệt với dân quân.

- Song phải giữ tính chất trung kiên có sinh hoạt thường kỳ tập trung lên thôn, chòm, xóm để học tập xây dựng, do thôn đội tổ chức và xã đội về giúp ý kiến (lúc cần xã đội có thể tập trung đội du kích thôn lên xã hay hoạt động ra ngoài thôn).

- Như thế có mấy điều lợi: mỗi tổ dân quân đều có nòng cốt không phải chỉ toàn thôn mới có nòng cốt, phân tán như thế dân quân mới chú trọng xây dựng, bồi bổ xây dựng cho nòng cốt là du kích của họ đồng thời du kích cũng có ý thức thường xuyên, điều dặt dân quân để phát triển thêm du kích.

3. Các đồng chí phải tham gia dân quân du kích và gương mẫu trong công tác dân quân để thực hiện (“nòng cốt chính trị”) cho dân quân. Nhưng tránh tình trạng máy móc, tính quan trọng khi phân phối nhiệm vụ. Chi uỷ phải sắp xếp nhiệm vụ, sinh hoạt chính trị với sinh hoạt quân sự, sinh hoạt đoàn thể quần chúng với sinh hoạt dân quân (chấp hành các giới chịu trách nhiệm về chính trị trong dân quân du kích).

4. Về huấn luyện:

- Cần nghiên cứu tìm những lối đánh thích hợp và phổ biến với đa số dân quân (cạm bẫy, bom mìn, v.v.), phân tích đội nào thấp đội nào cao để tuỳ trình độ dân quân mà xây dựng, phân tích đúng từng mức một, đó là nội dung chương trình huấn luyện

- Phương pháp huấn luyện phải đi từ thấp lên cao phân

ra từng việc mà làm, phải quan niệm những điểm mình đưa ra chỉ là cái mẫu, chưa đầy đủ mà chính là phải phát huy khen ngợi những sáng kiến của học viên, bồi bổ xây dựng thêm vào.

5. Xây dựng nền nếp lãnh đạo cho chi bộ:

a) Về ý thức và tư tưởng phải giáo dục cho CB nhận định rõ nhiệm vụ lãnh đạo quân sự của mình và đồng chí CUV¹⁾ phụ trách dân quân xã phải chú trọng xây dựng cho chi uỷ và toàn bộ chi bộ lãnh đạo dân quân.

b) Phải nhận định rõ nội dung lãnh đạo của CB: cũng nán như nội dung lãnh đạo của một CB đại đội, nghĩa là có đủ phương diện chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự nhưng lâu nay CB xã nhẹ mất quân sự, nay phải đề cao lên (đội viên của chi bộ xã là người dân quân du kích, CB xã có trách nhiệm xây dựng rèn luyện).

c) Về lề lối lãnh đạo:

- Chi uỷ vạch kế hoạch cụ thể tổ chức huấn luyện tác chiến cho dân quân, xã đội nhận kế hoạch để thi hành.

- Đồng chí phụ trách dân quân xã đặt mình là người thực hiện kế hoạch của chi uỷ, nên khi có kế hoạch của Tỉnh đội về phải đưa thảo luận với chi uỷ, cũng phải coi kế hoạch của Tỉnh đội như là của Tỉnh uỷ (như thế càng làm cho sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ đối với Tỉnh đội chặt chẽ hơn).

- Các cấp uỷ trên và Tỉnh đội phải chú trọng xây dựng nền nếp lãnh đạo dân quân cho chi bộ.

6. Đào tạo cán bộ xóm thôn:

- Ban chỉ huy Tỉnh đội phải trực tiếp đào tạo cán bộ thôn xóm.

1) CUV: chi uỷ viên.

- Nội dung chương trình, lấy những lúng túng trước mắt của cấp dưới ở thôn xã làm nội dung học tập như các vấn đề tổ chức dân quân, các lối đánh, nền nếp lãnh đạo của chi bộ, các kỹ thuật căn bản làm kỹ thuật cạm bẫy...).

- Phương pháp đào tạo cán bộ chú ý phát huy sáng kiến của học sinh và phải thực tế: nghiên cứu đề ra những kế hoạch giải quyết các vấn đề trên, dùng một số cán bộ đưa về thực hiện tại một xã trước rồi triệu tập cán bộ toàn thôn xã lên học tập rút kinh nghiệm sửa chữa.

THƯỜNG VỤ LIÊN KHU ỦY IV

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA LIÊN KHU ỦY IV
Ngày 2 tháng 5 năm 1951
Về việc thi hành Nghị quyết của hội nghị
trung ương lần thứ nhất

Để thi hành Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ II, Ban Chấp hành Trung ương họp lần đầu tiên vào trung tuần tháng 3-1951 đã nhận định tình hình và đề ra nhiệm vụ cần kíp trước mắt cho toàn Đảng (có Nghị quyết gửi kèm theo).

Thường vụ Liên khu uỷ chỉ thị những nét lớn để các cấp, các ngành kịp thời nghiên cứu và tổ chức việc thi hành.

I- NGHIÊN CỨU NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG
CHÚNG TA THẤY NHỮNG GÌ?

1. Nguy cơ chiến tranh thế giới hiện nay rất nghiêm trọng. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt - Miên - Lào càng ngày càng rõ ràng là một bộ phận khăng khít của kế hoạch chuẩn bị chiến tranh thế giới của đế quốc Mỹ ở Đông Nam Á. Tính chất *kháng chiến trường kỳ và gian khổ* của cuộc chiến tranh cho độc lập, dân chủ, hoà bình của nhân dân ta càng được xác nhận cụ thể và rõ ràng hơn. Ta phải nắm vững

quan điểm *kháng chiến trường kỳ và gian khổ* để vượt mọi khó khăn, quyết giành thắng lợi cuối cùng. Đồng thời phải nhìn thấy tình hình thế giới gay go hiện nay có ảnh hưởng lớn tới cuộc kháng chiến của ta, để *sẵn sàng đối phó với mọi tình thế khó khăn xảy tới* cũng như đón lấy những thời cơ thuận lợi do tình hình phát triển mang lại.

Quan điểm kháng chiến trường kỳ và gian khổ chúng ta đã có và thường nhắc nhở luôn luôn, nhưng vì chưa thật thấm nhuần sâu sắc và vững vàng, nên trong lãnh đạo quân sự đã có một thời gian không nắm vững được phương châm tác chiến *tiêu diệt* địch đồng thời *bảo toàn* và *bồi dưỡng* ta; chưa kết hợp được nhu cầu của kháng chiến và khả năng của nhân dân trong việc xây dựng lực lượng; trong *lãnh đạo kinh tế, tài chính chưa đặt đúng mức quan trọng* của nó để cung cấp cho nhu cầu quân sự và bồi dưỡng sức dân đảm bảo kháng chiến lâu dài; trong lãnh đạo chính trị, chưa động viên được tinh thần trường kỳ chịu đựng gian khổ, trường kỳ chiến đấu, chưa phát triển được *tính tích cực chiến đấu bên* *bỉ* trong mọi trường hợp khó khăn của nhân dân, đảng viên và nhất là của cán bộ.

Do không nắm được sự phát triển của tình hình cụ thể, chúng ta chưa đánh giá đúng mức ảnh hưởng của tình hình quốc tế đối với cuộc kháng chiến của ta về mặt khó khăn cũng như mặt thuận lợi. Chúng ta cần phải nghiên cứu đi sát tình hình, tuyệt đối bài trừ bệnh chủ quan, phải tỉnh táo và bình tĩnh trong lãnh đạo, không được hấp tấp vội vàng, nắm vững thời cơ, nắm vững tình thế để chủ trương công tác cho đúng.

2. Cuộc kháng chiến của ta là một cuộc đấu tranh trường kỳ và gian khổ nhưng tất thắng, chủ yếu của sự thắng lợi đó là do sự đoàn kết và sức chiến đấu của toàn dân tộc ta quyết

định. Tự lực cánh sinh là chính, sự giúp đỡ của các nước bạn là phụ.

Chúng ta đã tiến bộ nhiều về việc sửa chữa tinh thần ỷ lại vào ngoại viện do tư tưởng chủ quan đưa lại, nhưng cũng phải thừa nhận rằng tinh thần đó chưa được thanh toán tận gốc, quan niệm tự lực cánh sinh chưa được thấm nhuần đầy đủ trong cán bộ, toàn Đảng và nhân dân. Do đó việc phát triển chủ quan về mọi mặt với tinh thần tự mình bảo đảm kháng chiến trường kỳ và thắng lợi làm chính, chưa được tích cực và mạnh mẽ. Cụ thể chúng ta đã có nhiều sai lầm trong việc tổng động viên, xây dựng lực lượng, trong việc củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân để kháng chiến; còn đặt nhẹ việc phát triển kinh tế kháng chiến do tinh thần ỷ lại vào sự viện trợ bên ngoài còn rơi rớt lại. (Cần chú ý: Tuy việc viện trợ của các nước rất quan trọng, nhưng không phải quyết định sự thắng lợi của ta).

3. Trước nguy cơ chiến tranh thế giới rất nghiêm trọng, đường lối duy nhất của nhân dân thế giới là dám đương đầu cùng sự nghiệp duy trì và bảo vệ hoà bình và nhiệm vụ cấp bách của họ là phải quyết tâm chống lại bọn đế quốc gây chiến.

Cuộc kháng chiến của ta càng ngày càng rõ ràng thêm là một bộ phận khăng khít của cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới. Chúng ta phải tích cực vận động nhân dân tham gia phong trào bảo vệ hoà bình bằng cách vận động hưởng ứng những Nghị quyết của Hội đồng hoà bình thế giới, bằng thực tế hành động đã gắn liền cuộc kháng chiến với công việc bảo vệ hoà bình, giáo dục tinh thần quốc tế và chính trị cho toàn Đảng, toàn dân.

4. Căn cứ vào tình hình thế giới, trong nước hiện nay, căn

cứ vào tính chất trường kỳ và gian khổ của cuộc kháng chiến, Trung ương đã đề ra các nhiệm vụ cần kíp cho toàn Đảng.

- Một là nắm vững chỉ đạo chiến lược quân sự để lãnh đạo chiến tranh đến thắng lợi, chú trọng trong tác chiến nắm vững phương châm tiêu diệt địch, đồng thời bảo đảm và bồi dưỡng lực lượng ta; trong xây dựng, vừa căn cứ vào nhu cầu phát triển của kháng chiến, vừa căn cứ vào khả năng cấp dưỡng của nhân dân và tài chính của Chính phủ.

- Hai là gia cường lãnh đạo kinh tế tài chính để đảm bảo kháng chiến trường kỳ, bồi dưỡng sức dân, làm cho cuộc kháng chiến được thuận chiều phát triển đi đến thắng lợi. Phải đẩy mạnh tăng gia sản xuất bảo đảm cung cấp, vận động các nhà tư sản kinh doanh, giảm bớt chi tiêu tăng gia thu, có chính sách bao vây kinh tế địch đúng đắn, v.v..

- Ba là tích cực tham gia phong trào bảo vệ hoà bình thế giới, gắn chặt đấu tranh bảo vệ hoà bình với nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc hiện tại.

- Bốn là thi hành nghị quyết Đại hội Đảng và Đại hội thống nhất Liên Việt - Việt Minh toàn quốc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vững mạnh và củng cố Đảng về cả ba phương diện tư tưởng, chính trị và tổ chức, v.v..

II. TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU HỌC TẬP VÀ PHỔ BIẾN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG TRONG TOÀN ĐẢNG, TOÀN DÂN, ĐỒNG THỜI GẮN LIỀN VỚI VIỆC KIỂM THẢO TƯ TƯỞNG QUAN NIỆM CHỦ TRƯỞNG CÔNG TÁC CỦA TA

1. Tổ chức nghiên cứu học tập và phổ biến

a) Trong Đảng

- Tổ chức nghiên cứu học tập nghị quyết Hội nghị Trung

ương trong các cấp bộ và cán bộ lãnh đạo từ khu tới chi bộ, chú ý nắm được tinh thần mới về nhận định tình hình cũng như nhiệm vụ để nghiên cứu đi sâu vào đối chiếu với tình hình thực tế và công tác trong địa phương để nắm vững chủ trương của Trung ương trong khi tiến hành lãnh đạo các cấp và công tác.

- Riêng đối với lời tuyên bố của đồng chí Xtalin trả lời phỏng vấn của báo *Pravda* và các Nghị quyết của Hội đồng hoà bình thế giới, thì trước đây Liên khu uỷ đã có chỉ thị cho các cấp phối hợp việc học tập các tài liệu trên với tài liệu của học kỳ.

- Nay cụ thể thi hành như chỉ thị trước, nhưng phải được tiến hành chu đáo hơn, đồng thời lấy phần nhận định tình hình trong Nghị quyết Trung ương cùng với lời tuyên bố của đồng chí Xtalin làm sáng tỏ hơn tình hình mới của thế giới hiện nay.

b) Ngoài nhân dân:

- Ở các cơ quan chính quyền và đoàn thể phối hợp việc nghiên cứu học tập của cán bộ với việc phổ biến giải thích cho quần chúng nhân viên, chỉ nên phổ biến phần đầu của Nghị quyết còn hai phần sau thì không nên phổ biến ra ngoài.

- Ở các xã, việc học tập Nghị quyết của Trung ương chỉ tiến hành trong cán bộ xã, điều cốt yếu là làm cho các cán bộ xã nắm vững được tinh thần Nghị quyết và chủ trương của Trung ương để lãnh đạo tư tưởng toàn dân trong công tác thực tế hàng ngày. Sau khi học xong tổ chức phổ biến sâu rộng trong toàn chi.

- Các cơ quan tuyên truyền báo chí tổ chức việc phổ biến, giải thích thường xuyên và cổ động việc chấp hành Nghị quyết Trung ương một cách sâu rộng.

2. Sửa chữa tư tưởng quan niệm, chủ trương công tác hợp với tinh thần Nghị quyết của Trung ương.

- Trong các cuộc đại biểu đại hội đảng bộ các cấp sắp tới, phải dựa vào Nghị quyết của Đảng Đại hội lần thứ II và nhất là Nghị quyết này của Trung ương và Chỉ thị này của Liên khu uỷ để kiểm điểm tình hình mọi mặt công tác trong phạm vi của cấp bộ và sự lãnh đạo của cấp uỷ và Đảng bộ chú trọng nêu lên được những ưu khuyết điểm và tư tưởng quan niệm, chủ trương công tác để học tập và sửa chữa.

- Nắm vững tinh thần nghị quyết và chủ trương của Trung ương để lãnh đạo và hướng dẫn các cuộc hội nghị công khai đang và sắp tiến hành ở các cấp như Hội nghị ngân hàng, sản xuất, kinh tế, Đại hội Liên Việt, Nông dân, Thanh niên, Phụ nữ.v.v. và tất cả các cuộc hội nghị lớn nhỏ của các cơ quan chính quyền, đoàn thể, để làm cho tinh thần Nghị quyết và các chủ trương đó được thêm thấm nhuần sâu sắc trong mọi tầng lớp nhân dân, trong mọi ngành hoạt động và được cụ thể hoá bằng những hành động thiết thực và công tác thực tế.

- Luôn luôn chú trọng lãnh đạo tư tưởng toàn Đảng toàn dân trên mọi chủ trương công tác

3. Lấy tình hình và phong trào thực tế để đối chiếu với tư tưởng, quan niệm, chủ trương, công tác trong khi tiến hành học tập kiểm thảo.

Ví dụ cụ thể:

- Kiểm thảo lại ý thức trường kỳ kháng chiến, trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh đã đúng đắn chưa? Vì sao? Ảnh hưởng của nó trên mọi mặt công tác?

- Về chỉ đạo chiến lược quân sự, phương châm tác chiến tiêu diệt sinh lực địch đồng thời bảo toàn và bồi dưỡng lực

lượng ta đã thấm nhuần sâu sắc chưa? Ta đã kết hợp được nhu cầu của kháng chiến và khả năng của nhân dân trong khi tiến hành xây dựng chủ lực, độ đội địa phương cũng như phát triển hậu bị thế nào ?

- Về kinh tế, chúng ta đã đặt đúng mức quan trọng của nó chưa? Tăng gia sản xuất bảo đảm cung cấp, tiết kiệm chi tiêu, đấu tranh kinh tế tài chính với địch, và vận động ta sản xuất kinh doanh, v.v. chúng ta đã tiến hành như thế nào?

- Về mặt đấu tranh cho hoà bình thế giới, thực hiện chính sách đại đoàn kết và xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng Đảng và các mặt công tác khác, cũng phải tiến hành việc kiểm thảo tương tự như thế.

4. Cần chú ý.

- Trong việc nghiên cứu, học tập, giải thích phải nắm vững lấy những điểm chính của Nghị quyết phát triển rộng ra và tìm hiểu sâu vào, nhưng cần chú ý điều gì hiểu chưa rõ ràng đích xác không nên võ đoán và giải thích ẩu, phải viết thơ hỏi cấp trên và đòi trả lời.

- Sau khi tổ chức kiểm thảo xong một vấn đề cần đề ra kế hoạch bổ cứu trong phạm vi công tác của cấp bộ, của ngành đúng theo tinh thần Nghị quyết của Trung ương. Gặp trường hợp thấy những sai lầm cần sửa chữa có dính líu đến chủ trương của toàn bộ và cấp trên, thì phải báo cáo đề nghị, xin chỉ thị của cấp uỷ hoặc cấp trên tránh tự động vô nguyên tắc.

III- TỔ CHỨC VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG Ở CÁC CẤP, CÁC NGÀNH

1. Trước hết nắm vững trọng tâm công tác của Liên khu uỷ ngày 21-1-1951 và trong Chỉ thị “Đẩy mạnh phong trào Thi đua ái quốc sản xuất, lập công, đề cao chiến sĩ” với một

tinh thần tích cực phấn khởi thi đua trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân.

2. Chuẩn bị và tiến hành đại biểu đại hội đảng bộ các cấp theo Chỉ thị về việc “Mở đại biểu đại hội ở các cấp” của Liên khu uỷ để thi hành Nghị quyết Đảng đại hội và Nghị quyết trên đây của Trung ương. Đồng thời chuẩn bị và tiến hành đại hội Liên Việt các cấp lần lượt từ trên xuống để thi hành Nghị quyết Đại hội thống nhất Liên Việt - Việt Minh toàn quốc.

3. Tích cực tham gia phong trào bảo vệ hoà bình thế giới bằng cách:

- Tiếp tục xúc tiến việc học tập tài liệu..... của học kỳ phối hợp với các Nghị quyết của Hội nghị hoà bình thế giới, và lời tuyên bố của đồng chí Xtalin, để nâng cao tinh thần quốc tế và giáo dục chính trị cho toàn thể đảng viên và quần chúng nhân dân.

- Tổ chức việc lấy chữ ký hưởng ứng Nghị quyết đòi cường quốc ký Công ước hoà bình do Liên Việt các cấp chủ động. Chú trọng giải thích sâu rộng trong quần chúng nhân dân gây thành một phong trào tự giác của đông đảo quần chúng, tránh làm theo kiểu hình thức. Việc lấy chữ ký có thể lần lượt tiến hành trong các cuộc hội nghị, các buổi sinh hoạt chung của nhân dân, trên đồng ruộng, trong công xưởng, cơ quan, bộ đội, v.v..

- Đề cao tinh thần quốc tế, tinh thần đấu tranh cho hoà bình trong khi tiến hành các công tác kháng chiến, cụ thể các công tác trọng tâm đã đề ra trên (đẩy mạnh thi đua sản xuất, lập công, đề cao chiến sĩ), lấy các cuộc vận động nhân dân hưởng ứng phong trào hoà bình để đẩy mạnh việc thực hiện các trọng tâm trên.

4. Riêng vấn đề Đảng Lao động Việt Nam ở Lào và việc thành lập Đảng Cách mạng nhân dân Lào, sẽ có chỉ thị riêng cho Cán sự Trung Lào.

Các đồng chí !

Để tiện việc thi hành Nghị quyết Trung ương được kịp thời, nhiệm vụ chính của chúng ta là phải nắm vững và đẩy mạnh cuộc vận động Thi đua ái quốc “sản xuất, lập công, đề cao chiến sĩ” và các nhiệm vụ khác đã đề ra trong Chỉ thị về Thi đua ái quốc và Chỉ thị này của Liên khu uỷ, tránh tình trạng bị động trước công việc chuẩn bị và tiến hành đại biểu đại hội các cấp.

Liên khu uỷ tin rằng với sự tích cực nỗ lực của các cấp uỷ và toàn thể các đồng chí, chúng ta quyết thực hiện được kịp thời và đầy đủ mọi nhiệm vụ cần kíp trên đây;

(Lời dặn: các Tỉnh uỷ, Chính uỷ, Liên chi uỷ cần cho in litô ngay Nghị quyết của Trung ương và Chỉ thị cụ thể của cấp uỷ phát về tận các chi bộ, các ngành để thực hiện được kịp thời).

Chào nỗ lực và thi đua

T/L THƯỜNG VỤ LIÊN KHU ỦY
LIÊN KHU IV

VÕ THUẬN NHO

CHỈ THỊ CỦA THƯỜNG VỤ LIÊN KHU ỦY IV

Ngày 5 tháng 7 năm 1951

**Về việc tiếp tế vận tải vào miền Nam và BTT
(Trích Quyết nghị Hội nghị TVLKU¹⁾, ngày 2-7-1951)**

I- VẤN ĐỀ TIẾP TẾ VÀO MIỀN NAM

Thi hành chỉ thị của Trung ương, Khu uỷ nhận thấy vấn đề tiếp tế nguyên vật liệu và vũ khí vào miền Nam là một vấn đề quan trọng và cấp bách. Nếu không làm được kịp thời, sẽ ảnh hưởng không ít đến hoạt động quân sự ở trong đó, và lại mùa mưa gần đến nếu ta không tích cực giải quyết, sẽ gặp nhiều trở ngại.

II- VẤN ĐỀ TIẾP TẾ VÀO BÌNH-TRỊ-THIÊN

Xét nhu cầu của bộ đội ở Bình-Trị-Thiên, đầu năm nay Khu uỷ đã đề mức là: toàn năm nay phải đem vào Bình-Trị-Thiên cho được một ngàn tấn lúa gạo (1000 tấn), mà trước hết là đem vào được Quảng Bình.

1) TVLKU: Thường vụ Liên khu uỷ (B.T).

Chủ trương là vận chuyển thường xuyên; không phải làm ào ạt một lúc rồi lại tắt đi. Gần đây tình hình cấp bách hơn, Khu uỷ đã có thông tri cho các Tỉnh uỷ Nghệ, Tĩnh, Bình và Đảng đoàn chính quyền, tiếp vận khu chinh đồn gấp nề nếp tiếp vận Hà Tĩnh vào Quảng Bình, trong 2 tháng 7 và 8-1951 phải đem vào Quảng Bình được một ngàn tấn gạo (1000 tấn).

Nay dựa trên tinh thần chỉ thị Trung ương về việc tiếp tế miền Nam, xét lại nhu cầu quân sự ở Bình-Trị-Thiên, căn cứ vào tình hình lúa gạo ở Quảng Bình và khả năng tiếp vận của Hà Tĩnh, Khu uỷ quyết nghị mấy điểm dưới đây.

III- QUYẾT NGHỊ MỚI

1. Đốc thúc việc vận chuyển số vũ khí vào miền Nam, Ban Thống nhất tiếp vận Liên khu 4 sắp xếp gấp, cho lên đường ngay. Tỉnh uỷ Hà Tĩnh, trong thời kỳ này, tập trung vào giải quyết cho số vũ khí này đi được, đặc biệt là vấn đề dân công. Số dân công vận tải vũ khí này sẽ đi thẳng vào nam Thừa Thiên, không phải đổi chuyển từng chặng, vì thế việc tổ chức, chọn lựa phải thật chu đáo, kỹ lưỡng.

2. Tranh thủ mùa năm nay, xúc tiến việc tiếp tế gạo và muối vào Bình-Trị-Thiên trong đó muối cần gấp hơn gạo. Cụ thể có mấy việc:

a) Kiểm soát lại số gạo hiện trữ ở bắc Quảng Bình (370 tấn ở Minh Cầm và Gia Hưng ?) và biết rõ số đã mục nát là bao nhiêu. Vận động dân chúng đem gạo tốt đổi cho Chính phủ, còn số gạo hư ropy đem về họ sẽ trộn lẫn gạo tốt mà ăn hàng ngày. Nếu liệu không đổi được nữa thì phải có cách sử dụng (Tỉnh uỷ Quảng Bình chú ý).

b) Hoãn việc lấy 300 tấn gạo ở Nghệ An, Hà Tĩnh, xúc tiến vận chuyển vào bắc Quảng Bình khoảng trên ba trăm tấn gạo (300 tấn để cộng với số gạo hiện có ở trong đó, chúng ta có một số gạo dự trữ chừng năm, sáu trăm tấn) ở vùng Minh Cầm, Gia Hưng, chia ra vùng Troóc - Gia Hưng ba trăm tấn (300 tấn), vùng Minh Cầm trên dưới 200 tấn, nhưng kho tàng không nên làm ở vào quá sâu trong núi, dễ hư gạo, nhưng cũng không nên làm ở ngoài trang, dễ lộ, địch dễ lấy. Phải nhằm những chỗ nào địch không đến được mà lại tiện lợi cho sự vận chuyển của ta. Bỏ việc đem 100 tấn gạo Kỳ Anh vào Ròn, vì không cần thiết dự trữ ở Ròn.

c) Số gạo này là gạo quân lương, cho nên chính là để tiếp tế cho bộ đội. Chỉ trừ những trường hợp thật đặc biệt, ngặt nghèo lắm mới sát một ít bán cho các đoàn dân công đi qua chặng đường này.

d) Việc vận chuyển muối phải được tích cực chú ý. Phải đem gấp vào vùng Troóc - Gia Hưng cho được ba chục tấn (30 tấn) muối để tiếp tế cho bộ đội. Ngoài ra, đường goòng, trong điều kiện có thể, nên nói rộng cho tư nhân được chở muối ngoài này vào bán Quảng Bình.

- Muối cho vào các kho phải kiểm soát lại, trị giá tiền từng tấn (tính cả nhu phí chuyên chở) và giao cho các đơn vị nào phải có giấy má biên nhận phân minh.

3. Vấn đề đường sá: vấn đề đường sá là vấn đề rất quan trọng, vì có giải quyết được giao thông thì mới gây dựng được mậu dịch, phát triển được kinh tế, phục vụ được quân sự. Các Tỉnh uỷ phải nhận rõ sự quan trọng đó để đặt vấn đề. Đảng phải có chủ trương và trực tiếp phụ trách việc sửa chữa đường sá, cầu cống. Về đường giao thông, từ nay dưới sự chỉ đạo của các Tỉnh uỷ, các Công đoàn tỉnh phải nhận lấy việc

này là một nhiệm vụ quan hệ của Công đoàn, không nên giao hoàn toàn cho công chánh.

Đặc biệt con đường goòng Chu Lễ, Đò Vàng và con đường thủy Đò Vàng - Minh Cầm - Gia Hưng, hai Tỉnh uỷ Hà Tĩnh và Quảng Bình phải hết sức chú ý.

- Đối với con đường goòng, phải sửa chữa gấp cầu La Khê, tăng cường máy móc, than dầu, và chỉnh đốn lại chi bộ đường goòng cho đắc lực (Tỉnh uỷ Hà Tĩnh và chính quyền khu phụ trách giải quyết).

- Đối với con đường sông Minh Cầm - Gia Hưng phải đặt vấn đề bảo vệ tích cực - vì nếu dùng được con đường sông này, chúng ta lợi được mỗi tháng có đến bốn năm nghìn dân công. Bộ tư lệnh khu phải có kế hoạch, và có cán bộ vào gặp Tỉnh uỷ Quảng Bình bố trí việc bảo vệ. Các Huyện uỷ Tuyên Hoá, Quảng Trạch, Bố Trạch, phải đặt thành một nhiệm vụ hệ trọng của Đảng bộ địa phương.

Mức đặt ra là bao vây cho được các đồn ven sông như Ba Đồn, Cự Nẫm, tổ chức cảnh giới, báo động chu đáo, làm thế nào tiêu diệt hay ít ra cũng ngăn cản được mấy chiếc canô của địch hoạt động hàng ngày trên sông Gianh.

- Ngoài ra, con đường luồn Mỹ Sơn - Minh Cầm cũng phải được chú ý chấn chỉnh để tận dụng được khả năng của đường thủy.

4. Vấn đề dân công: Trong việc gây một nền nếp tiếp vận thường xuyên Hà Tĩnh và Quảng Bình, vấn đề dân công là một vấn đề lớn, trong đó Hà Tĩnh phải gánh vác nặng hơn. Lâu nay sự chú trọng của chúng ta chưa được đúng mức, sự lãnh đạo của các tỉnh chưa được thường xuyên, khi nào cần huy động mới chú ý. Từ nay, những sai lầm trước phải được kiểm điểm và sửa chữa, phải đặt thành vấn đề học tập và

phổ biến kinh nghiệm dân công (áp dụng những kinh nghiệm dân công của Thanh Hoá, của chiến dịch vừa rồi). Phải sắp xếp lại tổ chức, tỷ số đồng chí trong các đội dân công ít nhất phải được một phần tư (1/4), củng cố sự lãnh đạo của Đảng trong đó để đảm bảo thực hiện được nhiệm vụ.

Các Tỉnh uỷ phải nhận rõ sự liên hệ giữa công tác dân công với công tác tăng gia sản xuất và xây dựng cơ sở để bố trí lãnh đạo cho đúng. Phải biết lấy công tác dân công làm đối tượng mà củng cố giáo dục đảng viên, cán bộ, củng cố cơ sở nhân dân, giáo dục quần chúng.

Đặc biệt lần này, số dân công phụ trách vận chuyển vũ khí vào miền Nam, Tỉnh uỷ Hà Tĩnh phải hết sức chú ý. Con số tiếp tế vào Bình-Trị-Thiên nếu Hà Tĩnh thiếu có thể lấy thêm một vài xã ở Nghệ An, nhưng dân công Nghệ An phải để dành phục vụ những việc khác sắp tới.

IV- THI HÀNH CHỈ THỊ NÀY

Là trách nhiệm của Tỉnh uỷ Hà Tĩnh, Tỉnh uỷ Quảng Bình, Đảng đoàn Chính quyền Khu, Ban Thống nhất tiếp vận khu, các đồng chí Thanh niên, Công đoàn, Phụ nữ, Nông dân. Các cấp các ngành, các đoàn thể phải biết gắn liền công tác tiếp tế, vận tải với mọi mặt công tác khác và thực hiện được phạm vi trách nhiệm của mình (thí dụ Thanh niên tổ chức các đội xung kích, Phụ nữ xay giã lúa gạo, vận chuyển, Công đoàn phụ trách đường, cầu, thuyền bè, v.v.).

Khu uỷ cử đồng chí Minh (KUV)¹⁾ và một số cán bộ giúp

1) KUV: Khu uỷ viên (B.T).

sức, trực tiếp chỉ đạo công việc này. Trong toàn bộ cũng như trong từng bộ phận công tác, kế hoạch phải thống nhất, chỉ đạo phải thống nhất và nhắc lại kế hoạch lần này là dành ưu tiên cho việc vận chuyển vũ khí vào miền Nam.

T/L THƯỜNG VỤ LIÊN KHU ỦY LK IV
CHÁNH VĂN PHÒNG
VÕ THUẬN NHO

**CHỈ CHỊ
CỦA THƯỜNG VỤ LIÊN KHU ỦY V**

Ngày 2 tháng 10 năm 1951

**Nhận định tình hình và chủ trương đối với
Cực Nam (Ninh-Bình¹), Lâm Đồng)**

I- NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH

1. Về phía địch:

Nói chung tiếp tục thực hiện các âm mưu cũ với những thủ đoạn tinh vi hơn; một mặt thực hiện chính sách bình định vùng chúng kiểm soát bằng mọi hình thức, một mặt ra sức đánh phá hậu phương ta.

Đặc biệt đối với Bình Thuận chúng ra sức củng cố Tuy Phong, Hoà Đa, càn quét dồn dân mạnh ở Hàm Thuận đi đôi với việc phát triển lô cốt, tháp canh và cướp phá mùa màng. Đồng thời phát triển mạnh chiến tranh gián điệp, lôi kéo tôn giáo, Thượng du, lòng bỏ phá cơ sở ta ở địch hậu (một phần lớn cơ sở ở Phan Thiết bị vỡ), địch đã thu được nhiều kết quả: mở rộng phạm vi kiểm soát, đến một phần lớn nhân dân, uy hiếp vùng căn cứ và gây cho ta nhiều khó khăn.

Đối với Ninh Thuận trong chiến dịch Đông Xuân địch co

1) Ninh - Bình: Ninh Thuận, Bình Thuận (B.T).

lại rút một số đồn bót; nhưng sau chiến dịch lại phản ứng mạnh bằng cách dồn dân, tập trung gặt gao hơn, xúc tiến kiến lập các khu tự vệ, củng cố các khu sẵn có và phát triển thêm. Đáng chú ý là địch đã phá vỡ một số lớn cơ sở ta ở vùng căn cứ Bác Ái (11 thôn trong 32 thôn).

Trên hướng Lâm Đồng địch càn quét, đánh phá các khu bàn đạp, đóng thêm cứ điểm, tăng cường đồn bót ở Đà Lạt và dọc đường N'lon và đường 21 kéo dài. Chú trọng phát triển Goum và gián điệp, tề bí mật, vũ trang nhân dân đường B'Lao và hướng lên Lâm Viên (theo tài liệu địch thì Lâm Đồng là nơi địch phát triển nhiều "Goum" nhất và có nhiều kinh nghiệm).

Tóm lại địch ra sức chiêu an, dồn dân, âm mưu phá hậu phương Cục Nam. Đặc biệt chú trọng xây dựng nguy quân, nguy quyền, lợi dụng tôn giáo, Thượng du, Chàm phát triển gián điệp, một mặt ra sức tập trung lúa gạo, cướp phá mùa màng, bóc lột nhân, vật, tài, lực.

Địch đã thu nhiều kết quả trong các việc trên và gây cho ta nhiều khó khăn.

2. Về phía ta:

a) Tình hình chung có mấy điểm:

- Lâm Đồng:

Cơ sở bắt đầu phát triển và tiến bộ ở khu Chiến đấu, thị xã Đà Lạt, vùng La Bà, vùng tây bắc Đà Lạt, đông Lang Biang. Đến tháng 6-1951 tổng số cơ sở lên đến 2000.

- Về các lực lượng vũ trang đã được chỉnh đốn nhưng về tổ chức còn nặng tập trung, về phương thức hoạt động còn nặng về bề nổi, nặng tác chiến, chưa phục vụ triệt để việc gây cơ sở.

Bên kia Daklak cơ sở đã phát triển tiếp giáp Lâm Đồng.

- Ninh Thuận:

Nhờ sự chuyển hướng phương thức nên tiến bộ trong việc xây dựng cơ sở nhân dân. Sau chiến dịch Đông Xuân, phong trào có điều kiện tiến nhưng tiến chậm; cơ sở được phát triển và củng cố thêm một ít nhưng địch phản ứng mạnh, tập trung, dồn dân gặt, phá vỡ một phần cơ sở vùng căn cứ Bác Ái và hiện ta gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng cơ sở, nhất là vấn đề tiếp tế, tài chánh (nạn đói đang đe dọa).

- Bình Thuận:

Gần đây phong trào tạm ngừng sút nhờ sự chuyển hướng chỉ đạo của các cấp đi sát xã, nhờ sự hoạt động của chủ lực ta đang gặp nhiều khó khăn trong vấn đề tiếp tế, tài chánh, thị trường bị eo hẹp, bạc Việt Nam quá sút giá (1 Đông Dương ăn từ 60-80 Việt Nam), mùa vừa qua mất 70% và phần lớn lúa gạo bị dồn vào địch hậu.

Khó khăn của Bình Thuận cũng là khó khăn của Cục Nam vì Bình Thuận là hậu phương, là kho tiếp tế, là bàn đạp của Cục Nam.

b) Về tư tưởng chỉ đạo:

Ban Cán sự Cục Nam và các Tỉnh uỷ bắt đầu tiếp thu các chủ trương mới của Liên khu. Ý niệm kiên trì vận động cách mạng và nhân dân du kích chiến tranh bắt đầu chỉnh đốn phần nào.

Bình Thuận gần đây có mấy tiến bộ:

- Cán bộ bắt đầu có ý thức xuống sát xã, sát dân.

- Bắt đầu thấy thực chất của phong trào.

- Phong trào tự phê bình và phê bình bắt đầu phát triển đã có ít nhiều tác dụng.

Tuy vậy tư tưởng trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh,

kiên trì vận động C.M¹⁾ chưa được phổ biến và chưa thấm nhuần trong tư tưởng chỉ đạo của Ban Cán sự và các Tỉnh uỷ nói chung còn nặng về quân sự, nặng về hoạt động nổi, quan điểm quần chúng chưa thông suốt, quan niệm xây dựng cơ sở chưa dứt khoát, do đó còn nhiều kế hoạch có hại cho cơ sở. Các khuyết điểm trên chứng tỏ trong các việc:

- Kế hoạch hoạt động đông xuân sắp tới (xem thư TV²⁾ gửi Lâm Đồng).

- Việc chỉnh đốn lực lượng vũ trang ở Lâm Đồng (nặng tập trung, nặng hoạt động nổi).

- Phương thức hoạt động cho Phan Thiết (hoạt động phiêu lưu, bề nổi không, có hại cho việc gây cơ sở).

- Việc tranh thủ mùa màng ở Ninh Thuận rất thiếu quan điểm quần chúng.

- Vấn đề thượng du Bác Ái (cần xét lại phương thức vận động thượng du trước nay và việc bắt bớ một số lãnh tụ và một số người cho là phản động. Học tập kinh nghiệm Sơn Hà).

Ngoài ra TVLKU nhận thấy Ban Cán sự cũng như các Tỉnh uỷ báo cáo thường chậm chạp, rời rạc, không rõ ràng, không nêu nơi và cụ thể các vấn đề lớn của tình hình và thực chất phong trào để LKU nhận rõ tình hình mà chỉ đạo.

c) Khó khăn và thuận lợi hiện nay của Cực Nam.

Ba khó khăn lớn:

- Hậu phương hẹp, ít người, nghèo nàn, căn cứ địa của Ninh - Bình chưa xây dựng được. Địch hậu rộng, ở đó phần lớn chính quyền địch tương đối ổn định (Ninh Thuận, bắc Bình Thuận, Lâm Đồng).

1) CM: Cách mạng (B.T).

2) TV: Thường vụ (B.T).

- Cơ sở rất hẹp, cán bộ cơ sở quá ít. Cán bộ và nhân dân cách biệt, việc nhân dân hoá một số cán bộ thoát ly khó thực hiện, việc đào tạo cán bộ cơ sở trong dân chúng khó khăn.

- Vấn đề kinh tế, tài chính gặp nhiều khó khăn lớn, việc biên chế tổ chức cũng sẽ trở ngại nhiều.

Ninh Thuận:

Không nhờ Bình Thuận và Nam Bộ được nữa, 2 tháng nay tiếp tế rất khó khăn. Cơ sở còn non, đóng góp đã nhiều lại nghèo nàn.

Bình Thuận:

Phải đòi hỏi hàng chục ngàn người mà cơ sở thì ít lại mùa mất 70%, phần lớn lúa bị địch dồn về địch hậu, tiền tệ mất giá.

Lâm Đồng:

Việc tiếp tế gặp trở ngại lớn như Ninh Thuận.

Hai thuận lợi:

- Tư tưởng chỉ đạo bắt đầu cải tiến và có đà tiến hơn nữa.

- Nhân dân tuy có nhiều thắc mắc nhưng căn bản tốt.

d) Một điều đáng chú ý nữa vì tác động của nó không phải là ít là: vấn đề lung củng nội bộ. Nội bộ vài địa phương chưa thật đoàn kết, việc đấu tranh tư tưởng mới bắt đầu và chưa thật mạnh mẽ.

II- CHỦ TRƯỞNG VỀ PHƯƠNG CHÂM VÀ PHƯƠNG THỨC

1. *Chỉnh đốn tư tưởng, nghiên cứu phương châm kiên trì vận động cách mạng áp, dụng phương châm ấy vào Cực Nam và riêng các tỉnh.*

a) Tiến hành một cuộc tổng kiểm thảo ở các đơn vị, soát

lại các chủ trương cũ và nghiên cứu thực tế của mỗi chiến trường mà định nhiệm vụ, phương châm, kế hoạch cụ thể cho từng nơi.

b) *Nhiệm vụ chung:*

- Kiên trì và tích cực phát triển, củng cố cơ sở các mặt, xây dựng phong trào nhân dân du kích chiến tranh (nội dung và trình độ theo thực tế của mỗi chiến trường) chống chính sách nắm dân, lợi dụng nhân dân của địch.

Về mặt quân sự, phương châm tác chiến là: “*du kích chiến*”.

c) *Riêng cho các hướng:*

- *Lâm Đồng:*

Lâm Đồng là chiến trường chính của Cực Nam, vừa là chiến trường phối hợp kiềm chế địch (đối với chiến trường LK nhưng trong điều kiện cụ thể hiện nay nhiệm vụ chính của nó chỉ là chiến trường gây cơ sở). Toàn bộ công tác nhằm vào việc xây dựng cơ sở mọi mặt chính trị, kinh tế, lực lượng vũ trang và bán vũ trang.

- Trọng tâm chiến trường là Trung-Bắc bao gồm Đà Lạt, M'lon, Fyan, Liên Khang và các đường quốc lộ, thiết lộ.

- *Ninh Thuận:*

Là chiến trường phải kiên trì xây dựng cơ sở, xây dựng lực lượng ngấm trong lòng địch để sức tích lực lượng tiến đến chỗ vùng dậy phá các khu tập trung. Sự tiến triển của phong trào DKCT¹⁾ do mấy yếu tố này quyết định:

- Sự trưởng thành của phong trào nhân dân và thành công của địch nguy vận trên các vùng địch hậu.

- Sự xây dựng các khu căn cứ du kích về kinh tế, chính trị, quân sự trong tỉnh, đặc biệt là vùng Bắc Ái

1) DKCT: Du kích chiến tranh (B.T).

- Sự tiến triển của phong trào Bình Thuận và Lâm Đồng.

Bình Thuận:

Xây dựng cơ sở các mặt, phát triển DKCT, áp dụng cụ thể ở:

- Hòa Đa, Tuy Phong và các vùng đồn dân khác: kiên trì gây cơ sở.

- Hàm Thuận: chính cũng là kiên trì gây cơ sở nhưng có khả năng phát triển du kích chiến tranh.

2. *Một vài hướng và phương thức áp dụng.*

Lâm Đồng: chia 2 hướng:

a) Hướng chính phía bắc: Từ đường 21 kéo dài (giáp Daklak) xuống đến tận Talip đến biên giới Bình Đông trở ra phía bắc.

- *Hướng phụ phía nam:* từ giáp hướng chính trở vào nam.

Trọng tâm hoạt động của hướng chính là hình thang: Ca Lat, M'lon - Liên Khang-Pyan (Labà). Đặc biệt chú ý Đà Lạt, vùng giáp mỗi hai đường 20 và 21.

Trọng tâm hoạt động của hướng phụ là dọc hai bên đường 20, 8 và các đồn điền.

- *Hai trục chính tiến lên:*

- Từ Daklak theo đường 21 xuống Talip-Temlan.

- Từ Tuy Phong, Hoà Đa, Ninh Thuận tiến lên, xem lại trục từ Hàm Thuận tiến lên Blac – Djiring.

b) *Phương thức chính là vũ trang xây dựng:*

- *Ninh Thuận:*

Phương thức vũ trang xây dựng kết hợp với bộ đội địa phương.

- *Bình Thuận:*

Tiểu đoàn tập trung lúc cần biệt phái thành đại đội độc

lập nhưng phương thức chính là VTXD¹⁾ kết hợp với BDDP²⁾

3. Các khâu công tác quan trọng.

- a) Chinh đồn tư tưởng, chinh đồn nội bộ.
- b) Nghiên cứu phương thức cụ thể cho từng chiến trường nhằm vào hai mục đích chính:
 - Xây dựng cơ sở địch hậu.
 - Xây dựng căn cứ địa và phong trào du kích nhân dân chiến tranh.
- c) Giải quyết vấn đề cán bộ cơ sở: làm cho cán bộ trở lại trong nhân dân và đào tạo lớp cán bộ mới tuyển trong quần chúng tích cực.

III- VẤN ĐỀ TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

a) Trước kia bộ máy rất nặng nay đã giản chính một phần nhưng hiện vẫn còn nặng do hai nguyên nhân:

- Quan niệm về tổ chức và lề lối làm việc nặng về hình thức, chính quy.
- Do tình hình ở căn cứ địa và CK³⁾.
- b) Về phân tổ chức và kế hoạch biên chế, xem Thông tri số 375 ngày..... của UBKCHCLKV⁴⁾.

IV- VẤN ĐỀ TÀI CHÁNH VÀ TIỀN TỆ

a) Khuynh hướng mạnh về mất giá của đồng bạc Việt

1) VTXD: vũ trang xây dựng (B.T).
 2) BDDP: bộ đội địa phương (B.T).
 3) CK: chiến khu (B.T).
 4) UBKCHCLKV: Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu V (B.T).

Nam và tín phiếu, có nơi 1 Đông Dương đổi từ 50-70 Việt Nam và 1 Việt Nam = 5 tín phiếu, tổng số bạc VN và tín phiếu đến 200 triệu.

Do các nguyên nhân:

- Cơ sở mất, địch dồn dân vào địch hậu, thị trường tiêu thụ eo hẹp và nghèo nàn (trên dưới 20.000 dân).
- Do chủ trương sai về hạ tín phiếu.
- Bạc Việt Nam ở Nam Bộ tung ra nhiều (vừa bạc thiệt vừa bạc giả).
- Địch tung bạc giả và một số con buôn lợi dụng đổi chác.

b) Phán đoán về triển vọng và âm mưu địch:

- Bạc Việt Nam và tín phiếu có thể bị sút thêm và đi đến chỗ mất giá hẳn (hiện nay bắc Bình Thuận bạc Việt Nam và tín phiếu không tiêu thụ được nữa). Lượng mậu dịch để thực hiện tự cấp, tự túc và hậu phương ta sẽ mất hẳn thăng bằng.
- Địch lợi dụng chỗ hở ấy có thể có các âm mưu:
 - + Phong toả thị trường địch hậu, cấm đồng bào các vùng ta đổi chác (Hàm Tân, Nam Dân Thanh, Ô rô).
 - + Vừa lợi dụng mua chuộc, phỉnh phờ, vừa dùng áp lực quân sự dồn đồng bào vào địch hậu.

c) Chủ trương:

- a- Biên chế tiết kiệm.
- b- Tăng gia sản xuất, tự cấp tự túc.
- c- Gây cơ sở phát triển phong trào đồn dân tạo một lượng mậu dịch bị mất hoặc hợp pháp giữa hậu phương ta và địch hậu.
- d- Nghiên cứu một chính sách mậu dịch và đấu tranh kinh tế địch một cách hợp lý.

e- Hoạch định khu vực tiếp tế riêng cho Cục Nam độc lập với vùng tự do, định thể lệ mậu dịch và hối đoái giữa vùng tự do và Cục Nam.

V- LIÊN KHU ỦY CHỈ ĐẠO CỤC NAM

Định lại thành phần và quyền hạn nhiệm vụ Ban Cán sự Cục Nam và chỉnh đốn sự liên hệ giữa LKU và Ban Cán sự (xem Quyết nghị số.....TV/LKU ngày 30-9-1951).

T/M THƯỜNG VỤ LIÊN KHU ỦY V
PHÓ BÍ THƯ
ĐẶNG TRÂN¹⁾

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

1) Đặng Trân: Bí danh của đồng chí Bùi San (B.T).

CHỈ THỊ CỦA THƯỜNG VỤ LIÊN KHU ỦY V Ngày 27 tháng 10 năm 1951 Về hoạt động đông - xuân

I- TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ CỦA LIÊN KHU TRONG ĐÔNG - XUÂN

Tình hình Liên khu sau hoạt động hè có mấy nét đáng chú ý:

1. Vùng tự do đang bị uy hiếp nặng, nhất là miền Tây Quảng Ngãi, trọng tâm căn cứ địa chính của Liên khu, do địch phản ứng kịp thời sau chiến thắng hè của ta.

Mùa màng lại mất, vì nắng hạn làm cho nhân dân xao xuyến, lo đói, có ảnh hưởng đến việc thực hiện ba trọng tâm công tác cuối năm, làm môi cho hoạt động gián điệp, chia rẽ của giặc.

2. Vùng bị chiếm đang đối phó rất chặt vật với âm mưu củng cố của giặc, đặc biệt là việc phát triển nguy quân, vơ vét tài lực bằng chính sách tổng động viên và chiêu an đồn dân ngày càng quở quyết, cần quét ngày càng tàn ác. Cơ sở ta nhiều nơi bị thu hẹp, hoặc không phát triển được.

Do đó nhiệm vụ chung đề ra cho đông - xuân là:

Phá âm mưu của giặc củng cố vùng bị chiếm và uy hiếp vùng tự do, củng cố căn cứ địa. Cụ thể là chống chính sách phát triển Goum ở thượng du Tây Nguyên, chống chính sách chiêu an và tổng động viên ở các vùng bị chiếm, đồng thời ở vùng tự do chú ý động viên tinh thần phục vụ tiền tuyến, ý thức bố phòng, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, đánh tan tâm lý hoảng hốt cầu an, thực hiện cho được các công tác trọng tâm.

Riêng về quân sự, phải tranh thủ thời gian, kịp thời hành động để ngăn cản sự thực hiện âm mưu của giặc, nhất là đối với miền tây Quảng Ngãi, đồng thời cũng phối hợp với chiến trường chính trong đông - xuân.

II- CHỦ TRƯỞNG VỀ QUÂN SỰ CỦA LIÊN KHU TRONG ĐÔNG - XUÂN

Căn cứ vào tình hình và nhiệm vụ trên, về quân sự, Liên khu uỷ chủ trương:

1. *Hướng dùng chủ lực.*

a) Hướng chính dùng chủ lực của Liên khu trong đông-xuân là Tây Nguyên, Quảng Nam là hướng phụ, tuy vậy phải theo dõi tình hình để khi cần có thể chuyển hướng mau chóng. Bắc Khánh cũng cần chú ý chuẩn bị chiến trường nếu đủ điều kiện sẽ có chủ lực vào hoạt động.

b) Chủ lực phải ra sức chỉ huy, và ngoài các hoạt động để trực tiếp phụng sự cho việc xây dựng, củng cố căn cứ địa Liên khu, có thể mở những chiến đấu tương đối lớn, thực hiện mục đích tiêu diệt địch, bồi dưỡng ta, nhằm hướng ở Tây Nguyên, vùng bị chiếm Quảng Nam hay Bắc Khánh, nhưng cũng cố gắng hợp với việc củng cố căn cứ địa, nếu có điều kiện. Trong lúc đóng quân ở vùng tự do kết hợp với việc bố phòng.

2. *Mở hoạt động miền tây.*

Với tình hình gay go, khẩn cấp ở Sơn Hà, Ba Tơ hiện nay, cần phải tích cực đối phó ngay, tranh thủ chủ động phá tan âm mưu giặc bao vây uy hiếp vùng tự do ta. Do đó, gấp rút mở ngay một cuộc hoạt động miền tây Quảng Ngãi.

3. *Chủ trương cụ thể đối với từng chiến trường.*

a) *Mặt trận miền tây:*

Hướng:

Phạm vi bốn huyện miền tây Quảng Ngãi, bốn huyện đông bắc Kon Tum.

Mục đích:

- Cướp thời gian, phá âm mưu địch, giành chủ động đông - xuân.

- Xây dựng căn cứ địa của Liên khu.

- Phối hợp với chiến trường chính.

Phương châm:

- Phương châm căn bản vẫn là “chính trị kết hợp với kinh tế” là chính, “quân sự dùng để thực hiện chính trị và đẩy mạnh chính trị”.

- Phương châm cụ thể là:

+ Đánh tan loạn quân, giành lại nhân dân.

+ Phát triển cơ sở chính trị, cơ sở vũ trang, cơ sở kinh tế.

+ Thiết thực củng cố căn cứ địa, tiêu diệt địch để bồi dưỡng ta nếu có điều kiện thuận lợi, nhưng cũng phải nhằm mục đích củng cố căn cứ địa.

+ Nhiệm vụ cụ thể là các nhiệm vụ đã quy định trong chỉ thị căn bản về xây dựng căn cứ địa và chỉ thị riêng cho hoạt động Sơn Hà, Ba Tơ.

+ *Sử dụng binh lực và tổ chức chỉ đạo:* Việc sử dụng binh

lực và tổ chức bộ máy chỉ huy do Đảng uỷ quân sự đề nghị, Thường vụ Khu uỷ thông qua.

b) *Gia- Kon*¹⁾

Phối hợp với hoạt động của chủ lực Liên khu đẩy mạnh xây dựng cơ sở, phát triển du kích chiến tranh, phá âm mưu củng cố Bắc Tây Nguyên, âm mưu phát triển Goum của giặc, đồng thời chuẩn bị chiến trường liên tục tạo điều kiện cho chủ lực hoạt động.

c) *Daklak*

Nhiệm vụ chung là nặng về củng cố cơ sở chuẩn bị chiến trường, nhẹ về tác chiến. Cần chỉnh đốn nhận thức trong toàn thể cán bộ và bộ đội về phương châm mới, tiếp tục chuẩn bị chiến trường để cho chủ lực có thể lên hoạt động.

d) *Quảng Nam, Đà Nẵng*

Cần sát tình hình từng vùng, vận dụng phương châm chính trị kết hợp quân sự đúng mức. Tích cực đối phó với mọi hoạt động địch trong đông - xuân, một mặt nữa, cần chú ý rằng Quảng Nam là chiến trường thứ hai sau Tây Nguyên có thể dùng chủ lực cho nên phải chuẩn bị chiến trường chu đáo. Tích cực theo sát tình hình để kịp thời có thể chuyển lực lượng ra hoạt động.

Đà Nẵng vẫn áp dụng phương châm “kiên trì vận động cách mạng”, chú trọng bám sát địch tình giúp cho Bộ tư lệnh Liên khu theo dõi.

e) *Khánh Hoà*

Điều chỉnh phương thức võ trang xây dựng, tích cực củng cố cơ sở đúng tinh thần phương châm mới, xây dựng căn cứ

1) Gia-Kon: Gia Lai, Kon Tum (B.T).

địa về mọi mặt. Riêng Bắc Khánh cần chú ý chuẩn bị chiến trường nếu đủ điều kiện có thể chủ lực vào hoạt động.

g) *Cực Nam Hạ Lào*

Chủ trương giải quyết các khó khăn của địa phương, xây dựng và củng cố cơ sở, phát triển du kích chiến tranh trong phạm vi khả năng của mình, đúng theo phương châm mới của Liên khu uỷ.

h) *Vùng tự do*

Hướng dẫn kế hoạch cụ thể, thực tế trong việc phòng không, chống càn quét, chú ý thị trấn, ven biển, miền núi, các cơ sở giao thông, kinh tế, các cơ quan.

Tăng cường công tác phòng gian, ý thức bí mật để chống gián điệp địch, áp dụng kỷ luật đi đôi với giáo dục.

4. *Nhiệm vụ công tác chính trị đối với chủ lực.*

Hoạt động hè vừa qua đã phát giác những khuyết điểm lớn về ý thức trách nhiệm và tinh thần chấp hành mệnh lệnh trong bộ đội.

Hoạt động đông - xuân sắp đến, do tính chất của nó, do chiến trường, thời tiết và do những khó khăn mới của LK vì nắng hạn, mất mùa sẽ gặp những khó khăn lớn hơn và đòi hỏi phải khắc phục triệt để những khuyết điểm cũ mới vượt qua được.

Do đó, nhiệm vụ công tác chính trị đối với bộ đội rất nặng nề.

Nói chung, nó phải làm cho bộ đội thấm nhuần tư tưởng, tác phong quân đội nhân dân, tư tưởng quân sự Mao Trạch Đông qua những bài học của ta, áp dụng linh động trong những chiến đấu mới, nhất là trong hoạt động ở Sơn Hà, Ba Tơ.

Nội dung nhằm mấy điểm lớn:

- Động viên tinh thần khắc khổ nhẫn nại để khắc phục khó khăn khách quan, nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần chấp hành mệnh lệnh trong mọi trường hợp.

Ngoài việc học tập chiến thuật và kỹ thuật để tiến hành các chiến đấu lớn, phải động viên tinh thần tỉnh táo, linh hoạt, tự động và tăng cường kế hoạch tính để có thể đánh du kích phân tán trên chiến trường rừng núi.

- Giáo dục chính sách của Đảng, những công tác trọng tâm của Liên khu, những phương thức xây dựng cơ sở, kiên trì vận động cách mạng ở địch hậu, ở miền núi, những phương thức dân vận, đào luyện quan điểm nhân dân dựa trên những hoạt động thực tế của chiến trường, nhất là chiến trường miền núi. Đặc biệt chú ý giáo dục chính sách và phương thức công tác địch vận cho toàn thể quân đội.

Để làm được các việc trên, thắt chặt đoàn kết trong bộ đội, nâng cao quan điểm đội viên của cán bộ, phát huy tinh thần dân chủ chính xác của đội viên; giúp đội viên đủ tinh thần, phương tiện để khắc phục khó khăn.

III- NHIỆM VỤ CÁC MẶT ĐỂ BẢO ĐẢM THẮNG LỢI TRONG ĐÔNG - XUÂN

1. *Động viên phục vụ tiền tuyến*

- Đề cao công tác tiếp vận, tổng kết kinh nghiệm để học tập sửa chữa khuyết điểm, khen thưởng chiến sĩ có công và giúp đỡ người đau ốm.

- Bảo đảm cung cấp dân công cho các đợt hoạt động của chủ lực

- Động viên cán bộ phục vụ tiền tuyến để làm gương mẫu

cho nhân dân (xung phong đi dân công, đi công tác trong các đợt hoạt động của quân sự).

2. *Đẩy mạnh tăng gia sản xuất và tiết kiệm phòng đói đi đôi với thu thuế nông nghiệp tiến hành biên chế.*

- Nhận thức vấn đề quan trọng để động viên cán bộ và nhân dân thực hiện.

- Về tăng gia sản xuất, chú trọng đi xuống tận cơ sở hướng dẫn nhân dân cho kịp thời và sát hoàn cảnh (thời tiết, thổ nghi, kinh nghiệm) từng nơi.

- Về tiết kiệm, thi hành những biện pháp đặc biệt, đẩy mạnh biên chế.

- Về thuế nông nghiệp, tập trung sức làm chu đáo ở những vùng có lúa để thu kịp thời, đúng mức và bảo đảm thực hiện đúng chính sách của Đảng, của Chính phủ. Học tập kinh nghiệm cải tiến quản trị để tránh hao hụt.

3. *Tuyên truyền giáo dục nhân dân.*

- Động viên nhận thức về nhiệm vụ đông - xuân để gây tinh thần phấn khởi.

- Nỗ lực giáo dục tinh thần tỉnh táo, cảnh giác, ý thức trường kỳ để tránh hoang mang trước những khó khăn, gian khổ mới.

- củng cố đoàn kết toàn dân, vạch rõ âm mưu chia rẽ của giặc, hành động bội tay sai của chúng.

- Gây căm thù đối với thực dân Pháp, đồng thời tuyên truyền chống Mỹ một cách cụ thể, gây phong trào tẩy chay tài liệu dịch, văn hoá nô dịch của chúng một cách tích cực và sâu rộng trong nhân dân; kết hợp với việc bảo vệ hoà bình thế giới.

*

* *

Các đồng chí !

Nhiệm vụ đề ra cho đông - xuân khẩn trương, khó khăn khách quan, khuyết điểm chủ quan còn nhiều. Toàn Đảng bộ phải nỗ lực vượt bậc, động viên nhân dân, bộ đội và cán bộ khắc phục trở lực, tranh thủ thời gian để có thể chặn đứng âm mưu của giặc giành thắng lợi.

T/M THƯỜNG VỤ LIÊN KHU ỦY

BÍ THƯ

CHÍ THUẦN¹⁾

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

1) Chí Thuần: bí danh của đồng chí Nguyễn Chánh (B.T).

MỤC LỤC

<i>Lời giới thiệu tập 12</i>	<i>Trang</i> V
- Thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Đại hội trừ bị	1
- Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng	3
- Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng	12
- Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội	40
- Củng cố khối đại đoàn kết để chiến thắng	176
- Mấy vấn đề cốt yếu của chính quyền dân chủ nhân dân Việt Nam	218
- Xây dựng quân đội nhân dân, hoàn thành chiến tranh giải phóng	251
- Báo cáo về kinh tế tài chính	310
- Xây dựng văn nghệ nhân dân Việt Nam	347
- Báo cáo về Thi đua ái quốc	392
- Phát biểu của đồng chí Trường Chinh sau khi kết thúc thảo luận <i>Luận cương chính trị</i>	408
- Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, tháng 2-1951 về <i>Báo cáo chính trị</i> của đồng chí Hồ Chí Minh	420

- Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, tháng 2-1951, về quân sự	422
- Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, tháng 2-1951, về công tác mặt trận và dân vận	425
- Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, tháng 2-1951, về tờ báo <i>Nhân dân</i> cơ quan Trung ương của Đảng	427
- Chính cương Đảng Lao động Việt Nam	429
- Điều lệ Đảng Lao động Việt Nam	444
- Tuyên ngôn của Đảng Lao động Việt Nam	473
- Danh sách Ban Chấp hành Trung ương khoá II (Trích Biên bản bầu cử, ngày 18-2-1951)	478
- Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II Đảng Lao động Việt Nam, ngày 19-2-1951	480
- Điện văn của Đảng Lao động Việt Nam gửi Đảng Dân chủ Việt Nam	496
- Điện văn của Đảng Lao động Việt Nam gửi Đảng Xã hội Việt Nam	497
- Thông tri của Ban thường vụ Trung ương, ngày 11 tháng 1 năm 1951, về việc thi hành Chỉ thị tạm ngừng kết nạp đảng viên mới	498
- Chỉ thị của Ban thường vụ Trung ương, ngày 10 tháng 2 năm 1951, về việc liên lạc giữa các cấp uỷ Đảng trong quân đội và các cấp uỷ Đảng địa phương	502
- Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ nhất, trung tuần tháng 3 năm 1951	505
- Thông tri của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 26 tháng 3 năm 1951, Gửi các đồng chí phụ trách thông tin tuyên truyền về những chiến thắng mới ở Bình-Trị-Thiên	523

- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 10 tháng 4 năm 1951 về, Đảng đoàn Chính quyền Trung ương	525
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 16 tháng 4 năm 1951, về việc thành lập các ban và tiểu ban giúp việc	526
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 30 tháng 4 năm 1951, về Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác Đông Dương	528
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 30 tháng 4 năm 1951, về vấn đề Đảng ra công khai	530
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 4 tháng 5 năm 1951, về việc thành lập Đảng uỷ Mặt trận Quang Trung	534
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 6 tháng 5 năm 1951, gửi Đảng uỷ Chiến dịch Quang Trung	535
- Thông tri của Ban Bí thư, ngày 12 tháng 5 năm 1951, về việc không thống nhất Hội nông dân Cứu quốc lên toàn quốc	537
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 14 tháng 5 năm 1951, về việc tổ chức Tiểu ban tài chính của Đảng	540
- Chỉ thị của Ban Bí thư, ngày 25 tháng 5 năm 1951, về việc phối hợp với chiến trường chính bảo vệ mùa màng, bảo vệ căn cứ địa	542
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 31 tháng 5 năm 1951, về việc củng cố con đường số 4 để đề phòng địch trở lại	544
- Chỉ thị của Ban Bí thư, ngày 31 tháng 5 năm 1951, Nhận định âm mưu địch ở Trung du trong mùa hè và chủ trương của ta	547

- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 1 tháng 6 năm 1951, về chế độ cấp phí	550
- Chỉ thị của Ban Bí thư, ngày 27 tháng 6 năm 1951, về việc phát hành giấy bạc Ngân hàng	557
- Chỉ thị của Tổng Bí thư, ngày 4 tháng 9 năm 1951, về việc mở chiến dịch Tây Bắc	562
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 10 tháng 9 năm 1951, về vấn đề đảng phí	565
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 20 tháng 9 năm 1951, về việc sáp nhập các chi bộ xí nghiệp vào các Đảng bộ địa phương	568
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, họp từ 27-9 đến 5-10-1951, về tình hình và nhiệm vụ chung	570
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, họp từ ngày 27-9 đến 5-10-1951, về nhiệm vụ quân sự trước mắt	585
- Chỉ thị của Ban Bí thư, ngày 7 tháng 11 năm 1951, về việc phổ biến Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ hai	591
- Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 24 tháng 11 năm 1951, về nhiệm vụ phá cuộc tấn công Hoà Bình của địch	594
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 7 tháng 12 năm 1951, về vấn đề tiếp tế cho miền Nam	600
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 8 tháng 12 năm 1951, về công tác củng cố nội bộ	602
- Lời kêu gọi nhân dịp kỷ niệm lần thứ năm ngày toàn quốc kháng chiến	605

- Chỉ thị của Ban Bí thư, ngày 8 tháng 12 năm 1951, về việc học tập và phổ biến sâu rộng Lời kêu gọi nhân dân của Hồ Chủ tịch về ngày kỷ niệm 5 năm toàn quốc kháng chiến	611
- Các khẩu hiệu kỷ niệm ngày 19-12	615
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, ngày 10 tháng 12 năm 1951, về việc sáp nhập các chi bộ xí nghiệp thuộc Liên chi Tài chính với các Đảng bộ địa phương	616
- Chỉ thị đặc biệt của Ban Bí thư, ngày 11 tháng 12 năm 1951, về việc phối hợp chặt chẽ với chủ lực ở mặt trận Hoà Bình - chợ Bến	617
- Thông tri của Ban Bí thư, ngày 24 tháng 12 năm 1951, về thái độ của ta đối với Nghị quyết của Hội đồng hoà bình thế giới, về cuộc chiến tranh ở Việt Nam	619
- Chỉ thị của Ban Bí thư, ngày 29 tháng 12 năm 1951, về việc đẩy mạnh công tác chống giặc bắt lính ở trong vùng tạm bị chiếm và vùng du kích	622
- Chỉ thị của Ban Bí thư, ngày 29 tháng 12 năm 1951, về cuộc vận động chấn chỉnh Đảng	627
PHỤ LỤC	
- Điện văn của Đảng Cộng sản Trung Quốc gửi Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng ta	633
- Diễn văn của đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc	634
- Diễn văn của đại biểu Đảng Cộng sản Xiêm	637
- Chỉ thị của Thường vụ Xứ uỷ Nam Bộ, ngày 21 tháng 1 năm 1951 (Lưu hành tận chi bộ), về việc tổ chức và hoạt động của thanh niên (Trích yếu)	640
- Nghị quyết Hội nghị thường vụ Xứ uỷ mở rộng, từ ngày 16 đến 20-2-1951, về nhiệm vụ của Đảng bộ Nam Bộ năm 1951	649

- Chỉ thị của Trung ương Cục miền Nam (Lưu hành tận xã), ngày 31 tháng 7 năm 1951, Chống chủ trương “tổng động viên” của giặc (Trích yếu)	672
- Chỉ thị của Liên khu uỷ Việt Bắc, ngày 16 tháng 9 năm 1951, về việc sửa chữa những khuyết điểm trong việc thi hành chính sách đại đoàn kết của Đảng trong những vùng mới giải phóng	676
- Chỉ thị của Liên khu uỷ Việt Bắc, ngày 21 tháng 9 năm 1951, về việc phá âm mưu lập khu không người của địch	683
- Chỉ thị của Liên khu uỷ III, ngày 7 tháng 6 năm 1951, về việc tổ chức một cuộc thi đua phát triển du kích chiến tranh bảo vệ mùa màng	690
- Nghị quyết của Liên khu uỷ III về xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang trong Liên khu	693
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Liên khu uỷ III, tháng 10 năm 1951, về việc tranh thủ nhân dân, củng cố phát triển cơ sở	699
- Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Liên khu uỷ IV, họp ngày 1, 2, 3 tháng 1 năm 1951 - Một vài đặc điểm về tình hình quân sự và công tác cụ thể xây dựng lực lượng của Liên khu IV	725
- Chỉ thị của Liên khu uỷ IV, ngày 2 tháng 5 năm 1951, về việc thi hành Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ nhất	749
- Chỉ thị của Thường vụ Liên khu uỷ IV, ngày 5 tháng 7 năm 1951, về việc tiếp tế vận tải vào miền Nam và BTT (Trích Quyết nghị của Hội nghị TV LKU, ngày 2-7-1951)	758
- Chỉ thị của Thường vụ Liên khu uỷ V, ngày 2 tháng 10 năm 1951, Nhận định tình hình và chủ trương đối với Cục Nam (Ninh-Bình, Lâm Đồng)	764
- Chỉ thị của Thường vụ Liên khu uỷ V, ngày 27 tháng 10 năm 1951, về hoạt động đông - xuân	774

Chịu trách nhiệm xuất bản
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM
Biên tập: ĐINH LỤC
TRẦN THỊ LỢI
ĐÀO NGÀ MY
Trình bày, vẽ bìa: NGUYỄN THỊ HOÀ
Sửa bài: BAN SÁCH
NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ ĐẢNG

Mã số: $\frac{3k(060) "1951"}{CTQG-2001}$

In 8.000 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại Công ty in Tiến bộ.
Giấy phép số 26-188/CXB-QLXB cấp ngày 13-2-2001.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2001.

Chủ tịch HỒ CHÍ MINH (1951)

Chủ tịch HỒ CHÍ MINH (1951)

Chủ tịch HỒ CHÍ MINH đọc Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu
toàn quốc lần thứ II của Đảng, tháng 2-1951

Chủ tịch HỒ CHÍ MINH đọc Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu
toàn quốc lần thứ II của Đảng, tháng 2-1951